

Lục Tổ Đản Kinh

Hòa Thượng
Tuyên Hóa

học giảng

六祖法寶壇經淺釋



TG

Nhà Xuất Bản Tôn Giáo



KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Lời Dịch Giả

Pháp Bảo Đàn Kinh là một quyển Kinh chuyên hoằng Pháp Đốn Giáo của Thiền Tông, do Lục Tổ Huệ Năng giảng và Ngài Pháp Hải ghi lại, nay đã dịch sang nhiều thứ tiếng và đã phổ biến trên thế giới.

Lục Tổ là người không biết chữ nhưng nói ra lời nào cũng đúng ý Phật. Tổ nói: Diệu lý của chư Phật chẳng dính dáng với văn tự. Như vậy người đọc nên được ý quên lời, chớ nên chấp lời nghịch ý. Như Lục Tổ nói: Nay ta gượng nói ra, khiến ông bỏ tà kiến, chớ hiểu theo lời nói, mới cho biết ít phần.

Chớ hiểu theo lời nói là chớ chấp lời mà nghịch ý; mới cho biết ít phần là được ý mà quên lời, nói được ý là phải đốn ngộ ý của Tổ, cũng là ý của Phật vậy. Phật nói: Sự suy lường phân biệt chẳng thể hiểu được pháp này. Hễ nói đã chứng thì chẳng thể tỏ rõ cho người biết, nếu nói chẳng chứng thì thuyết lý chẳng thể liễu triệt, nên pháp đốn giáo này chẳng phải muốn người hiểu theo lời, cần phải tự tin, tự tu, tự chứng, tự ngộ mới được. Nếu chỉ dùng miệng luận bàn, dùng tâm suy lường là trái với ý Tổ. Phật có nói: Như Lai dùng tất cả thí dụ để diễn đạt mọi việc thì được; nhưng chẳng thí dụ nào có thể diễn đạt pháp này. Tại sao vậy? Vì tự tánh bất khả tư nghì, tâm trí chẳng đến được. Vậy phải tin rằng: miệng luận bàn, tâm suy lường là việc chướng đạo vậy.

Đối với pháp thế gian thì dùng miệng luận bàn, dùng tâm suy lường có thể thấu hiểu được; với pháp xuất thế gian dùng miệng luận bàn, dùng tâm suy lường lại càng xa với Đạo. Cổ Đức nói: Đối với việc này, có tâm chẳng thể cầu, vô tâm chẳng thể đắc, ngôn ngữ chẳng thể thông đạt, im lặng chẳng thể thấu suốt. Quyển Kinh này, mỗi phẩm đều có tỏ bày ý chỉ như thế, xin đọc

giả tự xét kỹ xem! Nói tóm lại, PHÁP ĐỐN GIÁO này là khai thị cho người học Đạo để y theo CHÁNH PHÁP tu hành cho đến đốn ngộ mà thôi.

Thích Duy Lực

Phẩm Tựa Thứ Nhất

Khi Sư đến chùa Bảo Lâm, có châu trưởng Thiều Châu tên là Vi Cứ và các quan chức vào núi thỉnh Sư ra chùa Đại Phạm ở trong thành vì tứ chúng khai duyên thuyết pháp. Sư thăng toà, Vi Thứ Sử (châu trưởng) và các quan chức hơn ba chục người, học sĩ nhà nho hơn ba mươi người, Tăng Ni cư sĩ hơn ngàn người, đồng thời đánh lễ xin nghe Pháp Yếu.

Sư nói: Thiện tri thức, tự tánh của Bồ Đề vốn thanh tịnh, chỉ dụng tâm này trực liễu thành Phật. Thiện tri thức, hãy nghe việc đắc Pháp và sự việc của Huệ Năng. Huệ Năng quê quán ở Phạm Dương, cha bị giáng chức đến Lĩnh Nam, lưu lạc làm dân Tân Châu. Thân thể chẳng may cha lại mất sớm, mẹ là goá phụ, nhà ở Nam Lộ, nghèo khổ phải đi bán củ ngoài chợ. Lúc ấy có vị khách mua củ nhờ mang đến nhà, Huệ Năng được tiền đi ra, gặp một vị khách đang tụng Kinh, Huệ Năng nghe được lời Kinh tâm liền khai ngộ, bèn hỏi khách tụng Kinh gì? Khách nói là Kinh Kim Cang.

Hỏi: Ở đâu có Kinh Điển này?

Khách nói: Tôi từ Chùa Đông Thiên, huyện Huỳnh Mai Kỳ Châu đến. Chùa ấy do Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn Đại Sư chủ hoá, môn đồ hơn ngàn người, tôi đến đó lễ bái lãnh thọ Kinh này. Ngũ Tổ thường khuyên Tăng tục trì Kinh Kim Cang thì được kiến tánh, trực liễu thành Phật.

Huệ Năng nghe nói, lại cũng vì xưa kia có duyên, nên được một người khách cho mười lượng bạc để cho mẹ già được sinh sống và bảo đi ngay đến Huỳnh Mai tham lễ Ngũ Tổ. Huệ Năng sắp xếp cho mẹ xong, liền từ già lên đường. Trải qua hơn ba mươi ngày đường, đến huyện Huỳnh Mai lễ bái Ngũ Tổ.

Tổ hỏi: Ông là người phương nào, muốn cầu việc gì? Huệ Năng nói: Đệ tử là dân Tân Châu Lĩnh Nam, từ xa đến lễ bái, chỉ cầu làm Phật, chẳng cầu

việc gì khác.

Tổ nói: Ông là người Lĩnh Nam, cũng là người kém văn hoá, làm sao có thể làm Phật được?

Huệ Năng nói: Người có Nam Bắc, Phật tánh vốn chẳng có Nam Bắc, thân hèn hạ này với thân Hoà Thượng chẳng đồng, nhưng Phật tánh đâu có sai biệt!

Ý Ngũ Tổ còn muốn nói thêm, nhưng thấy đồ chúng đứng xung quanh, nên bảo theo chúng làm việc.

Huệ Năng bạch Hoà Thượng: Tự tâm của đệ tử thường sanh trí huệ chẳng là tự tánh, tức là phước điền, chưa rõ Hoà Thượng bảo làm việc gì?

Tổ nói: Tên kém văn hoá này căn khí lạnh lợi, người đừng nói nữa, hãy ra nhà sau đi!

Huệ Năng lui đến nhà sau, có một cư sĩ sai Huệ Năng bửa củi giã gạo, trải qua hơn tám tháng. Một ngày kia Tổ thỉnh linh đến gặp Huệ Năng nói: Ta nghĩ cái thấy của người dùng được, vì sợ có kẻ ác hại người, nên chẳng nói chuyện với người, người có biết chăng?

Huệ Năng nói: Đệ tử cũng biết ý của Thầy, nên chẳng dám đi đến nhà trước.

Một ngày kia, Ngũ Tổ triệu tập môn đồ bảo rằng: Sanh tử là việc lớn, các người suốt ngày chỉ cầu phước điền, chẳng cầu lià khỏi biển khổ sanh tử, tự tánh nếu mê, phước làm sao có thể cứu được? Các người mỗi người hãy tự xem trí huệ, dùng bốn tâm Bát Nhã của tự tánh, mỗi người làm một bài kệ trình cho ta xem, nếu ngộ được đại ý, thì ta sẽ trao truyền y bát cho làm Tổ thứ sáu; hãy mau lên chẳng được chậm trễ, hễ lọt vào suy lường thì chẳng dùng được. Người kiến tánh vừa nghe phải liền thấy, nếu được như vậy thì khi ra trận giữa đao kiếm cũng phải thấy được.

Đại chúng nghe xong nói với nhau rằng: Chúng ta chẳng cần nhọc tâm mệt trí làm kệ, đâu có ích gì, vì có Thượng Tọa Thần Tú hiện làm giáo thọ sư, chắc chắn sẽ được, chúng ta làm kệ chỉ phí sức thôi, chúng ta về sau y chỉ Sư Thần Tú cũng được rồi. Ngài Thần Tú suy nghĩ: Đại chúng chẳng trình kệ, vì ta là giáo thọ sư của họ, ta phải làm kệ trình Hoà Thượng. Nếu chẳng trình kệ thì Hoà Thượng làm sao biết được kiến giải sâu cạn trong tâm ta, ý của ta trình kệ vì cầu Pháp thì tốt, vì mong làm Tổ thì không nên, chẳng khác nào dùng tâm phàm mà đoạt Thánh vị. Nếu chẳng trình kệ thì làm sao đắc Pháp được, thực khó! Thực khó!

Nơi hành lang trước Pháp đường, Ngũ Tổ định mời họa sĩ đến vẽ Biển Tướng Kinh Lăng Già và Ngũ Tổ Huyết Mạch Đồ, để cúng dường và lưu truyền đời sau. Khi Thần Tú làm kệ xong, mấy lần muốn vào trình, nhưng khi đến trước Pháp đường thì trong tâm bồn loạn, mồ hôi ướt đẫm mình. Như vậy trải qua bốn ngày, mười ba lần muốn vào trình vẫn chưa trình được, sau cùng Thần Tú suy nghĩ: Chi bằng ghi trên vách tường hành lang để Hoà Thượng thấy được; nếu Tổ nói tốt thì ta ra lễ bái nói của Thần Tú làm, nếu nói là chẳng được thì uống công ta ở núi mấy năm, lại tu Đạo gì mà được nhận lễ bái của người! Nửa đêm đó không cho ai hay, tự cầm đèn viết kệ trên vách hành lang phía Nam, trình sở thấy của tự tâm, kệ rằng:

Thân thị Bồ Đề thụ,

Tâm như minh cảnh đài,

Thời thời cần phát thức,

Vật sử nhạ trần ai.

Dịch nghĩa:

Thân là cây Bồ Đề,

Tâm như đài gương sáng,

Luôn luôn siêng lau chùi,

Chớ cho dính bụi trần.

Thần Tú viết kệ xong, liền về phòng, không ai hay. Tú lại suy nghĩ: Ngày mai, Ngũ Tổ thấy kệ hoan hỷ thì ta có duyên với Pháp, nếu nói không được thì đó là tại ta còn mê, nghiệp chướng xưa nặng nề, chẳng đặng đắc Pháp, Thánh ý thật khó lường! Tú ở trong phòng suy nghĩ, ngồi nằm chẳng yên cho đến gần sáng.

Tổ đã biết Thần Tú chưa được vào cửa, chẳng thấy tự tánh. Trời sáng, Tổ kêu họa sĩ đến hành lang để vẽ, thỉnh linh thấy kệ, bèn nói với họa sĩ: Thôi, chẳng cần vẽ nữa, làm lao nhọc cho ông từ xa đến đây.

Kinh nói: Phàm tất cả tướng đều là hư vọng. Nay chỉ cần để bài kệ này cho người trì tụng, y kệ này tu, khỏi đọa ác đạo, y kệ này tu, được ích lợi lớn. Bèn kêu môn đồ đốt nhang kính lễ, bảo cả thầy đều tụng kệ này sẽ được kiến tánh. Môn đồ tụng kệ đều khen: lành thay!

Nửa đêm Tổ kêu Thần Tú vào phòng hỏi: Kệ phải do ông làm chăng? Tú nói: Thiệt là Tú làm, chẳng ham vọng cầu Tổ vị, mong Hoà Thượng từ bi, xem đệ tử có chút ít trí huệ chăng?

Tổ nói: Ông làm kệ này chưa thấy bản tánh, chỉ đến ngoài cửa, chưa vào trong, kiến giải như thế tìm vô thượng bồ đề chẳng thể được. Vô thượng bồ đề phải khi vừa nói liền nhận tự bốn tâm, thấy tự bản tánh, chẳng sanh chẳng diệt, với bất cứ giờ nào, niệm niệm tự thấy, chẳng kẹt vào vạn pháp, nhưt chơn nhưt thiết chơn, vạn cảnh tự như như, cái tâm như như tức là chân thật. Nếu thấy như thế tức là vô thượng bồ đề của tự tánh. Ông tạm đi ra suy nghĩ một vài ngày nữa, làm bài kệ khác cho ta xem, nếu kệ ông vào được cửa, thì ta sẽ truyền trao y pháp.

Thần Tú đánh lễ lui ra, trải qua mấy ngày sau làm kệ chẳng được, trong tâm rối loạn tâm thần chẳng yên, cũng như trong mộng, đi ngồi chẳng vui.

Qua hai ngày sau, có một đồng tử đi ngang qua phòng giã gạo, xướng tụng bài kệ, Huệ Năng nghe được liền biết kệ này chưa thấy bản tánh, dù chưa được sự dạy bảo của Tổ, nhưng đã biết được đại ý, bèn hỏi đồng tử rằng: Tụng kệ gì? Đồng tử nói: Kẻ kém văn hoá này chẳng biết, Đại Sư nói: Sanh tử là việc lớn, muốn truyền trao y pháp, nên bảo môn đồ làm kệ trình xem, nếu ngộ đại ý thì sẽ được truyền trao y pháp làm Tổ thứ sáu. Thượng Tọa Thần Tú viết kệ Vô Tướng trên vách tường hành lang. Đại Sư bảo mọi người đều tụng, y kệ này tu khỏi đọa ác đạo, y kệ này tu sẽ được lợi ích lớn.

Huệ Năng nói: Thưa Thượng nhơn, tôi giã gạo ở đây hơn tám tháng, chưa từng đi đến nhà trước, mong Thượng nhơn dẫn tôi đến trước bài kệ lễ bái. Đồng tử liền dẫn đến trước bài kệ, lễ bái xong,

Huệ Năng nói: Huệ Năng chẳng biết chữ, xin Thượng nhơn đọc giùm. Lúc ấy có quan biệt giá Giang Châu là Trương Nhật Dụng, liền lớn tiếng đọc, Huệ Năng nghe xong bèn nói: Tôi cũng có một bài kệ, xin Biệt Giá viết giùm. Biệt Giá nói: Ông cũng làm kệ à, việc này hi hữu!" Huệ Năng nói với Biệt Giá rằng: Muốn học Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên khinh bỉ kẻ sơ học, hạ hạ nhơn hữu thượng thượng trí, thượng thượng nhơn hữu một (chìm mất) ý trí. Biệt Giá nói: Ông hãy tụng kệ đi, ta viết giùm cho. Ông nếu đắc pháp phải độ ta trước, về sau chớ quên lời này.

Huệ Năng kệ rằng:

Bồ đề bốn vô thụ,

Minh cảnh diệc phi đài.

Bốn lai vô nhất vật,

Hà xứ nhạ trần ai?

Dịch nghĩa:

Bồ đề vốn chẳng cây,
Gương sáng cũng chẳng đài,
Xưa nay không một vật,
Nơi nào dính bụi trần?

Kệ viết xong, đồ chúng đều ngạc nhiên tán thán với nhau: Lạ thay, chẳng nên theo tướng mạo mà đánh giá người, không ngờ nay có nhục thân Bồ Tát mà chẳng biết!

Tổ thấy đại chúng kinh quái, sợ người ám hại, nên lấy giày bôi bài kệ, nói rằng:

Cũng chưa thấy tánh. Mọi người cho là phải. Hôm sau Tổ lén đến nhà già gạo, thấy Huệ Năng lưng đeo đá giã gạo, nói rằng: Người cầu Đạo cần phải như thế. Lại hỏi: Gạo trắng chưa?

Huệ Năng đáp: Trắng đã lâu, còn thiếu giần sàng thôi. Tổ lấy gậy gõ trên cối ba cái rồi bỏ đi. Huệ Năng hiểu ý Tổ, nên canh ba vào thất. Tổ dùng Ca sa che lại không cho người thấy, rồi thuyết Kinh Kim Cang, đến câu: Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm thì Huệ Năng ngay đó đại ngộ tất cả vạn pháp chẳng là tự tánh, bèn bạch Tổ rằng:

Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh,
Đâu ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt,
Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ,
Đâu ngờ tự tánh vốn chẳng lay động,
Đâu ngờ tự tánh hay sanh vạn pháp!

Tổ biết Huệ Năng đã ngộ bản tánh, nên nói với Huệ Năng rằng: Chẳng nhận được bốn tâm, học pháp vô ích, nếu nhận được bốn tâm, thấy được bốn tánh, tức gọi là Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật. Nửa đêm thọ pháp chẳng ai biết, Tổ bèn truyền pháp đốn giáo và y bát nói rằng: Người là Tổ thứ sáu, khéo tự hộ niệm, độ khắp hữu tình, phổ biến lưu truyền cho đời sau, đừng để đoạn dứt. Nghe ta nói kệ đây:

Hữu tình lai hạ chủng,

Nhơn địa quả hườn sanh,

Vô tình diệc vô chủng,

Vô tánh diệc vô sanh.

Dịch nghĩa:

Hữu tình được gieo giống,

Nhơn gieo quả ắt sanh,

Vô tình thì vô chủng,

Vô tánh cũng vô sanh.

LƯỢC GIẢI:

Sinh vật có hai loại: hữu tình là động vật, vô tình là thực vật. Hữu tình mới được gieo giống Phật, vô tình thì không; có giống là nhơn, ắt sẽ sanh quả. Nhơn địa là hữu tình, quả địa là Phật. Vô tình chẳng phải nhơn địa của Phật nên chẳng phải là giống (vô chủng). Tất cả pháp vốn chẳng có tự tánh, nên nói vô tánh. Vậy thì hữu tình và vô tình, Phật và chúng sanh đều chẳng có tự tánh, cũng là pháp vô sanh vậy. Nên nói: Vô tánh diệc vô sanh. Vì đây là kệ truyền pháp, kệ truyền pháp chẳng được lọt vào tứ cú.

Hỏi: Đã nói không lọt vào tứ cú, tại sao nói vô tánh diệt vô sanh? Như vậy là lọt vào cú thứ nhì rồi?

Đáp: Nói tất cả pháp vốn chẳng tự tánh thì làm sao có vô tánh và vô sanh để làm tự tánh! Hành giả đọc đến chỗ này, chớ nên dùng ý thức để lãnh hội, cho là đúng hay không đúng: Đã nói pháp vô sanh thì làm sao sanh ra pháp đúng và pháp không đúng? Đây là cửa ải của Thiền môn, cần phải thấu qua (tự ngộ) mới được. Kệ này lược giải là để phá chấp, còn muốn hiểu ý Tổ, cần phải tự tham ngộ mới được.

Tổ lại nói: Khi xưa Đạt Ma Đại Sư mới tới xứ này, vì người ta chưa đủ lòng tin, nên mới truyền y bát để làm tín thể (vật làm tin) đời đời truyền nhau thành pháp tắc, lấy tâm truyền tâm đều bảo tự ngộ tự giải, từ xưa Phật Phật chỉ truyền bản thể, Tổ Tổ mật phó bản tâm. Y bát là mối tranh giành, tới đời người phải ngưng truyền. Nếu truyền y bát là việc rất nguy hiểm, người phải đi cho mau, kéo có người ám hại.

Huệ Năng bạch rằng: Đi xứ nào?

Tổ nói: Gặp Hoài thì ngừng, gặp Hội thì ăn.

Canh ba lãnh y bát xong, Huệ Năng được Ngũ Tổ đưa đến bến đò Cửu Giang. Xuống thuyền, Huệ Năng giành chèo.

Tổ nói: Đúng ra ta phải độ.

Huệ Năng nói: Khi mê thì Thầy độ, ngộ rồi tự độ." (Độ có hai nghĩa: 1-Cứu độ. 2-Đưa đò.) Nói độ là một, nhưng chỗ dùng chẳng đồng. Huệ Năng sanh nơi biên địa nên giọng nói khó nghe. Được Thầy truyền pháp, nay đã được ngộ, chỉ nên tự tánh tự độ vậy.

Tổ nói: Như thế! Như thế! Về sau Phật Pháp do người được thịnh hành, người cứ hướng về phía Nam mà đi, chẳng nên thuyết pháp sớm, vì Phật Pháp phải tùy duyên.

Huệ Năng từ biệt Tổ, hướng về Nam trải qua hai tháng tới núi Đại Du Lân. Ngũ Tổ trở về, mấy ngày chẳng thượng đường, đại chúng nghi ngờ hỏi: Hoà Thượng có bệnh gì chẳng? Tổ nói: Bệnh thì không có, nhưng y pháp đã về Nam rồi. Hỏi: Ai được truyền thụ? Đáp: Kẻ nào Năng thì được.

Khi ấy đại chúng mới biết, nên có mấy trăm người đuổi theo để đoạt y bát, trong đó có một Tăng tên tục là Trần Huệ Minh ngày trước làm Tứ Phẩm tướng quân, tánh tình thô bạo, dẫn đầu đi trước, đuổi kịp Huệ Năng. Huệ Năng bỏ y bát trên tảng đá nói rằng: Y bát là vật làm tin, há dùng sức mà đoạt được sao? Liền ẩn mình trong đám cỏ. Huệ Minh đến, muốn lấy y bát mà chẳng nhúc nhích được, liền kêu: Hành giả! Hành giả! Tôi vì Pháp đến, chẳng vì Y đến. Huệ Năng liền ra ngồi trên tảng đá, Huệ Minh đành lẽ nói rằng: Mong hành giả vì tôi thuyết Pháp. Huệ Năng nói: Ông đã vì Pháp mà đến đây, thì nên ngưng nghỉ các duyên, chớ sanh một niệm, ta sẽ vì ông mà thuyết.

Một hồi sau Huệ Năng nói: Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, đang khi ấy cái nào là bốn lai diện mục của Thượng Tọa Minh? Huệ Minh ngay đó đại ngộ, lại hỏi rằng: Ngoài lời mật ý kể trên, còn có ý nào bí mật chẳng? Huệ Năng nói: Đã nói với ông thì chẳng phải mật rồi, nếu ông phản chiếu thì mật tại bên ông. Minh nói: Huệ Minh dù ở Huỳnh Mai, thật chưa tỉnh ngộ diện mục của tự kỷ, nay được khai thị, như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Nay hành giả tức là Thầy của Huệ Minh vậy. Huệ Năng nói: Nếu ông như thế, thì ta với ông cùng thờ một Thầy Huỳnh Mai, hãy khéo tự hộ trì.

Huệ Minh lại hỏi: Huệ Minh về sau đi xứ nào?

Đáp: Gặp Viên thì ngừng, gặp Mông thì ở.

Minh đành lẽ già từ. (Minh trở xuống chân núi, nói với đại chúng rằng: Chẳng thấy dấu vết nào hết, phải đi hướng khác mà tìm. Chúng đều tin. Về sau Huệ Minh đổi tên thành Đạo Minh để tránh sự trùng tên với Thầy).

Huệ Năng đến Tào Khê, bị bọn ác tùm theo, nên phải lánh nạn trong đám thợ săn nơi Tứ Hội, trải qua mười lăm năm, thường vì thợ săn tùy nghi thuyết pháp. Bọn họ bảo giữ lưới, mỗi khi thấy cầm thú lọt vào đều thả ra hết. Tối bữa ăn, gỏi rau trong nồi thịt, có người hỏi thì trả lời: Chỉ ăn rau luộc bên cạnh thịt mà thôi.

Một ngày kia nghĩ rằng: Đã đến lúc phải hoằng Pháp, không nên ẩn hoại", liền ra chùa Pháp Tánh Quảng Châu, gặp Ấn Tông Pháp Sư giảng Kinh Niết Bàn. Có hai vị Tăng tranh luận về nghĩa gió và lá phướn; kẻ nói gió động, người nói phướn động, tranh cãi không ngừng, Huệ Năng chen vào nói: Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, mà là tâm các ông động."

Cả chúng đều ngạc nhiên. Ấn Tông mời Năng ra ngồi trên Cao Toà, hỏi những nghĩa lý thâm sâu, thấy Huệ Năng lời gọn mà đúng lý, chẳng do văn tự.

Ấn Tông nói: Hành giả ắt chẳng phải người thường, lâu nay đã nghe Y Pháp Huỳnh Mai về Nam, có phải là hành giả chẳng?

Huệ Năng nói: Không dám."

Ấn Tông liền đánh lễ, xin thỉnh Y Bát ra cho đại chúng xem.

Ấn Tông hỏi rằng: Sự phó chúc của Huỳnh Mai truyền thọ như thế nào? Huệ Năng nói: Truyền thọ thì không, chỉ cần kiến tánh, chẳng cần thiên định giải thoát.

Ấn Tông hỏi: Tại sao chẳng cần thiên định giải thoát?

Đáp: Vì đó là nhị pháp, chẳng phải Phật Pháp. Phật Pháp là pháp bất nhị.

Ấn Tông lại hỏi: Thế nào là Pháp Bất Nhị của Phật Pháp?

Đáp: Pháp Sư giảng Kinh Niết Bàn, đã rõ Phật tánh là Pháp Bất Nhị của Phật Pháp! Như trong Kinh Niết Bàn nói: Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật rằng: Phạm tứ trọng cấm (bốn giới trọng nhất trong giới Tỳ kheo, giống như người thế gian phạm tội tử hình), làm tội ngũ nghịch và nhất xiển đề, phải bị đoạn dứt thiện căn Phật tánh không? Phật nói: Thiện căn có hai, một là thường, hai là vô thường, Phật tánh phi thường phi vô thường, nên chẳng đoạn dứt, gọi là bất nhị. Một là thiện, hai là bất thiện, Phật tánh phi thiện, phi bất thiện, gọi là bất nhị. Uẩn và Giới, phàm phu thấy cho là nhị, người trí liễu đạt thì biết tánh ấy bất nhị, tánh bất nhị tức là Phật tánh vậy. Ấn Tông nghe xong hoan hỷ chấp tay rằng: Tôi giảng Kinh như gạch nát ngói bể, ông giảng nghĩa cũng như vàng ròng. Do đó, vì Huệ Năng xuống tóc, nguyện thờ làm Thầy.

Huệ Năng bèn ở nơi gốc cây Bồ Đề khai giảng Pháp môn Đông Sơn (Ngũ Tổ): Huệ Năng đắc pháp nơi Đông Sơn, chịu nhiều cay đắng, gặp nhiều nguy hiểm, tánh mạng tựa như chỉ mảnh, hôm nay được cùng các quan, các Tăng Ni đạo tục đồng tụ tại hội này, là do quá khứ nhiều kiếp cúng dường chư Phật, cùng gieo thiện căn mới được nghe cái nhưn đắc pháp và Pháp Đốn Giáo kể trên. Giáo Pháp là do bậc Thánh xưa truyền lại, chẳng phải tự trí của Huệ Năng. Người muốn nghe Giáo Pháp của bậc Thánh xưa, phải làm cho tâm thanh tịnh (trong sạch), nghe rồi phải tự đoạn trừ nguồn gốc nghi ngờ giống như các bậc Thánh xưa chẳng có khác biệt. Đại chúng nghe pháp xong hoan hỷ đánh lễ lui ra.

---o0o---

Phẩm Bát Nhã Thứ Hai

Qua ngày sau, Vi Sử Quân lại xin giảng nữa, Sư thăng toà bảo đại chúng rằng: Cần phải tinh tâm niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Lại nói: Thiện tri thức, trí bồ đề Bát Nhã của chúng sanh vốn tự có, chỉ vì tâm mê chẳng thể tự ngộ, phải nhờ đại thiện tri thức khai thị dẫn dắt để đi

đến kiến tánh. Phải biết Phật tánh của kẻ ngu người trí vốn chẳng sai biệt, chỉ vì mê ngộ chẳng đồng, nên mới có kẻ ngu người trí. Nay ta thuyết Pháp Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, khiến cho mọi người đều được trí huệ, hãy chú tâm nghe: Thiện tri thức, người đời suốt ngày miệng niệm BÁT NHÃ, chẳng nhận được TỰ TÁNH BÁT NHÃ, cũng như nói ăn mà chẳng no, miệng chỉ thuyết KHÔNG, muôn kiếp chẳng được KIẾN TÁNH, rốt cuộc vô ích.

Thiện tri thức, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật là tiếng Phạn, dịch là đại trí huệ đến bờ bên kia, đây cần phải tâm hành, chẳng ở miệng niệm, miệng niệm tâm chẳng hành thì cũng như huyễn hoá. Miệng niệm tâm hành, thì tâm và miệng tương ưng. Bản tánh là Phật, là tánh chẳng có Phật.

Sao gọi là Ma Ha? Ma Ha là đại, tâm lượng quảng đại như hư không, chẳng có biên giới, cũng chẳng vuông tròn lớn nhỏ, cũng chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, cũng chẳng trên dưới dài ngắn, cũng chẳng giận, chẳng vui, chẳng phải chẳng quấy, chẳng thiện chẳng ác, chẳng đầu chẳng đuôi. Các cõi Phật đều đồng như hư không, diệu tánh con người vốn không, chẳng có một pháp có thể đắc, tự tánh chơn không cũng như thế. Thiện tri thức, chớ nên nghe ta nói KHÔNG mà liền chấp KHÔNG. Trước nhất chớ chấp KHÔNG, nếu để tâm KHÔNG tĩnh tọa là lọt vào VÔ KÝ KHÔNG. Thiện tri thức, thế giới hư không bao hàm sắc tướng vạn vật, mặt trời mặt trăng, núi sông đất đai, cây cối, biển lớn, kẻ dữ người lành, pháp ác pháp thiện, thiên đàng địa ngục, tất cả đều ở trong hư không, TÁNH KHÔNG của con người cũng vậy. Thiện tri thức, tự tánh hay bao hàm muôn pháp là ĐẠI, muôn pháp đều ở trong tự tánh của con người. Nếu thấy điều dữ điều lành của người, tất cả đều chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng chấp chẳng nhiễm, tâm như hư không gọi là ĐẠI, nên nói là MA HA. Thiện tri thức, kẻ mê miệng nói, người trí tâm hành. Lại có kẻ mê để tâm không mà tĩnh tọa, trăm điều chẳng nghĩ, tự xưng là đại, với bọn người này không thể nói gì được, vì họ bị rơi vào tà kiến. Thiện tri thức, tâm lượng quảng đại cùng khắp pháp giới, dùng thì liễu

liều rõ ràng, ứng dụng liền biết tất cả. Tất cả tức một, một tức tất cả, tới lui tự do, tâm thể vô ngại tức là BÁT NHÃ.

Thiện tri thức, tất cả TRÍ BÁT NHÃ đều từ tự tánh mà sanh, chẳng từ bên ngoài vào, chớ lằm dùm ý thức, gọi là chơn tánh tự dụng. Nhất chơn nhất thiết chơn, tâm lượng là việc lớn, chẳng nên hành đạo nhỏ, miệng chớ trọn ngày nói không mà trong tâm chẳng tu hạnh này, giống như thường dân tự xưng là vua thì không được, hạng người này chẳng phải đệ tử của ta.

Thiện tri thức, sao gọi là BÁT NHÃ? BÁT NHÃ dịch là trí huệ. Bất cứ nơi nào lúc nào, niệm niệm chẳng ngu muội (chẳng chấp thật), thường hành đúng trí huệ, tức là hạnh BÁT NHÃ. Một niệm ngu muội (chấp thật) thì BÁT NHÃ tuyệt, một niệm trí huệ thì BÁT NHÃ sanh. Con người ngu mê chẳng thấy BÁT NHÃ, miệng nói BÁT NHÃ mà trong tâm thường ngu muội, tự nói ta tu BÁT NHÃ, niệm niệm nói KHÔNG mà chẳng biết CHƠN KHÔNG. BÁT NHÃ không hình tướng, ấy là tâm trí huệ, nếu hiểu thấu như thế gọi là TRÍ BÁT NHÃ.

Sao gọi Ba La Mật? Ba La Mật là tiếng Ấn Độ, dịch là đến bờ bên kia, nghĩa là lià sanh diệt. Chấp cảnh thì sanh diệt dấy lên như nước nổi làn sóng, tức gọi bờ bên này, lià cảnh thì chẳng sanh diệt như nước chảy im lìm, tức là bờ bên kia, nên gọi Ba La Mật. Thiện tri thức, kẻ mê miệng niệm, đang trong lúc niệm có vọng có sai, niệm niệm nếu hành, gọi là chơn tánh. Kẻ ngộ pháp này là PHÁP BÁT NHÃ, kẻ tu hạnh này là HÀNH BÁT NHÃ, chẳng tu tức là phàm phu, một niệm tu hành, tự thân bằng Phật. Thiện tri thức, phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ Đề; niệm trước mê tức phàm phu, niệm sau ngộ tức Phật. Niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau lià cảnh tức Bồ Đề.

Thiện tri thức! MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT, tối cao tối thượng tối đệ nhất, không trụ không đi cũng không đến, tam thể chư Phật từ đó ra. Cần phải dùng ĐẠI TRÍ HUỆ, phá ngũ uẩn phiền não trần lao, tu hành như thế, nhất định thành Phật, đổi TAM ĐỘC thành GIỚI, ĐỊNH, HUỆ. Thiện tri

thức, pháp môn này từ một BÁT NHÃ mà sanh ra tám mươi bốn ngàn trí huệ. Tại sao vậy? Vì con người có tám mươi bốn ngàn trần lao, nếu không có trần lao thì trí huệ luôn luôn hiển hiện, chẳng là tự tánh. Người ngộ pháp này tức là vô niệm, vô ức (không ghi nhớ), vô nhiễm trước, chẳng khởi cuồng vọng. Đối với tất cả pháp, dùng trí huệ của chơn như tự tánh chiếu soi, chẳng lấy chẳng bỏ, tức là KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT. Thiệt tri thức, muốn đi vào pháp giới thâm sâu và BÁT NHÃ TAM MUỘI, phải tu hạnh BÁT NHÃ, thực hành theo Kinh Kim Cang thì sẽ được KIẾN TÁNH. Phải biết cái công đức của Kinh này vô lượng vô biên, trong Kinh rõ ràng tán thán, chẳng thể kể xiết. Pháp môn này là TỐI THƯỢNG THỪA, vì người đại trí mà thuyết, vì người thượng căn mà thuyết, kẻ căn khí nhỏ nghe được khó tin. Tại sao vậy?

Ví như trận mưa bão lụt, thành thị nông thôn đều bị cuốn trôi như cỏ lá, nếu mưa bão trong biển lớn thì chẳng thêm chẳng bớt; như người thượng thừa, người tối thượng thừa nghe được Kinh Kim Cang, tâm liền khai ngộ. Nên biết tự tánh vốn có cái TRÍ BÁT NHÃ, trí huệ tự tánh thường chiếu soi nên chẳng nhờ văn tự, ví như nước mưa, chẳng do trời có mà do khí trời làm nên, khiến cho tất cả chúng sanh, tất cả cây cối, hữu tình vô tình, đều được thấm nhuần, tất cả sông ngòi đều chảy về biển lớn, hợp thành nhất thể. Cái TRÍ TỰ TÁNH BÁT NHÃ của chúng sanh cũng vậy. Thiệt tri thức, kẻ tiểu căn nghe được PHÁP MÔN ĐỐN GIÁO này, cũng như cây cỏ mà gặp mưa bão, đều tự gãy đổ chẳng sanh trưởng được, kẻ tiểu căn thì cũng như vậy: họ vốn có cái TRÍ BÁT NHÃ đồng với người đại trí, chẳng có khác biệt, tại sao nghe Pháp mà chẳng được tự ngộ? Đó là do tà kiến chướng nặng, phiền não căn sâu, cũng như mây lớn che khuất mặt trời, chẳng được gió thổi nên chẳng hiện ánh sáng. CÁI TRÍ của BÁT NHÃ vốn chẳng lớn nhỏ, chỉ vì tất cả chúng sanh tự tâm mê ngộ chẳng đồng, tâm mê tu hành hướng ngoại tìm Phật mà chưa ngộ tự tánh, tức là tiểu căn. Nếu khai ngộ đốn giáo, chẳng chấp lấy hình tướng bên ngoài, chỉ ở trong tự tâm thường khởi chánh kiến, phiền não trần lao thường chẳng ô nhiễm, tức là KIẾN TÁNH.

Thiện tri thức, trong ngoài chẳng trụ, đi lại tự do, nếu trừ được chấp tâm thì thông đạt vô ngại. Nếu tu được hạnh này, với Kinh BÁT NHÃ vốn chẳng sai biệt. Thiện tri thức, tất cả Kinh điển và văn tự, đại tiểu nhị thừa, mười hai bộ Kinh đều do người đặt ra, vì có tánh trí huệ mới được kiến lập; nếu chẳng có con người thì vạn pháp vốn chẳng tự có. Nên biết vạn pháp vốn do tâm người kiến tạo, tất cả Kinh sách là vì con người mà nói. Vì trong con người có kẻ ngu người trí, ngu là tiểu nhơn, trí là đại nhơn, kẻ ngu hỏi pháp với người trí, người trí thuyết pháp cho kẻ ngu, kẻ ngu đốn ngộ tự tâm thì chẳng khác với người trí vậy.

Thiện tri thức, khi chưa ngộ thì Phật tức chúng sanh, lúc một niệm khai ngộ, chúng sanh tức Phật. Nên biết vạn pháp đều ở nơi tự tâm, vậy sao chẳng ở trong tự tâm đốn thấy chơn như bản tánh? Kinh Phạm Võng nói: Tự tánh vốn thanh tịnh, nếu nhận được tự tâm, thấy được bản tánh, tức thành Phật đạo. Kinh Duy Ma Cật nói: Ngay lúc đó hoát nhiên đốn ngộ, liền được bốn tâm. Thiện tri thức, ta ở nơi Hoà Thượng Hoảng Nhẫn vừa nghe câu nói liền ngộ, đốn thấy chơn như bản tánh, cho nên hoảng dương giáo pháp này, khiến hành giả đốn ngộ Bồ Đề, mọi người tự thấy bốn tâm, tự kiến bản tánh, nếu chẳng tự ngộ, phải tìm người đã khai ngộ pháp tối thượng thừa, chỉ ngay đường lối CHÁNH PHÁP, vì thiện tri thức có nhân duyên lớn giáo hoá dẫn dắt, khiến hành giả được KIẾN TÁNH, tất cả thiện pháp đều do thiện tri thức mà được kiến lập. Tam thế chư Phật, mười hai bộ Kinh ở trong tự tánh vốn đã đầy đủ, vì tự ngộ chẳng được, nên phải nhờ thiện tri thức chỉ ra mới thấy, kẻ tự ngộ thì chẳng phải nhờ đến người khác. Nếu cố chấp rằng phải luôn luôn ý lại thiện tri thức mới mong được giải thoát thì không bao giờ được. Tại sao vậy? Vì ở trong tự tâm sẵn có tri thức tự ngộ, nếu khởi tà kiến mê chấp vọng tưởng điên đảo, dầu cho gặp thiện tri thức dạy bảo cũng chẳng cứu được. Nếu khởi chơn chánh BÁT NHÃ tham cứu, trong một sát na vọng tưởng đều tiêu, nhận được tự tánh, đốn siêu Phật địa. Thiện tri thức, dùng trí huệ chiếu soi, trong ngoài sáng tỏ rõ ràng thì nhận được bốn tâm. Nếu nhận được bốn tâm tức vốn là giải thoát, được giải

thoát tức là BÁT NHÃ TAM MUỘI, BÁT NHÃ TAM MUỘI tức là VÔ NIỆM.

Sao gọi là vô niệm? Nếu thấy tất cả pháp tâm không nhiễm trước gọi là VÔ NIỆM, dùng thì khắp nơi, cũng chẳng dính mắc ở khắp nơi, hễ sạch được bốn tâm, khiến lục thức ra cửa lục căn, đối với lục trần mà chẳng nhiễm chẳng trước, đi lại tự do, ứng dụng vô ngại tức là BÁT NHÃ TAM MUỘI, tự tại giải thoát, gọi là hạnh VÔ NIỆM. Chứ chẳng phải như người lầm tưởng cho là trăm điều chẳng nghĩ, chỉ cho niệm tuyệt, ấy là pháp trói buộc, tức là biên kiến. Thiện tri thức, kẻ ngộ pháp VÔ NIỆM thông đạt vạn pháp, ngộ pháp VÔ NIỆM thấy được cảnh giới chư Phật, ngộ pháp VÔ NIỆM được đến địa vị Phật. Thiện tri thức, nếu người đời sau ngộ được pháp này, đem pháp môn đốn giáo này với những người đồng một chánh kiến chánh hạnh phát nguyện cùng tu, như cúng dường Phật mà suốt đời chẳng thối lui, người ấy nhất định được vào Thánh vị.

Nhưng phải truyền thọ, từ trước đến nay các Tổ đều mặc truyền tâm ấn, chẳng được ấn giấu Chánh Pháp. Nếu chẳng phải đồng một chánh kiến, chánh hạnh, là người đã ở trong pháp khác thì chẳng được truyền thọ, vì sợ kẻ ngu chẳng hiểu, lại sanh phỉ báng pháp môn này, phá hoại truyền thống CHÁNH PHÁP của Cổ Đức, làm cho muôn ngàn kiếp sau đoạn dứt Phật chủng, cuối cùng vô ích.

Thiện tri thức, nay ta có một bài VÔ TƯỚNG TỤNG, mọi người hãy tự giữ lấy, không kể xuất gia, tại gia, nên y theo bài tụng mà tu hành, nếu chẳng tự tu mà chỉ ghi nhớ lời ta cũng chẳng ích lợi gì. Bài tụng rằng:

Dịch nghĩa:

Thuyết thông lại tâm thông (1),

Như mặt trời giữa không,

Chỉ truyền pháp kiến tánh,

Hoảng pháp phá tà tông.

Pháp vốn chẳng đốn tiệm,

Mê ngộ có nhanh chậm,

Pháp môn kiến tánh này,

Kẻ ngu chẳng thể tri.

Thuyết tuy muôn ngàn lối,

Đúng lý chỉ là một,

Nhà phiền não đen tối,

Thường nên sanh huệ nhật,

Tà khởi phiền não tới,

Chánh đến phiền não trừ,

Tà chánh đều chẳng chấp,

Thanh tịnh đến cùng tột.

Tự tánh vốn bồ đề,

Khởi tâm tức là vọng,

Tịnh tâm ở trong vọng,

Niệm chánh chẳng tam chương,

Người đời muốn tu đạo,
Tất cả đều chẳng ngại,
Thường tự thấy lỗi mình,
Với đạo tức tương ưng.

Muôn loài tự có đạo,
Mỗi mỗi chẳng ngại nhau,
Ngoài tâm đi tìm đạo,
Suốt đời chẳng thấy đạo.
Bôn ba qua một đời,
Sau cùng tự áo não.

Muốn được thấy chơn đạo,
Hạnh chánh tức là đạo,
Nếu tự chẳng đạo tâm,
Đen tối chẳng thấy đạo.

Nếu là người chơn tu,
Chẳng thấy lỗi thế gian,
Nếu thấy lỗi của người,

Trái lại thành tự quấy.

Người quấy ta chẳng quấy,

Thấy quấy thành tự lỗi.

Hễ bỏ tâm chấp quấy,

Phiền não tự tan rã.

Thương ghét chẳng quan tâm,

Duỗi thẳng hai chân năm.

Muốn hoá độ chúng sanh, (2)

Tự phải có phương tiện,

Khiến họ hết nghi ngờ,

Tức là tự tánh hiện.

Phật pháp tại thế gian,

Chẳng rời thế gian giác,

Lià thế tìm bồ đề,

Cũng như tìm sừng thỏ.

Chánh kiến gọi xuất thế,

Tà kiến gọi thế gian,

Tà chánh đều quét sạch,

Tánh bồ đề rõ ràng.

Tụng này là đốn giáo,

Cũng gọi đại pháp thuyền.

Lúc mê tu nhiều kiếp,

Ngộ chỉ một sát na.

GHI CHÚ:

(1) Thuyết thông lại tâm thông, Như mặt trời giữa không. Thuyết thông chưa chắc là tâm thông, tâm thông tự nhiên thuyết cũng thông. Vậy thế nào là tâm thông? Trên phù hợp ý Phật, dưới khế hợp đương cơ mới được gọi là tâm thông, khi tâm đã thông rồi mới có thể giống như mặt trời giữa hư không. Mặt trời giữa không chẳng có nhờ cây dính mắc gì cả, nên chiếu soi khắp nơi chẳng thiếu sót. Nếu mặt trời có nhờ cây bằng một sợi chỉ buộc treo lên, thì sợi chỉ ấy sẽ che khuất mặt trời, làm cho sự chiếu soi của mặt trời có chỗ thiếu sót vậy. Như Giáp Sơn Hoà Thượng ra hoằng pháp, Tăng hỏi: Thế nào là Pháp thân? Giáp Sơn đáp: Pháp thân chẳng tướng. Hỏi: Thế nào là Pháp Nhãn? Đáp: Pháp Nhãn chẳng bệnh. Khi đó có Đạo Ngô Thiên Sư nghe xong liền cười, Giáp Sơn xuống toà hỏi Đạo Ngô rằng: Giáp Sơn vừa trả lời Tăng này, chắc có chỗ không đúng khiến Thượng Tọa bật cười, xin Thượng Tọa từ bi chỉ dạy cho. Đạo Ngô nói: Hoà Thượng ra hoằng pháp chưa có Thầy. Giáp Sơn nói: Nay xin lễ Thượng Tọa làm Thầy. Đạo Ngô nói: Thầy của Hoà Thượng là Huệ Đình Thuyền Tử. Giáp Sơn đến Huệ Đình gặp Thuyền Tử được khai ngộ, trở về nơi cũ hoằng pháp. Đạo Ngô lại sai một vị Tăng đến hỏi: Thế nào là Pháp Thân? Giáp Sơn vẫn đáp rằng: Pháp Thân chẳng tướng. Hỏi: Thế nào là Pháp Nhãn? Đáp: Pháp Nhãn chẳng bệnh. Tăng lập lại với Đạo Ngô. Đạo Ngô nói: Ông ấy nay đã

triệt ngộ. Lời Giáp Sơn đáp Tăng trước, Đạo Ngộ chê cười cho là thuyết thông tâm chẳng thông; lời đáp Tăng sau cũng giống như lời đáp trước mà Đạo Ngộ lại tán thán, cho là tâm thông thuyết thông. Chỗ này chớ nên dùng ý thức để phân biệt; nếu dùng ý thức tìm hiểu thì chỉ có thể thuyết thông, chẳng thể tâm thông. Muốn tâm thông cần phải tham ngộ mới được.

(2) Muốn hoá độ chúng sanh, Tự phải có phương tiện, Khiến họ hết nghi ngờ, Tức là tự tánh hiện. Hai chữ phương tiện này chẳng phải giống như những người lạm dụng để cầu thêm danh lợi, hoặc che giấu tội lỗi; cũng chẳng phải dùng để độ người sơ cơ. Phương tiện ở đây là xuất phát từ Bát Nhã, phải người kiến tánh mới có Phương tiện này, mà dùng để khiến cho đương cơ từ NGHI đến NGỘ. Từ NGHI đến NGỘ: tùy theo người, từ một sát na cho đến năm, mười năm không chừng, cũng như: Ngài Huệ Minh vừa nghe, ngộ liền, Ngài Giáp Sơn, trong vài phút được ngộ, Ngài Pháp Nhãn, một tháng được ngộ, Tổ Hoài Nhượng, tám năm mới ngộ. Không phải mau ngộ là cao, chậm ngộ là thấp. Người chứng ngộ mới đoạn dứt được NGHI CĂN (Nguồn gốc nghi ngờ đối với vạn pháp.) Đoạn dứt NGHI CĂN tức là KIẾN TÁNH. Nên nói: Tức là tự tánh hiện (kiến tánh).

Kinh văn:

Thuyết thông cập tâm thông,

Như nhứt xử hư không,

Duy truyền kiến tánh pháp,

Xuất thế phá tà tông.

Pháp tức vô đốn tiệm,

Mê ngộ hữu trì tật,

Chỉ thủ kiến tánh môn,

Ngu nhơn bất khả tất.
Thuyết tức tuy vạn ban,
Hợp lý hườn quy nhất.
Phiền não ám trạch trung,
Thường tu sanh huệ nhật,
Tà lai phiền não chí.
Chánh lai phiền não trừ,
Tà chánh câu bất dụng,
Thanh tịnh chí vô dư.
Bồ đề bốn tự tánh,
Khởi tâm tức thị vọng,
Tịnh tâm tại vọng trung,
Đản chánh vô tam chướng,
Thế nhơn nhược tu đạo,
Nhất thiết tận bất phương.
Thường kiến tự kỷ quá,
Dữ đạo tất tương đương.
Sắc loại tự hữu đạo,
Các bất tương phương nào,

Ly đạo biệt mịch đạo,
Chung thân bất kiến đạo.
Ba ba độ nhất sanh,
Đáo đầu hườn tự áo.
Dục đắc kiến chơn đạo,
Hạnh chánh tức thị đạo.
Tự nhược vô đạo tâm,
Ám hành bất kiến đạo.
Nhược chơn tu đạo nhơn,
Bất kiến thế gian quá,
Nhược kiến tha nhơn phi,
Tự phi khước thị tả,
Tha phi ngã bất phi,
Ngã phi tự hữu quá,
Đản tự khước phi tâm,
Đả trừ phiền não phá.
Tảng ái bất quan tâm,
Trường thân lưỡng cước ngoạ.
Dục nghĩ hoá tha nhơn,

Tự tu hữu phương tiện.

Vật linh bí hữu nghi,

Tức thị tự tánh hiện.

Phật pháp tại thế gian,

Bất ly thế gian giác,

Ly thế mịch bồ đề,

Cấp như cầu thố giác.

Chánh kiến danh xuất thế,

Tà kiến danh thế gian,

Tà chánh tận đả khước,

Bồ đề tánh uyển nhiên.

Thử tụng thị đốn giáo,

Diệt danh đại pháp thuyền,

Mê văn kinh lũy kiếp.

Ngộ tắc sát na gian.

*

Sư lại nói: Nay ta ở chùa Đại Phạn thuyết pháp đốn giáo này, nguyện cho pháp giới chúng sanh nghe được pháp này liền kiến tánh thành Phật. ẽ Lúc ấy Vi Sử Quân và tất cả quan chức, đạo tục, nghe sư thuyết pháp đều được

tỉnh ngộ, đánh lễ tán thán rằng: Lành thay, đầu ngõ xứ Lành Nam lại có Phật ra đời.

---o0o---

Phẩm Nghi Vấn Thứ Ba

Một hôm, Vi Sử Quân vì Sư thiết hội Trai Tăng. Trai xong Sử Quân mời Sư thăng toà, cùng với quan chức, dân chúng cung kính lễ bái, hỏi Sư : Đệ tử nghe Hòa Thượng thuyết pháp, thật là bất khả tư nghi, nay có một ít nghi vấn, xin Hòa Thượng từ bi giải thuyết cho.

Sư nói : "Có nghi cứ hỏi, ta giải đáp cho Sử Quân nói : Cái Pháp mà Hòa Thượng giảng dạy, có phải là tông chỉ của Tổ Đạt Ma chăng ? Sư đáp : Phải. Sử Quân nói : Đệ tử nghe nói : Tổ Đạt Ma lúc mới gặp Lương Võ Đế, vua hỏi : Trẫm suốt đời xây chùa độ Tăng, trai Tăng bố thí, được công đức gì ? Tổ Đạt Ma đáp : Thật chẳng công đức. Đệ tử chưa hiểu lý này, xin Hòa Thượng chỉ dạy.

Sư nói : Thật chẳng công đức. Chớ nghi lời của bậc Thánh xưa. Võ Đế tâm tà, chẳng biết Chánh Pháp. Xây chùa độ Tăng, trai Tăng bố thí, ấy là cầu phước, chẳng thể đem cái phước ấy cho là công đức. Công đức ở trong Pháp Thân, chẳng ở tại tu phước.

Sư lại nói : Kiến tánh là công, bình đẳng là đức, niệm niệm vô ngại, thường thấy cái diệu dụng chân thật của tự tánh gọi là công đức. Trong tâm khiêm tốn là công, ngoài hành lễ phép là đức; tự tánh kiến lập vạn pháp là công, tâm thể lià niệm là đức; chẳng rời tự tánh là công, ứng dụng vô nhiễm là đức. Muốn tìm kiếm Pháp Thân của công đức, phải y theo đây thực hành mới là chơn công đức. Người tu hạnh công đức, tâm chẳng khinh người, thường hành pháp cung kính. Tâm nếu khinh người, như ngã chẳng dứt tức là chẳng công, tự mình hư vọng chẳng thật tức là chẳng đức, vì ngã chấp quá lớn, nên thường khinh bỉ tất cả. Thiện tri thức, niệm niệm chẳng

gián đoạn là công, tâm bình đẳng, hạnh ngay thẳng là đức; tự tu tánh là công, tự tu thân là đức. Thiện tri thức, công đức phải do tự tánh tự thấy, chẳng phải bố thí cúng dường mà cầu được, nên phước đức và công đức khác nhau là vậy. Võ Đế tự chẳng biết chân lý, đâu phải lỗi của Tổ Sư !

Sử Quân lại hỏi : Đệ tử thường thấy Tăng tục niệm Phật A Di Đà, nguyện sanh Tây Phương, được vãng sanh chăng ? Xin Hoà Thượng chỉ thị để phá nghi.

Sư nói : Sử Quân hãy nghe đây : Lúc Thế Tôn ở trong thành Xá Vệ thuyết Kinh Dẫn Hoá Tây Phương, rõ ràng từ đây đến đó chẳng xa. Nếu nói theo tướng thuyết, tính theo số dặm thì có mười vạn tám ngàn, tức thập ác tám tà nơi thân; đó là nói xa. Nói xa là vì kẻ hạ căn, nói gần là vì người thượng trí, người có hai loại, pháp chẳng hai thứ, do mê ngộ có khác nên thấy có nhanh chậm. Kẻ mê niệm Phật cầu sanh nơi khác, người ngộ tự tin nơi tâm. Cho nên Phật nói : Tùy nơi tâm tịnh (trong sạch) tức Phật độ tịnh. Sử Quân là người Đông Phương, hễ tâm tịnh thì chẳng tạo tội, người Tây Phương tâm nếu chẳng tịnh cũng có lỗi. Người Đông Phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, người Tây Phương tạo tội cầu sanh phương nào ? Kẻ mê chẳng rõ tự tánh, chẳng biết tịnh độ trong thân, cầu nguyện nơi Đông nơi Tây, người ngộ thì ở đâu cũng vậy. Cho nên Phật nói : Ở bất cứ nơi nào cũng đều an lạc vậy. Sử Quân nếu chẳng khởi ác niệm thì Tây Phương cách đây chẳng xa, nếu tâm thường khởi ác thì dầu cho niệm Phật cũng khó mà vãng sanh. Nay khuyên thiện tri thức, trước nhất phải trừ thập ác, tức đã đi được mười vạn dặm, sau dứt tám tà, tức đã qua tám ngàn dặm vậy. Niệm niệm thấy tánh, thực hành bình đẳng và ngay thẳng, đến Tây Phương như búng ngón tay, liền thấy Di Đà. Sử Quân chỉ cần tu thập thiện, đâu còn phải nguyện vãng sanh ! Nếu chẳng dứt thập ác tâm, Phật nào mà đến rước ? Nếu ngộ được pháp vốn VÔ SANH, thấy Tây Phương chỉ trong chốc lát, chẳng ngộ tự tâm mà niệm Phật thì con đường vãng sanh xa xôi, làm sao đến được ! Nay Huệ Năng đời Tây Phương đến với các người, chỉ cần trong sát na liền thấy trước mắt, các người có muốn thấy chăng ? Đại chúng đành

lẽ rằng : Nếu được thấy tại nơi đây, đâu cần cầu nguyện vãng sanh nữa, xin Hoà Thượng từ bi hiện cõi Tây Phương cho cả thầy đều thấy.

Sư nói : Đại chúng, cơ thể của các người là thành, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân là cửa, ngoài có năm cửa, trong có cửa ý (ý căn), tâm là địa, tánh là vua. Vua ngự nơi tâm địa, tánh còn tức vua còn, tánh đi vua chẳng còn, tánh còn thân tâm còn, tánh đi thân tâm hoại. Tìm Phật ở nơi tâm, chớ nên cầu bên ngoài. Tự tâm mê tức chúng sanh, tự tâm giác ngộ tức Phật, từ bi tức Quán Âm, hỉ xả tức Thế Chí, thanh tịnh tức Thích Ca, bình đẳng ngay thẳng tức Di Đà, nhơn ngã là núi Tu Di, tà tâm là nước biển, phiền não là làn sóng, độc hại là rồng ác, hư vọng là quỷ thần, trần lao là cá trạch, tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh. Thiệt tri thức, thường hành thập thiện, thiên đàng liền đến, trừ được nhơn ngã, núi Tu Di sụp, phá được tà tâm thì nước biển cạn, chẳng sanh phiền não thì làn sóng lặn, quên bỏ độc hại thì cá rồng tuyệt. Tự tánh Như Lai trong tâm địa phóng đại quang minh, ngoài chiếu sáu cửa thanh tịnh, phá hết lục dục chư thiên, tự tánh chiếu soi, bên trong liền trừ tam độc, các tội địa ngục nhất thời tan rã, trong ngoài sáng tỏ, chẳng khác Tây Phương, nếu chẳng tu như vậy, Tây Phương làm sao đến được ?

Đại chúng nghe nói, đều tự tin sẽ được kiến tánh, thầy đều lễ bái tán thán rằng : Lành thay, nguyện khắp pháp giới chúng sanh, nghe được pháp này sẽ được từ NGHI đến NGỘ.

Sư nói : Thiệt tri thức, nếu muốn tu hành, tại gia cũng được, chẳng do tại chùa. Tại gia tu được như người Đông Phương mà tâm thiện, tại chùa chẳng tu như kẻ Tây Phương mà tâm ác, chỉ cần tâm được thanh tịnh, tức là tự tánh Tây Phương. Sứ Quân lại hỏi : Tại gia phải tu như thế nào ? Xin Hoà Thượng chỉ dạy. Sư nói : Nay ta vì các người nói bài **VÔ TƯỚNG TỤNG**, chỉ cần y theo đây mà tu, như thường ở với ta chẳng khác, nếu chẳng chịu tu, dẫu cho xuống tóc xuất gia, cũng đâu có ích lợi gì ? Bài tụng rằng :

Dịch nghĩa :

Tâm bình đẳng (bất nhị) chẳng nhọc trì giới

(tâm địa chẳng quấy tự tánh giới).

Hạnh ngay thẳng (bất nhị) đâu cần tu thiền.

(Hạnh ngay thẳng là công phu bảo nhậm, ngộ rồi chỉ cần bảo nhậm, khỏi phải tu thiền).

Báo ân là nuôi dưỡng cha mẹ,

Nhân nghĩa thì già trẻ thương nhau.

Khiêm nhường thì sang hèn hoà thuận,

Nhẫn nhục thì việc ác chẳng sanh.

Nếu công phu miên mật mãi mãi,

Kẻ ngu độn cũng phải kiến tánh.

Thuốc đắng hay trừ được bệnh khổ,

Lời trái tai ắt là trung ngôn.

Tự sửa quấy sẽ sanh trí huệ,

Giấu lỗi thì trong tâm chẳng lành.

Hằng ngày thường lợi ích chúng sanh,

Thành đạo chẳng do bố thí tiền.

Bồ đề chỉ ở nơi tâm ngộ.

Đâu cần hướng ngoại để cầu huyền.

Nghe xong hãy theo đây mà tu hành,

Tịnh độ đã ở ngay trước mắt.

Hán văn:

Tâm bình hà lao trì giới,

Hạnh trực hà dụng tu thiền.

Ân tắc thân dưỡng phụ mẫu,

Nghiã tắc thượng hạ tương lân.

Nhượng tắc tôn ty hòa mục,

Nhẫn tắc chúng ác vô tuyên.

Nhược năng toàn mộc thủ hỏa,

Ứ nê định sinh hồng liên.

Khổ khẩu tức thị lương dục,

Nghịch nhĩ tất thị trung ngôn.

Cải quá tất sanh trí huệ,

Hộ đoản tâm nội phi hiền.

Nhứt dụng thường hành nhiều ích,

Thành đạo phi do thí tiền.

Bồ đề chỉ hướng tâm mịch,

Hà lao hướng ngoại cầu huyền.

Thỉnh thuyết y thứ tu hành,

Thiên đàng chỉ tại mục tiền.

Sư lại nói : Thiện tri thức, cần phải y theo kệ này tu hành, nhận thấy tự tánh, thẳng đến Phật địa. Pháp chẳng đợi người, các người hãy đi, ta về Tào Khê, hễ có thắc mắc thì đến hỏi. Lúc ấy Sử Quân và trong hội các quan chức, thiện nam tín nữ đều được tỉnh ngộ, tín thọ phụng hành.

---o0o---

Phẩm Định Huệ Thứ Tư

Sư dạy chúng rằng: Thiện tri thức, pháp môn này lấy Định Huệ làm gốc. Các người chớ lầm rằng ĐỊNH với Huệ có khác; ĐỊNH Huệ vốn nhất thể, chẳng phải là hai. Định là thể của Huệ, Huệ là dụng của Định, ngay trong lúc huệ có định, ngay trong lúc định có huệ, thấu được nghĩa này tức là định huệ đồng nhau. Các người học đạo chớ cho là trước phát định sau phát huệ, hay trước huệ sau định có khác, kiến giải như vậy thành ra pháp có nhị tướng. Miệng tuy nói lành mà trong tâm chẳng lành, tuy có định huệ mà định huệ chẳng đồng nhau. Nếu tâm miệng đều lành, trong ngoài nhất thể, tức là định huệ đồng nhau. Tự ngộ tu hành, chẳng nên tranh biện, nếu tranh giành trước sau thì đồng với kẻ mê, chẳng dứt hơn thua, lại thêm ngã chấp, chẳng lià được tứ tướng (nhơn, ngã, chúng sanh, thọ giả).

Thiện tri thức, ĐỊNH Huệ ví như cái gì? Như đèn và ánh sáng: có đèn thì sáng, không đèn thì tối; đèn là thể của sáng, sáng là dụng của đèn, tên tuy có hai, thể vốn là một, pháp ĐỊNH Huệ cũng vậy. Sư dạy chúng rằng: Thiện tri thức, nói nhất hạnh tam muội, là ở tất cả mọi nơi đi đứng nằm ngồi thường hành trực tâm. Kinh Duy Ma Cật nói: Trực tâm là đạo tràng, trực tâm là tịnh độ. Chớ nên tâm hạnh quanh co, miệng thì nói trực, nói nhất hạnh tam muội mà chẳng hành trực tâm. Người hành trực tâm, đối với tất cả pháp chẳng nên chấp trước. Kẻ mê chấp pháp tướng, chấp nhất hạnh tam

muội, cứ nói ngồi yên chẳng động, vọng chẳng khởi nơi tâm tức là nhất hạnh tam muội; kiến giải như vậy đồng với vô tình, đó là nhân duyên chướng đạo.

Sư dạy chúng rằng: Thiện tri thức, đạo cần phải linh động, chớ nên làm cho ngăn trệ. Tâm chẳng trụ pháp thì đạo được linh động, tâm nếu trụ pháp, gọi là tự trói. Nếu nói ngồi yên chẳng động là đúng, chỉ như Xá Lợi Phất tĩnh tọa trong rừng lại bị Duy Ma Cật quở. Thiện tri thức, lại có kẻ dạy người lấy ngồi làm công phu, khán tâm quán tịnh, chẳng khởi chẳng động, kẻ mê chẳng hiểu, bèn chấp ngồi thành bệnh, nhiều người truyền dạy nhau như vậy, thật là lầm lỗi lớn!

Sư dạy chúng rằng: Thiện tri thức, CHÁNH GIÁO vốn chẳng đốn tiệm, tánh người tự có lợi độn, kẻ mê tiệm tu, người ngộ đốn khế. Đốn tiệm chỉ là giả danh kiến lập mà thôi, nếu tự nhận được bốn tâm, tự thấy được bốn tánh thì chẳng sai biệt vậy. Thiện tri thức, Pháp môn này xưa nay lập VÔ Niệm làm tông, VÔ TƯỚNG làm thể, VÔ Trụ làm gốc. VÔ TƯỚNG là ở nơi tướng mà lià tướng. VÔ Niệm là ở nơi niệm mà chẳng niệm. VÔ Trụ là bản tánh của con người đối với tất cả sự vật, thiện ác, tốt xấu, kẻ thù, người thân trên thế gian, cho đến lúc bị người nói xấu, khi dễ, đều cho là không, chẳng nghĩ trả thù, niệm niệm chẳng nghĩ ngoại cảnh. Nếu niệm trước, niệm sau và đang niệm, niệm niệm theo cảnh chẳng dứt, gọi là trói buộc, đối với tất cả pháp niệm niệm chẳng trụ tức là chẳng trói buộc vậy, đây là lấy VÔ Trụ làm gốc.

Thiện tri thức, ngoài lià tất cả tướng gọi là VÔ TƯỚNG, lià tướng thì pháp thể thanh tịnh, đây là lấy VÔ TƯỚNG làm thể. Thiện tri thức, đối với mọi cảnh tâm chẳng nhiễm, trong niệm thường tự lià mọi cảnh, chẳng ở trên cảnh sanh tâm gọi là VÔ Niệm Nếu là trăm điều chẳng nghĩ, làm cho niệm tuyệt, một niệm tuyệt liền chết, thọ sanh nơi khác, ấy là cái lỗi lầm lớn, người học đạo nên xét kỹ! Nếu chẳng hiểu ý Chánh Pháp, tự lầm còn đỡ, lại

khuyên người khác học theo, tự mê chẳng thấy, lại thêm tội phỉ báng Kinh Phật, vì vậy nên lập VÔ Niệm làm tông.

Thiện tri thức, tại sao lập VÔ Niệm làm tông? Chỉ vì kẻ mê miệng nói kiến tánh mà khởi niệm trên cảnh, nơi niệm liền lọt vào tà kiến, tất cả trần lao vọng tưởng theo đó mà sanh. Tự tánh vốn chẳng một pháp có thể đắc, nếu có sở đắc, vọng nói tội phước, tức là trần lao tà kiến, nên pháp môn này lập VÔ Niệm làm tông.

Thiện tri thức, VÔ là Vô việc gì? Niệm là Niệm vật gì? VÔ là VÔ NHỊ TƯỞNG (Pháp đối đãi), VÔ tất cả tâm trần lao. Niệm là Niệm CHƠN NHƯ BẢN TÁNH. CHƠN NHƯ là thể của Niệm, Niệm là dụng của CHƠN NHƯ. Chơn như tự tánh khởi niệm, chẳng do nhân nhĩ tử thiết năng niệm, chơn như có tánh cho nên khởi niệm, nếu chơn như không tánh thì nhân nhĩ sắc thanh ngay đó liền hoại. Thiện tri thức, chơn như tự tánh khởi niệm, lục căn dù có kiến văn giác tri mà chẳng nhiễm muôn cảnh, chơn tánh thường tự tại. Nên Kinh nói: Khéo phân biệt được các pháp tướng mà nơi đệ nhất nghĩa thường chẳng động là vậy.

---o0o---

Phẩm Tọa Thiền Thứ Năm

Sư dạy chúng rằng: Pháp môn này nói TỌA THIỀN vốn chẳng chấp tâm, cũng chẳng chấp tịnh, cũng chẳng phải là chẳng động. Nếu nói chấp tâm, tâm vốn là vọng, biết tâm như huyễn cho nên chẳng chấp. Nếu nói chấp tịnh, tự tánh vốn tịnh, chỉ do vọng niệm che khuất chơn như, nếu chẳng có vọng niệm, tánh tự thanh tịnh; khởi tâm chấp tịnh, lại sanh vọng tịnh. Vọng chẳng xứ sở, kẻ chấp là vọng, tịnh chẳng hình tướng, lại lập tướng tịnh cho là công phu; kiến giải như vậy chướng tự bản tánh, lại bị tịnh trói.

Thiện tri thức, nếu người tu theo pháp chẳng động, khi thấy mọi người mà chẳng thấy tất cả thị phi, thiện ác, lỗi lầm của người, tức là tự tánh chẳng

động. Thiện tri thức, kẻ mê thân dù chẳng động, mở miệng thì nói thị phi, tốt xấu, hay dở của người; như vậy là trái ngược với đạo, nếu chấp tâm tịnh tức là chướng đạo.

Sư dạy chúng rằng: Thiện tri thức, sao gọi là TỌA THIỀN? Trong pháp môn này vô chướng, vô ngại, bên ngoài đối với tất cả cảnh giới thiện ác tâm niệm chẳng khởi gọi là TỌA, bên trong thấy tự tánh chẳng động gọi là THIỀN.

Thiện tri thức, sao gọi là THIỀN ĐỊNH? Bên ngoài lià tướng là THIỀN, bên trong chẳng loạn là ĐỊNH. Ngoài nếu chấp tướng, trong tâm liền loạn, ngoài nếu lià tướng thì tâm chẳng loạn. Bản tánh tự tịnh tự định, chỉ vì thấy cảnh chấp cảnh thành loạn, nếu người thấy mọi cảnh mà tâm chẳng loạn, đó là CHƠN ĐỊNH vậy. Thiện tri thức, ngoài lià tướng tức THIỀN, trong chẳng loạn tức ĐỊNH, ngoài THIỀN trong ĐỊNH gọi là THIỀN ĐỊNH. Kinh Phạm Võng nói: Bản tánh ta vốn tự thanh tịnh. Thiện tri thức, niệm niệm tự thấy bản tánh thanh tịnh, tự tu tự hành, tự thành Phật đạo.

---o0o---

Phẩm Sám Hối Thứ Sáu

Lúc ấy Sư thấy các quan chức và dân chúng từ Quảng Châu, Thiều Châu các nơi tấp nập đến chùa nghe pháp, nên thăng tòa dạy chúng rằng:

Các thiện tri thức, việc này phải ở trong tự tánh mà khởi, bất cứ lúc nào niệm niệm, tự tịnh nơi tâm, tự tu tự hành, tự thấy Pháp Thân, tự thấy tâm Phật, tự độ tự giới, như vậy mới chẳng uổng công đến đây. Đã từ xa đến, gặp nhau nơi đây đều là có duyên. Nay các người hãy quỳ xuống. Ta vì các người truyền năm phần HƯƠNG PHÁP THÂN của tự tánh, kể đó thọ VÔ TƯỚNG SÁM Hối. Đại chúng cùng quỳ xuống.

Sư nói: Một là GIỚI HƯƠNG: Tức trong tự tâm chẳng quấy chẳng ác, chẳng ganh tỵ, chẳng tham sân, chẳng cướp hại gọi là GIỚI HƯƠNG. Hai

là ĐỊNH HƯƠNG: Thấy những cảnh tướng thiện ác tự tâm chẳng loạn, gọi là ĐỊNH HƯƠNG. Ba là Huệ HƯƠNG: Tự tâm vô ngại, thường dùng trí huệ chiếu soi tự tánh, chẳng tạo điều ác, dù tu nhiều thiện mà tâm chẳng chấp trước, kính trên mến dưới, thương xót kẻ cô đơn nghèo nàn, gọi là Huệ HƯƠNG. Bốn là GIẢI THOÁT HƯƠNG: Tự tâm chẳng phan duyên, chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tự tại vô ngại, gọi là GIẢI THOÁT HƯƠNG. Năm là GIẢI THOÁT TRI KIẾN HƯƠNG: Tự tâm đã chẳng phan duyên thiện ác, chớ nên trầm không trệ tịch, phải tu học pháp tối thượng thừa, nhận tự bản tâm, thông đạt lý Phật, hạ mình để tiếp người, vô nhơn vô ngã, thẳng đến Bồ đề, chơn tánh chẳng đổi gọi là GIẢI THOÁT TRI KIẾN HƯƠNG.

Thiện tri thức, hương này mỗi người tự huân tập trong tâm, chớ tìm bên ngoài. Nay vì các người truyền thọ VÔ TUỔNG SÁM Hối, diệt tội tam thế, khiến cho tam nghiệp thanh tịnh. Thiện tri thức, hãy nói theo ta: Đệ tử chúng con, từ tiền niệm, hiện niệm, hậu niệm, niệm niệm chẳng bị ngu mê nhiễm. Tất cả các tội ác nghiệp ngu mê đã có từ trước, thấy đều sám hối, nguyện nhất thời tan rã, trọn chẳng khởi nữa. Đệ tử chúng con, từ tiền niệm, hiện niệm, hậu niệm, niệm niệm chẳng bị kiêu căng dối trá nhiễm. Tất cả các tội ác nghiệp kiêu căng dối trá đã có từ trước thấy đều sám hối, nguyện nhất thời tan rã, trọn chẳng khởi nữa. Đệ tử chúng con, từ tiền niệm, hiện niệm, hậu niệm, niệm niệm chẳng bị ganh tỵ nhiễm. Tất cả các tội ác nghiệp ganh tỵ đã có từ trước thấy đều sám hối, nguyện nhất thời tan rã, trọn chẳng khởi nữa.

Thiện tri thức, trên đây là VÔ TUỔNG SÁM Hối. Thế nào là SÁM? Thế nào là Hối? Sám là sám trừ tội trước, từ trước tất cả các tội ác nghiệp ngu mê, kiêu căng, dối trá, ganh tỵ thấy đều sám hết, chẳng bao giờ khởi nữa gọi là sám. Hối là hối cải lỗi sau, tất cả ác nghiệp ngu mê, kiêu căng, dối trá, ganh tỵ... nay đã giác ngộ, đều cho đoạn dứt, chẳng bao giờ tạo nữa gọi là hối. Phạm phu ngu mê, chỉ biết sám trừ tội trước, chẳng biết hối cải lỗi sau, vì chẳng hối cải, nên tội trước chẳng diệt, tội sau lại sanh, tội trước đã

chẳng diệt, tội sau lại tiếp tục, như thế làm sao gọi là SÁM HỐI được! Thiện tri thức, đã sám hối xong, nay vì thiện tri thức phát TỬ HOẰNG thệ nguyện, mọi người phải dùng chánh tâm để nghe:

Tự tâm chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,

Tự tâm phiền não vô tận thệ nguyện dứt,

Tự tánh pháp môn vô lượng thệ nguyện học,

Tự tánh Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Thiện tri thức, chúng ta há chẳng nói CHÚNG SANH VÔ BIÊN thệ nguyện ĐỘ sao? Nói như thế, nhưng chẳng phải là Huệ Năng độ đâu. Thiện tri thức, chúng sanh ở nơi tự tâm, cũng như tâm tà mê, tâm cuồng vọng, tâm chẳng thiện, tâm ganh tỵ, tâm ác độc... những thứ tâm kể trên đều là chúng sanh. Mọi người phải tự tánh tự độ, gọi là CHƠN ĐỘ. Sao gọi là tự tánh tự độ? Tức là tà kiến, phiền não, ngu si trong tâm dùng chánh kiến để độ; đã có chánh kiến, dùng trí Bát Nhã để phá trừ ngu si mê vọng, tà đến chánh độ, mê đến ngộ độ, ngu đến trí độ, ác đến thiện độ, chúng sanh mỗi mỗi tự độ, độ như thế gọi là CHƠN ĐỘ. PHIỀN NÃO VÔ TẬN thệ nguyện DỨT: Tức là đem trí Bát Nhã của tự tánh, dứt trừ tất cả tư tưởng hư vọng, gọi là CHƠN DỨT. PHÁP MÔN VÔ LƯỢNG thệ nguyện HỌC: Là phải tự thấy tự tánh, thường hành Chánh Pháp, gọi là CHƠN HỌC. PHẬT ĐẠO VÔ THƯỢNG thệ nguyện THÀNH: Đã quyết tâm dùng công phu, thường hành nơi chơn chánh, lià mê lià giác, thường sanh Bát Nhã, trừ vọng trừ chơn, liền thấy Phật tánh, tức ngay nơi đó thành Phật đạo, gọi là CHƠN THÀNH.

Thường nghĩ nhớ tu hành là PHÁT NGUYỆN LỰC. Thiện tri thức, đã phát tứ hoằng thệ nguyện xong, nay vì thiện tri thức truyền VÔ TƯỚNG TAM QUY Y GIỚI.

Thiện tri thức, QUY Y GIÁC, lưỡng túc tôn, QUY Y CHÁNH, ly dục tôn, QUY Y TỊNH, chúng trung tôn. Từ nay trở đi, xưng GIÁC làm Thầy, trọn

chẳng quy y tà ma ngoại đạo, dùng TỰ TÁNH TAM BẢO thường tự chứng minh. Khuyên các thiện tri thức, nên QUY Y TỰ TÁNH TAM BẢO: Phật tức là GIÁC, Pháp tức là CHÁNH, Tăng tức là TỊNH. Tự tâm quy y GIÁC thì tà mê chẳng sanh, thiếu dục tri túc, hay lià tài sắc, gọi là LƯƠNG TỨC TÔN. Tự tâm quy y CHÁNH, niệm niệm chẳng tà kiến, vì chẳng tà kiến nên chẳng có nhưn ngã, cống cao, tham ái, chấp trước, gọi là LY Dục TÔN. Tự tâm quy y TỊNH, tự tánh đối với tất cả cảnh giới trần lao ái dục đều chẳng nhiễm trước, gọi là CHÚNG TRUNG TÔN. Nếu tu hạnh này là tự quy y. Phàm phu chẳng hiểu, từ sáng đến tối thọ tam quy y, nếu nói quy y Phật, Phật ở chỗ nào? Nếu chẳng thấy Phật thì dựa vào đâu mà quy y? Nói lại thành vọng. Thiện tri thức, mọi người hãy xem xét kỹ, chớ lằm dưng tâm, trong Kinh rõ ràng nói là quy y tự tánh Phật, chẳng có nói quy y tha Phật. Tự tánh Phật, chẳng quy y thì đâu còn chỗ nào để quy y nữa! Nay đã tự ngộ, mỗi mỗi đều phải quy y TỰ TÁNH TAM BẢO, bên trong tự sửa tâm tánh, bên ngoài kính mến mọi người, tức là TỰ QUY Y vậy.

Thiện tri thức, đã quy y TỰ TÁNH TAM BẢO xong các người chú tâm, nghe ta nói NHẤT THỂ TAM THÂN TỰ TÁNH PHẬT, khiến các người đều rõ ràng thấy tam thân Phật, tự ngộ tự tánh.

Nay nói theo ta: Nơi tự sắc thân Quy y THANH TỊNH PHÁP THÂN PHẬT. Nơi tự sắc thân Quy y THIÊN BÁ ỨC HOÁ THÂN PHẬT. Nơi tự sắc thân Quy y VIÊN MÃN BẢO THÂN PHẬT. Thiện tri thức, sắc thân là nhà trọ, chẳng thể nói quy y được. Xưa nay tam thân Phật ở trong tự tánh mọi người đều sẵn có, tại tâm mê nên chẳng thấy tánh bên trong, chỉ hướng ngoại tìm tam thân Phật mà chẳng thấy tự thân có tam thân Phật. Các người hãy nghe, nay ta khiến các người ngay nơi tự thân được thấy tự tánh có tam thân Phật; tam thân Phật này từ tự tánh sanh ra, chẳng từ bên ngoài mà được.

Sao gọi là THANH TỊNH PHÁP THÂN PHẬT? Người đời tánh vốn thanh tịnh, vạn pháp từ tự tánh sanh khởi. Suy lường điều ác tức sanh hạnh ác, suy

lường điều thiện tức sanh hạnh lành. Như vậy các pháp ở trong tự tánh như trời thường trong, mặt trời mặt trăng thường sáng; vì bị mây đen che khuất nên trên sáng dưới tối; thoát được gió thổi mây tan, trên dưới đều sáng, vạn tượng đều hiện. Người đời tánh hay phù du lơ lửng như mây trên trời. Thiệt tri thức, trí như mặt trời, huệ như mặt trăng, trí huệ thường sáng; vì chấp cảnh bên ngoài, nên bị vọng niệm mây đen che khuất, tự tánh chẳng được sáng tỏ. Nếu gặp được thiện tri thức, nghe được Chánh Pháp, tự trừ mê vọng, trong ngoài đều sáng, vạn pháp đều hiện nơi tự tánh: người KIẾN TÁNH cũng vậy. Đây gọi là THANH TỊNH PHÁP THÂN PHẬT.

Thiệt tri thức, tự tâm quy y tự tánh tức là quy y CHƠN PHẬT. Tự Quy Y tức là trong tự tánh trừ sạch những tâm bất thiện, tâm ganh tỵ, tâm quanh co, tâm chấp ngã, tâm cuồng vọng, tâm khinh mạn, tâm tà kiến, tâm cống cao và tất cả những hạnh bất thiện. Thường tự thấy lỗi mình, chẳng nói tốt xấu của người, ấy là TỰ QUY Y. Thường phải hạ mình, cung kính mọi người, tức là KIẾN TÁNH, thông đạt chẳng còn trệ ngại, ấy là TỰ QUY Y.

Sao gọi là THIÊN BÁ ỨC HOÁ THÂN? Nếu chẳng nghĩ muôn pháp, tánh vốn như hư không. Một niệm suy lường gọi là biến hoá: Suy lường điều ác tức hoá ra địa ngục, suy lường việc thiện hoá ra thiên đàng, độc hại hoá ra rắn rồng, từ bi hoá ra Bồ Tát, trí huệ hoá ra tam thiện đạo, ngu si hoá ra tam ác đạo. Tự tánh biến hoá rất nhiều, kẻ mê chẳng thể tỉnh giác, niệm niệm khởi ác, thường đi trên đường ác, hễ nhất niệm hồi tâm hướng thiện, trí huệ liền sanh, đây gọi là TỰ TÁNH HOÁ THÂN PHẬT.

Sao gọi là VIÊN MÃN BÁO THÂN? Ví như một ngọn đèn trừ được ngàn năm đen tối, một niệm trí huệ diệt được muôn năm ngu mê. Chớ nghĩ việc xưa, đã qua thì bất khả đắc, thường nghĩ về sau, niệm niệm viên tròn sáng tỏ, tự thấy bản tánh, thiện ác dù khác, tánh vốn bất nhị, tánh bất nhị gọi là thật tánh, ở trong thật tánh chẳng nghĩ thiện ác, đây gọi là VIÊN MÃN BÁO THÂN PHẬT.

Tự tánh khởi một niệm ác, liền diệt vạn kiếp thiện nhân, tự tánh khởi một niệm thiện, liền dứt hằng sa ác nghiệp, thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề. Niệm niệm tự thấy chẳng mất bản niệm gọi là BÁO THÂN PHẬT. Thiện tri thức, từ Pháp Thân suy lường tức là HOÁ THÂN PHẬT; niệm niệm tự tánh tự thấy tức là BÁO THÂN PHẬT; tự ngộ tự tu tự tánh công đức là CHƠN QUY Y. Da thịt này là sắc thân, sắc thân là nhà trọ, chẳng thể Quy Y được. Hễ ngộ được tự tánh tam thân, tức nhận được tự tánh Phật. Nay ta thuyết bài VÔ TƯỚNG TỤNG, nếu y theo tụng này tu hành, ngay đó khiến các người nhiều kiếp ngu mê đều nhất thời tan rã. Tụng rằng:

Kẻ mê tu phước chẳng tu đạo,

Chỉ cho tu phước tức là đạo.

Bổ thí cúng dường phước vô biên,

Trong tâm tam ác vẫn còn tạo.

Muốn dùng tu phước để diệt tội,

Kiếp sau được phước tội vẫn còn.

Nhân duyên tội ác trừ nơi tâm,

Hướng vào tự tánh chơn sám hối.

Hoát ngộ đại thừa chơn sám hối,

Tà dứt hạnh chánh tức vô tội.

Học đạo thường quán nơi tự tánh,

Thì với chư Phật đồng một loại.

Tổ Sư truyền pháp đốn ngộ này,

Nguyện cùng kiến tánh đồng nhất thể.

Nếu muốn tương lai ngộ pháp thân,

Lià các pháp tướng tâm trong sạch.

Cố gắng tu hành chớ nhờn nhờn,

Hậu niệm thoát dứt một đời tiêu,

Muốn ngộ đại thừa thấy tự tánh,

Kính lễ Tri Thức chí tâm cầu. (Cầu nơi chẳng cầu gọi là chí tâm cầu.)

Hán văn:

Mê nhờn tu phước bất tu đạo,

Chỉ ngôn tu phước tiện thị đạo,

Bổ thí cúng dường phước vô biên,

Tâm trung tam ác nguyên lai tạo,

Nghi tương tu phước dục diệt tội,

Hậu thế đắc phước tội hườn tại.

Đản hướng tâm trung trừ tội duyên;

Các tự tánh trung chơn sám hối.

Hốt ngộ đại thừa chơn sám hối,

Trừ tà hành chánh tức vô tội.

Học đạo thường ư tự tánh quán,

Tức dữ chư Phật đồng nhất loại.

Ngô Tổ duy truyền thử đốn pháp,

Phổ nguyện kiến tánh đồng nhất thể.

Nhược dục tương lai mịch pháp thân,

Ly chư pháp tướng tâm trung tây.

Nỗ lực tự kiến mạc du du,

Hậu niệm hốt tuyệt nhất thể hữu.

Nhược ngộ đại thừa đắc kiến tánh,

Kiền cung hiệp chưởng chí tâm cầu.

Sư bảo: Thiện tri thức, cần phải theo tụng này tu hành, ngay nơi đó được KIẾN TÁNH, dù cách xa ta ngàn dặm mà thường như ở bên cạnh ta, nếu ngay nơi đó chẳng ngộ, dầu cho đối diện cũng như cách xa ngàn dặm, uổng công từ xa đến đây. Các người ra về bình yên. Đại chúng nghe pháp đều được tỉnh ngộ, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

Phẩm Cơ Duyên Thứ Bảy

Sư đắc Pháp ở Huỳnh Mai rồi về làng Tào Hầu tỉnh Thiều Châu, dân chúng chẳng ai biết đến. Lúc ấy có một nhà nho tên Lưu Chí Lực, đối đãi với Sư rất cung kính, Chí Lực có người cô xuất gia làm Ni, pháp danh Vô tận Tạng, thường tụng Kinh Đại Niết Bàn. Sư nghe qua một lần liền biết diệu nghĩa của kinh, nên vì Ni giải thuyết. Ni cầm Kinh hỏi chữ, Sư nói: Hỏi nghĩa thì được, hỏi chữ thì chẳng biết." Ni nói: Chữ còn chưa biết, làm sao hiểu nghĩa? Sư nói: Diệu lý của chư Phật chẳng dính dáng với văn tự. Ni

ngạc nhiên kính phục, nói khắp các bậc kỳ lão trong làng: Đây là người có đạo, rất nên cúng dường. Lúc ấy có cháu chắt của Võ Hầu đời Ngụy tên Tào Thúc Lương, cùng với dân chúng trong làng tập nập đến chiêm ngưỡng kính lễ.

Thời ấy Bảo Lâm Cổ Tự đã bị hư phế do binh loạn từ cuối đời nhà Tùy, nay xây dựng lại ngôi chùa rồi rước Sư về ở. Chẳng bao lâu dân chúng đến đông, thành nơi trang nghiêm. Sư ở đấy được hơn chín tháng, lại bị bọn ác徒 tìm đến, Sư trốn lên núi, bị bọn họ đốt cháy rừng núi, Sư chen thân ẩn trong kẽ đá được khỏi. Nay trên đá có dấu ngòai kiết già và dấu văn y của Sư; người đời sau gọi đá ấy là đá tỵ nạn. Sư nhớ lời dặn của Ngũ Tổ là phải ẩn nơi hai ấp Hoài, Hội, bèn về đấy ở ẩn.

Tăng Pháp Hải, người ở Khúc Giang tỉnh Thiều Châu, tham vấn Tổ Sư, hỏi: Thế nào là tức tâm tức Phật? xin Hoà Thượng chỉ dạy. Sư nói: Niệm trước chẳng sanh tức tâm, niệm sau chẳng diệt tức Phật; lập tất cả tướng tức tâm, là tất cả tướng tức Phật. Nếu ta nói cho đủ thì trọn kiếp cũng chẳng hết, hãy nghe kệ đây:

Tức tâm là huệ,

Tức Phật là định.

Định huệ song song (đẳng trì),

Nơi ý thanh tịnh.

Ngộ pháp môn này,

Do tập khí người,

Dụng vốn vô sanh,

Song tu (định huệ) là chánh.

Hán văn:

Tức tâm danh huệ,

Tức Phật nãi định.

Định huệ đẳng trì,

Ý trung thanh tịnh.

Ngộ thử pháp môn,

Do như tập tánh

Dụng bốn vô sanh

Song tu thị chánh.

Pháp Hải ngay nơi đó liền đại ngộ, tán thán bằng kệ rằng:

Tức tâm vốn là Phật,

Chẳng ngộ là tự khuất (oan cho mình),

Ta biết nhân định huệ,

Song tu lìa vạn pháp.

Hán văn:

Tức tâm nguyên thị Phật,

Bất ngộ nhi tự khuất.

Ngã tri định huệ nhân,

Song tu ly chư vật.

Tăng Pháp Đạt, người Hồng Châu, 7 tuổi xuất gia, thường tụng Kinh Pháp Hoa, đến lễ Tổ Sư mà đầu chẳng chấm đất. Sư quở rằng: Đánh lễ mà chẳng chấm đất bằng như chẳng lễ, trong tâm người tất có chất chứa một điều gì, ngày thường tu hạnh gì? Đáp: Niệm Kinh Pháp Hoa đã hết ba ngàn bộ. Sư nói: Dầu cho người tụng đến mười ngàn bộ, nếu ngộ được ý Kinh mà chẳng tự cho là thù thắng, mới đồng một hạnh với ta. Nay người tự phụ cho đây là sự nghiệp mà chẳng biết lỗi, hãy nghe kệ đây:

Lễ vốn trừ ngã mạn,

Đầu sao chẳng chấm đất?

Có ngã tội liền sanh,

Quên công, phước vô tận.

Hán văn:

Lễ bốn chiết mạn tràng,

Đầu hề bất chí địa?

Hữu ngã tội tức sanh,

Vong công phước vô tỷ.

Sư lại hỏi: Người tên gì? Đáp: Tên là Pháp Đạt. Sư nói: Người tên Pháp Đạt, đâu từng đạt pháp. Lại nói kệ rằng:

Người tên gọi Pháp Đạt,

Siêng tụng chưa từng dứt,

Tụng sông chỉ theo tiếng,

Minh tâm gọi Bồ Tát.

Người nay có nhân duyên,

Ta vì người mà thuyết.

Hễ tin Phật vô ngôn.

(Chớ nên chấp ở ngôn ngữ. Vô ngôn: Phật thuyết Pháp 49 năm mà tự nói chẳng thuyết một chữ.)

Lời Phật từ miệng phát.(Chớ nên chấp vào im lặng).

Hán văn:

Nhữ kim danh Pháp Đạt,

Cần tụng vị hựu hiết,

Không tụng đàn tuần thanh,

Minh tâm hiệu Bồ Tát.

Nhữ kim hữu duyên cố,

Ngô kim vi nhữ thuyết.

Đản tính Phật vô ngôn,

Liên hoa tùng khẩu phát.

Đạt nghe kệ xong bèn tạ lỗi rằng: Từ nay trở đi sẽ khiêm tốn cung kính tất cả. Đệ tử tụng Kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu nghĩa Kinh, tâm thường có nghi, Hoà Thượng trí huệ minh mông, xin nói sơ lược nghĩa lý của Kinh. Sư nói: Pháp Đạt, pháp vốn thông đạt, chỉ tại tâm người chẳng đạt. Kinh vốn chẳng nghi, tâm người tự nghi. Người niệm Kinh này lấy gì làm tông chỉ? Đạt nói: Đệ tử căn tánh ngu độn, xưa nay chỉ biết y văn niệm tụng, chẳng biết tông chỉ. Sư nói: Ta chẳng biết chữ, người lấy Kinh tụng thử một

bộ, ta sẽ giải thuyết cho. Pháp Đạt liền lên tiếng tụng Kinh, đến Phẩm Thí Dụ, Sư nói: Hãy ngừng, Kinh này vốn lấy nhân duyên xuất thế làm tông chỉ, dù nói nhiều thí dụ cũng chẳng ngoài việc này. Thế nào là nhân duyên? Kinh nói: Chư Phật Thế Tôn vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trên đời. Một đại sự tức là TRI KIẾN PHẬT vậy. Người đời ngoài mê chấp tướng, trong mê chấp không, nếu được ở nơi tướng mà lià tướng, nơi không mà lià không, tức là trong ngoài chẳng mê. Nếu ngộ pháp này, ngay trong một niệm tâm liền sáng tỏ, ấy là khai ngộ TRI KIẾN PHẬT vậy. Phật tức là GIÁC, chia làm bốn cửa: Khai GIÁC TRI KIẾN, Thị GIÁC TRI KIẾN, Ngộ GIÁC TRI KIẾN, Nhập GIÁC TRI KIẾN. Nếu nghe khai thị liền được ngộ nhập tức là GIÁC TRI KIẾN, do đó bốn lai chơn tánh liền được hiển hiện. Người nên cẩn thận, chớ hiểu lầm ý Kinh, nghe nói: khai thị ngộ nhập bèn cho là tri kiến của Phật (tha Phật) chẳng có phần mình; nếu hiểu như thế là phi báng Kinh Phật vậy. Đã nói là Phật thì TRI KIẾN PHẬT đã sẵn đầy đủ, đâu cần phải khai thị nữa! Người phải tin rằng, nói tri kiến Phật là ở nơi tự tâm của người, chẳng phải Phật bên ngoài. Bởi vì tất cả chúng sanh tự che khuất ánh sáng của tự tánh, tham ái cảnh trần, phan duyên bên ngoài, nhiễu loạn bên trong, cam chịu trần lao hành hạ, làm nhọc Đức Thế Tôn từ chánh định ra, khổ tâm khuyên dạy bằng đủ mọi cách, khiến ngừng nghỉ các duyên, chớ nên hướng ngoại tìm cầu, tức chẳng khác với Phật, nên nói là khai tri kiến Phật. Ta cũng khuyên tất cả mọi người nên thường khai tri kiến Phật nơi tự tâm. Người đời tâm tà, ngu mê tạo tội, miệng lành tâm ác, tham sân ganh tỵ, gièm siểm, nịnh bợ, ngã mạn, hiếp người, hại vật, tự khai tri kiến chúng sanh. Nếu được trong tâm ngay thẳng, thường sanh trí huệ chiếu soi tự tâm, dứt ác làm lành, tức là tự khai tri kiến Phật vậy. Người nên niệm niệm khai tri kiến Phật, chớ khai tri kiến chúng sanh. Khai tri kiến Phật tức là xuất thế, khai tri kiến chúng sanh tức là thế gian. Nếu người chỉ luôn luôn lấy công phu tụng niệm làm thời khoá, chẳng khác nào con mao ngừ tiếc đuôi! (con mao ngừ có đuôi rất đẹp, gặp thợ săn chỉ giấu đuôi mà không giấu đầu.) Đạt nói: Nếu như vậy tức là chỉ cần hiểu nghĩa, chẳng cần tụng kinh sao? Sư nói: Kinh có lỗi gì, đâu làm chương niệm của người! Chỉ vì mê ngộ tại người, tổn ích do mình mà thôi. Miệng niệm tâm hành tức là

chuyển được Kinh, miệng niệm tâm chẳng hành tức bị Kinh chuyển. Hãy nghe kệ đây:

Tâm mê Pháp Hoa chuyển,

Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa.

Tụng lâu chẳng hiểu thấu,

Nghịch ý nghĩa trong Kinh.

Vô niệm (không chấp thật) niệm tức chánh,

Hữu niệm (có chấp thật) niệm thành tà.

Hữu vô đều chẳng chấp,

Tự tánh luôn luôn hiện.

Hán văn:

Tâm mê Pháp Hoa chuyển,

Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa.

Tụng Kinh cầu bất minh,

Dữ nghĩa tác thù gia.

Vô niệm niệm tức chánh,

Hữu niệm niệm thành tà.

Hữu vô câu bất kể,

Trường ngữ bạch ngữ xa.

Đạt nghe xong thoát chảy nước mắt, ngay nơi đó khai ngộ, nói với Sư: Pháp Đạt xưa nay thật chưa từng chuyển Pháp Hoa, lại bị Pháp Hoa chuyển. Lại hỏi: Kinh nói: Chư Đại Thanh Văn cho đến Bồ Tát, tất cả tận tâm suy lường đều chẳng thể đo lường được trí Phật. Nay khiến phàm phu chỉ ngộ được tự tâm thì gọi là tri kiến Phật, tự mình đã chẳng phải là bậc thượng căn, nên chẳng khởi nghi ngờ. Kinh lại nói ba loại xe: xe nai, xe dê và xe trâu, có gì khác biệt? Xin Hoà Thượng chỉ dạy thêm. Sư nói: Ý Kinh rõ ràng minh bạch, người tự mê trái. Người tam thừa chẳng thể suy lường được trí Phật, lỗi tại suy lường vậy. Dẫu cho người tận sức suy lường, chỉ là càng thêm xa xôi mà thôi. Phật thuyết pháp vốn vì phàm phu mà thuyết, chẳng vì Phật thuyết; lý này nếu chẳng chịu tin thì cũng như năm ngàn người từ trên hội Pháp Hoa lui ra, mà chẳng biết đã ngồi sẵn trên xe trâu (Phật tánh vốn sẵn có), mà lại tìm kiếm ba xe (tam thừa) bên ngoài. Huống trong Kinh rõ ràng chỉ ra cho người: chỉ duy nhất một Phật thừa, chẳng còn thừa nào khác, nói có hai thừa ba thừa, cho đến vô số phương tiện, mọi thứ nhân duyên, lời nói thí dụ, pháp ấy đều vì nhất Phật thừa mà tạm lập. Người sao chẳng tỉnh ngộ, nói ba xe là giả thiết, vì đời xưa mà nói, nhất thừa là thật, vì đời nay mà nói; chỉ bảo người bỏ giả trở về thật, trở về thật rồi thật cũng chẳng chấp. Phải biết tất cả châu báu tài vật đều thuộc về người, do người thọ dụng, chẳng phải là của cha, cũng chẳng phải là của con, cũng chẳng khởi dụng tưởng, ấy gọi là trì Kinh Pháp Hoa, trì Kinh như thế từ kiếp này sang kiếp khác tay chẳng rời Kinh, từ sáng đến tối, chẳng dứt tụng niệm vậy. ẽ Pháp Đạt được Sư khai thị, mừng rỡ vô cùng, làm kệ tán thán rằng:

Tụng Kinh ba ngàn bộ,

Bị Tổ một lời tiêu.

Chưa thấu đạo xuất thế,

Sao dứt lụy kiếp mê.

Dê, nai, trâu giả thiết (dê, nai, trâu = tiểu, trung, đại thừa).

Ba đoạn thiện quét sạch (1).

Ai ngờ trong nhà lửa,

Vốn là tự tánh Phật.

Hán văn:

Kinh tụng tam thiên bộ,

Tào Khê nhất cú vong.

Vị minh xuất thế chỉ,

Ninh hiết lụy sanh cuồng.

Dương lộc nguỵ quyền thiết,

Sơ trung hậu thiện dương.

Thùy tri hoả trạch nội,

Nguyên thị pháp trung vương.

Sư nói: Người sau này mới được gọi là ông Tăng tụng Kinh vậy. Pháp Đạt từ đó lãnh hội huyền chỉ, cũng chẳng dứt tụng Kinh.

GHI CHÚ:

(1) Ba đoạn thiện quét sạch: Mới phát thiện tâm là sơ thiện, chẳng chấp thiện tâm là trung thiện, không trụ nơi chẳng chấp là hậu thiện, luôn cả cái tri giải biết về sự không trụ nơi chẳng chấp cũng tiêu là quét sạch.

Tăng Trí Thông, người ở An Phong tỉnh Thọ Châu, xem Kinh Lăng Già hơn ngàn lần mà chẳng hiểu thế nào là tam thân tứ trí, đến lễ Sư xin giải thuyết cho, Sư nói: Tam thân ấy là: Thanh Tịnh Pháp Thân, tức là tánh của người;

Viên Mãn Báo Thân là trí của người; Thiên Bá Ưc Hoá Thân là hạnh của người vậy. Nếu lià bản tánh mà nói tam thân, ấy gọi là có thân mà vô trí, nếu ngộ được tam thân vốn chẳng tự tánh, tức gọi là tứ trí bồ đề. Hãy nghe kệ đây:

Tự tánh đủ tam thân

Khai ngộ thành tứ trí.

Chẳng lià sự thấy nghe,

Đốn siêu địa vị Phật.

Ta nay vì người thuyết,

Tin chắc trọn chẳng mê.

Chớ học kẻ tìm cầu,

Suốt ngày nói bồ đề.

Hán văn:

Tự tánh cụ tam thân,

Phát minh thành tứ trí.

Bất ly kiến văn duyên,

Siêu nhiên đấng Phật địa.

Ngô kim vi nhữ thuyết.

Đế tín vĩnh vô mê.

Mạc học trì cầu giả,

Chung nhật thuyết bồ đề.

Thông lại hỏi: Cái nghĩa của tứ trí có thể nghe được chăng?

Sư nói: Đã hiểu tam thân, tức rõ tứ trí, sao còn hỏi nữa! Nếu lià tam thân mà nói tứ trí, ấy gọi là có trí mà chẳng có thân, dẫu cho có trí cũng trở thành vô trí. Lại nói kệ rằng:

Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh,

Bình đẳng tánh trí tâm chẳng bệnh.

Diệu quan sát trí chẳng tác ý. (Sự thấy của diệu quan sát trí chẳng cần tác ý)

Thành sở tác trí đồng viên cảnh.

Ngũ, bát, lục, thất quả nhân chuyển,

Chỉ dùng tên gọi chẳng thật tánh.

Nếu ngay nơi chuyển chẳng dính mắc,

Ở chỗ nào động cũng đại định.

Như thế là chuyển thức thành trí.

Hán văn:

Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh,

Bình đẳng tánh trí tâm vô bệnh.

Diệu quan sát trí kiến phi công,

Thành sở tác trí đồng viên cảnh.

Ngũ bát lục thất quả nhân chuyển,

Đản dụng danh ngôn vô thật tánh.

Nhược kim chuyển xứ bất lưu tình,

Phiền hưng vĩnh xứ Na Già định.

Trong giáo môn chuyển tiền ngũ thức làm Thành Sở Tác Trí; chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quan Sát Trí, chuyển thức thứ bảy thành Bình Đăng Tánh Trí, chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí. Dù thức thứ sáu, bảy là trong nhân chuyển, thức thứ năm, tám là trên quả chuyển, nhưng chỉ chuyển cái tên gọi mà chẳng chuyển cái thể vậy. Trí Thông đốn ngộ tánh trí, bèn trình kệ rằng:

Thế ta sẵn tam thân,

Bản tâm đủ tứ trí.

Thân trí dung lẫn nhau,

Tiếp vật tùy cơ ứng.

Mống tâm tu là vọng,

Giữ yên cũng chẳng chơn.

Nhờ Sư thấu diệu chỉ,

Chẳng còn kẹt danh tướng.

Hán văn:

Tam thân nguyên ngã thể,

Tứ trí bốn tâm minh,

Thân trí dung vô ngại,

Ứng vật nhậm tùy hình.

Khởi tu giai vọng động,

Thủ trụ phi chơn tinh.

Diệu chỉ nhân sư hiều,

Chung vong nhiễm ô danh.

Tăng Trí Thường, người ở Quý Khê tỉnh Tín Châu, xuất gia lúc còn nhỏ tuổi, quyết chí cầu kiến tánh. Một hôm đến tham lễ, Sư hỏi: Người từ đâu đến, muốn cầu việc gì? Đáp: Đệ tử gần đây đến núi Bạch Phong ở Hồng Châu lễ Hoà Thượng Đại Thông, nhờ chỉ dạy cái diệu nghĩa kiến tánh thành Phật, nhưng chưa hết nghi ngờ, nên từ xa đến đánh lễ, mong Hoà Thượng khai thị. Sư hỏi: Hoà Thượng Đại Thông nói thế nào? Người thử nói xem. Đáp: Trí Thường đến đó trải qua ba tháng chưa được chỉ dạy, trong lòng tha thiết vì Pháp, nên một hôm vào trượng thất hỏi Thế nào là bản tâm bản tánh của Trí Thường? Hoà Thượng hỏi: Người thấy hư không chẳng? Đáp: Thấy. Hỏi: Người thấy hư không có tướng mạo chẳng? Đáp: Hư không vô hình đâu có tướng mạo! Hoà Thượng nói: Bản tánh của người cũng như hư không, chẳng có một vật để thấy gọi là chánh kiến, chẳng có một vật để biết gọi là chơn tri, chẳng có xanh vàng dài ngắn, chỉ thấy bốn nguyên thanh tịnh, giác thể sáng tròn, gọi là kiến tánh thành Phật, cũng gọi là tri kiến của Như Lai. Đệ tử dù nghe nói như vậy mà tâm còn chưa lãnh hội, xin Hoà Thượng khai thị. Sư nói: Cái thuyết của Đại Thông vẫn còn tri kiến nên khiến người chẳng lãnh hội. Nay ta cho người một bài kệ:

Chẳng thấy một pháp thành vô kiến,

Như mây đen che khuất mặt trời.

Chẳng biết một pháp thành vô tri,
Lại như hư không sanh điện chớp.
Như thế vẫn còn chấp tri kiến,
Nhận lầm chưa hiểu thấu phương tiện,
Người phải trong niệm tự biết quấy,
Ánh sáng tự tánh thường hiển hiện.

Hán văn:

Bất kiến nhất pháp tồn vô kiến,
Đại tự phù vân giá nhứt điện,
Bất tri nhất pháp thủ không tri,
Hườn như thái hư sanh thiêm điện.
Thử chi tri kiến miết nhiên hưng,
Thố nhận hà tăng giải phương tiện.
Nhữ đương nhất niệm tự tri phi,
Tự kỷ linh quang thường hiển hiện.
Trí Thường nghe xong hoát nhiên tâm ngộ, bèn nói kệ rằng:
Khi không khởi tri kiến,
Chấp tướng cầu Bồ đề.
Tình chấp một niệm ngộ,

Khó siêu nhiều kiếp mê.

Bản thể tự tánh giác,

Tùy chiếu vọng lưu chuyển.

Chẳng vào thất Tổ sư,

Si mê chạy hai đầu. (Hai đầu: nhị biên, tức là biên kiến).

Hán văn:

Vô đoan khởi tri kiến, Trước tướng cầu bồ đề.

Tình tồn nhất niệm ngộ.

Ninh việt tích thời mê.

Tự tánh giác nguyên thể,

Tùy chiếu uổng thiên lưu.

Bất nhập Tổ Sư thất,

Mang nhiên thú lưỡng đầu.

Một hôm Trí Thường hỏi Sư: Phật thuyết pháp tam thừa, lại thuyết tối thượng thừa là thế nào? Đệ tử chưa rõ, xin Thầy dạy bảo. Sư nói: Người chỉ nên tự xét bản tâm, chớ chấp trước pháp tướng bên ngoài, pháp chẳng bốn thừa, tâm người tự có sai biệt: Thấy nghe tụng niệm là tiểu thừa; ngộ pháp hiểu nghĩa là trung thừa; y pháp tu hành là đại thừa; vạn pháp thông đạt, vạn pháp đầy đủ, tất cả chẳng nhiễm, lià các pháp tướng, trọn vô sở đắc, gọi là tối thượng thừa. Thừa nghĩa là hành, chẳng ở nơi tranh biện, người nên tự tu, chớ hỏi ta vậy, trong bất cứ lúc nào, tự tánh tự như như. Trí Thường lễ tạ, làm thị giả trọn đời Sư.

Tăng Chí Đạo, người Nam Hải tỉnh Quảng Châu, đến xin chỉ dạy: Đệ tử từ lúc xuất gia đến nay, xem Kinh Niết Bàn đã hơn mười năm nhưng chưa rõ đại ý, xin Hoà Thượng chỉ dạy. Sư hỏi: Người chưa rõ chỗ nào? Chí Đạo nói: Các hạnh vô thường là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt xong, tịch diệt làm vui (lạc đức). Đệ tử nghi ngờ chỗ này. Sư hỏi: Người nghi ngờ cái gì? Đáp: Tất cả chúng sanh có hai thân, gọi là sắc thân và pháp thân. Sắc thân vô thường, có sanh có diệt, pháp thân có thường, chẳng tri chẳng giác. Kinh nói sanh diệt diệt xong, tịch diệt làm vui, chẳng biết thân nào tịch diệt, thân nào được vui? Nếu nói sắc thân được vui, sắc thân lúc diệt thì tứ đại tan rã, toàn thể là khổ, khổ chẳng thể nói là vui. Nếu pháp thân tịch diệt thì đồng như cây cỏ ngói đá, ai mà được vui? Lại pháp tánh là cái thể của sanh diệt, ngũ uẩn là dụng của sanh diệt, một thể năm dụng, sanh diệt là thường, sanh thì từ thể khởi dụng, diệt thì nhiếp dụng trở về thể. Nếu cho sanh nữa tức là loài hữu tình chẳng đoạn chẳng diệt; nếu chẳng cho sanh nữa thì vĩnh viễn tịch diệt, đồng với loài vô tình, như thế thì tất cả các pháp đều bị Niết Bàn ngăn cấm, sanh còn chẳng được, có gì là vui? Sư nói: Người là Phật tử, sao lại học tà kiến ngoại đạo, chấp đoạn chấp thường mà luận bàn pháp tối thượng thừa! Theo lời người nói thì ngoài sắc thân lại có pháp thân, là sanh diệt cầu nơi tịch diệt, lại cho thường đức, lạc đức của Niết Bàn là có thân để thọ dụng, ấy đều là mê chấp và ham tiếc sanh tử, đắm mê sự vui của thế gian. Người nay nên biết, Phật vì tất cả người mê, nhận lầm ngũ uẩn hoà hợp là tướng tự thể, lầm cho tất cả pháp là tướng ngoại trần, tham sống sợ chết, niệm niệm trôi lăn trong lục đạo, chẳng biết đều như mộng huyễn hư giả, uống chùi luân hồi, đem thường đức, lạc đức của Niết Bàn trở thành tướng khổ, suốt ngày tìm cầu. Phật vì thương xót cho những người này, nên khai thị chơn lạc của Niết Bàn, sát na chẳng có tướng sanh, sát na chẳng có tướng diệt, cũng chẳng có sanh diệt để diệt, ấy tức là tịch diệt hiện tiền. Đang lúc hiện tiền, cũng chẳng có số lượng hiện tiền, nghĩa là chẳng có một tí khái niệm nào về không gian, thời gian, và số lượng của tịch diệt hiện tiền, mới gọi là thường đức, lạc đức, nghĩa là chơn vui. Vui này chẳng có kẻ thọ dụng, cũng chẳng có kẻ không thọ dụng, há có cái tên gọi một thể năm

dụng cụ sao! Huống là còn nói Niết Bàn ngăn cấm các pháp khiến cho chẳng sanh, ấy là phỉ báng Phật pháp. Hãy nghe kệ đây:

Vô thượng đại Niết Bàn,

Sáng tròn thường tịch chiếu,

Phàm phu gọi là chết,

Ngoại đạo chấp đoạn diệt.

Những người tu nhị thừa,

Cho đó là vô tác.

Thấy đều do tình thức,

Sáu mươi hai kiến chấp. (1)

Vọng lập tên hư giả,

Đâu phải nghĩa chơn thật.

Chỉ có người kiến tánh,

Thông đạt chẳng lấy bỏ,

Vì biết pháp ngũ uẩn.

Với cái ngã trong uẩn,

Cả hiện tượng thế giới,

Mỗi sắc tướng âm thanh,

Bình đẳng như mộng huyễn,

Chẳng phân biệt thánh phàm,

Chẳng cho là Niết Bàn.

Nhị biên tam tế dứt. (Nhị biên: đối đãi biên kiến; tam tế: quá khứ hiện tại, vị lai).

Thường ứng các căn dụng, (2)

Mà chẳng khởi dụng tướng,

Phân biệt tất cả pháp, (3)

Chẳng khởi phân biệt tướng.

Niết Bàn vốn phi vật,

Lửa gió đùng chẳng được.

Chơn vui thường tịch diệt,

Tướng Niết Bàn như thế,

Nay ta gượng nói ra,

Khiến người bỏ tà kiến.

Chớ hiểu theo lời nói,

Mới cho biết ít phần.

GHI CHÚ :

(1) 62 kiến chấp: Tứ cú x ngũ uẩn = 20, 20 x tam tế = 60, 60 + thêm Hữu và Vô (nguồn gốc của tất cả nhị biên đối đãi) = 62. Tất cả kiến chấp đều không ở ngoài 62 kiến chấp này.

(2) Thường ứng các căn dụng, mà chẳng khởi dụng tướng: Thường ứng là tả sự dụng của tự tánh chẳng tác ý, như bóng hiện trong gương, luôn luôn như thế. Ví như dùng cơm chỉ là dùng cơm, chẳng có năng sở, nên nói Thường ứng các căn dụng, mà chẳng khởi dụng tướng. Còn dụng tướng thì có tác ý, nên có năng sở, cho ta là năng dùng, cơm là sở dùng.

(3) Phân biệt tất cả pháp, chẳng khởi phân biệt tướng: Phân biệt tất cả pháp mà chẳng tác ý ví như cơm chỉ là cơm, nước chỉ là nước, còn phân biệt tướng là có tác ý, nên có cơm ngon cơm dở, nước trong nước đục.

*

Hán dịch:

Vô thượng Đại Niết Bàn,

Viên minh thường tịch chiếu.

Phàm ngu vị chi tử,

Ngoại đạo chấp vi đoạn.

Chư cầu nhị thừa nhân.

Mục dĩ vi vô tác.

Tận thuộc tình sở kế,

Lục thập nhị kiến bản.

Vọng lập hư giả danh,

Hà vi chơn thật nghĩa.

Duy hữu quá lượng nhơn,

Thông đạt vô thủ xả.
Dĩ tri ngũ uân pháp,
Cập di uân trung ngã,
Ngoại hiện chúng sắc tướng,
Nhất nhất âm thanh tướng,
Bình đẳng như mộng huyễn,
Bất khởi phàm thánh kiến,
Bất tác Niết Bàn giải,
Nhị biên tam tế đoạn.
Thường ứng chư căn dụng,
Nhi bất khởi dụng tướng.
Phân biệt nhất thiết pháp,
Bất khởi phân biệt tướng.
Kiếp hỏa thiêu hải đế,
Phong cổ sơn tương kích.
Chơn thường tịch diệt lạc,
Niết Bàn tướng như thị.
Ngô kim cường ngôn thuyết,
Linh nữ xã tà kiến.

Nhữ vật tùy ngôn giải,

Hứa nhữ tri thiếu phần.

*

Chí Đạo nghe xong đại ngộ, vui mừng đánh lễ lui ra.

---o0o---

Hành Tư Thiên Sư, họ Lưu, sanh ở An Thành, tỉnh Kiết Châu. Nghe nói Tào Khê giáo pháp thịnh hành, bèn đến tham lễ, hỏi: Nên làm việc gì để khỏi lọt vào giai cấp? Sư hỏi: Người đã từng làm việc gì? Đáp: Thánh đế cũng chẳng làm. Sư hỏi: Lọt vào giai cấp nào? Đáp: Thánh đế còn chẳng làm, giai cấp nào mà có! Sư rất trọng, cho là pháp khí, cho làm quản chúng. Một hôm Sư nói: Người nên hoá độ một nơi, chớ cho đoạn dứt giáo pháp đốn ngộ này. Hành Tư Thiên Sư đã đắc pháp, bèn về núi Thanh Nguyên ở Kiết Châu hoằng pháp, sau được vua sắc phong, hiệu là Hoằng Tế Thiên Sư.

Hoài Nhượng Thiên Sư, họ Đỗ ở Kim Châu. Lúc ban đầu đến lễ An Quốc Sư ở Tung Sơn, An Quốc Sư sai đến Tào Khê tham vấn. Nhượng đến lễ bái. Sư hỏi: Từ đâu đến? Đáp: Tung Sơn. Sư hỏi: Cái vật gì mà đến như vậy? Nhượng trả lời chẳng được, nổi nghi tình trải qua tám năm, sau nói với Sư: Nói tựa như một vật thì chẳng đúng. Sư hỏi: Còn có thể tu chứng chăng? Đáp: Tu chứng thì chẳng phải không, ô nhiễm thì chẳng thể được. Sư ấn chứng rằng: Chỉ cái chẳng ô nhiễm này chư Phật đều hộ niệm, người đã như vậy, ta cũng như vậy. Nhượng hoát nhiên đại ngộ, bèn làm thị giả bên Sư mười lăm năm, ngày càng thấu triệt huyền chỉ thâm sâu. Sau đến núi Nam Nhạc, rộng truyền Thiên Tông, được vua sắc phong, hiệu Đại Huệ Thiên Sư.

Vĩnh Gia Huyền Giác Thiên Sư, họ Đới quê ở Ôn Châu. Thuở nhỏ tu học Kinh Luận, chuyên về pháp môn chỉ quán của Thiên Thai Tông, nhân xem

Kinh Duy Ma Cật phát minh tâm địa (kiến tánh). Bồng gặp đệ tử của Sư là Huyền Sách đến thăm, luận đàm với nhau; thấy lời nói của Huyền Giác khế hợp với Chư Tổ, Huyền Sách hỏi: Thượng Tọa đắc pháp nơi Thầy nào? Đáp: Tôi nghe giảng Kinh Luận Đại Thừa, mỗi mỗi đều có Thầy truyền thừa, sau xem Kinh Duy Ma Cật ngộ tự tâm Phật, nhưng chưa có Thầy ấn chứng. Huyền Sách nói: Trước thời Phật Oai Âm Vương thì được, sau thời Phật Oai Âm Vương, không Thầy mà tự ngộ, ấy đều là thiên nhiên ngoại đạo. Giác nói: Vậy xin nhờ Thượng Tọa vì tôi ấn chứng. Sách nói: Lời tôi chẳng đáng kể, ở Tào Khê nay có Lục Tổ Đại Sư, các nơi đều tụ tập đến đó để thọ pháp, hãy đi thì cùng nhau đi. Huyền Giác bèn cùng với Huyền Sách đến tham vấn. Khi đến gặp Sư, Huyền Giác đi nhiều ba vòng rồi đứng lại chống tích trượng. Sư nói: Bậc Sa môn phải đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, Đại Đức từ đâu đến mà sanh đại ngã mạn! Giác đáp: Sanh tử việc lớn, vô thường nhanh chóng. Sư nói: Sao chẳng thể cứu (tham cứu) cái pháp vô sanh, liễu ngộ cái chẳng nhanh chóng ấy ư? Đáp: Thế tức vô sanh, liễu vốn chẳng chóng. Sư bèn ấn chứng: Đúng thế, đúng thế! Lúc bấy giờ Huyền Giác mới trang nghiêm lễ bái, giây lát sau liền từ giã. Sư nói: Sao về chóng thế? Đáp: Tự vốn chẳng động, há có chóng sao?" Sư hỏi: Ai biết chẳng động? Đáp: Hoà Thượng tự sanh phân biệt. Sư nói: Người thật được ý vô sanh. Đáp: Vô sanh há có ý sao? Sư hỏi: Không ý ai biết phân biệt? Đáp: Phân biệt cũng chẳng tác ý. Sư nói: Lành thay! Hãy ở lại một đêm. Người thời ấy tôn Huyền Giác là Nhất Túc Giác. Về sau Giác soạn bài Chứng Đạo Ca thịnh hành khắp thế gian. Sau được sắc phong là Vô Tướng Đại Sư, người đời tôn là Chơn Giác.

Thiền Giả Trí Hoàng, tham học với Ngũ Tổ, tự cho mình đã được chánh thọ (chánh định), bèn chấp ngồi mãi trong am hơn hai mươi năm. Đệ tử của Sư là Huyền Sách hành cước đến Hà Bắc, nghe tên Trí Hoàng, liền đến am hỏi thăm. Ông ở đây làm gì? Hoàng nói: Nhập định. Sách hỏi: Ông nói nhập định, là có tâm nhập hay là không tâm nhập? Nếu nói không tâm nhập thì tất cả loài vô tình, cây cối ngói đá đều phải được định; nếu nói có tâm nhập

thì tất cả loài hữu tình cũng đều được định. Hoàng nói: Ta đang lúc nhập định chẳng thấy có cái tâm CÓ và KHÔNG.

Sách nói: Chẳng thấy có cái tâm CÓ và KHÔNG tức là thường định, đâu có xuất nhập? Hễ có xuất nhập thì chẳng phải đại định. Hoàng không trả lời được, một lúc sau mới hỏi: Thượng Tọa nổi pháp ai? Sách nói: Thầy tôi là Tào Khê Lục Tổ Đại Sư. Hoàng hỏi: Lục Tổ lấy gì làm thiền định? Sách nói: thầy tôi nói: tự tánh huyền diệu trạm nhiên, viên tròn tịch diệt, thể dụng như như, ngũ uẩn vốn không, lục trần phi thật, chẳng xuất chẳng nhập, chẳng định chẳng loạn, tánh thiền vô trụ, chẳng trụ nơi thiền tịch, tánh thiền vô sanh, chẳng khởi thiền tướng (chẳng tác ý cho là thiền), tâm như hư không, cũng chẳng có cái số lượng của hư không. Hoàng nghe nói như vậy bèn đến lễ Sư. Sư hỏi: Thượng Tọa từ đâu đến? Hoàng thuật lại nhân duyên gặp Huyền Sách. Sư nói: Thật đúng như Huyền Sách nói. Người hể tâm như hư không, chẳng chấp vào không, ứng dụng vô ngại, động tịnh vô tâm (chẳng tác ý), thánh phàm đều quên, năng sở đều diệt, tánh tướng như như, thì không lúc nào chẳng phải định vậy. Trí Hoàng do đó đại ngộ, cái tâm sở đắc từ hai mươi năm đến nay đều tan rã chẳng còn hình bóng. Sau từ già Sư về nơi Hà Bắc hoằng pháp, khai hoá tứ chúng.

Có một đồng tử tên là Thần Hội, họ Cao, ở Tương Dương. Lúc mười ba tuổi từ chùa Ngọc Tuyên đến tham lễ.

Sư nói: Tri thức từ xa đến khổ nhọc, có đem theo cái bản lai đến chẳng? Nếu có bản lai thì phải biết chủ nhơn, thử nói xem!

Hội đáp: Lấy vô trụ làm bản, cái thấy tức là chủ.

Sư nói: Sa di này hay nói càn!

Hội lại hỏi: Hoà Thượng tọa thiền thấy hay chẳng thấy?

Sư cầm cây gậy đánh cho ba cái, hỏi: Ta đánh người có đau hay chẳng đau?

Đáp: Cũng đau cũng không đau.

Sư nói: Ta cũng thấy cũng chẳng thấy!

Hỏi: Thế nào là cũng thấy cũng chẳng thấy?

Sư nói: Cái thấy của ta, thường thấy lỗi của tự tâm, chẳng thấy phải quấy tốt xấu của người, cho nên cũng thấy cũng chẳng thấy. Người nói cũng đau cũng chẳng đau là thế nào? Nếu chẳng đau thì đồng với cỏ đá, nếu đau thì đồng với phàm phu, liền khởi sân hận. Người vừa hỏi thấy, không thấy là nhị biên (đối đãi), nói đau, không đau là sanh diệt, tự tánh người còn chẳng tự thấy mà dám đùa người khác! Thần Hội bèn lễ bái cầu xin sám hối.

Sư lại nói: Người nếu tâm mê chẳng thấy, cần phải hỏi thiện tri thức để chỉ đường, người nếu tâm ngộ tức tự thấy tánh, phải y pháp tu hành. Nay người mê chẳng thấy tự tâm, lại đến hỏi ta thấy hay không thấy, ta thấy tự ta biết, chẳng dính dáng cái mê của người, người nếu tự thấy, cũng chẳng dính dáng cái mê của ta, sao chẳng tự thấy tự biết, mà lại hỏi ta thấy hay chẳng thấy! Thần Hội lại lễ thêm hơn trăm lạy, xin sám hối tội lỗi, ân cần hầu hạ bên Sư chẳng rời.

Một hôm Sư bảo chúng: Ta có một vật, chẳng đầu chẳng đuôi, chẳng danh chẳng tự, chẳng lưng chẳng mặt, các người có biết chăng?

Thần Hội bèn ra nói: Ấy là bốn nguyên của chư Phật, Phật tánh của Thần Hội.

Sư nói: Đã nói với người là chẳng danh chẳng tự, người bèn gọi là bốn nguyên Phật tánh, người sau này dấu cho có ra hoằng pháp cũng chỉ thành một môn đồ tri giải mà thôi.

Sau khi Lục Tổ viên tịch, Thần Hội vào trong Kinh thành Lạc Dương, rộng truyền đốn giáo của Tào Khê, soạn bộ Hiển Tông Ký, thịnh hành nơi đời, hiệu là Hà Trạch Thiên Sư.

Tăng hỏi Sư: Ý chỉ của Huỳnh Mai người nào được?

Sư đáp: Người hiểu Phật pháp được.

Hỏi: Hoà Thượng có được chăng?

Đáp: Ta chẳng hiểu Phật pháp.

Một hôm, Sư muốn giặt cái y của Ngũ Tổ truyền thọ mà xung quanh không có suối tốt, nên đi đến cách sau chùa năm dặm, thấy có núi rừng xanh biếc, thoai khí vòng quanh (thoai khí là triệu chứng tốt lành hiện trên không khí, nhưng phải là người có pháp nhãn mới thấy được. Sư động tích tượng xuống đất, nước suối ngay đó trào ra, chảy thành cái ao. Sư quỳ trên đá mà giặt y.

Có vị Tăng ở Tây Thục tên là Phương Biện đến lễ Sư, Sư hỏi: Thượng Tọa làm nghề gì?

Đáp: Thọ đắp tượng.

Sư nghiêm mặt lại nói: Người thử đắp ta xem!

Biện ngơ ngác, qua mấy ngày sau đắp xong chơn tượng, cao bảy tấc, nét mặt tánh tình đều được tỏ bày khéo léo.

Sư cười nói: Người khéo tánh đắp tượng mà chẳng hiểu tánh Phật. Sư rờ đầu thọ ký, dặn phải trộn làm phước điền cho trời người; rồi lấy y mà trả công. Biện chia y làm ba phần: một phần đắp lên pho tượng, một phần tự giữ lấy, một phần lấy lá cây kè gói lại, xong chôn dưới đất, nguyện rằng: Cho tôi đời sau được y này, làm trụ trì nơi đây, xây dựng lại chùa chiền.

Đến năm thứ tám, niên hiệu Gia Hữu đời Nhà Tống (1056-1063, cách đó 380 năm), có vị Tăng tên là Duy Tiên đến đó tu sửa lại chùa chiền, đào đất được y còn như mới. Pho tượng của Sư còn giữ ở chùa Cao Tuyền.

Có vị Tăng đem bài kệ của Ngoạ Luân thiên sư lập lại với Sư, Kệ rằng:

Ngoạ Luân hữu kỹ lưỡng,

Năng đoạn bá tư tưởng.

Đối cảnh tâm bất khởi,

Bồ đề nhứt nhứt trường.

Dịch nghĩa:

Ngoạ Luân có bản lãnh,

Dứt được trăm tư tưởng.

Đối cảnh tâm chẳng khởi,

Bồ đề luôn luôn trường.

Sư nghe xong nói: Kệ này chưa rõ tâm địa, nếu theo đó mà hành thì lại thêm trói buộc. Do đó khai thị một bài kệ:

Huệ Năng một kỹ lưỡng,

Bất đoạn bá tư tưởng.

Đối cảnh tâm số khởi,

Bồ đề tác ma trường.

Dịch nghĩa:

Huệ Năng không bản lãnh,

Chẳng dứt trăm tư tưởng.

Bồ đề làm sao trưởng!

---o0o---

Phẩm Đốn Tiệm Thứ Tám

Lúc Sư hoằng pháp tại chùa Bửu Lâm, Tào Khê, ở miền Nam, thì Thần Tú Đại Sư tại chùa Ngọc Tuyền, Kinh Nam, ở miền Bắc. Thời ấy hai tông thịnh hành, người đời xưng là Nam Năng, Bắc Tú, nên có Nam Bắc đốn tiệm hai tông, mà người học đạo chẳng biết tông chỉ của Nam Bắc như thế nào. Sư bảo chúng: Pháp vốn một tông mà người có Nam Bắc; pháp chỉ một thứ nhưng sự thấy có nhanh chậm. Sao gọi là đốn tiệm? Pháp chẳng đốn tiệm, theo căn tánh con người thì có lợi độn, nên gọi đốn tiệm. Nhưng đồ chúng của Thần Tú thường hay khinh chê Tổ Sư ở miền Nam là người chẳng biết chữ, đâu có gì hay? Thần Tú nói: Lục Tổ đắc Vô Sư Trí, triệt ngộ pháp tối thượng thừa, ta chẳng bằng được. Và lại được Thầy ta Ngũ Tổ thân truyền y pháp, đâu phải khi không mà được! Ta tiếc chẳng thể đi xa để được thân cận, uống chịu quốc ân. Các người chớ bị kẹt nơi đây, nên đi đến Tào Khê để tham học. Một hôm, Thần Tú sai môn đồ Chí Thành: Người thông minh có trí, hãy thay ta đến Tào Khê nghe pháp, tận tâm ghi nhớ các điều thấy nghe, về lập lại cho ta. Chí Thành vâng lời, bèn đến Tào Khê, theo chúng tham học mà chẳng nói từ chỗ nào đến. Lúc đó Sư bảo chúng: Nay có kẻ trộm pháp đang ẩn trong hội này. Chí Thành bèn bước ra lễ bái, bạch rõ nguyên do. Sư nói: Người từ Ngọc Tuyền đến tức là mật thám vậy. Đáp: Chẳng phải. Sư nói: Sao lại chẳng phải? Đáp: Lúc chưa nói ra thì phải, nói ra rồi thì chẳng phải. Sư hỏi: Thầy người lấy gì để dạy chúng? Đáp: Thầy tôi thường khuyên dạy chúng trụ tâm quán tịnh, ngồi mãi chẳng nằm. Sư nói: Trụ tâm quán tịnh là bệnh chứ chẳng phải thiền, ngồi mãi là trói thân, với đạo có ích lợi gì? Hãy nghe kệ đây:

Sanh lai tọa bất ngộ,

Tử khứ ngộ bất tọa.

Nguyên thị xú cốt đầu,

Hà vi lập công khoá.

Dịch nghĩa:

Lúc sống thì ngồi chẳng năm,

Lúc chết thì năm chẳng ngồi.

Vốn là đồng xương hôi thúi,

Đâu thể thành lập công phu?

Chí Thành lại lễ Sư: Đệ tử ở nơi Thần Tú Đại Sư học đạo chín năm mà chẳng được kế ngộ, nay nghe Hoà Thượng một lời liền kế ngộ bản tâm. Sanh tử của đệ tử là việc lớn, xin Hoà Thượng từ bi chỉ dạy thêm. Sư nói: Ta nghe nói Thầy người dạy người học pháp: giới, định, huệ; chẳng biết hành tướng giới định huệ như thế nào, hãy nói thử xem. Chí Thành nói: Thần Tú Đại Sư nói: những điều ác chớ làm gọi là giới, những điều lành phụng hành gọi là huệ, ý căn tự trong sạch gọi là định. Đại Sư dạy như thế, chưa biết Hoà Thượng lấy pháp gì để dạy người? Sư nói: Nếu nói có pháp dạy người ấy là dối người, ta chỉ tùy theo căn cơ để mở trí, giả danh tam muội. Như giới định huệ của Thầy người thật là bất khả tư nghì, giới định huệ của ta lại khác. Hỏi: Giới định huệ chỉ nên có một, sao lại có khác? Sư nói: Giới định huệ của Thầy người độ người đại thừa, giới định huệ của ta tiếp người tối thượng thừa, chỗ ngộ giải chẳng đồng nên sự thấy có nhanh chậm. Hãy nghe ta nói, xem có giống Thầy người chẳng! Ta thuyết pháp chẳng là tự tánh, là tánh thuyết pháp, khiến cho tự tánh thường mê, ấy là tướng thuyết. Nên biết tất cả pháp đều từ tự tánh khởi dụng, ấy là chơn pháp của giới định huệ vậy. Hãy nghe kệ đây:

Tâm địa vô phi tự tánh giới,

Tâm địa vô si tự tánh huệ,
Tâm địa vô loạn tự tánh định.
Bất tăng bất giảm tự kim cang,
Thân khứ thân lai bốn tam muội.

Dịch nghĩa:

Tâm địa chẳng quấy tự tánh giới,
Tâm địa chẳng si tự tánh huệ,
Tâm địa chẳng loạn tự tánh định.
Chẳng thêm chẳng bớt tự như như,
Thân đến thân đi vốn tam muội.

- Chí Thành nghe xong cảm tạ, trình kệ rằng:

Ngũ uẩn huyễn thân,
Huyễn hà cứu cánh.
Hồi thú chơn như,
Pháp hườn bất tịnh.

Dịch nghĩa:

Ngũ uẩn thân huyễn hoá,
Huyễn đâu có cứu cánh.
Trở về với chơn như,

Chấp pháp vẫn chẳng tịnh (chẳng thanh tịnh)

Sư cho là đúng, lại bảo Chí Thành: Giới định huệ của Thầy người dạy người căn khí nhỏ, giới định huệ của ta dạy người căn khí lớn. Nếu ngộ được tự tánh, cũng chẳng lập Bồ Đề Niết Bàn, cũng chẳng lập giải thoát tri kiến, chẳng có một pháp có thể đắc, như thế mới được kiến lập vạn pháp. Nếu thấu lý này, cũng gọi là Bồ Đề Niết Bàn, cũng gọi là giải thoát tri kiến. Người kiến tánh lập cũng được, chẳng lập cũng được, đi lại tự do, chẳng trê chẳng ngại, cần dùng liền làm, cần nói liền đáp (làm và nói đều chẳng tác ý), khắp hiện hoá thân chẳng lià tự tánh, tức được thần thông tự tại, du hí tam muội, gọi là kiến tánh. Chí Thành lại bạch: Thế nào là nghĩa Chẳng lập? Sư nói: Tự tánh chẳng quấy chẳng si chẳng loạn, niệm niệm quán chiếu Bát Nhã, thường lià pháp tướng, tự do tự tại, thuận nghịch đều được, có gì để lập? Tự tánh tự ngộ, đốn ngộ đốn tu, cũng chẳng thứ tự, cho nên chẳng lập tất cả pháp, các pháp tịch diệt, đâu có thứ lớp? Chí Thành lễ bái, nguyện làm thị giả hầu hạ sớm chiều.

Tăng Chí Triệt, họ Trương tên Hành Xương, người ở Giang Tây, thuở nhỏ tánh hào hiệp. Lúc ấy Nam Bắc chia ra hai tông, tuy Lục Tổ và Thần Tú Đại Sư không phân chia bỉ thử, nhưng đồ chúng lại cạnh tranh với nhau sanh lòng ưa ghét, mà môn đồ bên Bắc Tông tự lập Thần Tú làm Tổ thứ 6, lại sợ người đời biết được sự truyền y của Ngũ Tổ, nên sai Hành Xương đến ám sát Lục Tổ. Sư tâm thông đã biết việc này, bèn lấy mười lượng vàng để nơi ghế ngồi. Lúc tối Hành Xương lén vào thất muốn ám sát. Sư đưa cổ cho chém. Hành Xương cầm kiếm chém ba lần, chẳng gây vết thương. Sư nói: Chánh kiến (kiếm) chẳng tà, tà kiến (kiếm) chẳng chánh (theo Hán tự, chữ kiến với chữ kiếm khác chữ đồng âm, ở đây là một lời hai nghĩa), chỉ nợ người vàng, chẳng nợ người mạng. Hành Xương kinh sợ ngã xiêu, một hồi lâu mới tỉnh dậy, ăn năn cầu xin sám hối, bèn xin xuất gia. Sư đưa vàng cho và dặn: Người hãy đi, sợ đồ chúng biết được sẽ sát hại người, để ngày khác người thay đổi hình dạng rồi trở lại, ta sẽ cho thỏa nguyện. Hành Xương nghe lời, nửa đêm trốn đi, sau ở nơi khác xuất gia. Một hôm nhớ đến lời

dặn của Sư, bèn từ xa đến tham lễ. Sư nói: Ta chờ người đã lâu, sao đến trễ vậy? Hành Xương nói: Ngày trước được Hoà Thượng xá tội, nay dù xuất gia khổ hạnh, nhưng khó mà báo ơn, chỉ mong được Hoà Thượng truyền pháp để độ chúng sanh. Đệ tử xem Kinh Niết Bàn, chưa hiểu cái nghĩa thường và vô thường, xin Hoà Thượng từ bi giải thích sơ lược. Sư nói: Vô thường tức Phật tánh, có thường tức cái tâm phân biệt tất cả pháp thiện ác vậy. Hành Xương nói: Lời của Hoà Thượng rất nghịch lời văn trong Kinh. Sư nói: Ta được truyền tâm ấn Phật, đâu dám nghịch ý Kinh! Hành Xương nói: Kinh nói Phật tánh là thường, Hoà Thượng lại nói là vô thường. Các pháp thiện ác cho đến Bồ đề tâm đều là vô thường, Hoà Thượng lại nói là thường, ấy là trái nghịch nhau, khiến đệ tử lại thêm nghi ngờ. Sư nói: Xưa kia ta nghe Ni Vô Tận Tạng tụng qua một lần Kinh Niết Bàn, bèn vì Ni giải thuyết, chẳng có một chữ một nghĩa không đúng với lời văn trong Kinh, cho đến nay vì người mà thuyết, trước sau chẳng khác. Hành Xương nói: Đệ tử căn tánh ngu muội, xin Hoà Thượng khai thị tỉ mỉ. Sư nói: Người biết chẳng, Phật tánh nếu thường còn nói gì về các pháp thiện ác; cho đến tận kiếp cũng chẳng một người phát Bồ đề tâm, nên ta nói vô thường, ấy chính là cái đạo chơn thường do Phật thuyết vậy. Hơn nữa, tất cả các pháp nếu vô thường thì mỗi mỗi đều có tự tánh riêng biệt để lãnh thọ sanh tử, vậy thì tánh chơn thường khắp nơi lại có chỗ thiếu sót, nên ta nói thường, ấy chính là nghĩa chơn vô thường của Phật. Phật vì kẻ phàm phu tà đạo chấp nơi tà thường, những người nhị thừa từ nơi thường, suy ra vô thường, cộng thành tám thứ điên đảo, nên trong Kinh Niết Bàn liễu nghĩa phá những thiên kiến của họ để tỏ bày tứ đức của Niết Bàn: chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh. Người nay theo lời trái nghĩa, lấy đoạn diệt vô thường và chấp thường là cố định, mà hiểu lầm lời nói sau cùng viên tròn vi diệu của Phật, dẫu cho xem Kinh ngàn lần, có ích gì đâu? Hành Xương hoát nhiên đại ngộ, nói kệ rằng:

Nhân thủ vô thường tâm,

Phật thuyết hữu thường tánh.

Bất tri phương tiện giả,

Du xuân trì thập lịch.

Ngã kim bất thi công,

Phật tánh nhi hiện tiền.

Phi Sư tương thọ dữ,

Ngã diệc vô sở đắc.

Dịch nghĩa:

Vì giữ tâm vô thường,

Phật nói tánh có thường.

Kẻ chẳng biết phương tiện,

Như mò sỏi tưởng vàng,

Nay ta chẳng tác ý,

Phật tánh tự hiện tiền,

Chẳng phải do thầy cho.

Ta cũng vô sở đắc. Sư nói: Người nay đã triệt ngộ, nên đổi tên Trí Triệt. Trí Triệt lễ tạ lui ra.

LƯỢC GIẢI: Lời của chư Phật chư Tổ chỉ tạm dùng để phá chấp: nói thường là để phá chấp vô thường, nói vô thường là để phá chấp thường, chớ không có nghĩa thật. Nên Kinh Lăng Nghiêm nói: Hễ là lời nói thì đều chẳng có nghĩa thật. Phẩm tựa đã chỉ rõ Phật tánh phi thường phi vô thường, do đó mặc dù lời Tổ với lời Phật trái nghịch nhau, nhưng ý Tổ với

ý Phật chẳng khác là nghĩa này vậy.

Sư thấy môn đồ các tông tụ tập dưới Pháp toà, đều khởi ác ý vấn nạn. Sư thương xót cho họ nên bảo rằng: Người học đạo cần phải dứt trừ cho sạch tất cả thiện niệm ác niệm, cho đến chẳng còn chỗ để gắn tên, rồi lại gắn tên nơi tự tánh; tự tánh vốn bất nhị, gọi là thật tánh. Từ nơi thật tánh mới kiến lập tất cả giáo môn. (Như vậy, Pháp môn của các tông dù có khác, nhưng đều cùng xuất phát từ một nguồn, vốn chẳng cao thấp, người học đạo chớ nên tranh giành hơn thua mà trái nghịch với đạo). Còn Pháp đốn giáo này thì cần phải ngay đó (chẳng tác ý) tự ngộ tự thấy mới được. Đại chúng nghe xong thầy đều đánh lễ, thờ Sư làm Thầy.

---o0o---

Phẩm Hộ Pháp Thứ Chín

Ngày rằm tháng giêng niên hiệu Thần Long nguyên niên, vua Trung Tôn và Võ Tắc Thiên ban chiếu rằng: Trẫm mời An Quốc Sư và Thần Tú Thiên Sư hai vị vào cung cúng dường, thừa lúc muôn việc nhàn rảnh để nghiên cứu đạo nhất thừa. Hai Sư khiêm nhượng rằng: Ở miền Nam có Huệ Năng Thiên Sư được Ngũ Tổ mật phó y pháp, truyền Phật tâm ấn, xin mời Sư đến để hỏi. Nay sai nội thị Tiết Giản lãnh chiếu đến rước thỉnh, nguyện Sư từ bi thương xót, mau đến kinh thành. Sư dâng biểu cáo bệnh khước từ và xin được trọn đời ở trong núi rừng.

Tiết Giản hỏi: Các thiên đức nơi kinh thành đều nói là muốn được ngộ đạo phải ngồi thiền tập định, nếu không nhờ thiền định mà mong được giải thoát thì chưa hề có vậy. Chưa biết cách dạy bảo của sư như thế nào?

Sư nói: Đạo do tâm ngộ chẳng tại tọa. Kinh nói Nếu nói Như Lai có năm có ngồi, ấy là kẻ hành tà đạo. Tại sao vậy? Vì tự tánh chẳng có chỗ đến, cũng chẳng có chỗ đi, chẳng sanh chẳng diệt, gọi là Như Lai Thanh Tịnh Thiền. Chư pháp không-tịch là Như Lai Thanh Tịnh Tọa, cứu cánh chẳng có một pháp để chứng đắc, hướng chi là ngồi!

Tiết Giản nói: Đệ tử về Kinh, Hoàng Đế ắt hỏi, xin Sư từ bi chỉ thị tâm yếu, để về triều đình tâu lại hai vua và người học đạo ở kinh thành, thí như một ngọn đèn môi cho trăm ngàn ngọn, khiến kẻ tối đều sáng, dùng sáng truyền sáng, sáng mãi chẳng hết.

Sư nói: Đạo chẳng sáng tối, sáng tối là nghĩa sanh diệt. Sáng mãi chẳng hết, cũng phải có lúc hết, vì sáng tối là đối đãi lập danh, nên Kinh Duy Ma Cật nói: Pháp chẳng thể so sánh, vì chẳng đối đãi vậy.

Tiết Giản nói: Sáng dụ cho trí huệ, tối dụ cho phiền não, người tu đạo nếu không lấy trí huệ để chiếu phá phiền não thì cái sanh tử đã từ vô thi, dựa vào đâu để ra khỏi? Sư nói: Phiền não tức Bồ đề, chẳng hai chẳng khác. Nếu nói lấy trí huệ để chiếu phá phiền não, ấy là kiến giải của kẻ nhị thừa, người đại căn thượng trí thì chẳng như vậy.

Hỏi: Thế nào là kiến giải của người đại thừa?

Sư nói: Sáng với chẳng sáng, phàm phu thấy có nhị, người trí liễu đạt tánh ấy bất nhị, tánh bất nhị tức là thật tánh vậy. Thật tánh ở nơi phàm ngu mà chẳng bớt, nơi thánh hiền mà chẳng thêm; trụ nơi phiền não mà chẳng loạn, ngay nơi thiên định mà chẳng tịch, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đi chẳng đến, chẳng phải ở giữa, cũng chẳng bên trong bên ngoài, chẳng sanh chẳng diệt, tánh tướng như như, thường trụ chẳng biến đổi, ấy gọi là đạo.

Hỏi: Sư nói chẳng sanh chẳng diệt, vậy đâu khác với ngoại đạo!

Đáp: Ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt, là dùng diệt để dẹp sanh, dùng sanh để tỏ diệt, sanh nơi chẳng sanh, diệt nơi chẳng diệt. Ta thuyết chẳng sanh chẳng diệt là: tự vốn chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt, cho nên khác với ngoại đạo. Nếu người muốn biết tâm yếu, nên đối với các pháp thiện ác đều chớ suy lường, tự nhiên được tâm thể thanh tịnh, trạm nhiên thường tịch, diệu dụng hằng sa. Tiết Giản được chỉ dạy, hoát nhiên đại ngộ, lễ bái từ giã về kinh, dâng biểu tâu thuật lại lời nói của Sư.

Ngày 3 tháng 9 năm ấy, vua ban chiếu khen ngợi rằng: Thiền Sư cáo bệnh khước từ, đã vì Trẫm tu hành, làm phước điền cho chúng sanh. Sư như Ngài Duy Ma Cật, cáo bệnh ở thành Tỳ Da để xiển dương đại thừa, truyền Phật tâm ấn, thuyết pháp bất nhị. Tiết Giản truyền đạt lại tri kiến Như Lai của Sư chỉ dạy, cũng là do Trẫm tích tụ phước đức, kiếp trước đã gieo trồng thiện căn, nên được gặp Sư xuất hiện cùng đời, đốn ngộ pháp tối thượng thừa, cảm đội ơn Sư chẳng thể nào quên. Nay dâng chiếc Cà sa và bình bát thủy tinh, sai quan thứ sử Thiều Châu tu sửa lại chùa chiền, sắc phong cho nơi ở cũ của Sư (ở Tân Châu) là Quốc Ân Tự.

---o0o---

Phẩm Phó Chúc Thứ Mười

Một hôm Sư gọi các đệ tử như Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như nói: Các người chẳng như người khác, sau khi ta viên tịch, mỗi người làm Thầy một nơi. Nay ta dạy các người cách thuyết pháp chẳng đánh mất bản tông. Trước tiên phải y theo pháp môn TAM KHOA, dùng ba mươi sáu pháp đối, ra vào (khai thị bằng lời nói hay cử chỉ) thường lià nhị biên, thuyết tất cả pháp chẳng lià tự tánh. Thí như có người hỏi pháp, ý nghĩa lời nói song song, đến và đi làm nhân với nhau, đều dùng pháp đối. Nếu không có đối đãi thì ba pháp nhị biên và trung đạo đều dứt, chẳng còn chỗ để nương tựa. Pháp môn Tam Khoa là gì? Là ẤM, NHẬP, GIỚI: ẤM là ngũ ấm; gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. NHẬP có mười hai: bên ngoài lục trần, gồm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, bên trong lục căn, gồm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. GIỚI có mười tám: gồm lục căn, lục trần, lục thức. Tự tánh bao hàm vạn pháp, gọi là Hàm Tạng Thức. Nếu khởi niệm suy lường tức là chuyển thức, khiến sanh lục thức, ra cửa lục căn, tiếp xúc lục trần. Như vậy mười tám giới đều từ tự tánh khởi dụng, tự tánh nếu tà thì khởi mười tám tà, tự tánh nếu chánh thì khởi mười tám chánh, niệm ác dụng tức chúng sanh dụng, niệm thiện dụng tức Phật dụng. Dụng bằng cách nào? Là do tự tánh

lập ra pháp đối: Ngoại cảnh vô tình có năm đối: Trời đối đất, nhật đối nguyệt, sáng đối tối, âm đối dương, thủy đối hỏa, ấy là năm đối. Pháp tướng ngôn ngữ có mười hai đối: ngữ đối pháp, hữu đối vô, hữu sắc đối vô sắc, hữu tướng đối vô tướng, hữu lậu đối vô lậu, sắc đối không, động đối tịnh, thanh đối trược, phàm đối thánh, tăng đối tục, già đối trẻ, lớn đối nhỏ, ấy là mười hai đối. Tự tánh khởi mười chín đối: dài đối ngắn, tà đối chánh, si đối huệ, ngu đối trí, loạn đối định, từ đối độc, giới đối quấy, trực đối khúc, thật đối hư, chông gai đối bằng phẳng, phiền não đối bồ đề, thường đối vô thường, bi đối hại, hỷ đối sân, bố thí đối bòn xén, tiến đối lui, sanh đối diệt, pháp thân đối sắc thân, hoá thân đối báo thân, ấy là mười chín đối vậy. ẽ Sư bảo: ẹBa mươi sáu pháp đối này nếu biết dùng thì thấu đạo và tất cả Kinh Pháp, ra vào thường lià nhị biên. Dụng của tự tánh chẳng cần tác ý, nói năng với người, ngoài thì ở nơi tướng lià tướng, trong thì nơi không lià không. Nếu trọn chấp tướng thì sanh trưởng tà kiến, nếu trọn chấp không thì sanh trưởng vô minh. Kẻ chấp không hay phỉ báng Kinh Phật, cho là chẳng cần văn tự, đã nói chẳng cần văn tự thì con người cũng không nên có lời nói, cái lời nói tức là tướng văn tự. Lại nói Đạo ngay thẳng chẳng lập văn tự, thật ra hai chữ chẳng lập cũng là văn tự vậy! Vừa nghe người thuyết pháp, liền phỉ báng cho là dính mắc văn tự, các người phải biết, tự mê còn đỡ, lại phỉ báng Kinh Phật. Chớ nên phỉ báng Kinh, để tạo nhiều tội chướng. Nếu chấp tướng bên ngoài mà vọng lập phương pháp để cầu chơn, hoặc rộng lập đạo tràng, nói các lỗi lầm của CÓ và KHÔNG, những người như vậy nhiều kiếp chẳng thể kiến tánh. Các người phải dạy người theo pháp tu hành, chớ nên trăm điều chẳng nghĩ, làm cho đạo tánh bị ngăn ngại. Nếu thuyết pháp dạy người, chớ nên nói ẹtự tánh vốn chẳng cần tu chứng, nói như vậy e rằng kẻ mê chẳng hiểu, lại sanh tà kiến. Chỉ nên dạy người theo pháp tu hành, hành pháp thí mà chẳng trụ nơi pháp tướng. Các người nếu ngộ thì thuyết như vậy, dụng như vậy, hành như vậy, tác như vậy tức không đánh mất bản tông. Nếu có người đến hỏi nghĩa, hỏi có thì đáp không, hỏi không thì đáp có, hỏi thánh đáp phàm, hỏi phàm đáp thánh, nhị biên làm nhân với nhau, sanh nghĩa trung đạo. Hỏi nào đáp nấy, tất cả các câu hỏi khác đều đáp như thế thì chẳng mất cái chánh lý vậy. Như có người

hỏi thế nào là tối? thì đáp sáng, hỏi thế nào là sáng? thì đáp tối. Vì sáng mất thì tối, tối mất thì sáng, dùng sáng để tỏ sự tối, dùng tối để tỏ sự sáng, trở đi trở lại làm nhân với nhau thành nghĩa trung đạo, tất cả câu hỏi đều phải như thế. Về sau các người truyền pháp, phải y theo đây mà dạy bảo, chớ đánh mất tông chỉ.

Vào tháng bảy năm Nhâm Tý, niên hiệu Thái Cực Diên Hoà (712), Sư sai môn đồ đến Quốc Ân Tự nơi Tân Châu để xây tháp, đốc thợ làm gấp, đến mùa hè năm sau khánh thành. Ngày mùng một tháng bảy, Sư tựu tập đồ chúng bảo: Đến tháng tám ta sẽ rời thế gian, các người có nghi cứ hỏi sớm đi, ta sẽ phá nghi, khiến các người hết mê hoặc, nếu ta đi rồi thì chẳng ai dạy bảo. Các môn đồ nghe nói thầy đều rơi lệ, chỉ có Thần Hội bình tĩnh chẳng động, cũng chẳng rơi lệ. Sư nói: Chỉ có tiểu sư Thần Hội được sự thiện bất thiện đồng nhau, khen chê chẳng động, vui buồn chẳng sanh, ngoài ra các người đều chẳng được, bấy lâu nay ở trên núi lại tu đạo gì? Nay các người rơi lệ là lo buồn cho ai? Nếu nói lo cho ta chẳng biết sẽ đi về đâu, ta tự biết chỗ đi, nếu ta chẳng biết chỗ đi thì làm sao dự báo trước cho các người? Các người rơi lệ vì chẳng biết chỗ ta đi, nếu biết chỗ ta đi thì chẳng nên rơi lệ. Pháp tánh vốn chẳng sanh diệt tới lui. Các người hãy ngồi, ta nói với các người một bài kệ, gọi là CHƠN GIẢ ĐỘNG TỊNH KỆ, các người giữ lấy kệ này, theo đó tu hành, chẳng đánh mất tông chỉ, thì cùng ta đồng một ý chí. Đại chúng đành lễ, xin Sư làm kệ, kệ rằng:

Nhất thiết vô hữu chơn,

Bất dĩ kiến ư chơn.

Nhược kiến ư chơn giả,

Thị kiến tận phi chơn.

Nhược năng tự hữu chơn,

Ly giả tức tâm chơn.

Tự tâm bất ly giả,
Vô chơn hà xứ chơn.
Hữu tình tức giải động,
Vô tình tức bất động,
Nhược tu bất động hạnh.
Đồng vô tình bất động,
Nhược mích chơn bất động,
Động thượng hữu bất động.
Bất động thị bất động,
Vô tình vô Phật chủng.
Năng thiện phân biệt tướng,
Đệ nhất nghĩa bất động.
Đản tác như thử kiến,
Tức thị chơn như dụng.
Báo chư học đạo nhơn,
Nỗ lực tu dụng ý,
Mạc ư đại thừa môn,
Khước chấp sanh tử trí.
Nhược ngôn hạ tương ứng,

Tức cộng luận Phật nghĩa.

Nhược thật bất tương ứng.

Hiệp chương linh hoan hỷ.

Thử tông bốn vô tranh,

Tranh tức thất đạo ý.

Chấp nghịch tranh pháp môn,

Tự tánh nhập sanh tử.

Dịch nghĩa:

Tất cả chẳng có chơn,

Chớ nên cho là chơn.

Nếu người thấy có chơn,

Sự thấy đều chẳng chơn.

Nếu được tự có chơn,

Lià giả, tâm tức chơn.

Tự tâm chẳng lià giả, (1)

Làm sao có chỗ chơn?

Hữu tình tất phải động,

Vô tình thì bất động.

Nếu tu hạnh bất động,

Đâu khác loài vô tình!
Muốn tìm chơn bất động,
Nơi động là bất động,
Bất động (vô tình) đã bất động,
Vô tình vô Phật chúng.
Nếu người khéo phân biệt,
Đệ nhất nghĩa bất động.
Cái thấy được như vậy,
Tức là chơn như dụng.
Báo cho người học đạo,
Siêng tu phải chú ý.
Chớ nên nơi đại thừa,
Lại chấp trí sanh tử.
Vừa nghe liền tương ứng,
Cùng nhau luận nghĩa Phật.
Nếu người chẳng tương ứng,
Chấp tay khiến hoan hỷ.
Tông này vốn vô tranh,
Tranh thì mất ý đạo.

Kẻ trái nghịch pháp môn,

Tự tánh vào sanh tử.

GHI CHÚ :

(1) đúng với sai, chân với giả..đều là giả. Kẻ trái nghịch pháp môn, Tự tánh vào sanh tử.

Đồ chúng nghe xong thầy đều đánh lễ, lãnh hội theo ý của Sư, mọi người tự nhiếp tâm y pháp tu hành, chẳng dám tranh luận nữa. Đã biết Sư trụ thế chẳng bao lâu, Thượng Tọa Pháp Hải lễ bái hỏi: Sau khi Hoà Thượng viên tịch, y pháp nên trao phó cho ai? Sư nói: Tất cả khai thị kể từ khi ta thuyết pháp ở chùa Đại Phạn đến nay, ghi chép lại để lưu truyền cho đời sau, tựa là PHÁP BẢO ĐÀN KINH, các người phải hộ trì trao truyền cho nhau để hoá độ chúng sanh, y theo Kinh này gọi là Chánh Pháp. Nay chỉ vì các người truyền pháp mà chẳng truyền y bát, vì các người tín căn đã thuần thực, quyết định chẳng nghi, đều có khả năng đảm nhiệm việc lớn của chư Phật chư Tổ truyền lại. Vả lại theo ý bài kệ truyền thọ của Tổ Đạt Ma thì y cũng chẳng nên truyền. Kệ rằng:

Ngô bốn lai tư độ,

Truyền pháp cứu mê tình.

Nhứt hoa khai ngũ diệp,

Kết quả tự nhiên thành.

Dịch nghĩa:

Ta đến đất nước này,

Truyền pháp cứu người mê.

Một bông nở năm cánh,

Kết quả tự nhiên thành.

Sư lại nói: Các người nếu muốn thành tựu nhất thiết chủng trí, phải thấu ngộ nhất tướng tam muội và nhất hạnh tam muội. Ở tất cả nơi mà chẳng trụ tướng, nơi mọi tướng chẳng sanh yêu ghét, cũng chẳng lấy bỏ, chẳng nghĩ việc lợi ích thành bại, trong tâm trống rỗng dung hoà, an nhàn đạm bạc, đây gọi là nhất tướng tam muội. Ở tất cả nơi đi đứng nằm ngồi, duy nhất hành theo trực tâm, nơi nào cũng là bất động đạo tràng, như vậy mới thành chơn tịnh độ, đây gọi là nhất hạnh tam muội. Nếu người đủ hai thứ tam muội này, như gieo giống dưới đất, luôn luôn tưới nước và bón phân, cuối cùng sẽ được quả chín. Nhất tướng nhất hạnh cũng như vậy. Nay ta thuyết pháp dụ như mưa lớn, thấm nhuần đại địa, Phật tánh của các người giống như hạt giống, gặp mưa thấm nhuần liền được sanh trưởng. Nói theo tông chỉ của ta quyết thành Bồ đề, hành theo pháp ta ắt chứng diệu quả, hãy nghe kệ đây:

Tâm địa hàm chư chủng,

Phổ vũ tất giai manh.

Đốn ngộ hoa tình dĩ,

Bồ đề quả tự thành.

Dịch nghĩa:

Tâm địa chứa nhiều giống,

Gặp mưa đều nảy mầm.

Đốn ngộ tự tâm rồi,

Quả Bồ đề tự thành.

Sư thuyết kệ xong nói: Pháp chẳng có hai, tự tâm cũng vậy, đạo vốn thanh tịnh (trong sạch), cũng chẳng các tướng. Các người cẩn thận, chớ nên quán tịnh và chấp không nơi tâm, tự tâm vốn thanh tịnh, chẳng thể lấy bỏ. Mọi người cứ tùy duyên mà đi, hãy cố gắng tu hành! Đờ chúng nghe xong đành lễ lui ra.

Ngày mùng 8 tháng 7, Sư bỗng gọi môn đồ: Ta muốn về Tân Châu, hãy mau lo ghe thuyền. Đại chúng đều năn nỉ ở lại, Sư nói: Chư Phật ra đời còn phải thị hiện Niết Bàn, có đến thì có đi, lý thường như vậy, thể xác của ta tất phải có chỗ về. Chúng nói: Sư từ nay đi, chừng nào trở về? Sư nói: Lá rụng về cội, trở về chẳng nói. Lại hỏi: Chánh Pháp Nhân Tạng truyền phó cho ai? Sư nói: Người có đạo thì được, người vô tâm thì thông. Lại hỏi: Chưa biết xưa nay chư Phật chư Tổ ứng hiện, truyền thọ được bao nhiêu đời? Xin Sư cho biết. Sư nói: Cổ Phật ứng thế đã vô số lượng, chẳng thể tính được, nay từ thất Phật bắt đầu: Quá khứ Trang Nghiêm Kiếp: Tỳ Ba Thi Phật, Thi Khí Phật, Tỳ Xá Phù Phật. Hiện tại Hiền Kiếp: Câu Lưu Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật, ấy là thất Phật. Thích Ca Văn Phật đầu ti&eci

Tâm ta tự có Phật,

Tự Phật là chơn Phật.

Nếu tự chẳng Phật tâm,

Nơi nào tìm chơn Phật?

Các người tự tâm là Phật, chớ hồ nghi nữa. Vạn pháp đều từ tự tâm sanh khởi, chẳng phải vật bên ngoài có thể kiến lập. Nên Kinh nói: Tâm sanh thì mọi pháp sanh, tâm diệt thì mọi pháp diệt." Nay ta để lại bài kệ để làm lời từ biệt, gọi là: TỰ TÁNH CHƠN PHẬT KỆ, người đời sau nhận được ý của kệ này, tự thấy bản tâm, tự thành Phật đạo. Kệ rằng:

Chơn như tự tánh thị chơn Phật,

Tà kiến tam độc thị ma vương.

Tà mê chi thời ma tại xá,

Chánh kiến chi thời Phật tại đường.

Tánh trung tà kiến tam độc sanh,

Tức thị ma vương lai trụ xá.

Chánh kiến tự trừ tam độc tâm,

Ma biến thành Phật chơn vô giả.

Pháp thân báo thân cập hoá thân,

Tam thân bốn lai thị nhất thân.

Nhược hưởng tánh trung năng tự kiến,

Tức thị thành Phật Bồ đề nhân.

Bốn tòng hoá thân sanh tịnh tánh,

Tịnh tánh thường tại hoá thân trung.

Tánh sử hoá thân hành chánh đạo,

Đương lai viên mãn chơn vô cùng.

Dâm tánh bốn thị tịnh tánh nhân,

Trừ dâm tức thị tịnh tánh thân.

Tánh trung các tự ly ngũ dục,

Kiến tánh sát na tứ thị chơn.

Kim sanh nhược ngộ đốn giáo môn,

Hốt ngộ tự tánh kiến Thế Tôn.

Nhược dục tu hành mịch tác Phật,

Bất tri hà xứ nghĩ cầu chơn.

Nhược năng tâm trung tự kiến chơn,

Hữu chơn tức thị thành Phật nhân.

Bất kiến tự tánh ngoại mịch Phật,

Khởi tâm tổng thị đại si nhờn.

Đốn giáo pháp môn kim dĩ lưu,

Cứu độ thế nhờn tu tự tu.

Báo nhữ đương lai học đạo giả,

Bất tác thử kiến đại du du.

Dịch nghĩa:

Chơn như tự tánh là chơn Phật,

Tà kiến tam độc là ma vương.

Lúc tà mê khởi ma tại nhà,

Khi có chánh kiến Phật tại điện,

Tâm nổi tà kiến tam độc sanh,

Tức là ma vương đến nhà ở.

Chánh kiến khởi lên tam độc trừ,
Ma trở thành Phật thật chẳng giả.
Pháp thân báo thân và hoá thân,
Tam thân vốn chỉ là nhất thân.
Nếu được tự thấy nơi tự tánh,
Gieo nhân Bồ Đề tức thành Phật.
Vốn từ hoá thân sanh tịnh tánh,
Tịnh tánh thường trụ nơi hoá thân.
Tánh khiến hoá thân hành chánh đạo,
Tương lai viên mãn vô cùng tận.
Dâm tánh vốn là nhân tịnh tánh,
Trừ dâm tức là tịnh tánh thân.
Nơi tánh thường tự lià ngũ dục,
Sát na kiến tánh tức là chơn.
Đời nay nếu gặp pháp đốn giáo,
Hoát ngộ tự tánh gặp Thế Tôn.
Người nếu tu hành cầu làm Phật,
Chẳng biết nơi nào để cầu chơn.
Nếu ngay nơi tâm tự thấy chơn,

Có chơn tức là nhân thành Phật.

Chẳng thấy tự tánh, ngoài tìm Phật,

Khởi tâm tìm Phật là si mê.

Pháp môn đốn giáo nay đã truyền,

Cứu độ chúng sanh phải tự tu.

Báo cho tương lai người học đạo,

Chẳng theo chánh kiến mãi mãi chìm.

Sư thuyết kệ xong, bảo: Các người phải tự hộ trì, sau khi ta viên tịch, chớ nên theo tình chấp thế gian rơi lệ buồn sầu, nhận phúng điếu và để tang, làm như vậy chẳng phải đệ tử của ta, cũng chẳng phải Chánh Pháp. Chỉ nên nhận tự bản tâm, thấy tự bản tánh, chẳng động chẳng tịnh, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng lui chẳng tới, chẳng thị chẳng phi, chẳng trụ chẳng đi. Vì sợ các người tâm mê, chẳng hiểu ý ta, nay nhắc lại lần nữa, khiến các người tự thấy tánh. Sau khi ta viên tịch, theo đây tu hành, cũng như ta còn tại thế, nếu trái với lời dạy của ta, dẫu cho ta còn tại thế, cũng đâu có ích lợi gì! Lại thuyết kệ rằng:

Ngột ngột bất tu thiện,

Đằng đằng bất tạo ác.

Tịch tịch đoạn kiến văn,

Đãng đãng tâm vô trước.

Dịch nghĩa:

Ngây ngây chẳng tu thiện,

Bừng bừng chẳng tạo ác.

Tịch tịch dứt thấy nghe,

Luôn luôn chẳng dính mắc.

Sư thuyết kệ xong, ngồi ngay cho đến canh ba, thoạt gọi môn đồ: Ta đi nhé!, liền ngồi yên viên tịch. Ngay lúc ấy có mùi hương lạ thơm khắp núi, mống trắng mọc vòng cầu chấm đất, rừng cây biến thành màu trắng, cầm thú kêu vang thảm thiết. Đến tháng Mười một, các quan chức và Tăng tục ba quận Quảng Châu, Thiều Châu, Tân Châu tranh nhau giành rước nhục thân của Sư, chẳng quyết định được về đâu, bèn cùng nhau đốt hương nguyện rằng: Khói hương bay về đâu thì nhục thân của Sư về đó. Lúc ấy khói hương bay thẳng về hướng Tào Khê. Ngày 13 tháng 11, dời khám thờ nhục thân và y bát của Sư về Tào Khê. Ngày 25 tháng 7 năm sau mở khám để nhập tháp. Quan sở tại Thiều Châu dâng biểu tâu lên triều đình, vua sắc chỉ lập bia ghi đạo hạnh của Sư: Tổ Sư 76 tuổi, năm 24 tuổi được truyền y pháp, 39 tuổi xuống tóc, thuyết pháp lợi sanh 37 năm, người đặc tông chỉ nối pháp được 43 vị, người nghe pháp ngộ đạo siêu phàm thì chẳng biết số lượng. Tín y truyền từ Tổ Đạt Ma, với cái y bát của vua Trung Tôn ban cho, cái chơn tượng do Phương Biện đắp, và toạ cụ của Sư, thầy đều giao cho thị giả giữ tháp, dời dời thờ nơi BỬU LÂM ĐAO TRÀNG. Lưu truyền PHÁP BẢO ĐÀN KINH để hiển bày tông chỉ, hưng thịnh Tam Bảo, phổ biến lợi ích cho chúng sanh.

---o0o---

LƯỢC GIẢNG KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Hoà Thượng Tuyên Hoá Giảng tại Vạn Phật Thánh Thành Hoa Kỳ

Phân Lược Tự

Tên của bộ Kinh này là *Kinh Lục Tổ Pháp Bảo Đàn*, tên riêng là "*Lục Tổ Pháp Bảo Đàn*." "Kinh" là tên chung của các bộ Kinh. Kinh Phật lập đề thường dùng bảy loại để phân biệt: tức Đơn Nhân, Đơn Pháp, Đơn Dụ, Nhân Pháp, Nhân Dụ, Pháp Dụ, Nhân Pháp Dụ. Như *Kinh Phật Thuyết A Di Đà* là Đơn Nhân lập đề, vì Đức Phật và *Phật A Di Đà* đều là người, là người tu hành thành Phật. Người chính là Phật, Phật chính là người, vì thế người Trung Quốc viết chữ Phật có bộ nhân bên cạnh. Đơn Pháp lập đề như *Kinh Bát Nhã*, *Kinh Niết Bàn*. Niết Bàn là pháp, Niết Bàn nghĩa là bất sanh bất diệt. Đơn Dụ lập đề như *Kinh Phật Thuyết Phạm Võng*, nếu nghiêm trì giới luật thì có thể sanh ra quang minh, như châu báu của cõi Đại Phạm Thiên. Nếu phạm giới phá giới, biết pháp phạm pháp thì có chỗ hữu lậu, hữu lậu tất đi đến tam ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nơi đó tuyệt không có một chút nhân tình. Pháp Dụ lập đề như *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Diệu Pháp là pháp, Liên Hoa là dụ. Nhân Dụ lập đề giống như *Kinh Như Lai Sư Tử Hống*, Như Lai là người, Sư Tử là dụ, Phật thuyết pháp như sư tử hống. Nhân Pháp lập đề như *Kinh Văn Thù Vấn Bát Nhã*. Đầy đủ Nhân Pháp Dụ lập đề như *Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm*, Đại Phương Quảng là pháp, Phật là người, Hoa Nghiêm là dụ.

Nhưng quyển *Kinh Lục Tổ Pháp Bảo Đàn* là Kinh Trung Quốc, không phải Kinh Ấn Độ, cho nên ngoài bảy loại lập đề ra, còn có thêm một loại là Xứ lập đề. Lục Tổ là người, Pháp Bảo là pháp, Đàn là xứ sở, vì thế quyển Kinh này là Nhân Pháp Xứ lập đề, không thể giảng theo bảy loại lập đề kể trên.

Ngôi vị Lục Tổ không phải dễ thừa kế, đảm trách. Vì sao vậy? Vì có rất nhiều người muốn giết Ngài. Ngay cả đệ tử của Ngài là Chí Triệt cũng tìm cách giết hại Ngài. Vì thế Đại sư sau khi đắc pháp đã tự nạn mười sáu năm trong nhóm thợ săn. Thậm chí sau khi kiến lập Pháp đàn tại Nam Hoa Tự, vẫn còn có ngoại đạo công khai muốn giết Ngài. Cho nên Đại sư chạy lên

núi ẩn trong núi đá tọa thiền, hòn đá mà Đại sư ty nạn, đến nay vẫn còn thấy ở Nam Hoa Tự.

Lục Tổ Đại sư từ đâu mà có danh hàm Lục Tổ? Điều này bắt đầu từ Ngài Bồ Đề Đạt Ma. Bồ Đề có nghĩa là Giác, Đạt Ma có nghĩa là Pháp. Ngài Bồ Đề Đạt Ma là Tổ thứ hai mươi tám tại Ấn Độ, nhưng tại sao Ngài không ở Ấn Độ làm Tổ mà đi đến Trung Quốc làm gì? Vì xưa kia Phật đã thọ ký: Đến đời Tổ thứ hai mươi tám, Đại thừa Phật pháp sẽ truyền đến Trung Quốc. Do nhân duyên như thế, Ngài Bồ Đề Đạt Ma ngồi thuyền đến Trung Quốc truyền đạo. Nhưng lúc đó Phật Pháp tại Trung Quốc, dường như có dường như không, bởi vì chỉ làm công tác bên ngoài như tụng kinh, nghiên cứu kinh điển, giảng kinh v.v., ngay cả việc bán sám cũng không có. Đương thời các học giả đều cho Phật giáo như là một loại học vấn để nghiên cứu thảo luận.

Các đạo lý mà Phật giáo nói đều phải y theo mà tu hành. Nhưng thời đại Nam Bắc triều của Trung Quốc lúc đó không có người nào chân chánh tu hành tọa thiền, vì sợ khổ cực. Hiện nay ở Mỹ đây cũng giống như vậy. Ngồi một chút chân đau bèn duỗi chân, nghiêng nghiêng lắc lắc, xoa bóp một hồi. Người dù sao cũng là người! Cũng đều sợ khổ, sợ cực !

Trước khi Tổ sư Đạt Ma đến Trung Quốc, Ngài có phái hai người đệ tử là Phật Đà và Da Xá đến Trung Quốc truyền pháp môn đốn ngộ, tức là Thiền tông. Ai ngờ hai Ngài đến Trung Quốc lại gặp phải cảnh trái ý nghịch lòng, tất cả các Tăng sĩ thời đó đều không xem trọng hai Ngài. Sau đó hai Ngài đến Lư Sơn gặp Đại sư Huệ Viễn; Ngài Huệ Viễn chuyên giảng về pháp môn niệm Phật. Đại sư Huệ Viễn hỏi:

–Hai vị là các Tăng sĩ Ấn Độ, hai vị truyền pháp môn gì mà sao không có ai theo học?

Ngài Phật Đà và Da Xá chỉ biết nói rất ít tiếng Trung Quốc, bèn đưa tay ra nói:

–Hãy nhìn xem! Bàn tay tôi nắm vào và giở ra có nhanh không?

–Rất nhanh.

–Bồ đề và phiến não cũng nhanh giống như vậy.

Đại sư Huệ Viễn lập tức khai ngộ, biết ra Bồ đề và phiến não vốn không có gì sai khác. Bồ đề tức phiến não, phiến não tức là Bồ đề! Ngài Huệ Viễn sau khi khai ngộ, rất cung kính cung dưỡng Ngài Phật Đà và Da Xá. Nhưng không lâu hai bậc cao Tăng Ấn Độ này đều vãng sanh trong cùng một ngày. Phần mộ của hai Ngài đến nay vẫn còn ở Lư Sơn.

Tổ sư Đạt Ma nhìn thấy căn tánh Đại thừa ở Trung Quốc đã chín muồi, bèn không ngại gian khổ, đường xá xa xôi, đem Phật pháp Đại thừa đến Trung Quốc. Nhưng lúc đó vì ngôn ngữ không thông, người Trung Quốc gọi Ngài là "Ma-la-sát." Trẻ con nhìn thấy gương mặt Ngài với bộ râu dài đều hoảng sợ chạy mất. Người ta cho rằng Ngài đến để bắt trẻ con vì thế không cho trẻ con đến gần Ngài.

Sau đó Tổ sư Đạt Ma đến Nam Kinh nghe Pháp sư Thần Quang giảng Kinh, nhìn thấy cảnh giới thù thắng: "Chư thiên rải hoa cúng dường, dưới đất sen vàng hiện ra." Cảnh giới này chỉ có người đã đắc Ngũ nhãn Lục thông mới thấy được. Sau khi giảng Kinh xong, là đến phần thỉnh pháp, hỏi pháp, Tổ sư Đạt Ma hỏi:

–Pháp sư! Ông ở đây làm gì?

Thần Quang trả lời:

–Tôi ở đây giảng Kinh.

–Ông giảng Kinh làm gì?

–Tôi giảng Kinh, đưa người liễu ngộ sinh tử.

–Làm sao có thể liễu ngộ được sanh tử? Kinh mà ông giảng đều là giấy trắng mực đen, ông dùng cái gì mà có thể giúp người liễu đoạn sanh tử ?

Thần Quang bị hỏi không có cách nào trả lời, vì thế xấu hổ mà tức giận. Tuy Pháp sư Thần Quang giảng kinh được chư thiên rải hoa cúng dường nhưng vẫn còn tính nóng giận như vậy. Vì thế tôi nói Phật Pháp đương thời dường như có dường như không. Pháp sư Thần Quang tức giận liền cầm lấy râu chuỗi niêm Phật làm bằng sắt nói:

–Ông dám hủy báng pháp à!

Nói xong liền dùng râu chuỗi đánh vào mặt Đạt Ma. Tổ sư Đạt Ma tuy biết võ thuật, nhưng không ngờ Thần Quang lợi hại như thế, nói không lại liền động võ, kết quả bị đánh gãy hai cái răng. Nghe nói, răng của bậc Thánh nếu bị đánh gãy, nhổ xuống chỗ nào thì chỗ đó bị hạn hán ba năm. Đạt Ma nghĩ thầm: "Ba năm không mưa, chết đói biết bao nhiêu người. Ta đến Trung Quốc là muốn độ chúng sanh, không phải là để hại chúng sanh," vì thế Ngài nuốt hai cái răng vào bụng, không nói một lời liền bỏ đi.

Vì Ngài là người xuất gia, lại là bậc Tổ Sư, cho nên đã nhẫn nhục được những việc như vậy. Trên đường đi, Ngài gặp con chim Anh Vũ bị nhốt trong lồng. Chim Anh Vũ còn thông minh hơn Thần Quang vì biết Bồ Đề Đạt Ma là một vị Tổ Sư, nên thưa với Ngài rằng:

–Tây lại ý, Tây lại ý, thỉnh Ngài dạy cho chúng con cách thoát ra khỏi lồng.

Đạt Ma đến Trung Quốc chưa gặp được tri âm, nay Anh Vũ này lại là tri âm của Ngài. Nghe chim thỉnh giáo mình như vậy, Đạt Ma rất vui vẻ dạy cho nó một bí quyết: "Muốn thoát khỏi lồng, hai chân duỗi thẳng, đôi mắt nhắm nghiền, đây là diệu kế, giúp con thoát lồng."

Anh Vũ sau khi hiểu được phương pháp thoát lồng, bèn thưa: "Nay con đã hiểu rồi, cảm ơn Ngài chỉ dạy." Anh Vũ nhìn thấy người chủ từ xa trở về, đợi người chủ đến gần, nó liền sử dụng phương pháp đó. Mỗi ngày người

chủ trở về đều đến chơi với con chim yêu quý để tiêu sầu giải muộn, nay nhìn thấy Anh Vũ yêu quý nằm bất động trong lồng liền rất lo lắng, bèn mở cửa lồng đem Anh Vũ đến nơi lòng bàn tay: "Ồ! thân chim vẫn còn nóng." Vì chim giả chết nên khí nóng vẫn còn. Người chủ vừa mở nắm tay ra Anh Vũ liền bay đi! Kế thoát lồng thật hiệu nghiệm.

Chúng ta hiện nay vẫn còn ở trong lồng, đừng nên cho rằng mình đang tự do. Muốn ăn thì ăn, muốn uống thì uống, không giữ gìn quy củ cho là tự do. Điều này thật là mê muội vì đã hiểu một cách sai lầm về tự do. Tự do chân chính là sanh tử tự do, muốn bay lên trời thì lên trời, muốn độn thổ xuống đất thì độn thổ; có được những bản lĩnh như thế mới gọi là tự do chân chính.

Giảng về "Lục Tổ Đàn Kinh," tôi vốn giảng không hay, nhưng mà dám giảng. Còn có người giảng rất hay nhưng lại không dám giảng. Tôi giảng không hay nhưng cứ thử giảng, sau này những người giảng hay nên nương theo đó mà giảng tiếp. Sau này quý vị rộng mở trí tuệ thì có thể giảng hay hơn tôi nữa. Giảng hay là học từ cái giảng không hay mà ra.

Pháp sư Thần Quang đánh gãy hai cái răng của Hòa Thượng mặt đen, nhưng thấy Hòa Thượng Ấn Độ không có phản ứng gì, bèn cho rằng mình thắng. Nhưng không lâu sau đó quý vô thường đến gặp Pháp sư nói:

–Pháp sư, hôm nay mạng sống của ngài đã hết. Vua Diêm La sai tôi đến mời ngài đi.

–Tôi mà cũng phải chết à? Tôi giảng Kinh được trời rải hoa cúng dường, đất hiện ra hoa sen vàng mà còn không thể dứt vòng sanh tử thì thế gian này còn có ai có thể dứt vòng sanh tử?

–Có chứ! Chính là Ngài Hòa Thượng mặt đen mà bị ông đánh gãy hai cái răng đó. Diêm Vương không những không cai quản được số mạng của Ngài mà mỗi ngày còn phải hướng về Ngài khấu đầu đánh lễ.

–Quý đại ca! Bạn có thể chờ tôi một chút được không? Xin nói với Diêm Vương dùm tôi một tiếng, xin cho tôi một thời gian ngắn để tôi đi học pháp môn liễu đoạn sanh tử của Ngài Hòa Thượng mặt đen.

–Nếu ông thật có lòng thành như vậy thì việc này không phải không có thể linh hoạt giải quyết.

Thần Quang nghe nói rất vui mừng, không kịp mang dép, chân đất đuổi theo Tổ sư Đạt Ma. Trên đường gặp chim Anh Vũ đã được Ngài Đạt Ma giúp cho thoát khỏi lồng. Anh Vũ nói cho Thần Quang biết Ngài Đạt Ma đã giúp nó như thế nào. Thần Quang đi theo sau lưng Tổ Sư, nhưng Tổ không để ý đến. Thần Quang đi theo cho đến núi Hùng Nhĩ ở Lạc Dương (Chùa Thiếu Lâm, Tung Sơn, Hà Nam). Tổ sư Đạt Ma ở đó diện bích tọa thiền, Ngài ngồi suốt chín năm, Thần Quang cũng quỳ đủ chín năm. Lúc trước, khi tôi giảng đến công án này, có một em bé mười một tuổi nghe rồi rất cao hứng, liền hỏi: "Thần Quang quỳ suốt chín năm, vậy có ăn cơm không?" Tôi trả lời: "Chín năm không ăn cơm thì làm sao có thể sống được? Chính là lúc Tổ sư Đạt Ma ăn cơm thì Thần Quang cũng ăn cơm, Đạt Ma ngồi thiền thì Thần Quang quỳ gối, nhưng mà trong sách thì không có ghi việc này."

Trong thời gian chín năm diện bích của Đạt Ma có rất nhiều người đến quy y lạy Ngài làm Thầy.

Thần Quang cũng quỳ suốt chín năm. Một ngày kia tuyết lớn, tuyết phủ đến hông. Đạt Ma nói:

–Tuyết lớn như vậy ông quỳ đó làm gì?

–Bạch Tổ Sư, con muốn liễu đoạn sanh tử. Lúc trước con giảng Kinh không thể liễu đoạn sanh tử, nay kính xin Tổ Sư truyền dạy cho con pháp môn liễu đoạn sanh tử.

–Người nhìn, trời hiện rơi cái gì?

–Bạch Tổ Sư, trời đang rơi tuyết.

–Tuyết có màu gì?

–Bạch Tổ Sư, tuyết màu trắng.

–Người đợi đến lúc nào mà trời rơi tuyết màu đỏ thì lúc đó ta sẽ truyền dạy pháp môn liễu đoạn sanh tử cho người. Nếu trời không rơi tuyết đỏ thì người đừng nên hy vọng ta truyền dạy cho. Người là một kẻ xuất gia hung ác như vậy, dùng râu chuổi niệm Phật bằng sắt đánh gãy hai cái răng của ta, ta không báo thù cũng là từ bi lắm rồi, làm sao lại có thể truyền pháp cho người được?

Đạt Ma đưa ra vấn đề khó khăn như vậy để khảo nghiệm Thần Quang, nhưng Thần Quang đã giải quyết được. Thần Quang nhìn thấy trên tường có một thanh giới đao của người tu đạo, dùng dũa bị lúc phạm giới thì đem đao chặt đứt đầu mình chớ không để phạm đến giới thể. Thần Quang liền lấy thanh đao đó xuống chặt đứt cánh tay mình, máu rơi đầy mặt đất đã làm tuyết trắng biến thành tuyết đỏ. Thần Quang liền bụm lấy một nắm tuyết đỏ đem dâng đến trước mặt Ngài Đạt Ma và nói:

–Bạch Tổ Sư, Ngài xem, đây chính thật là tuyết đỏ.

Điều này vốn đã ở trong dự liệu, chỉ vì muốn thử thách chân tâm của Thần Quang, mà Đạt Ma mới đưa ra vấn đề thử thách này. Vì thế Ngài rất hoan hỷ nói:

–Ta đến Trung Quốc thật không có uổng công, gặp phải người là người chân thành cầu pháp tu hành như vậy, ngay cánh tay của chính mình cũng bỏ đi để cầu pháp, quả là có tâm thành.

Sau đó Ngài Đạt Ma mới đem pháp môn dĩ tâm ấn tâm, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật truyền cho Thần Quang. Sau khi Ngài Đạt Ma giảng xong pháp môn, Thần Quang liền sanh tâm phân biệt nói:

–Con chặt đứt cánh tay, rất đau nhức, tâm cũng rất nhức nhối, xin Tổ Sư an tâm cho con.

–Dem tâm của ông ra đây, ta mới có thể giúp ông an tâm!

Thần Quang bèn đi tìm tâm của mình, Đông Tây Nam Bắc, trên trời dưới đất, tìm hoài mà không thấy tâm của mình. Thần Quang nói:

–Con tìm không ra.

–Ta đã an tâm cho ông rồi.

Thần Quang lập tức hoá nhiên đại ngộ. Vì thế Thần Quang nói:

Vạn pháp quy nhưt, nhưt quy hà xứ ?

Thần Quang bất minh cần Đạt Ma.

Hùng Nhĩ sơn tiền quy cứu tái,

Chỉ cầu nhưt điểm đóa Diêm La.

Vạn pháp quy nhưt, vậy nhưt quy về đâu? Thần Quang không rõ nghĩa lý của chữ "*hợp*," vì thế đuổi theo Đạt Ma, tại núi Hùng Nhĩ quỳ suốt chín năm, chỉ cầu Tổ Sư chỉ điểm cách liễu đoạn sanh tử, thoát khỏi Diêm Vương.

Thần Quang sau khi được Tổ sư Đạt Ma truyền pháp, liền đổi tên là Huệ Khả, tức là trí huệ đầy đủ, thiện căn viên mãn. Đại sư Huệ Khả hỏi Tổ sư Đạt Ma:

–Bạch Tổ Sư, ở Ấn Độ Ngài có đồ đệ đặc pháp chưa? Ở Ấn Độ, khi truyền pháp có đem ca sa, y, bát truyền cho đồ đệ để làm bằng cứ không?

–Không có, ở Ấn Độ ta truyền pháp không có đem ca sa y bát làm vật y cứ, vì tâm người Ấn Độ rất thẳng thắn, tu hành đắc đạo liền nói đắc đạo, chỉ cần có người chứng minh đắc đạo là đủ. Nếu chưa được ấn chứng, họ sẽ không nói là: tôi đã đắc đạo chứng quả, tôi đã chứng A La Hán, hoặc tôi đã là Bồ Tát. Người Trung Quốc không giống như vậy. Ở Trung Quốc, người có căn tánh Đại thừa cũng rất nhiều, nhưng người nói vọng ngữ cũng không ít, tu hành chưa thành tựu đạo nghiệp mà khoe khoang đã thành; chưa chứng quả cũng tự nói đã chứng quả, vì thế cần phải dùng ca sa y bát để chứng minh. Cho nên nay ta truyền ca sa y bát cho ông, ông nên cẩn thận giữ gìn.

Tổ sư Đạt Ma đến Trung Quốc, từng bị đầu độc sáu lần, vì đương thời Bắc Ngụy có hai vị Pháp sư muốn hại Ngài, một vị là Bồ Đề Lưu Chi, một vị là Luật sư Quang Thống. Họ rất đố kỵ Ngài, đã làm ra vài món đồ chay, trong đó có chất độc cực mạnh đem đến cúng dường Ngài. Ngài biết trong thức ăn có độc nhưng vẫn ăn một cách bình thường. Ăn xong kêu người đem một cái mâm lại, Ngài rửa vài mâm một đồng răn. Thì ra chất độc đã biến thành răn. Bồ Đề Lưu Chi thấy độc không thể giết được Ngài, không hiểu vì duyên cớ gì. Vì thế lần thứ hai bỏ liều lượng thuốc độc gấp đôi. Đạt Ma cũng ung dung thọ dụng, ăn xong liền ngồi tại một tảng đá lớn, phun thuốc độc ra, sức mạnh của thuốc độc đã làm bể tan tảng đá. Sau đó liên tiếp thêm bốn lần hạ độc nữa nhưng đều không thể hại được Ngài.

Một ngày nọ, Tổ sư Đạt Ma nói với Đại sư Huệ Khả rằng:

–Ta đến Trung Quốc, để độ chúng sanh có căn tánh Đại thừa. Nay pháp đã truyền, ta đã có người kế thừa, giờ viên tịch cũng đã đến.

Sau khi Tổ sư Đạt Ma viên tịch, chúng đệ tử dùng quan tài bọc xác Ngài đem chôn. Nhưng lúc ấy, Bắc Ngụy có một sứ quan tên là Tống Vân, tại vùng Thông Lĩnh, trên đường đi gặp Tổ sư Đạt Ma. Tổ Sư, tay cầm dép, nói với Tống Vân rằng:

–Quốc Vương nước ông hôm nay băng hà, ông nên mau mau trở về.

Tống Vân hỏi:

–Đại sư, Ngài đi đâu?

–Ta trở về Ấn Độ.

–Đại sư, Ngài đã truyền pháp cho ai?

–Bốn mươi năm sau tại Trung Quốc.

Sau đó Tống Vân trở về đến Bắc Ngụy đem việc này kể cho mọi người nghe, nhưng không ai tin. Vì thế mọi người mới quật mồ của Tổ sư Đạt Ma ra xem, trong quan tài chỉ còn chiếc dép, ngoài ra không có cái gì khác. Như vậy Tổ sư Đạt Ma đi đâu? Mọi người cũng không ai biết, sợ rằng hôm nay đã đến Mỹ quốc không biết chừng, vì Ngài có thể thiên biến vạn hóa, cho nên không ai có thể nhận ra được Ngài. Khi đến Trung Quốc, Ngài nói Ngài đã một trăm năm mươi tuổi, nhưng lúc Ngài ra đi vẫn là một trăm năm mươi tuổi, lịch sử cũng không có cách nào kiểm chứng.

Lúc Tổ sư Đạt Ma sắp viên tịch, Ngài nói:

–Ta đến Trung Quốc truyền pháp cho ba người, Đại sư Huệ Khả được phần tủy, Thiền sư Đạo Dục được phần xương, Tỳ kheo ni Đạo Tế (tức Tỳ kheo ni Tống Trì) được phần thịt.

Tỳ kheo ni Đạo Tế thuộc lòng *Kinh Pháp Hoa*, sau khi viên tịch từ trong miệng nở ra đóa hoa sen màu xanh. Vì Tổ sư Đạt Ma đã đem thân thể của Ngài mà phân chia cho các người khác, cho nên ở Mỹ quốc quý vị không thể tìm ra được Ngài.

Nhị Tổ Huệ Khả, họ Cơ, tên Thần Quang, người thời Bắc Tề. Lúc Ngài giáng sanh, cha mẹ Ngài nhìn thấy Kim Giáp Thần Nhân, hộ pháp Vi Đà Bồ

Tát, phóng đại hào quang bảo hộ vị Tổ Sư mới ra đời này, cho nên tên của Ngài gọi là Thần Quang. Ngài thiên tánh thông minh, trí nhớ rất dai, cho nên được người khen ngợi: *Mục hạ thập hàng tự, nhĩ thính bách nhân âm*. Không phải vừa nhìn là có thể xem được mười hàng chữ, mà là người thường xem một hàng chữ, thì Ngài có thể xem mười hàng chữ, rất nhanh như vậy; một trăm người cùng nói chuyện cùng một lúc, Ngài đều nghe rất rõ ràng, năng lực phân biệt rất nhạy.

Nhưng vị Tổ Sư này rất nóng tính, nói chuyện không hợp liền muốn đánh người. Bốn mươi năm về trước, ngay lúc giảng kinh thuyết pháp cũng mang râu chuỗi bằng sắt để đi hành hiệp giúp người. Vì thế lúc gặp Tổ sư Đạt Ma đã dùng râu chuỗi đánh Ngài Đạt Ma, kết quả phải quỳ chín năm, phải tự chặt đứt một cánh tay của mình. Quý vị nghĩ xem nếu không nóng tính như vậy làm sao có thể tự mình chặt đứt cánh tay, mà không cảm thấy đau nhức, đợi đến lúc đắc pháp xong mới cảm thấy nhức nhối. Điều này bởi vì Ngài rất nóng tính, nếu không nóng tính, chặt đứt cánh tay cũng không cảm thấy đau nhức. Đau nhức chính là phiền não.

Tổ sư Huệ Khả lúc bốn mươi tuổi gặp Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma, sau khi đắc pháp bèn ẩn trốn bốn mươi năm, vì đương thời Bồ Đề Lưu Chi và Luật sư Quang Thống, chuyên gây khó dễ với các đệ tử của Tổ sư Đạt Ma, thậm chí gặp là muốn giết. Bồ Đề Đạt Ma đã bị hai vị ấy dùng thuốc đầu độc, hướng chi là đệ tử của Ngài! Đại sư Huệ Khả nghe theo lời Thầy dạy nên đã ẩn núp, trốn tránh những người gây khó dễ này. Cho đến lúc Đại sư Huệ Khả tám mươi tuổi, Ngài mới bắt đầu hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh. Cho đến khi gặp Tam Tổ Tăng Xán, sau khi phú pháp, dặn dò Tam Tổ phải cẩn thận bảo hộ giữ gìn y bát làm chứng cứ, và cần phải ẩn trốn để tránh những sự tạt đổ và bức hại.

Đại sư Huệ Khả lúc đó giả dạng điên khùng, nhưng khi gặp chúng sanh hữu duyên, Ngài liền phổ độ giáo hóa họ. Tuy Ngài giả dạng điên khùng, nhưng vì có duyên với chúng sanh cho nên có rất nhiều người tin tưởng Ngài. Tuy

Ngài đã giả dạng điên khùng, nhưng bè nhóm của Bồ Đề Lưu Chi vẫn đem lòng ganh ghét, bèn đi đến quan phủ vu cáo Đại sư Huệ Khả, nói Ngài là yêu quái mê hoặc dân chúng, để dân chúng sùng bái. Hoàng đế đương thời lại cả tin bèn hạ thánh chỉ, ra lệnh quan phủ bắt Huệ Khả thẩm vấn:

–Người là người hay là yêu quái?

Huệ Khả Đại sư trả lời:

–Tôi là yêu quái.

Viên quan thẩm vấn vừa nghe Ngài nói như vậy, liền biết Ngài bị oan ức, nên hỏi lại:

–Ông nên nói cho rõ ràng, ông là người hay yêu quái?

–Tôi thiệt đúng là yêu quái.

Vì quốc pháp không cho phép yêu quái mê hoặc thế gian, cho nên đành phải tâu lên Hoàng đế, đem Ngài đi chém để răn chúng. Ôi, thế gian này có chân lý không vậy! Ngài là Tổ Sư đời thứ hai mà quan phủ nói Ngài là yêu tinh.

Đại sư Huệ Khả rơi nước mắt, nói với đồ chúng rằng:

–Quả báo này ta phải thọ thôi!

Nhị Tổ rất nóng tính, cái gì cũng không sợ, nếu sợ chết Ngài đã không tự nhận là yêu quái. Ngài cảm thấy thương tâm là vì Phật Pháp lúc Ngài còn tại thế, chưa được người ta hiểu biết rộng rãi. Ngài nói Phật Pháp đến thời Tứ Tổ sẽ rơi vào danh tướng, có danh có tướng, liền chấp vào danh tướng. Khóc xong Ngài liền nói với tên đao phủ:

–Người lại giết ta đi!

Đao phủ cầm dao chém đầu Ngài nhưng lạ thay lại không có máu tuôn ra, chỉ tuôn ra dòng nước trắng như sữa. Quý vị nghĩ đây có phần nào hoang đường không? Quý vị tin cũng được, mà không tin cũng được. Quý vị tin, tôi có thể dùng lý do rất đơn giản để giải thích. Đây là lúc người tu hành đạt đến thể thuần dương, tất cả máu huyết trong người đều biến thành màu trắng. Quý vị nói không tin, đương nhiên quý vị đã không tin rồi! Nếu quý vị tin, quý vị cũng đã thành Tổ Sư thứ hai rồi.

Viên quan chấp hành nhìn thấy tình hình như thế bèn y như sự thật tâu lên hoàng đế:

–Người đó thiệt là yêu quái, tôi đã giết ông ta nhưng không thấy máu chảy ra, chỉ chảy ra dòng nước trắng như sữa, nhưng gương mặt lúc chết giống như lúc sống, điều này chứng minh ông ta chính thiệt là yêu quái.

Nhưng Hoàng đế biết rằng đã giết lầm một bậc Thánh nhân, vì ở Ấn Độ Tổ thứ hai mươi bốn là Tôn giả Sư Tử, khi bị chặt đầu thì không chảy máu mà chỉ chảy nước sữa màu trắng. Điều này chứng minh nhân thể thuần dương vô âm, vì vô lậu không có vô minh nên âm đều biến thành dương.

Có người hỏi:

–Bạch thầy, vừa rồi thầy nói Đại sư Huệ Khả tính rất nóng, làm sao không có vô minh?

Cần biết rõ, tính nóng của Đại sư Huệ Khả là tính nóng của Đại Nhẫn, Đại Dũng, Đại Trí, Đại Huệ, hoàn toàn không giống tính nóng như bom nổ của quý vị và tôi. Quý vị cần nghe cho rõ ràng, tính nóng của mỗi người không giống nhau. Tính nóng của trí huệ là có thể nhẫn với nhân quả tuần hoàn, không có làm ngược lại với đạo lý.

Hoàng đế sau khi biết Đại sư Huệ Khả là vị nhục thân Bồ Tát, bèn sanh lòng sám hối: "Có một vị Bồ Tát ở nước ta, mà Trẫm không biết bảo hộ lại

đem Ngài giết đi". Bèn ra lệnh văn võ đại thần đều phải quy y Nhị Tổ Huệ Khả. Tuy Ngài chết đi nhưng vẫn có thể thâm được một số đệ tử như thế.

Đời Tùy, Tam Tổ Tăng Xán, không ai biết thân thế táng danh của Ngài. Lúc Ngài gặp Nhị Tổ, toàn thân Ngài đều là ghẻ lác giống như người mắc bệnh phong cùi. Nhị Tổ hỏi:

–Ông từ đâu đến đây? Đến đây làm gì?

–Con đến quy y Hòa Thượng cầu học Phật pháp.

–Ông mắc bệnh như vậy thật không thanh tịnh, làm sao có thể học được Phật pháp?

Tam Tổ vốn rất thông minh, còn thông minh hơn Nhị Tổ nữa, bèn thưa:

–Con là người có bệnh, mà Ngài là một bậc Hòa Thượng, nhưng tâm Ngài và con không có gì sai khác.

Nhị Tổ nghe nói liền biết người này không phải tầm thường, liền nói:

–Không cần nói nữa, ta đã biết rồi.

Nói xong bèn truyền pháp cho Tam Tổ và dạy Tam Tổ phải ẩn trốn để tránh sự sát hại của dư đảng Bồ Đề Lưu Chi:

–Không nên để cho người biết ta đã truyền pháp cho ông.

Vì thế Tam Tổ Tăng Xán học cách của Nhị Tổ, giả dạng điên khùng, âm thầm đi các nơi giáo hóa chúng sanh. Lúc đó gặp lúc Bắc Chu Vũ Đế tiêu diệt Phật pháp nên Ngài ẩn cư trong núi hơn mười mấy năm. Trên núi vốn có rất nhiều sài lang hổ báo, nhưng khi Ngài vừa đến ở đây các loài động vật đó đều bỏ đi hết.

Sau khi truyền pháp cho Tứ Tổ Đạo Tín, Tam Tổ bèn thiết Thiên Tăng Trai (thỉnh một ngàn vị Tăng thọ trai cúng dường). Trai đàn hoàn mãn, Ngài bèn nói với đại chúng:

–Các ông cho rằng kiết già ngồi chết là phương pháp hay nhất, nay ta cho các ông xem một cách chết đặc biệt. Sự sanh tử của tôi rất tự do, không bị hạn chế của thời gian.

Nói xong, tay trái cầm lấy cành cây, chân giơ lên như thế mà an nhiên thị tịch. Lúc Ngài viên tịch, là bao nhiêu tuổi, là người ở địa phương nào, thân thể ra sao, đều không ai biết.

Có người nghe xong rất kinh sợ nghĩ rằng:

–Vị Tổ thứ nhất là Bồ Đề Đạt Ma bị đầu độc chết, vị Tổ thứ hai bị giết chết, vị Tổ thứ ba thì nắm lấy cành cây mà thác. Tôi thật không dám làm Tổ Sư, nguy hiểm quá!

Quý vị muốn làm cũng làm không được, và không có khả năng làm, vì quý vị sợ chết. Làm Tổ Sư có nghĩa là không sợ chết, xem tử và sanh đều giống nhau không có gì sai khác, cho nên nói rằng "Phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết Bàn. Đạo chơi nhân gian, giáo hóa chúng sanh." Đó mới có thể làm Tổ Sư. Quý vị nhát gan như thế, có lòng sợ sệt, ngay làm đồ đệ của Tổ Sư cũng còn không được. Tổ Sư đều không sợ khổ, không sợ tai nạn, không sợ sanh, không sợ chết. Quý vị không sợ chết thì mới có thể làm Tổ Sư. Nay nếu ai không sợ chết, tôi liền phong người đó là Tổ Sư.

Tứ Tổ Đạo Tín, lúc nhỏ theo Tam Tổ Tăng Xán xuất gia học đạo, sáu mươi năm ngồi không nằm, đôi mắt thường nhắm, dụng công biện đạo, không phải Ngài ngủ. Khi Ngài mở mắt, người thường đều giật mình kinh sợ giống như bị động đất. Tại sao vậy? Không ai biết được. Nhưng đó chính là uy đức của Ngài.

Đường triều Trinh Quán năm thứ mười bảy (công nguyên năm 644), Thái Tông phái sứ thần mời Ngài đến hoàng cung để cúng dường, lễ Ngài làm thầy. Nếu như Pháp sư đời nay, Hoàng đế không mời cũng tìm cách gặp Hoàng đế, dựa dẫm vào, huống chi nay được lễ bái cung thỉnh? Nhưng Tứ Tổ đã từ chối, lựa lời nói:

–Tôi niên kỷ đã lớn, đi cũng đi không nổi. Tuổi già sức yếu, cho nên không thể đi đến Kinh thành được.

Sứ thần trở về tâu lên Hoàng đế, Hoàng đế nói:

–Người quay về nói với Tứ Tổ, bất luận là Ngài lớn tuổi đến đâu đi nữa, ta vẫn mời Ngài vào hoàng cung cúng dường.

Sứ giả đành đi đến chỗ Tứ Tổ, thưa với Ngài rằng:

–Hoàng thượng nói bất luận là Ngài già yếu đến đâu, cũng dùng kiệu để rước Ngài vào hoàng cung để cúng dường.

Ngày xưa không có máy bay, không giống như bây giờ giao thông rất tiện lợi. Tứ Tổ trả lời:

–Không được, tôi đã quá già, nếu như ông nhất định muốn tôi đi, thì chặt đầu tôi mà đem đi. Chớ tâm của tôi dù thế nào đi nữa cũng nhất quyết không đi.

Sứ giả không có cách nào, chỉ đành trở về đem sự việc như thế báo cáo hoàng đế:

–Vị Hòa Thượng đó thật là kỳ lạ, cũng không biết nhân tình thế thái. Ông ta nói dù chặt đầu ông ta, ông ta cũng không đến gặp bệ hạ.

–Được, khanh hãy đi đem đầu ông ta mang về đây.

Vua dùng một cái hộp, trong hộp có đựng một thanh gương bén giao cho sứ thần và nói:

–Cầm lấy thanh gương này, chặt đầu ông ta mang về đây.

Nhưng lúc sắp khởi hành, Hoàng đế lại nói với sứ thần:

–Dù thế nào đi nữa khanh cũng không được làm tổn thương đến vị Hòa Thượng đó.

Sứ thần hiểu rõ thâm ý của Hoàng đế, liền quay trở lại đến chỗ của Tứ Tổ và nói:

–Lão Hòa Thượng! Rốt cuộc Ngài có đi hay không? Nếu không đi, thanh gương này sẽ dùng để chặt đầu Ngài, đem đầu Ngài đi gặp hoàng thượng.

Tổ sư Đạo Tín nói:

–Tốt lắm! đầu của tôi có thể gặp hoàng thượng, đó là vinh dự của tôi, mời Ngài lại chặt đầu của tôi đi!

Sứ thần cầm thanh gương làm điệu bộ như chặt đầu Tứ Tổ. Nhưng nhìn thấy Tứ Tổ quả nhiên giơ đầu ra chịu chém không chút sợ sệt, bèn bỏ gương xuống, cất lại vào hộp. Tổ sư Đạo Tín nhắm mắt chờ sứ thần chém đầu, nhưng chờ rất lâu mà không thấy động tĩnh, bèn tức giận la lên:

–Tại sao người không chặt đầu ta.

Tình hình lúc này cũng không khác gì trường hợp của Nhị Tổ. Sứ thần nói:

–Nhà Vua sai tôi chỉ được nói như vậy, nhưng không được làm tổn hại đến Ngài.

Tổ sư Đạo Tín nghe xong cười lớn nói:

–Nay ông đã biết, trên thế gian thật có người không sợ chết!

Tứ Tổ họ Tư Mã, xuất gia pháp danh Đạo Tín, là một giòng họ có danh vọng thời bấy giờ. Từ nhỏ xuất gia học đạo, tại thế bảy mươi hai năm, sáu mươi năm lưng không dính chiếu, đã thành tựu cảnh giới bất khả tư nghì. Có lần Ngài đang ở trên núi tu đạo, có một đám giặc cướp bao vây thành khoảng hơn một trăm ngày, lương thực trong thành cùng với nước uống đều dứt tuyệt, khô kiệt. Đại sư nhìn thấy tình hình như thế, bèn đến trong thành dạy tất cả quan quân và dân chúng tụng "*Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa*." Niệm không bao lâu, giặc cướp bèn rút lui, giếng nước đang khô cạn tự nhiên tràn ra những dòng nước ngọt, đây là một cảnh giới cảm ứng.

Lúc đó, Ngài dùng Phật nhãn quan sát, thấy núi Phá Đầu ở Hà Bắc, có mây tía xoay quanh, bao trùm cả khu núi đó. Những vầng mây tía này là điều báo điềm lành, vì thế Ngài bèn đến trú ngụ tại ngọn núi này, và đổi tên núi là Song Phong Sơn.

Ngài giáo hóa những chúng sanh cang cường khó độ, mong cho họ bỏ ác làm lành, nhưng họ cứ y theo đường cũ tiếp tục làm ác, không nghe theo lời giáo hóa. Tứ Tổ nhẫn nại áp dụng các loại pháp môn phương tiện quyền xảo, khiến cho họ bỏ tà quy chánh. Trong hơn bốn mươi năm hoằng dương Phật pháp, Ngài giáo hóa chúng sanh nhiều vô số.

Một ngày họ Tư Tổ nói với đồ chúng rằng:

–Các ông phải làm cho ta một cái tháp, ta sắp đi rồi.

Khi Bảo tháp vừa xây xong, đời Đường Vĩnh Huy năm thứ hai (công nguyên năm 651), ngày hai mươi bốn tháng chín nhuận, Tứ Tổ không bệnh mà viên tịch. Đồ đệ của Ngài liền đặt Ngài vào trong Bảo tháp làm bằng đá. Bảo tháp vốn dùng khóa sắt khóa cẩn thận. Một năm sau đó, cửa tháp tự động mở ra, đồ chúng thấy Tứ Tổ vẫn đoan nhiên chánh tọa bên trong, sinh động giống như lúc sống, nhưng thịt thì đã khô. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, nhìn

thấy tướng hảo của Tứ Tổ như vậy rất hoan hỷ. Ngài bèn dùng vải dầu phết vàng, giữ gìn nhục thể của Tứ Tổ. Cho đến ngày nay nhục thể của Tứ Tổ vẫn còn lưu lại cho người đời lễ bái chiêm ngưỡng cúng dường.

Đường triều Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, họ Châu, là người Hoàng Mai (huyện Hoàng Mai nay thuộc tỉnh Hồ Bắc, núi Song Phong thuộc huyện Hoàng Mai), bảy tuổi xuất gia, bái Tứ Tổ làm Thầy, mười ba tuổi thọ Sa di giới. Tánh tình hồn hậu ít nói, tuy các bậc đồng học nhiều lần ăn hiếp khinh thường, Ngài vẫn bình thản, xem như không có gì xảy ra. Ban ngày theo chúng công quả, việc gì cũng làm; ban đêm ngồi thiền nhiếp trì thân tâm, không nói chuyện thị phi, đi theo Tứ Tổ ba mươi năm tu học Phật pháp. Ngũ Tổ thân cao tám thước, tướng mạo kỳ đặc. Ngài trú trên ngọn núi Bằng Mậu, phía đông của núi Song Phong, vì thế đương thời gọi là "Đông Sơn pháp môn." Có lần nhìn thấy một đám giặc cướp bao vây thành Hồ Bắc, ngăn chặn tất cả đường xá giao thông, Ngũ Tổ từ Đông Sơn đi vào trong thành. Lúc bọn giặc cướp trông thấy Ngài sợ hãi không còn hồn vía. Vì đám giặc cướp thấy không phải là Tổ Sư mà là vị Kim Giáp Kim Cang Vương Bồ Tát, tay cầm bảo khí, oai đức lẫm liệt, hào quang sáng ngời. Giặc cướp tứ tán rút lui, nhờ đó mà thành được giải vây.

Đại sư làm sao có thể biến hiện thân Kim Cang Vương Bồ Tát? Vì Ngũ Tổ là bậc chân tu, lại thường hay tụng chú Lăng Nghiêm. Chú Lăng Nghiêm nói: "Nếu ai nhứt tâm tụng trì chú Lăng Nghiêm, thì sẽ được tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát bảo hộ trong bất cứ mọi trường hợp nguy hiểm tai nạn nào." Vua Cao Tông đời Đường, nhiều lần hạ chiếu mời Đại sư đến hoàng cung cúng dường, nhưng đều bị Đại sư khéo léo từ chối. Sau cùng Hoàng đế liền cho người mang nhiều lễ vật, thuốc men quý giá đến cúng dường Ngũ Tổ.

Đường Hàm Hanh năm thứ năm (công nguyên năm 674), Ngũ Tổ nói với đệ tử rằng:

—Các ông làm cho ta một ngôi tháp, ta sắp đi rồi.

Tháng sau vào ngày mười bốn, Ngài lại hỏi:

–Tháp đã chuẩn bị xong chưa?

Chúng đệ tử trả lời:

–Bạch Đại sư, tháp đã xây xong rồi.

–Nhiều năm qua ta giáo hóa chúng sanh, độ hóa người có duyên, và phú pháp cho Lục Tổ Huệ Năng. Nay các ông có mười người là bậc pháp tự, hãy kiến lập đạo tràng, hộ trì Phật giáo, hoằng dương chánh pháp, giáo hóa chúng sanh.

Mười vị đại đệ tử tức là Thần Tú, Trí Thâm, Huệ Tạng, Huyền Ước, Lão An, Pháp Như, Trí Đức, Nghĩa Phương, Huệ Năng và Lưu Chủ Bộ. Ngũ Tổ đưa tiễn mười vị này đi khắp các nơi giáo hóa chúng sanh.

Không lâu, Ngũ Tổ an tọa mà nhập Niết Bàn. Suốt bảy mươi bốn năm, rộng mở giáo pháp, đờ chúng rất đông, truyền y bát cho Đại sư Huệ Năng.

Trên đây đã lược thuật Tây Thiên Tổ thứ hai mươi tám Bồ Đề Đạt Ma, đã đem pháp truyền vào phương Đông, là Sơ Tổ Thiên tông Trung Quốc. Đời đời nối tiếp, nhất phái đơn truyền, bầm thừa chánh pháp nhãn tạng của Đức Thích Ca Mâu Ni, cho đến sự tích của Đức Lục Tổ Huệ Năng.

"Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh lược tự," do Pháp Hải Thiên Sư, đệ tử đặc pháp của Lục Tổ, biên soạn, ghi lại sự tích sanh bình của Lục Tổ.

*

Đại sư tên là Huệ Năng. Thân phụ của Ngài họ Lư, húy Hạnh Thao, thân mẫu của Ngài là Lý thị.

Ngài sanh vào đời Đường, niên hiệu Trinh Quán, năm thứ mười hai, nhằm năm Mậu Tuất, tháng hai, ngày mùng tám, giờ tý.

Lúc sanh Ngài có một đạo hào quang chiếu lên hư không, lại có mùi thơm xông khắp cả nhà.

Trời vừa rạng sáng, có hai vị tăng lạ mặt đến xin viếng và gọi thân phụ Ngài mà nói rằng: "Nhơn có đứa nhỏ sanh ngày đêm qua, nên chúng tôi đến đặt tên giùm. Nên đặt trên chữ Huệ, dưới chữ Năng."

Thân phụ Ngài hỏi: "Sao gọi là Huệ Năng?"

Một vị tăng đáp: "Huệ nghĩa là đem pháp huệ mà thí cho chúng sanh, Năng nghĩa là làm được việc Phật."

Nói rồi hai vị tăng liền đi ra, chẳng biết đi xứ nào.

Đại sư khi lọt lòng mẹ, không bú sữa, ban đêm có thần nhơn rưới nước cam lồ cho Ngài.

Giảng:

Đại sư tên Huệ Năng, cha tên Lữ Hạnh Thao, Mẹ họ Lý. Đại sư sanh vào đời Đường Trinh Quán năm thứ mười hai (công nguyên năm 638), giờ Tý mùng tám tháng hai năm Mậu Tuất. Lúc Ngài ra đời hào quang chiếu sáng hư không, giống như Phật đảnh phóng quang, hương lạ đầy nhà. Sáng sớm ngày hôm sau có hai vị dị Tăng đến viếng thăm nói:

–Đứa trẻ ra đời tối hôm qua cùng với Phật pháp có duyên, vì thế chúng tôi đến đây xin được đặt tên cho đứa bé, thượng Huệ hạ Năng là tên.

Cha của Ngài không hiểu bèn hỏi:

–Tại sao gọi là Huệ Năng?

Tăng đáp:

–"Huệ" là dùng Phật pháp huệ thí chúng sanh, "Năng" là có thể hoằng dương Phật pháp.

Nói xong liền đi mất, không biết đi đâu. Huệ Năng sinh ra, không uống sữa mẹ mà tự lớn. Theo truyền thuyết, mỗi đêm đều có thần nhân đến cho uống nước cam lồ.

*

Đến lớn hai mươi bốn tuổi, Ngài nhờ nghe Kinh mà ngộ đạo. Ngài đến viếng Ngũ Tổ Hoàng Mai mà cầu ấn khả.

Giảng:

Một ngày nọ, Huệ Năng đang bán củi, nghe một người khách tụng *Kinh Kim Cang*, nghe đến câu "ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm," liền lập tức khai ngộ. Hiện nay có nhiều người đã từng nghe qua *Kinh Kim Cang*, nhưng không có ai khai ngộ. Tôi hy vọng ở Tây phương, có người nghe đến câu "ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm" có thể hiểu rõ nghĩa lý mà lập tức khai ngộ.

Sau khi khai ngộ, Đại sư không có đi khắp nơi rêu rao: "Xem nè! Tôi đã khai ngộ rồi." Ngài không giống như một số người hiện nay, chỉ mới hiểu có một chút kiến thức nông cạn về Phật pháp, bèn đi khắp nơi khoe khoang mình đã khai ngộ. Người xưa dù đã khai ngộ, cũng không dám khinh suất nói rằng mình đã khai ngộ, hà huống những người vốn chưa khai ngộ, càng không nên đi khắp nơi tuyên dương khoe khoang như vậy. Nếu đã khai ngộ, cần phải đi tìm một vị Thiện tri thức mắt sáng (minh nhãn) để chứng minh. Đó chính là nguyên nhân mà Lục Tổ đi Hoàng Mai cầu Ngũ Tổ ấn chứng.

Từ xưa đến nay, người giác ngộ không bao giờ dám tự mình ấn chứng mình, không giống như người bây giờ, chưa ngộ nói ngộ, phạm đại vọng ngữ. Cần phải biết ngộ và chưa ngộ sai khác một trời một vực, làm sao có

thể chân nguy không phân biệt được, lấy giả thay thật, mắt cá lẫn vào hạt châu, nhắm mắt nói mò ư?

Hiện nay lại có một số thanh niên vô ý thức, sau khi hút ma túy, LSD, say túy lúy, mất hết trí khôn. Lúc đó, ma vương mê hoặc thể gian, giả làm Thiện tri thức mà chứng minh cho họ rằng:

–Đúng rồi, người đã đạt đến cảnh giới *không*, nhưng mà người không thể nào ở trong hư không, cần phải trở về chỗ tôi, tôi có phòng ốc, có nhà cửa, lại có nơi nghỉ mát, thoải mái tiện nghi!

Những người này nghe xong liền bái ma vương làm thầy, thật ra mấy người ác tri thức đó, vốn cũng không biết mình là thiệt hay giả, cho nên có câu: "thầy trò cùng mê mờ, người mù dắt người đui" vậy.

Cho nên chúng ta cần phải dùng kinh điển để chứng minh. Kinh điển hoàn toàn không có nói người ngu đó đang ở trong hư không xây dựng phòng ốc. Dù hiện nay hỏa tiễn có thể bay đến mặt trăng, nhưng trong không trung thì không thể nào kiến lập lâu các được. Làm sao có thể lập luận ấu trĩ như vậy?

Hiện nay chúng ta rất bận rộn, sáng sớm bốn giờ đã thức dậy tụng kinh. Chúng ta ở trên mặt đất này bận rộn xây dựng nhà cửa, nhưng không thể xây dựng được ở hư không. Tại sao vậy? Tại vì chúng ta đang ở trên mặt đất, cho nên nhà cửa cũng cần phải xây dựng trên mặt đất. Chúng ta quên mất thân này, mà tạo thân Kim Cang, thân này giống như nhà ở của chúng ta, rồi một ngày nào đó bị hư hoại đi. Nay từ sớm đến tối chúng ta bận rộn nung đúc, rèn luyện, đến cuối cùng có thể tu hành đạt đến thân Kim Cang bất hoại. Sau khi thành tựu thân Kim Cang bất hoại thì có thể tùy tâm sở dục mà đi vào hư không, trên có thể lên đến trời, dưới có thể đi xuống đất hoặc đến Long cung cũng được. Không cần hộ chiếu hoặc hành trình cũng có thể đi đến đích, phi hành tự tại khắp nơi, nhưng đầu tiên quý vị cần phải tu cái thân bất hoại mới có thể đạt cảnh giới này.

*

Ngũ Tổ xem Đại sư, nhận ra Ngài có tài đức xứng đáng, nên phú chúc y bát và dạy Ngài nối ngôi Tổ sư. Lúc ấy nhằm đời Đường Cao Tông, ngươn niên Long Sóc, năm Tân Dậu.

Ngài qua phương Nam ẩn dật mười sáu năm.

Giảng:

Sau khi rời khỏi Hoàng Mai, Lục Tổ không có một chỗ trú ngụ an toàn. Vì đồ đệ của Thần Tú và các giáo phái khác muốn hãm hại Ngài, vì thế Đại sư lánh nạn trong nhóm thợ săn suốt mười sáu năm. Trong thời gian này không ai biết Ngài là Lục Tổ. Ngài một mặt dụng công tu thiền định đồng thời làm công việc canh giữ lưới cho đám người thợ săn. Nếu thấy trong lưới có chim thú, Ngài đều tìm đủ mọi cách phóng sanh chúng. Lúc này Ngài có đủ thời gian để tu hành viên mãn công phu của mình mà không bị ai quấy rầy.

Nếu quý vị không chân chánh tu hành thì mọi chuyện đều êm thuận. Một khi phát tâm tu hành, thì ma chướng từ bốn phương tám hướng kéo đến, và tất cả các hiện tượng không tưởng tượng được đều có thể phát sanh.

Trong thời gian mười sáu năm cùng sống với nhóm người thợ săn, Lục Tổ được an ổn. Đây là một sự ẩn náu một cách sáng suốt – không cầu danh, không cầu lợi, không gây thiệt hại cho người, mà là chân chánh dụng công tu hành.

*

Đến ngày mừng tám, tháng giêng, năm Bính Tý, đời Đường Cao Tông nguyên niên Nghi Phụng, Ngài cùng Ấn Tông Pháp sư luận bàn đạo lý sâu màu. Ấn Tông Pháp sư kế ngộ tông chỉ của Đại sư.

Giảng:

Hai người đã thảo luận nhiều lần, đưa ra cách nhìn của mình về đạo lý. Thế thì ai hỏi ai? Đó là Pháp sư Ấn Tông hỏi Lục Tổ Đại sư vậy. Lục Tổ đã giải quyết vấn đề tranh luận phương động hay gió động, thật ra là tâm động. Pháp sư Ấn Tông rất kinh ngạc nghe một người tại gia mà có thể nói ra đạo lý thâm sâu như vậy bèn lập tức rời pháp tòa cung thỉnh Lục Tổ vào trong liêu của mình đàm luận. Ấn Tông Pháp sư hỏi:

–Ông từ đâu đến, tên họ là gì ?

Pháp sư Ấn Tông sau khi biết vị tại gia này là đệ tử đặc pháp của Ngũ Tổ, là người đã được Ngũ Tổ truyền cho y bát, Ngài lập tức đánh lễ Lục Tổ. Sau đó cầu hỏi những đạo lý nhiệm mầu sâu sắc trong kinh sách, thảo luận về gió động phương động. Sau khi cùng với Lục Tổ luận bàn xong, Đại sư Ấn Tông mới hiểu rõ và ngộ được nghĩa lý của Thiền tông.

*

Ngày rằm tháng ấy, Ấn Tông Pháp sư nhóm hết tứ chúng mà xuống tóc cho Đại sư, rồi qua mừng tám, tháng hai, lại nhóm hết các vị danh đức mà truyền thọ Cụ túc giới cho Ngài.

Trí Quang Luật sư ở Tây kinh làm Thọ giới sư,

Giảng:

Vào ngày rằm tháng giêng Pháp sư Ấn Tông tập hợp tứ chúng Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, cử hành nghi lễ thế độ cho Lục Tổ Đại sư, khiến cho hiển hiện tướng xuất gia mà thành Tỳ khưu.

Người xuất gia có rất nhiều lý do xuất gia không giống nhau. Có người vì cuộc sống khó khăn, nhìn thấy người xuất gia được người cúng dường, có cái ăn có cái mặc vì thế mà xuất gia. Có người xuất gia vì tuổi già không có con cái chăm sóc, họ nghĩ: "Sau khi ta xuất gia, thân nhận một đứa đệ tử trẻ tuổi, nó sẽ lo lắng chăm sóc cho ta giống như con ta vậy." Có người vì đã từng làm trộm cướp, hoặc vì trốn tránh pháp luật, sau khi xuất gia xuống tóc, có thể tránh được nạn chánh phủ bắt được chém đầu họ. Có người lúc còn nhỏ đã bị đưa đến Chùa xuất gia. Đây là một vài lý do mà người ta xuất gia. Sau khi xuất gia, có thể chân chánh dụng công tu hành hay không, thì thật là khó nói.

Có người *mê tín* (mê mà có lòng tin). Như một vài bậc cha mẹ thấy con mình bệnh nặng, bèn nghĩ rằng: "Con của mình có thể chết vì bệnh, cần nên đem nó đến Chùa cho xuất gia." Do vì mê tín, cha mẹ bèn đưa con vào Chùa. Người "mê tín" còn có chỗ hy vọng. Lại có người thì "*tín mê*" (tin vào điều mê lầm) tức là chuyên tin theo những lập luận tà tri tà kiến, tùy theo những tư tưởng không chính xác mà chuyển biến theo, thật là như lời người ta thường nói: "mê trong mê." Có người thì "*mê mà không tin*," (vừa mê lại vừa không tin), trong cái mê của họ không tin tưởng vào bất cứ việc gì. Nhưng có người thì "*tin mà không mê*," những người này dùng chân tâm học Phật pháp, cho đến khi hiểu rõ chân lý thì không còn mê mờ nữa.

Những người xuất gia này có thể chân chánh dụng công tu học hay không, cũng không chắc chắn lắm, hoặc có thể có một hoặc hai phần trăm chân chánh tu học Phật pháp. Nhưng, nếu quý vị hạ quyết tâm như quyết khai ngộ, để liễu sanh thoát tử, thì sau khi xuất gia có thể siêng năng nỗ lực dụng công tu hành.

Có một vài người xuất nhà thế gian, tức ra khỏi nhà tam thế: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Sau khi ra khỏi tam giới sẽ không còn chấp vào dục sắc, sắc giới, vô sắc giới vì họ không còn chỗ chấp trước, xem tam giới như hoa đốm giữa hư không, cho nên nói vượt ra khỏi sự trói buộc của tam giới, ra

khỏi nhà tam giới. Có vài người xuất phiền não gia, nếu quý vị xuất gia mà không đoạn phiền não, thì không thể đắc đạo, vì thế nhất định phải trừ phiền não.

Lục Tổ là một ví dụ đặc biệt, không giống như các lý do đã nói ở trên, vì Ngài đã đạt đến cảnh giới tự do tự tại, xuất gia hay không xuất gia cũng không có gì sai biệt. Lúc còn là cư sĩ, Ngài thực hành Bồ Tát đạo, không giống như những người tại gia tầm thường khác.

Mùng tám tháng hai là ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất gia, trong ngày này tập trung các bậc cao Tăng Đại đức trong mười phương – Pháp sư Trung Quốc và Pháp sư Ấn Độ – vân tập lại, truyền giới cụ túc cho Lục Tổ. Pháp sư Ấn Tông mời Luật sư Trí Quang ở Tây Kinh làm Truyền giới sư cho Lục Tổ. Luật sư Trí Quang trì giới nghiêm minh, trong bốn oai nghi: hành, trụ, tọa, ngọa đều đầy đủ bốn đại oai nghi. Phạm nhứt cử, nhứt động của Luật sư, đều cần phải hợp với luật nghi, không thể tùy tiện. Vì thế Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nghiêm tịnh tỳ ni, hoành phạm tam giới."

*

Huệ Tích Luật sư ở Tô Châu làm Yết-ma,

Thông Ứng Luật sư ở Kinh Châu làm Giáo thọ,

Kỳ Đà La Luật sư ở Trung Thiên Trúc thuyết giới,

Mật Đa Tam Tạng ở Tây Thiên Trúc chứng giới.

Giảng:

Yết-ma là Phạn ngữ, có nghĩa là biện sự, là người biện sự trong lúc truyền giới. Yết-ma cần phải xác thực tất cả mọi sở hành đều hợp với giới pháp, hợp với quy củ mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã đặt ra. Các việc làm nếu không hợp với Phật pháp, thì không được Yết-ma chấp nhận.

Lúc truyền giới, Truyền giới sư hỏi Thầy Yết-ma ba lần:

–Có thể truyền giới cho người này không?

Mỗi lần Yết ma đều phải trả lời:

–Có thể.

Trên giới đàn, Yết-ma ngồi bên trái của Giới sư, Giáo thọ sư ngồi bên phải, còn lại bảy vị Chứng giới sư ngồi hai bên. Tất cả là ba vị A-xà-lê và bảy vị Chứng giới sư. Các Ngài đại diện cho mười phương chư Phật giảng pháp và truyền giới. Cho nên xuất gia thọ giới là một việc rất quan trọng.

"Giáo thọ" tức truyền thọ kinh điển. Kỳ Đa La là tiếng Phạn, nghĩa là "Công Đức Hoa." Pháp sư Mật Đa tinh thông ba tạng Kinh Luật Luận, cho nên tôn xưng Ngài là Tam Tạng Pháp sư. Tất cả giới thần đều đến bảo hộ vị Pháp sư tài trí này, trong cuộc đời của Ngài có rất nhiều sự tích thần kỳ, "Mật Đa" có nghĩa là hưng thịnh, tươi tốt.

*

Nguyên Giới đàn này do Tam Tạng Đại sư Cầu Na Bạt Đà La ở triều nhà Tống, đứng ra sáng lập và có dựng bia ghi lời Sấm-truyền rằng: "Sau sẽ có một vị Bồ Tát xác phàm thọ giới tại chỗ này."

Giảng:

Cầu Na Bạt Đà La, nghĩa là "Công Đức Hiền." Vị Pháp sư này ở Chùa Quang Hiếu kiến lập một pháp đàn, trên pháp đàn dựng một bia đá, có ghi lời dự ngôn: "Đời sau có một vị nhục thân Bồ Tát thọ giới cụ túc tại đây."

*

Đến đời Lương Võ Đế, nguyên niên Thiên Giám, lại có Tam Tạng Đại sư Trí Dực từ Tây Thiên Trúc ngồi thuyền vượt biển sang Trung Quốc, đem một cây Bồ đề từ Thiên Trúc trồng nơi bờ ranh Giới đàn ấy, và cũng có đặt bia ghi lời dự ngôn như vầy: "Sau này một trăm bảy mươi năm, sẽ có một vị Bồ Tát xác phạm khai diễn pháp thượng thừa ở dưới cội cây này, cứu độ vô số chúng sanh, ấy là vị Pháp chủ truyền thọ tâm ấn của Phật."

Giảng:

Lương Vũ Đế Thiên Giám nguyên niên (công nguyên năm 502), từ Ấn Độ Tam Tạng Pháp sư Trí Dực ngồi thuyền vượt biển đến đây, nhìn thấy pháp đàn và bia đá này, bèn lấy cây Bồ đề mà Ngài đã đem từ Ấn Độ đến đây, trồng bên cạnh pháp đàn và lập bia dự đoán rằng:

–Một trăm bảy mươi năm sau, sẽ có một vị nhục thân Bồ Tát ở dưới cội Bồ đề này, khai diễn Phật pháp thượng thừa, trực chỉ tâm địa kiến tánh pháp môn mà thành tựu Phật đạo.

Cây Bồ đề khắp nơi đều có thể sanh trưởng, tại Trung Quốc hiện có rất nhiều loại cây này.

Xưa kia Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trên hội Linh Sơn niêm hoa thị chúng, đem tâm ấn của chư Phật truyền cho Tôn giả Ma Ha Ca Diếp. Tổ sư là người truyền Phật tâm ấn, mà Pháp sư là người giảng kinh thuyết pháp.

Nhục thân bất hoại của Đại sư Trí Dực hiện vẫn còn bảo tồn trong Chùa Nguyệt Hoa cách Chùa Nam Hoa năm dặm. Người quản lý trong Chùa đã xuất gia, không chiêu đãi khách thập phương, vì thế nếu muốn đi đến tham quan, phải tự chuẩn bị đồ ăn thức uống. Lúc tôi ở Chùa Nam Hoa đã từng đến Chùa Nguyệt Hoa, nhìn thấy nhục thân của Đại sư Trí Dực được giữ gìn toàn vẹn, hoàn chỉnh, không có một chút hư tổn.

*

Thật quả như lời sấm truyền, Đại sư đã đến chỗ này mà thế phát và thọ giới, và chỉ bày yếu chỉ của tâm pháp truyền thừa cho tứ chúng vậy.

Giảng:

Lục Tổ sau khi xuống tóc thọ Cụ-túc giới, bèn giảng kinh thuyết pháp cho tứ chúng nghe, truyền thọ bất nhị pháp môn, tức là từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đời đời tương truyền pháp môn tâm ấn.

*

Qua năm sau, nhằm mùa xuân, Đại sư từ giả đồ chúng mà về chùa Bảo Lâm. Khi ấy sư Ấn Tông cùng các vị tăng, người tục, có trên một ngàn người đến tiễn Ngài thẳng tới Tào Khê.

Giảng:

Mùa Xuân năm sau, Lục Tổ từ giả đại chúng mà trở về Bảo Lâm. Y phục màu đen (tử) là của người xuất gia, lúc đó người tại gia mặc đồ trắng (bạch), vì thế nói: tử bạch hàng ngàn người đưa tiễn Đại sư đến Tào Khê.

Có người chưa đến Tào Khê mà nói rằng mình đã đến đó, họ ngụy truyền cái gọi là Tào Khê Pháp môn và Thiên tông bí truyền. Thời mạt pháp khắp nơi đều có hiện tượng này: giả Phật giáo đồ, giả nhân hiệu.

*

Lúc ấy có Thông Ứng Luật sư ở Kinh Châu, cùng các vị học giả kể có một trăm người, đều theo học với Đại sư.

Khi Đại sư đến chùa Bảo Lâm tại Tào Khê, thấy chùa chật hẹp, không đủ dung nạp đồ chúng, thì có ý muốn mở rộng ra. Ngài đến viếng một người trong xóm là Trần Á Tiên mà nói rằng: "Lão tăng đến đây muốn cầu thí chủ cho một khoảnh đất vừa đủ trải tấm tọa cụ được chăng?"

Giảng:

Lúc đó Luật sư Thông Ứng ở Kinh Châu biết Lục Tổ là vị pháp chủ truyền Phật tâm ấn, bèn dẫn đồ đệ của mình theo Đại sư học pháp. Lúc Đại sư đến Tào Khê, nhìn thấy giảng đường nhỏ hẹp, không thể dung nạp số người đông như thế, bèn có ý mở rộng giảng đường. Ngài đến thăm địa chủ Trần Á Tiên nói:

–Thí chủ có thể cúng dường cho lão Tăng một mảnh đất bằng miếng tọa cụ này chăng?

*

Trần Á Tiên nói: "Tấm tọa cụ của Hòa Thượng rộng bao nhiêu?"

Đại sư lấy tấm tọa cụ chỉ cho Trần Á Tiên xem, Á Tiên thưa: Được. Đại sư liền lấy tấm tọa cụ phóng ra, bao trùm hết bốn cảnh Tào Khê, lại có bốn vị Thiên Vương hiện thân ngồi trấn bốn hướng.

Giảng:

Đại sư đưa miếng tọa cụ của Ngài cho Trần Á Tiên xem. Ông ta nói:

–Nếu Ngài chỉ cần mảnh đất to bằng tấm tọa cụ thì con sẵn lòng cúng dường.

Nhưng lúc Đại sư trái tấm tọa cụ ra, không những khắp cả Chùa Nam Hoa mà cả hơn mười mẫu đất đều được che phủ. Lúc đó Tứ đại thiên vương hiện thân, ngồi trấn ở bốn phương, cho nên mới có cảnh giới kỳ diệu như vậy xuất hiện.

*

Nay tại cảnh chùa có núi Thiên Vương vì như chuyện này mà đặt ra tên núi ấy. Trần Á Tiên thưa: "Con biết pháp lực của Hòa Thượng thật là quảng đại, nhưng vì phần mộ của cao tổ con đều nằm trong khoảnh đất này, ngày sau nếu có cất tháp, xin giữ lại các phần mộ, còn giai dư con hỷ cúng hết, để làm ngôi Bảo-phương vĩnh viễn. Lại chỗ đất này có long mạch hình voi trắng, vậy chỉ nên bình thiên chẳng nên bình địa."

Về sau khi chùa được kiến thiết, nhất nhất đều làm y theo lời thỉnh cầu của Trần Á Tiên.

Mỗi lần Đại sư đi dạo trong cảnh chùa, gặp chỗ nào nước non xinh đẹp, Ngài dừng chơn ngồi nghỉ.

Giảng:

Nay trong cảnh Chùa có Thiên Vương Lĩnh, chính vì câu chuyện này mà được tên. Trần Á Tiên nói:

–Con biết Hòa Thượng Ngài pháp lực thần thông quảng đại, nhưng phần mộ cao tổ của con đều ở trong mảnh đất này, tương lai sau này nếu xây dựng Chùa Tháp xin Ngài chừa lại phần mộ của tổ tiên con, ngoài ra các phần đất khác con đều cúng dường Tam Bảo, vĩnh viễn làm đất Già lam.

Long mạch của đất này rất thanh, núi giống như hình voi trắng, là nơi "bảo sở," tức là một chỗ rất tốt để xây dựng đạo tràng. Hình địa thế cao thì vật kiến trúc nên xây dựng thấp một chút. Địa thế thấp thì có thể xây dựng cao một chút, khiến cho các mái nhà có thể quân bằng, nhưng không nên san

bằng đất đai, vì nếu đào đất sợ rằng sẽ làm tổn thương đến long mạch của núi, phá hoại phong thủy, tổn hại linh khí.

Lục Tổ thường thường dạo chơi trong cảnh Chùa, nhìn thấy chỗ nào có phong cảnh đẹp liền ngừng lại để nghỉ ngơi.

*

Vì thế, mà mười ba Lan-nhã đã được lập lên ở những nơi ấy, một trong những Lan-nhã đó nay là Hoa Quả viện. Cả thầy đều phụ thuộc đạo tràng Bảo Lâm.

Nguyên nơi đạo tràng Bảo Lâm, khi trước cũng có Tam Tạng Đại sư Trí Dực ở Tây Thiên Trúc, từ Nam Hải qua cửa Tào Khê, lấy tay bụm nước uống, nghe mùi thơm ngọt, thì lấy làm lạ, bèn kêu môn nhơn mà bảo rằng: "Nước ở đây không khác gì bên Tây Thiên Trúc, trên nguồn khe chắc có thắng địa, lập Lan-nhã được." Sư lần theo dòng nước lên tới nguồn khe, nhìn quanh bốn phương, non nước xây vòng, đầu non chân giùm, xinh đẹp lạ thường... Sư khen rằng: "Cảnh núi này rõ ràng giống như cảnh núi Bảo Lâm ở Tây Thiên Trúc."

Giảng:

Tại sao khu đất bao quanh Chùa Nam Hoa gọi là Bảo Lâm? Bảo Lâm có nghĩa là Vô Thượng Pháp Bảo diễn hóa tại chỗ này, người y pháp tu hành nhiều như cây trong rừng. Ấn Độ Đại sư Trí Dực lúc uống nước tại Tào Khê, cảm thấy mùi vị ngon ngọt chẳng khác nào ở Ấn Độ, Ngài biết rằng trên đầu nguồn chắc chắn có thắng địa, có thể kiến lập Tự viện. Ngược theo dòng nước lên đến đầu nguồn, đến núi Bảo Lâm lúc hoàng hôn xuống, nhìn chung quanh, khắp nơi đều là sơn thanh thủy tú, Ngài tán thán rằng:

–Núi này thật giống núi Bảo Lâm ở Thiên Trúc, nên đặt tên nơi này là Bảo Lâm đạo trường.

Không phải chỉ có một mình Ngài, Tam tạng Trí Dực mà có rất nhiều đồ đệ đi theo. Ngài nói với họ rằng:

–Đầu nguồn của dòng suối là một thặng địa, có thể kiến lập Tự viện.

Tự viện, tên gọi Lan-nhã là tiếng Phạn, nghĩa là tịch tĩnh xứ, là nơi thanh tịnh tu hành. Đất này thanh khiết, núi non xanh biếc bao quanh, phong cảnh tú lệ, thật là nơi thặng địa tu hành.

*

Sư kê dân làng Tào Hầu mà bảo rằng: "Nơi núi này nên lập một cảnh chùa, sau đây một trăm bảy mươi năm, sẽ có một vị Vô Thượng Pháp Bảo diễn hóa tại chỗ này, số người đắc đạo nhiều như cây rừng, vậy nên đặt hiệu chùa là Bảo Lâm."

Thuở ấy có quan Châu mục tỉnh Thiều Châu, tên là Hầu Kinh Trung, lấy những lời ấy mà làm biểu dâng vua, vua nhận lời xin, lại ban cho một tấm biểu hiệu là Bảo Lâm. Thế mới thành một cảnh chùa Phật. Ấy là một ngôi chùa có trước hết đời nhà Lương, niên hiệu Thiên Giám, năm thứ ba.

Giảng:

Thôn này gọi là Tào Hầu, là hậu duệ của Tào Tháo thời đại Tam Quốc. Đại sư Trí Dực dự đoán một trăm bảy mươi năm sau, "Vô Thượng Pháp Bảo" tức là Lục Tổ trụ tại Bảo Lâm và giáo hóa chúng sanh. Tăng chúng xuất gia và người tại gia tại chỗ này, người khai ngộ đông như số cây trong rừng, vì vậy đất này gọi là "Bảo Lâm." Lúc đó, trưởng quan Thiều Châu Hầu Kinh Trung đem lời dự đoán của Đại sư Trí Dực tâu với triều đình, Lương Võ Đế bèn ân tứ là Bảo Lâm. Thiên Giám năm thứ ba (công nguyên năm 504), xây dựng Chùa này, tức là Chùa Nam Hoa hiện nay.

*

Trước điện chùa có một cái ao, trong đó có một con rồng thường trời lên hụp xuống, làm náo động các cây rừng. Một ngày kia, rồng hiện hình rất lớn, làm cho sóng nổi nước trào, mây mù tối mịt, các môn đồ đều kinh hãi.

Đại sư nạt rằng: "Người có thể hiện hình lớn, mà không hiện hình nhỏ được. Nếu người là thần long thì biến hóa được; nhỏ biến ra lớn, lớn biến ra nhỏ."

Giảng:

Thân Rồng rất lớn, vì thế chỉ thấy thân của nó mà không thể thấy đầu, bay lượn trong nước, làm cho sóng vỗ ầm ầm, sóng nước dâng cao mười thước, hai mươi thước, thậm chí dâng cao ba mươi thước. Nó dương dương tự đắc, tự cho mình là tài giỏi. Đồ chúng đều lo sợ nói:

–Thật là bất khả tư nghì, con rồng này muốn làm tổn hại chúng ta!

Lục Tổ quở trách rồng:

–Nếu người thật có thần thông, thì có thể từ có biến không, từ không biến có, người có thể tùy tâm như ý biến hóa, từ thân to lớn hóa thành thân nhỏ bé, từ thân nhỏ bé hóa thành thân to lớn, không có gì chướng ngại.

*

Rồng ấy thoát nhiên hụp xuống, giây lâu lại hiện hình nhỏ, nhảy khỏi mặt ao.

Tổ mở bình bát, nói thách rằng: "Chắc người không dám chun vô bình bát của lão tăng?"

Rồng hăm hờ nhảy tới trước mặt, Đại sư lấy bình bát thả vào, rồng hết phương vùng vẫy. Đại sư đem bình bát về chùa, thuyết pháp cho rồng nghe.

Giảng:

Lục Tổ dùng lời nói khích khiến cho rồng hóa nhỏ, lập tức không còn thấy rồng nữa, nhưng trong khoảnh khắc một con rồng nhỏ bay lượn nhảy nhót xuất hiện trong nước. Lục Tổ nói:

–Người nay đã biến thành thân nhỏ bé rồi, nhưng người không dám nhảy vào trong bát của ta đâu!

Rồng bơi lội tung tăng trong nước, bơi đến trước mặt Tổ. Lục Tổ không đợi nó nhảy vào trong bát, Ngài lập tức múc nó vào trong bát.

*

Rồng liền cời lột mà đi. Bộ xương này dài đến bảy tấc, đầu đuôi, sừng chân, đều có đủ, để lưu truyền tại chùa. Sau Đại sư lấy đá lấp cái ao ấy. Nay trước điện chùa, phía tả, có tháp bằng sắt dựng nơi đó.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư cầm cái bát đựng con rồng, trở về pháp đường, thuyết pháp cho rồng nghe. Rồng nghe pháp vãng sanh, thoát xác mà đi, để lại di cốt dài hơn bảy tấc, đầu đuôi sừng chân đều đầy đủ, lưu truyền tại chùa. Đại sư bèn dùng đất đá lấp bằng cái ao này. Bên cạnh đại điện, vẫn còn tháp sắt dựng nơi ao đó.

Trong bài tự của Thiền Sư Pháp Hải nói cái ao này ở bên trái, thật ra nó ở bên phải. Trong "Lục Tổ Đàn Kinh chú," Đinh Phúc Bảo cũng chưa đến

Chùa Nam Hoa, đương nhiên không biết chỗ của ao này. Chiếu theo vị trí chỗ ngồi của Lục Tổ trong điện mà đoán định thì ao ở bên phải vậy.

---o0o---

Phẩm Hành Do Đệ Nhất

Đây là phẩm thứ nhất trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Đại sư lược thuật thân thế của Ngài cho đại chúng nghe. "Hành" là chỉ cuộc đời sanh bình của Lục Tổ, "Do" là chỉ Ngài y cứ vào đâu để tu hành. "Hành Do" là chỉ nguồn gốc đắc đạo của Ngài bắt đầu từ đâu.

*

Lúc Đại sư đến chùa Bảo Lâm tại Thiều Châu, có Thứ sử Vi Cừ cùng với các quan viên, chức sắc vào núi thỉnh Ngài vào thành, về giảng đường chùa Đại Phạm, vì chúng khai duyên thuyết pháp. Đại sư đăng tòa rồi, Vi Thứ sử cùng các quan viên, chức sắc có trên ba mươi người, Nho tông học sĩ hơn ba mươi người, cùng các vị Tăng, Ni, đạo, tục có trên một ngàn người, đồng thời làm lễ, xin nghe yếu lý về Phật pháp.

Giảng:

Mỗi bộ kinh đều cần phải đầy đủ sáu phần thành tựu: Tín thành tựu, Văn thành tựu, Thời thành tựu, Chủ thành tựu, Xứ thành tựu và Chúng thành tựu. Lúc chánh pháp khai diễn phải có đầy đủ sáu loại thành tựu này. Pháp hội như định phải có chúng, Thứ Sử Thiều Châu Vi Cừ cùng các quan viên, Tăng Ni đồ chúng tức phù hợp điều kiện này. Núi Bảo Lâm là nơi thuyết pháp, vì thế đầy đủ Xứ thành tựu. Lục Tổ Đại sư là vị Pháp sư, thâm ngộ hiểu rõ kinh nghĩa vì thế đầy đủ Chủ thành tựu. "Lúc," là Thời thành tựu. "Đồng thời làm lễ," là Tín thành tựu. "Xin nghe yếu lý về Phật pháp," là Văn thành tựu.

Lúc đó, Vi Cừ cùng với quan thuộc của ông vào núi Bảo Lâm thỉnh mời Đại sư vào thành hoằng dương Phật pháp.

*

Đại sư bảo chúng rằng : "Chư Thiện tri thức! Bồ đề tự tánh xưa nay vốn thanh tịnh. Chỉ dùng tâm ấy trực liễu thành Phật.

Chư Thiện tri thức! hãy lắng nghe hành do đặc pháp của Huệ Năng này."

Giảng:

Đại sư nói với đại chúng:

–Chư vị Thiện tri thức! Bồ đề tự tánh vốn thanh tịnh giác ngộ, vốn là bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Cần nên dùng cái chân tâm giản đơn thẳng thắn này mà thành Phật, không nên dùng tâm vọng tưởng.

Tiếp theo đó Đại sư dùng tên của Ngài, tự xưng Huệ Năng mà nói:

–Quý vị thánh chúng! Nay tôi sẽ nói cho quý vị nghe quá trình Huệ Năng đắc được pháp như thế nào.

*

Nghiêm phụ của Huệ Năng vốn ở xứ Phạm Dương, làm quan bị giáng chức đày về Lĩnh Nam làm dân ở tại Huyện Tân Châu. Thân này bất hạnh, cha lại mất sớm, còn một mẹ già cô độc, phải dời nhà qua quận Nam Hải. Nhà nghèo túng, cay đắng trăm bề, phải lên núi đốn củi gánh về chợ bán.

Giảng:

Cha của Huệ Năng, nguyên quán ở Phạm Dương, tỉnh Hà Bắc, sau vì sự cố, bị giáng chức và đày đến Lĩnh Nam, tỉnh Quảng Đông. Vì cha đối với con cái giáo dục rất nghiêm, cho nên được tôn xưng là "nghiêm phụ," còn người mẹ thường thường dùng tình thương lo lắng cho con cái vì vậy tôn xưng "từ mẫu."

"Huệ" nghĩa là dùng Pháp huệ bố thí chúng sanh; "Năng" nghĩa là năng làm Phật sự. Lục Tổ họ Lữ, cha của Lục Tổ bị giáng chức đến Lĩnh Nam – đời Đường là một vùng đất biên cương hoang vắng. Cha của Ngài vốn làm quan, vì phạm tội mà bị đày đến đất Lĩnh Nam. Cuộc sống của Huệ Năng rất bất hạnh, cha của Ngài đã qua đời lúc Ngài ba bốn tuổi, để lại đứa con thơ và người vợ góa. Vì thế vợ góa con cô đành phải dời nhà đến quận Nam Hải, nếm đủ mùi đời gian khổ đắng cay. Để sinh sống, Huệ Năng đành phải lên núi đốn củi gánh về chợ bán, với số tiền nho nhỏ kiếm được hằng ngày mua gạo nuôi Mẹ và nuôi sống chính bản thân mình.

*

Lúc ấy có một người khách mua củi, bảo Huệ Năng đem đến tiệm. Khách thuê củi, Huệ Năng này lãnh tiền rồi, bước ra ngoài cửa, thấy một người khách tụng kinh. Huệ Năng này nghe qua, tâm liền khai ngộ.

Giảng:

Vì nhà nghèo, Lục Tổ không được đi học, vì thế không biết chữ. Trung Quốc lúc đó muốn đi học phải nộp học phí. Tuy Ngài không biết chữ, nhưng thiên tánh thông minh đỉnh ngộ, vừa nghe kinh văn nói: **Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm** liền lập tức khai ngộ, và hiểu rõ những cảnh giới từ trước đến nay chưa từng hiểu rõ. Hiện nay rất nhiều người đã nghe câu: **Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm** này, nhưng có ai khai ngộ được không? Có người nói: "Ô! Tôi đã khai ngộ rồi!"

Tôi hỏi ông, ông khai cái ngộ gì? Cái ngộ gì chưa khai? Ông cần nên hỏi lại chính mình.

*

Mới hỏi khách tụng kinh gì?

Khách đáp: "Kinh Kim Cang."

Huệ Năng lại hỏi: "Ở đâu đến mà trì tụng kinh ấy?"

Khách rằng: "Tôi từ chùa Đông Thiên, huyện Hoàng Mai, xứ Kỳ Châu lại đây. Chùa ấy do Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn Đại sư chủ trì giáo hóa tại đó. Môn nhơn của Ngài có trên một ngàn người. Tôi đã đến chùa lễ bái nghe giảng và lãnh kinh ấy."

Giảng:

Ngũ Tổ trú tại Chùa Đông Thiên, giáo hóa đồ chúng có hơn ngàn người. Lúc đó người Trung Quốc học Phật rất hưng thịnh, rất nhiệt tình, cho nên có trên ngàn người cùng sống tại một ngọn núi tu học Phật pháp.

Hiện nay (năm 1969) nước Mỹ làm gì có hơn ngàn người cùng sống chung tu học Phật pháp? Một quốc gia to lớn như thế lại không có, nhưng không biết chừng sau này sẽ có vạn người cùng nhau tu học Phật pháp, điều này cũng không chắc lắm. Như vậy cần phải xem đồ đệ của tôi, các vị dụng công như thế nào. Đa số người Mỹ rất thông minh, nhưng có một vài người thông minh quá độ, cho nên nói là "thông minh phản lại nên bị mê lầm." Mỗi ngày từ sớm đến tối chỉ biết uống thuốc mê huyền (LSD), vì chỉ có nường vào thuốc men, họ mới có thể đạt đến một vài cảnh giới kỳ lạ nhỏ. Những người này nhiều lần thử dùng loại độc dược này, cho đến khi phát giác loại dược phẩm này không còn công hiệu. Họ bèn nghĩ rằng:

– Tôi uống thuốc đã lâu, nhưng tôi vẫn chưa được khai ngộ.

Lúc họ hiểu rằng uống thuốc (LSD) là sai lầm, có lẽ họ sẽ quay đầu lại mà đi tìm chân lý. Cho nên nói: "Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn."

Nay tôi dạy quý vị Phật pháp, tương lai quý vị sẽ giảng pháp mà giáo hóa chúng sanh, vì thế không nên tùy tiện, cần phải nỗ lực tinh tấn tu học, không nên mê hoặc sai lầm, như vậy sẽ có rất nhiều người theo đó mà đến đây tu học. Quý vị hôm nay học *Lục Tổ Đàn Kinh*, cần biết học ở đâu. Lúc có người hỏi quý vị:

– Bạn học Phật pháp ở đâu vậy?

Quý vị có thể trả lời:

– Chúng tôi học Phật pháp tại Phật Giáo Giảng Đường của Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới.

Điều này cũng giống như ý nghĩa của đoạn kinh trên.

*

"Đại sư thường khuyên các vị tăng, người tục, nếu ai trì tụng Kinh Kim Cang thì liền thấy tánh, trực liễu thành Phật."

Huệ Năng này nghe nói rồi, lại bởi có nhơn duyên đời trước, nên được một người khách giúp Huệ Năng mười lượng bạc, bảo sung vào việc y thực của lão mẫu, và dạy qua huyện Hoàng Mai bá kiến Ngũ Tổ.

Giảng:

Quý vị cần phải biết rõ "Đại sư" ở đây là chỉ Ngũ Tổ chứ không phải Lục Tổ. Lúc nghe nói có thánh địa mà hiện nay hơn ngàn người đang cùng nhau tu học Phật pháp, Ngài rất phấn khởi bèn hỏi người khách:

–Tôi nay phải làm sao đây? Tôi rất muốn đi đến đó học pháp. Lúc tôi nghe ông tụng *Kinh Kim Cang*, tôi đã hiểu rõ nghĩa lý của Kinh nên muốn đi cầu pháp nhưng tôi còn mẹ già không người săn sóc, tôi làm sao giải quyết việc này đây?

Vì Bồ Tát không cầu danh lợi, vì thế Lục Tổ không nói đến vị Đại Bồ Tát đến giúp Ngài lúc này. Kinh văn chỉ đơn giản nói: Vì nhân duyên kiếp trước, có một vị khách tặng Huệ Năng mười lạng bạc. Đây thật là một sự cúng dường rất lớn, vì Ngài một ngày đốn củi đem đến chợ bán chỉ được vài đồng. Tức là dù cho Huệ Năng trong ngàn ngày bán củi dành dụm tiền bạc cũng không thể nhiều hơn số bạc mà người khách biếu cho.

Ngài bèn dùng số tiền này mua y phục và lương thực, thu xếp yên ổn nơi ăn chốn ở cho Mẹ của Ngài. Có lẽ người này nói với Ngài rằng:

–Ông tuy nghèo nhưng muốn học Phật pháp. Nay tôi sẽ giúp ông.

Vị khách cho Ngài món tiền lớn như vậy để giúp cho Ngài có thể thuận lợi đi cầu pháp. Công đức của sự cúng dường này rất lớn, tương lai người này nhất định là một vị nhục thân Bồ tát. Nay ở đây có lẽ cũng có người làm như vậy.

Có người hỏi:

–Tôi có làm những công đức gì không?

Nếu quý vị không nhớ thì cũng không sao, không cần phải vọng tưởng như vậy.

Vị khách khẩn khoản giục giã Ngài:

–Ông có tín tâm lớn như vậy, vừa nghe kinh văn liền khai ngộ, hiểu rõ nghĩa lý. Vậy thì nhanh lên! Hãy lập tức đi đến Hoàng Mai bái kiến Ngũ

Tổ, điều này chắc chắn đối với ông rất ích lợi. Lập tức lên đường, không nên chậm trễ!

*

Huệ Năng này lo cho lão mẫu xong rồi, liền từ giả ra đi, chẳng đầy ba mươi ngày, tới huyện Hoàng Mai, vào làm lễ Ngũ Tổ.

Tổ Sư hỏi: "Người là người phương nào, muốn cầu việc chi?"

Huệ Năng này đáp: "Đệ tử là dân huyện Tân Châu xứ Lĩnh Nam, ở phương xa đến đây lạy Tổ Sư, chỉ cầu thành Phật, chớ chẳng cầu chi khác!"

Tổ Sư nói: "Người là người xứ Lĩnh Nam, lại là giống man di, thế nào thành Phật được!"

Huệ Năng này nói: "Con người tuy có phân Nam Bắc, nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc. Cái thân man di này cùng với Hòa Thượng tuy chẳng giống nhau, chớ cái tánh Phật nào có khác!"

Ngũ Tổ còn muốn nói chuyện nữa, nhưng thấy chúng môn đồ đứng vây hai bên tả hữu, nên bảo Huệ Năng theo chúng mà làm việc.

Huệ Năng này nói: "Kính bạch Hòa Thượng, tự tâm của đệ tử thường sanh trí huệ, chẳng lìa tự tánh, tức là phước điền, chẳng hay Hòa Thượng còn dạy làm công việc gì?"

Tổ Sư rằng: "Cái căn tánh của kẻ man di này thiệt lanh lợi. Người chớ có nói nữa, hãy đi ra nhà sau."

Huệ Năng này ra đến nhà sau, có một người cư sĩ sai Huệ Năng này bửa củi giã gạo.

Trải qua tám tháng dư, một ngày kia, Tổ Sư xảy thấy Huệ Năng này, Ngài nói rằng: "Ta nghĩ chỗ tri kiến của người dùng được, song sợ có kẻ ác hại người, nên chẳng nói chuyện với người, người có biết chăng?"

Huệ Năng này nói: "Đệ tử cũng hiểu ý Tôn sư, nên chẳng dám lên nhà trên, để người khác không biết."

Giảng:

Huệ Năng lập tức trở về nhà, thu xếp yên ổn cuộc sống cho Mẹ xong, Ngài bèn từ giã Mẹ ra đi. Không hơn ba mươi ngày Ngài đã đến Chùa Đông Thiên núi Song Phong. Trên đường đi, Ngài không khởi lên chút vọng tưởng nào, chỉ một đường thẳng tiến, vì thế không hay không biết đã đến Hoàng Mai, sau đó đến lễ bái Ngũ Tổ. Lúc đó, Lục Tổ Đại sư mới hai mươi bốn tuổi.

Ngũ Tổ hỏi:

–Người từ đâu đến, đến đây để cầu việc gì?

–Đệ tử từ Tân Châu Lĩnh Nam đến đây, con không cầu gì hết, chỉ cầu làm Phật (Giác ngộ). Những chuyện khác đều không quan trọng.

–Người là người Lĩnh Nam, lại là người man di mọi rợ thì làm sao có thể làm Phật được?

"Cật" là một loại thú nhỏ có mũi rất ngắn, gần giống như loại chó. "Lão" là người man di chưa khai hóa. Cật lão là chỉ loại người không rõ đạo lý, chưa được khai hóa, là người thuộc về loài súc sanh.

Lục Tổ lập tức trả lời rằng:

–Tuy có sai khác người Nam kẻ Bắc, nhưng Phật tánh thường trụ bất diệt, không có phân biệt Nam Bắc, tuy thân của cật lão và thân của Hòa Thượng không giống nhau, nhưng Phật tánh đâu có gì sai khác!

Lúc đó, đồ chúng của Ngũ Tổ đang tụ tập bên cạnh vì thế Ngũ Tổ ngừng lại không nói nữa. Ngài chỉ vắn tắt nói với Huệ Năng rằng:

–Tốt, người đã đến đây rồi, thì mau mau theo đại chúng làm việc đi!

Huệ Năng bạch với Ngũ Tổ rằng:

–Con tự tâm thường sanh trí huệ, trí huệ này từ tự tánh sanh ra, không rời tự tánh tức là phúc điền. Con không biết Hòa Thượng muốn con làm những công việc gì ?

(Phúc điền là chỉ các loại công đức gieo trồng vào thửa ruộng Phật Pháp Tăng Tam bảo. Lại nữa cà sa của Tăng sĩ, may kết thành từng miếng từng miếng, tượng trưng cho phúc điền. Nếu cung kính cúng dường Tam bảo, tức là nơi trồng gốc công đức, sau đó sẽ thành tựu mà kết thành quả phúc).

Ngũ Tổ nghe Huệ Năng nói như vậy, bèn nói:

–Kẻ man di này căn tánh rất lanh lợi.

(Căn: là chỉ năng lực thính [nghe], tín, giải, thọ, trì Phật pháp của một người. Căn tánh chúng sanh có sự sai khác giữa Chân, Tục, và Trung).

Ngũ Tổ cảnh cáo Huệ Năng cần phải cẩn thận không nên nói nữa. Ngài nói:

–Người không nên nói nhiều, ra sau hậu viện làm công quả đi.

Ở hậu viện có một người hành nhân thường kêu bảo Huệ Năng làm việc này việc kia. Mỗi khi ở trong một hoàn cảnh mới, thường hay bị người khác ức hiếp. Vị đồ đệ này chưa xuất gia nên anh ta cũng không khách sáo gì mà sai bảo Huệ Năng:

–Ông mỗi ngày phải đi chặt củi để có củi đun nước nấu cơm, đây là cái rìu, phải chặt những thứ củi khô đem về. Lại nữa, mỗi ngày ông cần phải giã gạo (thời đó giã gạo phải dùng chân đạp cối giã gạo).

Cứ như thế trải qua hơn tám tháng. Một ngày họ Ngũ Tổ nhìn thấy Huệ Năng đang đập lúa, bèn nói với Huệ Năng:

–Ta nghĩ trí tuệ và kiến giải của người có chỗ dùng, nhưng lo có người ganh ghét mà khởi tâm hại người, cho nên cố ý không nói chuyện nhiều với người. Người có hiểu nỗi khổ tâm của ta không?

–Con hiểu, vì thế con không dám đi đến pháp đường thưa chuyện với Hòa Thượng, để tránh người khác chú ý đến hành vi của con cũng như sự quan tâm và lòng từ bi của Sư phụ đối với con.

*

Một ngày kia, Ngũ Tổ bảo các môn đồ tề tựu lại mà dạy rằng: "Ta nói cho chúng đệ tử rõ: Sự sống thác của người đời là việc lớn. Các người trọn ngày chỉ cầu phước điền, chớ chẳng cầu ra khỏi biển khổ sống thác. Nếu tánh mình mê muội, thì phước nào cứu được!"

Giảng:

Một ngày họ Ngũ Tổ Đại sư họp tất cả đồ chúng lại và nói với họ rằng:

–Việc trọng yếu nhất của người đời là sanh tử, bất luận các ông đã từng trải qua sự vinh hoa phú quý như thế nào đi nữa, cũng không tránh khỏi cái chết. Các ông cần phải biết sống như thế nào gọi là đáng sống và chết như thế nào gọi là đáng chết. Nếu không hiểu rõ sanh tử, thì cuộc đời này có thể nói là mê muội mà đến, mê muội mà đi. Các ông là những người tu hành, mỗi ngày chỉ biết cầu phước báo nhân thiên mà không biết tu trí tuệ, không suy nghĩ biện pháp để thoát ly sanh tử, cứ mãi quay cuồng trong biển khổ

sanh tử. Nếu bốn tánh của mình mê muội chỉ biết cầu phước báo, làm sao các ông có thể giải cứu vấn đề sanh tử của chính mình?

Có câu:

"Tu huệ không tu phước,

La Hán ôm bát không.

Tu phước không tu huệ,

Như voi đeo anh lạc."

Thân voi trang điểm đầy châu báu anh lạc cũng chính là mê muội tự tánh, tu phước thì không cứu được các ông vậy.

*

Các người hãy lui về, mỗi người tự xét trí huệ của mình, lấy tánh Bát nhã của Bốn tâm mình mà làm một bài kệ, đem trình cho ta xem. Nếu hiểu rõ đại ý, ta sẽ truyền y pháp cho mà làm Tổ thứ sáu. Hãy đi cho mau, không được chậm trễ. Nếu để tâm suy lường độ lượng, ắt chẳng ích dụng. Phạm người thấy tánh, khi nghe pháp rồi thì phải thấy liền. Nếu được như thế, thì đầu hươu đao giữa trận cũng đang thấy tánh."

Giảng:

Các ông, mọi người tự quán sát trí huệ chân chánh của chính mình, cần phải từ bốn tâm của mình tìm cho được tánh Bát nhã, tức trí huệ chân chánh. Mỗi người hãy làm một bài kệ tụng đem lại cho ta xem (Kệ là tiếng Phạn - gatha), dịch là tụng, tụng gồm có bốn chữ bốn câu hoặc năm, sáu, bảy, tám chữ không nhất định). Nếu các ông hiểu rõ đại ý chân chánh của trí huệ, ta sẽ truyền y bát và truyền pháp cho làm Tổ Sư đời thứ sáu. Các ông cần phải

nhanh chóng làm kệ đem lại đây cho ta xem, không được chậm trễ. Nếu dùng tâm suy lường phân biệt để làm kệ, thì không có ích dụng đâu, vì người nhìn thấy được Phật tánh đã minh tâm kiến tánh, nghe pháp liền lập tức hiểu rõ. Các ông nếu được như vậy mới có chỗ dụng, giống như hươu gươm giữa chốn ba quân, cũng có thể lập tức nhìn thấy tự tánh. Đạo lý cũng giống như vậy.

*

Các môn đệ khi được lệnh rồi, đồng lui ra, lần lượt kêu nhau mà nói rằng: "Chúng ta chẳng nên lóng tâm nặn óc làm kệ để trình cho Hòa Thượng, vì có ích chi đâu! Thượng Tọa Thần Tú hiện làm thầy Giáo thọ, chắc người làm được. Chúng ta chẳng nên làm kệ mà uổng phí tâm lực."

Đại chúng nghe nói yên lòng, đồng bảo từ đây sắp sau sẽ nương cậy Sư Thần Tú, cần gì phải làm kệ cho phiền phức.

Giảng:

Đại chúng sau khi nghe Ngũ Tổ dặn dò dạy bảo, bèn trở về liêu phòng của mỗi người, rồi nói với nhau rằng:

–Chúng ta không cần nặn đầu nặn óc suy nghĩ làm kệ, vì như vậy sẽ uổng công thôi.

Tôi tin rằng những người nói lời này là cùng phe với Thần Tú, hoặc có lẽ là đồ đệ, huynh đệ, hoặc là bà con với Thần Tú, chuẩn bị thỉnh Thần Tú làm Tổ thứ sáu sau này.

–Lại nữa chúng ta không có học vấn bao nhiêu, dù làm kệ cũng không được chọn, Thượng Tọa Thần Tú chỉ thua kém Hòa Thượng phương trượng một

chút, Ngài là Giáo thọ sư của chúng ta, giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta nghe, Ngài có học vấn rộng, đạo đức cao, nhất định sẽ được Tổ vị, chúng ta dù có hao tâm phí sức làm kệ thì bài kệ cũng không ra gì, chỉ là uổng phí tâm lực mà thôi.

Những người khác nghe được như thế đều buông bỏ ý niệm làm kệ. Nếu mọi người đều làm, sợ rằng có người sẽ giành được chức Tổ Sư của Thượng Tọa Thần Tú.

Đại chúng nghe đồn chúng của Thần Tú nói như vậy, bèn bảo nhau rằng:

–Chúng ta sau này nương tựa Ngài Thần Tú để có cơm ăn áo mặc chỗ ở, và nhờ Ngài chỉ dạy cho tu hành – y chỉ nơi Ngài. Chúng ta cần gì phải làm kệ cho phiền phức?

*

Sư Thần Tú nghĩ thầm: "Các người ấy không trình kệ là vì nể ta là Giáo thọ, thầy của bọn chúng. Ta phải làm kệ đem trình cho Hòa Thượng. Nếu không trình thì Hòa Thượng đâu biết kiến giải của ta sâu cạn thế nào? Bỗng ý ta trình kệ mà cầu pháp thì tốt, còn nhắm vào ngôi Tổ thì xấu, cũng giống như người phạm mong đoạt ngôi Thánh, có khác gì đâu! Bằng chẳng trình kệ rồi cuộc thì không đắc pháp. Thiệt rất khó, rất khó!"

Giảng:

Lúc đó, Thần Tú nghĩ thầm:

–Mọi người sợ dĩ không làm kệ, là vì ta là Giáo thọ của họ, đúng lý ra ta cần phải làm kệ, họ vì lịch sự mà nhường ta làm kệ trước!

Thần Tú cũng biết không có ai tranh giành ngôi vị Tổ Sư với mình, cho nên dù kệ hay hay dở cũng không ai tranh dành.

–Ta cần phải làm một bài kệ dâng lên Hòa Thượng. Nếu ta không làm kệ, làm sao Hòa Thượng biết được kiến giải sâu hay cạn của ta đối với Phật pháp, làm sao biết được ta có trí huệ hay không? Nếu ta dụng ý trình kệ là vì cầu pháp nơi Ngũ Tổ thì đó là điều thiện. Nhưng nếu vì muốn làm vị Tổ Sư đời thứ sáu thì ý nghĩ này không đúng. Nếu vì muốn làm Tổ Sư mà làm kệ thì điều này giống như tâm lý của người phạm phu tục tử, muốn tranh đoạt thánh vị, có gì sai khác đâu? Nhưng nếu ta không làm kệ, thì làm sao đây? Ta cuối cùng sẽ không đắc được pháp, Ngũ Tổ cũng sẽ không truyền thọ cho ta, vì Ngài đã tuyên bố như vậy, nhất định phải trình kệ mới có thể đắc pháp. Ôi, việc này khó xử cho ta quá!

*

Nguyên trước liêu Ngũ Tổ có ba gian hành lang, Ngài tính mời quan Cung Phụng là Lữ Trân vẽ các biến tướng trong Kinh Lăng Già (Lăng Già Kinh biến tướng) và họa đồ chỉ về sự kế truyền của năm vị Tổ Sư (Ngũ Tổ huyết mạch đồ) để truyền lại cho đời sau cúng dường.

Giảng:

Lúc đó mọi người đều không còn lòng tham, không còn muốn làm Tổ Sư nữa mà muốn nhường cho Thần Tú, nhưng Thần Tú lại không biết làm kệ như thế nào, cho nên Ngài nói: "Khó quá! Khó quá!"

Nơi tiền đường chỗ Ngũ Tổ ở, có ba gian hành lang, Ngũ Tổ vốn muốn mời quan Cung Phụng là Lữ Trân lại vẽ biến tướng *Kinh Lăng Già*, và Huyết mạch đồ của năm vị Tổ Sư trên bức tường tại chỗ này. Ngũ Tổ muốn vẽ

những bức tranh này để truyền lại cho người đời sau chiêm ngưỡng cúng dường.

Cung Phụng là một chức quan thời bấy giờ, bất luận người nào có bất cứ kỹ năng và sở trường gì, đều có thể vào hoàng cung làm việc. Tên của vị quan này là Lư Trân, là một vị trí thức. Ông ta biết vẽ tranh, và tranh của ông vẽ rất có nghệ thuật, cho nên ông ta đảm nhiệm chức quan Cung Phụng thời bấy giờ.

Chữ Lãng Già trong *Kinh Lãng Già*, là tên một ngọn núi ở xứ Tích Lan, nghĩa là *bất khả vãng*, không thể đi đến, vì thành này ở trên đỉnh núi Ma-La (Malaya) ở Nam Hải, người không có thần thông không thể đến chỗ này. Cho nên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc thuyết pháp tại đây, đã dùng thần thông bay lên đỉnh núi, thuyết pháp cho những người có thần thông nghe. "Biến tướng" là những biến hóa thần diệu bất khả tư nghì. *Ngũ Tổ huyết mạch* đồ tức là Sơ Tổ Đạt Ma đến Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn Đại sư, nối tiếp không ngừng giống như một bức họa đồ máu huyết lưu thông trong thân người.

*

Sư Thần Tú làm kệ xong mấy lần muốn đem trình, nhưng mỗi khi đến trước Tổ liêu thì trong lòng hoảng hốt, mồ hôi ra ướt cả mình, nghĩ rằng không kệ được. Trước sau trải qua bốn ngày, mười ba phen mà trình kệ chẳng được.

Giảng:

Lúc đó học trò của Thần Tú đã không còn tham tâm làm Tổ, nhưng Thần Tú vẫn không bỏ tâm muốn làm Tổ được, lúc nào cũng muốn làm vị Tổ Sư

đời thứ sáu. Thần Tú vốn nghĩ rằng muốn làm Tổ Sư là không đúng, nhưng lại không thể ngăn chặn ý nghĩ muốn làm Tổ Sư.

Kệ đã làm xong, nhiều lần muốn đem trình Hòa Thượng. Nhưng mỗi lần đi đến trước liêu của Ngũ Tổ thì trong lòng hoảng hốt, lo lắng dường như sắp phát điên, nghĩ bụng:

–Ta phải làm sao bây giờ? Kệ ta làm có được không đây?

Vì thế tâm tư hoảng hốt, nhận thức không còn rõ ràng, dường như đúng dường như sai, lo lắng toàn thân xuất hạn mồ hôi, muốn trình mà lại không dám. Điều này giống như đánh một canh bạc, nếu thua thì không thể làm được Tổ Sư. Cứ như vậy mà đi tới đi lui trong suốt bốn ngày. Điều này rất là khổ tâm, vì thế làm Tổ Sư không phải là dễ dàng. Bốn ngày dài đằng đẳng, Thần Tú không có giờ phút ngủ nghỉ, suốt ngày đứng ngồi không yên, ngủ không được, ăn không ngon, chỉ vì lo lắng nghĩ đến việc làm sao có thể đủ điều kiện để thông qua cửa ải làm Tổ Sư này.

Thần Tú đến trước liêu thất Ngũ Tổ mười ba lần, nhưng vẫn không dám trình kệ. Không giống như bây giờ tôi cho quý vị làm bài thi, quý vị làm xong lập tức nộp bài, vì không có duyên cớ quá quan trọng như vậy. Nếu thi đậu mà có thể làm Tổ, tôi nghĩ tay quý vị cũng run rẩy viết không ra câu trả lời đâu.

*

Thần Tú mới suy nghĩ chi bằng biên bài kệ lên vách hành lang, nếu thành linh Hòa Thượng xem thấy mà khen hay, thì ta ra lạy Ngài nói rằng bài kệ ấy là Thần Tú làm. Bằng Ngài nói bài kệ không dùng được thì thiệt uổng công ta ở núi mấy năm, thọ sự lễ bái của người, vậy còn tu đạo làm gì nữa?

Đêm ấy đến canh ba, Thần Tú chẳng cho ai biết, tự mình cầm đèn, viết bài kệ lên vách hành lang phía nam, bày rõ chỗ thấy của tâm mình.

Giảng:

Bấy giờ Đại sư Thần Tú đã bình tĩnh trở lại, Ngài nghĩ thầm: "Không nên nôn nóng, cần phải có chút định lực. Chi bằng ta viết kệ lên bức tường ở hành lang, để cho Ngũ Tổ tự đến xem. Nếu Ngài khen bài kệ hay, thì ta sẽ bước ra đánh lễ Hòa Thượng, nói bài kệ này do chính mình làm. Nếu như Ngũ Tổ phê bình nói bài kệ làm không hay, không dùng được, thì uổng công ta ở trong núi bao nhiêu năm, thọ người cung kính lễ bái. Vậy ta thật không có một chút đạo hạnh nào!"

Vào lúc canh ba, tức khoảng mười hai giờ đêm, Thần Tú tay cầm ngọn đèn sáp nhỏ, vì nếu đèn sáng quá người khác sẽ nhìn thấy, lén đi đến hành lang phía nam viết bài kệ của mình lên vách tường, viết ra đạo lý mà tâm Ngài sở đắc.

*

Kệ viết:

Thân thị Bồ đề thọ,

Tâm như minh cảnh đài,

Thời thời cần phát thức,

Vật sử nhạ trần ai.

Kệ rằng:

Thân ấy cây Bồ đề,

Tâm như tấm gương sáng..

Luôn luôn cần phải sạch,

Chớ để vương bụi trần.

Thần Tú chép bài kệ rồi, bèn trở về phòng, chẳng có ai hay biết. Thần Tú lại nghĩ: "Nếu ngày mai Ngũ Tổ thấy bài kệ mà vui mừng, tức là ta có duyên với pháp. Bằng Ngài nói không dùng được, ấy bởi tâm ta mê muội, nghiệp chướng kiếp trước còn nặng, nên chẳng kịp thời đắc pháp. Ôi! Thánh ý thật khó dò!"

Ở trong phòng, Thần Tú cứ lo nghĩ mãi, suốt đến canh năm ngồi nằm chẳng yên.

Giảng:

Thần Tú chép xong bài kệ liền lập tức nhanh chóng trở về phòng mình, không để cho ai hay biết. Thần Tú lại nghĩ thầm:

–Ngày mai Ngũ Tổ nhìn thấy bài kệ, nếu Ngài hoan hỷ tức là cho thấy ta có nhân duyên với diệu pháp tâm ấn của Phật, như vậy có mạng làm Tổ Sư. Nếu Ngũ Tổ nói bài kệ không hay thế là ta chưa có khai ngộ, nghiệp chướng đời trước quá nặng nề, khiến ta không thể đắc được diệu pháp tâm ấn tâm. Ôi! cảnh giới của Ngũ Tổ thật là bất khả tư nghì, không thể đo lường được ý tứ và dụng tâm của Ngài a!

Vì không chắc chắn nên Thần Tú vẫn còn lo âu hồi hộp, trong liêu phòng của mình, ngồi cũng không yên, đứng cũng không an lạc, như thế mà chịu đựng cho đến trời sáng.

*

Ngũ Tổ đã biết trước Thần Tú chưa vào được cửa, chẳng thấy được tự tánh.

Trời sáng, Ngũ Tổ vời Lư Cung Phụng đến, bảo vẽ cảnh biển tướng và cái họa đồ nói trên nơi vách hành lang phía nam. Bỗng thấy bài kệ ấy, Ngài bảo rằng: "Này quan Cung Phụng, thôi chảng cần vẽ. Thiệt nhọc công ông ở phương xa đến đây. Kinh có nói rằng: ‘Phàm vật có hình tướng đều là giả dối.’ Vậy hãy để bài kệ ấy cho người trì tụng. Cứ y theo bài kệ ấy mà tu hành, thì khỏi đọa vào đường ác. Y theo bài kệ ấy mà tu hành, thì có ích lợi lớn."

Ngũ Tổ dạy các môn đồ thắp hương lễ kính, bảo tất cả hãy tụng bài kệ ấy thì đặng thấy tánh. Các môn đồ tụng kệ đều khen: "Hay thay!"

Giảng:

Ngũ Tổ Đại sư sớm biết Thần Tú chưa khai ngộ, chưa có chân chánh liễu ngộ tự tánh.

Lúc trời sáng, Ngũ Tổ mời quan Cung Phụng họ Lư đến hành lang phía nam để vẽ biển tướng của Kinh Lăng Già và Ngũ Tổ huyết mạch đồ, thỉnh linh thấy bài kệ trên tường, Ngũ Tổ bèn nói với Cung Phụng rằng:

–Ông không cần phải vẽ nữa, lưu bài kệ này tại đây là một điều rất hay không thể nghĩ bàn, làm phiền ông từ xa đến mà không vẽ được. *Kinh Kim Cang* nói: "Phàm nhất thiết hữu hình hữu tướng, đều là hư vọng không chân thực. Nay lưu bài kệ này lại, cho mọi người tụng trì. Nếu người đời có thể y theo bài kệ này mà tu hành, thì có thể khỏi đọa ba đường ác đạo, y theo đạo lý của bài kệ này mà tu hành thì có thể được lợi ích lớn."

Ngài bèn dạy tất cả môn hạ đệ tử dâng hương và tụng niệm bài kệ này. Ngài nói với đồ chúng rằng:

–Các ông có thể nương theo bài kệ này mà tu hành, thì có thể kiến tánh.

Đại chúng y theo lời dạy bảo của Ngũ Tổ cung kính trì tụng. Mọi người đều đồng thanh tán thán rằng:

–Hay thay! Hay thay!

*

Đến canh ba, Ngũ Tổ kêu Thần Tú vào trong thất, hỏi rằng: "Bài kệ ấy phải người làm chăng?"

Thần Tú nói: "Thật là con làm, nhưng kẻ đệ tử chẳng dám vọng cầu Tổ vị, chỉ mong Hòa Thượng từ bi xem coi đệ tử có chút trí huệ nào chăng?"

Ngũ Tổ nói: "Người làm bài kệ ấy, tỏ ra chưa thấy Bốn tánh. Người mới tới thềm cửa, chưa được vào trong nhà. Cứ như chỗ thấy hiểu ấy mà tìm Vô Thượng Bồ Đề, thì rốt cuộc không thể đạt được. Vô Thượng Bồ Đề là hễ vừa nghe, liền biết Bốn tâm và thấy Bốn tánh của mình, biết rằng Bốn tánh chẳng sanh chẳng diệt. Nhận ra Bốn tâm rồi, thì luôn luôn niệm niệm, tự thấy rằng vạn pháp đều viên dung, không ngưng trệ. Một pháp, mà hiểu thấu chơn tướng, thì tất cả các pháp cũng đều hiểu thấu chơn tướng. Muôn cảnh đều phát sinh từ cảnh giới "như như bất động", nên thấy muôn cảnh tự nó đều như như. Tâm mình, cũng vậy, như như bất động. Tâm như như đó mới là chơn thật. Thấy như thế, mới là tự tánh Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Giảng:

Thần Tú canh ba viết bài kệ tụng, Ngũ Tổ cũng canh ba kêu Thần Tú vào liêu phòng hỏi:

–Bài kệ có phải của ông làm không?

Thần Tú cung kính trả lời:

–Bạch Hòa Thượng, thực chính do con làm, con không dám vọng tưởng tham cầu ngôi vị Lục Tổ, kính mong Hòa Thượng từ bi, xem con có chút ít trí huệ nào chăng?

Ngũ Tổ nói với Thần Tú rằng:

–Bài kệ ông làm vẫn chưa thấy được Chân như bản tánh, ông vẫn còn là một người đứng ngoài cửa! Kiến giải của ông muốn tu hành để đạt được Vô thượng Bồ đề là chuyện khó thành.

Cái gọi là *Vô thượng Bồ đề*, nghĩa là ngay lời nói cần phải nhận cho được bản tâm của chính mình, phải minh tâm kiến tánh. Cần phải biết tự tánh bất sanh bất diệt, trong bất cứ lúc nào muôn pháp đều là viên dung vô ngại, không có một chỗ nào trì trệ. Nếu một thứ đã chân thì mọi thứ đều chân, muôn cảnh đều đạt đến cảnh giới như như bất động. Tâm như như bất động đó mới là chân thực. Nếu ông có được chỗ kiến giải như thế, mới là bản tánh Vô thượng Bồ đề vậy.

*

Người hãy lui ra, suy nghĩ một hai ngày, rồi làm bài kệ khác đem lại cho ta xem. Nếu bài kệ của người vào dạng cửa, ta sẽ truyền y pháp cho."

Thần Tú đánh lễ lui ra. Trải qua mấy ngày, Thần Tú làm kệ chẳng xong thì trong lòng hoảng hốt, thần ý bồi hồi dường như trong mộng, đi đứng nằm ngồi chẳng yên vui.

Giảng:

Ngũ Tổ Đại sư khai thị cho Thần Tú rõ Bồ đề tự tánh, không thể dùng tâm phan duyên, tâm vọng tưởng mà cầu được. Vì thế Ngài nói với Thần Tú rằng:

–Ông suy nghĩ thêm một hai ngày, rồi làm một bài kệ khác đem lại đây cho ta xem. Kệ của ông làm, nếu minh tâm kiến tánh, đạt được bốn thể, khai ngộ kiến tánh, vào trong cửa Phật pháp chứ không phải ở bên ngoài, ta sẽ đem y bát truyền trao cho ông.

Thần Tú đánh lễ Ngũ Tổ và lui ra. Trải qua rất nhiều ngày, mà vẫn không làm được kệ khác, trong lúc này trong lòng lo lắng hoảng hốt, tâm thần không an như sống trong mộng, đi đứng nằm ngồi đều không yên ổn.

Quý vị xem, lòng ham muốn làm Tổ Sư của Thần Tú rất lớn, lần thứ nhất thi không đậu, mà bản thân lại không thể làm lại bài kệ khác, thật là thất vọng tràn trề.

*

Cách hai ngày có một đồng tử đi ngang qua phòng già gạo, xướng đọc bài kệ ấy. Huệ Năng này nghe qua, biết bài kệ ấy chưa thấy Bốn tánh. Tuy ta chưa được Ngũ Tổ chỉ dạy, chớ đã sớm biết đại ý, mới hỏi đồng tử rằng: "Tụng bài kệ gì vậy?"

Đồng tử đáp: "Người man di này không hay biết chi hết. Đại sư nói sự sống thác của người thế gian là việc lớn. Vì muốn truyền y bát, nên Ngài dạy các môn đồ, mỗi người làm một bài kệ đem trình cho Ngài xem. Nếu ai hiểu đại ý, Ngài sẽ truyền y bát cho, đặt làm Tổ thứ sáu. Thượng Tọa Thần Tú có biên một bài kệ Vô Tướng ở vách hành lang phía nam. Đại sư dạy mỗi người đều phải tụng. Nếu y theo kệ ấy mà tu hành, thì khỏi đọa vào đường ác. Y theo bài kệ ấy mà tu hành, thì có ích lợi lớn."

Giảng:

Qua vài ngày sau, có một đồng tử đi qua chỗ già gạo của Huệ Năng, vừa đi vừa tụng:

–Thân thị Bồ đề thọ, tâm như minh cảnh đài, thời thời cần phát thức, vật sử nhạ trần ai.

Chú đồng tử này tại sao lại đọc tụng bài kệ đó? Vì chú muốn chứng ngộ, không đọa lạc vào ba đường ác đạo, lại muốn kiến tánh.

Huệ Năng vừa nghe bài kệ, liền biết bài kệ này chưa có nhìn thấy bốn tánh của chính mình. Tuy chưa được ai chỉ dạy, nhưng Ngài đã sớm hiểu rõ đại ý. Vì thế Ngài bèn hỏi chú đồng tử rằng:

–Kệ mà chú niệm là kệ gì vậy?

Đồng tử đáp:

–Cái ông man di này, ông không biết Ngũ Tổ Đại sư đã từng dạy rằng sanh tử là việc lớn trong đời. Vì Ngũ Tổ muốn truyền y bát của Ngài cho đệ tử, cho nên bảo tất cả chúng đệ tử làm kệ đưa cho Ngài xem. Nếu bài kệ nào đạt được ý khai ngộ, đạt được ý chỉ minh tâm kiến tánh, Ngài sẽ truyền trao y bát cho người này làm Tổ Sư đời thứ sáu. Nay Giáo thọ sư Thần Tú viết một bài kệ Vô Tướng trên bức tường hành lang phía nam, Ngũ Tổ Đại sư dạy mọi người đều phải đọc tụng. Ông là thứ man di không có thiện căn, việc đó xảy ra lâu rồi mà đến nay ông vẫn không biết hay sao? Ông thiệt là vô dụng, chỉ biết làm những công việc nặng nề như giã gạo mà thôi. Cơ hội tốt như vậy, không nên bỏ qua, nay để tôi dạy cho ông, khiến ông cũng được khai ngộ kiến tánh, y theo đây tu hành, đời sau sẽ không còn khổ như vậy, cũng không cần phải làm công việc giã gạo nữa. Nếu tụng bài kệ này, đời sau sẽ không làm trâu làm ngựa, đọa lạc vào trong súc sanh nạ quý địa ngục. Thấp nhất cũng có thể làm người giàu sang phú quý, sẽ được lợi ích lớn.

Tâm của đồng tử này cũng tốt quá đi chứ!

*

Huệ Năng này nói: "Tôi cũng muốn tụng bài kệ ấy, để kết nhơn duyên về đời sau. Nay thượng nhơn, tôi ở đây giã gạo đã trên tám tháng, mà chưa từng ra trước Tổ đường, mong thượng nhơn dẫn tôi đến trước bài kệ đặng lễ bái."

Đồng tử dẫn ta đến trước bài kệ đặng lễ bái. Ta nói: "Huệ Năng không biết chữ, xin thượng nhơn đọc giùm." Khi ấy có quan Biệt Giá ở Giang Châu, họ Trương tên Nhật Dụng, cất tiếng đọc lớn.

Huệ Năng này nghe rồi, bèn nói: "Tôi cũng có một bài kệ, mong ơn quan Biệt Giá chép giùm."

Biệt Giá nói: "Người cũng biết làm kệ nữa sao? Việc này thật hiếm có!"

Giảng:

Đồng tử nói:

–Ông chú ý nghe đây, tôi sẽ dạy cho ông "*Thân thị Bồ đề thọ*" – nhớ chưa? "*Tâm như minh cảnh đài*," ghi nhớ vào lòng không được quên đó. "*Thời thời cần phất thức, vật sử nhạ trần ai*," cần phải ghi nhớ rõ ràng mới có cảm ứng đó nha!

Lục Tổ Đại sư nghe đồng tử tử tế với mình như vậy bèn nói:

–Thượng nhơn! (Thượng nhơn là một cách xưng hô, người xuất gia xưng gọi sư phụ là Thượng nhơn, ý nói sư phụ là bậc trên) Tôi ở đây giã gạo đã hơn tám tháng, chưa từng đến hành lang ở phía trước, thỉnh Thượng nhơn dẫn tôi đến trước bài kệ để khấu đầu đánh lễ được không?

Đồng tử nghĩ thầm: "Ta cũng nên hành một chút Bồ tát đạo mà giúp kẻ man di này," bèn dẫn Lục Tổ đến chỗ lễ bái:

–Đánh lễ đi! Lễ càng nhiều càng tốt, đập đầu xuống đất đánh lễ càng có nhiều công đức.

Đồng tử một mặt thì thiệt tình, mặt khác thì cũng có chút giỡn cợt.

Huệ Năng nói:

–Thiệt là khổ cho Huệ Năng tôi! Tôi thiệt là đồ vô dụng, một chữ cũng không biết, kính mong thượng nhân đọc cho tôi nghe với.

Lúc đó có một vị cư sĩ làm Biệt Giá ở Giang Châu, tên Trương Nhật Dụng, bèn lớn tiếng đọc bài kệ.

Huệ Năng nghe xong liền nói:

–Tôi cũng có một bài kệ, xin Biệt Giá giúp tôi viết lên tường.

Ông Biệt Giá mở tròn đôi mắt, với một chút khinh thị nhìn Huệ Năng, bèn nói:

–Ông một chữ cũng không biết làm sao có thể làm kệ? Việc này quá hy hữu!

*

Huệ Năng này ngó quan Biệt Giá mà nói: "Muốn học đạo Vô Thượng Bồ Đề, thì chẳng nên khinh dễ hàng sơ học. Có kẻ dưới thấp mà thường phát sanh trí huệ rất cao, có người trên cao mà thường thường chôn lấp ý trí của mình. Nếu khinh khi người, ắt có tội vô lượng vô biên."

Biệt Giá nói: "Người hãy ngâm kệ đi, ta chép giùm cho. Nếu người đắc pháp, thì phải độ ta trước. Chớ quên!"

Huệ Năng này ngâm kệ rằng:

Bồ đề vốn không cây,

Gương sáng cũng chẳng đài.

Xưa nay không một vật,

Chỗ nào vương trần ai?

Bài kệ ấy chép rồi, cả thầy đồ chúng đều kinh hãi, không ai mà chẳng xuýt xoa. Mọi người kêu nhau mà nói: "Lạ thay! Chẳng đặng xét người bằng diện mạo. Tại sao bấy lâu chúng ta có thể sai khiến vị Bồ Tát xác phàm ấy!"

Giảng:

Lục Tổ vốn không muốn mở lời, nhưng nếu không nói thì không có ai giúp cả, vì thế Ngài nói:

–Ông muốn học đạo Vô thượng Bồ đề, thì không nên khinh thường người mới học Phật pháp. Thường thường người ngu si nhất lại có trí huệ vượt bậc.

Cho nên nói: "đại trí nhược ngu" – người có đại trí huệ giống như người ngu dốt, hỏi cái gì cũng đều không biết, giống như tôi hỏi đồ đệ của tôi, họ đều trả lời không biết, đây là học tập tinh thần đại trí nhược ngu. Lúc trước khi họ mới đến đều nói: "Tôi biết hết mọi chuyện." Có lần tôi gặp một người cũng nói như vậy, tôi hỏi: "Ông làm sao mà có thể biết hết mọi việc? Nay tôi hỏi ông: ‘Ông mỗi lần ăn cơm, ăn bao nhiêu hạt gạo? Ông có biết không?’" Người đó nói: "Tôi chưa có đếm qua." Tôi nói: "Chưa đếm tức là không biết vậy."

Huệ Năng tiếp tục nói:

–Những người ở dưới làm những việc khổ nhọc, cũng có trí huệ giống như những người có địa vị cao quý. Ngược lại người có địa vị cao quý, có lúc cũng bị mai một trí huệ. Thế nào gọi là trí huệ bị mai một? Tức là bị dục vọng làm cho mê mờ tâm trí. Nếu ông khinh người, thì sẽ tạo cho mình vô lượng vô biên tội lỗi, ông hiểu không?

–Được rồi, được rồi! Ông nói rất đúng. Ông đọc bài kệ của ông đi, tôi sẽ giúp ông viết, không nên nói dài dòng nữa. Nhưng tôi nói trước với ông, khi ông đắc được pháp, cần phải độ tôi trước, vì tôi giúp ông viết kệ, nếu không có tôi giúp ông thì không có ai biết bài kệ của ông đâu. Đừng quên lời của tôi nhé!

Bài kệ của Huệ Năng là:

Bồ đề bốn vô thọ: Bồ đề là giác đạo, làm sao mà có cây được? Nếu có cây thì Bồ đề biến thành đồ vật, mà có chỗ chấp trước. Bồ đề bốn lai vốn không có thứ gì. Quý vị nói, quý vị đã giác ngộ, vậy giác ngộ có hình dáng gì? Là màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng? Quý vị thử nói ra cái hình dáng của nó xem, khi nó là vô hình vô tướng?

Minh cảnh diệt phi đài: Quý vị nói tâm như tấm gương sáng, kỳ thực không có cái gương nào hết, nếu có gương thì có chỗ chấp trước, đã gọi là *Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm* thì làm sao mà có gương được?

Bổn lai vô nhất vật: Bổn lai vốn không có bất cứ vật gì, cũng không có một hình dáng nào, cũng không có một kiểu vẽ nào, hoặc một hình tướng nào.

Hà xứ nhạ trần ai : Cái gì cũng không có, bụi bặm (trần ai) từ đâu sanh ra? Nguồn gốc chính là *vô sở trụ*.

Bài kệ này chủ yếu phát xuất từ "*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*," nếu không có chấp trước, cũng chính là ý Phật nói: "Nhứt thiết chúng sanh, đều có Như Lai trí huệ đức tướng, chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc." Ở đây dạy người không nên chấp trước. Quý vị chấp trước nó làm cái gì? Quý vị chấp trước nó, tương lai có phải là sống hoài không chết không? Đến lúc chết, quý vị có thể chấp trước vào một cái gì không?

Bài kệ chép xong, tất cả mọi Tăng sĩ, cư sĩ trong Chùa đều kinh ngạc, không ai mà không khen ngợi. Mọi người bảo nhau rằng: "Kỳ lạ thay! Ông ta mà cũng biết làm kệ, thật là không thể xem tướng mạo bên ngoài để đánh giá, mà khinh thường ông ta là người mọi rợ. Ông ta đến đây chưa bao lâu, nên chẳng thể phủ nhận ông ta chính là một vị nhục thân Bồ Tát?"

Có lẽ lúc đó có La Hán bên cạnh, cố ý nói với mọi người, nhắc nhở mọi người nhìn cho rõ vị nhục thân Bồ Tát, đó là một lý do. Lý do khác là có người đem việc này để châm biếm chế giễu, vì cũng không biết kệ của Ngài làm có đúng hay không.

Lúc mọi người xôn xao như thế, Ngũ Tổ Đại sư từ liêu phòng bước ra, hỏi:

–Các ông làm gì mà ồn ào quá vậy?

Chúng trả lời:

–Bạch Hòa Thượng, kẻ mọi rợ già gạo mà cũng biết làm kệ nữa!

*

Ngũ Tổ thấy chúng nhờn kinh ngạc và lấy làm lạ, e có kẻ muốn ám hại, Ngài mới lấy giày xóa hết bài kệ mà nói rằng: "Cũng chưa thấy tánh." Đồ chúng đều cho là phải.

Giảng:

Ngũ Tổ thấy đại chúng kinh ngạc, sợ rằng có người ám sát Huệ Năng. Do câu nói này, chúng ta có thể biết tình hình tranh giành thế lực thời đó ghê gớm như vậy. Đờ đảng của Thần Tú đã nắm hết các thế lực, nếu không phải như vậy thì Ngũ Tổ làm sao sợ có người muốn sát hại Huệ Năng?

Ngũ Tổ bèn lấy gót giày chùi bài kệ và nói:

–Đây cũng chưa kiến tánh, nghĩa lý của bài kệ không đúng.

Quý vị nghe đến đây, có người nghĩ rằng: "Ngũ Tổ mà cũng vọng ngữ? Bài kệ đầu tiên Ngài nói với mọi người tụng bài kệ này sẽ không đọa vào ba đường ác đạo, có thể đạt được lợi ích lớn, có thể kiến tánh, nhưng thật ra tụng bài kệ này cũng không có lợi ích lớn, cũng không thể không đọa lạc tam đồ. Sau khi Ngũ Tổ nói như vậy, Thần Tú đứng ra thừa nhận đây là bài kệ do mình làm. Nay bài kệ của Huệ Năng làm là bài kệ kiến tánh, nhưng ngược lại Ngũ Tổ lại nói với mọi người chưa có kiến tánh. Đây không phải là vọng ngữ hay sao?"

Thật ra đây gọi là pháp phương tiện, là quyền pháp, không phải là nói vọng ngữ. Vì Ngài muốn bảo hộ Huệ Năng, khiến cho Phật pháp lưu truyền và bảo tồn lâu dài, không muốn có người làm hại Lục Tổ, cho nên nói pháp phương tiện như vậy.

Đại chúng nghe Ngũ Tổ nói chưa kiến tánh, liền tin tưởng không còn nghi ngờ, vì mọi người cũng không biết bài kệ nào mới đúng. Bài kệ kia nói *Bồ đề hữu thọ*. Bài kệ này nói *Bồ đề vô thọ*. Bài kệ kia nói *Minh cảnh thị đài*. Bài kệ này nói *Minh cảnh phi đài*. Thật là không nhất trí, không có ai hiểu rõ vấn đề này được. Chính vì chưa có ai khai ngộ, cho nên đối với bài kệ khai ngộ không thể nhận thức được. Giống như trình luận án Tiến sĩ, cần phải có người có học vị Tiến sĩ mới có thể thẩm tra, xét duyệt, người chỉ có học vị Thạc sĩ thì không thể nhận thức được. Khai ngộ và chưa khai ngộ cũng giống như vậy.

*

Ngày kế Ngũ Tổ lên đến phòng giã gạo, thấy Huệ Năng này mang đá nơi lưng mà giã gạo. Ngài nói rằng: "Người cầu đạo, vì pháp quên mình, phải như thế sao!"

Giảng:

Hôm sau, Ngũ Tổ nhân lúc mọi người không để ý, lên đến phòng giã gạo, nhìn thấy Huệ Năng lưng đeo hòn đá, nặng nhọc giã gạo, bèn nói với Huệ Năng rằng:

–Người cầu đạo, vì pháp mà không tiếc thân mạng đến thế ư!

Lục Tổ vì pháp, lưng đeo hòn đá nặng giã gạo cho mọi người dùng. Đây gọi là hành Bồ Tát đạo, đây cũng là vì người quên mình. Huệ Năng không nghĩ rằng: "Tại sao ta phải giã gạo cho người khác ăn? Tại sao họ không làm, từ sáng tới tối ngoài việc ngủ nghỉ chỉ biết ngồi thiền, ta ở đây giã gạo rất khổ cực, thôi không thèm làm nữa." Ngược lại, Huệ Năng nghĩ rằng: "Họ có công việc gì, để tôi làm cho." Giống như một vị đồ đệ của tôi bận đến nỗi không có thời giờ ăn cơm, tôi rất hoan hỷ đồ đệ đó, nhưng không phải ai cũng làm như vậy.

Cần phải vì pháp quên mình, không sợ gian khổ – Lục Tổ Đại sư không biết bao nhiêu ngày người ta không gọi Ngài ăn cơm mà Ngài cũng không để ý việc này, vì thể sức khỏe càng ngày càng yếu. Lưng cột một hòn đá nặng, khiến cho thân thể nặng một chút để có thể dùng chân giã gạo mà không cần dùng nhiều sức lực. Tại sao Ngài phải dùng hòn đá để giúp mình giã gạo? Có lẽ do vì đã nhiều ngày không ăn cơm, cho nên sức lực không đủ. Tôi đoán như vậy, quý vị không nên chấp trước nói rằng nhất định phải như thế này, hoặc nhất định như thế kia. Điều hay nhất là không chấp trước vào một vấn đề gì cả.

*

Ngũ Tổ mới hỏi: "Gạo trắng chưa?"

Huệ Năng này đáp: "Gạo trắng đã lâu, chỉ còn thiếu sàng."

Giảng:

Đoạn này là một đoạn rất trọng yếu trong *Kinh Pháp Bảo Đàn*. Ngũ Tổ hỏi Huệ Năng rằng: "Gạo đã chín chưa?" ý nói ông già gạo đã trắng chưa? Một hàm ý khác nữa là công phu của ông đã thành tựu chưa? Ông dụng công đã đạt chưa? Tại sao Ngũ Tổ lại hỏi "gạo?" Vì gạo là từng hạt tròn tròn, giống như tự tánh ngọc Ma-ni. Ý Ngũ Tổ hỏi: Tự tánh đã tròn đầy chưa? Bốn tâm của mình đã sáng suốt chưa? Tự thân mình đã viên mãn chưa?

Lại nữa, gạo lấy nước nấu thành cơm mới gọi là chín, ý nói ông đã tu hành thành công chưa? Ông ở đây già gạo tu thiền, công phu thiền định như thế nào? Ở đây có rất nhiều ý nghĩa. Lục Tổ Đại sư hiểu rõ tâm ý của Ngũ Tổ vì người đã từng trải thì hiểu rõ lời của người đã trải qua.

Lục Tổ Đại sư nói:

—Công phu của con thành tựu đã lâu rồi, chỉ còn thiếu sàng (kiến hoặc và tư hoặc chưa trừ).

*

Tổ lấy gậy gõ cối ba lần, rồi bỏ đi.

Huệ Năng này hiểu ý Tổ Sư, đến canh ba liền vào thất.

Giảng:

Ngũ Tổ dùng gậy gõ vào cối ba tiếng, rồi bỏ đi. Gậy là vật cần dùng trong lúc đi đường của người tu hành già cả. Hòa Thượng Hư Vân có nói một bài kệ về cây gậy của Ngài như sau: "*Tài đặc nhất đẳng hoạt tự long, bán xao phong vũ bán xao không.*" Sợi dây mây này ("đẳng" là sợi dây mây, phần cứng của nó có thể làm gậy), giống như hình dáng con rồng, vì hình trạng của nó cong cong vì thế nói "tự long." "Bán xao phong vũ bán xao không" nghĩa là dùng gậy để gõ gió, gõ mưa, gõ hư không.

Huệ Năng hiểu rõ ý của Ngũ Tổ muốn Ngài canh ba đêm nay vào phòng Ngũ Tổ. Gõ vào cối ba tiếng là cách nói không lời. Giống như thiền đường chạy hương, gõ hai tiếng mõ là hành hương, nhắc quý vị tỉnh táo; gõ một tiếng là chỉ tịnh; gõ ba tiếng là nhắc quý vị chiếu cố thoai đầu, tự mình nỗ lực dụng công.

Tại sao Ngũ Tổ tay cầm gậy để sau lưng, úp ngược bàn tay mà bỏ đi? Ý là kêu Lục Tổ vào liêu phòng Ngũ Tổ bằng cửa sau, không nên để người khác nhìn thấy. Nếu không như vậy làm sao nói Huệ Năng hiểu được ý Tổ? Đây chính là đạo lý tâm tâm tương ấn.

Chờ đến canh ba, Lục Tổ vào liêu phòng Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi:

–Ông đến đây làm gì?

–Hôm nay Tổ Sư kêu con canh ba đến đây mà!

–Thật không? Tôi gọi ông canh ba đến à? Tại sao tôi không nhớ nhỉ! Tại sao ông đến đây bằng cửa sau? Sao không vào bằng cửa trước?

–Bạch Hòa Thượng, ý Hòa Thượng muốn con đến đây bằng cửa sau.

Ngũ Tổ nghe xong cười lớn nói:

–Ông thật là giỏi, đã hiểu được ý của ta.

Nếu quý vị hỏi tại sao tôi biết việc này, tôi xin hỏi quý vị tại sao quý vị không biết việc này.

*

Ngũ Tổ lấy cà sa trùm kín cả Ngài và ta, chẳng cho ai thấy, rồi nói Kinh Kim Cang cho ta nghe, đến câu "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm." Nên không trụ vào chỗ nào mà sanh tâm mình.

Giảng:

Ngũ Tổ nhìn thấy Lục Tổ bước vào, vì sợ người khác nhìn thấy hoặc nghe thấy, liền đóng cửa lại. Nhưng cửa thời đó không phải là thủy tinh mà là dùng giấy dán, vì thế Ngũ Tổ lấy cà sa trùm kín cả hai người và giảng Kinh Kim Cang cho Lục Tổ nghe. Không giống như bây giờ tôi giảng cho quý vị nghe một cách công khai. Ngũ Tổ giảng Kinh Kim Cang và cách tu hành thân Kim Cang bất hoại. Lúc Lục Tổ nghe đến câu " *Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm,*" không nên trụ vào chỗ nào mà sanh tâm mình, bèn hoát nhiên đại ngộ, biết tất cả vạn pháp không rời tự tánh.

Lục Tổ Đại sư nói chỉ còn thiếu *sàng*, ý nói tuy Ngài đã biết cách dụng công, nhưng phiền não *kiến tư* chưa hoàn toàn diệt tận. Lại nữa, tuy công phu của Ngài đã đạt đến cảnh giới lửa lò thuần xanh (đã đạt đến cảnh giới thâm sâu rộng lớn), đạt đến điểm cao tột đỉnh, nhưng chưa được vị Thiện tri thức mắt sáng chứng minh, ấn chứng. Ngũ Tổ nghe Lục Tổ nói còn thiếu giàn sàng, bèn chuẩn bị ấn chứng công phu cho Lục Tổ.

Vì lúc đó tôi có radar, nên đã ghi lại được cuộc đàm thoại giữa Ngũ Tổ và Lục Tổ (đây là máy ghi âm của đời Đường, không phải là máy ghi âm hiện nay). Cuộc đối thoại như sau:

Ngũ Tổ hỏi:

–Ông có muốn thành Phật không?

–Bạch Hòa Thượng, con rất muốn thành Phật, con không muốn làm bất cứ việc gì khác, chỉ mong cầu thành Phật mà thôi.

–Ông muốn thành Phật, đầu tiên cần phải đoạn trừ vô minh, vô minh chính là đầu mối của phiền não kiến tử, ông muốn đoạn phiền não kiến tử, trước phải đoạn trừ vô minh. Vô minh chính là một việc gì đó phát sanh, ông không hiểu không rõ. Giống như sự sanh tử của người do *tình ái* mà sanh, ông muốn không có tình ái, đầu tiên phải phá vô minh. Vô minh đã phá trừ, kiến hoặc và tư hoặc sẽ không còn nữa. Vô minh là nguồn gốc của sanh tử, muốn đoạn vô minh liễu sanh tử, chính là Kinh Kim Cang nói *Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*. *Vô sở trụ* cái gì? *Vô sở trụ tình ái*, đoạn trừ ái dục, mới có thể liễu sanh tử.

Lục Tổ nghe xong hoát nhiên đại ngộ, nhận rõ bốn lai diện mục:

–À! thì ra là như vậy, điều này rất là dễ dàng, không có gì là khó khăn cả!

Tu hành học tập Phật pháp, đầu tiên cần phải sanh cái tâm *Ứng vô sở trụ*, chẳng nên trụ vào đâu cả, không trụ vào tình, vào ái. Nếu trụ vào *tình ái* chính là vô minh, và cũng chính là sanh tử. Không trụ vào tình, không trụ vào ái, không trụ vào có, không trụ vào không, đó chính là trung đạo. Không rời cái có, không rời cái không, và cũng không tìm kiếm ở ngoài tình ái, mà đem tình ái chuyển thành chân chánh Bát nhã trí huệ. Đây chính là giác, nếu không là mê. Giác và mê chỉ là một sự chuyển biến, cho nên nói: "*Hồi đầu chuyển diện. Khổ hải vô biên hồi đầu thị ngạn,*" biển khổ vô bờ, quay đầu là bến, cũng chính là ý này vậy.

Nếu quý vị phóng túng theo ái dục, chạy theo tình ái, thì càng ngày càng lún sâu, mê mờ càng ngày càng tăng. Nếu quay đầu, tức là Niết bàn, và cũng là bỉ ngạn. Nếu không quay đầu, thì mê lầm càng ngày càng sâu càng

đậm. Tuy mê mờ sâu đậm, nhưng nếu biết quay mình, đó chính là đốn ngộ. Đốn ngộ chính là giác mà giác chính là Phật.

Có người có thể nghĩ rằng: "Tôi thành Phật rồi thì không có gì để làm hết, chỉ ngồi đó chờ người thắp hương lễ bái, vậy thì có gì hay đâu!"

–Vậy thì làm chúng sanh đi! Làm bạn với chúng sanh, độ chúng sanh thành Phật. Thành Phật tuy không có ý nghĩa thú vị gì, nhưng Phật đã đoạn trừ phiền não không còn lo âu.

Hôm qua có nói về chuyện một con quỷ, con quỷ này không muốn làm người, nó nói:

Ngã kim tố quỷ tam thiên thu,

Dã vô phiền não dã vô ưu.

Sanh công khiếu ngã vi nhân khứ,

Chỉ khùng vi nhân bất đáo đầu.

Tạm dịch:

Tôi nay làm quỷ ngàn thu,

Não phiền không có, không lo không sầu.

Trời kia bắt phải làm người,

Làm người không trọn thì thôi xin đừng.

Quỷ tuy không có phiền não và âu lo, nhưng quỷ thuộc âm, chỉ trong đêm khuya mới xuất hiện, mà Phật thì thuộc dương, giống như ánh sáng của mặt trời. Muốn làm quỷ hoặc làm Phật tự quý vị quyết định. Nếu muốn làm quỷ,

thì cứ có tình ái. Nhưng nếu muốn làm Phật cần phải *Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*.

*

Huệ Năng này ngay lời đó đạt đại ngộ, biết rằng cả thầy muôn pháp chẳng lia tánh mình, mới bạch với Tổ Sư rằng:

Nào dè tánh mình vốn tự thanh tịnh,

Nào dè tánh mình vốn không sanh diệt,

Nào dè tánh mình vốn tự đầy đủ,

Nào dè tánh mình vốn không lay động,

Nào dè tánh mình có thể sanh ra muôn pháp!

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nghe giảng xong hoát nhiên đại ngộ. Đại ngộ là thông suốt hoàn toàn, hiểu rõ trí huệ Bát nhã, cho nên biết tâm sinh vạn pháp, vạn pháp duy tâm, nhất thiết vạn pháp vốn là tự tánh sở hiện.

Vì thế Huệ Năng thưa với Ngũ Tổ rằng:

–Bạch Hòa Thượng, con thật không ngờ rằng, tự tánh vốn không dơ không sạch, bỗng lai là thanh tịnh.

Thanh tịnh chính là đối với không thanh tịnh. Thanh tịnh này là bỗng thể, vì bỗng thể không có bất cứ danh xưng nào có thể thay thế, vì thế dùng "thanh tịnh" để thay thế. Thanh tịnh này không giống trước ô nhiễm mà sau thanh tịnh; thanh tịnh này chính là xưa nay (bỗng lai) thanh tịnh.

Huệ Năng lại nói:

–Con thật không ngờ rằng tự tánh vốn không sanh không diệt.

Vì chúng sanh có chấp trước mới có sanh có diệt, nếu không có chỗ chấp trước, sanh diệt từ chỗ nào phát sanh? Lại diệt đi đâu?

Huệ Năng lại nói:

–Con thật không ngờ, tự tánh vốn không thiếu không dư, không nhiều cũng không ít.

Ở Phật cũng không thêm, ở chúng sanh cũng không có giảm, nhưng vì chúng sanh không tự mình nhận thức, đi ngược với sự giác ngộ, lăn lộn trong trần lao bụi bặm, vì thế của báu trong nhà không biết, bỏ gốc tìm ngọn, truy cầu hưởng thụ vật chất, truy cầu khoái lạc hư vọng, truy cầu giả danh giả lợi. Thật là quá ư ngu ngốc đi thôi, tôi nay mới biết bốn tánh vốn đầy đủ tất cả.

Huệ Năng lại nói:

–Nhất thiết chúng sanh điên điên đảo đảo, không có định lực, nhưng tất cả tự tánh chúng sanh, đều không dao động, tất cả đều bình đẳng không có gì sai biệt.

Huệ Năng lại nói:

–Con thật không ngờ rằng, vạn pháp vốn từ tự tánh sanh ra. Lúc trước con không nghĩ ra, nhưng nay lại chứng đắc cái diệu lý này. Thật không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả hết điều kỳ diệu này!

*

Tổ Sư biết ta tỏ ngộ Bốn tánh, bảo Huệ Năng rằng: "Nếu chẳng biết Bốn tâm, thì học pháp vô ích. Bằng biết Bốn tâm và thấy Bốn tánh, tức

gọi là Trượng phu, là Phật, Thầy cõi trời và cõi người vậy!"

Giảng:

Ngũ Tổ Đại sư nghe Lục Tổ nói như vậy, biết Lục Tổ đã khai ngộ và nhận thức được bốn lai diện mục, đã biết mũi của mình ngang hay dọc, đã biết cánh tay đưa lên, ngón tay thuận hay nghịch. Hôm qua tôi hỏi quý vị "Lúc bàn tay hướng hạ ngón tay ngược, bàn tay hướng thượng ngón tay thuận? Hay là bàn tay hướng hạ ngón tay thuận, bàn tay hướng thượng ngón tay ngược?" Không ai biết được đạo lý này. Căn bản không có cái nào thuận, cái nào nghịch cả. Lục Tổ Đại sư đối với những vấn đề này đều hiểu biết một cách rõ ràng, Ngũ Tổ Đại sư cũng biết Lục Tổ đã hiểu các vấn đề này vì thế nói với Lục Tổ rằng:

–Nếu không nhận thức bốn tâm mình, học pháp vô ích.

Có câu rằng: "Nếu người nhận thức được bản tâm, đại địa không một tấc đất." Nếu quý vị nhận thức bản tâm, đất đai của đại địa này đều biến thành vàng ròng bảy báu trang nghiêm. Quý vị nói: "Theo chỗ thấy biết của con, không phải như vậy đâu!" Đương nhiên rồi, vì quý vị chưa nhận thức được bản tâm mà! Giống như đeo kính màu hồng, nhìn thấy mọi vật đều là màu hồng, đeo kính màu xanh, nhìn thấy mọi vật đều là màu xanh. Vì quý vị chưa nhận thức được cái tâm này, cho nên nhìn thấy đại địa đều là đất. Chính vì đất trong tâm quý vị – tức là tạp niệm vọng tưởng – quá nhiều đi. Nếu không có tạp niệm vọng tưởng thì thế giới này cũng không có đất bụi.

Nhận ra xem bốn tâm của mình có hình dáng gì? Nhìn xem bốn tánh của mình là màu gì, xanh vàng đen trắng hay là dài ngắn vuông tròn? Nói có một cái hình dáng, ấy là ví dụ, căn bản không có một cái dáng gì hết. Tuy nhiên, cần phải nhận thức nó mới biết được, nếu không nhận thức thì không thể nói bừa.

Nếu nhận thức được bốn tâm, kiến tự bốn tánh, chính là đại trượng phu, thiên nhân sư, cũng chính là Phật. Chúng ta hiện nay nếu nhận thức được bốn tâm của chính mình, nhìn thấy được bốn tánh thì chính là Phật. Vì chúng sanh vốn là Phật, Phật cũng vốn là chúng sanh, vì thế chúng ta đều có cơ hội thành Phật. Nếu chưa nhận thức được bốn tâm, chưa thấy được bốn tánh, thì cần phải dành thời gian nghiên cứu Phật pháp nhiều hơn nữa.

*

Đến canh ba, Huệ Năng này thọ pháp, chẳng có ai hay. Tổ Sư truyền pháp Đốn giáo và y bát cho ta mà dạy rằng: "Người là vị Tổ đời thứ sáu. Hãy khéo tự hộ niệm. Phải quảng độ chúng hữu tình, và lưu truyền chánh pháp cho đời sau, đừng để đoạn tuyệt. Hãy nghe bài kệ của ta đây:

Có tình mới gieo giống,

Nhờ đất trái bèn sanh,

Không tình không có giống,

Không tánh ắt không sanh."

Giảng:

Lúc canh ba nửa đêm, Ngũ Tổ Đại sư truyền thọ diệu pháp dùng tâm ấn tâm cho Lục Tổ, ở trong tâm không biết, ở ngoài người không hay, ngay cả quỷ thần cũng không biết nữa. Ngũ Tổ truyền đốn giáo pháp môn và y bát cho Lục Tổ và nói:

–Ông nay là Tổ Sư đời thứ sáu.

Học Phật pháp cần phải nỗ lực tích cực, chân chánh tu tập, không nên học khẩu đầu thiền (thiền ở cái miệng), chỉ học biết giảng kinh, thuyết pháp, nói lời khéo léo, biện bác lanh lợi. Mối mép rằng: không chân cũng không giả mới là trung đạo liễu nghĩa. Học khẩu đầu thiền, một chút công phu chân chánh cũng không có, hoặc lúc nào cũng muốn mình hơn người, tật đố ganh tỵ, chướng ngại thì không đạt được danh vị Tổ Sư đời thứ sáu đâu. Giống như đồ đảng của Thần Tú, tâng bốc đưa Thầy mình lên cao, cho rằng Thầy mình sẽ làm Lục Tổ, cho nên dự bị những người đồ đảng tâm phúc ở khắp nơi dò tin tức. Nếu Ngũ Tổ Đại sư truyền y bát cho ai liền sát hại người ấy. Họ không biết Ngũ Tổ là vị Thiện tri thức mắt sáng, biết họ có tâm này, cho nên bí mật truyền pháp cho Lục Tổ. Tại sao lại truyền pháp cho Lục Tổ Huệ Năng? Vì Ngài là một người chân chánh thực hành hạnh Bồ Tát, già gạo cho đại chúng ăn, giúp mọi người dụng công học đạo tu hành. Giống như những người nấu ăn trong nhà bếp đây, chính là hành Bồ Tát đạo, nấu cơm ngon cho mọi người ăn. Nhưng tôi ăn xong, cũng không biết ngon hay dở vì tôi không có thời gian nghiên cứu cái ăn. Hành Bồ Tát đạo chính là trong bất cứ trường hợp nào cũng đều giúp đỡ người, không gây cho người sự chướng ngại. Cho nên nói: *Quân tử hữu thành nhân chi mỹ*, nghĩa là người quân tử có cái đức lo trọn việc tốt cho người. Giống như hiện nay có vài người muốn xuất gia, tôi hỏi có ai phản đối hay không? Kết quả không có ai phản đối. Đó chính là thành nhân chi mỹ, không phản đối người đi xuất gia, ai xuất gia cũng đều tán thành.

Huệ Năng trong đêm đó dễ dàng nhận ngôi vị Lục Tổ mà không ai biết, vì không ai biết cho nên không ai phản đối. Ngũ Tổ cũng không hỏi: "Mọi người tán thành hay phản đối." Chỉ cần Ngũ Tổ hứa khả là được rồi.

Ngũ Tổ ân cần dạy bảo Huệ Năng:

—Ông cần phải cẩn thận giữ gìn y bát, đây là do Phật Thích Ca Mâu Ni đời đời lưu truyền. Ông phải độ khắp tất cả chúng sanh hữu tình, đem Phật pháp

truyền bá khắp mọi nơi, lưu truyền đời đời về sau, không nên để cho đoạn tuyệt.

Lúc Ngũ Tổ nói câu "đừng để cho đoạn tuyệt," tôi tin rằng Ngũ Tổ Đại sư rất bi ai lo lắng. Sợ là Ngài còn khóc nữa là khác. Tại sao tôi biết như vậy? Vì Nhị Tổ lúc sắp bị giết, Ngài từng nói: "Đến đời Tứ Tổ, *Kinh Lăng Già* biến thành danh tướng, không có ai hiểu." Nay Ngũ Tổ Đại sư nói "đừng để cho đoạn tuyệt," nhất định có sự cảm xúc vô cùng nên nói: "Ông cần phải cẩn thận! Cần chú ý! Không nên lơ là. Đây là một việc đặc biệt quan trọng, đừng để cho đoạn tuyệt. Nay tôi vì ông nói một bài kệ:

Hữu tình lai hạ chủng : tình chính là từ bi, vì tôi có tâm từ bi để trồng hạt giống, chính là tôi truyền thọ Phật pháp cho ông.

Nhân địa quả hoàn sanh: vì tôi truyền pháp cho ông cũng như đem hạt giống gieo trồng xuống đất, quả sẽ được sanh.

Vô tình diệt vô chủng: nếu không có người truyền pháp cho ông thì cũng không có hạt giống Bồ đề.

Vô tánh diệt vô sanh: không có tánh và cũng không có sanh.

Đó là một cách giải thích, và còn một cách giải thích khác là:

Hữu tình lai hạ chủng: Tình chính là một loại tình cảm hoặc tình ái, vì có tình ái mới trồng hạt giống, giống như quý vị chung học Phật pháp ở đây, không phải thân thích thì cũng là bạn bè, thân thích thì có tình cảm của thân thích, bạn bè có tình cảm của bạn bè. Vì có tình cảm, cho nên mọi người

cùng nhau học Phật pháp.

Nhân địa quả hoàn sanh: Vì có tình cảm này cho nên gieo hạt giống Bồ đề, nhưng trước cần phải có đất, mới có thể trở được quả, mới có thể sanh ra trái Bồ đề.

Vô tình diệc vô chủng : Nếu ai cũng không biết có Đạo tràng này thì không có ai đến đây học Phật pháp.

Vô tánh diệc vô sanh: Nếu không có Phật tánh thì không có thể thành Phật.

Bài kệ này có rất nhiều cách giải thích, chỉ cần phù hợp giáo pháp, giảng cách nào cũng đều được cả.

*

Tổ Sư lại nói: "Ngày xưa Đạt Ma Đại sư mới tới xứ này, vì người chưa tin nên phải truyền y này để làm tín thể, nối truyền cho nhau từ đời này qua đời khác. Còn Pháp thì lấy tâm truyền tâm, khiến cho người tự mình tỏ sáng, tự mình hiểu biết. Từ xưa chư Phật chỉ truyền cái Bốn thể, chư Sư chỉ mật trao cái Bốn tâm mà thôi. Y là cái mối của tranh, tới đời người đừng truyền nữa. Nếu truyền y này, thì rất nguy đến tánh mạng. Hãy đi cho chóng, kéo e có kẻ hại người."

Giảng:

Ngũ Tổ lại nói: "Xưa kia Sơ Tổ Đạt Ma, lần đầu tiên đến Trung Quốc ba mươi năm trước, mọi người đều không cung kính tôn trọng Ngài, mà lại gọi Ngài là Ma-la-sát. Vì không ai biết Ngài là vị Tổ Sư, cho nên Sơ Tổ mới truyền y bát để làm vật chứng cứ."

Thật ra y bát chỉ là một vật biểu tìn mà thôi, kỳ thực Phật pháp cần phải dùng tâm truyền tâm, khiến người người tự mình giác ngộ, tự mình chứng đắc. Từ xưa đến nay, tất cả chư Phật sở truyền đều là bốn thể – tức tự tánh, chư lịch đại Tổ Sư tương truyền đều là bốn tâm. Y bát là đầu mối của sự tranh đoạt. Có y bát mọi người mới tranh đấu lẫn nhau, tranh đoạt y bát để làm Tổ Sư. Thậm chí có người lén trộm y bát mà làm Tổ Sư giả. Giống như Thần Tú muốn cướp lấy y bát từ Ngũ Tổ, muốn Ngũ Tổ truyền pháp cho mình. Nếu Ngài truyền pháp cho người khác tìm cách giết người đó đi. Y này thời Tứ Tổ đã bị trộm ba lần, thời Ngũ Tổ cũng bị trộm ba lần, nhưng đều chưa bị kẻ trộm lấy mất, đây là do Bồ Tát cảm ứng mà ra. Đồi Lục Tổ bị trộm sáu lần, sau đó bị Võõ Tắc Thiên (nữ Hoàng đế đời Đường) nhứt quyết lấy đi cho bằng được, sau này không ai còn biết Y ở đâu nữa.

Ngũ Tổ tiếp tục nói: "Y bát là đầu mối của sự tranh giành, chỉ truyền đến ông là ngừng, đời sau không nên tiếp tục truyền nữa. Nếu truyền y bát này, sợ rằng sinh mệnh ông giống như sợi chỉ mảnh treo chuông, bất cứ lúc nào cũng có sự nguy hiểm. Ông lập tức rời khỏi chỗ này, vì tôi e có người hại ông."

*

Huệ Năng này bạch: "Đi xứ nào?"

Tổ Sư nói: "Gặp Hoàì thì ở lại, gặp Hội thì ẩn nường nơi đó."

Canh ba, khi Huệ Năng nhận lãnh y bát rồi bạch rằng: "Huệ Năng vốn là người Lĩnh Nam, chẳng biết một con đường nào nơi núi này, làm sao ra đặng sông Cửu Giang?"

Ngũ Tổ nói: "Người chẳng phải lo, để ta đưa người đi."

Giảng:

Huệ Năng hỏi Ngũ Tổ:

–Bạch Hòa Thượng, con đi đâu bây giờ?

–Đến huyện Hoài Tập (nay là Ngô Châu tỉnh Quảng Tây) thì có thể ngừng lại, nếu đến huyện Tứ Hội (nay là Tân Hội tỉnh Quảng Đông) thì có thể ẩn cư tại đó.

Canh ba đêm đó sau khi được Ngũ Tổ truyền thọ y bát, Huệ Năng hỏi:

–Con vốn là người phương Nam, Quảng Đông, không quen thuộc với đường núi ngoằn ngoèo ở đây, con làm sao mà có thể ra đặng Cửu Giang?

Ngũ Tổ an ủi nói:

–Ông không phải lo lắng, tôi sẽ đích thân đưa ông đi.

*

Tổ đưa ta thẳng đến trạm Cửu Giang, bảo ta lên thuyền, rồi Ngũ Tổ tự cầm chèo mà đưa.

Huệ Năng này nói: "Thỉnh Hòa Thượng ngồi, để cho đệ tử chèo mới phải."

Ngũ Tổ nói: "Ta độ người mới phải."

Huệ Năng này nói: "Lúc mê thì Thầy độ, ngộ rồi thì tự độ lấy mình." "Độ" tuy tên là một nhưng chỗ dùng không đồng. Huệ Năng này sanh nơi biên địa, giọng nói không đúng, nhờ Thầy truyền pháp, nay đã được tỏ ngộ, thì chỉ nên tự tánh tự độ (lấy tánh mình mà độ mình) mới phải."

Giảng:

Ngũ Tổ tiễn Lục Tổ đến trạm Cửu Giang. "Dịch" tức là trạm dừng truyền đạt thư tín của người xưa. Ngũ Tổ nói:

–Ông hãy nhanh lên thuyền!

Rồi cầm mái chèo tự chèo thuyền. Huệ Năng nói:

–Thỉnh Sư phụ ngồi, để con chèo thuyền mới phải.

Ngũ Tổ nói:

–Nên để ta độ người mới đúng.

–Đúng vậy, lúc chưa khai ngộ tự tánh, bốn thể mê mờ, cần phải do sư phụ chỉ dạy cách tu đạo dụng công, khiến cho được khai ngộ.

Đây bao gồm không sợ chân nhứt và gian khổ. Lục Tổ mỗi ngày giã gạo, gian khổ hơn tất cả mọi người. Lục Tổ Đại sư lưng đeo hòn đá giã gạo, nay vẫn còn bảo tồn tại Đông Sơn Thiên Tự, núi Bằng Sơn, tỉnh Hồ Bắc, phía trên khắc dòng chữ "Đây là hòn đá đeo lưng giã gạo của cư sĩ Lữ Huệ Năng."

Nhưng một khi con đã khai ngộ, cần phải tự mình độ mình. Tuy cùng gọi là đoã, nhưng sư phụ độ đệ tử và đệ tử độ sư phụ, cách dùng của chữ này không giống nhau. Con sanh ở nơi biên địa hạ tiện, phát âm không đúng, không ai nghe hiểu, được sư phụ truyền dạy cho con diệu pháp tâm ấn, nay con đã khai ngộ, thì cần phải tự mình độ lấy mình.

Đây là Ngũ Tổ cùng Lục Tổ nói thiền cơ, Ngũ Tổ nói: "Ta độ người mới thích hợp." Lục Tổ nói: "Lúc mê sư phụ độ con, ngộ rồi con phải tự độ (tự tánh tự độ)."

Sao gọi là *tự tánh tự độ*? Ví dụ lúc quý vị chưa biết tụng chú Lăng Nghiêm, có người lại dạy quý vị tụng, nhưng sau khi biết tụng thì tự mình đốc thúc sách tấn mình tụng niệm, không cần người khác đến khuyên nhắc. Lúc chưa hiểu việc tụng kinh, thì cần sư phụ đến dạy quý vị tụng kinh; sau khi hiểu rõ cần tự mình tụng kinh, mà không cần sư phụ hỏi: Hôm nay con đã tụng kinh hay chưa? Giống như nay có người muốn học theo Thiên Thai Trí giả Đại sư lễ bái kinh Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Hoa để khai ngộ, vì thế mỗi ngày mỗi đêm lễ bái Kinh Pháp Hoa, đây cũng gọi là *tự tánh tự độ*.

Lại nữa, nên chuyển phiền não thành Bồ đề. Quý vị cần phải đem phương pháp đã học được tự mình thực hành, mà chuyển phiền não thành Bồ đề. Lúc có người muốn gây khó khăn, quý vị cần phải nhìn điều đó như hoa trong gương, trăng dưới nước, như huyễn như hóa, như mộng như sương, suy nghĩ như thế phiền não sẽ không còn nữa. Gặp phải cảnh giới nếu có thể nhìn thấu rõ, có thể buông bỏ gọi là *tự tánh tự độ*.

Lại nữa nếu quý vị có những tật xấu uống rượu hút thuốc, sau khi nghe sư phụ khai thị, biết đó là điều gây chướng ngại cho sự tu đạo mà phát tâm kiêng bỏ. Ví như tôi có một đệ tử nói để con cố gắng, rồi kết quả kiêng hẳn luôn, sự kiêng bỏ đoạn tuyệt đó cũng gọi là *tự tánh tự độ*. Nếu có thể đoạn trừ tức là khai ngộ, nếu chưa đoạn trừ thì vẫn còn mê mờ, như vậy khai ngộ hay không là do quý vị quyết định. Nếu có thể *chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*, tức là *tự tánh tự độ*. Lúc chưa hiểu rõ Phật pháp thì không tránh khỏi làm những việc mê muội sai lầm, nhưng sau khi đã hiểu rõ Phật pháp, cần phải ghi nhớ vào lòng không được làm những việc điên đảo mê muội nữa. Nếu còn làm những việc đó, quý vị là kẻ có tội đối với Phật giáo, sau này nhất định đọa địa ngục, vì quý vị tri pháp mà phạm pháp, tội nặng gấp ba. Cho nên nói: "*Túng sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ.*" Nghĩa là: Dù cho trăm ngàn kiếp, nghiệp đã tạo rồi thì khó mà mất đi, nhân duyên khi hội ngộ, quả báo tự mình phải nhận lấy. Không ai có thể thay thế mà lãnh chịu những nghiệp tội sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu mà mình đã gây ra.

Phàm tạo việc nào thì sau này sẽ thọ quả báo việc đó, một chút cũng không sai chạy.

Tự tánh tự độ hàm ý sâu sắc, tức là cần phải đoạn trừ các niệm nghi ngờ hối hận, diệt trừ các cấu bần trong tánh mình. Nếu cấu bần chưa thể trừ sạch thì không thể tự tánh tự độ. Cái gì gọi là *cấu bần của tự tánh* tức là sự điên đảo vọng tưởng của quý vị, vô minh phiền não, tập khí hữu lậu.

Lúc trước tôi ở chỗ nọ giảng đoạn kinh văn này, đã từng nói: "Bạn tạo ác nghiệp, bạn đọa địa ngục; tôi tạo ác nghiệp, tôi đọa địa ngục; nó tạo ác nghiệp, nó đọa địa ngục."

Lúc đó có người phản đối nói: "Không bao giờ có chuyện này, địa ngục ở đâu? Từ trước đến nay tôi chưa hề thấy, dù có địa ngục, tôi cũng muốn thử xem."

Tôi trả lời: "Ông muốn thử xem? Ông không cần thử cũng sẽ đọa địa ngục, thử là đọa." Tại sao vậy? Quý vị xem những người đọa vào địa ngục, đều do thử xem mà đọa vào đó cho nên đến hôm nay muốn ra khỏi mà không thể được. Vì thế, hôm nay tôi ân cần khuyên nhắc những người muốn thử, cần nên bỏ cái ý niệm đó đi!

Những người nào *tự tánh tự độ*? Ai ai cũng có thể tự tánh tự độ, nhưng phải là người trí huệ mới được, người ngu si không những không thể tự tánh tự độ, dù có chỉ dạy cho họ, họ cũng không nghe. Giống như dạy chó không nên cắn người, tuy đánh nó nhưng khi gặp người nó vẫn cắn như thường, chính là vì tánh nó ngu muội nên mới làm bậy như vậy. Mèo bắt chuột, tuy dạy nó cần giữ giới, không được sát sanh, cần phải phóng sanh, nhưng vì tập quán xấu khó sửa, nên cứ theo tật cũ. Dạy chuột không nên ăn trộm, nhưng nó vẫn trộm đồ ăn. Trộm hút thuốc, lén uống rượu, đều là những hành động của những người không chịu sửa đổi tập quán xấu xa. Người chân chánh hiểu rõ sự lý, không làm những việc mê muội; người mê muội

cũng không làm được những việc sáng suốt.

Tự tánh tự độ, ý là quý vị phải trừ bỏ những tật xấu của chính quý vị. Sư phụ không thể lúc nào cũng ở bên cạnh quý vị, khuyên nhắc quý vị không nên làm việc xấu. Trên đây là những lời giải thích căn bản, nếu nói một cách chi ly cặn kẽ, e rằng nói hoài cũng không hết.

*

Tổ Sư nói: "Phải vậy, phải vậy! Từ đây sắp sau, Phật pháp sẽ do người mà được thanh hành. Người đi rồi, ba năm ta sẽ tạ thế. Nay người hãy đi, gắng sức về hướng Nam, nhưng chớ nên vội thuyết pháp, bởi vì Phật pháp hưng khởi từ trong khó khăn."

Giảng:

Ngũ Tổ nói: "Đúng vậy (như thị)! Đúng vậy! Đây rất khế hợp tâm ý của ta. Phật pháp sau này sẽ do ông xiển dương rộng lớn. Ông rời ta ba năm sau, ta sẽ nhập Niết Bàn, vì pháp của ta đã có người kế tục. Ông nay cần phải tinh tấn nỗ lực đi về hướng Nam. Ông cần phải ẩn giấu tài năng, nuôi dưỡng tinh thần, sau này làm cái gì cũng có thể thành công. Nhưng sau khi rời khỏi chỗ này không nên vội vàng hoẵng dương Phật pháp, vì Phật pháp hưng khởi từ trong khó khăn, càng khó càng tốt."

*

Huệ Năng này từ biệt Tổ Sư, đi về hướng Nam, trong hai tháng tới núi Đại Dư Lĩnh.

(Khi Ngũ Tổ trở về, cách mấy ngày chẳng ra giảng đường. Các môn đồ có lòng nghi, bèn đến hỏi thăm: "Hòa Thượng có chút bệnh hay buồn chi chẳng?" Tổ nói: "Ta không có bệnh chi, nhưng Y Pháp đã về hướng

Nam rồi." Đều chúng hỏi: "Ai được truyền thọ?" Tổ nói: "Người có khả năng đã được." Khi ấy đều chúng mới hay.)

Phía sau có mấy trăm người đuổi theo ta, muốn đoạt y bát.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư sau khi từ biệt Ngũ Tổ (từ vi tức không thể tự thân phụng dưỡng săn sóc Ngũ Tổ), đi về phương Nam từ núi Bằng Mậu qua Cửu Giang đi đến Quảng Đông. Trải qua hơn hai tháng, đến Đại Dữu Lĩnh (nơi phân giới của huyện Nam Hùng tỉnh Quảng Đông và phía Nam huyện Đại Dữu tỉnh Giang Tây).

Ngũ Tổ sau khi trở về, mấy ngày không thượng đường thuyết pháp, đại chúng sanh lòng nghi ngờ, đến phòng phương trượng hỏi:

–Bạch Hòa Thượng phương trượng! Ngài có bệnh, có phiền chi chăng?

Ngũ Tổ trả lời:

–Bệnh thì không có, nhưng y bát đã truyền về phương Nam rồi, các ông có thể rời khỏi chỗ này, nơi tôi không còn Phật pháp nữa, tôi sắp về hưu rồi.

Chúng hỏi:

–Ai được y bát? Ngài đã truyền cho ai vậy?

–Người có bản lĩnh và có năng lực như được y bát.

Lúc đó mọi người mới biết Lục Tổ Huệ Năng được y bát này. Có người cũng rất thông minh, như Thiên sư Pháp Như, một trong mười vị đại đệ tử của Ngũ Tổ. Ngũ Tổ dặn dò mười vị đại đệ tử mỗi người ở một phương làm pháp chủ giáo hóa chúng sanh. Thiên sư Pháp Như nghe nói *Năng giả đắc chi* liền biết rõ ai đã được y bát:

–Chính là kẻ man di Quảng Đông, cư sĩ Lữ Huệ Năng, đã được y bát, thật là kỳ lạ!

Mọi người nghe xong bèn phản đối:

–Không được, không được! Làm sao mà có thể truyền pháp cho Huệ Năng. Chúng ta theo hầu Ngũ Tổ đã bao nhiêu năm, tại sao Ngũ Tổ không truyền pháp cho chúng ta? Dường như đầu óc Ngũ Tổ không còn minh mẫn nữa. Chúng ta cần phải đuổi theo Huệ Năng, đoạt cho được y bát trở về.

Vì thế hơn một trăm người đuổi theo Lục Tổ muốn đoạt lại y bát.

*

Có một thầy họ Trần, tên Huệ Minh, ngày trước làm Tứ phẩm Tướng quân, tánh tình thô bạo, quyết chí tìm ta. Thầy cầm đầu chúng nhơn và đuổi theo kịp Huệ Năng này. Huệ Năng đặt y bát lên tảng đá mà nói rằng: "Y này là vật biểu tín, há dùng sức mà tranh được sao!" Đoạn Huệ Năng này ẩn mình trong đám cỏ tranh.

Huệ Minh đến cầm y giờ lên mà không nhúc nhích, bèn kêu rằng: "Hành giả, hành giả, tôi vì Pháp mà đến đây, chớ chẳng phải vì y đâu!"

Giảng:

Lúc đó trong số một trăm người này, có một vị xuất gia, tục danh là Trần Huệ Minh, trước kia đã từng làm đến Tứ phẩm tướng quân, tánh tình thô tháo nóng nảy, một chút học thức cũng không có, mở miệng là mắng người, nếu ai không nghe lời liền ra tay đánh người. Người này sức lực rất mạnh, hòn đá nặng mấy chục ký cũng có thể đập nát. Vì ông ta có bản lĩnh này nên làm đến Tứ phẩm tướng quân. Ông ta có một khả năng lạ thường đặc biệt – *phi mao thoái* (người chạy nhanh như sóc), một ngày có thể chạy hai

trăm dặm đường, mà người thường một ngày chỉ có thể chạy một trăm dặm là nhiều nhất.

Ông ta quyết tâm muốn đoạt y bát trở về, nghĩ rằng ai có sức mạnh người đó sẽ được y bát. Nhất là ông chạy rất nhanh, chạy trước mọi người, và sắp có thể đuổi kịp Huệ Năng rồi.

Huệ Năng nhìn thấy một người thô lỗ như thế chạy đến, lúc đó tâm Ngài cũng có chút lo lắng hoang mang. Tuy Ngài đã đắc pháp, nhưng vì mới tu tập Phật pháp, chưa có thần thông lớn, cho nên có chút lo lắng. Vì thế Huệ Năng bèn đem y bát bỏ trên một hòn đá, tự nói với hư không rằng: "Y bát này là một vật biểu tín, làm sao có thể dùng võ lực để tranh đoạt được?" Đoạn Huệ Năng bèn ẩn núp trong lùm cỏ, không để cho người ta nhìn thấy. Huệ Minh chạy đến, nhìn thấy y bát, nhưng lại không thể nhắc lên nổi. Tại sao ông ta nhắc lên không nổi? Tại vì trong cõi vô hình có chư thần hộ pháp, thiên long bát bộ bảo hộ y bát, cho nên dù Huệ Minh có sức mạnh như thế, cũng là anh hùng không có đất dụng võ thôi. Lúc đó Huệ Minh bèn kêu lên rằng:

–Vị tu hành đắc đạo ời, tôi vì Phật pháp mà đến đây, không phải vì muốn đoạt y bát!

Vì ông ta nhắc không nổi y bát, cho nên nói như vậy; nếu nhắc lên nổi, ông ta đã ôm lấy y bát mà chạy khỏi nơi này từ lâu rồi. Vì nhắc lên không nổi, ông bèn tỉnh ngộ: Y bát này không thể dùng sức lực đoạt được, cho nên hướng về Lục Tổ để cầu pháp.

Tại sao nói Huệ Minh không phải vì pháp mà là vì y bát? Vì nếu thật ông ta vì pháp mà đến, thì sẽ không đụng đến y bát trước tiên, mà vừa tới nơi phải lên tiếng trước: "Hành giả, hành giả, tôi vì pháp mà đến, không phải vì y bát mà đến." Quý vị cho rằng tôi nói như vậy có hợp lý không?

Huệ Năng này bèn bước ra, ngồi xếp bằng trên tảng đá. Huệ Minh làm lễ, nói rằng: "Mong ơn hành giả nói pháp cho tôi nghe."

Huệ Năng này nói: "Ông vì pháp mà đến đây, thì khá dứt hết trần duyên, chớ sanh một niệm tưởng, tôi sẽ nói rõ Phật pháp cho Ông nghe."

Lặng lạng một hồi lâu, Huệ Năng này nói: "Chẳng nghĩ việc lành, không nghĩ điều dữ, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng Tọa Minh?"

Huệ Minh nghe nói rồi, liền đại ngộ.

Huệ Minh lại hỏi: "Ngoài lời nói và ý chỉ diệu mầu Ngài vừa giảng, còn có ý chỉ vi diệu nào nữa chăng?"

Giảng:

Nghे Huệ Minh nói như vậy, Lục Tổ bèn từ trong lùm cỏ đi ra, ngồi trên hòn đá. Lúc đó Huệ Minh khấu đầu đánh lễ (tuy người xuất gia không đánh lễ người tại gia, nhưng đây là nhân duyên đặc biệt, cho nên ngoại lệ):

–Tôi mong hành giả vì tôi thuyết pháp.

Lục Tổ Đại sư nói với Huệ Minh rằng:

–Ông đã vì pháp mà đến chứ không phải vì muốn đoạt y bát, thì cần phải ngừng tất cả tâm phan duyên, không được nghĩ đến việc gì hết, một niệm không sanh. Ta nay vì ông thuyết pháp.

Nói xong bèn im lặng không nói. Lúc đó Lục Tổ Đại sư không sanh một niệm, Huệ Minh cũng không sanh một niệm, hai người đều ngừng các duyên, ngay cả quỷ thần cũng không biết hai người đang làm gì, cho nên

nói *lượng cứu*, lâu khoảng năm phút. Lục Tổ Đại sư thấy Huệ Minh không còn vọng tưởng, tâm phan duyên đã buông bỏ, tất cả đều không không, bèn nói:

–Lúc ông không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính vào lúc đó ai là chân diện mục bốn lai của Thượng Tọa Huệ Minh?

Chính vì hỏi chữ "ai," cho nên về sau thiên tông đều tham "Niệm Phật là ai?"

Ở đây dùng chữ "cái gì" là từ thế tục, ý tức là "ai." Tại sao dùng "Thượng Tọa?" Bởi vì Lục Tổ Đại sư vẫn còn là cư sĩ, cho nên xưng Huệ Minh là Thượng Tọa.

Nghe Lục Tổ khai thị như vậy, Huệ Minh liền hoá nhiên đại ngộ.

Huệ Minh tuy khai ngộ rồi, đã hồi đầu chuyển diện, đã nhận thức chân diện mục bốn lai của chính mình, nhưng vẫn chưa biết tri túc, tâm tham vẫn còn lớn. Những người đuổi theo Lục Tổ Đại sư, đều là do tâm tham sai sử, tham muốn làm vị Tổ đời thứ sáu. Mà Huệ Minh Đại sư là cái tham trong cái tham, ông ta đã khai ngộ rồi vẫn cảm thấy không đủ, dường như có những điều gì chưa đạt đến, cho nên hỏi nữa:

–Ngài vừa giảng cho tôi mật ngữ mật ý, ngoài những lời và ý quan trọng này, xin hỏi còn có lời nào vi diệu hơn nữa không?

Mật ngữ mật ý ở đây cần phải hiểu là *diệu*, không nên hiểu là bí mật.

*

Huệ Năng này nói: "Điều tôi nói với ông đó chẳng phải là điều vi diệu (mật). Nếu ông phản chiếu, thì cái vi diệu ấy (mật) ở ngay nơi ông."

Huệ Minh nói: "Tôi tuy ở tại Hoàng Mai, nhưng thật chưa xét biết cái Diện mục của mình. Nay nhờ hành giả chỉ dạy, tỷ như người uống nước, lạnh nóng tự mình hay. Nay hành giả tức là thầy của Huệ Minh vậy."

Huệ Năng này nói: "Nếu như thế, thì tôi cùng ông đồng thờ một thầy là đức Hoàng Mai. Hãy khéo tự hộ trì!"

Huệ Minh lại nói: "Nay và sau Huệ Minh phải đi xứ nào?"

Huệ Năng này nói: "Gặp Viên thì ngừng lại, gặp Mông thì ở đó."

Minh làm lễ rồi già từ.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư trả lời:

–Những điều mà tôi giảng cho ông không phải là điều bí mật, cũng không phải là điều tối diệu. Nếu ông hồi quang phản chiếu, thì diệu pháp ở ngay nơi ông, không phải ở tôi.

Huệ Minh vui mừng nói:

–Tôi ở Hoàng Mai đã lâu năm, thực sự chưa có tỉnh ngộ nhận thức chân diện mục của chính mình. Nay nhờ hành giả chỉ dạy, giống như người uống nước, nóng hay lạnh chỉ mình tự biết. Nay hành giả là sư phụ của Huệ Minh.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Nếu ông nghĩ như vậy, thì tôi thay Ngũ Tổ Hoàng Mai truyền pháp cho ông. Chúng ta cùng bá Ngũ Tổ làm Thầy, là huynh đệ đồng sư. Ông cần phải giữ gìn bảo hộ Phật pháp đừng để cho đoạn tuyệt.

Huệ Minh lại hỏi:

–Huệ Minh sau này nên đi về đâu?

–Đến Viên Châu thì dừng lại, đến Mông Sơn thì trú ở đó.

Lúc đó Huệ Minh bèn hướng Lục Tổ khấu đầu đánh lễ, bái biệt mà đi.

Sau đó Huệ Minh vẫn chưa lập tức lên đường, ba năm sau mới đến trú ở Mông Sơn. Tại đây Huệ Minh gặp một con quỷ, quỷ này lúc còn sống là một vị tú tài cho nên sau khi chết vẫn có thể làm thơ. Nó ngâm một bài thơ như sau:

*Tịch tịch hoang giao mộng diệc trường,
Cổ kim thành bại lại xích lường.*

Dã thảo tiên hoa niệm đa thiếu,

Khổ vũ toan phong kỷ đoạn trường.

Dạ dư huỳnh quang đồng xuất nhập,

Ngũ canh kê xướng ảnh hình tàng.

Hối bất đương sơ tu tâm địa,

Chí thử thanh sơn lệ lưỡng hàng.

Tạm dịch:

Đêm khuya thanh vắng chốn ngoại ô,

Thanh thản êm đềm trọn giấc mơ.

Lòng chẳng màng mong gì thế cuộc,

Thành bại xưa nay vốn hững hờ.

Hương hoa hưởng được chẳng bao lần,

Mùi đời cay đắng quá phong trần.

Đêm khuya làm bạn cùng đom đóm,

Canh năm gà gáy bóng mờ dần.

Lòng hối hận đã tự bao lâu,

Chẳng chịu tu tâm chẳng mong cầu.

Chẳng biết đâu tà đâu thánh thiện,

Để nay xanh núi lệ u sầu.

Huệ Minh nghe xong bèn thuyết pháp cho nó, khiến nó được siêu độ vãng sanh. Cho nên hóa Mông Sơn (khóa lễ Mông Sơn thí thực mỗi đêm hay Công Phu Chiều ở chùa), chính là siêu độ quỷ hồn vậy.

*

Huệ Minh trở về tới chơn núi, kêu bọn chúng đuổi theo mà nói rằng: "Kiếm khắp các đường núi mà chẳng thấy dấu vết gì cả, phải đi hướng khác." Bọn chúng đều tin vậy. Huệ Minh về sau đổi tên là Đạo Minh, đó là tránh phạm húy đến Pháp danh của Đại sư.

Giảng:

Huệ Minh quay xuống chân núi, nói với số trăm người đang đuổi theo Huệ Năng:

–Tôi đã đến đỉnh núi xem qua rồi, tìm không thấy tông tích của ông ta, ông ta không có chạy đường này đâu. Chắc là đi đường khác rồi đó.

Những người này nghe "phi mao thoái" nói không thấy Huệ Năng, liền tin rằng thiệt. Kỳ thực Huệ Minh Đại sư nói đại vọng ngữ. Tại sao ông ta lại nói láo? Vì ông ta đã đắc pháp, vì muốn bảo hộ Phật pháp và sự an toàn cho Lục Tổ vì thế mới nói sai sự thật như vậy. Huệ Minh sau đó đổi tên là Đạo Minh, vì Lục Tổ tên Huệ Năng, ông ta muốn tránh chữ "Huệ" tên đầu của Lục Tổ Huệ Năng, cho nên đổi tên là Đạo Minh.

*

Huệ Năng này sau khi đến Tào Khê lại bị bọn ác nhơn đuổi theo, nên phải lánh nạn, ở chung với bọn thợ săn tại huyện Tứ Hội, trường trải mười lăm năm. Trong thời kỳ ở với bọn chúng, ta cũng tùy nghi nói pháp. Bọn thợ săn thường bảo ta giữ lối. Mỗi khi thấy các loài súc sanh lọt vào, ta đều thả ra hết. Mỗi khi đến bữa ăn, ta lấy rau gỏi luộc trong nồi nấu thịt. Có người hỏi thì ta trả lời rằng chỉ ăn rau luộc nấu chung với thịt mà thôi.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư sau đó đến Chùa Nam Hoa ở Tào Khê. Thần Tú vẫn chưa bỏ ý định, phái đệ tử tâm phúc đến sát hại Lục Tổ. Lục Tổ đến đất Tứ Hội cùng sống với đám người thợ săn để trốn tránh đám người muốn hại mình, vì không ai nghĩ rằng một người tu đạo tin Phật mà có thể cùng sống với đám người thợ săn, cho nên họ đi khắp nơi tìm kiếm Lục Tổ mà kiếm không ra. Mười lăm năm trôi qua (có người nói mười sáu năm là bao gồm luôn cả một năm Ngài chạy trốn, thực tế Ngài chỉ sống với đám thợ săn mười lăm năm). Trong mười lăm năm này Ngài thường nói pháp cho đám người thợ săn nghe.

Đám người thợ săn thường phái Lục Tổ Đại sư làm công việc canh giữ lưới, Ngài nhìn thấy những loài thú và chim chóc còn sống mắc vào lưới, đều tìm đủ phương cách để phóng sanh. Mỗi khi đến giờ cơm, Ngài thường tìm những rau cỏ hoang dại trên núi bỏ vào trong nồi thịt nấu. Có người hỏi vì sao làm như thế thì Ngài trả lời:

–Tôi chỉ ăn rau nấu chung với thịt, tôi không ăn thịt.

*

Một ngày kia, ta suy nghĩ đã đến thời kỳ phải hoằng pháp, chẳng nên ẩn trốn mãi. Ta bèn đi tới chùa Pháp Tánh tại Quảng Châu, gặp Pháp sư Ấn Tông đang giảng kinh Niết Bàn. Lúc ấy có luồng gió thổi lay động lá phướng. Một thầy nói gió động, một thầy khác nói phướng động, hai đảng nghị luận hoài chẳng dứt.

Huệ Năng này bước tới nói rằng: "Chẳng phải gió động, cũng không phải phướng động, ấy là tâm của nhơn giả động."

Chúng nhơn nghe nói đều kinh hãi. Ấn Tông liền mời ta ngồi chỗ trên hết, và cầu hỏi những nghĩa lý huyền áo.

Thấy Huệ Năng này trả lời, ngôn ngữ giản dị, nghĩa lý thích đáng, mà chẳng do văn tự, Ấn Tông nói rằng: "Hành giả hẳn chẳng phải là người thường. Đã lâu tôi có nghe nói y pháp của Hoàøng Mai Ngũ Tổ đã về phương Nam, có phải là hành giả chẳng?"

Huệ Năng này nói: "Tôi đâu dám!"

Nhơn đó, Ấn Tông đành lễ, xin ta trao y bát đặt cho đại chúng xem.

Giảng:

Một ngày nọ, Lục Tổ Đại sư khởi lên ý tưởng:

–Nay đã đến lúc cần phải hoằng pháp, ta không thể suốt đời ẩn trốn như thế này được.

Vì thế Ngài rời khỏi Tứ Hội đi đến Chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu, gặp lúc Pháp sư Ấn Tông đang giảng Kinh Niết Bàn. Trong lúc giảng kinh, có gió thổi làm lay động những lá phướng. Lúc đó có một vị Tăng nói:

–Đây là gió động.

Một vị Tăng khác nói:

–Đây là phướng động.

Hai người tranh chấp không ngừng. Lục Tổ nói với họ rằng:

–Nhân giả, đó là tâm của các ông động! Nếu tâm ông không động, thì gió cũng không động, phướng cũng không động.

Lúc đó thính chúng nghe Ngài nói như vậy đều cảm thấy vô cùng huyền diệu. Thật là một lời nói kinh động cả tứ chúng.

Pháp sư Ấn Tông mời Lục Tổ Đại sư thăng tòa, thỉnh Ngài khai thị đạo lý huyền diệu trong kinh. Pháp sư Ấn Tông nhận thấy Lục Tổ Đại sư tuy thuyết giảng rất đơn giản, nhưng lý luận chính xác, không do văn tự giải thuyết, vì thế vô cùng kính phục nên nói:

–Hành giả, Ngài nhất định không phải là người tầm thường. Tôi nghe từ lâu y bát của Hoàng Mai đã truyền về phương Nam, có phải chính là Ngài không?

Lục Tổ Đại sư trả lời:

–Tôi không dám.

Pháp sư Ấn Tông vừa nghe Ngài chính là người kế thừa y bát của Ngũ Tổ bèn hướng về Lục Tổ Đại sư khấu đầu đánh lễ, thỉnh Đại Sư đem y bát của Ngũ Tổ truyền trao cho đại chúng xem.

*

Ấn Tông lại hỏi: "Đức Hoàng Mai khi phó chúc, Ngài truyền thọ như thế nào?"

Huệ Năng này nói: "Ngài không có truyền thọ chi, chỉ luận về kiến tánh. Ngài chẳng luận pháp thiên định và giải thoát."

Ấn Tông hỏi: "Sao chẳng luận thiên định và giải thoát?"

Huệ Năng bảo: "Vì thiên định và giải thoát là pháp nhị nguyên, chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp là pháp chẳng hai (bất nhị)."

Ấn Tông lại hỏi: "Thế nào Phật pháp là pháp chẳng hai?"

Huệ Năng bảo: "Pháp sư giảng Kinh Niết Bàn, ắt đã rõ Phật tánh chính là Pháp chẳng hai của Phật pháp vậy. Như Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch với Phật rằng: Người phạm bốn điều trọng cấm, làm năm điều tội nghịch và chúng xiển-đề, thì thiện căn Phật tánh phải bị đoạn diệt chăng? Đức Phật đáp rằng: Thiện căn có hai thứ: một là thường, hai là vô thường. Còn Phật tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, cho nên không đoạn diệt, ấy gọi là Pháp chẳng hai. Thiện căn lại có hai: một là lành, hai là chẳng lành, Phật tánh chẳng phải lành, chẳng phải chẳng lành, ấy gọi là Pháp chẳng hai. Uẩn cùng với giới, phàm phu thấy có hai, chớ người trí thấu hiểu, biết tánh nó vốn chẳng hai. Tánh chẳng hai tức là Phật tánh vậy."

Ấn Tông nghe xong, vui mừng, chấp tay thưa: "Sự giảng kinh của tôi tử như ngói gạch, chỗ luận nghĩa của nhơn giả cũng như vàng ròng." Nhơn đó, Ấn Tông xuống tóc cho ta và nguyện thờ ta làm thầy.

Huệ Năng này bèn ngồi dưới cội cây Bồ đề mà khai diễn Đông sơn Pháp môn.

Giảng:

Pháp sư Ấn Tông hỏi:

–Lúc Hoàng Mai Ngũ Tổ Đại sư truyền cho Ngài y bát, thì truyền dạy và chỉ điểm như thế nào?

–Thật ra không có chỉ điểm gì, chỉ đàm luận về kiến tánh, không có đàm luận về các pháp thiền định và giải thoát.

Pháp sư Ấn Tông lại hỏi:

–Tại sao lại không đàm luận về thiền định và giải thoát?

Lục Tổ Huệ Năng trả lời:

–Vì thiền định và giải thoát là nhị pháp, không phải Phật pháp. Phật pháp không phải là nhị pháp, chỉ có một pháp, cho nên gọi là bất nhị pháp.

–Cái gì gọi là pháp bất nhị của Phật pháp?

–Pháp sư! Ngài diễn giảng kinh Niết Bàn, nếu Ngài có thể thấy Phật tánh, minh tâm kiến tánh, đó chính là pháp bất nhị pháp môn trong Phật pháp. Giống như Bồ Tát Cao Quý Đức Vương hỏi Đức Phật: "Nếu có người phạm bốn loại giới cấm căn bản: sát, đạo, dâm, vọng, không biết sám hối, lại phạm năm tội ngũ nghịch: giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm Phật chảy máu, lại có loại *nhất-xiển-đề* (tức là người không có lòng tin), những người này có đoạn thiện căn Phật tánh hay không?" Phật trả lời: "Thiện căn có hai loại: một là thường, hai là vô thường. Nhưng Phật tánh không có sự phân biệt giữa thường và vô thường, cho nên không đoạn

Phật tánh. Gọi đó là bất nhị pháp môn. Lại nữa, ngũ giới, thập thiện là thiện; ngũ nghịch, thập ác là ác, nhưng Phật tánh không có sự phân biệt của thiện ác, đó gọi là bất nhị pháp môn." Uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; giới là mười tám giới, tức lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), lục thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức). Phạm phu thấy ngũ uẩn và mười tám giới là hai thứ phân biệt, nhưng người trí huệ liễu đạt tánh của nó vốn không hai, không có sự phân biệt nào, chân tánh bất nhị như thế gọi là Phật tánh.

Pháp sư Ấn Tông sau khi nghe Lục Tổ Đại sư thuyết pháp tâm vui mừng từ trước đến nay chưa từng có, chắp tay cung kính nói:

–Ấn Tông tôi giảng kinh, giống như gạch ngói, còn Ngài giảng kinh giống như vàng ròng.

Lúc này Pháp sư Ấn Tông ở Chùa Quang Hiếu xuống tóc cho Lục Tổ Đại sư, và nguyện bái Lục Tổ Đại sư làm Thầy.

Lục Tổ Đại sư sau đó ngồi dưới cây Bồ đề trong Chùa Quang Hiếu, khai mở Đông Sơn pháp môn.

*

Ta nói: "Huệ Năng đặc pháp tại núi Đông Sơn, chịu trăm bề cay đắng, tánh mạng tợ chỉ mảnh, ngày nay đặng cùng với Sử quân, các viên quan, chức sắc, các tăng, ni, đạo, tục, cùng gặp nhau tại hội này. Nếu chẳng phải bởi duyên phần nơi lũy kiếp, thì trong đời quá khứ, các người đã có cúng dường chư Phật, đồng có trồng cội lành, nên mới được nghe pháp Đốn giáo nói trên và nhưn duyên đặc pháp của ta. Pháp Đốn giáo nguyên của các vị Thánh đời trước truyền lại, chớ chẳng do Huệ Năng này tự hiểu. Muốn nghe giáo pháp của các vị Thánh đời trước, thì mỗi người phải lều lều cho trong sạch. Nghe

**rồi phải tự bỏ các điều nghi hoặc thì đồng chứng quả như các Thánh
nhơn đời trước."**

Chúng nhơn nghe pháp đều vui mừng, đồng làm lễ lui ra.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói:

–Tôi ở núi Bằng Mậu Hoàng Mai sau khi đắc pháp, gặp phải vô vàn gian nan cực khổ, tự nạn khắp nơi, mạng sống giống như sợi chỉ mảnh treo chuông. Nay được vinh hạnh cùng với Thứ sử Vi Cừ và các viên quan, Tăng Ni đạo tục tụ hội nơi giảng đường này. Đây là nhân duyên nhiều kiếp nhiều đời của chúng ta tạo thành, cũng là nhiều kiếp về trước cúng dường Chư Phật, cùng nhau gieo trồng thiện căn, mới có thể nghe được pháp môn đốn giáo của các vị Thánh đời trước thuyết ra, và nhân duyên mà tôi được đắc pháp.

Giáo pháp là do Chư Phật Bồ Tát quá khứ truyền lưu cho người sau, không phải là trí huệ của Huệ Năng tôi. Các ông nếu muốn nghe những giáo lý mà Chư Phật nói, trước tiên cần phải thanh tịnh tâm ý của mình. Sau khi nghe pháp, mỗi người tự mình bỏ đi lòng hoài nghi, giống như nghe Phật và Bồ Tát giảng pháp.

Đại chúng nghe Lục Tổ chỉ dạy đều vui mừng đánh lễ mà lui.

---o0o---

Phẩm Bát Nhã Đệ Nhị

Qua ngày kể, Vi Thứ sử lại xin Đại sư giảng nữa.

Đại sư lên tòa giảng, bảo đại chúng rằng: "Các người phải tịnh tâm mà niệm Ma ha Bát nhã Ba la mật đa."

Giảng:

Bát nhã là tiếng Phạn, dịch là trí huệ, có ba nghĩa: Văn tự Bát nhã, Quán chiếu Bát nhã, Thực tướng Bát nhã. Vì Bát nhã có đầy đủ ba loại ý nghĩa, cho nên tôn trọng mà để nguyên âm tiếng Phạn không dịch nghĩa. Đại sư giảng về nhân duyên của Bát nhã, là theo lời yêu cầu của đại chúng.

Hôm sau, Thứ sử Vi Cừ thỉnh cầu Lục Tổ giảng Phật pháp, vì thế Lục Tổ Đại sư bèn lên tòa giảng mà tuyên thị đại chúng:

–Quý vị nay phải thanh tịnh tâm niệm, không nên vọng tưởng, cần phải nhất tâm nghe pháp, đầu tiên hãy niệm Ma ha Bát nhã Ba la mật đa.

*

Ngài lại dạy rằng: "Này Chư Thiện tri thức! Cái trí Bồ đề Bát nhã, người thế gian vốn tự có, nhưng bởi tâm mê, nên chẳng tự ngộ được. Phải cầu bực đại Thiện tri thức chỉ dẫn cho mới thấy tánh. Phải biết rằng dầu kẻ ngu hay người trí cũng đồng có Phật tánh giống nhau không khác. Nhưng bởi tâm mê ngộ chẳng đồng mới có kẻ ngu người trí. Vì đó nên nay ta mới nói pháp Ma ha Bát nhã Ba la mật, khiến cho mọi người đều đặn trí huệ. Hãy chú ý mà nghe cho rõ, ta vì đại chúng mà nói pháp đây."

Chư Thiện tri thức! Người thế gian suốt ngày miệng niệm Bát nhã, mà chẳng biết Bát nhã trong tánh mình, cũng như nói ăn mà chẳng no. Miệng chỉ nói "không" thì muôn kiếp cũng chẳng thấy tánh đặn, rốt cuộc không ích gì.

Chư Thiện tri thức! Ma ha Bát nhã Ba la mật là tiếng Phạn, có nghĩa là đại trí huệ đáo bỉ ngạn. Ấy là do nơi tâm làm, chứ chẳng phải do nơi miệng niệm. Miệng niệm và tâm làm theo, thì tâm và miệng hiệp nhau. Bốn tánh là Phật, là tánh thì không có Phật nào khác.

Giảng:

Đại sư nói:

–Quý vị Thiện tri thức! Trí huệ của đạo giác ngộ, người đời vốn có đủ, ở Phật không nhiều một chút, ở chúng sanh cũng không thiếu một chút. Nhưng vì chấp trước, "mê tức là không giác ngộ, không giác ngộ tức là chấp trước." Vì không thể tự mình ngộ được, cho nên phải nương vào vị Minh nhãn Thiện tri thức, vì vị này đã thâm nhập Thật tướng của các pháp, cho nên có thể chỉ dẫn, khiến cho các ông được minh tâm kiến tánh. Các ông cần nên biết, bất luận là người ngu hay người trí, Phật tánh đều không có sự sai khác. Vì có sự khác nhau giữa mê và ngộ cho nên mới có người ngu và người trí. Tôi nay vì các ông thuyết Ma ha Bát nhã Ba la mật pháp, khiến cho các ông mỗi người đều đắc trí huệ vốn có của chính mình. Nay các ông cần phải chuyên tâm một lòng lắng nghe, tôi sẽ vì các ông thuyết pháp.

Quý vị Thiện tri thức! Người đời mỗi ngày miệng niệm "Bát nhã Bát nhã," mà không nhận thức được bản tánh Bát nhã, trí huệ vốn có của mình. Cũng như từ sáng đến tối niệm thực đơn, nhưng không thể no bụng. Miệng tụng "Bát nhã chính là không," mà tự mình không thực hành, thì dù có trải qua trăm ngàn đại kiếp cũng không có thể nhìn thấy bốn tánh Bát nhã, rất ráo cũng không có lợi ích gì.

Quý vị Thiện tri thức! Ma ha Bát nhã Ba la mật là tiếng Phạn, Hoa văn dịch là đại trí huệ đáo bỉ ngạn. Ma ha có nghĩa là lớn, Bát nhã là trí huệ, Ba la mật là đáo bỉ ngạn. Pháp này yêu cầu tâm của các ông phải buông bỏ,

không phải miệng niệm mà phải từ nội tâm nhìn thấu suốt vạn pháp, thấy cái gì cũng không, từ đó mới đạt được sự ích lợi. Nếu chỉ có miệng niệm Bát nhã, mà nội tâm không chiếu theo trí huệ Bát nhã mà tu hành; nếu vẫn còn vô minh, chính là tâm không chân thực tu hành, giống như hư vọng huyền hóa, như sương, như ánh chớp, cuối cùng cũng không đạt được cảnh giới này.

Miệng niệm tâm hành Bát nhã, mới là ý nghĩ và việc làm tương ứng khế hợp, từ đó có thể nhìn thấy tự tánh, chính là Phật, vì bốn tánh chính là Phật. Tự tánh là chân Phật, nếu tách rời tự tánh thì không có Phật. Cho nên Phật giáo dạy rằng: "Mọi người đều có thể thành Phật." Chỉ cần các ông tu hành, tức tu hành tự tánh, hồi quang phản chiếu, quay trở về tìm nơi chính mình, không nên giông ruổi tìm cầu bên ngoài thì nhất định sẽ thành Phật.

*

Sao gọi là Ma ha? Ma ha nghĩa là lớn, tâm lượng rộng lớn cũng như hư không, không có bờ mé, cũng chẳng phải vuông tròn lớn nhỏ, cũng chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, cũng không trên dưới dài ngắn, cũng không giận không mừng, không phải không quấy, không lành không dữ, không có đầu đuôi. Các cõi Phật thấy đều như hư không. Cái diệu tánh của người thế gian vốn là trống không, chẳng có một pháp gì trong đó mà tìm đặng. Cái tự tánh Chơn không cũng giống như thế.

Chư Thiện tri thức! Chớ nghe ta nói "không" mà liền chấp "không." Nếu để tâm trống không mà ngồi yên lặng, tức là chấp cái "vô ký không."

Giảng:

Ma ha có nghĩa là gì? Ma ha dịch là lớn (đại). Cái gì gọi là lớn? Tâm người lớn như hư không, giống như tâm muốn đến mặt trăng bèn phát minh hóa

tiền. Cho nên nói Tâm vô biên tế, vô hạn lượng, tâm không có vuông tròn, không có lớn nhỏ. Tâm vô hình, lớn thì không có gì ở ngoài nó, nhỏ thì không có gì ở trong nó. Tâm lượng cũng không có sự biểu hiện của màu sắc xanh vàng đen trắng, cũng không có trên dưới dài ngắn. Tự tánh vốn không sân không giận, cũng không mừng không vui, tự tánh là trung đạo; cũng không đúng cũng không sai, nếu có đúng có sai thì không phải chân tâm của các ông. Không có thiện tâm sở hoặc ác tâm sở (cho nên Lục Tổ Đại sư khai thị Huệ Minh rằng: "Không nghĩ thiện không nghĩ ác"), tâm cũng không có đầu có đuôi. Cảnh giới của Chư Phật cũng giống như hư không. Diệu tánh của chúng ta vốn là không, không có một pháp khả đắc, cho nên nói Tự tánh như hư không, chân vọng đều ở trong, ngộ triệt bốn lai thế, một cái thông tất cả đều thông, tự tánh Chân không giống như đạo lý trên đây tôi vừa nói.

Quý vị Thiện tri thức! Không nên nghe tôi nói không, liền chấp vào không. Điều quan trọng nhất là không được chấp vào không. Nếu các ông nói tất cả là không, tâm không thân cũng không, thế giới cũng không, như thế ngời thiên sẽ lạc vào vô ký không. Vô ký không thì giống như người đã chết rồi, cái gì cũng không biết, tuy là người sống nhưng vừa ngời thiên là giống như chết. Chúng ta tu đạo cần phải biết trong cái Chân không có cái Diệu hữu, không phải cái gì cũng không biết. Cái gì cần biết, cái gì không cần biết, phải sáng suốt nhận định rõ ràng; giống như đạo lý "tâm thanh nước hiện bóng trăng, định tâm định ý bóng mây không còn."

*

Chư Thiện tri thức! Thế giới tuy là trống không, mà có thể bao hàm muôn vật. Tất cả các sắc tượng: mặt nhật, mặt nguyệt, tinh, tú, núi, sông, đất bằng, nguồn, suối, khe, rãnh, cỏ, cây, rừng, bụi, kẻ dữ, người lành, việc dữ, việc lành, thiên đàng, địa ngục, tất cả biển lớn, các núi Tu-di, nhất thiết đều ở trong cái "không." Cái tánh trống không của người thế gian cũng giống như thế.

Chư Thiện tri thức! Tự tánh có thể bao hàm hết muôn pháp, ấy gọi là lớn. Muôn pháp đều ở trong tự tánh mỗi người. Nếu thấy cả thấy các điều dữ cùng các điều lành của người, mà chẳng chấp chẳng bỏ, cũng không nhiễm vương, không dính níu, lòng như hư không, ấy gọi là lớn, cho nên gọi là Ma ha.

Giảng:

Thế giới hư không có thể bao hàm vạn hữu, muôn loài muôn sắc, tất cả hình tướng đều có thể bao gồm vào trong – Nhứt nguyệt tinh tú, sơn hà đại địa, suối khe sông ngòi, thảo mộc tùng lâm, ác nhân thiện nhân, nhất loạt đều tiếp nhận mọi điều hay dở. Hư không sẽ không nói: "Người là kẻ ác, ta đuổi đi không cho ở. Còn ông là người hiền lương, rất hoan nghênh ông đến ở chỗ tôi." Hư không không có phân biệt như vậy. Hư không có thể bao hàm thiện pháp, ác pháp, thiên đường, địa ngục, tất cả biển to núi lớn, đều ở trong hư không. Tự tánh của người cũng giống như hư không, có thể bao hàm vạn hữu.

Quý vị Thiện tri thức! Bốn tánh của chính mình có thể bao hàm cả vạn pháp, đây gọi là lớn. Vạn pháp đều ở trong tự tánh, vì thế cho nên đối với tất cả mọi người, bất luận là người tốt hay xấu đều không nên có tâm niệm phân biệt hoan hỷ hay ghét bỏ. Tôi thường nói với các ông rằng: Người xấu cũng có một ngày nào đó trở thành người tốt. Hy vọng một ngày nào đó họ có thể giác ngộ mà sửa đổi. Tôi có rất nhiều đệ tử không biết nghe lời, dạy nó đi về hướng Nam thì nó nhất quyết đi về hướng Bắc. Tuy nó không nghe lời, tôi vẫn nhẫn nại đợi chờ, vì tôi biết có một ngày nó sẽ biết nghe lời.

Tất cả thiện ác đều ở trong tự tánh, vì thế không chấp chặt cũng không xả bỏ, cũng không nhiễm trước cảnh giới thiện hay ác. Nhiễm trước cũng chính là có sự phân biệt mà chấp chặt hay xả bỏ. Tâm lượng giống như hư không, cho nên gọi là "lớn." Điều này chính là ý nghĩa của Ma ha.

*

Chư Thiện tri thức! Kẻ mê miệng nói, người trí lòng làm. Lại có người mê để lòng trống không, ngồi yên lặng chẳng nghĩ đến việc gì mà nói chính đây là "lớn." Với hạng người ấy, không thể nói gì được, vì họ bị sa vào lưới tà kiến.

Chư Thiện tri thức! Cái tâm lượng thiết là rộng lớn, châu biến cả thủy Pháp giới, dùng nó liền hiểu rõ ràng. Cái tâm lượng khi ứng dụng ra, thì biết hết thủy cả sự vật. Cả thủy tức quy về một, một tức gồm hết cả thủy, tới lui thông thả, tâm thể suốt thông, không ngưng trệ, tức là Bát nhã vậy.

Giảng:

Người mê chỉ biết miệng nói mà không biết thực hành, người có trí huệ chân chánh thân hành thực tiễn mà không tu khẩu đầu thiền. Lại nữa, người mê để tâm không ngồi thiền, cái gì cũng không nghĩ đến mà nói đây chính là "lớn." Những người này đã lạc vào ngoan không, không nên cùng với họ giao lưu tiếp chuyện, vì họ là tà tri tà kiến, không phải là chánh tri chánh kiến, cho nên không cần để ý đến họ.

Đại sư lại nói:

–Quý vị đều là người có trí huệ. Tâm lượng quảng đại rộng khắp pháp giới, mà pháp giới thì không có gì không bao hàm. Tâm dụng rõ ràng sáng suốt, như gương soi vạn vật, vật đến thì chiếu, vật đi thì không; ứng dụng của nó là biết tất cả, biết tất cả tức là một, một tức là tất cả. Nó biết tự tánh có thể sanh vạn pháp, vạn pháp quy về tự tánh, tự tánh đến đi tự do. Bản thể của tâm thông suốt, không có ngưng trệ, không có cái gì không thông, chính là minh bạch tất cả, không phải ngu mê, đó chính là Bát nhã.

*

Chư Thiện tri thức! Cả thầy trí Bát nhã đều do trong tánh mình mà sanh, chớ chẳng phải do nơi ngoài mà vào. Chớ dùng lầm cái ý thức. Ấy gọi là Chân tánh tự dụng.

Một chân thì tất cả chân. Tâm lượng thì rộng lớn, nó chẳng theo con đường nhỏ đâu. Miệng đừng trọn ngày nói "không" mà trong lòng chẳng tu hạnh ấy. Cũng như người phạm tự xưng mình là quốc vương, mà rốt cuộc chẳng đạt được gì. Hạng người ấy chẳng phải là đệ tử của ta.

Giảng:

Quý vị Thiện tri thức! Nhứt thiết Bát nhã đều từ tự tánh mà sanh, không phải từ bên ngoài sanh ra, không nên giong ruổi bên ngoài tìm cầu. Cho nên, chớ dùng lầm cái tâm ý, điều này gọi là chân chánh tự dụng. Một chân thì tất cả đều chân. Tâm lượng quảng đại, nó không chịu đi theo con đường nhỏ đâu. Lục Tổ Đại sư sợ có người chấp trước vào "không" cho nên lại nói:

–Các ông không nên suốt ngày nói "Không! Không! Bát nhã! Bát nhã!" mà tâm không tu hạnh Bát nhã này. Điều này giống như người dân thường tự phong mình làm Quốc vương. Loại người này cuối cùng không đạt đến tự tánh, cũng không phải là đồ đệ của ta, vì không nghe lời ta dạy bảo. Dạy nó không nên chấp không, nó cứ chấp không; dạy nó không được chấp có, nó cứ chấp có; dạy nó không nên có lòng dâm dục, nó không đoạn tâm dâm dục. Nó nói: "Không hề gì, từ từ mà sửa đổi." Loại người này không phải là đệ tử của ta.

*

Chư Thiện tri thức! Sao gọi là Bát nhã? Nhà Đường gọi Bát nhã là trí huệ. Cả thầy các chỗ các nơi, trong cả thầy thời gian, niệm niệm chẳng

ngu muội, thường tu hạnh trí huệ, tức là hạnh Bát nhã. Một niệm ngu muội tức là Bát nhã tuyệt. Một niệm trí huệ tức là Bát nhã sanh. Người thế gian mê muội, chẳng thấy Bát nhã. Miệng nói Bát nhã, mà trong lòng thường ngu muội. Thường tự nói ta tu hạnh Bát nhã, niệm niệm nói "không" mà chẳng biết Chân không. Bát nhã không hình tướng, ấy là trí huệ tâm. Thiệt có hiểu rõ như thế, mới chính là trí Bát nhã.

Giảng:

Cái gì gọi là Bát nhã? Bát nhã là Phạm ngữ, đời Đường Trung Quốc dịch là trí huệ. Tại mọi nơi, bất cứ lúc nào, niệm niệm sáng suốt, niệm niệm không mê, niệm niệm không vô minh, thường dùng trí huệ xử lý mọi việc, đó chính là tu hạnh trí huệ. Nếu một niệm ngu si, Bát nhã sẽ đoạn tuyệt. Đoạn tuyệt này là ví dụ, chớ trí huệ chân chánh hoàn toàn không đoạn tuyệt, vì trí huệ chân chánh bất sanh bất diệt, làm sao có thể đoạn tuyệt được? Ý nói lúc mê muội, Bát nhã không hiện tiền. Nếu không mê muội, không ngu si, lúc đó Bát nhã sanh khởi. Ví dụ có người nói uống rượu hút thuốc là không tốt, dùng LSD, dùng ma túy là không nên, nhưng quý vị không tin, đó gọi là Bát nhã đoạn tuyệt. Người có trí huệ thì phải làm sao? Nếu nghe nói rằng uống rượu, hút thuốc, hút á phiện là điều không tốt, người trí bèn nhanh chóng sửa đổi, đó gọi là Bát nhã sanh. Người ngu si biết rõ ràng đó là điều không đúng nhưng vẫn cứ muốn thử.

Người thế gian rất ngu, không chỉ một người mà là rất nhiều người đều ngu si, họ tự mình không biết Bát nhã, miệng thường nói trí huệ, mà tâm thường làm những việc ngu muội. Điều không nên làm mà họ vẫn cứ làm. Họ thường nói tôi tu hành trí huệ, mỗi niệm đều nói: "không" chính là Bát nhã.

Bát nhã có hai mươi loại không môn, cần phải "không" tất cả. Nhưng họ không biết cái không chân chánh, tuy hiểu một chút Kinh điển, biết trì một vài câu chú, tụng vài câu Kinh, nhưng tật xấu của mình lại không sửa đổi, đó chính là khẩu đầu thiên. Hằng ngày nói "không" mà không biết sửa đổi

tật xấu của mình. Chân không có nghĩa là phải làm cho vô minh, tập khí tật xấu của mình hoàn toàn đều không không, cần phải không tất cả những hành vi ngu muội không sáng suốt.

Bát nhã không có hình tướng, không dài ngắn vuông tròn, hoặc xanh vàng đỏ trắng. Tâm không có vô minh, thường sanh trí huệ, trí huệ là rõ ràng sáng suốt, có thể biết pháp đúng pháp sai. Quý vị nếu có kiến giải như thế, đó mới chính là Bát nhã trí.

*

Sao gọi là Ba la mật? Ấy là tiếng Tây Thiên Trúc, nhà Đường gọi là Đáo bỉ ngạn, nghĩa là khỏi sự sanh diệt. Tâm dính cảnh, thì sự sanh diệt dấy lên, như nước nổi sóng, tức là thử ngạn (bờ bên này). Còn tâm lìa cảnh, thì không có sự sanh diệt, như nước thường lưu thông, tức gọi là bỉ ngạn (bờ bên kia). Cho nên gọi là Ba la mật.

Giảng:

Ba la mật là tiếng Ấn Độ, Trung Quốc dịch là Đáo bỉ ngạn (đến bờ kia). Nếu giải thích rõ ràng chính là tách rời sanh diệt, không còn sanh diệt nữa. Cái gì gọi là "bỉ ngạn? " Bỉ ngạn là đối với thử ngạn (bờ bên này). Thử ngạn chính là sanh tử, bỉ ngạn là Niết Bàn. Giữa sanh tử và Niết Bàn phải trải qua cái gì? Trải qua biển lớn phiền não. Phiền não như biển cả, vì có phiền não cho nên có sanh tử. Nếu đoạn trừ phiền não, thì sanh tử chính là Niết Bàn, Niết Bàn chính là sanh tử. Nếu không có phiền não, có sanh tử cũng chính là không có sanh tử. Chúng ta tại sao phải chịu sanh tử? Chính vì có phiền não. Tại sao có phiền não? Chính là vô minh. Nhưng cái gì gọi là vô minh? Chính là những gì quý vị không hiểu rõ; nếu hiểu rõ quý vị đã có sự sáng suốt, đây chính là Bát nhã.

Nếu chấp cảnh giới, thì có sanh diệt. Niết Bàn giống như nước, vốn không có sóng, nhưng khi có gió liền có sóng. Gió tức vô minh, sóng tức phiền não. Nếu không chấp cảnh giống như nước không sóng, nếu không sóng sẽ đoạn tuyệt sanh tử; đây chính là chỗ chúng ta phải nên dụng công. Quý vị nói tâm có rất nhiều tạp niệm, tạp niệm chính là sóng. Nếu không có sóng, sanh diệt sẽ đoạn trừ. Sanh diệt không có, sanh tử cũng kết thúc. Có sanh diệt gọi là thử ngạn. Ly khai cảnh giới tức không sanh diệt, giống như nước thường trôi chảy không ngừng, tức trí huệ quang minh chiếu khắp, gọi là bỉ ngạn, cho nên gọi là Ba la mật. Đoạn kinh văn này rất thực dụng, nếu quý vị ra công nghiên cứu kỹ càng thì có thể dùng suốt đời.

*

Chư Thiện tri thức! Người mê muội, thì lúc niệm niệm Bát nhã mà tâm còn vọng động, tư tưởng điều quấy. Nếu niệm niệm tâm thường hành Bát nhã, thì mới gọi là Chân tánh. Biết rõ pháp ấy, thì hiểu pháp Bát nhã. Tu hạnh ấy là tu hạnh Bát nhã. Không tu hạnh ấy tức là phạm tục. Một niệm tu hành, thì thân mình đồng như Phật.

Giảng:

Người mê chỉ biết dùng niệm niệm thì lúc niệm trong tâm lại có vọng niệm và sanh những niệm không chánh đáng. Nếu khi niệm đều y theo Bát nhã mà tu hành, tức không làm những việc ngu muội. Đó chính là y theo chân tánh của mình mà tu hành. Nếu hiểu rõ pháp này, chính là Bát nhã pháp. Bát nhã chính là không ngu si, không làm những việc mê muội. Việc mê muội có rất nhiều rất nhiều. Đó chính là những việc vốn không nên làm mà quý vị vẫn làm, nghiêm trọng như là tâm dâm dục, vốn không nên làm, nhưng vì mê muội đến, không những quên mất Bát nhã, mà Ba la mật cũng quên luôn, cứ làm theo ý mình, buông lung theo dục tình. Phạm phu chỉ thích làm những việc mê muội mà không chịu tu Bát nhã pháp. Không làm việc ngu si chính là Bát nhã hạnh. Quý vị không tu Bát nhã hạnh, chính là

phàm phu; nếu tu Bát nhã hạnh – tức đoạn dục khử ái, thì thân mình và Phật giống nhau.

*

Chư Thiện tri thức! Phàm phu tức là Phật, phiền não tức là Bồ đề. Niệm trước mê muội tức là phàm phu, niệm sau giác ngộ tức là Phật. Niệm trước vướng cảnh tức là phiền não, niệm sau lìa cảnh tức là Bồ đề.

Giảng:

Phàm phu chính là Phật, mà Phật chính là từ phàm phu tu thành. Vì Phật lúc trước tu Bát nhã pháp, cho nên thành Phật. Còn chúng ta tại sao vẫn là phàm phu? Vì không tu Bát nhã pháp, không tu Bát nhã hạnh, cho nên tánh đời thành tình, tình biến thành dục, cuối cùng không thể thoát ra khỏi vòng ái dục vô minh. Nếu có thể đem lòng dục quy trở về bốn tánh, không giao động, không bị vô minh chuyển, đó chính là Phật. Phiền não là Bồ đề, nếu không có phiền não thì cũng không có Bồ đề.

Có người nói:

–Vậy thì không cần phải diệt trừ phiền não, cứ để cho nó ở đó!

Nếu để nó ở đó thì phiền não vẫn là phiền não. Quý vị cần phải dùng phương pháp khoa học thực nghiệm. Thực nghiệm như thế nào? Chính là phản bốn hoàn nguyên. Ví dụ lòng bàn tay và lưng bàn tay, lòng bàn tay là phiền não, lưng bàn tay là Bồ đề, chỉ cần lật ngược lại tức là phiền não hay Bồ đề, không có nhiều cũng không có ít, chỉ khác một chút như vậy – vừa lật qua lại, thì phiền não biến thành Bồ đề. Tôi thường nói:

Phiền não Bồ-đề bằng là nước,

Sanh tử Niết-bàn pháp tức không.

Nếu quý vị hiểu rõ thì nhân pháp đều không, nếu không hiểu thì vẫn còn pháp chấp.

Niệm trước ngu si chính là phàm phu, niệm sau khai ngộ trí huệ chính là Phật. Niệm trước chấp vào cảnh chính là phiền não. Nếu quý vị nói chỗ này là thành phố Cự Kim Sơn, nó không giống thành phố Nữ Ước, kỳ thực nó đều là những thành phố lớn. Nếu quý vị nói thành phố Cự Kim Sơn không có tuyết, Nữ Ước có tuyết, đó chỉ là tâm phân biệt gây ra sai lầm! Nếu quý vị không có tâm phân biệt như thế thì cũng không có nhiều phiền não như vậy. Cho nên nói: "Niệm trước dính mắc cảnh giới chính là phiền não, niệm sau ly khai cảnh giới chính là Bồ đề." Nếu phân biệt thành phố Cự Kim Sơn và Nữ Ước không giống nhau liền có phiền não. Nếu biết thành phố Cự Kim Sơn và Nữ Ước đều là không, phân biệt nó làm gì? Không phân biệt tức là Bồ đề.

Nói thì rất dễ, nhưng thực tế không sanh tâm phân biệt là một việc rất khó. Nếu thấu rõ được cảnh giới này thì không có nhà, cũng không có quốc gia, cái gì cũng không có, đây chính là Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm màø cũng gọi là "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ thân." Quý vị có thể hiện thân đến bất cứ địa phương nào mà không có bất cứ sự chướng ngại nào, quý vị xem điều này tuyệt diệu không? Chỗ này chính là Bồ đề, quý vị hà tất phải than thở? Nếu quý vị có thể được như vậy thì là như vậy (như thị); còn nếu chưa thể đạt đến cảnh giới đó, thì từ từ luyện tập. Cho nên nói: "Tánh định ma phục triêu triêu lạc, vọng niệm bất khởi xứ xứ an." Nếu tâm tánh đã định, không còn nhiều vọng tưởng, thì ngày ngày giờ giờ đều an lạc. Vọng niệm không khởi thì nơi nơi chốn chốn đều an vui. Tại sao quý vị cảm thấy không an lạc? Tại vì có vọng niệm, nếu không vọng niệm thì khắp nơi mọi lúc đều là Thế giới Cực Lạc.

*

Chư Thiện tri thức! Pháp Ma ha Bát nhã Ba la mật là rất tôn quý, rất cao thượng, cao hơn hết các pháp, không trụ vào chỗ nào, không qua cũng không lại, tất cả chư Phật ba đời đều do trong Pháp ấy mà ra.

Các vị phải dùng đại trí huệ mà phá tan năm uẩn và các sự phiền não trần lao. Tu hành như thế ấy, chắc là thành Phật đạo. Phải đối ba độc thành Giới, Định, Huệ.

Giảng:

Đại sư lại nói:

–Chư Thiện tri thức! Tự tánh của các ông đều có vô lượng trí huệ, tự tánh của các ông vốn đầy đủ Ma ha Bát nhã Ba la mật, không cần phải giông ruổi bên ngoài để tìm cầu, pháp này là tối tôn cao thượng đệ nhất. Tự tánh Bát nhã không chấp vào chỗ trụ, cũng không đến, cũng không đi. Chư Phật đời vị lai, đời quá khứ, đời hiện tại đều sanh ra từ pháp tối tôn tối cao đệ nhất này. Các ông cần phải dùng đại trí huệ của mình đập tan trần lao ngũ uẩn, nếu dùng tiểu trí huệ thì đập không vỡ sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nếu không thể xem ngũ uẩn phiền não là không, thì không thể đoạn trần lao, cho nên muốn có Bát nhã chân chánh, cần phải chiếu kiến ngũ uẩn giai không. Cho nên Tâm Kinh nói: "Quán tự tại Bồ tát hành thâm Bát nhã mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không." Quý vị xem Quán tự tại Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba la mật, cần phải đa thời! Thời gian ít sẽ chiếu không nổi ngũ uẩn đều không mà trừ phiền não trần lao. Nếu quý vị có thể tu hành như vậy nhất định có thể thành Phật đạo. Nay xem quý vị có muốn biến tham sân si thành giới định huệ hay không. Biến tức là Bát nhã, không biến tức là ngu si.

*

Chư Thiện tri thức! Pháp môn của ta đây do một pháp Bát nhã mà sanh ra tám muôn bốn ngàn trí huệ. Bởi có sao? Vì người thế gian có tám muôn bốn ngàn trần lao. Nếu không có trần lao, thì trí huệ thường hiện ra, nhưng nó chẳng là tự tánh. Hiểu rõ pháp này, thì không có vọng niệm, không hồi ức, không dính cảnh, không sanh điều giả dối. Dùng tánh Chơn như của mình, lấy trí huệ mà chiếu soi, đối với tất cả các pháp không giữ không bỏ, tức là thấy tánh, là thành Phật đạo vậy.

Chư Thiện tri thức! Muốn vào Pháp giới cao thâm cùng trí Bát nhã tam-muội, thì phải tu hạnh Bát nhã. Phải trì tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã, tức đặng kiến tánh.

Giảng:

Quý vị Thiện tri thức! Pháp môn này của tôi, từ một loại Bát nhã mà sanh vô lượng Bát nhã, từ một loại Bát nhã mà sanh tám vạn bốn ngàn trí huệ. Tại sao cần phải có tám vạn bốn ngàn trí huệ? Vì người đời có tám vạn bốn ngàn trần lao. Nếu đem trần lao biến đổi qua tức chính là Bát nhã. Nếu đem trần lao biến đi, thì trí huệ hiện tiền, nhưng trí huệ Bát nhã không rời tự tánh. Quý vị hiểu rõ pháp này, chính là vô sở niệm, vô sở hồi ức (không hoài nhớ chuyện cũ), cũng không chấp trước, cho nên không có một chút cuống vọng, lừa dối. Dùng chân như tự tánh của chính mình, dùng trí huệ quán chiếu tất cả vạn pháp, không dùng thức tâm, phân biệt tâm mà quan sát, không chấp không xả, đó chính là kiến tánh thành Phật đạo.

Nếu quý vị muốn thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải, được thắm nhuần diệu pháp và diệu định Bát nhã, cần phải tu hạnh Bát nhã, tụng niệm Kinh Kim Cang. Lục Tổ Đại sư từ Kinh Kim Cang mà khai ngộ, cho nên Ngài chủ trương mọi người cần phải niệm Kinh Kim Cang. Cần phải thọ trì tụng niệm không được quên. Nếu siêng năng tụng Kinh Kim Cang, thì có thể kiến tánh.

Tụng kinh, điều quan trọng là không được vọng tưởng, không được sanh các loại tạp niệm. Trước kia có một người mỗi ngày đều tụng Kinh Kim Cang, ngày nọ nằm mộng, mơ thấy một con quỷ thỉnh ông ta tụng kinh siêu độ cho nó, giống như chúng ta mỗi năm vào ngày rằm tháng bảy siêu độ cho Cha Mẹ trong quá khứ vậy. Người đó bèn hỏi quỷ cần phải tụng bao nhiêu kinh? Quỷ nói: "Chỉ tụng một quyển kinh là được rồi." Người này hôm sau bèn bắt đầu tụng, lúc tụng đến một nửa, người hầu của ông ta đưa đến một tách trà, ông ta khoát tay trong tâm nói "không cần" rồi tiếp tục niệm kinh. Tối đó quỷ lại đến nói: "Ông đã hứa tụng kinh cho tôi, nhưng sao chỉ tụng có một nửa, còn một nửa chưa tụng?"

Người này trả lời:

–Rõ ràng tôi đã tụng cho người một quyển kinh rồi.

Quỷ nói:

–Đúng là ông tụng một quyển kinh, nhưng giữa chừng có hai chữ "không cần," là không cần công đức tụng kinh nửa phần sau, vì thế tụng kinh nửa phần sau không có công đức.

Người này nghĩ rằng: "Tôi không cần trà, không phải không cần kinh. Nhưng lúc tụng kinh nghĩ đến hai chữ không cần, quỷ thần cho rằng mình không cần công đức. Đại khái công đức tụng kinh bị quỷ thần tự lấy đi hết rồi. Sau đó người này nói: "Được rồi, tôi sẽ tụng cho người một quyển kinh nữa." Ngay đêm hôm đó, quỷ này hoan hỷ khấu đầu đánh lễ ông ta, cảm ơn ông ta đã giúp đỡ tụng kinh siêu độ mình.

Cho nên quý vị tụng Kinh Kim Cang không nên có tạp niệm thêm vào hai chữ "không cần", thí dụ như: "Tu Bồ Đề, không cần," thì Ngài Tu Bồ Đề liền chạy mất. Tụng Kinh Kim Cang có cảm ứng rất lớn, có thể kiến tánh.

Phải biết công đức của kinh ấy thiệt là vô lượng vô biên. Những lời khen ngợi trong kinh rất rõ ràng, không thể nói ra hết được. Pháp môn ấy là pháp tối thượng thừa, vì người đại trí, vì người thượng căn mà nói. Các người tiểu căn tiểu trí nghe pháp môn ấy, lòng nghi ngờ chẳng tin là bởi cố sao? Tỷ như các vị Thiên Thần và Long Thần làm mưa xuống cõi Diêm-phù-đề, thì tất cả thành, ấp, làng, xóm, đều nổi trôi như lá táo. Còn nếu mưa xuống biển cả, thì thấy chẳng thêm chẳng bớt. Cũng như người Đại thừa người tối thượng thừa nghe Kinh Kim Cang, thì tâm liền khai ngộ. Thế nên biết rằng Bốn tánh tự nó có trí Bát nhã. Bởi Bốn tánh mình lấy trí huệ sáng soi, cho nên chẳng cần dùng văn tự. Tỷ như nước mưa chẳng phải do trời làm mà có, nguyên bởi sức rồng dấy động mà sanh ra, khiến cho cả thủy loài hữu tình, các loài vô tình, tất cả đều được thấm nhuần. Cả thủy sông ngòi đều chảy vào biển cả, hiệp làm một thể. Cái trí Bát nhã của Bốn tánh chúng sanh cũng giống như thế.

Giảng:

Quý vị cần phải biết công đức của Kinh Kim Cang vô lượng vô biên. Trong kinh tán thán công đức thù thắng của Kinh Kim Cang rất rõ ràng, tôi nay không cần nói nhiều. Kinh Kim Cang này là pháp môn tối thượng thừa, thuyết cho người đại trí huệ, thuyết cho người có đầy đủ thiện căn. Người kém thiện căn, kẻ ít trí huệ nghe đến Kinh này, tâm không tin mà nói rằng: "Tụng Kinh có chỗ nào hay. Các ông không ăn cơm xem có thể sống được không?" Tại sao họ không tin? Giống như rồng trên trời giáng mưa xuống cõi Diêm phù đề, vì mưa to, thành quách thôn ấp đều bị chìm trong dòng nước lớn, ngọn cỏ lá cây bị cuốn trôi đi. Nếu như mưa rơi ngoài biển lớn thì không tăng không giảm. Người kém căn ít trí cũng giống như ngọn cỏ lá cây, có mưa lớn thì sẽ bị úng chết, vì họ không tin tưởng pháp đại thừa.

Nếu người có căn tánh đại thừa, nghe thuyết Kinh Kim Cang, tâm tức khai ngộ, hiểu rõ Bát nhã vốn tự tánh đầy đủ. Những người này thường dùng trí huệ của chính mình quán chiếu, cho nên không nhất định cần phải học cho thật cao mới có thể nhận thức trí huệ Bát nhã. Giống như nước mưa, không phải từ trên trời sẵn có, mà là rồng làm mây giáng mưa, khiến cho mọi loài chúng sanh, thảo mộc, hữu tình vô tình, đều được nước mưa thấm ướt mà sanh sôi nảy nở. Tất cả suối khe sông ngòi đều chảy về biển lớn, hợp thành nhất thể. Trí huệ Bát nhã của chúng sanh cũng giống như mưa rơi ngoài biển lớn. Biển chính là bản tánh trí huệ của mỗi người chúng ta, bất luận mưa bao nhiêu, nó cũng không tăng không giảm. Cho nên nói: "Phật pháp như biển lớn, chỉ có lòng tin mới có thể vào, chỉ có trí huệ mới có thể độ," nếu không có trí huệ thì không dễ dàng vào được biển cả mênh mông bao la.

*

Chư Thiện tri thức! Người tiểu căn nghe pháp Đốn giáo này ắt là điên đảo. Cũng như loài cỏ cây gốc rễ nhỏ yếu, nếu bị một trận mưa to, chắc đều ngã rạp, không thể lớn lên được. Nguyên người tiểu căn có trí Bát nhã cũng như người đại trí, không có chỗ gì khác. Nhưng bởi cố sao họ nghe pháp, mà tâm chẳng mở mang tỏ sáng? Vì bởi nghiệp chướng của tà kiến còn nặng, cái gốc rễ của sự phiền não còn thâm sâu. Cũng như một đám mây lớn che ám mặt trời, nếu chẳng được luồng gió thổi, thì ánh sáng mặt trời không hiện ra được.

Cái trí Bát nhã vốn không lớn nhỏ, chỉ vì cái tự tâm của chúng sanh mê ngộ chẳng đồng mà thôi. Lòng mê chỉ thấy bề ngoài, tu hành tìm Phật mà chưa tỏ sáng Bản tánh của mình, tức là người tiểu căn. Hiểu rõ pháp Đốn giáo tu hành mà không chấp bề ngoài, trong tâm mình thường khởi chánh kiến, những sự phiền não trần lao thường chẳng nhiễm Bản tâm mình tức là thấy tánh.

Giảng:

Người kém thiện căn, nghe đến pháp môn đốn giáo dùng tâm ấn tâm, trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật, giống như cây cỏ có căn tánh nhỏ, nếu gặp phải mưa lớn liền tróc gốc, nghiêng ngã trên mặt đất, không thể sanh trưởng. Mưa vốn giúp cây cối sanh trưởng, tiếc vì gốc rễ không cắm sâu vào lòng đất cho nên không thọ dụng được. Người có thiện căn kém cũng giống như vậy. Trí huệ Bát nhã của người trí và người ngu vốn không có gì sai khác, chỉ khác một người biết dùng, một người không biết dùng mà thôi. Tại sao người kém căn kém trí nghe đến Phật pháp mà không khai ngộ? Vì tà kiến vô minh sâu dày, không sanh lòng tin, chướng ngại thánh đạo. Giống như thái dương bị mây đen che khuất, gió thổi không tan, cho nên ánh dương quang không xuất hiện. Ánh dương quang tức là tự tánh Bát nhã của quý vị, mây đen chính là phiền não và tà kiến của quý vị.

Trí huệ Bát nhã cũng không có sự phân biệt lớn nhỏ. Vì chúng sanh tập khí sâu dày, tạo nghiệp nặng, cho nên mê mờ. Nếu tập khí không sâu dày, nghiệp tạo tác không nặng thì sẽ khai ngộ. Người mê cầu pháp hưởng bên ngoài giống ruồi tìm cầu, mà không biết tự tánh Bát nhã vốn đầy đủ tự tánh Phật, bên ngoài tìm Phật càng tìm kiếm càng xa rời. Không hiểu rõ bốn tánh của chính mình, đây chính là người tiểu căn.

Nếu có thể nghe pháp môn đốn giáo mà lập tức khai ngộ, không chấp trước, không giống ruồi tìm cầu bên ngoài, tự tánh tự ngộ, tự mình hiểu rõ tự tánh Bát nhã, trong tâm của mình thường khởi lên chánh tri chánh kiến, có trí huệ chân chánh, thì không khởi lên phiền não; nếu không có phiền não, tự nhiên không có trần lao, đó chính là kiến tánh, vì nó không bị phiền não trần lao xoay chuyển.

*

**Chư Thiện tri thức! Tâm mình trong ngoài chẳng trụ, lui tới tự do, bỏ
đặng lòng chấp trước, suốt thông không trở ngại, tu trọn các hạnh ấy,**

thì đối với kinh Bát nhã vốn không có chỗ nào sai khác.

Giảng:

Tu Bát nhã hạnh, cần phải không trụ bên trong, không trụ bên ngoài, bên trong không thân tâm, ngoài không thế giới. Nhưng cũng không phải là ngoan không, mà là bên trong không chấp thân tâm, bên ngoài không chấp thế giới. Nếu quý vị không chấp trong ngoài thì có thể đến đi tự do, biết từ đâu đến và đi về đâu. Lại có thể nói là trở về, trở về thân tâm của quý vị; Khứ là đi đến pháp giới. Tuy có đến có đi, nhưng quý vị không nên chấp trước vào cái đến cái đi này, vì thế gọi là tự do. Nếu quý vị chấp trước lai khứ, thì không còn tự do, có sự chướng ngại. Đến đi tự do, cũng có thể nói tâm của quý vị đến đi tự do, tánh của quý vị đến đi tự do, cũng có thể nói là sanh tử tự do. Tôi muốn sống thì sống, tôi muốn chết mới chết, đó mới là tự do. Nếu tôi không muốn sống thì chết, nhưng đó không phải là tự sát, vì mình đã biết mình chết như thế nào, ngồi ở đó cũng như nhập vào thiền định, như thế mà ra đi, đó không phải tự do là gì? Nếu không tự do thì ra đi không được. Tại sao Tam Tổ tay nắm cành cây mà viên tịch nhập Niết Bàn? Chính vì Ngài sanh tử tự do, đó cũng chính là đến đi tự do. Nếu tôi muốn sống thì vĩnh viễn bất tử không chết, muốn chết thì lập tức ra đi. Đến đi trong lúc nói cười, liền có thể vãng sanh.

Giống như Pháp sư Đạo Sanh, phần đông mọi người đều phản đối khi Ngài giảng Kinh Niết Bàn, vì Ngài chủ trương xiển-đề (icchantikas) cũng có Phật tánh. Lúc đó mọi người đều cho rằng tư tưởng của Ngài là sai lầm, mọi người đều "mặc tăn" (1) Ngài. Cho nên Ngài phát nguyện nói: "Nếu tôi giảng kinh khế hợp Phật pháp, Phật tâm, thì sau này tôi ngồi trên pháp tòa thuyết pháp mà vãng sanh. Nếu giảng không hợp Phật tâm, thì lời nguyện này không được cảm ứng." Ngài ở núi Hồ Khâu giảng kinh cho đá nghe mà đá cũng phải gật đầu, tiếp nhận đạo lý của Ngài giảng là chính xác. Cho nên nói: "Sanh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu (Pháp sư Đạo Sanh

thuyết pháp, đá cứng cũng phải gập đầu)." Sau này lúc Ngài giảng kinh, đang giảng đến chỗ sâu sắc màu nhiệm bèn trên pháp tòa vãng sanh. Quý vị thấy có tuyệt diệu không?

Có người nói:

–Bạch Pháp sư, nay Ngài giảng kinh rất hấp ý con, con không muốn chấp trước, không muốn giữ gìn quy cũ. Ngài nếu muốn mọi người giữ gìn quy luật chính là chấp trước.

Nghĩ như vậy là sai rồi, nói trừ chấp trước, là muốn quý vị trừ đi tâm chấp trước, bỏ đi những việc không đúng. Những việc đúng chẳng thể không chấp trước. Giống như giữ gìn quy luật thì mới có thể thành Phật, cho nên nói: Thị đạo tất tiến, phi đạo tất thoái, không phù hợp đạo thì không nên chấp trước, hợp với đạo thì cần nên trì tụng không quên. Trì tụng có thể là chấp trước, nhưng trì tụng Kinh Kim Cang lại là tu hành.

Nếu tôi có tật xấu mà không muốn sửa đổi, cũng không muốn người biết, đó mới chính là chấp trước. Nếu tôi có tật xấu, người bên cạnh biết tôi cũng không màng, người khác khuyên cũng không đếm xỉa đến, đây không phải là không chấp trước mà là tà tri tà kiến. Nếu có loại tà tri tà kiến như thế, càng tu càng rời Phật pháp càng xa.

Nếu quý vị có thể rời bỏ chấp trước, thì có thể thông đạt vô ngại, không còn chướng ngại, nếu tu hành như thế, thì kế hợp với đạo lý Kinh Kim Cang, Bát nhã trí huệ hiện tiền, bằng không thì không phù hợp diệu lý Bát nhã.

*

Chư Thiện tri thức! Cả thầy các Tu-đa-la, và các thứ văn tự đại thừa, Tiểu thừa, mười hai phần kinh đều bởi cơ duyên của nhơn loại mà bày ra, cùng do tánh trí huệ mới kiến lập được. Nếu không có người thế gian, thì cả thầy muôn pháp vốn tự nhiên không có. Cho nên biết rằng muôn pháp vốn bởi nhơn loại mà khởi ra, cả thầy kinh sách đều bởi

nhơn loại mà nói ra, nên mới có. Trong loài người có kẻ ngu người trí: Ngu làm tiểu nhơn. Trí làm đại nhơn. Người ngu học hỏi nơi người trí. Người trí nói pháp cho người ngu nghe, người ngu bỗng nhiên tỏ hiểu, tâm địa mở mang, tức nhiên giống như người trí không khác.

Giảng:

Tu-đa-la (Sutra) là tiếng Phạn, Trung Quốc dịch là Kinh, kinh là "trên thì kế lý Chư Phật, dưới thì kế hợp căn cơ chúng sanh." Vì kế lý kế cơ, cho nên gọi là kế kinh. Toàn bộ kinh điển cùng với văn tự Đại thừa Tiểu thừa, mười hai phần kinh (tức trường hàng, trùng tụng, thọ ký, cô khởi, vô vấn tự thuyết, nhân duyên, tỷ dụ, bốn sự, bốn sanh, phương quảng, vị tăng hữu và luận nghị) đều vì người mới có những kinh điển này, nếu không có nhân loại thì sẽ không dùng đến kinh điển. Vì tánh trí huệ mới có thể kiến lập tất cả các pháp. Tất cả những việc phiền não trên thế gian, đều do người mà sanh. Nếu không có người, việc phiền não gì cũng không có. Vì có những việc phiền não phát sanh, cho nên mới sanh ra những pháp dạy quý vị cách diệt trừ phiền não. Người có tám vạn bốn ngàn trần lao, vì thế Phật thuyết tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị, cho nên nói: "Phật thuyết nhất thiết pháp, vị độ nhất thiết nhân. Nhược vô nhất thiết nhân, hà dụng nhất thiết pháp?" Tất cả các kinh sách đều vì người mà nói. Nếu không có người, tất cả kinh sách cũng không dùng đến. Vì trong loài người, có người ngu có người trí. Người ngu si giống như trẻ con; người có trí huệ giống như người lớn, trẻ con có những việc không hiểu cần phải hỏi người lớn, người lớn bèn giải thích cho nghe. Lúc trẻ con ngộ giải tâm khai, hiểu rõ mọi việc này, thì cũng giống như người có trí huệ.

*

Chư Thiện tri thức! Tâm không giác ngộ, Phật là chúng sanh. Một niệm giác ngộ, chúng sanh tức là Phật. Cho nên biết rằng muôn pháp đều ở nơi Bốn tâm của mình. Vậy sao chẳng do trong bốn tâm của

mình mà thấy liền cái Chân như Bốn tánh?

Giảng:

Nếu không khai ngộ, Phật cũng là chúng sanh. Nếu trong một niệm thời gian ngăn ngại hoát nhiên khai ngộ, chúng sanh tức là Phật. Đây cũng chính là "Giác giả Phật dã, mê giả chúng sanh (Giác là Phật, mê là chúng sanh)." Một niệm giác một niệm Phật, niệm niệm giác niệm niệm Phật. Một niệm mê một niệm là chúng sanh, niệm niệm mê niệm niệm là chúng sanh. Cái gì gọi là giác ngộ? Tức giác ngộ tình dục là những thứ nguy hại, làm tổn thương đến thân thể và khiến cho quý vị ngu si. Một niệm dục chính là một niệm ngu, niệm niệm dục chính là niệm niệm ngu si, cho nên nói: "Nghiệp hết tình không là chân Phật, nghiệp nặng tình mê là chúng sanh." Phải buông bỏ những tâm niệm ô nhiễm, ngoài cách này ra không còn cách nào hết. Tâm niệm ô nhiễm chính là dục niệm, nói rõ hơn, chính là niệm dâm dục. Nếu thân làm những niệm dâm dục này, chính là thân nghiệp không thanh tịnh. Nếu miệng nói việc ý ngữ, thì khẩu nghiệp không thanh tịnh. Nếu tâm thường nghĩ đến việc dâm dục, thì ý nghiệp không thanh tịnh. Nếu thân khẩu ý đều không phạm, thì ngày thành Phật không xa. Người đời thường đi ngược với sự giác ngộ, hiệp với trần lao. Hiệp với trần gì? Chính là hiệp với những thứ trần ô nhiễm không thanh tịnh. Nếu một khi quý vị rơi vào lưới dục tình thì sẽ bị ô nhiễm. Nếu ly khai tình dục, mới có thể rời xa ô nhiễm. Cho nên nói: quay lưng với trần lao chính là hiệp với sự giác ngộ, quay lưng với giác ngộ chính là lăn lộn trong trần lao. Nếu quý vị ô nhiễm thì không được thanh tịnh, không được thanh tịnh thì không thể thành Phật. Nếu muốn thanh tịnh thì không nên ô nhiễm. Ô nhiễm tức là chúng sanh, đó là đạo lý rất rõ ràng. Nhưng cần phải có một vài trợ duyên giúp quý vị thanh tịnh, điều quan trọng là không nên có tâm ích kỷ. Có tâm ích kỷ thì không thể thanh tịnh. Nếu tất cả đều không vì cá nhân, thì sẽ thanh tịnh, vì quý vị không còn lòng tham, lòng sân, lòng nghi, ngã kiến, đó chính là ngộ. Cho nên nói: một niệm ngộ, chúng sanh thành Phật.

Có người hỏi:

–Có phải mọi người đều là Phật?

Đúng vậy, nhưng cần phải khai ngộ mới được, nếu không khai ngộ thì giống như đoạn trước nói một người dân bình thường, tự xưng là Quốc vương, nếu bị nhà vua thật biết sẽ bắt nó đem nhốt vào ngục, vì người này phao tin nhằm làm mê hoặc dân chúng, muốn tạo phản, cho nên nói: "Trời không có hai mặt nhựt, một nước không có hai vua."

Cho nên mới biết tất cả vạn pháp vốn từ trong tâm sanh ra, như vậy tại sao không từ trong tâm tu hành? Tự tâm chỉ cần bỏ đi những tâm niệm ô nhiễm, bụi bặm, thì có thể lập tức nhìn thấy Chân như tự tánh.

*

**Kinh Bồ Tát Giới có nói rằng: "Cái Bốn nguyên tự tánh của ta vốn trong sạch. Nếu biết tâm mình và thấy tánh mình, thì thành Phật đạo."
Kinh Tịnh Danh nói: "Tức thời tâm trí thông suốt, thì phục hồi đặng Bốn tâm."**

Giảng:

Kinh Bồ Tát Giới nói: "Bốn lai tự tánh thanh tịnh không có ô nhiễm, nếu nhận thức được bốn tâm của mình mà nhìn thấy tự tánh, thì ai cũng có thể thành Phật."

Quý vị nhìn thấy tự tánh quý vị thành Phật, tôi nhìn thấy tự tánh tôi thành Phật, nó nhìn thấy tự tánh nó thành Phật, điều này thật là bình đẳng.

Kinh Tịnh Danh tức là Kinh Duy Ma, nói: "Lập tức hoát nhiên khai ngộ, nhận thức được bản tâm của chính mình, bèn nhận thức được bốn lai diện mục."

*

Chư Thiện tri thức! Lúc ta ở với Hòa Thượng Hoằng Nhãn, một khi nghe pháp rồi, liền tỏ sáng, liền thấy Chơn như Bốn tánh. Bởi vậy, ta mới đem pháp Đốn giáo này mà lưu hành, khiến cho các người học đạo liền tỏ sáng Bồ đề, mỗi người tự xem Bốn tâm mình và tự thấy Bốn tánh mình.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói:

–Quý vị Thiện tri thức! Nghe pháp của tôi các ông có thể khai ngộ được không? Tôi ở với Hòa Thượng Ngũ Tổ Hoằng Nhãn, vừa nghe pháp môn đốn ngộ liền lập tức khai ngộ. Tôi là một người quê mùa không có tri thức, sanh nơi biên địa, được gặp Ngũ Tổ Hoằng Nhãn Đại sư.

Vì Lục Tổ là đồ đệ của Ngũ Tổ, cho nên không thể trực tiếp xưng tên của sư phụ, cho nên nói Nhãn Hòa thượng. Ngũ Tổ rất là bực tức vì muốn truyền pháp mà bị những người dưới của Ngài áp bức, họ muốn Ngài truyền pháp cho Thần Tú. Quý vị xem một vị Hòa Thượng ngay việc truyền pháp cũng không có tự do, bị người khống chế, đó có đáng giận hay không? Cho nên Nhãn Hòa Thượng nhẫn đã rất lâu, sau đó có một người "cạt lã" đến chỗ Hòa Thượng cầu pháp, Ngài nghĩ thầm: "Ta muốn truyền pháp cho người quê mùa này, người này một chữ cũng không biết, nhưng ta không buồn để ý tới các ông làm gì!" Vì thế đêm khuya canh vắng Ngũ Tổ truyền pháp cho Lục Tổ.

Mà Lục Tổ thật là một người tri âm, Ngài vừa nghe pháp liền lập tức khai ngộ. Ngũ Tổ truyền pháp cho Lục Tổ, hoàn toàn không phải vì tức giận mà truyền cho người quê mùa không biết chữ này, mà là vì người không biết chữ này là người thông minh nhất. Người này vừa nghe liền lập tức khai

ngộ mà bạch rằng: "Tự tánh vốn thanh tịnh, tự tánh là quang minh, tự tánh là không dao động, tự tánh vốn diệu huyền như thế!" Ngũ Tổ nghe xong bèn chấp nhận truyền pháp cho Lục Tổ.

Lục Tổ nói với đại chúng:

–Tôi nay đem pháp môn đốn giáo lưu truyền khắp mọi nơi, khiến cho người học đạo đốn ngộ Bồ đề, lập tức giác ngộ bốn tâm, kiến tự bốn tánh.

*

Nếu tự mình chẳng tỏ sáng, thì phải tìm bậc đại Thiện tri thức rõ pháp tối thượng thừa chỉ ngay con đường Chánh giác cho mình. Bậc Thiện tri thức ấy có nhưn duyên lớn là lo về việc giáo hóa và tiếp dẫn cho người đặng thấy tánh. Cả thầy các thiện pháp đều do Thiện tri thức mà được phát khởi. Cả thầy chư Phật trong ba đời, mười hai phần kinh, ở trong tánh con người tự nhiên có đủ. Nhưng tự mình không thể hiểu rõ được, nên phải cầu bậc Thiện tri thức chỉ bày cho mới thấy.

Giảng:

Nếu quý vị không thể tự mình khai ngộ, cần phải đi tìm một vị Minh nhãn Thiện tri thức, vì vị Thiện tri thức này đã từng trải qua sự giác ngộ, cho nên nói: Dục tri sơn tiền lộ, tu vấn qua lai nhân, qua lai nhân là người đã trải qua, đã từng đi qua rồi. Nếu không hỏi đường nơi người đã từng đi qua rồi, mà hỏi nơi người mù, như thế càng đi càng lạc đường, càng ngày càng xa đạo.

Tham vấn vị đại Thiện tri thức, giải thích pháp môn tối thượng thừa, chỉ thị con đường chánh. Quý vị và vị Thiện tri thức mắt sáng ấy nhất định có nhân duyên lớn mới có thể gặp nhau. Gọi là Thiện tri thức, có nghĩa là hóa đạo nhất thiết chúng sanh, khiến cho chúng sanh hiểu rõ bốn tánh của chính mình, nhìn thấy bản tâm của mình. Tất cả thiện pháp, đều do có Thiện tri

thức mới có thể sanh ra. Nhứt thiết thiện căn cũng là do vị Thiện tri thức hằng ngày chăm bón, vun tưới, thành tựu cho, giống như quý vị gặp được Thiện tri thức ngày ngày thuyết pháp giáo hóa cho, đều là tăng trưởng thiện căn của quý vị. Hết thầy Chư Phật ở thời quá khứ, thời hiện tại, thời vị lai, và mười hai phần kinh, trong tự tánh mỗi người vốn đều có đầy đủ, không phải tìm cầu bên ngoài. Nhưng nếu quý vị không hiểu rõ thì cần phải hỏi Thiện tri thức chỉ thị diệu thể tự tánh thanh tịnh bản lai của mình, như thế quý vị mới có thể nhìn thấy bốn tánh của chính mình.

*

Nếu tự mình hiểu rõ, thì chẳng cần cầu nơi ngoài. Nếu một mực cố chấp rằng phải cầu bực Thiện tri thức, mới mong đặng giải thoát, thì không có lý như vậy. Bởi có sao? Bởi trong tâm mình đã sẵn có cái cơ tri thức tự ngộ. Nếu tâm mình khởi tà mê, vọng niệm, điên đảo, thì dầu ngoài có Thiện tri thức truyền dạy, cũng không thể cứu được. Bằng tâm mình khởi chơn chánh, trí Bát nhã thường chiếu soi, thì trong một sát-na, các điều vọng niệm đều dứt hết. Nếu biết Bốn tánh mình, vừa một niệm giác ngộ thì liền đến cõi Phật.

Giảng:

Tự mình nếu có thể hiểu rõ, thì không cần nương tựa vào ai hoặc bất cứ cái gì, hoặc giông ruồi tìm cầu ở bên ngoài. Nếu lúc trước thường hay chấp trước, dựa dẫm vào sự chỉ dạy của Thiện tri thức mới có thể giải thoát, thì điều này thì không đúng. Chúng ta cần phải tự tánh tự ngộ, khai thác sử dụng trí tuệ Bát nhã vốn đầy đủ của chính mình. Tại sao? Bởi vì tự tánh mình vốn có sẵn đại Thiện tri thức chân chánh. Đây cũng là trí huệ chân chánh của quý vị, có thể tự mình hiểu rõ. Nếu tự mình sanh ra tà kiến mê lầm, tà chính là không chân chánh, mê chính là không hiểu rõ. Ví dụ, không hiểu rõ là tà mê, sai lầm, ví như một vài sở thích không tốt: đánh bạc thì có sự tà mê của đánh bạc, hút thuốc thì có sự tà mê của hút thuốc, háo sắc thì

có sự tà mê của háo sắc, người thích uống rượu thì có sự tà mê của uống rượu. Những loại tà mê này không nên cho rằng không có gì nghiêm trọng, vì nghĩ rằng nó không quan trọng cho nên càng mê càng đắm, từ mê ít trở thành mê nhiều, do mê nhiều mà vẫn cho rằng không sao hết, bèn biến thành cái lão mê, cái lão mê lại cho rằng không sao hết nên biến thành cái tử mê, đến chết vẫn còn chưa hiểu rõ. Thật là tội nghiệp! Chính vì do một niệm tà mê ban đầu gây ra.

Vọng niệm chính là những niệm không chân, không thật, không thực tại, chỉ là hư vọng, vọng tưởng. Điên đảo chính là hiểu rõ việc này không đúng mà cứ làm, lại cãi chày cãi cối cho nó là đúng. Những điều quý vị ưa thích tuy không hợp với Phật pháp nhưng vẫn làm theo ý mình, đó là điên đảo. Không những chính quý vị làm như vậy mà còn ảnh hưởng đến người khác học theo tánh xấu của quý vị, đây là điên đảo. Người muốn học Phật pháp nhất định cần phải không điên đảo, không tà mê mới có chỗ thành tựu. Tuy có thầy sáng, bạn hiền giáo hóa, nếu quý vị không nghe, họ cũng không có cách nào giúp được. Thiện tri thức không giống cảnh sát thấy quý vị không tôn trọng pháp luật, liền bắt đem bỏ vào tù. Thiện tri thức không có nhà tù. Nếu quý vị không nghe lời dạy bảo, vị Thiện tri thức vẫn hy vọng quý vị từ từ sửa đổi những lỗi lầm quay về con đường thiện lành. Đối với những chúng sanh biết nghe lời, Thiện tri thức cũng không sanh lòng hoan hỷ; đối với những chúng sanh không nghe lời giáo hóa, Thiện tri thức cũng không vì đó mà phiền não tức giận, trong tâm chỉ có chút buồn bã, không vui lắm mà thôi.

Nếu quý vị từ trong tự tánh sanh ra trí huệ Bát nhã chơn chánh (chánh là không tà, chơn là không vọng), dùng lưới kiểm trí huệ Bát nhã chặt đứt tất cả tà mê vọng niệm, điên đảo, thì trong thời gian rất ngắn, tất cả các vọng niệm đều tiêu sạch giống như tuyết gặp phải ánh mặt trời soi vào tan biến đi. Nếu quý vị nhận thức bốn tánh chân thực của chính mình, vừa khai ngộ thì lập tức đến đất Phật. Nếu không nhận thức, vừa khởi lên niệm tà mê liền lập tức đến chỗ quỷ ma ở. Khai ngộ chính là dùng kiểm trí huệ chặt đứt tà

kiến mê lầm, thấu suốt hiểu rõ vạn pháp, cho nên nói: Giác giả Phật dã, mê giả chúng sanh.

*

Chư Thiện tri thức! Cái trí huệ thường chiếu soi, trong ngoài đều sáng tỏ, thì biết rõ Bốn tâm của mình. Biết rõ Bốn tâm tức là giải thoát, tức là Bát nhã tam muội. Bát nhã tam muội tức là vô niệm. Sao gọi là vô niệm? Biết thấy tất cả các pháp mà lòng không nhiễm vương, dính mắc, ấy là vô niệm. Cái tâm khi ứng dụng liền biến khắp tất cả các nơi mà chẳng dính vương vào các nơi ấy. Giữ Bốn tâm mình trong sạch, khiến sáu thức ra ngoài sáu cửa, đối với sáu trần, mà lòng không nhiễm vương, dính mắc, không lộn xộn, lui tới tự do, thông dụng không ngăn trở, tức là Bát nhã Tam muội, cũng là Tự tại Giải thoát, cũng là hạnh vô niệm.

Giảng:

Quý vị dùng trí huệ vốn có của mình quán chiếu, thì thế giới trong tâm ngoài thân giống như lưu ly, bên trong có thể nhìn thấy bên ngoài, bên ngoài có thể nhìn thấy bên trong, đó chính là cảnh giới "trong không thân tâm, ngoài không thế giới." Tuy không có thân tâm, không có thế giới; nhưng thế giới và thân tâm lại rất rõ ràng đích xác, tuy rõ ràng đích xác mà không chấp trước, đó gọi là thức tự bốn tâm, biết rõ bốn tâm của mình. Bốn lai tự tánh thân tâm thì trong ngoài đều thấu triệt, nếu biết rõ được bốn tâm liền được giải thoát, tức không chấp trước trần lao vọng tưởng. Nếu được giải thoát, đó chính là định của tự tánh Bát nhã. Định chính là vô niệm. Vô ý thức là giới, vô niệm chính là định, không còn vọng tưởng vọng niệm, đó chính là hueä. Vô ý, vô niệm, vô vọng chính là giới, định, huệ. Giới, định, huệ hiện tiền thì tham, sân, si không còn nữa.

Vô niệm là gì? Chính là tâm không nhiễm trước vạn pháp, tức là pháp không. Pháp đã không rồi, sao quý vị vẫn chấp trước những tập khí tật xấu? Tập khí không trừ bỏ, chỉ nói không nhiễm trước vạn pháp, vậy thì quý vị nói ra một cái không nhiễm trước xem? Pháp còn không có, huống chi những tập khí tật xấu? Kinh Kim Cang nói: "Pháp còn phải bỏ huống hồ là phi pháp." Những tập khí tật xấu không buông bỏ vậy thì từ trong Phật pháp quý vị học được những gì? Đây là dối mình lừa người. Người học Phật pháp, chính là cần phải trừ bỏ những tật xấu, nếu chỉ biết nói vài câu, một chút sở dụng cũng không có, chính là hành vi của kẻ ngu si.

Vô niệm là không nhiễm trước, là chánh niệm, cũng chính là Bát nhã tam muội.

Bát nhã tam muội này – hay Định, có thể vận dụng để biến chiếu khắp nơi, giống như hư không, nhưng không chấp trước một chỗ nào. Trong tâm không có chỗ chấp trước, khiến cho lục thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) đi ra khỏi cửa lục căn (nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn, ý môn) trong lục trần (sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp), không nhiễm trước cũng không tạp niệm. Khiến cho lục thức không tùy theo cảnh giới lục trần xoay chuyển, cho nên nói: "Mắt thấy hình sắc tâm không động, tai nghe việc đời tâm không vọng." Nếu quý vị không rõ, cần phải siêng năng tu học Phật pháp. Đến đi tự do, thông dụng vô trệ, lúc này thiên biến vạn hóa, vạn hóa thiên biến, ứng dụng vô cùng mà không có chỗ trì trệ chướng ngại, đó là định của Bát nhã, cũng gọi là tự tại giải thoát, cũng là vô niệm hạnh.

*

Bằng đối với mọi vật, lòng không nghĩ đến, khiến cho niệm tưởng dứt đi, tức là bị pháp ràng buộc. Ấy gọi là biên kiến.

Giảng:

Nếu như quý vị nói: "Tôi ngồi ở đây không nghĩ đến việc gì, khiến cho niệm đoạn tuyệt." Nhưng quý vị vẫn còn một niệm "khiến cho niệm đoạn tuyệt," tức lại bị pháp phược. Không những không thể giải thoát mà còn bị pháp trói buộc. Đó gọi là biên kiến, rơi vào hai bên, không phải là trung đạo.

*

Chư Thiện tri thức! Hiểu rõ pháp vô niệm thì suốt thông muôn pháp. Hiểu rõ pháp vô niệm thì thấy cảnh giới của chư Phật. Hiểu rõ pháp vô niệm thì đạt đến địa vị của Phật.

Giảng:

Hiểu rõ pháp vô niệm, hoàn toàn không phải làm giống như tro tàn, cây khô. Vô niệm chính là muốn quý vị có định lực, không có tà niệm, mà phải thường sanh chánh niệm. Người ngộ thì tất cả vạn pháp đều hiểu rõ. Hiểu rõ pháp vô niệm thì có thể hiểu rõ cảnh giới Chư Phật. Nếu chưa hiểu rõ, thì không thể nói đã ngộ pháp vô niệm. Không giống như bọn người kia, ngay cả ngũ trùng huyền nghĩa hay thất chủng lập đề đều không hiểu rõ, bất chấp sự sai sót của mình, đi khắp nơi giảng kinh, lườm gạt những người không hiểu Phật pháp. Nếu chỉ y theo những bốn dịch Anh văn mà đọc, thì ai cũng biết đọc. Nhưng, giảng kinh là cần phải phân tích nghĩa lý của kinh, quán triệt thông đạt nghĩa lý và tông chỉ của mỗi chữ mỗi câu mỗi chương mỗi bài, để có thể giải thích một cách viên dung vô ngại.

Nếu có thể hiểu rõ pháp vô niệm, thì có thể đạt đến địa vị của Phật. Đến Kim Sơn Thánh Tự nghe kinh thuyết pháp, đều là người đến, không phải là kiến. Người đến nghe pháp tuy không nhiều, nhưng đều cần phải học Phật pháp, đừng giống như con kiến đi tìm đồ ngon ngọt mà ăn. Đến đây học Phật pháp là nếm mùi khổ cực, cay đắng, không phải nơi để tìm mật ngọt mà ăn.

*

Chư Thiện tri thức! Đời sau người nào đắc pháp của ta, cùng với những người đồng kiến đồng hành, đem pháp môn Đốn giáo này, phát nguyện thọ trì như là thờ Phật, trọn đời không thối chuyển, thì chắc vào ngôi Thánh. Nhưng cách truyền thọ, phải do theo ý chỉ của các vị Tổ Sư từ đời trước tới nay, mà mặc truyền phú chúc cho rõ ràng, chẳng đặt é m dấu chánh pháp của các Ngài. Còn các người không đồng kiến đồng hành hoặc ở trong pháp môn khác, thì chẳng nên truyền thọ, vì tổn hại đến các vị Tổ Sư đời trước, mà rốt cuộc không có ích gì (cho người sau), bởi sợ e có người ngu muội chẳng hiểu, rồi đem lòng chê bai pháp môn này mà phải đoạn tuyệt hột giống Phật tánh của họ trong muôn đời ngàn kiếp.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư làm sao có thể thành Tổ Sư? Vì Ngài không khinh thường người ít học. Lúc Ngài ở nơi Ngũ Tổ Đại sư, những người ở đây phần đông đều khinh thường Ngài là người quê mùa lại không biết chữ, chỗ nào cũng bị người khinh mạn, vì thế Ngài thông cảm nỗi khổ của người bị khinh mạn. Cho nên Ngài đối với những người Thiện tri thức hoặc không phải là Thiện tri thức đều xưng tụng họ là Thiện tri thức.

Ngài nói:

—Sau này những người đắc pháp của tôi, nếu có thể đem pháp môn đốn giáo này cùng với những người có kiến giải giống nhau, cùng nhau tìm cầu chân lý, cùng nhau phát nguyện thọ trì pháp môn này, như lòng thành cúng dường mười phương Chư Phật, suốt đời mà không thối chuyển, thì nhất định sẽ thành Thánh quả. Lưu truyền pháp môn này, giống như Đức Thích Ca Mâu Ni Phật truyền cho Ngài Ca Diếp, sau đó truyền cho A Nan, cho đến Bồ Đề Đạt Ma Tổ thứ hai mươi tám Thiên Trúc (Sơ Tổ Trung Quốc),

Nhị Tổ, Tam Tổ, cho đến Lục Tổ, cần phải đời đời mặc mặc tương truyền, phân phú pháp môn tâm ấn, không nên đem chánh pháp giấu đi không truyền mà lại truyền tà pháp.

Đối với những người kiến giải bất đồng, tu hành không giống nhau hoặc là những người ngoại đạo thì không nên truyền pháp môn tâm ấn này, vì sẽ làm tổn hại đến các vị Tổ Sư đời trước, và tương lai cũng không có ích dụng gì, vì sợ rằng những người ngu không hiểu rõ chơn đạo vô thượng vi diệu mà hủy báng pháp môn đốn giáo này, thì trăm ngàn kiếp đoạn chủng tánh Phật.

Thính ngô tụng viết:

Thuyết thông cập tâm thông,

Như nhật xử hư không.

Duy truyền kiến tánh pháp,

Xuất thế phá tà tông.

Pháp tức vô đốn tiệm,

Mê ngộ hữu trì tật.

Chỉ thử kiến tánh môn,

Ngu nhân bất khả tất.

Thuyết tức tuy vạn ban,

Hợp lý hoàn quy nhất.

Phiền não ám trạch trung,

Thường tu sinh tuệ nhật.

Tà lai phiền não chí,
Chánh lai phiền não trừ.
Tà chánh câu bất dụng,
Thanh tịnh chí vô dư.
Bồ đề bốn tự tánh,
Khởi tâm tức thị vọng.
Tịnh tâm tại vọng trung,
Đản chánh vô tam chướng.
Thế nhân nhược tu đạo,
Nhất thiết tận bất phòng.
Thường tự kiến kỳ quá,
Dữ đạo tức tương đương.
Sắc loại tự hữu đạo,
Các bất tương phòng nào.
Ly đạo biệt mịch đạo,
Chung thân bất kiến đạo.
Ba ba độ nhất sinh,
Đáo đầu hoàn tự áo.
Dục đắc kiến chân đạo,

Hạnh chánh tức thị đạo.
Tự nhược vô đạo tâm,
Ám hành bất kiến đạo.
Nhược chân tu đạo nhân,
Bất kiến thế gian quá.
Nhược kiến tha nhân phi,
Tự phi khước thị tả.
Tha phi ngã bất phi,
Ngã phi tự hữu quá.
Đản tự khước phi tâm,
Đả trừ phiền não phá.
Tảng ái bất quan tâm,
Trường thân lưỡng cước ngoạ.
Dục nghĩ hóa tha nhân,
Tự tu hữu phương tiện.
Vật linh bỉ hữu nghi,
Tức thị tự tánh hiện.
Phật pháp tại thế gian,
Bất ly thế gian giác.

Ly thể mịch Bồ đề,

Kháp như cầu thổ giác.

Chánh kiến danh xuất thế,

Tà kiến thị thế gian.

Tà chánh tận đả khước,

Bồ đề tánh uyển nhiên.

Thử tụng thị đốn giáo,

Diệc danh đại pháp thuyên.

Mê văn kinh lụy kiếp,

Ngộ tắc sát na gian.

*

Chư Thiện tri thức! Ta có một bài tụng "Vô Tướng," các ông nên tụng đọc. Người tại gia hay xuất gia cũng phải y theo bài tụng này mà tu hành. Nếu tự mình chẳng tu, mà chỉ nhớ lời ta nói, thì cũng không có ích gì. Hãy nghe ta tụng...

Giảng:

Quý vị Thiện tri thức! Tôi có một bài kệ Vô Tướng, các ông cần nên tụng niệm, bất luận là người tại gia, hay người xuất gia đều có thể y theo bài kệ tụng này tu hành. Nếu không tự mình thực hành, tự mình tu hành, chỉ ghi nhớ bài kệ mà tôi nói thì không có ích lợi gì.

Thuyết thông cập tâm thông,

Như nhật xử hư không.

Duy truyền kiến tánh pháp,

Xuất thế phá tà tông.

Thuyết thông tâm cũng thông,

Như mặt nhật trên không.

Chuyên truyền pháp thấy tánh,

Xuất thế phá tà tông.

Thuyết thông, tức là hiểu rõ giảng kinh thuyết pháp. Tâm thông tức là tông thông, tông môn Thiền tông, thông đạt pháp môn tâm địa. Quý vị hiểu rõ giảng kinh thuyết pháp, cũng hiểu rõ tham thiền tu đạo. Cảnh giới này, cũng giống như thái dương trên hư không, không chỗ chấp trước mà ánh sáng chiếu khắp mọi nơi. Pháp môn mà tôi truyền chính là muốn quý vị có thể minh tâm kiến tánh. Quý vị minh tâm thì không có việc gì khó, kiến tánh rồi thì không còn lo âu. Hiểu rõ bốn lai diện mục, mới là hiểu rõ Phật pháp. Pháp môn này chuyên giảng những đạo lý xuất thế, là tôn chỉ phá trừ bàng môn tả đạo, ngoại đạo.

Pháp tức vô đốn tiệm,

Mê ngộ hữu trì tật.

Chỉ thủ kiến tánh môn,

Ngu nhân bất khả tất.

Pháp vốn không đốn tiệm,

Mê ngộ có chậm mau.

Chỉ môn thấy tánh ấy,

Kẻ muội chẳng kham vào.

Pháp vốn không có sự sai khác của đốn và tiệm, nhưng đối với người mê cần phải dạy cho họ pháp môn tiệm tu, đối với người trí thì có thể dạy họ pháp môn đốn ngộ, cho nên người mê chậm một chút, người có căn tánh lanh lợi thì có thể khai ngộ nhanh một chút.

Sao gọi là đốn giáo? Tôi hôm nay nói cho quý vị những lời chân thật. Lời nói thật thì không thể nói nhiều, mà nói ít thì sợ rằng quý vị không tin, huống chi là nói nhiều quý vị càng không tin nữa. Vì không ai thích nghe những đạo lý thật, cũng không ai thích tu hành một cách chân thật nên tôi không có cách nào nói chơn pháp cho quý vị. Tôi đành phải đợi cơ hội, hôm nay cơ hội đã đến, vì giảng đến bài kệ này thì đạo lý chân thật (mà tôi muốn nói) liền được công bố tỏ rõ ra.

Đốn pháp là gì? Đốn chính là bảo quý vị phải đoạn. Đoạn cái gì? Đoạn lòng dâm dục. Quý vị có thể làm được không? Quý vị không tin à! Điểm này chính là mấu chốt quan trọng. Cần phải mau chóng đoạn trừ vô minh, vô minh cũng chính là lòng dâm dục. Vậy, có đoạn được không? Nếu đoạn không được, quý vị đừng nghĩ đến việc nghe chơn pháp. Nếu quý vị có thể đoạn, thì có thể đắc được pháp môn đốn giáo. Tiệm có nghĩa là chậm, nếu đoạn không được, không thể buông bỏ thì biến thành tiệm. Người thông minh, chỉ thị một chút họ liền có thể đoạn. Người ngu si, bỏ không được, buông không xong, dù có thuyết pháp cho họ nghe, họ cũng không tin tưởng pháp môn đốn giáo này. Cho nên bình thường tôi không nói. Nếu quý vị có lòng tin tưởng thì sớm đã thành Phật rồi!

Vì quý vị không tin tưởng, cho nên đến hôm nay vẫn còn xoay chuyển mãi trong vòng luân hồi lục đạo. Quý vị muốn luân chuyển thì cứ việc luân

chuyển, không có ai có thể ép buộc được.

Mê và ngộ chỉ là vấn đề nhanh chậm mà thôi, quý vị nay không đoạn, sau này thành Phật nhất định phải đoạn. Quý vị nay không muốn làm Phật cho nên không muốn đoạn. Đốn pháp này là cửa kiến tánh. Nếu quý vị có thể đoạn trừ lòng dâm dục thì có thể minh tâm kiến tánh. Không nên giảng pháp này cho người ngu si nghe, họ không thể hiểu được, dù quý vị giảng cho họ nghe, họ cũng không tin tưởng đâu.

Thuyết tức tuy vạn ban,

Hợp lý hoàn quy nhất.

Phiền não ám trạch trung,

Thường tu sinh tuệ nhật.

Nói tuy có muôn thứ,

Lý hợp một không hai.

Phiền não trong nhà tối,

Thường phải sanh huệ nhật.

Giảng nói đạo lý có rất nhiều cách, nhiều phương pháp. Và đạo lý nói ra nhiều đến muôn ngàn. Nhưng bao nhiêu pháp môn cũng đều để đối trị phiền não, vô minh. Nếu hiệp về cội nguồn, thì chỉ có một đạo lý căn bản, tức là đốn pháp này, chính là pháp dạy quý vị đốn đoạn vô minh mà hiển hiện pháp tánh. Phiền não giống như ở trong phòng đen tối. Nếu quý vị có trí huệ, thì giống như ánh sáng mặt trời chiếu sáng huy hoàng.

Tà lai phiền não chí,

Chánh lai phiền não trừ.

Tà chánh câu bất dụng,

Thanh tịnh chí vô dư.

Tà sanh phiền não dấy,

Chánh đến não phiền tan.

Chánh tà đều chẳng dụng,

Thanh tịnh chứng Niết Bàn.

Tà lai, chính là lòng dâm dục phát sanh, phiền não tự nhiên theo đó phát sanh. Không nên cho rằng nó là niềm vui hay happiness. Nó chính là căn bản của phiền não. Chánh có nghĩa là trí huệ Bát nhã, vô minh đã bị phá vỡ, phiền não sẽ bị diệt trừ. Lúc tà chánh đều không có, đó chính là Vô dư Niết Bàn. Tà chánh mà ở đây nói đến đều không dùng. Có người nói: "Tà cứ để cho nó tà, chánh cứ để cho nó chánh, không màng đến nó!" Không màng đến, thì quý vị vẫn ở trong phòng tối đen. Tà chánh đều không dùng — nghĩa là đã vượt qua rồi, đã là người từng trải, cho nên tà cũng không có, chánh cũng không tồn tại. Tại sao có chánh? Vì có tà nên mới hiển chánh. Tại sao có tà? Vì có chánh nên mới hiển tà. Lúc tà chánh đều không có, đó chính là Vô dư Niết Bàn thanh tịnh.

Bồ đề bốn tự tánh,

Khởi tâm tức thị vọng.

Tịnh tâm tại vọng trung,

Đản chánh vô tam chương.

Bồ đề là tự tánh,

Tâm động tức vọng mộng.

Tịnh tâm trong chỗ vọng,

Thường chánh ba chương vọng.

Bồ đề tự tánh không nên tìm cầu bên ngoài, vì trí huệ Bát nhã tự tánh vốn đầy đủ. Quý vị vừa khởi tâm động niệm thì chính là vọng niệm. Bốn lai thanh tịnh vô dư Niết Bàn thì không có tất cả niệm, nó là vô ý, vô niệm, vô vọng. Vô ý chính là giới cụ túc, vô niệm là định cụ túc, vô vọng là huệ cụ túc. Cho nên tâm tịnh ở trong vọng, giống như trong băng có nước, trong nước cũng có thành phần của băng đá. Nếu thường tu hành chánh pháp sẽ rời được tam chương – nghiệp chương, báo chương, phiền não chương. Nghiệp chương tức là những nghiệp chương đã tạo làm chương ngại. Báo chương tức là thân thọ quả báo mà gây chương ngại. Phiền não chương tức là tất cả phiền não làm chương ngại mình.

Thế nhân nhược tu Đạo,

Nhất thiết tận bất phòng.

Thường tự kiến kỳ quá,

Dữ Đạo tức tương đương.

Người đời nếu tu đạo,

Pháp nào cũng vô ngại.

Thường tự thấy lỗi mình,

Cùng đạo tức tương ứng.

Người thế gian nếu muốn tu đạo, pháp môn nào cũng có thể thành tựu đạo nghiệp, nếu quý vị chân chánh hiểu rõ chánh pháp, thì đi đứng nằm ngồi đều có thể tu hành. Đầu tiên quý vị phải nhìn thấy những lỗi lầm của chính mình, không nên chỉ nhìn thấy những cái sai của người khác, giống như gương soi chỉ soi bên ngoài, mà không thể tự mình hồi quang phản chiếu. Không nên nhìn thấy những lỗi lầm của người khác, mà không tự hỏi mình có thể giữ gìn trong sạch ngũ giới hoặc có khởi lên các vọng tâm tà niệm hay không. Nếu có thể thường thấy lỗi của mình, thì tương ứng với đạo, mà không đi ngược với đạo.

Bài kệ này nếu ghi nhớ vào lòng thì trọn đời thọ dụng không cùng. Lục Tổ Đại sư nói hay quá, vừa đơn giản vừa rõ ràng, mọi người đều dễ dàng hiểu được. Nếu có thể hiểu được ý này thì đối với việc tu đạo có rất nhiều lợi ích.

Sắc loại tự hữu đạo,

Các bất tương phòng nào.

Ly đạo biệt mịch đạo,

Chung thân bất kiến đạo.

Sắc loài tự có đạo,

Hỗ tương nào nào ngại,

Lìa đạo mà tìm đạo,

Chung thân đạo khó vào.

Sắc tức là hữu hình hữu tướng. Nếu trong cái sắc hữu hình hữu tướng này, quý vị có thể hiểu rõ, khai ngộ, đoạn trừ ái dục, mà không chấp vào sắc

tướng, tự nhiên sẽ có đạo, không cần phải rời đạo mà đi tìm đạo bên ngoài. Nếu quý vị nhận biết, mà không bị nó làm cho mê mờ, đó chính là "đôi bên không bị phiền não chướng ngại." Nếu quý vị rời đạo mà tìm đạo ở bên ngoài, đây là việc vô ích, cho nên nói "Kiến sự tỉnh sự xuất thế gian, kiến sự mê sự đọa trầm luân." Nhìn sự việc mà tỉnh ngộ sự việc gọi là xuất thế, nếu gặp sự việc mà sanh tà kiến, kiến hoặc thì gọi là đọa lạc.

Đến với đạo, nhưng quý vị đang tu đạo gì? Tức là từ sáng đến tối những việc mình làm đều như pháp, không làm những việc bất chánh, sai lầm, đó chính là mình tu đạo. Còn nếu ly khai những việc thường ngày mà tìm cầu đạo bên ngoài thì không bao giờ quý vị tìm được đạo.

Ba ba độ nhất sinh,

Đáo đầu hoàn tự áo.

Dục đắc kiến chân đạo,

Hạnh chánh tức thị đạo.

Bôn ba qua một kiếp,

Rốt cuộc nào phiền còn.

Muốn thấy nền chơn đạo,

Hạnh chánh ấy đạo chơn.

Ba ba có nghĩa là khổ cực, quý vị khổ cực suốt một đời, đến già bèn hối hận. Lúc đó tự than tự trách: "Ôi, tôi đã để thời gian trôi qua một cách vô ích, để hôm nay trong lòng tràn ngập hối hận ăn năn. Nếu tôi không uống nhiều rượu như thế, thì làm sao ngu muội đến chừng này? Nếu tôi một đời không đánh bạc thì làm sao nghèo đến nước này. Cuộc đời của tôi, nếu có

người đến khuyên nhắc tôi, tôi cũng có thể tu hành mà, không đến nỗi gặp phải cảnh như hôm nay! Nhưng vì không gặp được Thiệ tri thức, dù có gặp Thiệ tri thức cũng không nhận biết."

Dù Thiệ tri thức có dạy bảo, quý vị cũng xem như gió thoảng bên tai, cũng không có sửa đổi những tập khí tật xấu của mình. Cho nên cuối cùng vẫn là tự mình hối hận mà thôi.

Quý vị muốn gặp được đạo chân chánh, cần phải nỗ lực tinh tấn tu hành, không nên chứa chấp tà niệm, không nên chỉ nhìn thấy lỗi lầm của người, tát nước lạnh vào sự nhiệt tình của kẻ khác, tật đổ chướng ngại, chỉ vì sợ người khác giỏi hơn mình.

Tự nhược vô đạo tâm,

Ám hành bất kiến đạo.

Nhược chân tu đạo nhân,

Bất kiến thế gian quá.

Đạo tâm mình chẳng có,

Làm quấy đạo lìa xa,

Người thật lòng hành đạo,

Lỗi đời khá bỏ qua.

Nếu tự mình không có đạo tâm, không tu đạo, chỉ biết làm những việc tội lỗi, không dám cho người khác biết, thì đó không phải là đạo. Người chân chánh tu đạo không nhìn thấy những lỗi lầm của người thế gian. Có người nói:

–Nay thời mạt pháp quá xấu xa, đã không còn Phật pháp. Dù có tu hành cũng không chứng quả.

Tại sao quý vị không chứng quả? Pháp vốn không mạt, không có tà không có chánh. Nếu quý vị tu trì chánh pháp, thì đó là thời đại chánh pháp. Nếu không nhìn thấy lỗi lầm của thế gian, nhìn thấy mọi người đều là Phật, thì mình chính là Phật. Nếu nhìn thấy tất cả chúng sanh đều là ma, thì mình cũng là ma. Cho nên nói: "Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá (nếu là người chân chánh tu hành học đạo thì không nhìn thấy lỗi lầm của kẻ khác)."

Nhược kiến tha nhân phi,

Tự phi khước thị tả.

Tha phi ngã bất phi,

Ngã phi tự hữu quá.

Nếu thấy người lầm lỗi,

Ấy mình lỗi chẳng sai.

Người lỗi, ta không lỗi,

Ta lỗi bởi chê bai.

Nhược kiến tha nhân phi, chính là nhìn thấy người khác không đúng. Tự phi khước thị tả, nếu biết người khác có lỗi lầm, thì bản thân mình cũng lầm lỗi. Hãy nhìn Đức Phật: Ngài có thấy lỗi lầm của ai không? Phật nhìn tất cả chúng sanh đều là Phật. Quý vị không nên cùng người khác làm việc sai lầm. Nếu nhìn thấy cái sai của người khác thì chính mình cũng tự có phần tham gia vào đó, chính mình cũng đã sai lầm. Người khác sai lầm, nhưng

mình không nên sai lầm, không nên nhìn thấy cái sai lầm của người khác mà cần phải phát huy tâm đại từ đại bi. Đối với bất cứ người nào, ta cũng nên có tâm từ bi, thương xót chúng sanh mà phát nguyện độ họ thành Phật.

Đản tự khước phi tâm,

Đả trừ phiền não phá.

Tăng ái bất quan tâm,

Trường thân lưỡng cước ngoạ.

Hãy trừ lòng tưởng quấy,

Phiền não phá tiêu tan.

Ghét yêu đừng để dạ,

Duỗi căng nghỉ thanh nhàn.

Nếu trừ đi những tâm niệm sai lầm của mình, thì phiền não không còn nữa.

Tăng ái bất quan tâm: Tăng có nghĩa là ghét bỏ, ái tăng đều là một loại tình cảm. Người tu đạo cần phải chân chánh dụng tâm từ bi thương xót tất cả chúng sanh, phát nguyện độ tất cả chúng sanh thành Phật. Nếu chúng sanh không thành Phật tôi nguyện cũng không thành Phật. Hôm nay có người quy y. Sau khi quy y rồi cần phải giữ gìn giới luật. Người tin Phật không nên có những hành vi sai lầm trước kia, nếu không như vậy người ta sẽ nói: "Người đó tin Phật mà vẫn làm những điều sai lầm như lúc trước." Điều đó khiến cho người chung quanh không tin Phật. Cho nên tôi phát nguyện, phàm những người quy y tôi, nếu không thành Phật, tôi sẽ đợi họ, khi nào họ thành Phật tôi mới thành Phật. Vì tôi không còn cách nào khác, chỉ có

phát nguyện đợi quý vị thành Phật. Người nào sau khi quy y rồi, cần phải mau mau tu hành, không nên để tôi phải đợi chờ. Tôi chờ đợi các vị lâu quá tôi cũng chán ngán, lúc đó tôi sẽ không muốn đợi nữa.

Trường thân lưỡng cước ngọa: Duỗi thẳng đôi chân nằm ngủ, đây thật hợp với những người làm biếng. Nhưng câu này không phải dạy chúng ta nằm ngủ, mà là biểu thị sự tự do, không bị ràng buộc, không bị chướng ngại, đó mới có thể rời xa điên đảo đạt cứu cánh Niết Bàn. Không nên nghe Lục Tổ dạy rằng "Trường thân lưỡng cước ngọa" bèn suốt ngày nằm ngủ là không đúng.

Dục nghĩ hóa tha nhân,

Tự tu hữu phương tiện.

Vật linh bí hữu nghi,

Tức thị tự tánh hiện.

Muốn toan lo độ thế,

Phương tiện phải sẵn sàng.

Chớ để người nghi hoặc,

Tự tánh mới quang minh.

Nếu muốn giáo hóa chúng sanh, thì tự mình phải có pháp môn phương tiện quyền xảo, đối với chúng sanh nào thì phải biết thuyết những pháp môn nào, không nên chấp trước, không nên khiến chúng sanh sau khi nghe pháp khởi lòng nghi hoặc, đó chính là tự mình phải biết vận dụng tự tánh của chính mình, từ đó tự tánh trí huệ quang minh của mình sẽ hiển hiện.

Phật pháp tại thế gian,

Bất ly thế gian giác.

Ly thế mịch Bồ đề,

Kháp như cầu thổ giác.

Phật pháp ở trần thế,

Không lìa thế gian giác.

Bỏ đời tìm đạo chánh,

Sùng thờ kiếm sao ra.

Phật pháp là gì? Phật pháp cũng chính là pháp thế gian, pháp xuất thế cũng chính là Phật pháp. Thế gian pháp là những pháp thế tục thông thường, mà Phật pháp là pháp tại thế gian mà lại xuất thế gian, thế nên nói Phật pháp tại thế gian không rời khỏi trí huệ Bát nhã của thế gian. Nếu rời khỏi thế gian đi tìm Bồ đề, điều này cũng giống như muốn nhổ mọc sùng, thì không bao giờ có được, đi bất cứ nơi nào cũng không thể tìm kiếm ra.

Chánh kiến danh xuất thế,

Tà kiến thị thế gian.

Tà chánh tận đả khước,

Bồ đề tánh uyển nhiên.

Chánh kiến là xuất thế,

Tà kiến ấy thế gian,

Chánh tà đều phá hết,

Giác tánh hiện rõ ràng.

Có chánh kiến, đó gọi là pháp xuất thế. Chánh kiến chính là giác ngộ: lòng dâm dục của mình cần phải đoạn trừ. Tà kiến chính là cho rằng có thể tùy thuận theo dục vọng mà khiến cho nó phát triển: loại tà tri tà kiến, cái dục tâm này gọi là pháp thế gian. Tà chánh đều bị quét sạch, lúc đó tánh Bồ đề sẽ hiện tiền, mà không phải giống ruồi bên ngoài tìm tánh Bồ đề.

Thử tụng thị đốn giáo,

Diệt danh đại pháp thuyền.

Mê văn kinh lụy kiếp,

Ngộ tắc sát na gian.

Tụng này là Đốn giáo,

Cũng kêu đại Pháp thuyền.

Mê, nghe kinh lữ kiếp,

Ngộ, thấy Phật tâm liền.

Tôi nay thuyết bài kệ là pháp môn đốn giáo, là pháp môn thành Phật. Đoạn kệ này cũng có thể gọi là con thuyền pháp lớn, có thể chuyên chở tất cả chúng sanh từ bờ sanh tử bên này, vượt qua dòng phiền não mà đến bờ Niết Bàn bên kia. Nếu quý vị mê hoặc không hiểu rõ, thì cần phải trải qua một thời gian rất dài mới có thể khai ngộ; còn nếu quý vị không thể đốn ngộ, thì hãy buông bỏ tất cả dục niệm. Như thế trong một sát-na ngắn ngủi, quý vị liền có thể khai ngộ mà nhận thức một cách chân chánh.

*

Đại sư lại nói: "Nay tại chùa Đại Phạm, ta nói pháp Đốn giáo này, phổ nguyện chúng sanh trong Pháp giới, vừa nghe pháp rồi, đều liền thấy tánh thành Phật."

Lúc ấy Vi Thứ sử và các viên quan, chức sắc, cùng với các người đạo, tục, nghe Đại sư nói pháp, cả thầy đều giác ngộ, đồng làm lễ một lượt mà khen rằng: "Hay thay! Nào dè ở xứ Lĩnh Nam có Phật ra đời!"

Giảng:

Lục Tổ Đại sư lại nói:

–Tôi nay giải thuyết pháp môn đốn ngộ tại Chùa Đại Phạm, tôi cũng phát nguyện, nguyện pháp giới chúng sanh, lúc giảng bài kệ tụng này, tất cả đều kiến tánh thành Phật.

Lúc đó Thứ sử Vi Cừ cùng với quan viên, đạo sĩ, cư sĩ nghe Lục Tổ Đại sư nói bài tụng Vô Tướng xong, mọi người đều phấn tỉnh khai ngộ, và đồng thời hướng về Lục Tổ Đại sư đánh lễ tạ pháp, hoan hỷ tán thán:

–Hay thay! Hay thay! Thật không ngờ xứ Lĩnh Nam quê mùa lại có Phật ra đời.

---o0o---

Phẩm Nghi Vấn Đệ Tam

Một hôm Vi Thứ sử vì Đại sư thiết lễ đại hội Trai Tăng.

Giảng:

Chương thứ ba là **Phẩm Nghi Vấn**, vì Thứ sử Vi Cừ nghi ngờ lời của Tổ sư Đạt Ma nói Lương Võ Đế không có công đức, vì thế mới thưa hỏi Lục Tổ Đại Sư.

Một ngày họ Thứ sử Vi Cừ vì Lục Tổ Đại Sư thiết lễ Trai Tăng, thỉnh tất cả Tăng Ni, Cư sĩ, Đạo sĩ, học giả, quan viên và chư thiện tín cùng độ trai. Người làm quan thích ăn thịt, nhưng vì Thứ sử Vi Cừ tin sùng Phật pháp, vì thế khuyên mọi người đến ăn chay. Đại, biểu thị có rất nhiều người đến tham dự, ở Trung Quốc có Thiên Tăng Trai, thỉnh trai Tăng một ngàn vị, trong một ngàn người nhất định có A la hán, cho nên cúng Thiên Tăng Trai chính là cúng dường A la hán. Vậy ai là A la hán? Không ai biết, bởi vì nếu ông biết được thì ông chỉ cúng dường A la hán mà không cúng dường Thiên Tăng Trai nữa. Tôi nghĩ ở đây không chỉ Thiên Tăng Trai, mà có lẽ là vạn nhân trai, tiệc chay cho muôn người.

Lễ Trai Tăng này là mời khách cho Lục Tổ, vì Lục Tổ là người xuất gia, không thể mời khách đến ăn cơm. Người tại gia nên cúng dường cho người xuất gia, mà không phải người xuất gia cúng dường người tại gia. Cách đây mấy ngày có một vị cư sĩ từ Hương Cảng đến, lúc sắp ra đi, tôi nói với người này rằng:

–Là cư sĩ cần phải cúng dường Tam Bảo, không nên để Tam Bảo cúng dường mình. Cô làm cư sĩ trong đạo trường Phật giáo, cần phải phát tâm cúng dường Tam Bảo, không nên ở trong đạo trường kiếm cơm ăn. Làm vị cư sĩ cần phải hộ trì Tam Bảo, không nên để Tam Bảo hộ trì cư sĩ.

Cô ta nghe xong thưa rằng:

–Bạch Hòa Thượng, trong cuộc đời của con chưa từng nghe qua vị Thiện tri thức nào nói với con những lời khẩn thiết như vậy, đây thật sự đã cảnh tỉnh cho con là một kẻ mê mờ ⁽²⁾, con về sau nhất định sẽ sửa đổi, không giống như lúc trước nữa.

Thứ sử Vi Cừ là đệ tử quy y của Lục Tổ Đại sư, nhưng ông ta muốn nhiều người đến quy y, tôn sùng, tín ngưỡng Sư phụ của mình, vì thế dùng phương thức mời mọi người đến dự Trai Tăng, cho nên có câu: "Đầu tiên phải dùng lợi dẫn dắt, sau mới có thể đưa người vào biển Phật pháp." Tham ăn mê sắc là bản tánh của con người, ai cũng muốn ăn ngon, sau khi ăn xong những món ăn ngon ngọt mà không thể nào quên được, bèn bắt đầu muốn nghe kinh. Lúc mới đến lần đầu tiên không phải vì Pháp mà là vì ăn, ăn xong là đến phần nghe Kinh, lúc đó mới phát hiện mùi vị của Pháp còn ngon hơn mùi vị của những món ăn này nhiều. Lúc đó mới thích thú mùi vị của Pháp hơn bất cứ mùi vị nào.

Thứ sử Vi Cừ hiểu rõ tâm người như thế, cho nên vì Sư phụ thiết Đại hội trai. Ông ta không phải vì mình, vì danh hay vì muốn nổi bật: "Quý vị xem! Tôi là người cư sĩ cúng dường Tam Bảo đây."

Cách thức gây quỹ này, có lẽ giống như cách tổ chức tiệc cơm gây quỹ tranh cử Tổng Thống hiện nay, nói: "Chúng tôi muốn trùng tu Chùa Nam Hoa, vì thế thỉnh quý vị trai Tăng hóa duyên bố thí mà trùng tu chùa." Đại hội Trai Tăng này nhất định do vì sửa chùa mà thỉnh đến, cho nên ông ta mới hỏi về vấn đề Lương Vũ Đế tạo tự độ Tăng có những công đức gì.

*

Trai Tăng xong, Thứ sử thỉnh Đại sư lên tòa giảng, rồi cùng các viên quan, chức sắc, học trò và dân chúng đồng nghiêm trang đến làm lễ Đại sư một lần nữa mà hỏi rằng: "Đệ tử nghe Hòa Thượng nói pháp, thiệt không thể nghĩ suy và bàn nghị được. Nay vì có một chút nghi, xin Ngài đại từ bi riêng vì đệ tử mà giải rõ."

Sư nói: "Có điều nào nghi thì hỏi, ta giải cho."

Vi Thứ sử bạch: "Chỗ giảng thuyết của Hòa Thượng có phải là tông chỉ của Đạt Ma Đại sư chăng?"

Sư nói: "Phải."

Vi Thứ sử bạch: "Đệ tử có nghe đức Đạt Ma lúc ban sơ hóa độ Lương Võ Đế, vua hỏi rằng: 'Trẫm trọn đời cất chùa độ tăng, đãi chay làm phước, có công đức gì?' Đức Đạt Ma nói: 'Thiệt không có công đức.' Đệ tử chưa hiểu thấu lẽ ấy, xin Hòa Thượng giải cho."

Giảng:

Trai Tăng hoàn mãn, Thứ sử Vi Cừ cung kính thỉnh Lục Tổ Đại sư thăng pháp tòa, ông ta đại biểu cho người dân ở đây cung thỉnh Đại sư thuyết pháp. Ông ta nhận thấy việc cầu pháp rất quan trọng, nên cung kính thưa rằng: "Bạch Hòa Thượng, con nghe Hòa Thượng thuyết pháp, thật không thể nghĩ bàn. Nay tâm con có một vài nghi vấn, thỉnh Đại sư phát đại từ bi, đặc biệt vì con giải nói."

Lục Tổ Đại sư nói: "Hay lắm! Ông có vấn đề nan giải gì thì đưa ra hỏi, tôi nhất định vì ông giải thuyết."

"*Công*" là vị vị ghi chép *Lục Tổ Đàn Kinh*, tôn trọng Thứ sử Vi Cừ là vị quan lớn, vì thế gọi là *Công*. Chữ *Công* trong tiếng Hán dùng để xưng hô người đáng được tôn trọng nhất. Lúc đệ tử của tôi đến Đài Loan thọ giới, gặp phải các Tỳ kheo thọ giới trước mình đều tôn xưng là *Công*. Quý vị gọi một tiếng *Công*, người đó liền cảm thấy vui vẻ trong lòng, còn nếu không như vậy, họ liền cảm thấy tâm giới tử không có lòng cung kính. Thứ sử Vi Cừ hỏi:

–Bạch Hòa Thượng, pháp của Ngài thuyết ra, có phải cùng một đạo lý với Đại sư Đạt Ma không?"

Đại sư trả lời:

–Đúng vậy. Tôi giảng pháp môn dùng tâm ấn tâm, trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật của Đại sư Đạt Ma.

Thứ sử Vi Cừ nói:

–Con nghe nói Tổ sư Đạt Ma lúc ban sơ từ Quảng Châu đến Nam Kinh hóa độ Lương Võ Đế, Võ Đế hỏi: "Trẫm suốt đời trùng tu xây dựng chùa chiền, độ rất nhiều Tăng Ni xuất gia (Lúc đó Hoàng đế rất hoan nghinh người đi xuất gia, tất cả tứ sự như ăn, mặc, thuốc men và chỗ ở đều do nhà vua cúng dường, lại nữa nhà vua rất cung kính, lễ bái các vị xuất gia. Quý vị xem, đây thật là quá tốt!). Tôi lại dùng công quỹ bố thí cho người nghèo, cúng dường trai Tăng, như thế trẫm có công đức gì?"

Quý vị phải biết! Lương Võ Đế cái gì cũng muốn hơn người, vì thế lúc gặp Tổ sư Đạt Ma, nhà vua không cầu pháp thoát ly sanh tử, mà chỉ muốn Tổ sư Đạt Ma khen ngợi tán thán mình. Nhà vua sợ Tổ sư Đạt Ma không biết công đức của mình, nào là tạo tự độ Tăng, bố thí cúng dường, vì thế nhà vua bèn tự giới thiệu: "Ở đây ở đó, trẫm đã xây dựng rất nhiều chùa chiền, trong chùa có rất nhiều vị xuất gia, họ xuất gia đều do trẫm tài bồi thành tựu cho, trẫm lại phát tâm rộng lớn bố thí cúng dường. Trẫm làm Hoàng đế không giống như những Hoàng đế khác, trẫm là vị Hoàng đế chuyên làm việc tốt, chuyên làm việc công đức. Ngài xem trẫm có bao nhiêu là công đức?"

Quý vị xem! Nhà vua không nghĩ đến việc cầu pháp liễu sanh tử, mà chỉ muốn khoe khoang công đức của mình. Giống như một vị cư sĩ kia, đi đâu cũng khoe rằng: "Quý vị có biết tôi là ai không? Tôi là người hộ trì Phật giáo rất đặc lực, rất mạnh mẽ, tất cả tiền bạc của tôi đều cúng dường Tam Bảo hết rồi." Kỳ thực ông ta sử dụng vào những cuộc vui chơi vô ích nhiều gấp trăm ngàn lần cúng dường Tam Bảo, nhưng lại không nói ra, mà chỉ nói mình cúng dường Tam Bảo, ngay cả tiền du hý cũng nói là cúng dường Tam Bảo. Ôi! Quý vị thấy có điên đảo hay không? Đây là sự thật, có người tiêu xài bao nhiêu tiền bạc vào những cuộc ăn chơi bài bạc rượu chè thì không nói, nhưng nếu chỉ cúng dường Tam Bảo một đồng liền đi khắp nơi rêu rao. Những người này chắc chắn là đệ tử của Lương Võ Đế.

Tổ sư Đạt Ma nghe Lương Võ Đế tự giới thiệu, tự khoe công đức, tự khoe mình, say đắm vào trong tự ngã như thế, nhưng Tổ sư Đạt Ma là vị thánh nhân, Ngài không nói những lời nịnh bợ! Nếu là người bình thường vừa nghe nhà vua nói như thế, liền vội vàng nói: "Bệ hạ có công đức lắm đó! Công đức của bệ hạ độc nhất vô nhị, trên đời này không có người thứ hai." Nhưng Đạt Ma là vị Tổ Sư, Ngài làm sao mà có dụng ý xấu chịu theo ý người được? Cho nên liền nói: "Không có công đức, thực không có công đức nào cả!"

Thứ sử Vi Cừ nói: "Đệ tử chúng con không hiểu được ý này, kính mong Thượng nhân vì chúng con giải thuyết."

*

Sư nói: Thiết không có công đức. Chớ nghi lời của Thánh nhưn đời trước. Võ Đế lòng tà, không biết chánh pháp. Cất chùa độ tăng, đãi chay làm phước, ấy gọi là cầu phước. Không thể lấy phước mà kể là công đức được. Công đức ở trong Pháp thân, chớ chẳng phải ở chỗ tu phước."

Giảng:

Lục Tổ Đại sư trả lời: "Thật không có công đức, các ông không nên hoài nghi lời của Tổ sư Đạt Ma. Lương Võ Đế tâm tà không chánh, chỉ biết háo danh háo tiếng, không hiểu chánh pháp. Cho nên những cái gọi là tạo tự độ Tăng, bố thí Trai Tăng, đó chỉ là gieo trồng phước điền, không thể đem phước nói là công đức. Công đức thuộc về Pháp thân, cho nên tu phước không phải là công đức."

*

Sư lại nói: Thấy tánh là công, giữ lòng bình đẳng là đức. Niệm niệm tâm không ngưng trệ, thường thấy Bản tánh, diệu dụng chơn thật, ấy

gọi là công đức. Bên trong giữ lòng khiêm hạ là công, bên ngoài hành động theo lễ là đức. Tánh mình lập ra muôn pháp là công, tâm thể lìa niệm là đức. Chẳng lìa tánh mình là công, ứng dụng không nhiễm trần là đức. Muốn tìm cái công đức Pháp thân, thì phải y theo đây mà tu hành. Thế mới là thiệt có công đức.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư lại nói:

–Công đức là gì? Kiến tánh là công, thấy tự tánh bốn lai của mình, thấy diệu tánh quang minh vốn có của mình. Nếu quý vị có công phu, thì có thể kiến tánh. Ví như ngòi thiên, ban đầu miễn cưỡng sau đó trở thành tự nhiên, lúc vừa mới ngòi thiên cảm thấy chân đau lưng nhức, nhưng lúc quý vị hàng phục, chiến thắng được cái chân nhức này, khi chân không còn đau nhức nữa, đó chính là công phu, chân vẫn còn đau thì không có công. Kiến tánh là gì? Tức là nhìn thấy bốn lai diện mục của mình, nhưng đòi hỏi quý vị phải tự mình tìm kiếm, tôi không thể nói với quý vị được. Nếu tôi nói cho quý vị nghe, đó vẫn là cái đặc từ bên ngoài. Quý vị cần phải tự tánh tự ngộ mới có thể được, nhưng sau đó cần phải do Thiệt tri thức ấn chứng quý vị mới được, chớ không thể tự phong mình là quốc vương, là Bồ Tát. Giống như một kẻ hippy lúc trước đến đây, hút thuốc phiện làm cho đầu óc quay cuồng, rồi nói mình là Bồ Tát, thật ra đó chính là ma quỷ.

Bình đẳng chính là không có tâm ích kỷ tự lợi, tất cả đều là bình đẳng, chí công vô tư, đối với bất cứ người nào cũng không ích kỷ, tự tư tự lợi, mà là bình đẳng, chí công vô tư đối đãi tất cả chúng sanh. Nếu quý vị có thể chí công vô tư, liền có đức hạnh. Nếu quý vị niệm niệm không ngưng trệ, không chấp trước, thì có thể thường thường thấy được bốn tánh. Giống như Lục Tổ Đại sư nói: "Nào dè tánh mình vốn thanh tịnh, nào dè tánh mình vốn không sanh diệt, nào dè tánh mình vốn tự đầy đủ, nào dè tánh mình vốn không động diêu, nào dè tánh mình năng sanh muôn pháp." Đó cũng chính

là diệu dụng chân thực, chính là công đức. Quý vị không tìm kiếm nơi mình mà lại giong ruổi tìm cầu bên ngoài, nói tôi đã tạo rất nhiều chùa, độ rất nhiều Tăng Ni, bố thí cho vô số người nghèo, cúng dường Tam Bảo Chư Tăng. Đó đều là truy cầu bên ngoài. Bên ngoài là phước, mà không phải là công đức, lúc tự mình công đức viên mãn, thì có thể cùng Phật không sai khác.

Tâm của quý vị khiêm tốn không tự mãn, đó chính là công, mà không phải nói: "Các vị xem tôi giỏi hơn bất cứ người nào, các vị xem tôi có bản lãnh như thế, các vị xem tôi tinh thông Phật pháp hơn kẻ khác." Nếu không có thể khiêm tốn nhún nhường thì không có công. Cho nên chúng ta đối với mọi người, lời nói ra cần phải hòa nhã một chút, không giống như cây gậy, nói lời ra giống như đánh bễ đầu người ta, một câu nói còn tác hại hơn so với việc lấy gậy sắt đánh người, nếu năng khiêm nhường thì sẽ không có xảy ra việc tổn thương hòa khí như vậy.

Tâm các vị nên khiêm tốn, nhìn thấy người khác đều tốt hơn mình, không nên tự mãn, cho nên nói "*Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích* (Tự mãn sẽ chuốt lấy tổn hại, khiêm nhường sẽ nhận được sự lợi ích)." Giống như một tách trà rót đầy rồi mà vẫn cứ rót thì sẽ tràn ra ngoài, không có ích lợi gì, đó gọi là mãn chiêu tổn. Khiêm thọ ích, khiêm chính là lịch sự lễ độ, thì sẽ được lợi ích. Không nên nói: "Các vị xem, tôi là lớn nhất, là số một, là thông minh tuyệt đỉnh." Phật pháp không sợ quý vị không hiểu rõ, mà sợ quý vị không thực hành. Không hiểu rõ không quan trọng, nhưng không thực hành thì không có ích lợi gì, cho nên bên ngoài thực hành lễ phép chính là đức.

Tự tánh có thể kiến lập tất cả vạn pháp, tất cả vạn pháp đều từ tự tánh kiến lập, đó chính là công. Bốn thể tự tâm của ông rời xa vọng niệm tà niệm, đó chính là đức. Ông thường hồi quang phản chiếu, nhìn thấy tự tánh thường sanh trí huệ Bát nhã, đó chính là công. Ông dùng trí huệ Bát nhã ứng dụng vô phương, biến hóa vô cùng, và không có chỗ chấp trước, không làm những việc ô nhiễm, đó là đức. Vì Pháp thân là do công đức thành tựu. Ông

có công đức, Pháp thân liền thành tựu, nếu như ông muốn kiến lập công đức và Pháp thân thì cần phải y theo lời của tôi mà làm, đó mới là công đức chân chánh.

*

Người tu công đức, thì lòng chẳng nên khinh dễ người, mà phải cung kính khắp cả mọi người và muôn vật. Nếu lòng thường khinh dễ người, thì ngô ngã (cái của ta và ta) chẳng dứt, tức là mình không có công. Tánh mình giả dối, không chơn thật, tức là mình không có đức. Bởi ngô ngã tự đại, nên thường khinh dễ hết thảy.

Giảng:

Người muốn tu công đức, tâm không nên khinh thường người khác. Bất luận là người hay là súc sanh, chỉ cần là chúng sanh thì không nên khinh thường kiêu mạn, giống như Bồ Tát Thường Bất Khinh nhìn thấy ai cũng khấu đầu lễ bái và nói: "Tôi không dám khinh thường các ông, các ông đều thành Phật." Cho nên chính Ngài cũng thành Phật. Bồ Tát Thường Bất Khinh chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đó chính là Ngài hành Bồ Tát đạo trong kiếp quá khứ.

Lại nữa, cần phải cung kính tất cả chúng sanh. Nếu tâm thường khinh người, tật đổ kẻ khác, sợ người khác giỏi hơn mình, sợ người khác thông minh hơn ta, cái ta và của ta (tức ngô ngã) không đoạn trừ, đánh giá mình quá cao, giống như đã giảng trên đây: "Các vị xem tôi vĩ đại không, hiện nay không có chế độ quân chủ, nếu có, thì nhất định chức vị Hoàng đế phải do tôi làm, các vị không có phần, vì tôi thông minh hơn các vị, tôi có thể chi phối các vị, mà các vị không thể chi phối tôi," cho nên thường có cái *ngô ngã* tồn tại. Cái ta và cái của ta không đoạn trừ, không có cái của ta thì cũng có cái ta, hai cái này buông bỏ không được thì không có công, chính vì mình quá tự mãn.

Lại nữa, chính vì mình cũng không chân thực tu hành, cho nên tự tánh cũng hư vọng không chân thực. Bởi mình vốn không chơn thực, nên đến rốt cùng chính mình là thực hay giả đều không biết, đó gọi là tự tánh hư vọng. Không thực chính là tự mình không tin tưởng mình, giống như tôi khuyên bảo quý vị không nên uống rượu tại sao quý vị vẫn cứ uống? Tự mình không biết phải làm như thế nào, còn lại tạo nên tật xấu, đó gọi là tự tánh hư vọng. Mình không nhận thức chính mình – Tại sao lại như vậy? Chính vì mình không có đức hạnh, vì thiếu đức hạnh. Tại sao lại thiếu đức? Vì ngộ ngã tự đại, đánh giá mình quá cao. Thậm chí đem mình sánh với Phật, giống như nói: "Vị Pháp sư tên đó đó... đã khai ngộ, tôi và ông ta thì giống nhau." Anh ta không nói anh ta khai ngộ, mà nói Pháp sư đó khai ngộ, nhưng anh ta và Pháp sư khai ngộ đó lại giống nhau, đó cũng chính là tự giới thiệu mình đã khai ngộ rồi, đó chính là ngộ ngã tự đại, tuyệt đối không có công đức.

*

Chư Thiện tri thức! Niệm niệm không gián đoạn là công, lòng giữ công bình chánh trực là đức. Tự tu tự tánh là công, tự tu tự thân là đức.

Chư Thiện tri thức! Công đức phải thấy trong tánh mình, chớ chẳng phải tìm ở chỗ cúng dường và bố thí. Bởi vậy phước đức với công đức là khác nhau. Vua Võ Đế không biết Chơn lý, chớ chẳng phải Tổ Sư ta lầm.

Giảng:

Quý vị Thiện tri thức! Cái gì là công? Tức niệm niệm của mình chánh niệm không gián đoạn, niệm niệm tu hành không ngừng nghỉ lâu ngày sẽ có công, cho nên nói ban đầu miễn cưỡng lâu ngày trở thành tự nhiên; tâm mình thường hành bình đẳng chánh trực, mà không có tất cả tướng cong queo, chính là đức. Quý vị tự tu tự tánh của chính mình, tức là lúc chưa kiến

tánh cần phải tự mình tu tánh. Tu tánh tức là không sanh phiền não, ai đánh mình thì xem như đập vào tường vách, ai chửi thì xem người đó đang ca hát hoặc cho rằng họ đang nói tiếng ngoại quốc, giống như người ngửa mặt lên trời nhổ nước miếng, nước miếng rơi xuống mặt người đó. Người đó chửi quý vị, quý vị không để ý đến, thì cũng giống như người đó tự mắng mình vậy. Có người nói:

–Nếu đánh tôi, thân tôi đau nhức thì làm sao không đánh trả lại?

Cũng giống như ban đêm không có đèn, đụng đầu vào bức tường thì quý vị có đánh cho bức tường vài đấm không? Nếu đánh vài cái vào bức tường, thì ngược lại làm cho tay ông đau nhức thêm. Quý vị cần nên không để ý đến nó, giống như Bồ Tát Di Lặc nói:

"Già khờ mặc áo vá,

Cơm lạt bụng no nê,

Vá áo để che lạnh,

Vạn sự tùy duyên liễu.

Có người mắng Già khờ,

Già khờ chỉ nói tốt.

Có người đánh Già khờ,

Già khờ tự té xuống.

Nhổ đăm mặt Già khờ,

Cứ để nó tự khô.

Già cũng không phí sức,

Ông cũng không phiền nào.

Ba la mật như thế,

Chính là diệu trung bảo.

Nếu hiểu nghĩa lý này,

Lo gì không đạo đắc."

Thật tuyệt! Nhưng mà không dễ dàng làm được, diệu trung bảo này không thể dễ dàng đạt đến.

Tự tu tánh thì không nổi giận, tự tu thân thì không làm việc xấu, không có dục tâm, tham tâm, sân tâm, si tâm, không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, đó là tu thân và cũng chính là đức.

Quý vị Thiện tri thức! Công đức phải tự kiếm trên thân của mình, chớ không phải giông ruồi bên ngoài tìm cầu, không phải bố thí cúng dường Tam Bảo liền nói ông có công đức. Đó không có công đức, mà chỉ có phước. Cho nên *phước đức* và *công đức* có sự sai khác. Phước đức là do ông tạo phước nghiệp và tương lai sẽ thọ phước báo, mà công đức là ông lập tức nhận lấy, đương thời liền được lợi ích. Lương Võ Đế không hiểu chân lý, chớ không phải Tổ sư Đạt Ma của chúng ta giảng không đúng đạo lý, nói không có công đức. Lúc đó Tổ sư Đạt Ma vốn muốn cứu độ Lương Võ Đế, nhưng vì Võ Đế quá tự cao tự đại, cho rằng mình là Hoàng đế, đã có vô lượng công đức. Tổ sư Đạt Ma muốn phá chấp trước này của nhà vua, bèn nói nhà vua không có công đức. Lương Võ Đế nghe như vậy trong tâm không vui, không còn xem trọng Tổ sư Đạt Ma. Dù Tổ sư Đạt Ma có giảng gì đi nữa, nhà vua cũng không nghe, cho nên Tổ sư Đạt Ma bỏ đi. Quả nhiên sau đó không lâu, Lương Võ Đế bị đói chết. Nếu nói nhà vua có công đức thì tại sao lại bị chết đói? Tổ sư Đạt Ma muốn cứu vãn nghiệp tội, không để nhà vua chết đói, khiến cho nhà vua sanh tâm giác ngộ, nhưng

đáng tiếc Lương Võ Đế *ngô ngô* quá lớn, cho nên Tổ sư Đạt Ma không thể cứu nhà vua được.

*

Thứ sử lại hỏi: "Đệ tử thường thấy quý Thầy và người tục, niệm Phật A Di Đà, nguyện vãng sanh về Tây phương, xin giải rõ cho biết các người ấy được vãng sanh về Tây phương chăng? Xin Ngài phá chỗ nghi này."

Giảng:

Thứ sử Vi Cừ lại hỏi:

–Đệ tử chúng con thường thấy người xuất gia và người tại gia, niệm danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Lượng Thọ, phát nguyện vãng sanh về Thế giới Cực Lạc Tây phương. Nay con thỉnh Hòa Thượng vì chúng con mà giảng nói, có thể vãng sanh Thế giới Cực Lạc Tây phương không? Con cúi mong Hòa Thượng vì chúng con phá tan nỗi nghi ngờ mê hoặc này.

Thứ sử Vi Cừ thưa hỏi vấn đề này, không phải chính ông ta không hiểu rõ, mà là vì có một số người không hiểu rõ pháp môn này, họ lấy pháp môn Niệm Phật hủy báng Thiên tông, nói những người tu thiền ăn no xong liền ngồi ở đó, rốt cuộc là dụng công gì? Chỉ dụng công làm biếng mà thôi, không bằng niệm Nam Mô A Di Đà Phật mà có thể vãng sanh Thế giới Cực Lạc Tây phương tốt hơn, người niệm Phật thường hủy báng người tọa thiền như thế.

Mà người tọa thiền cũng công kích lại: các ông niệm Nam Mô A Di Đà Phật cầu sanh về Thế giới Cực Lạc Tây phương, vậy thì khi không có Phật A Di Đà, người ta lại niệm Phật nào đây?

Như thế niệm Phật cùng với tham thiền hủy báng công kích lẫn nhau, khiến người ta không biết cái nào là đúng. Vì có nhân duyên như thế cho nên Thứ sử Vi Cừ thưa hỏi Lục Tổ Đại sư.

*

Sư nói: "Sử quân hãy nghe cho kỹ, Huệ Năng giải cho. Đức Thế Tôn lúc ở thành Xá Vệ, nói kinh về chỗ tiếp dẫn vào cõi Tây phương, rõ ràng cõi ấy cách đây chẳng xa. Nếu luận về hình tướng và số dậm, thì có mười muôn tám ngàn, tức là chỉ mười điều ác và tám điều tà trong thân. Thế mới nói là xa. Nói xa là vì người hạ căn, nói gần là vì người thượng trí.

Giảng:

Xá Vệ Quốc là tiếng Phạn, Tàu dịch là Phong Đức, vì người ở đó có sự phong phú về ngũ dục tài bảo. Có đầy đủ ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù, mà người ta lại có đức đa văn giải thoát, đa văn tức học nhiều mà không chấp trước. Tại thành Phong Đức, Đức Phật thuyết pháp dẫn độ, giáo hóa chúng sanh vãng sanh Thế giới Cực Lạc Tây phương. Kinh văn nói rất rõ ràng: "Thế giới Cực Lạc cách chỗ này không xa. Nếu theo hình tướng mà nói có mười vạn tám ngàn." *Kinh A Di Đà* vốn thuyết mười vạn ức Phật độ mà không phải là mười vạn tám ngàn, nhưng Lục Tổ Đại sư vì để đối trị biên kiến của người đương thời cho nên nói mười vạn tám ngàn. Mười vạn ức Phật độ không chỉ mười vạn tám ngàn dậm mà là rất nhiều rất nhiều. Nếu giảng về tự tánh chính là thập ác bát tà. Thập ác tức ba điều ác của thân: sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Ba điều ác của ý: tham tâm, sân tâm, si tâm (tà kiến). Bốn điều ác của khẩu, là những điều ác tệ nhất, tức ý ngữ: nói lời ô trọc không thanh tịnh, chuyên nói về vấn đề nam nữ; vọng ngôn: nói láo, đặt điều; ác khẩu: tức chửi mắng người; lưỡng thiệt: chuyên môn bới móc, ly gián, nói chuyện thị phi.

Bát tà chính là tám điều ngược lại với Bát Chánh Đạo, tức là tà kiến, tà ngữ, tà tư duy, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn (còn gọi là tà phương tiện), tà niệm, tà định. Thập ác bát tà chính là con đường mười vạn tám ngàn dặm. Nói Thế giới Cực Lạc Tây phương ở xa là vì người hạ căn thuyết. Nói thập ác bát tà cách tự tánh chúng ta không xa, đó là thuyết cho người có trí huệ.

*

Người có hai hạng, pháp không có hai thứ. Tánh ngộ mê có khác nhau, chỗ kiến giải có mau chậm. Người mê niệm Phật cầu vãng sanh về cõi Tây phương, người ngộ tự tịnh tâm mình. Sở dĩ Phật nói: "Tâm mình tịnh, tức là cõi Phật tịnh."

Giảng:

Người có hai loại, đây không phải chỉ người da vàng và da trắng, mà chỉ người có trí huệ và người ngu si. Nhưng pháp không có hai loại, bất luận người ngu hay người trí đều tu pháp này, cho nên nói *pháp vô lượng ban*.

Mê và ngộ thì không giống nhau, nhưng kiến giải có chậm có nhanh. Người mê niệm Phật cầu sanh Thế giới Cực Lạc Tây phương, mà người có trí huệ khai ngộ thì tự tịnh kỳ ý, cho nên nói lúc tâm thanh tịnh đó chính là Thế giới Cực Lạc. Nếu quý vị thấu hiểu thì Thế giới Cực Lạc ngay trước mắt, không phải là mười vạn Phật độ xa như vậy. Nếu quý vị không hiểu thì không biết có bao nhiêu ngàn ức Phật độ xa xôi diệu vợi, cho nên nói: *Lúc mê ngàn quyển thiếu, ngộ rồi một chữ quá dư thừa*. Lúc mê nghiên cứu quyển kinh này lại nghiên cứu quyển kinh kia, nhưng cũng không rõ ràng sáng suốt, nếu đã chân chánh giác ngộ rồi, không cần nói nghiên cứu hết thảy kinh điển, thậm chí một chữ cũng là dư thừa. Nhưng điều này cần phải chân chánh hiểu rõ mới được, không nên chưa hiểu mà nói đã hiểu, nói tôi không cần xem Kinh, niệm Phật. Kỳ thực, đó là thứ làm biếng, làm bậy. Có người nói với tôi:

–Tôi lúc trước xem rất nhiều sách, đó là sai lầm, nay tôi sách gì cũng không thèm xem.

Trong lời nói đó biểu thị ông ta đã thành Phật, cho nên cái gì cũng không cần nữa – Đây thật ngu si đến cực điểm! Căn bản cái gì cũng không hiểu mà mạo nhận đã hiểu, giống như "lấy nước lạnh pha trà, là việc làm vô ích," dùng nước lạnh pha trà thì làm sao ra trà được. Cho nên những người kỳ *khô*, *quái rở* (weird, strange) trên thế gian này thật là nhiều.

*

Sử quân, người Đông phương mà tâm tịnh, thì không có tội. Còn tuy là người Tây phương mà tâm chẳng tịnh, thì cũng có tội. Người Đông phương tạo tội, niệm Phật cầu vãng sanh về Tây phương. Còn người Tây phương tạo tội, niệm Phật cầu vãng sanh về xứ nào?

Giảng:

Ý của Lục Tổ Đại sư trong đoạn này là: Bất luận quý vị ở Đông phương hay Tây phương, đều không nên tạo ác nghiệp. Nếu quý vị tạo nghiệp thì một phương cũng không thể vãng sanh, mà sẽ sanh đến ngạ quỷ phương, súc sanh phương, địa ngục phương. Cho nên nếu quý vị tu niệm Phật mà muốn vãng sanh Thế giới Cực Lạc Tây phương, cũng phải tu thiện. Tu thiện tông cũng cần phải tu thiện; không tu thiện, không làm công đức thì không thể thành tựu đạo hạnh của quý vị.

Lục Tổ Đại sư nói với Thứ sử Vi Cừ:

–Sử quân! người Đông phương chỉ cần tâm thanh tịnh, tức không có tạp niệm, lòng ích kỷ, tự tư tự lợi, tâm tật đố chướng ngại, tham tâm, sân tâm, si tâm, nếu không có tà niệm chính là không có tội lỗi.

Tuy người ở Thế giới Cực Lạc Tây phương, nếu tâm không thanh tịnh thì người đó cũng có tội. Nhưng đây là ví dụ, mọi người không nên cho rằng Lục Tổ Đại sư nói người Tây phương nếu tâm không thanh tịnh cũng có tội. Cần biết người ở Thế giới Cực Lạc Tây phương không giống với người ở Thế giới Ta-bà chúng ta. Họ không cần phải tịnh kỳ ý, vì tâm của họ vốn là tịnh, không có tham, sân, si, không có ba đường ác, cho nên đoạn này chỉ là ví dụ, không nên lấy Lục Tổ Đàn Kinh làm căn cứ, nói tâm người Tây phương cũng không tịnh, mà cần phải biết, tâm người Tây phương không có sự sai khác giữa tịnh và bất tịnh.

Lục Tổ Đại sư lại đưa ra một ví dụ:

–Các ông nếu chấp trước người Đông phương nhất định phải niệm Phật cầu sanh Tây phương, vậy thì người Tây phương tạo tội niệm Phật, lại cầu sanh vào cõi nào đây?

Đây chỉ là ví dụ, vì người Tây phương không bao giờ tạo nghiệp tội, chẳng qua Lục Tổ Đại sư vì muốn phá chấp trước của người, cho nên cố ý giảng như vậy. Nếu quý vị ở Đông phương niệm Phật, muốn vãng sanh Tây phương, điều trước tiên cần phải không có tội lỗi. Nếu quý vị có tội, thì không chỉ Tây phương, mà một phương cũng không thể đến được, và phương đến của quý vị chính là địa ngục. Cho nên Lục Tổ Đại sư nói người Đông phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây phương, người Tây phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh cõi nào? Chẳng lẽ đi đến Thế giới Cực Lạc? Do vậy không nên chấp trước như thế.

*

Người phạm mê muội, chẳng tỏ tánh mình, không biết cõi Tịnh độ trong thân, nên mới phát nguyện Đông nguyện Tây. Còn người giác ngộ đầu ở chỗ nào, tâm địa cũng một mực thanh tịnh tự nhiên. Cho nên Phật nói: Vô luận ở đâu tâm hằng an lạc.

Sử quân, nếu tâm địa mình trọn lành, thì cõi Tây phương cách đây chẳng xa. Bằng mình cứ mang cái tâm chẳng lành mà niệm Phật cầu vãng sanh, thì ắt khó đến cõi ấy.

Nay khuyên các Thiện tri thức, trước trừ mười điều ác, tức là đi tới mười muôn, sau dứt tám điều tà, ấy là qua khỏi tám ngàn. Niệm niệm thấy tánh, thường làm việc công bình, thì đến cõi ấy mau như khảy móng tay, liền thấy Phật Di Đà.

Giảng:

Phàm phu tục tử không biết tu tự tánh, không biết tự mình trước tiên phải tự tịnh kỳ tâm, chính là tịnh độ, cho nên phát nguyện cầu sanh Đông phương, cầu sanh Tây phương. Nhưng người khai ngộ ở bất cứ nơi nào cũng đều giống nhau, người này tùy chỗ trú ngụ mà an ổn, ở chỗ nào cũng không có lòng phân biệt. Cho nên Đức Phật thường nói: "*Tùy sở trụ xứ hằng an lạc.*"

Sử quân à! Nếu tâm địa không có chỗ nào không thiện, chỉ sung mãn lòng từ thiện thì Tây phương cách chỗ này không xa. Nếu ông ôm ấp tâm không thiện, thường làm những việc không tốt, dù có niệm Phật cầu vãng sanh cũng không đến đó được.

Nay ân cần khuyên nhắc các vị Thiện tri thức, trước tiên cần phải đoạn trừ thập ác, đó chính là đi mười vạn dặm đường. Sau đó trừ bát tà đó chính là vượt qua tám ngàn dặm đường. Nếu ông niệm niệm nhìn thấy bốn tánh của chính mình, thường làm việc công bình chính trực, vậy thì đến Thế giới Cực Lạc Tây phương nhanh như khảy móng tay, liền lập tức nhìn thấy Đức Phật A Di Đà.

*

**Sử quân, nếu làm mười điều thiện, thì cần gì phát nguyện vãng sanh!
Còn nếu chẳng dứt lòng cứ mang mười điều ác, thì Phật nào tới rước**

mình! Nếu hiểu rõ vô sanh đốn pháp, thì trong một sát-na ắt thấy cõi Tây phương. Bằng chẳng hiểu rõ pháp ấy, mà cứ niệm Phật cầu vãng sanh, thì đường xa vời vợi, thế nào mà đi đặng tới cõi ấy! Để Huệ Năng này dời cõi Tây phương trong một sát-na cho các người liền thấy trước mắt, các người muốn thấy chẳng?"

Chúng nơn đều đánh lễ đáp rằng: "Nếu thấy cõi ấy, thì cần gì phải nguyện sanh! Xin Hòa Thượng từ bi hiện cõi Tây phương cho mọi người được thấy."

Giảng:

Sử quân! Ông tu thập thiện, cần gì phải nguyện vãng sanh? Quý vị xem, người ta không dám tu thập thiện, nói: "Tôi vừa làm việc thiện liền có ma chướng." Nhưng ngược lại họ không sợ rằng làm ác sẽ có ma chướng, vì làm ác chính là ma làm, nhưng họ lại không sợ làm ác. Ôi! con người điên đảo như thế!

Nếu ông không đoạn trừ tâm thập ác, thì thân ông đầy dẫy nghiệp tội, từ đầu đến chân, mỗi gốc chân lông đều chứa đựng nghiệp tội, thì làm sao ông có thể đến Tây phương được? Phật nào mà đến rước ông? Ông làm điều tốt dù không cầu vãng sanh Tây phương cũng sẽ được vãng sanh. Nếu ông làm điều xấu xa tội lỗi, mà cầu vãng sanh Tây phương thì cũng không được vãng sanh. Vì ông có tội nghiệp trói buộc ông, tuy nói *đối nghiệp vãng sanh*, đó chỉ là nói như vậy mà thôi, ông cần phải *tự tịnh kỳ ý* mới có thể được. Cho nên nói Phật nào đến rước ông là kẻ tội lỗi chỉ biết làm việc xấu xa? Nếu ông hiểu rõ pháp môn đốn ngộ tự tánh vô sanh, thì ông nhìn thấy Thế giới Cực Lạc Tây phương rất nhanh. Nếu ông không ngộ tự tâm, lại không làm điều thiện mà chỉ có niệm Nam Mô A Di Đà Phật cầu vãng sanh Thế giới Cực Lạc Tây phương thì lộ trình xa vời thăm thẳm không có cách nào đến được.

Huệ Năng tôi (Lục Tổ Đại sư tự xưng) cùng với quý vị trong khoảnh khắc sát na, dời Tây phương đến chỗ này khiến cho mỗi người đều có thể nhìn thấy Thế giới Cực Lạc Tây phương, các ông có muốn xem không?

Mọi người vừa nghe nói có thể nhìn thấy Thế giới Cực Lạc Tây phương, đều sanh lòng tham, vì thế liền khẩu đầu đánh lễ nói: "Nếu ở đây có thể thấy, vậy thì chúng con đâu cần phải phát nguyện vãng sanh Thế giới Cực Lạc Tây phương? Chúng con nay cúi mong Hòa Thượng phát đại từ bi, khiến cho Thế giới Cực Lạc Tây phương xuất hiện, cho chúng con mọi người đều được thấy."

*

Sư nói: "Đại chúng! Người ở thế gian, sắc thân của mình là cái thành; con mắt, lỗ tai, cái mũi, cái lưỡi là các cửa. Ngoài có năm cửa, trong có cửa ý. Tâm là cõi, tánh là vua. Vua ở tại cõi tâm. Tánh ở thì vua ở, tánh đi thì vua mất. Tánh ở thì thân tâm tồn tại, tánh đi thì thân tâm hoại hư. Muốn thấy Phật, phải ngó vào trong tánh mình mà tìm, đừng ngó ra ngoài thân mà kiếm.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói muốn đem Thế giới Cực Lạc dời đến trước mặt mọi người. Hôm qua tôi cũng hứa đem Thế giới Cực Lạc dời đến Phật Giáo Giảng Đường (*Buddhist Lecture Hall* ở San Francisco, nơi Hòa Thượng giảng kinh), nhưng di chuyển tốn rất nhiều thủ tục và phiền phức cho nên hôm nay chúng ta dùng nguyên liệu tại chỗ, tức là sẽ không dời Thế giới Cực Lạc, mà đem thân của chúng ta biến thành Thế giới Cực Lạc. Đây là điều hay nhất!

Lục Tổ Đại sư nói:

–Quý vị Thiện tri thức! Sắc thân của các ông chính là Thế giới Cực Lạc, tâm ông tịnh thì Phật độ tịnh, Phật độ tịnh chính là an lạc. Tâm tịnh thì không có một pháp ô nhiễm, dù ở trong ô nhiễm cũng sẽ biến thành thanh tịnh, không bị pháp ô nhiễm xoay chuyển, cho nên nói sắc thân của mình là thành.

"Ngoài có năm cửa, trong có cửa ý": Ngoài có năm cửa là chỉ cho nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Trong có cửa ý, bên trong có ý niệm, nó có lúc đóng lúc mở, giống như ý có lúc suy tưởng, có lúc không. Tâm người ví như đất chính là vàng ròng của Thế giới Cực Lạc làm đất; tánh là quốc vương, tức Phật A Di Đà. Đức Phật A Di Đà trụ ở trong tâm của mình, lúc tánh hiểu rõ, ông biết tự tánh thì tồn tại, là như như bất động, thường thường sáng suốt hiểu rõ (như như bất động, liễu liễu thường minh), đó cũng giống như vua đang ở. Lúc tánh rời khỏi, vua cũng không còn. Ông có thể minh tâm kiến tánh, đó chính là A Di Đà Phật hiện tiền. Lúc tự tánh ở trên thân, thân tâm cũng tồn tại; nếu tự tánh rời khỏi, thân tâm cũng hoại. Cần phải biết Phật là tự tánh tu, tự tâm là Phật, tự tánh là Phật, cần phải ở trên tự tánh dụng công phu mới có thể thành Phật, mà không nên tìm cầu ở bên ngoài. Tự tánh chính là Phật tánh, Phật tánh cũng chính là tự tánh, Phật tánh và tự tánh không hai, không sai khác. Cho nên muốn thành Phật thì cần phải ở trong tự tánh dụng công phu, chính là *tự tịnh kỳ ý, tự tịnh kỳ tâm*, cần phải đoạn trừ tất cả tập khí tật xấu. Nếu không đoạn trừ thập ác bát tà và các tật xấu của mình, thì không thể nào, cho nên nói không nên tìm cầu ở ngoài thân.

*

Tánh mình mê tức là chúng sanh, tánh mình giác tức là Phật. Lòng từ bi tức là Quán Âm, lòng hỷ xả tức là Thế Chí, lòng năng tịnh (thường trong sạch) tức là Thích Ca, lòng bình trực (bình đẳng chánh trực) tức là Di Đà.

Lòng nhờn ngã là núi Tu Di, lòng tà vạy là nước biển, lòng phiền não là sóng trào, lòng độc hại là rồng dữ, lòng dối giả là quỷ thần, lòng trần

lao là rùa, trạnh, lòng tham sân là địa ngục, lòng ngu si là súc sanh.

Giảng:

Nếu quý vị không hiểu tự tánh của mình, mê mất đi tự tánh, quên đi tự tánh của mình, đó chính là chúng sanh. Nếu tự tánh giác ngộ, giác ngộ rằng không làm tất cả điều ác mà làm tất cả điều lành (chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành), cho nên đoạn ác tu thiện, đó chính là Phật. Năng thực hành pháp từ bi, sung mãn lòng từ bi, đó chính là học theo Bồ Tát Quán Thế Âm. Có lần một đồ đệ nói với tôi: "Từ bi đối với con thật là điều mới mẻ lạ kỳ, lúc trước con không biết thế nào là ý nghĩa của từ bi." Tôi nghĩ, không những đồ đệ của tôi không hiểu rõ, mà rất nhiều người Tây phương khác cũng rất xa lạ đối với từ bi. Tại sao vậy? Vì họ không chú ý đến từ bi, cho nên dù đối diện mà cũng không nhận ra Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu muốn nhận ra Bồ Tát Quán Thế Âm thì cần phải thực hành pháp từ bi, vì Từ có thể ban vui cho tất cả chúng sinh, Bi có thể diệt trừ cái khổ cho tất cả mọi loài. Từ Bi làm cho người an lạc, cái vui này là niềm vui chân chánh mà không phải là những cái vui của thế gian như đánh bài, cá ngựa, khiêu vũ v.v.. Chân chánh giác ngộ sẽ không còn làm những việc muội mê sai lầm, đó mới là sự an lạc chân chánh, cho nên nói: "Đoạn trừ vô minh tức là hiển hiện Pháp tánh."

Vì sao gọi là Bồ Tát Đại Thế Chí? Chính là hỷ xả, hoan hỷ bố thí. Từ vô lượng tâm, Bi vô lượng tâm, Hỷ vô lượng tâm, Xả vô lượng tâm – Tứ vô lượng tâm. Nếu quý vị có thể từ bi hỷ xả chính là học theo hạnh của Ngài Bồ Tát Đại Thế Chí.

Nếu quý vị có thể tự tịnh kỳ ý, tự tịnh kỳ tâm, phán bốn hoàn nguyên trở về tánh Như Lai Tạng, thấy diệu tánh minh tâm, chân minh giác tánh, đó chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đó cũng là năng nhân tịch mặc.

Nếu quý vị có thể công bình chánh trực, không có một chút riêng tư, đối với ai cũng đều dùng tâm từ bi bình đẳng, đó chính là gương hạnh của Đức Phật A Di Đà. Đây đều là ví dụ, quý vị không nên cho rằng bình trực chính là Đức Phật A Di Đà. Không nên sanh lòng chấp trước; nghe Kinh nghe Pháp sợ nhất là sanh lòng chấp trước, chớ nên nói: "Tôi nghe Thầy giảng công bình chính trực *chính laø* Đức Phật A Di Đà," nếu vậy thì quý vị đã xem nhẹ Đức Phật A Di Đà. Nếu tâm quý vị có thể bình đẳng chính trực, ấy chính là công hạnh của Đức Phật A Di Đà.

Quý vị nói:

–Đó chính là lời của Lục Tổ giảng, tại sao không thể tin được?

–Lục Tổ giảng lúc nào, tại sao tôi không nghe?

Lòng nhờn ngã là Tu Di : có nhân có ngã liền có núi Tu Di. Người có tướng của người, ngã có tướng của ngã; người có cái bộ dạng của người, ngã có cái dáng điệu của ngã. Cái bộ dạng này còn cao hơn núi Tu Di. Tu Di dịch là Diệu Cao, Diệu Cao nghĩa là không biết nó cao bao nhiêu, vì nó quá diệu, cho nên người cống cao ngã mạn chính là Tu Di. Bình đẳng chính trực ở trên và Tu Di ở đây đều là ví dụ. Đó là bảo quý vị ở tự tánh mình thấy Đức Phật A Di Đà, ở tự tánh mình thấy tất cả tật xấu.

Lòng tà vạy là nước biển, lòng phiền não là sóng trào : Tà tâm của ông giống như nước biển lớn. Ông có phiền não chính là biển sanh sóng. Sóng nhỏ thì rất bằng phẳng an tịnh không có thanh âm, sóng lớn dâng cao mười trượng thì có thể cuốn thuyền lớn vào tận đáy biển. Giống như đại phiền não của người thì có thể che phủ cả ánh sáng trí huệ, cho nên chúng ta cần phải cẩn thận, không nên sanh phiền não.

Lòng độc hại là rồng dữ : có sóng thì sẽ phát sanh nguy hiểm, đó chính là độc hại. Lòng độc hại chính là độc long, cho nên ác long ở long cung lúc muốn mời khách, liền nổi sóng lớn, mời tất cả mọi người trên thuyền đến long cung ăn tiệc, uống long tửu.

Lòng dối giả là quỷ thần: người phàm phu nói,

–Tôi không tin có quỷ, tôi không tin có Thần, vì không nhìn thấy.

Căn bản là không cần thấy, vì nó chính là hư vọng mà! Quý vị thấy nó để làm cái gì? Dù có nhìn thấy cũng là hư vọng. Quỷ thì không thể dùng tay nắm bắt, quý vị nhìn thấy dường như có hình tượng, mà dùng tay nắm bắt nó, thì đích xác nó ở đó nhưng không nắm bắt được nó, vì nó chỉ là cái ảnh, là hư vọng, không phải thực tại.

Tôi sẽ nói cho quý vị, thế nào là có thể biết mình thấy quỷ hay thấy Thần: quỷ màu đen, ảnh đen, vì nó thuộc về âm. Thần màu trắng, thuộc dương. Lúc quý vị nhìn thấy thì có hình tượng, nhưng nhìn thì có thể thấy, mà nắm lấy thì không được, vì chúng đều là hư vọng.

Lòng trần lao là rùa, trạnh. Lòng tham sân là địa ngục : trần lao trong tự tánh của chúng ta chính là rùa, trạnh. Tôi giảng Kinh cho quý vị lâu như vậy mà chưa nói cho quý vị biết tham sân là địa ngục, đây không phải nói tham sân là địa ngục, mà nói lúc quý vị *có tham tâm, có sân tâm thì nhất định sẽ đọa địa ngục*, vì nay đã trồng hột giống địa ngục – tham tâm, sân tâm – thì tương lai nhất định sẽ đọa địa ngục.

Lòng ngu si là súc sanh : Lúc giảng Kinh, có khi tôi nói, "người đó ngu như heo." Có người nói heo rất thông minh, nó chỉ biết ăn và ngủ, ngoài ra không làm gì cả. Nói nó không làm gì cả chính là thông minh, cho nên có

người muốn học theo heo, suốt ngày từ sáng đến tối ăn xong lại ngủ, ngủ xong lại ăn, đến lúc mập liền bị người ta giết ăn thịt.

Cho nên nói ngu si là súc sanh, quý vị nghĩ xem một đời của súc sanh có ý nghĩa gì? Tuy không có ý nghĩa nhưng nó cũng muốn sống, lúc giết nó, nó cũng kêu eng-ét: "Tôi không muốn chết!" Tuy nó cầu xin như thế nhưng vì người ta không hiểu ngôn ngữ của nó cho nên không biết. Nếu quý vị có thể hiểu được ngôn ngữ của loài heo, thì sẽ sanh lòng từ bi mà không giết nó nữa.

*

Chư Thiện tri thức! Thường làm mười điều thiện thì Thiên đường liền đến. Dứt lòng nhờn ngã thì núi Tu Di sập ngay, bỏ lòng tà vạy thì nước biển khô cạn, trừ lòng phiền não thì sóng lặng êm, quên lòng độc hại thì rồng dữ ắt tuyệt. Tâm địa mình chính là giác tánh Như Lai phóng đại quang minh, ngoài soi sáu cửa trong sạch, có thể phá được các cõi trời Lục dục. Trong soi tánh mình, làm cho ba độc liền dứt, cả thấy các tội địa ngục đồng tiêu diệt một lần. Trong ngoài sáng thấu, chẳng khác gì cõi Tây phương. Nếu chẳng chịu tu như thế, thì làm sao đến cõi kia được!"

Giảng:

Quý vị Thiện tri thức! Nếu quý vị thường hành thập thiện đạo, quý vị có thể đến Thiên đường, năng trừ ngã kiến nhân kiến, núi Tu Di sẽ sụp đổ, đoạn trừ tâm tà tri tà kiến, nước biển cũng khô kiệt. Lúc không còn phiền não, sóng cũng tiêu diệt. Đoạn trước tôi có giảng rằng: "Những cơn sóng nhỏ giống như từng niệm từng niệm vi tế trong tâm người." Quý vị không cảm thấy tâm mình có sóng, nhưng trên thực tế có sóng tồn tại. Mà sóng lớn chính là phiền não, và sóng nhỏ là những thứ vô minh vi tế. Trong tâm của quý vị giống như sóng nước, chính là niệm trước vừa diệt, niệm sau lại đến.

Nếu quý vị không muốn có sóng thì phải đoạn trừ vô minh. Có vô minh thì có tam độc: tham sân si. Tại sao quý vị có tham tâm? Chính là vì vô minh sai sử các quý vị. Nó nói: "Tôi muốn món đồ đó, hãy mau kiếm cho tôi." Tham tâm liền kiếm cho nó. Tài và sắc cũng giống như vậy. Nếu không được, nó liền nổi nóng, giống như một đồ đệ của tôi nói: "Tôi muốn cái gì thì phải được cái đó, tại sao tôi lại không được?" Đây do vô minh gây ra, nên nổi lên lòng tức giận sân si mà sanh sóng. Sóng nhỏ còn chưa sao, lúc nổi sóng lớn, thì như long vương muốn mở tiệc mời quý vị làm khách.

Quên đi tam độc hại, không hại người thì ngư long trong lòng cũng không còn. Vì rồng sẽ phun khí độc, người bị trúng độc này sẽ bị chết liền.

Tâm địa của mình chính là giác tánh Như Lai, phóng đại quang minh sanh đại trí huệ, tức ngoài chiếu lục môn thanh tịnh – nhãn thấy sắc không bị sắc trần xoay chuyển, tai nghe tiếng không bị thanh trần xoay chuyển, mũi ngửi mùi thơm không bị hương trần xoay chuyển, lưỡi nếm vị không bị vị trần xoay chuyển, thân giác xúc không bị xúc trần xoay chuyển, ý duyên pháp không bị pháp trần xoay chuyển. Lúc sáu cửa lục căn thanh tịnh, thì có thể phá lục dục Chư thiên – Tứ thiên vương thiên, Đao lợi thiên, Dạ ma thiên, Đâu suất thiên, Lạc biến hóa thiên, Tha hóa tự tại thiên. Kỳ thực, lục dục Chư thiên chính là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của quý vị. Lúc lục căn đều thanh tịnh, lục dục Chư thiên liền bị phá trừ, vì *chúng tử và nhân của lục dục Chư thiên chính là ở trong mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý*. Mắt thích sắc đẹp, liền sanh lên trời, vì thiên nữ rất đẹp. Tai nghe sắc nghĩ rằng nếu tôi được sanh lên trời thì ngày ngày được nghe âm nhạc, âm nhạc của trời thì du dương êm ái hơn đàn ghi-ta, đàn vĩ cầm, mandolins của dương gian. Lúc tai của quý vị không bị thanh trần xoay chuyển, thì phá Lục dục thiên, cho đến tử, thiệt, thân, ý cũng đều như vậy.

Có người hỏi:

–Lúc Lục dục thiên không còn thì địa cầu có bị hoại hay không?

–Ngay hư không cũng không còn, làm sao có địa cầu?

Lại hỏi:

–Vậy thì tôi ở đâu!

–Ở trong hư không là tốt nhất rồi! Không cần trở lại nữa.

Tự tánh hồi quang phản chiếu, khiến quý vị phát hiện, giác ngộ giác tánh Như Lai, thì tam độc – tham sân si – tiêu diệt, mọi tội nghiệp ở địa ngục cũng tiêu diệt theo. Tiêu diệt như thế nào? Vì quý vị không có tam độc, không có vô minh, thì hết thảy tội chướng đồng thời tiêu diệt, lúc đó liền giác ngộ tánh tội vốn không. Nhưng điều đầu tiên cần phải phá vô minh mới có thể "*không*." Trong tâm quang minh, bên ngoài cũng quang minh, trong ngoài không còn chướng ngại, đó chính là Thế giới Cực Lạc Tây phương, Thế giới Cực Lạc không có tam ác đạo, không có bất cứ chướng ngại nào. Nay quý vị có thể nội ngoại minh triệt, tam độc tiêu diệt, tam chướng đoạn trừ, chính là Thế giới Cực Lạc vậy. Cho nên tôi nói không cần phải phí công làm thủ tục đời Thế giới Cực Lạc Tây phương đến đây, trước mắt chính là Thế giới Cực Lạc Tây phương. Nhưng nếu quý vị không tu hành như thế, thì làm sao đến bờ bên kia được? Cách xa như thế, dù có ngồi hỏa tiễn đến mặt trăng cũng phải mất mấy ngày mới đến, hà huống Thế giới Cực Lạc Tây phương phải trải qua mười vạn ức Phật độ, không chỉ xa hơn mặt trăng trăm ngàn vạn vạn lần mà còn xa hơn thế nữa, làm sao đi đến được? Cho nên điều quan trọng là phải tự tịnh kỳ ý.

*

Đại chúng nghe nói, thấy tánh rõ ràng. Tất cả đều làm lễ, khen thiết hay, và xưng lên rằng: "Nguyện khắp chúng sanh trong Pháp giới nghe rồi, liền được tỏ hiểu."

Giảng:

Đại chúng nghe Lục Tổ Đại sư thuyết như vậy, mọi người đều hiểu rõ, vốn là thân thể của chính mình mà mình không biết dùng, tự mình không nhận thức được bản thân mình chính là Thế giới Cực Lạc. Lúc đó mọi người đều kiến tánh, cho nên cùng khấu đầu đánh lễ, và tán thán rằng: "Hay thay! Hay thay! Thật là từ trước đến nay chưa bao giờ được nghe Phật pháp tuyệt diệu như thế, đây thật không thể nghĩ bàn." Mọi người nói: "Chúng con nguyện khắp pháp giới chúng sanh, ai nghe đến pháp này, liền đồng thời khai ngộ, cùng đồng chứng quả."

*

Sư nói: Chư Thiện tri thức! Muốn tu hành thì ở nhà tu cũng đặng, chẳng cần ở chùa. Ở nhà mà thường tu hành, thì cũng như người Đông phương có lòng lành. Ở chùa mà chẳng tu, thì cũng như người Tây phương có lòng dữ, nếu lòng trong sạch, thì tánh mình tức là Tây phương vậy."

Vi Thứ sử lại hỏi: Ở nhà tu hành như thế nào, xin Đại sư chỉ dạy."

Sư nói: "Ta nói cho đại chúng một bài kệ Vô Tướng. Nếu y theo đó mà tu, thì cũng như thường ở cùng ta một chỗ không khác. Bằng chẳng tu theo đó mà thể phát xuất gia, thì đối với Đạo nào có ích gì!"

Giảng:

Lục Tổ Đại sư lại nói:

–Quý vị Thiện tri thức! Nếu muốn tu hành, tại gia cũng đặng, không nhất định phải ở Chùa.

Tại sao Lục Tổ Đại sư thuyết như thế? Vì Ngài hiện thân thuyết pháp, trước khi Ngài xuất gia, cùng ở chung với đám người thợ săn mười lăm năm,

trong thời gian này Ngài đều dụng công tu hành, vì thế Ngài nói không cần ở Chùa.

Người tại gia có thể tu hành, giống như người Đông phương có tâm lành. Xuất gia mà không tu hành cũng giống như người Tây phương tâm ác. Đây chỉ là ví dụ, không nên cho rằng người Tây phương tâm ác. Quý vị thanh tịnh tâm mình (tự tịnh kỳ ý), đó chính là tịnh độ tự tánh.

Thứ sử Vi Cừ lại hỏi: "Người tại gia làm sao tu hành ? Cúi mong Hòa Thượng dạy bảo cho con?"

Đại sư nói: "Tôi nay nói cho các ông nghe bài kệ *Vô Tướng*, các ông nương theo phương pháp này tu hành thì thường thường ở bên cạnh tôi không sai khác. Nếu các ông không y theo bài kệ này tu hành, thì dù cho xuất gia thế phát, đối với đạo có lợi ích gì?" Cho nên nói: "Đạo cần phải thực hành, không hành làm sao dụng đạo? Đức cần phải làm, không làm thì sao có đức?" Cần phải y theo phương pháp này tu hành mới có điều ích lợi.

*

Tụng rằng:

Tâm bình hà lao trì giới,

Hạnh trực hà dụng tu thiên!

Ân tắc hiếu dưỡng phụ mẫu,

Nghĩa tắc thượng hạ tương lân,

Nhượng tắc tôn ti hòa mục,

Nhẫn tắc chúng ác vô huyên.

Nhược năng toán mịch xuất hỏa,

Ứ nê đĩnh sinh hồng liên.

Khỗ khẩu đích thị lương được,

Nghịch nhĩ tất thị trung ngôn.

Cải quá tất sanh trí huệ,

Hộ đoản tâm nội phi hiền.

Nhật dụng thường hành nhiêu ích,

Thành đạo phi do thí tiền.

Bồ đề chỉ hướng tâm mịch,

Hà lao hướng ngoại cầu huyền!

Thính thuyết y thử tu hành,

Thiên đường chỉ tại mục tiền.

Lòng bình đẳng đâu cần giữ giới,

Làm việc ngay há phải tu thiên!

Ân, song thân hiếu dưỡng cần chuyên,

Nghĩa, huynh đệ dưới trên tương ái,

Nhượng, hòa mục tôn ti đối đãi,

Nhãn, muôn điều ác hại chớ gây.

Nếu bền tu như lấy lửa cọ cây,

Nơi bùn lấm nở đầy sen đỏ.

Đặng miệng ấy thuốc trừ bệnh khổ,

Nghịch tai là lời độ chánh trung.

Sửa lỗi lầm trí huệ phát sung,

Bình tội quấy tâm từng đọa ác.

Năng làm phước, giúp người lợi lạc,

Đạo nào do thí bạc mà thành!

Vốn Bồ đề cầu ở tâm thanh,

Ngoài mộng ảo, muội manh nhọc kiếm.

Nghe nói pháp, lòng vâng tu niệm,

Cõi Thiên đường màu nhiệm thấy liền.

Giảng:

Lòng bình đặng đâu cần giữ giới : Bình chính là không có tham sân si. Tại sao quý vị cần phải trì giới, vì có tam độc tham sân si. Nếu năng trì giới luật, thì không bị tam độc làm hại. Nếu tâm bình, chính là trong tâm không có sóng, không có sóng chính là không có vô minh. Không có vô minh, thì cần gì phải cực khổ trì giới.

Làm việc ngay há phải tu thiền: Hành vi công bình chính trực, đó chính là thiền, thiền cũng chính là dạy quý vị trừ đi tất cả tập khí tật xấu. Có người nói: "Tâm bình không cần trì giới, vậy tôi không trì giới nữa," nhưng tâm của quý vị đã bình hay chưa? Quý vị không kể tâm mình bình hay chưa, liền không trì giới. Tâm của quý vị cần phải bình mới có thể không trì giới, nếu tâm không bình thì làm sao có thể *không* trì giới? Nếu đối gạt người nói tâm tôi đã bình rồi, nhưng khi làm việc gì thì không công bình, lại tự tư, tự lợi, ích kỷ, tật đổ chướng ngại, loại người này tâm làm sao có thể bình được.

Ân, song thân hiếu dưỡng cần chuyên: Nói đến báo ân thì cần phải hiếu dưỡng Cha Mẹ, vì ân sanh thành dưỡng dục của Cha Mẹ như trời cao biển rộng, cho nên phải hết lòng hiếu thảo thờ kính cung dưỡng Cha Mẹ.

Nghĩa, huynh đệ dưới trên tương ái: Như Cha Mẹ thương con cái, đó chính là lòng từ bi lân mẫn, thuộc về nghĩa.

Nhượng, hòa mục tôn ti đối đãi: Cùng nhau khiêm tốn nhường nhịn thì trên dưới hòa hiệp, nhìn thấy kẻ tôn quý người hạ tiện đều bình đẳng như nhau, hòa hòa hiệp hiệp thì không có tranh chấp phát sanh.

Nhẫn, muôn điều ác hại chớ gây: Nhẫn chính là không nên ở sau lưng nói xấu người, hoặc là nói việc riêng của người, không nên chuyên môn đi phá hoại người, tật đổ chướng ngại người, không nên phao những tin đồn bậy bạ xuyên tạc phá hoại sự tịnh tu và danh dự của người. Người cần phải che giấu điều ác, biểu dương điều thiện; không nên che giấu điều thiện, biểu dương điều ác, như vậy thì tất cả được hòa bình an ổn.

Nếu bèn tu như lấy lửa cọ cây, Nơi bùn lấm nở đầy sen đỏ :Trung Quốc xưa kia muốn lấy lửa phải cọ xát gỗ mới lấy được lửa, và bùn sanh hoa sen đó là nói quý vị không cần phải xuất gia, nếu có thể đoạn trừ dục tâm, tại gia cũng có thể thành tựu như người xuất gia.

Đặng miệng ấy thuốc trừ bệnh khô, Nghịch tai là lời độ chánh trung : Nếu có người khuyên bảo quý vị, chỉ ra chỗ sai lầm của quý vị, đó chính là Thiện tri thức của mình. Giống như quý vị mắc bệnh, thuốc uống tuy đắng, nhưng lại lợi ích cho bệnh của quý vị. Cho nên nói "Đặng miệng là thuốc hay, nghịch tai nhất định là lời trung thật." Giống như Sư phụ thường chỉ trích sai lầm của đồ đệ: "Con không nên làm biếng! Không nên tham ngủ!" Nhưng với điều này, người đời lại nói: "Tại sao lại để ý việc của tôi?" Nhất là người Mỹ, tự do quen rồi, không muốn nghe người khác chỉ huy, lúc nào cũng duy ngã độc tôn, nói: "Bất luận tôi xấu hay tốt, tôi cũng không muốn nghe người ta, tôi chỉ nghe chính mình, dù tôi là khúc gỗ, ngu ngốc không hiểu biết, tôi cũng muốn nghe chính mình, tôi muốn độc lập." Tôi biết đây là tư tưởng của người Mỹ, không muốn nghe những lời trái tai.

Sửa lỗi lầm trí huệ pháp sung, Bình tội quấy tâm từng đọa ác : Nếu quý vị có thể sửa đổi sai lầm, thì nhất định sanh trí huệ, nếu không sửa đổi đó chính là ngu si. Nếu quý vị cứ một mực bào chữa cho cái sai của mình, có tật xấu, mà sợ người nói, lại tự mình làm luật sư cho chính mình, dù người khác có chỉ ra tật xấu của mình, quý vị cũng không thừa nhận. Loại đồ đệ này tôi gặp nhiều rồi, nó cho rằng có thể dối gạt được tôi.

"Năng làm phước, giúp người lợi lạc, Đạo nào do thí bạc mà thành! Vốn Bồ đề cầu ở tâm thanh, Ngoài mộng ảo, muội manh nhọc kiếm. Nghe nói pháp, lòng vâng tu niệm, Cõi Thiên đường màu nhiệm thấy liền." : Việc làm thường ngày cần phải có lợi ích cho chúng sanh, cần giúp đỡ, lợi ích cho người, không nên chỉ đối tốt với chính mình, cần phải biết thành Phật

không phải nói tôi bố thí bao nhiêu vạn đồng, mua ông Phật lại làm, mà cần tự quý vị tu hành mới được. Bồ đề giác tánh, giác đạo cần phải tìm trong nội tâm, quý vị làm sao có thể hưởng bên ngoài đi tìm cầu sự huyền diệu được? Nếu quý vị nghe lời này rồi, y giáo tu hành, thì Thiên đường ở ngay trước mặt.

*

Sư lại nói: "Chư Thiện tri thức! Cả thầy phải y theo bài kệ này mà tu hành và tự thấy tánh mình, thì chắc thành Phật đạo. Pháp chẳng đợi chờ, các người giải tán, ta về Tào Khê. Nếu có điều chi nghi ngờ, hãy đến đó mà hỏi."

Bấy giờ Vi Thứ sử cùng các thiện nam tín nữ tại hội, tâm tánh đều được mở mang tỏ sáng. Cả thầy đồng cung kính và vâng làm theo lời dạy.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư lại nói:

–Quý vị Thiện tri thức! Các ông cần phải ghi nhớ, thường y theo bài kệ này tu hành, mọi người cần phải nhận thức bốn tâm, thấy được bốn tánh, năng minh tâm kiến tánh mới có thể trực chỉ thành Phật đạo. Pháp môn này thì không ai có thể thay thế cho ai, ai cũng không thể đợi ai. Các ông cần biết: ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, tự mình ăn cơm tự mình no, tự mình sanh tử tự mình liễu. Các ông cần phải tự mình dụng công. Mọi người nay trở về nhà tự mình dụng công, tu hành, tự tịnh kỳ tâm. Tôi nay trở về Chùa Nam Hoa ở Tào Khê. Các ông nếu có thắc mắc gì thì có thể đến đó hỏi tôi.

Lúc đó Thứ sử Vi Cừ cùng với các quan viên, thiện nam tín nữ, mỗi người đều khai ngộ, tín thọ phụng hành.

Quý vị không nên để ý họ khai ngộ như thế nào, mà quý vị nên phải nghĩ ra cách để cho mình được khai ngộ mới đúng!

---o0o---

Phẩm Định Huệ Đệ Tứ

Đại sư bảo chúng rằng: "Chư Thiện tri thức! Pháp môn của ta đây lấy Định Huệ làm căn bản. Đại chúng đừng mê lầm mà nói định với huệ là khác nhau. Định và huệ chỉ là một thể, chẳng phải hai. Định là cái thể của huệ. Huệ là cái dụng của định, tức là lúc huệ thì định ở trong huệ, lúc định thì huệ ở trong định. Nếu biết cái nghĩa ấy, thì định và huệ đều phải học.

Các người học Đạo chớ nói trước định rồi mới phát huệ, trước huệ rồi mới sanh định, mà phân biệt định huệ là khác nhau. Nếu thấy hiểu như thế, thì pháp có hai tướng. Miệng nói lời lành mà trong lòng chẳng lành, nói không rằng có định huệ mà định huệ chẳng đồng một thể. Nếu lòng và miệng đều lành, trong ngoài như một, thì định và huệ tức đồng nhau. Pháp tự ngộ tu hành chẳng phải tại chỗ tranh. Nếu tranh chỗ trước sau, tức đồng với người mê. Chẳng dứt lòng phân bua, thì quả nhiên làm lớn thêm lòng ngã chấp, pháp chấp, mà không lìa khỏi bốn tướng.

Chư Thiện tri thức! Định và huệ giống như vật gì? Giống như cái đèn và cái ánh sáng. Có đèn tức là sáng, không có đèn tức là tối. Đèn là cái thể của ánh sáng, ánh sáng là cái dụng của đèn. Tuy tên có hai, mà thể vốn có một. Pháp định huệ này cũng như thế."

Giảng:

Định do giới sanh, do định mới phát huệ, cho nên giới định huệ là tam vô lậu học. Năng trì giới cũng đắc được vô lậu, năng tu định cũng có thể đắc được vô lậu, năng phát huệ cũng có thể đắc được vô lậu. Cho nên muốn đắc định, trước phải trì giới. Như vậy phải làm sao? Tức "Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành."

Lục Tổ Đại sư khai thị nhất thiết chúng sanh:

– Quý vị Thiện tri thức! Pháp môn đốn giáo của tôi, lấy *định huệ* làm căn bản, làm cơ sở. Quý vị đã là Thiện tri thức, thì không nên chấp mê, không tin tưởng, không nên chấp trước nói rằng định huệ là hai thứ phân biệt. Cần phải biết định huệ là nhất thể, định chính là huệ, huệ chính là định, tuy có hai tên, nhưng bốn thể của nó là một không phải là hai. Định là bốn thể của huệ, huệ là vận dụng của định. Do định có thể phát sanh trí huệ. Khi trí huệ hiện tiền, định ở trong trí huệ. Lúc định hiện tiền, huệ ở trong định. Cho nên nếu có thể nhận thức đạo lý này – định huệ như thể, nhưng cách dùng mỗi cái có khác, đó chính là định huệ bình đẳng, định huệ đồng thể.

Quý vị tu đạo, không nên nói trước phải có định mới phát sanh trí huệ, hoặc là trước có trí huệ mới phát sanh định lực, từ đó nói định huệ có chỗ sai khác. Nếu tâm có loại kiến giải như thế, sẽ cho rằng định huệ là hai thứ, nếu miệng nói toàn là những lời tốt đẹp, nhưng trong tâm đầy những tư tưởng bất thiện, toàn là tật đố, chướng ngại, cống cao ngã mạn, tà tri tà kiến, tham sân si – định huệ như thế, chỉ là lời nói suông.

Nếu nội tâm và miệng nói đều là tốt lành, trong ngoài đều như nhau, biểu đạt nhất trí, tâm khẩu nhất như, đó chính là định huệ bình đẳng. Muốn tự mình hiểu rõ để tự tu hành, đó không phải ở những lời tranh luận nơi đâu môi chót lưỡi, để làm cho mọi người biết rằng tôi có tu hành, hoặc tự mình hô hào cho mọi người chung quanh biết danh tiếng của mình là nổi bật nhất.

Nếu tranh trước sau, nói nhất định phải định trước huệ sau, hoặc huệ trước định sau, phạm tranh luận cái đạo lý này, đều là những kẻ phạm phu ngu muội, cho nên nói: "Tranh luận là tâm thẳng phụ, trái nghịch với đạo, liền sanh tâm tứ tướng, làm sao mà đắc được tam muội?" Không đắc được tam muội, tức là không có định, cũng chính là không có huệ.

Nếu tâm thẳng phụ chưa thể đoạn trừ, thì vẫn còn ngã chấp và pháp chấp. Nếu ngã chấp, pháp chấp chưa thể đoạn trừ thì không thể rời bỏ tứ tướng. Vì có cái ngã chấp, cho nên có cái nhân chấp, vì có nhân chấp cho nên có chúng sanh chấp, vì có chúng sanh chấp sẽ phát sanh thọ giả chấp. Không thể rời bỏ bốn loại chấp trước này, tức thì sanh ra bốn tướng.

Quý vị Thiện tri thức! Định huệ giống như cái gì? Nay đưa ra một ví dụ: định huệ giống như đèn và ánh sáng. Có đèn thì có ánh sáng, có ánh sáng thì có đèn, không có đèn thì không có ánh sáng, không có ánh sáng thì không có đèn. Đèn và ánh sáng tuy nói là hai loại, kỳ thực là nhất thể. Đèn là bốn thể của ánh sáng, mà ánh sáng là dụng của đèn. Đèn có cái dụng gì? Là có ánh sáng. Danh tự tuy có hai nhưng bốn thể của nó chỉ có một, loại Phật pháp định huệ này, cũng giống như đạo lý của đèn và ánh sáng.

*

Chư Thiện tri thức! Nhất hạnh tam muội nghĩa là trong cả thảy các chỗ đi, đứng, ngồi, nằm, thường giữ một lòng ngay thẳng. Kinh Tịnh Danh nói: "Lòng ngay thẳng là Đạo tràng, lòng ngay thẳng là Tịnh độ." Đừng lòng tưởng điều tà vạy mà miệng nói điều ngay thẳng. Đừng miệng nói Nhất hạnh tam muội mà chẳng giữ lòng ngay thẳng. Nếu giữ lòng ngay thẳng thì đối với cả thảy các pháp, tâm đừng chấp trước (dính níu theo pháp tướng trần cảnh). Người mê chấp trước pháp tướng, chấp Nhất hạnh tam muội, nói rằng thường ngồi chẳng động, lòng không sanh niệm tưởng, gọi đó là Nhất hạnh tam muội. Nếu hiểu như thế, tức là đồng với loài vô tình. Quả thật là cái duyên cứ cản ngăn

cái Đạo vậy.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói với đại chúng:

–Nhất hạnh tam muội chính là bất cứ chỗ nào, đi là trực tâm, trụ cũng là trực tâm, ngồi cũng là trực tâm, nằm cũng là trực tâm. Tất cả lời nói hành động cử chỉ, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu, giờ giờ khắc khắc đều thực hành trực tâm, không nên dùng cái tâm cong cong queo queo. Giống như *Kinh Duy Ma* nói: "Trực tâm chính là đạo trường, trực tâm chính là Tịnh độ của thế giới Cực Lạc." Cần phải ghi nhớ nằm lòng, không nên miệng nói trực mà hành vi lại nịnh hót bợ đỡ người. Thế nào là nịnh hót bợ đỡ? Chính là nhìn thấy người khác có tiền, lúc nói chuyện bèn ra vẻ khép nép, cung kính, cười a dua nịnh bợ nói: "Ông đến đây, chúng tôi rất hoan nghênh ông!" Kỳ thực người đó chỉ hoan nghênh tiền chứ không phải hoan nghênh ông khách. *Khúc*: chính là tâm không thẳng, tâm cong cong queo queo. Miệng nói cần phải trực tâm, cần phải Nhất hạnh tam muội, mà hành vi lại không chánh trực.

Muốn hành trực tâm là đạo trường, các ông cần phải dùng trực tâm để xử lý tất cả mọi việc, đối với vạn pháp không nên sanh lòng chấp trước. Người mê kẻ ngu chấp chặt vào pháp tướng, sanh pháp chấp, chấp trước Nhất hạnh tam muội, họ nói: "Tôi thường ngồi không động, cũng không có vọng tưởng, đó chính là Nhất hạnh tam muội, đó chính là định." Nếu giải thích như vậy, chính là không có tri giác, giống như cây cỏ. Loại giải thích này hoàn toàn sai lầm, là nhân duyên chướng đạo.

*

Chư Thiện tri thức! Đạo phải thông lưu, sao lại làm cho nó ngưng trệ? Tâm không trụ pháp, thì Đạo thông lưu. Còn tâm trụ pháp, ấy là mình

trôi lấy mình. Bằng nói rằng thường ngồi chẳng động, thì cũng như Xá Lợi Phất ngồi im lặng trong rừng, bị Duy Ma quở vậy.

Giảng:

Đạo là gì? Đạo cần phải thông đạt vô ngại, trôi chảy không ngừng, tại sao lại làm cho nó trì trệ đình chỉ? Quý vị đình chỉ cái tâm mà biến thành tro tàn, cây khô, vậy thì có ích dụng gì! Cho nên lúc tâm vô sở chấp trước, tức *ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*, không chấp vào không, không chấp vào có, không chấp vào pháp. Nếu chấp pháp chính là chấp vào cái có, chấp vào không, chính lạc vào cái *vọng* không. Cho nên cần phải không chấp vào pháp, không chấp vào không, không chấp vào ngã, đó mới là *ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*.

Lúc *vô sở trụ* thì đạo mới lưu thông. Nếu tâm chấp pháp, nói: tôi thường ngồi không động. Đó giống như con tằm nhả tơ, tự mình trôi mình, tự mình làm mình không còn tự do. Nếu nói thường ngồi không động là Nhất hạnh tam muội, thì giống như Ngài Xá Lợi Phất trong rừng ngồi thiền không động mà bị cư sĩ Duy Ma khiển trách: "Ngài ngồi như thế có ích dụng gì? Giống như người chết, chớ không phải chân chánh nhập định."

*

Chư Thiện tri thức! Lại có người dạy ngồi xem cái tâm, quán tưởng tâm cảnh vắng lặng (khán tâm quán tịnh), ngồi yên chẳng dậy, bảo y theo đó mà lập công phu. Người mê chẳng hiểu, cố chấp làm theo, rồi thành điên dại. Số người lầm như thế chẳng phải là ít. Truyền dạy nhau như vậy, thiệt là lầm to!

Giảng:

Có hành giả dạy ngồi thiền, bảo người khán (nhìn) cái tâm của mình; quán tịnh là ra sao? Không động không khởi, từ đó liền có công phu. Người mê không hiểu đạo lý này lại nói: "ngồi ở một chỗ không động không khởi sẽ có công phu, có thiền định," từ đó sanh ra chấp trước mà điên cuồng. Giống như lúc trước có rất nhiều người đến đây, xưng là đã khai ngộ. Ôi! không biết họ khai ngộ như thế nào, mà chính họ lại tin tưởng mình đã khai ngộ, đó chính là chấp trước thành điên. Những loại người như thế rất nhiều, mà còn truyền từ người này qua người khác, họ ấn chứng cho tôi nói như thế là khai ngộ, họ cũng ấn chứng cho quý vị nói đó chính là khai ngộ, kỳ thực đó là điều sai lầm rất lớn. Quý vị xem, Phật giáo đời Đường Trung Quốc đã có những loại khẩu đầu thiền, Tổ Sư giả như vậy, chẳng trách nước Mỹ bây giờ cũng có rất nhiều người như vậy. Song, vì có lớp người mạo danh khai ngộ, nên sau này sẽ có những người chân chánh khai ngộ, vì những người mạo danh khai ngộ sẽ lót đường cho những người chân chánh khai ngộ.

Bởi vì mọi người vốn không biết cái gì là khai ngộ, nay có người mạo danh tự xưng đã khai ngộ, bèn quan sát mỗi một hành động cử chỉ của người đó như thế nào. Thành linh có người chân chánh khai ngộ đến, người ta lại không tin tưởng, cho rằng chân chánh khai ngộ và giả mạo khai ngộ đều giống nhau. Quý vị nay tu hành muốn khai ngộ, sau này cũng bị ảnh hưởng của những người giả danh, giả mạo này. Nếu để tôi nói, thì là khai ngộ cũng không nên nói mình khai ngộ. Đây là phương pháp hay nhất.

Thế giới này là như thế, chân chân giả, giả giả chân. Quý vị chân chánh người chung quanh nói quý vị là giả, quý vị là giả người ta lại nói quý vị chân chánh, cho nên quý vị cũng không nên nói chân, cũng không nên nói giả để họ tự nhận thức.

Người chưa khai ngộ tự xưng mình đã khai ngộ, mà người đã khai ngộ rồi lại nói mình chưa khai ngộ, như thế sẽ giống như những người chưa khai ngộ. Tại sao vậy? Vì người khai ngộ không cần tự mình giới thiệu, nói tôi đã khai ngộ rồi, hay tôi và ai đó, người đã khai ngộ rồi, thì giống nhau, biểu

thị rằng tôi cũng đã khai ngộ. Không cần như vậy! Vì khai ngộ và không khai ngộ thì giống nhau không có gì sai khác, không cần giả danh. Khai ngộ quý vị cũng là một người, không khai ngộ quý vị cũng là một người, khai ngộ và chưa khai ngộ đều có thể thành Phật, vấn đề chỉ là sớm hay muộn mà thôi, vì thế không nên đeo tấm bảng hiệu này, để cho mọi người nhận biết mình. Không có ai nhận ra là tốt nhất, và đó chính là trực tâm là đạo tràng.

*

Sư bảo chúng rằng: "Chư Thiện tri thức! Cái Chánh giáo xưa nay, không có mau chậm, chỉ tánh người có sáng tối mà thôi. Người tối thì tu tập lần lần, người sáng thì thức tỉnh tức khắc, tự mình biết Bốn tâm, tự mình thấy Bốn tánh. Thế thì không có chỗ gì sai khác. Vì chỗ sáng tối chẳng đồng, sở dĩ mới lập ra cái giả danh mau chậm.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư lại khai thị:

–Quý vị Thiện tri thức! Phật giáo bốn lai chân chánh, không có sự phân biệt giữa đốn pháp và tiệm pháp, chỉ là căn tánh của người có thông minh, có ngu si. Người mê thì từng chút từng chút tu luyện thành, mà người khai ngộ thì nhanh chóng đoạn tất cả trần lao, nhanh chóng đoạn tất cả vọng tưởng, nhanh chóng đoạn tất cả tập khí tật xấu, người này tự mình nhận thức bốn tâm của chính mình, tự thấy bốn tánh. Minh tâm kiến tánh đến lúc thành công, không có gì sai khác, cho nên giả lập một cái đốn giáo tiệm giáo, đó chỉ là giả danh mà thôi.

*

Chư Thiện tri thức! Pháp môn của ta đây từ trên truyền xuống, trước hết là lập Vô niệm làm tông. Vô tướng làm thể, Vô trụ làm gốc (bốn).

Vô niệm nghĩa là trong khi niệm, lòng không động niệm. Vô tướng nghĩa là đối với sắc tướng, lòng lìa sắc tướng. Vô trụ chính là Bốn tánh của con người.

Đối với các điều lành dữ, tốt xấu ở thế gian, cùng với kẻ thù người thân, đối với lúc nghe các lời xúc phạm, châm chích, khinh khi, tranh đấu, xem cả thấy như không không, chẳng nghĩ đến việc đền ơn trả oán. Trong niệm niệm lòng không nghĩ đến cảnh mình đã gặp trước. Nếu niệm trước, niệm nay, niệm sau, niệm niệm nối tiếp nhau chẳng dứt, thì gọi là bị buộc ràng. Đối với các pháp, niệm niệm lòng không trụ vào đâu thì khỏi bị buộc ràng. Ấy là Vô trụ làm gốc.

Giảng:

Pháp môn đốn giáo mà tôi truyền dạy cho các ông, từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến nay, đều lấy *vô sở niệm làm tông, vô tướng làm bốn thể, vô trụ làm cơ sở*. Cái gì gọi là *vô tướng*? Chính là ở nơi tướng mà ly khai tướng. *Vô niệm* chính là ở nơi niệm mà không chấp trước vào niệm. *Vô trụ* chính là bốn tánh của con người. Ở thế gian này bất luận là thiện, ác, tốt, xấu cho đến oán thù hoặc là có quan hệ thân thích, hoặc là vì lời nói ngôn ngữ mà đôi bên dẫn đến sự công kích, khinh thường đối gạt và tranh đoạt lẫn nhau, nên xem những điều này là không, không chấp trước, không nghĩ đến việc báo thù hoặc làm tổn thương đến người khác. Mỗi niệm không nên nghĩ về những sự việc quá khứ. Nếu các ông cứ mãi hồi tưởng về những niệm quá khứ, niệm hiện tại và niệm vị lai, niệm niệm tương tục không ngừng, như sóng nước, đó chính là tự mình dùng dây trói buộc mình, tự trói buộc mình vào một chỗ, mà không được tự do. Nếu các ông đối với vạn pháp, niệm niệm không chấp trước, đó chính là không có bị trói buộc, chính là lấy *vô sở trụ* làm căn bản.

Chư Thiện tri thức! Ngoài lìa cả thấy các sắc tướng, gọi Vô tướng. Đối với các sắc tướng mà năng lìa được sắc tướng chính là cái thể thanh tịnh của các pháp. Ấy là lấy Vô tướng làm thể.

Giảng:

Ngoài ly khai tất cả tướng gọi là *vô tướng*. Năng ly khai tất cả tướng đó là điều thể thanh tịnh của pháp, cho nên đây chính là lấy vô tướng làm thể.

*

Chư Thiện tri thức! Đối với các cảnh mà tâm chẳng nhiễm gọi là Vô nhiễm. Trong các niệm tướng của mình, tâm thường lìa cảnh, chẳng vì đối cảnh mà sanh tâm. Bằng đối với trăm việc tâm chẳng nghĩ đến, các niệm tướng đều bỏ hết; lúc một niệm cuối cùng dứt tuyệt thì chết liền và phải chịu đầu sanh chỗ khác. Cho nên đây là một sai lầm to lớn; người học đạo nên lấy đó mà suy gẫm để tránh rơi vào con đường lầm lạc. Nếu chẳng biết cái ý-chỉ của pháp, tự mình lầm thì còn khá, sợ e lại khuyên dạy người khác. Tự mình mê mà chẳng thấy, lại còn nhạo báng kinh Phật. Bởi vậy mới lập Vô nhiễm làm tông.

Giảng:

Ở bất cứ cảnh giới nào, tâm không nhiễm trước gọi là *vô nhiễm*. Trên niệm thanh tịnh của mình, thường hay ly khai tất cả cảnh giới, chẳng ở trên cảnh mà sanh các tâm niệm, nhớ tưởng (hồi ức) muôn vạn cảnh giới. Giả sử quý vị cho rằng muôn vật đều không nghĩ, mọi niệm đều phải diệt trừ, điều này đúng hay không? Đó lại là việc sai lầm, cho nên nói: "Chấp trước vào tướng là sai lầm, vô vi lại lạc vào không."

–Vậy thì làm thế nào đây?

– Ở chỗ này khó có thể thực hành, nếu quý vị có thể làm được, đó chính là vô niệm.

Một niệm đã đoạn không còn nữa, chẳng phải đã chết rồi hay sao? Vì không có niệm chính là đã chết. Nhưng chết ở đây lại sanh về ở chỗ kia, cho nên đây là cách suy nghĩ hết sức sai lầm. Những người muốn tu học đạo, ở chỗ này cần phải đặc biệt chú ý suy gẫm. Nếu như không nhận thức được chân nghĩa của pháp, tự mình sai lầm còn có thể, nếu dạy những người khác cũng sai lầm theo mình, thì không thể tha thứ được. Tự quý vị ngu muội, không những không có nhận thức tâm tánh của chính mình, mà ngược lại hủy báng Phật kinh, nói Phật kinh giảng sai rồi. Thật là vì người đời ngu si vô trí cho nên Cổ đức phải lập vô *niệm* làm tông chỉ cho người học Phật.

*

Chư Thiện tri thức! Sao lập Vô niệm làm tông? Chỉ vì người mê, miệng nói thấy tánh, mà đối cảnh tâm còn vọng niệm, trong chỗ vọng niệm, lại khởi tà kiến. Cho nên cả thấy các sự trần lao vọng tưởng đều do đó mà sanh ra. Bản tánh mình vốn không có một pháp gì mà tìm được. Nếu có cái chi tìm được trong tánh mình, mà nói dối là họa phước, thì cái ấy là trần lao tà kiến. Cho nên pháp môn này lập Vô niệm làm tông.

Giảng:

Tại sao cần phải lập vô *niệm* làm tông chỉ? Vì có một loại người, miệng nói mình đã kiến tánh, mình đã khai ngộ, loại người ngu si này, đối cảnh sanh ra vô vàn tâm niệm, trên niệm lại sanh ra muôn loại tà kiến, cho nên hết thấy trần lao vọng tưởng, đều từ đây mà sanh ra. Kỳ thực bản nguyên thanh tịnh của chính mình, diệu minh giác tánh, bản lai một pháp cũng không có, nó thì thanh tịnh viên mãn sáng suốt, diệu minh chân tâm, bản lai vô nhất vật. Nếu có chỗ sở đắc, thì vọng thuyết họa phúc mà dối gạt tiền tài của

người, đây đều là trần lao tà kiến. Cho nên pháp môn này lập vô *niệm* làm tông chỉ.

*

Chư Thiện tri thức! Vô là vô việc gì? Niệm là niệm vật chi? Vô, nghĩa là không chấp hai tướng, không có lòng phiền não. Niệm, nghĩa là niệm cái Chơn như Bốn tánh. Chơn như tức là cái thể của niệm, niệm tức là cái dụng của Chơn như. Tánh Chơn như của mình khởi niệm, chớ chẳng phải con mắt, lỗ tai, lỗ mũi, cái lưỡi mà niệm được. Cái Chơn như có tánh, sở dĩ mới sanh ra niệm tướng. Nếu cái Chơn như không có, thì mắt, tai, màu, tiếng, đương lúc ấy liền hư hoại.

Giảng:

Nay tôi lại muốn, vì quý vị, mà giảng vô niệm, vô tướng, vô trụ. Nếu quý vị có thể vô niệm chính là vô tướng, có thể vô tướng chính là vô trụ. Vô niệm cũng chính là vô sanh, vô tướng là vô diệt, vô trụ – bốn lai không có sanh diệt, không có đúng không có sai. Vô niệm, vô tướng, vô trụ cũng chính là không đúng, không sai, không thiện, không ác, không nam, không nữ. Niệm chính là tà niệm, lúc tà niệm không còn thì làm sao có nam nữ, pháp này thật là diệu! Nếu vô tướng, căn bản không có ngã tướng, vậy ai lại sanh ra cái tâm dâm dục? **Tâm dâm dục chính là niệm**, không có "niệm" chính là không có lòng dâm dục, không có lòng dâm dục thì không có ngã tướng, không còn chỗ chấp trước. Lúc không còn chỗ chấp trước, quý vị xem đây có phải là sự tự do chân chánh không, có phải là đã được giải thoát không? Cho nên vô tướng, vô niệm, vô trụ, cũng chính là không động không tịnh, không đúng không sai, không nam không nữ, không thiện không ác. Đây thật là tuyệt diệu vô cùng! Quý vị nếu nghiên cứu sâu sắc thì có thể thọ dụng vô cùng.

Lục Tổ Đại sư lại nói:

–Quý vị Thiện tri thức! Tôi giảng chữ vô này, thì vô cái gì? Chữ *niệm* này, thì niệm thứ gì? Vô chính là không có hai tướng, không những không có hai tướng, ngay một tướng cũng không có, không có tâm trần lao. Tâm trần lao chính là chỉ cái tâm không chính, cũng chính là tâm tà, tâm tà cũng chính là dục tâm.

Cái gì gọi là niệm? Niệm có nghĩa là nhớ, tức là cần phải nhớ Chân như tự tánh? Nhưng cái gì là Chân như tự tánh? Tức cái tánh mà bốn lai đã có, cũng chính là Như Lai Tạng tánh, cũng chính là Phật tánh. Chân như chính là bốn thể của niệm, mà niệm chính là vận dụng của Chân như.

Có người nói: "Vô niệm cũng chính là không có Chân như."

Quý vị phải biết vô niệm chính là không có hai tướng, chính là bảo quý vị chớ quên mà phải nhớ Chân như. Chân như là bốn tánh của chính quý vị, mà bốn tánh của quý vị là thanh tịnh sáng suốt, không có chỗ nhiễm trước.

Niệm tự tánh Chân như, là chân niệm, không phải là niệm do mắt, tai, mũi, lưỡi sanh ra. Chân như có tánh cho nên khởi niệm. Chân như cũng chính là tánh vương, cũng chính là điều đã giảng ở trên (phẩm Nghi Vấn): "tánh còn vua còn, tánh đi vua mất," cho nên nói Chân như nếu không có, thì mắt, tai, sắc, thanh lập tức hoại.

*

Chư Thiện tri thức! Tánh Chơn như của mình khởi niệm, thì sáu căn tuy có thấy, nghe, biết, hiểu, mà chẳng nhiễm muôn cảnh. Bởi thế nên Chơn tánh của mình bao giờ cũng tự tại. Cho nên Kinh nói: "Phân biệt đặng các pháp tướng một cách tường tận chí lý, mà cái tánh thanh tịnh Niết Bàn chẳng động."

Giảng:

Bốn thể Chân như tuy khởi lên niệm, ở cửa lục căn tuy có thấy nghe hiểu biết nhưng không nhiễm trước, vì quý vị không có tà niệm, không chấp vào muôn cảnh. Chân như tự tánh thường tự tại, cho nên Kinh nói: Tại sao khéo phân biệt tướng của vạn pháp? Vì chính là dụng của Chân như, năng khéo phân biệt chư pháp tướng mà không chấp trước muôn cảnh, cho nên đối với đệ nhất nghĩa mà không động.

---o0o---

Phẩm Tọa Thiền Đệ Ngũ

Thiền, không nhất định giới hạn nơi im lặng tịnh tọa, mà là đi đứng nằm ngồi đều là thiền, cho nên nói "đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, nói im động tĩnh thể an nhiên." Người biết dụng công, không chỉ giới hạn nơi tịnh tọa mới dụng công, mà bất cứ lúc nào, ở đâu cũng đều có thể dụng công.

*

Đại sư bảo đại chúng rằng: "Pháp môn tọa thiền này nguyên là chẳng chấp trước tâm, cũng chẳng chấp trước tịnh, cũng chẳng phải chẳng động. Nếu nói chấp tâm thì tâm nguyên là giả. Biết rằng cái tâm như là huyễn, cho nên không có chỗ nào mà chấp được. Bằng nói chấp tịnh, thì tánh người vốn tịnh. Chỉ bởi vọng niệm nên thể Chơn như mới bị lấp che. Nếu không có vọng tưởng, thì tánh tự nhiên thanh tịnh. Khởi tâm chấp tịnh, thì sanh ra cái vọng về chỗ tịnh. Cái vọng không có chỗ nơi, chấp ấy là vọng. Cái tịnh không có hình tướng, bởi lập ra tướng tịnh mới gọi là công phu. Sự thấy hiểu ấy làm ngăn trở Bốn tánh của mình, và cái tịnh trở lại trói buộc mình vậy.

Giảng:

Đại sư khai thị đại chúng:

Tọa thiền vốn không chấp nơi tâm, cũng không chấp thanh tịnh. Tại sao vậy? Nếu chấp tâm, thì có hai cái tâm. Nếu chấp tịnh, thì có hai cái tịnh. Cũng không nói tôi ngồi hoài không động. Nếu các ông chấp nơi tâm, thì có hai cái tâm, đó thành ra vọng tâm, cần phải biết tâm vốn huyền hóa không thực, không phải chân tâm, cho nên các ông không nên chấp vào nó.

Tự tánh của người vốn thanh tịnh, vốn đã là thanh tịnh, thì tại sao các ông lại phải chấp vào tịnh? Nếu chấp vào tịnh, thì có hai loại thanh tịnh, tức có chân có vọng. Vì có vọng niệm, cho nên Chân như bị vọng niệm che đậy. Nếu các ông không có vọng tưởng thì trở về diện mục bốn lai thanh tịnh. Nếu các ông sanh tâm chấp vào cảnh, trên bốn lai thanh tịnh mà làm việc "đầu thượng an đầu," lại sanh một cái tịnh, đó chính là cái vọng, không phải là bốn thể thanh tịnh. Nhưng cái vọng này vốn không có một chỗ nào, nếu ông chấp vào vọng hoặc tịnh đó là điều sai lầm. Đó chính là đầu thượng an đầu, gắn thêm cái đầu trên đầu nữa.

Sao gọi là thanh tịnh? Thanh tịnh vốn không hình không tướng, mà các ông lại lập ra một cái hình tướng thanh tịnh, quán tịnh và chấp vào tịnh, nói đây là công phu. Có kiến giải như thế, liền chướng ngại bản tánh của mình, mà bị tịnh trói buộc. Vì các ông đã chấp vào tịnh, đây cũng là một loại chấp trước.

*

Chư Thiện tri thức! Tu hành mà chẳng vọng động, nghĩa là lúc thấy cả thầy mọi người mà chẳng thấy các điều phải quấy lành dữ, tội lỗi của người, tức là tánh mình chẳng động.

Chư Thiện tri thức! Người mê muội, thân tuy chẳng động, mà khi mở miệng ra, thì nói chỗ phải quấy, hay dở, tốt xấu của người, vì thế mà trái nghịch với Đạo. Bằng chấp tâm chấp tịnh, tức là làm ngăn lấp cái Đạo vậy.

Giảng:

Quý vị tu bất động à? Vậy cái gì bất động? Bất động không phải là bảo quý vị ngồi đó không động, mà ở trong động tu bất động, ở trong những việc xảy ra thường ngày mà tâm không động. Lúc nhìn thấy mọi người, không thấy cái tốt cái xấu, cái đúng cái sai của người, không phân biệt thiện ác của người, không tìm lỗi lầm của người, đó mới là tự tánh chân chánh bất động.

Người mê tuy thân không động, nhưng vừa mở miệng là tùy tiện nói cái đúng cái sai, cái hay cái dở, cái tốt cái xấu của người, hành vi này trái ngược với đạo. Quý vị vẫn còn chấp tâm chấp tịnh, đó chính là pháp chướng ngại.

*

Sư bảo chúng rằng: "Chư Thiện tri thức! Sao gọi là tọa thiền? Trong pháp môn này không có chỗ nào ngăn, không có sự gì cản. Ngoài đối với tất cả các điều lành dữ các cảnh giới, mà tâm chẳng khởi vọng niệm, gọi là tọa. Trong thấy tánh mình chẳng động, gọi là thiền."

Giảng:

Sao gọi là *tọa thiền*? Trong pháp môn này, không có chỗ chướng ngại, đối với những cảnh giới đẹp xấu bên ngoài, tâm niệm đều không bị nó giao động, gọi là *tọa*, không nhất thiết phải ngồi một chỗ ở đó, mới gọi là *tọa*. Quý vị có thể bên trong nhìn thấy tự tánh mà không giao động, đó gọi là *thiền*.

*

Chư Thiện tri thức! sao gọi là thiền định? ngoài lìa tướng là thiền, trong không tán loạn là định. Nếu ngoài dính tướng, thì trong tâm tán loạn. Bằng ngoài lìa tướng, thì trong tâm không tán loạn. Bốn tánh vốn

tự định, chỉ vì thấy cảnh rồi nghĩ cảnh, nên mới tán loạn. Nếu thấy các cảnh giới mà tâm chẳng tán loạn, thế mới là thiết định.

Giảng:

Cái gì gọi là thiên định? Tức ngoài không chấp trước mọi tướng, trong tâm không vọng tưởng, không khởi tạp niệm, đó chính là định. Nếu bên ngoài chấp tướng, thì bên trong không còn định nữa. Nếu ngoài không chấp vào tướng, tâm sẽ không loạn. Bốn lai giác tánh viên minh của chính mình thì tự nhiên thanh tịnh, tự mình sẽ sanh định, nhưng bởi vì quý vị thấy cảnh giới thì chấp vào cảnh giới, nhớ tưởng lại cảnh giới, cho nên tâm loạn. Nếu quý vị có thể ngoài nhìn thấy tất cả cảnh giới mà trong tâm không loạn, đó chính là định chân chánh.

*

Chư Thiện tri thức! Ngoài là tướng tức là thiên, trong không tán loạn tức là định. Ngoài thiên trong định, ấy là thiên định. Kinh Bồ Tát Giới nói: ‘Bốn tánh của mình vốn tự thanh tịnh.’

Chư Thiện tri thức! Trong niệm niệm tự mình thấy Bốn tánh thanh tịnh, tự mình tu, tự mình hành, tự mình thành Phật đạo."

Giảng:

Ngoài rời tất cả tướng, đó gọi là *thiên*; trong tâm không loạn, đó chính là *định*. Ngoài có thiên, trong có định, đó mới là thiên định chân chánh. Kinh Duy Ma Cật nói: "Lập tức hoát nhiên quán triệt, hiểu rõ bốn tâm của mình." Kinh Phạm Võng nói: "Tự tánh bốn lai của chúng ta vốn tự thanh tịnh."

Quý vị Thiện tri thức! Trong mỗi niệm, tự thấy được bốn tánh thanh tịnh. Cho nên tự mình tu, tự mình hành, tự nhiên liền có thể thành tựu Phật đạo.

Phẩm Sám Hối Đệ Lục

Lúc kia Đại sư thấy các quan dân ở Quảng Châu, Thiệu châu và bốn phương đồng kéo nhau tụ tập trong núi đặng nghe pháp, thì Ngài lên tòa giảng mà bảo chúng rằng:

"Chư Thiện tri thức, hãy lại gần đây. Việc này phải do trong tánh mình mà khởi ra. Trong cả thầy thời gian, niệm niệm mình phải lóng sạch tâm mình, mình phải trau sửa nét hạnh của mình, mình phải thấy Pháp thân của mình, mình phải thấy Phật tâm của mình, mình phải độ và răn lấy mình, thì đến đây mới là hữu ích, chẳng uổng phí công lao. Các người đã từ phương xa mà đến, đồng hội hiệp tại chỗ này, ấy là các người đều có duyên với nhau. Vậy bây giờ các người cả thầy quỳ xuống. Trước ta truyền năm phần Chơn hương của Pháp thân trong Bốn tánh mình, kể ta truyền pháp Sám hối không tướng.

Cả thầy đồng quỳ.

Giảng:

Vào lúc đó, Lục Tổ Đại sư đang ở Chùa Nam Hoa nhìn thấy dân chúng cùng dân sĩ trí thức ở Quảng Châu, Thiệu Châu (tức Khúc Giang) và mọi nơi, cùng nhau vân tập vào trong núi thỉnh pháp. Vì thế Lục Tổ thăng tòa thuyết pháp:

—Đến đây, quý vị Thiện tri thức! Tu pháp môn tâm địa tọa thiền cần phải từ trong tự tánh khởi tu. Bất luận lúc nào, niệm niệm đều phải giữ gìn chánh niệm, không chứa chấp tà niệm, có chánh niệm tức là tự tịnh kỳ tâm. Pháp môn này đòi hỏi quý vị tự tu tự hành, người khác không thể thay thế, cần phải nhìn thấy Pháp thân của chính mình – tức tự tánh, quý vị cần phải nhìn

thấy Đức Phật chân chánh trong tâm mình, tự mình độ thoát mình, tự mình giữ gìn giới luật như thế mới xứng đáng công phu quý vị từ ngàn dặm xa xôi đến núi này.

Quý vị đã từ xa xôi đến đây, vân tập tại chỗ này, chúng ta đều có duyên với nhau, đều là từ nhiều kiếp nhiều đời vun trồng thiện căn, kiếp này mới hội tụ tại một chỗ. Nay quý vị mỗi người đều hồ quỳ (tức chân phải quỳ xuống). Trước tôi sẽ truyền cho các ông Ngũ phần hương Pháp thân tự tánh, sau đó sẽ truyền thọ Sám hối vô tướng.

*

Sư nói rằng: "Một là giới hương, nghĩa là tâm mình không tưởng điều quấy, không toan việc dữ, không sanh ghen ghét, không sanh tham lam giận hờn, không mong cướp của hại người. Ấy gọi là Giới hương.

Hai là Định hương, nghĩa là thấy các cảnh tướng lành dữ mà tâm mình chẳng tán loạn. Ấy gọi là Định hương.

Ba là Huệ hương, nghĩa là tâm mình không bị ngăn lấp, mình lấy trí huệ mà quán chiếu tánh mình và chẳng tạo các điều dữ. Tuy mình tu các hạnh lành mà tâm không chấp trước, thường kính người trên tưởng kẻ dưới, hay xót thương những kẻ cô cút nghèo nàn. Ấy gọi là Huệ hương.

Giảng:

Thứ nhất *giới hương*, chính là tâm mình không có một chút thị phi, không có tất cả thiện ác, không có tâm tật đố. Quý vị muốn trì giới, thì không nên có tâm tật đố, không có tham tâm, sân tâm, không cướp hại, và cũng không có những việc cướp bóc giết hại người, đó chính là giới hương.

Thứ hai *định hương*, chính là nhìn thấy tất cả cảnh giới thiện ác mà trong tâm không dao động, đó là định hương.

Thứ ba *trí huệ hương*, tức là tự mình không làm chướng ngại mình, không nên tự mình làm khó khăn cho mình, cần phải thường dùng trí huệ phá vô minh, quán chiếu tự tánh, các việc ác không làm. Cần phải làm các điều thiện, mà tâm không chấp trước. Giống như Lương Võ Đế hỏi Tổ sư Đạt Ma: "Trẫm tạo tự, độ Tăng, bố thí cúng dường có công đức gì?" đây chính là có chỗ chấp trước, nhà vua chấp vào công đức đã làm. Nếu quý vị làm việc tốt, thì khi làm xong nên quên nó đi, không nên nói: "Tôi bố thí năm trăm đồng, một ngàn đồng..." Cảm thấy công đức mình rất lớn, lớn còn hơn phước đức của chư thiên nữa, dường như đã đến cõi Trời Đao Lợi. Nếu quý vị có những tư tưởng như thế thì không có trí huệ, giống như Lương Võ Đế vậy. Đối với Cha Mẹ, Sư Trưởng, bậc trên mình, cần phải cung kính, đối với người dưới phải từ bi, thương xót cứu tế giúp đỡ cô nhi, quả phụ v.v.. Đó chính là trí huệ hương.

*

Bốn là Giải thoát hương, nghĩa là tâm không đeo níu vào một cảnh vật nào, mình chẳng nghĩ điều lành, không tưởng việc dữ, thông thả suốt thông (tự tại vô ngại). Ấy gọi là Giải thoát hương.

Năm là Giải thoát tri kiến hương, nghĩa là tâm mình tuy đã không đeo níu vào một cảnh vật nào, mình chẳng nghĩ điều lành, không tưởng việc dữ, nhưng chẳng nên "trầm không thủ tịch." Phải học rộng nghe nhiều, phải biết Bốn tâm mình, phải rõ thông đạo lý của chư Phật, phải xen lẫn trong thế gian mà cứu nhưn lợi vật (hòa quang tiếp vật), không phải nhưn ngã, mà thẳng đến Bồ đề – cái Chơn tánh không thay đổi. Ấy gọi là Giải thoát tri kiến hương.

Chư Thiện tri thức! Chơn hương này, mỗi phần tự có cái chất xông thơm ở bên trong, đừng tìm kiếm bên ngoài.

Giảng:

Thứ tư *giải thoát hương*, chính là không có tâm phan duyên (tâm bám víu, dính vương), nếu có chỗ phan duyên thì không buông xả được, thường hay tưởng nhớ đến một sự việc nào, đó chính là tà niệm, thì không thể giải thoát được. Không nghĩ thiện, cũng không nghĩ ác, hoàn toàn tự tại, không có chỗ chướng ngại, đó chính là giải thoát hương.

Thứ năm là *giải thoát tri kiến hương*, tức không phan duyên điều thiện, cũng không phan duyên điều ác, nhưng cũng không chấp trước vào không mà *trầm không trệ tịch*. Không nên nói: "Tôi ngồi ở đây, cái gì cũng không học, đó chính là không." Kỳ thực đó là ngoan không, không có một chỗ dụng, giống như trong quả banh cũng là không nhưng cái không đó không có cái dụng nào. Cảnh giới trầm không trệ tịch này, cũng giống như cái không trong quả banh. Đó là ngoan không, tuy cùng là không, nhưng nó không giống với cái không của hư không. Đây biểu thị một người suốt ngày ngồi chết tại một chỗ, trăm vật không nghĩ, cái gì cũng không nhớ đến, đến giờ ăn cơm thì ăn cơm, giờ ngủ thì ngủ, cái gì cũng không làm, thời gian trôi qua vô ích; quý vị xem thế có đáng thương xót hay không?

Như vậy cần phải làm sao? Cần phải quảng học đa văn. Nay chúng ta nghe Kinh, học tập Phật pháp, cần phải nghe nhiều học rộng. Có người muốn học Phật pháp nhưng lại không nghe Kinh, cũng không học Phật pháp, đối với Phật pháp một chút cũng không biết, lại nói cái gì cũng hiểu rõ sáng suốt, đây là loại người trầm không trệ tịch.

Cần phải nhận thức bốn tâm chính mình, thông đạt tất cả nghĩa lý Kinh Phật, hòa quang tiếp vật. Cái gì là hòa quang? Như ở đây có cái đèn, ở kia cũng có cái đèn, đèn đều có ánh sáng, quý vị xem có khi nào đèn cùng đèn đánh lộn, hoặc khởi lên sự xung đột mà nói: "Ánh sáng của người sáng hơn ta, không được như vậy, người lập tức đem ánh sáng của người thân trở về!"

hoặc nói: "Ánh sáng của người nhỏ quá, sáng một chút nữa được không; nếu không, người không được cùng ta tỏa ánh sáng trong phòng này!" Điều đó không bao giờ có. Chính là mọi người trong thế giới này, quý vị hành đạo của quý vị, tôi hành đạo của tôi, mỗi người thực hành đạo của mình mà không chướng ngại nhau. Quý vị không làm chướng ngại tôi, tôi cũng không làm chướng ngại quý vị, đó chính là hòa quang. Quang chính là ánh sáng quang minh, không thể nói danh dự của quý vị tương đối cao, cần phải đánh đổ quý vị xuống mà đưa cái danh dự của tôi lên. Quý vị làm việc của quý vị, tôi làm việc của tôi, như có người ganh tỵ tôi, thì có thể, nhưng tôi không được tạt đổ người. Quý vị giỏi hơn tôi, tôi càng vui vẻ; quý vị càng thành công tôi càng hoan hỷ, như thế sẽ không còn tâm tạt đổ. Có người nói:

–Tôi cùng với anh ta hòa quang, nhưng anh ta không có hòa quang với tôi.

Nếu quý vị hòa quang với ông ta thì sẽ *không* biết ông ta không hòa quang với quý vị, nếu biết ông ta không hòa quang với quý vị, đó biểu thị quý vị chưa có hòa quang với ông ta. Nếu ông ta không hòa quang đó là việc của ông ta, không nên chú ý đến, chỉ cần quý vị hòa quang với ông ta là được rồi.

Cái gì gọi là *tiếp vật*? Tức tiếp dẫn chúng sanh, tiếp dẫn tùy theo căn cơ chúng sanh. Ông thích Đại thừa Phật pháp, tôi liền giảng Phật giáo đại thừa; ông thích Phật giáo Tiểu thừa, tôi giảng pháp Tứ đế của Tiểu thừa, ông thích hành Bồ Tát đạo, tôi giảng Lục độ vạn hạnh; ông thích pháp Bích Chi Phật, tôi giảng Mười hai nhân duyên. Đó chính là hòa quang tiếp vật, tùy theo căn cơ chúng sanh mà thuyết pháp độ sanh, tiếp dẫn chúng sanh khiến chúng sanh thoát khổ được vui.

Cần phải vô ngã vô nhân mới có thể hòa quang tiếp vật, quý vị không nên tiếp độ một người liền tính toán rằng mình đã độ được một chúng sanh, công đức rất lớn. Không nên cho rằng: "Tôi nay độ ba vị Tỳ kheo, hai cô Tỳ kheo ni xuất gia, công đức của tôi rất lớn!" Người có tư tưởng này, ngay

một chút vi trần công đức cũng không có. Vậy thì phải làm sao? Cần phải vô nhân vô ngã, hành sở vô sự, cho đến độ người thành Phật cũng không chấp trước công đức độ chúng sanh. Cho nên Kinh Kim Cang nói: "Diệt độ tất cả chúng sanh rồi, mà không có một chúng sanh thực sự diệt độ." Chớ nên sáng niệm Kinh Kim Cang, tối cũng niệm Kinh Kim Cang, niệm hoài niệm mãi mà không hiểu nghĩa lý Kinh Kim Cang, lại tự cao ngã mạn nói: "Ông xem tôi như thế nào!" lại có một cái "ngã," bất cứ cái gì cũng đem *ngã* bày ra trước. Vậy ông tụng niệm Kinh Kim Cang gì vậy? Điều mà Kinh Kim Cang xiển thuật là: *Vô nhân, vô ngã, vô chúng sanh, vô thọ giả, nhất thiết chư pháp không tướng* . Cho nên cần phải hiểu rõ chân nghĩa, trực chỉ Bồ đề. Chân tánh không thay đổi – chân tánh cũng không biến dị, đó gọi là giải thoát tri kiến hương. Ngay tri kiến cũng giải thoát, không có chỗ chấp trước,

"Vô nhân vô ngã Quán Tự Tại,

Phi không phi sắc kiến Như Lai"

Ai có thể vô nhân vô ngã, chính là Bồ Tát Quán Tự Tại. Không chấp không, cũng không chấp có (sắc chính là có sắc tướng), không lạc vào không cũng không lạc vào có, thì sẽ nhìn thấy Phật.

Quý vị Thiện tri thức! Ngũ phần hương Pháp thân này ở trong Pháp thân mỗi người, cho nên cần phải ứng dụng hương Pháp thân này, xông đốt trong tự tánh, không nên giông ruổi bên ngoài tìm cầu.

*

Bây giờ ta truyền cho các người pháp Sám hối không tướng, pháp này tiêu diệt hết các tội trong ba đời, khiến cho ba nghiệp đều được trong sạch.

Giảng:

Nay tôi truyền thọ cho các ông *Vô tướng sám hối*. Cái gì gọi là *sám*? Tức sám kỳ tiền khiên (sám những lỗi về trước); cái gì gọi là *hối*? Tức hối kỳ hậu tội (hối những lỗi về sau). Sám hối có thể diệt tội lỗi ba đời, tội lỗi trong đời hiện tại, đời quá khứ, đời vị lai đều có thể tiêu diệt. Nhưng quý vị cần phải thanh tịnh kỳ tâm mà sám hối, khiến cho tam nghiệp thân, khẩu, ý của quý vị đều thanh tịnh.

*

Chư Thiện tri thức! Hãy đồng xưng lên một lượt và nói theo ta.

Chúng đệ tử, từ niệm trước, niệm nay đến niệm sau, niệm niệm chẳng nhiễm sự ngu mê. Các tội do nghiệp ác ngu mê đã tạo ra từ trước thảy đều ăn năn, nguyện dứt hết một lần, hằng chẳng gây lại nữa.

Giảng:

–Quý vị Thiện tri thức! Các ông nói theo tôi, đồng thời mỗi người tự xưng pháp danh.

Lúc này Lục Tổ Đại sư truyền Tam quy, sám hối và phát Tứ hoằng thệ nguyện cho các thiện nam, tín nữ.

Niệm quá khứ, niệm hiện tại và niệm tương lai, mỗi niệm không bị ngu si xoay chuyển, niệm niệm đều sanh trí huệ. Các tội lỗi ngu mê ác nghiệp mà con đã gây tạo từ trước, như mười điều ác: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, tham sân si..., nay con xin thành tâm hối cải, và cầu nguyện trong thời gian một sát-na đều tiêu diệt không còn, từ nay về sau con không còn tái phạm các tội lỗi ngu mê này nữa.

*

**Chúng đệ tử, từ niệm trước, niệm nay đến niệm sau, niệm niệm chẳng
nhiệm sự ngạo đối. Các tội do nghiệp ác ngạo đối đã tạo ra từ trước
thầy đều ăn năn, nguyện dứt hết một lần, hằng chẳng gây lại nữa.**

Giảng:

Kiêu chính là kiêu căng ngã mạn, chỉ biết có mình mà không biết người khác, trong mắt không tất cả, trên trời dưới đất duy ngã độc tôn. Cuống là cuống vọng tự đại, cũng có thể là vọng ngữ, cảm thấy mình không ai sánh kịp, khắp toàn thế giới ta là nhân vật số một, là vĩ đại nhất, thậm chí các lãnh tụ các nước trên thế giới, cũng không ai lớn bằng ta, như thế gọi là kiêu cuống. Niệm niệm không bị kiêu cuống làm nhiễm, không bị kiêu cuống xoay chuyển. Từ trước đã phạm những tội lỗi kiêu mạn cuống ngữ, thầy đều xin sám hối, nguyện trong thời gian một sát-na đều tiêu diệt, không bao giờ khởi lại.

*

**Chúng đệ tử, từ niệm trước, niệm nay đến niệm sau, niệm niệm chẳng
nhiệm sự ghen ghét. Các tội do nghiệp ác ghen ghét đã tạo ra từ trước
đều ăn năn, nguyện dứt hết một lần, hằng chẳng gây lại nữa.**

Chư Thiện tri thức! nhẩn lên là pháp Sám hối không tướng.

Giảng:

Ở trên sám hối ngu mê, kiêu cuống; nay sám hối tật đố. Tật đố là thứ tệ hại nhất. Người người tu đạo đều bị tật đố làm chướng ngại. Thấy người giỏi hơn mình, liền sanh lòng tật đố; thấy người thông minh hơn mình, liền sanh lòng tật đố; thấy người học cái gì cũng nhanh hơn mình, liền sanh lòng tật đố; thấy người tu đạo ngồi thiền, ngồi như như bất động, cũng sanh lòng tật đố; thấy người ăn cơm nhiều cũng sanh lòng tật đố; thấy người ngủ nhiều

một chút cũng sanh lòng tật đố, Tóm lại thấy người ta có cái gì mà mình làm không được liền sanh lòng tật đố, thậm chí thấy người ta bệnh rất lâu, cũng sanh lòng tật đố, nói: "Tại sao tôi không mắc bệnh?" Vì thế tật đố là thứ tệ hại nhất, cho nên quý vị không nên để tật đố xoay chuyển. Từ trước đã phạm những tội nghiệp tật đố, nay đều xin sám hối tất cả, nguyện trong một sát-na đều tiêu diệt hết, không bao giờ khởi lại.

Quý vị Thiện tri thức! Những điều tôi nói ở trên chính là pháp môn Vô tướng sám hối.

*

Sao gọi là Sám? Sao gọi là Hối?

Sám nghĩa là ăn năn các tội trước của mình. Những tội do các nghiệp ác ngu mê, ngạo dối, ghen ghét, đã tạo ra từ trước, tất cả đều ăn năn, hằng chẳng gây lại nữa. Ấy gọi là Sám.

Hối nghĩa là ăn năn các lỗi sau của mình. Những tội do các nghiệp ác ngu mê, ngạo dối, ghen ghét tạo ra, nay đã giác ngộ rồi, tất cả đều dứt bỏ đời đời, ngày sau chẳng gây ra nữa. Ấy gọi là Hối. Cho nên kêu là Sám hối.

Các người phạm phu ngu muội chỉ biết ăn năn tội trước của mình, mà chẳng biết ăn năn lỗi sau. Bởi chẳng ăn năn, nên tội trước chẳng dứt, lỗi sau lại sanh. Tội trước đã chẳng dứt, lỗi sau lại sanh, thì sao gọi là Sám hối được?

Giảng:

Cái gì gọi là *sám*? Cái gì gọi là *hối*? *Sám* chính là sửa đổi những tội nghiệp về trước. Từ trước đã tạo những ác nghiệp, ngu mê, kiêu cuồng, tật đố, tất cả đều xin sám hối, không bao giờ khởi lại, đó gọi là *sám*. *Hối* là hối những

lỗi lầm sẽ phạm về sau, từ nay trở về sau, tất cả những ác nghiệp, ngu mê, kiêu cuồng, tật đố... con đều hiểu rõ, và vĩnh viễn đoạn trừ nó, không bao giờ làm những việc sai lầm đó nữa, đó gọi là *hối*. Tóm lại, đó gọi là sám hối. Phạm phu vì quá ngu si, chỉ biết làm sai xong mới biết sửa đổi sai lầm, mà không biết sửa lỗi từ trong tâm, về sau không dám tái phạm. Vì họ không hối lỗi, cho nên những tội lỗi đã tạo từ trước đã không tiêu diệt, mà những tội lỗi về sau lại phát sanh. Cho nên tội trước đã không diệt, mà lỗi sau lại tiếp tục tăng gia, vậy thì càng tạo càng nhiều, càng chứa càng sâu, như thế làm sao có thể gọi là sám hối?

*

Chư Thiện tri thức! Đã sám hối rồi, bây giờ ta cho các người lập Bốn điều thề nguyện lớn (tứ hoằng thệ nguyện). Mỗi người phải dùng tâm chơn chánh mà nghe ta dạy:

Cả thầy chúng sanh không giới hạn trong tâm mình đều thề nguyện hóa độ.

Cả thầy các điều phiền não chẳng xiết kể trong tâm mình đều thề dứt bỏ.

Cả thầy các pháp môn kể trong tánh mình đều thề nguyện học cả.

Đạo Phật cao hơn hết trong tánh mình thề nguyện tu đến thành công.

Chư Thiện tri thức! Cả thầy chúng người há chẳng nói: "Cả thầy chúng sanh không giới hạn, mà tự mình đều thề nguyện hóa độ, thế thì chẳng phải Sư Huệ Năng độ!"

Giảng:

Quý vị Thiện tri thức! Quý vị đã biết thế nào là sám hối, nay tôi cùng quý vị phát tứ hoằng thệ nguyện. Quý vị mỗi người cần phải chánh tâm thành ý nghe: Một, chúng sanh vô biên trong tâm mình cần phát nguyện độ. Hai, tự tâm phiền não vô lượng cần phát nguyện đoạn. Ba, tự tánh pháp môn vô tận thệ nguyện học. Bốn, tự tánh vô thượng Phật đạo, mỗi người đều phải phát nguyện thành tựu. Mỗi vị đều là người có trí huệ, quý vị không phải đã phát nguyện chúng sanh vô biên thệ nguyện độ hay sao? Làm sao để độ chúng sanh? Đây không phải Huệ Năng tôi độ mỗi vị chúng sanh của quý vị, mà là quý vị tự tánh tự độ.

*

Chư Thiện tri thức! Chúng sanh trong tâm mình tức là: lòng tà mê, lòng giả dối, lòng bất thiện, lòng ghen ghét, lòng ác độc. Các tâm này đều gọi là chúng sanh. Mỗi người phải dùng tánh mình mà độ lấy mình, mới gọi là thiết độ.

Giảng:

Chúng sanh trong tâm mình, có thiện, có ác. Chúng sanh thiện tự biết cầu Vô thượng đạo, phát Bồ đề tâm, nhưng chúng sanh ác thì nương vào quý vị độ nó. Cho nên cần phải phát nguyện độ chúng sanh trong tâm mình. Giảng đến đây, chúng ta mỗi người đều nên hồi quang phản chiếu, tự mình phản tỉnh quan sát một chút: " Chúng sanh trong tự tâm tôi đã độ chưa? Tư tưởng của tôi có thuần chân không? Hành vi có cao thượng không? Tôi có tâm tật đố, tâm chướng ngại, và muôn vàn tâm vô minh không?" Chúng sanh trong tâm mình vốn vô lượng, vô biên, nay đưa ra những điểm quan trọng: chúng sanh tà mê cần phải dùng trí huệ chân chánh độ. Cần dùng tâm khiêm cung, tâm chân thật độ chúng sanh cuồng vọng, kiêu mạn. Cần dùng tâm thiện độ chúng sanh có tâm ác. Cần dùng tâm cung kính độ tâm tật đố. Nếu tật đố người này hay giỏi hơn tôi, thì cần phải dùng tâm cung kính hóa giải. Tâm ác độc, ở đây đưa ra ví dụ, giống như Bồ Đề Lưu Chi dùng thuốc độc đầu

độc sát hại Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma, đó là tâm ác độc. Quý vị nghe kinh cần phải hồi quang phản chiếu, tự hỏi mình có những tật xấu này không. Kinh nói độ chúng sanh, vậy trong tâm tôi có những chúng sanh này không? Nếu có thì tìm cách độ nó. Nếu quý vị không độ nó, nó liền kéo quý vị xuống địa ngục, mà chịu khổ vô cùng không ra khỏi được.

Trên đây đã giảng các loại tâm, đó là chúng sanh, quý vị mỗi người cần phải độ những chúng sanh này đến lúc rốt ráo mới được ngừng nghỉ, không nên đã biết mà vẫn cố phạm, đó mới là chân độ chúng sanh.

*

Sao gọi dùng tánh mình mà độ lấy mình (tự tánh tự độ)? Nghĩa là các chúng sanh trong tâm là tà kiến, phiền não, ngu si, phải đem chánh kiến mà hóa độ các tánh xấu ấy. Đã có sẵn chánh kiến thì phải dùng trí Bát nhã để đánh dẹp các chúng sanh ngu si, mê vọng. Mỗi mỗi mình phải độ lấy mình: Tà đến lấy chánh độ; mê lại, dùng ngộ mà độ; ngu đến, lấy trí mà độ; dữ lại dùng lành mà độ. Độ như thế, mới gọi là thiết độ.

Giảng:

Cái gì gọi là tự tánh tự độ? Tức những chúng sanh tà kiến, phiền não, ngu si trong tâm mình, quý vị cần phải dùng chánh kiến giáo hóa chúng nó. Quý vị đã có chánh kiến, thì dùng Bát nhã trí huệ đánh chết những chúng sanh mê vọng, ngu si.

Có người nói:

–Đánh chết chúng sanh không phải phạm giới sao?

Phạm giới này, một chút xiu cũng không quan trọng. Lúc không nên phạm giới thì quý vị *không* sợ phạm, lúc không phạm giới thì quý vị nói đã phạm

– Loại người như quý vị thật khó giáo hóa! Những chúng sanh xấu xa trong tự tánh quý vị, cần phải trừ đi. Trừ đi những chúng sanh xấu, những chúng sanh tốt sẽ được an lạc, cho nên có thể giết, có thể đánh chết nó.

Quý vị mỗi một người cần phải tự tánh tự độ. Lúc chúng sanh tà đến, cần dùng chúng sanh chánh độ nó. Chúng sanh mê lại thì dùng chúng sanh ngộ độ. Chúng sanh ngu si đến, quý vị dùng trí huệ độ, chúng sanh ác đến thì dùng chúng sanh thiện độ. Độ chúng sanh như thế, mới gọi là chân chánh độ chúng sanh.

*

Tất cả các điều phiền não chẳng xiết kể đều thề nguyện dứt bỏ, nghĩa là đem Trí Bát nhã của tánh mình mà dứt bỏ lòng nghĩ tưởng giả dối. Thế mới gọi là thiết độ.

Tất cả các pháp môn kể không hết đều thề nguyện học cả, nghĩa là tự mình phải thấy tánh, thường thực hành các chánh pháp. Thế mới gọi là thiết học.

Đạo Phật cao hơn hết thề nguyện tu đến thành công, nghĩa là đã thường hạ được cái tâm (giữ hạnh khiêm cung), làm việc chơn chánh, lìa mê lìa giác, thường sanh Bát nhã, bỏ chơn trừ vọng, tức khắc thấy tánh Phật. Ấy là nghe nói pháp rồi, liền thành Phật đạo.

Thường thường tưởng đến việc tu hành là cái chánh pháp tạo nên mạnh của thệ nguyện (nguyện lực) vậy.

Giảng:

Phiền não thì không có lúc cùng tận, nhưng quý vị cần đoạn nó, nói là *đoạn* nhưng thực ra là *biến*, làm sao biến? Tức biến phiền não thành Bồ đề, vì phiền não tức Bồ đề, nếu đoạn phiền não, cũng chính là đoạn luôn Bồ đề,

cho nên không nên đoạn tận, cần lưu lại chút chút. Nếu đoạn tận phiền não cũng là thành Phật, nay vì không muốn thành Phật nhanh như vậy, bèn lưu lại một chút ít phiền não như sợi lông cọng tóc, mà biến những phiền não còn lại thành Bồ đề. Lúc Bồ đề nhiều rồi thì có thể đem những phiền não chút chút đó biến thành Bồ đề luôn. Cái gì gọi là đoạn phiền não? Tức dùng trí huệ tự tánh chân chánh, trừ đi những tư tưởng hư vọng – vọng tưởng, cũng chính là tà niệm, vô minh của quý vị. Trừ vô minh, chính là đoạn phiền não.

Cái gì gọi là *pháp môn vô tận thế nguyện học*? Quý vị cần phải nhận thức bốn tâm của chính mình, nhìn thấy bốn tánh của mình, thường y theo chánh pháp tu hành, không nên hành tà pháp, đó chính là chân chánh học Phật pháp. Nếu quý vị chỉ học mà không hành, học Phật pháp rất nhiều, nhưng trên thực tế không ứng dụng thực hành, đó không phải là chân học Phật pháp. Người chân học cần phải thực hành, giống như có một vài người, đến Phật Giáo Giảng Đường học Phật pháp, lúc chưa học thì hút thuốc, uống rượu, ma túy, tật xấu nào cũng có, nhưng sau khi học Phật pháp, thuốc cũng không hút, rượu cũng không uống, thịt cũng không ăn, ma túy thì không cần nói đến. Lại nữa, lúc trước rất làm biếng, từ sớm ngủ đến tối, không có việc làm liền đi ngủ, nhưng nay nếu không xem Kinh thì đánh máy, nghe Kinh, ngồi thiền. Nếu không phải chân học, thì không làm những việc nhọc nhằn như thế.

Tứ hoằng thế nguyện chính là những nguyện mà Bồ Tát cần phải phát.

Thường hành hạ tâm, chính là Kinh Địa Tạng nói, nếu có quốc vương, tế tướng, đại thần, bá quan dân chúng, hoặc là trưởng giả, cư sĩ, bà la môn, sát đế lợi, gặp những người bần cùng khổ khổ, tàn tật câm điếc, năng tự tay mình bố thí, tươi cười, lời nói hiền hòa an ủi, khiến cho họ có cảm giác an lạc, công đức này giống như cúng dường hằng hà sa số Phật. Cho nên muốn Phật đạo vô thượng thế nguyện thành, thì phải giống như tòa lâu cao trăm trượng từ đất khởi.

Có một người sau khi trở về Hương Cảng nói những lời không hợp lôgích, ông ta nói: "Những nhà chọc trời ở Nữ Ớc không phải từ mặt đất xây dựng lên, mà xây nền móng trong không trung." Ông ta phao ra những lời đồn nhảm nhí như thế, chỉ có thể mê hoặc một số người ngu muội mà thôi.

Lại có người đưa ra một lời đồn khác: "Nước Mỹ thật là đẹp a! Cầu vồng ở nước Mỹ không giống cầu vồng ở Trung Quốc, nó rất sặc sỡ màu gì cũng có." Lại nói: "Mặt trăng ở nước Mỹ không phải hình tròn mà là hình tam giác, mặt trời ở nước Mỹ hình vuông." Ông có tin những lời này không? Cho nên thành Phật cần phải có tâm khiêm hạ khiêm cung, không nên cống cao ngã mạn, nói: các anh xem tôi như thế như thế..., mà cần phải êm đềm lời nói, điệu hòa sắc mặt, hành chân pháp, hành chánh pháp, hành pháp chân chánh, ly khai mê, ly khai giác. Giác này là chỉ giác của giác quan, là ác giác chứ không phải chánh giác. Giác có sự phân biệt giữa chánh giác và tà giác. Tà giác giống như có một số người, quý vị kêu họ học chánh pháp, họ học hoài học mãi cũng không thông, nhưng vừa học bằg môn tả đạo thì học rất nhanh. Giống như đánh bài, họ vừa nhìn là biết chơi liền, không cần phải dạy. Những thứ không chánh đáng thì học rất nhanh, đó gọi là ác giác. Người tu học đạo, cần phải ly khai ác giác.

Như thế nào là ly khai ác giác? Cần phải thường sanh Bát nhã, Bát nhã chính là trí huệ, trí huệ tức là sáng suốt hiểu rõ, sáng suốt chính là giác.

Trừ chân trừ vọng, chân này là chỉ cái chân đối đãi của chân và vọng, không phải là chân của chân chánh. Nếu trừ đi cái chân, cũng trừ luôn cái vọng, thì đó là tự tánh Chân như bổn lai của chính mình. Tự tánh Chân như không phải chân hoặc vọng, vì có chân nên có vọng, có vọng nên có chân, nếu không có vọng thì cũng không có chân, cho nên tự tánh Chân như không vọng cũng không chân. Kinh Lăng Nghiêm nói: Vọng hiển chư chân, vọng chân đồng thị. Vọng chính là để hiển chân, vọng và chân đều là vọng, cần biết chân chân thì không có đối đãi, không có một cái chân cũng không có một cái giả. Cho nên chân cần phải trừ, vọng cũng cần phải trừ. Nên

nói: "Chân bất lập, vọng bổn không, hữu vô cụ di bất không không." Chân cũng không lập, vọng cũng vốn không, có và không đều không cần đến, lúc đó bất không cũng là không. Quý vị được như thế, thì có thể nhìn thấy Phật tánh của chính mình, lập tức thành tựu Phật đạo. Thường niệm niệm tu hành, thường tu tứ hoằng thệ nguyện. Có nguyện có thệ, mới có thể có tu có hành.

*

Chư Thiện tri thức! Nay đã bốn điều thề nguyện lớn rồi, ta lại truyền cho các người Tam Vô tướng quy y (Vô tướng tam quy y giới).

Chư Thiện tri thức! Phải quy y ba pháp này:

- 1. Hãy quy y cái Diệu Giác của tánh mình, là Lưỡng Túc Tôn.**
- 2. Hãy quy y cái Chánh Pháp của tánh mình, là Ly Dục Tôn.**
- 3. Hãy quy y cái Thể Thanh Tịnh của tánh mình, là Chúng Trung Tôn.**

Giảng:

Quý vị đã nghe xong tứ hoằng thệ nguyện, tôi lại vì quý vị truyền thọ Vô tướng tam quy y. Quy y Giác, Lưỡng Túc Tôn. Giác chính là Phật, Phật chính là giác. Tại sao gọi là Lưỡng Túc Tôn? Tức là phước đức và trí huệ viên mãn.

Quy y Chánh, Ly Dục Tôn. Chánh cũng là Pháp, Pháp cũng là chánh; chánh pháp, pháp chánh. Cần phải quy y chân chánh Phật pháp, không nên quy y tà pháp, pháp thiên ma ngoại đạo. Ly Dục Tôn, mọi người ai cũng có một loại dục, mà loại dục này thiệt làm hại chết người. Tại sao người không thành Phật? Chính vì có cái dục này, có dục thì có tham tâm, sân tâm, si tâm. Mà người học Phật pháp cần phải ly dục, đoạn dục khử ái, không có

tham dực, cho nên gọi là Ly Dực Tôn.

Quy y Tịnh, Chúng Trung Tôn. Tịnh cũng là Tăng, Tăng cũng là Tịnh. Quy y Tăng vì Tăng là thanh tịnh phước điền Tăng, thanh tịnh chính là không ô nhiễm. Người chân chánh học đạo cần phải trì giới không giữ tiền bạc. Trên người không có tiền đó chính là tịnh, có tiền thì không trong sạch, không thanh tịnh. Cho nên người chân chánh tu đạo cần phải ly khai tiền bạc. Nhưng ngược lại, không có tiền tài thì không dưỡng được đạo, nếu không có tiền mà muốn tu hành thì cũng không thể sanh tồn, vì thế cũng cần có tiền. Nhưng cũng không nên chấp trước vào tiền bạc, không nên từ sáng đến tối phan duyên, cầu cạnh, nói ai đó trong ngân hàng có mấy trăm vạn, ta đến hóa duyên ông ta một số tiền để xây chùa, xây trường học, thỉnh một bộ Đại Tạng Kinh. Đây tuy đều là công đức, nhưng lại quên đi đó chính là phan duyên, tiền là vật không thanh tịnh.

Giảng đến đây, tôi chợt nhớ đến lúc tôi ở Mãn Châu, đã có một thời gian tay không đụng đến tiền bạc. Tại sao lúc đó tôi giữ giới không giữ tiền? Vì khi đó ngôi chùa mà tôi xuất gia có bốn năm chục Tăng sĩ, lúc tôi xuất gia Hòa Thượng Phương Trượng không ở chùa mà đã đi hóa duyên phương xa, còn những người khác lại không biết tôi. Ở trong chùa xuất gia cần phải làm công quả khổ hạnh. Công quả của tôi cùng với quý vị không giống nhau, nay quý vị đánh máy, tụng Kinh, hoặc là làm những công việc khác, còn ngôi chùa của tôi xuất gia thì là một ngôi chùa lớn ở nông thôn, ngay việc quét sân cũng mất cả tiếng đồng hồ. Tôi ở trong chùa quét dọn nhà vệ sinh, đó là công tác đầu tiên của tôi. Nhà vệ sinh đó không giống như nhà vệ sinh hiện đại hóa của quý vị bây giờ, mà là hầm phân, cho nên cần phải gánh phân đi đổ chỗ khác, nếu không thì rất là thơm, mà người học đạo không thích ngửi mùi thơm. Quý Thầy giao cho tôi việc này vì người mới phát tâm đối với hương trần chưa có đoạn được. Vì thế tôi ngày ngày dọn dẹp vệ sinh, tuy nhiên cũng không chán ghét lắm. Ngoài việc này ra còn phải quét sân và nhiều việc nữa. Lúc trời rơi tuyết, hai giờ sáng tôi phải thức dậy quét

đường sạch sẽ để cho đại chúng lên chánh điện tụng Kinh khuya. Cứ như thế trôi qua một thời gian, Hòa Thượng Phương Trượng trở về, nhìn thấy tôi liền nói:

–Ô! Ông đã đến rồi.

Tôi trả lời:

–Da! Con đã đến.

Sau đó Hòa Thượng Phương Trượng và mọi người họp lại để tuyển chọn thầy Thủ Tọa của Chùa. Thủ Tọa là chức vụ thấp hơn Hòa Thượng Phương Trượng, lúc Hòa Thượng Phương Trượng thoái vị, Thủ Tọa sẽ lên đảm trách chức vụ Phương Trượng. Trong chùa có rất nhiều Tăng sĩ, ai Ngài cũng không tuyển mà lại tuyển tôi, hỏi ý kiến mọi người thế nào? Mọi người đều phản đối:

–Ông ta mới xuất gia, làm sao có thể làm Thủ Tọa được?

Hòa Thượng Phương Trượng nói:

–Vậy chúng ta để tên của mọi người trong ống thăm, đến trước Bồ Tát Vi Đà bắt thăm.

Lắc ba lần, thật kỳ lạ, tên của tôi đều văng ra ngoài, cho nên mọi người không phản đối nữa, vì đây là sự sắp đặt của Bồ Tát Vi Đà, cho nên tôi được lưu lại Chùa làm thủ tọa. Sau đó Hòa Thượng Phương Trượng lại muốn kêu tôi làm trụ trì, tôi nghĩ điều này rất phiền phức vì giữ giới không giữ tiền, tôi nói với Hòa Thượng: "Con không cầm tiền làm sao có thể trụ trì. Con đến chỗ nào cũng không cầm tiền, với điều kiện này tôi mới chấp nhận trụ trì." Như thế mà tôi trụ giới không giữ tiền bạc. Lúc muốn ngồi xe lửa cần phải mua vé, tôi bèn đứng đó đợi, có người quen đến thì giúp tôi mua vé, nếu không có người quen tôi cứ đứng đó đợi. Nhưng thật lạ kỳ mỗi lần tôi đến ga chờ xe, nhất định có người đến hỏi tôi đi đâu, sau đó mua vé

cho tôi. Đây là giảng một chữ "tịnh." Nếu quý vị *không cầm tiền, đó là chân chánh tịnh*, nếu có một xu tiền cũng không tịnh. Cho nên quy y tịnh, chính là quy y Tăng. Tại sao nói tịnh chính là Tăng? Tăng chính là thanh tịnh, Tăng chính là người tôn quý nhất, cao thượng nhất trong chúng nhân, cho nên nói Chúng Trung Tôn.

*

Từ nay sắp sau, hãy xưng Giác làm Thầy, chẳng nên nương theo tà ma ngoại đạo. Hãy lấy Tam bảo của tánh mình mà thường tự chứng tỏ các công đức của mình. Ta khuyên chư Thiện tri thức phải nương theo Tam bảo của tánh mình là:

- 1. Phật nghĩa là Giác (tánh Giác ngộ).**
- 2. Pháp nghĩa là Chánh (tánh Chơn chánh).**
- 3. Tăng nghĩa là Tịnh (tánh Thanh tịnh).**

Tâm mình nương theo tánh Giác, thì tà mê chẳng sanh. Lại ít có sự ham muốn, thường biết đủ (thiểu dục tri túc), lìa được của tiền sắc dục, gọi là Lưỡng Túc Tôn.

Tâm mình nương theo tánh Chánh, thì niệm niệm không sanh tà kiến. Bởi không tà kiến, nên không lòng nhờn ngã, cống cao, tham ái, chấp trước, gọi là Ly Dục Tôn.

Tâm mình nương theo tánh Tịnh, thì cả thảy các cảnh giới trần lao, ái dục, tâm mình chẳng nhiễm chẳng vương, gọi là Chúng Trung Tôn.

Giảng:

Từ ngày nay bắt đầu xưng *Giác* là thầy, không còn quy y thiên ma ngoại đạo, không làm đồ chúng của bàng môn ngoại đạo. Thường chứng minh mình có tự tánh Tam bảo. Nay khuyên các vị Thiện tri thức, quy y tự tánh Phật bảo, quy y tự tánh Pháp bảo, quy y tự tánh Tăng bảo. Phật tức là giác, Pháp chính là chánh, Tăng chính là tịnh, quý vị quy y giác, thì không nên sanh tâm tà mê, nên thiếu dục tri túc. Người không phải không ăn thịt là thiếu dục, không phải xem nhiều Kinh một chút là thiếu dục, *thiếu dục* chính là cần phải đoạn lìa tâm dâm dục. Kinh Lăng Nghiêm nói như thế này: "*Dâm tâm bất trừ, trần bất khả xuất,*" lòng dâm dục không trừ mà muốn ra khỏi tam giới, đó là điều không thể được. *Tri túc* chính là không có lòng tham, nghèo chết cũng không tham, đói chết cũng không tham, bất luận khó khăn như thế nào cũng không sanh lòng tham. Không tham tài, không tham sắc, không tham danh, đó là Lương Túc Tôn – phước đức và trí huệ đầy đủ. Tự tâm quy y chánh pháp, niệm niệm không nên có tà tâm, tà kiến. Bởi vì không có tà kiến, cho nên không có sự phân biệt của nhân ngã, cống cao ngã mạn, tham, ái và chấp trước. Nếu quý vị có thể như vậy, đó gọi là Ly Dục Tôn, ly khai tất cả dục. Tự tâm quy y thanh tịnh, thì đối diện với tất cả trần lao – tất cả cảnh giới của xã hội, không bị lòng dục xoay chuyển, không bị trào lưu xã hội làm cho hủ hóa thối nát. Quý vị nên giáo hóa xã hội, giáo hóa chúng sanh mà không bị chúng sanh giáo hóa. Giống như lúc trước có người ở đây học Phật pháp, tôi thấy cô ta cùng với người bạn trai nói chuyện hơn một giờ đồng hồ, cô ta nói cô ta muốn độ anh ta tin Phật. Tôi hỏi: "Anh ấy tin đạo gì?" Cô ta nói: "Anh tin Thiên Chúa giáo." Lúc đó tôi nói: "Cô không bị anh ta độ mà tin theo Thiên Chúa giáo đó là đã tốt rồi, cô còn muốn độ anh ta tin Phật à? Cô nên cẩn thận!" Quả nhiên sau đó không bao lâu, cô ấy bỏ đi chỗ khác, không biết cô ta độ người hay là bị người độ rồi. Tự tánh không bị nhiễm trước, đó gọi là Chúng Trung Tôn – người cao quý nhất trong chúng sanh. Vì chúng sanh đều bị nhiễm trước, nếu muốn vượt lên trên hết thảy, không giống với chúng thì cần phải ly dục. Không còn dục niệm, đó mới là đại trượng phu chân chánh, chân chánh học Phật pháp. Nếu tật xấu không trừ, chỉ biết nói vài câu pháp, thì một chỗ dụng cũng không có.

*

Tu các hạnh này, ấy là tự quy y (mình quy y Bốn tánh của mình). Các người phàm phu từ ngày tới đêm nói rằng thọ Tam quy giới, mà chẳng hiểu lý quy y. Nếu nói quy y Phật, thì Phật ở xứ nào? Bằng không thấy Phật, thì quy y chỗ nào? Nói thế thành ra giả dối.

Chư Thiện tri thức! Mỗi người hãy tự xem xét, chớ làm dưng tâm ý. Kinh văn nói rõ quy y Phật ở tánh mình, chớ chẳng nói quy y Phật nơi nào khác. Phật ở tánh mình mà chẳng quy y, thì không có chỗ nào mà quy y vậy.

Giảng:

Nếu y theo đây tu hành, đó chính là ý nghĩa tự quy y. Những người phàm phu không hiểu rõ đạo lý quy y, từ sáng đến tối thọ tam quy giới. Nếu quý vị nói quy y Phật, vậy Phật ở đâu? Nếu quý vị không thấy Phật, quý vị dựa vào cái gì quy y? Nếu quý vị nói: Tôi đã thấy Phật rồi. Đó là vọng ngữ. Chư Thiện tri thức! Quý vị cần phải tự mình thâm nhập quán sát, không nên dụng sai tâm ý. Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng, muốn quý vị tự quy y Phật, không phải kêu quý vị quy y Phật nào khác. Tự tánh Phật vốn đã có, nhưng vì không có Thiện tri thức chỉ điểm, cho nên quý vị không biết. Nay quý vị đã quy y, thì nên *tự* quy y Phật, không nên quy y tha Phật. Phật của chính mình quý vị không quy y, vậy thì quý vị quy y vào cái gì? Quý vị quy y bên ngoài, đó đều là giông ruồi tìm cầu bên ngoài.

*

Nay các người đã tự ngộ, thì mỗi người phải quy y Tam bảo ở tâm mình. Trong phải điều phục tâm tánh, ngoài phải cung kính mọi người, tức là mình quy y tâm mình vậy.

Chư Thiện tri thức! Đã quy y Tam bảo của tánh mình rồi, các người hãy chí tâm, ta nói cho mà rõ nhất thể tam thân tự tánh Phật (Phật một thể ba thân trong tánh mình), khiến cho các người thấy ba thân, rõ ràng tự mình tỏ sáng tánh mình. Tất cả hãy đồng nói theo ta:

Từ sắc thân mình quy y Thanh tịnh Pháp thân Phật.

Từ sắc thân mình quy y Viên mãn Báo thân Phật.

Từ sắc thân mình quy y Thiên bá ức Hóa thân Phật.

Giảng:

Nay quý vị cần nên hiểu rõ, cần tự mình quy y tự tánh Tam bảo – quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh. Quy y giác, thì không nên làm những việc mê muội sai lầm. Quy y chánh, thì không nên làm những việc tà. Quy y tịnh, thì không nên làm những việc bẩn thỉu như nhớp. Trong cần phải điều phục tâm tánh, cần phải giác ngộ, bên ngoài cung kính mọi người. Người chân chánh hiểu rõ Phật pháp, không những đối với bạn bè thân thích có lòng cung kính mà đối với người không quen biết cũng đối đãi hòa ái. Không nên khó chịu, nhăn nhó, nhất là đối với những người xấu xa nhất, quý vị nên đối với họ tốt nhất, đó mới là bản sắc của người chân chánh học Phật. Cóu vị nói:

–Tôi đối với thầy không tốt; vậy thì, tôi làm sao mà *không* thấy thầy đối với tôi tốt?

Ông vốn *không* tốt đối với tôi, vậy thì tôi làm sao xấu với ông được? Ông xem có vi diệu không!

Sau khi quy y tự tánh Tam bảo, mọi người đều phải thành tâm. Tôi lại vì quý vị nói nhất thể tam thân tự tánh Phật khiến cho quý vị hiểu rõ ràng, chân thực nhìn thấy tam thân Phật. Quý vị mỗi người cần phải giác ngộ tự

tánh. Nay quý vị đọc theo tôi: "Nơi tự sắc thân quy y Thanh Tịnh Pháp Thân Phật, nơi tự sắc thân quy y Viên Mãn Báo Thân Phật, nơi tự sắc thân quy y Thiên Bách Ưc Hóa Thân Phật."

*

Chư Thiện tri thức! Sắc thân là quán xá, không thể nói quy y được. Phải dòm ngó Phật ba thân trong tánh mình. Người thế gian đều có Phật ba thân. Bởi tâm mình mê muội, nên không thấy thể sáng suốt trong tánh mình. Người ta cứ tìm Phật ba thân ở ngoài, mà chẳng thấy Phật ba thân ở trong thân mình. Các người nghe ta nói, khiến cho các người ngó trong thân mình và thấy Bốn tánh mình có Phật ba thân. Phật ba thân này do tánh mình mà sanh, chớ chẳng phải do nơi ngoài mà tìmặng.

Sao gọi là Thanh tịnh Pháp thân Phật? Bốn tánh của người thế gian vốn trong sạch. Muôn pháp đều do nơi Bốn tánh mình mà sanh: Nghĩ tính các điều dữ, liền sanh hạnh dữ. Nghĩ tính các việc lành, liền sanh hạnh lành. Thế thì các pháp trong tánh mình, ví như trời thường trong, mặt nhật mặt nguyệt thường sáng, nhưng vì bị mây che nên trên sáng dưới tối. Thành linh gặp gió thổi mây tan, trên dưới đều sáng, thì muôn hình ngàn tượng đều hiện ra. Tánh con người thế gian thường phù du cũng như mây trên trời kia vậy.

Giảng:

Sắc thân giống như cái nhà, không phải kêu quý vị quy y sắc thân mà cần phải quy y tự tánh của quý vị. Tam thân Phật mà tôi nói đây, ở trong tự tánh của mỗi quý vị, nhưng nó tạm thời trú trong sắc thân của quý vị mà thôi! Tất cả người đời đều có tam thân Phật này, chỉ vì không nhận thức, quên đi, vì tự tâm mê muội, cho nên không nhìn thấy tự tánh vốn có này, mà hướng ra ngoài tìm Thanh Tịnh Pháp Thân Phật, Viên Mãn Báo Thân Phật và

Thiên Bách Ưc Hóa Thân Phật, mà không biết tam thân Phật vốn có trong tự thân. Nay quý vị sau khi nghe tôi giảng cần biết trong sắc thân vốn có của quý vị có thể nhìn thấy bản tánh tam thân Phật. Cần biết tam thân Phật, từ trong tự tánh sanh, mà không phải từ bên ngoài mà được.

Cái gì gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật? Tức là nói tất cả người đời, tự tánh của họ bản lai là thanh tịnh, tất cả vạn pháp đều từ trong bốn tánh mình sanh ra. Lúc quý vị nghĩ đến những việc ác, thì có một loại hành vi ác xuất hiện. Nếu trong tâm quý vị suy nghĩ điều lành, thì có hành vi thiện biểu hiện ra. Cho nên tất cả thiện ác chư pháp đều từ trong tự tánh ông sanh, đó giống như trời thường trong thanh, mặt trời mặt trăng thường chiếu sáng. Nhưng vì trong hư không có mây trôi, che khuất ánh thái dương, cho nên ở trên sáng ở dưới tối. Nếu gặp phải một luồng gió thổi tan đám mây, khiến cho trên dưới đều sáng, và tất cả mọi sự mọi vật đều hiện ra rõ ràng. Tánh người thường phù du, như mây trên trời.

*

Chư Thiện tri thức! Trí như mặt nhật, Huệ như mặt nguyệt. Trí huệ thường sáng, nhưng bởi tâm dính níu cảnh vật ở ngoài, rồi bị mây vọng niệm của mình che án tánh mình, nên trí huệ chẳng đặng tỏ sáng. Nếu gặp Thiện tri thức, nghe người giảng chánh pháp, rồi tự mình dứt các điều mê vọng, trong ngoài sáng thấu, thì trong tánh muôn pháp đều hiện ra rõ ràng. Người thấy tánh cũng giống như thế. Ấy gọi là Thanh tịnh Pháp thân Phật.

Giảng:

Nếu quý vị có trí thì giống như có thái dương, có huệ giống như trăng sáng. Tuy trí huệ Bát nhã thường thường chiếu sáng, nhưng nếu chấp trước cảnh giới bên ngoài thì bị phù vân vọng niệm che phủ tự tánh, trở thành ngu si mà không đắc được đại trí huệ. Nếu quý vị gặp được vị Thiện tri thức mắt

sáng (Minh nhãn), nghe được pháp chân chánh, mà trừ đi những vô minh phiền não và mê vọng của chính mình, thì trong ngoài đều sáng suốt giống như lưu ly, vạn pháp trong tự tánh vốn trong sáng. Quý vị nhận biết bốn tâm của mình, thấy được bốn tánh, thì cũng giống như trời xanh không mây, cho nên nói: "Tâm bình bách nạn tán, ý định vạn sự kiết." Nếu tâm bình thì nạn tai nào cũng không có, ý nếu định thì việc gì cũng kiết tường. Lại nữa, tâm thanh tịnh hiện tiền giống như trời xanh không mây: "Tâm thanh thủy hiện, ý định thiên vô vân." Lại nói: "Tâm chỉ niệm tuyệt chân phú quý, tư dục đoạn tận chân phước điền." Tâm vọng tưởng của quý vị đã ngừng lại, niệm tham cũng dứt tuyệt, đó mới là người phú quý, người có lòng tham chính là người nghèo, dù ông ta có tiền nhưng không biết tri túc, cho nên sanh lòng tham. Tư dục chính là lòng tự tư tự lợi và dục niệm, nếu không có lòng tư dục chính là chân chánh phước điền, nếu quý vị được như vậy chính là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật.

*

Chư Thiện tri thức! Tâm mình quy y tánh mình. Ấy là quy y Chơn Phật. Tự quy y, nghĩa là dứt hết các tật xấu trong tâm mình là: lòng chẳng lành, lòng ghen ghét, lòng tà vạy, lòng vị ngã, lòng giả dối, lòng khi người, lòng nhạo người, lòng tà kiến, lòng cống cao, cùng các hạnh bất thiện trong cả thảy thời gian, lại thường thấy lỗi mình, chẳng nói việc tốt xấu của người. Ấy là tự quy y tánh mình vậy.

Thường hạ tâm mình, cung kính mọi người, thấy tánh sáng suốt, không ngưng trệ. Ấy là tự quy y tánh mình.

Giảng:

Quý vị Thiện tri thức! Tự tâm quy y tự tánh, tự mình năng hồi quang phản chiếu, đó là quy y chân Phật. Cái gì gọi là tự quy y? Chính là không nên trong tự tánh chứa đựng những tâm bất chánh. Gì gọi là bất thiện tâm?

Chính là *ác tâm, tật đố tâm*. Luôn luôn ghi nhớ không nên tật đố người khác. Tại sao quý vị ngu si ? Vì quý vị đời đời kiếp kiếp tật đố người ta thông minh, cho nên bây giờ mình không được sáng suốt. Tật đố người có tài năng, cho nên mình năng lực gì cũng không có, không bằng người. *Siểm khúc tâm*: Không nên có tâm tự đại cuồng vọng. *Khinh nhân tâm, mạn tha tâm*: Tức là tâm coi thường người khác và tâm kiêu mạn. *Tà kiến tâm*: Tức bất luận nhìn thấy cảnh giới gì, không suy nghĩ đến chỗ chánh đáng, mà nghĩ đến chỗ bất chánh. *Cống cao tâm*: Tức thường thấy rằng mình cao hơn hay hơn người khác, có tâm này cần phải trừ sạch. Cùng với tất cả những hành vi bất thiện đều cần phải dứt bỏ. Cần biết mình có sai lầm, không nói thị phi thiện ác của người khác, được như thế chính là tự quy y. Lại nữa, thường phải có *lòng khiêm hạ*, đối với bất cứ người nào đều phải cung kính, đó là kiến tánh thông đạt vô ngại và cũng chính là tự quy y.

*

Sao gọi là Viên Mãn Báo Thân? Tỷ như một cái đèn có thể trừ được chỗ tối đã có từ ngàn năm, một cái trí có thể diệt được sự ngu đã nhiễm từ muôn thuở. Đừng nghĩ đến việc trước; việc qua rồi không thể được (bất khả đắc). Thường nghĩ đến việc về sau, niệm niệm hoàn toàn sáng suốt và tự mình thấy Bốn tánh mình. Điều lành điều dữ tuy là khác nhau, chớ cái Bốn tánh không hai. Cái tánh không hai gọi là Thật Tánh. Trong cái Thật Tánh chẳng nhiễm điều lành điều dữ, ấy gọi là Viên mãn Báo thân Phật.

Tánh mình khởi một niệm dữ, thì tiêu hết muôn kiếp hộ giống lành. Tánh mình sanh một niệm lành, thì hằng sa tội dữ đều diệt hết. Thẳng đến quả vị Vô thượng Bồ đề, niệm niệm mình thấy tánh mình, chẳng mất bốn lai chân niệm của mình. Ấy gọi là Báo thân.

Giảng:

Cái gì gọi là Viên Mãn Báo Thân Phật? Ví dụ nói: "Chỉ cần có một cây đèn thì có thể phá trừ bóng tối ngàn năm, chỉ cần ông có trí huệ, thì có thể diệt trừ ngu si ngàn năm." Quý vị không nên có tâm quá khứ, vì tâm quá khứ bất khả đắc, không nên hồi ức về những chuyện quá khứ, cũng không nên truy đuổi những việc tương lai.

–Vậy thì, tương lai cần phải như thế nào?

Tương lai ông trồng nhân thiện thì kết trái thiện, trồng nhân ác thì kết quả ác, không có cái khác. Cho nên nói niệm niệm viên minh, quý vị nên có chánh niệm, cần phải có tâm niệm xán lạn viên minh, niệm niệm quang minh lỗi lạc, không nên có tà tri tà kiến, tự tư tự lợi, tật đố chướng ngại, chỉ sợ người khác giỏi hơn mình.

Trong tự tánh người tuy có thiện tánh, ác tánh, tánh thiện ác thì không giống nhau, sanh thiện thì có thiện tánh, sanh ác thì có ác tánh. Nhưng tánh bốn lai vốn không có thiện không có ác, tánh vốn không hai. Tánh *không hai* này gọi là Thực tánh, cũng chính là Chân như tự tánh. Giống như Chứng Đạo Ca nói: "*Vô minh thực tánh tức Phật tánh, Huyền hóa không thân thị Pháp thân,*" trong Thực tánh bốn lai không có thiện cũng không có ác, nó là thuần viên độc diệu, viên mãn sáng suốt. Cái này chính là Viên Mãn Báo Thân Phật. Trong tự tánh quý vị nếu sanh ra một niệm ác, tức độc hại tâm, thì có thể diệt nhân thiện trong vạn kiếp. Nhưng nếu tự tánh khởi lên một niệm thiện, thì có thể diệt trừ hằng hà sa ác. Cho nên nói: "Một niệm thiện là nhân thành Phật, một niệm ác là hột giống đọa địa ngục." Quý vị muốn thành Phật hay đọa địa ngục, thì xem quý vị sanh ra cái tâm gì. Niệm niệm cần phải rõ bốn tâm mình, thấy bốn tánh mình, chớ làm mất đi chân niệm chân tánh bốn lai của mình, đó chính là Viên Mãn Báo Thân Phật.

*

Sao gọi là Thiên Bách Ưc Hóa Thân? Nếu chẳng nghĩ đến muôn pháp, thì tánh vốn như hư không. Một niệm nghĩ tính, gọi là biến hóa: Nghĩ tính điều dữ, hóa làm địa ngục. Nghĩ tính việc lành, hóa làm thiên đường. Lòng độc hại hóa ra rồng rắn. Lòng từ bi hóa ra Bồ Tát. Lòng trí huệ hóa làm thượng giới. Lòng ngu si hóa làm hạ phương. Cái tánh mình biến hóa rất nhiều. Người mê, không tỉnh giác được, nên niệm niệm gây ra việc dữ, thường thường theo đường dữ. Nếu trở lại khởi một niệm lành, thì trí huệ liền sanh. Ấy gọi là Tự tánh Hóa thân Phật.

Chư Thiện tri thức! Cái Pháp thân vốn là đầy đủ. Niệm niệm tánh mình tự nhiên hiện ra tỏ sáng, tức là Báo thân Phật. Do cái Báo thân nghĩ tính, tức là Hóa thân Phật.

Mình tự ngộ tự tu các công đức trong tánh mình, mới thiệt là quy y. Chớ da thịt là sắc thân, sắc thân là quán xá, không thể nói là quy y được. Nếu mình hiểu rõ ba thân trong tánh mình, tức là mình biết Phật trong tánh mình vậy.

Ta có một bài tụng Vô Tướng. Nếu năng trì tụng, thì khi dứt lời, các tội ngu mê của các người chắt chứa trong muôn kiếp trước đồng nhất loạt tiêu diệt hết.

Giảng:

Viên Mãn Báo Thân, viên mãn tức là không thiếu không dư, không được không mất, không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm, không nam không nữ, không thiện không ác, viên mãn Bồ đề là ý nương tựa vào chỗ vô sở đắc. Cái gì gọi là Thiên Bách Ưc Thân Phật? Làm sao một thân mà có thiên bách ức hóa thân? Nói Phật có thiên bách ức hóa thân, nhưng điều này có quan hệ gì với tôi và thầy không? Trả lời: không có quan hệ gì hết. Thiên bách ức hóa thân chính là tư tưởng, suy tưởng thiên bách ức vạn. Thiên Bách Ưc Hóa Thân Phật, có thể hóa thân

thành Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thinh Văn, cũng có thể hóa thân làm trời, người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ngài không chỗ nào mà không hiện thân, cho nên nói có thiên bách ức vạn hóa thân. Đó là một cách giảng. Lại có một cách giảng khác, tức là tôi có thiên bách ức hóa thân, quý vị cũng có thiên bách ức hóa thân. Tôi thân thiên bách ức đồ đệ, mỗi đứa đồ đệ đều học theo sư phụ tu hành, như sư phụ ngày ăn một bữa, đồ đệ cũng học theo ăn một ngày một bữa, đó là hóa thân của tôi. Sư phụ không phan duyên, đệ tử cũng không phan duyên, cho nên tôi cũng có một vài hóa thân. Tóm lại, ai theo quý vị học Phật pháp, sau này sẽ là hóa thân của quý vị. Nay quý vị là hóa thân của tôi, tương lai quý vị cũng có hóa thân của quý vị, cho nên quý vị cũng có thiên bách ức hóa thân. Tóm lại, quý vị là một tấm gương tốt người khác theo đó mà học, đó chính là hóa thân tốt của quý vị, nếu quý vị có điều xấu, giống như ma quỷ, người khác nếu theo quý vị học cách của quỷ ma thì đó là hóa thân xấu.

Nếu chẳng nghĩ đến muôn pháp, nếu cái gì cũng không nghĩ, thì

"Nhứt niệm bất sanh, toàn thể hiện."

Một niệm không sanh, Phật tánh bỗng nhiên liền hiển hiện. Nhưng quý vị có thể "không sanh" không? Quý vị có thể không có vọng tưởng không? Nếu quý vị có thể không có vọng tưởng, đó chính là Phật. Nhưng nếu chưa đạt đến cảnh giới này, thì cần phải tu hành. Nếu không tu hành thì người vẫn là người, chớ vẫn là chớ.

"Lục căn hốt động bị vân giá."

Lục căn, lục trần, lục thức vừa động thì bị mây che phủ.

Quý vị có tư lượng (suy nghĩ) thì có hóa thân, hóa thành cái gì? Vừa nghĩ việc ác, ví dụ dùng cách nào để được danh, được lợi, hoặc là cướp của, đốt nhà, giết người đó đều là ác, đó chính là địa ngục. Nếu quý vị suy tưởng đến việc thiện muốn giúp đỡ người đó chính là tạo thiên đường.

Quý vị có tâm độc hại, đó chính là rỗng, là rỗng. Nếu quý vị phát tâm từ bi, đó chính là Bồ Tát. Quý vị thông minh trí huệ, thì hướng lên trên, nếu quý vị ngu si đến cực điểm sẽ rớt xuống dưới, đó gọi là "Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt." Tự tánh biến hóa rất nhiều, đều là thiên bách ức hóa thân. Người mê không tự biết phản tỉnh giác ngộ, cho nên niệm niệm đều là ác, giống như Đại sư Thần Tú nghĩ đủ mọi cách phá hoại Lục Tổ Đại sư, thường thường phái người đi giết Lục Tổ, đó chính là thường hành ác đạo. Nếu quý vị có thể hồi quang phản chiếu sanh một niệm thiện, trí huệ liền sanh ra, đó chính là tự tánh Hóa Thân Phật.

Pháp thân thì tự mình vốn có, chỉ cần niệm niệm đều thức tự bốn tâm, kiến tự bốn tánh, tức là Viên Mãn Báo Thân Phật. Từ báo thân lại có tư lượng (những suy tưởng, thoughts), liền có biến hóa thân, đó chính là Hóa Thân Phật. Quý vị nên giác ngộ tự mình cần phải tu hành, lấy mình làm mẫu mực nguyên tắc, mà không nên chỉ nói khẩu đầu thiền, cho nên nói: "Thuyết một trượng, không bằng hành một thước." Quý vị nghe tôi giảng Kinh không nên xem tôi giảng hay hoặc dở, mà nên xem tôi mỗi ngày có gặt quý vị không.

Tự tánh công đức của mình có thể hiểu rõ chân chánh đó chính là chân quy y. Tự mình quy y mình, không phải là quy y cái thân thể này, bằng không thì chính là đầu thượng an đầu. Thịt da này là sắc thân có hình có sắc, mà sắc thân này chỉ là chỗ ở của tự tánh không phải là chủ nhân ông, cho nên không nên cho rằng cái thân này chính là mình. Thân này không phải là quý vị mà là *của* quý vị. Quý vị ở trong căn phòng này, căn phòng này tuy là của quý vị, nhưng không nên nói căn phòng này *chính là* quý vị. Cho nên quy y không phải quy y sắc thân mình, mà là quy y tự tánh. Nếu nhận thức được tự tánh Phật thì đầy đủ tam thân Phật. Lục Tổ Đại sư nói: "Tôi có một bài kệ *Vô Tướng*. Nếu các ông mọi người có thể tụng niệm lâu thông và thuộc nó, lúc tôi nói xong thì có thể khiến cho các ông từ trong vô lượng kiếp, vô thủy kiếp, nhiều kiếp nhiều đời cho đến hôm nay tích chứa những mê tội, liền lập tức tiêu diệt không còn."

*

Tụng rằng:

Mê nhân tu phúc bất tu đạo,
Chỉ ngôn tu phúc tiện thị đạo,
Bố thí cúng dường phúc vô biên,
Tâm trung tam ác nguyên lai tạo,
Nghĩ tương tu phúc dục diệt tội,
Hậu thế đắc phúc tội hoàn tại,
Đản hướng tâm trung trừ tội duyên,
Các tự tánh trung chân sám hối,
Trừ tà hành chánh tức vô tội,
Học đạo thường ư tự tánh quán,
Tức dữ chư Phật đồng nhất loại,
Ngô Tổ duy truyền thử đốn pháp,
Phổ nguyện kiến tánh đồng nhất thể,
Nhược dục đương lai mịch Pháp thân,
Ly chư pháp tướng tâm trung tẩy,
Nỗ lực tự kiến mạc du du,
Hậu niệm hốt tuyệt nhất thể hữu,

**Nhược ngộ Đại thừa đắc kiến tánh,
Kiền thành hiệp chưởng chí tâm cầu.**

Người mê muội phước cầu, Đạo phế,

Tu phước điền dối kẻ Đạo màu.

Thí cúng nhiều, phước được trùng trâu,

Nhưng ba ác tâm đầu sanh mãi.

Tướng tu phước, tội trừ phước cái,

Sau phước dành, tội lại còn sanh.

Ngó trong tâm gốc lỗi trừ thanh,

Tự tánh phải chơn thành sám hối.

Pháp sám hối Đại thừa lãnh hội,

Cải tà quy chánh, tội không sanh.

Học Đạo thường xem tánh tịnh thanh,

Tức cùng Phật cũng thành nhứt loại.

Pháp Đốn giáo Tổ ta truyền dạy,

Nguyện chúng đồng đặng thấy tâm nguyên.

Pháp thân nay mong đặt thấy liền,

Lìa pháp tướng, tâm điền trong lặng.

Gắng thấy tánh, đừng lòng xao lãng,

Niệm sau lìa đời hẳn phế vong.

Hiếu Đại thừa, thấy đặng tánh thông,

Phải cung kính hết lòng cầu học.

Giảng:

Mê nhân tu phúc bất tu đạo: Tu phước đức mà không tu đạo. Giống như chúng ta nay cử hành lớp hè, mọi người đều không sợ khổ, không sợ khó khăn, không sợ chân nhức, không sợ lưng đau, dù toàn thân đau nhức cũng không sợ, bằng cách nào cũng muốn tu hành, chí nguyện này thật là khó được, khiến tôi rất vui mừng.

Chỉ ngôn tu phúc tiện thị đạo: Giống như Lương Võ Đế nói: "Ông xem tôi độ tăng, tạo tự, bố thí, công đức này lớn biết bao nhiêu! Sợ rằng còn lớn hơn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nữa."

Bố thí cúng dường phúc vô biên: Đúng vậy, bố thí cúng dường là cầu phúc.

Tâm trung tam ác nguyên lai tạo: Tam độc trong tâm tức là tham, sân, si. Chỉ biết tu phúc không biết tu huệ, thật là ngu si. Ngay thức ăn cũng không buông bỏ được, mà lại nói cần phải hành khổ hạnh, ông xem có đáng thương hay không?

Tu phước để tiêu diệt tội lỗi đó là điều không có thể. Nay trông phước thì tương lai sẽ được phước, nhưng nó không thể trừ đi tội lỗi. Quý vị cần phải từ trong tâm của quý vị trừ đi tội duyên – tật đố, chướng ngại, tham tâm,

sân tâm, ngô ngã cống cao tâm, siểm khúc tâm, độc hại tâm, tà tâm, bất thiện tâm. Quý vị nói:

–Vậy thì làm sao có thể được! Chúng nó đều là bạn thân của tôi, trải qua ngàn vạn đại kiếp, theo tôi lâu như vậy, tôi làm sao có thể bỏ nó được?

Nếu không xả bỏ thì cùng đi theo nó xuống địa ngục, không có cách nào khác.

Quý vị mỗi người cần phải trong tâm mình sanh tâm sám hối. Quý vị hốt nhiên liễu ngộ Phật pháp Đại thừa mà chân chánh sám hối, lại trừ đi tà tâm mà hành con đường chánh đạo quang minh thì không còn tội lỗi nữa. Người học đạo thường phải hồi quang phản chiếu, tự hỏi mình đã làm được gì, làm việc người? hay làm việc ma quỷ? hay làm việc súc sanh? Quý vị làm việc gì thì thành tựu việc đó, quý vị làm việc Phật thì thành Phật, làm việc người thì làm người. Việc Phật là gì? Tức là từ bi hỷ xả. Đối với mọi người đều từ bi. Thật sự từ bi, không phải giả từ bi, không phải chân từ bi lại có tạp niệm tham tâm, mưu tính, thả con tép bắt con tôm. Người học đạo thường phải hồi quang phản chiếu, tự hỏi mình có cái tâm gì? Tâm ma vương hay tâm Phật? Tâm ích kỷ tự lợi hay là tâm chí công vô tư? Nếu quý vị có thể chí công vô tư thì giống như Chư Phật. Nhưng cần phải làm việc Phật mới có thể thành Phật, chỉ làm những việc quý thì làm sau thành Phật được? Tổ sư Bồ đề Đạt Ma chỉ truyền pháp môn bất nhị này. Phổ nguyện mọi người đều thấy Phật tánh, đồng thành Phật đạo!

Nếu quý vị muốn tương lai đắc được Pháp thân, thì cần phải ly nhất thiết pháp tướng, không nên chấp trước mà sanh tật đố chướng ngại, vô minh phiền não, mà cảm thấy mình trên trời dưới đất chỉ có ta là một. Cần phải ly nhất thiết tướng – không có pháp chấp và ngã chấp, cần nên rửa sạch tà tâm tạp niệm. Cần phải nỗ lực dụng công, dũng mãnh tinh tấn, không nên làm biếng, nói đợi một lúc sẽ dịch bài, hoặc ngày mai sẽ đánh máy, cái gì cũng là đợi chờ, đợi cho đến chết thì không theo ý mình được đâu. *Hậu niệm hốt tuyệt*, chính là lúc chết, đợi đến lúc niệm sau cùng đoạn, một cuộc đời chấm

dứt. Lúc đó danh cũng không, lợi cũng không, cái gì cũng phải buông bỏ. Nếu quý vị hiểu rõ pháp môn Đại thừa kiến tánh, thì nên kiên thành cung kính chấp tay cầu đạo vô thượng.

*

Sư nói: "Chư Thiện tri thức! Cả thầy phải tụng bài kệ này, và y theo lời dạy đó mà tu hành. Tụng rồi phải liền thấy tánh. Được như thế, tuy cách ta ngàn dặm, cũng như thường ở bên ta. Còn tụng rồi mà tâm không giác ngộ, thì dầu ở trước mặt ta, cũng như cách xa ngàn dặm. Há cần từ phương xa mà đến đây! Khá trân trọng và đi an vui."

Đại chúng nghe Pháp, tâm tánh đều mở mang tỏ sáng. Cả thầy đồng vui vẻ vâng làm theo lời dạy.

Giảng:

Tôi tin rằng Lục Tổ Đại sư là người nhạo thuyết biện tài, cho nên đã thuyết ra bộ Đàn Kinh. Nếu không, Kinh gì cũng không có.

Lục Tổ Đại sư nói tiếp:

–Các vị đều là người thông minh, người có thiện căn! Các ông cùng với tôi nhiều đời nhiều kiếp đã từng gieo trồng thiện căn cho nên hôm nay chúng ta mới có thể tụ hội một nơi.

Lúc đó không có người ngoại quốc, tất cả đều là người Trung Quốc. Tôi nay gặp quý vị đều là người Tây phương, thì càng có duyên hơn.

Quý vị cần phải học thuộc lòng bài tụng *Vô Tướng* này, và y theo đó mà tu hành. Quý vị vừa tụng liền hiểu rõ, nếu quý vị có thể hiểu rõ *Trừ tà hành chánh tức vô tội*, đó chính là trừ tà, là hạnh chánh, vậy thì tội nghiệp của quý vị sẽ tiêu diệt. Nếu quý vị minh tâm kiến tánh, hiểu rõ bài kệ này, tuy

xa tôi ngàn dặm, cũng giống như bên cạnh tôi. Mà đồ đệ của tôi nếu hiểu rõ Kinh điển tôi nói, hiểu rõ ý nghĩa tôi thuyết, mà không khắp nơi phan duyên, tạt đổ chướng ngại, thì không có uổng công học đạo. Nếu quý vị không hiểu rõ bài tụng này, dù có đối diện tôi, cũng giống như xa tôi ngàn dặm. Nếu quý vị tin tưởng tôi, giống như đối diện với tôi vậy; nếu không tin tôi, thì giống như cách xa ngàn dặm. Nếu quý vị tin tưởng tôi, dù cách xa ngàn dặm, cũng như đối diện tôi vậy.

—Có phải Thầy kêu gọi mọi người tin tưởng Thầy không?

Tôi không thích người tin tưởng tôi. Tại sao vậy? Tại sao quý vị phải tin tưởng tôi? Tin tưởng chính quý vị còn tốt hơn tin tưởng tôi. Bởi vì quý vị hành đạo do chính quý vị hành, mà không phải thay thế cho tôi hành đạo. Tu hành thì do tự quý vị tu, mà không phải thế tôi tu hành. Ăn cơm thì chính quý vị no, không phải quý vị ăn cơm mà tôi no, nay tôi chỉ giảng phương pháp tu hành cho quý vị mà thôi.

Các vị từ xa xôi đến đây, không hiểu rõ bài kệ tụng này thì giống như cách tôi ngàn dặm. Cho nên quý vị cần phải trân trọng, tự mình phải xem trọng mình, không nên xem thường mình nói: tôi không thể tu hành. Không nên xem mình thành ra một con chó, mà nên xem mình là người. Trân trọng ra đi an vui, đến nơi tốt đẹp, không nên đến những chỗ xấu. Mọi người nghe pháp phải đều được khai ngộ. Nhưng chỉ có mình tôi chưa khai ngộ, cho nên đến hôm nay vẫn còn theo quý vị.

Mọi người nghe xong đều vui vẻ tôn kính thực hành.

---o0o---

Phẩm Cơ Duyên Đệ Thất

Cơ là gì? Là tất cả chúng sanh hay đối tượng để giáo hóa. Duyên là gì? Tức là những chúng sanh có duyên, có thể tiếp nhận sự giáo hóa, cho nên

gọi là cơ duyên.

Đại sư từ khi đặc pháp tại Hoàng Mai đến lúc trở về làng Tào Hầu thuộc Thiều Châu, thì chẳng có ai hay biết.

Một khi kia có người học Nho tên là Lưu Chí Lược lấy lễ mà đãi Ngài rất hậu. Chí Lược có một người cô làm Tỳ kheo ni, tên Vô Tận Tạng, thường tụng kinh Đại Bát Niết Bàn, Đại sư nghe qua, liền hiểu chỗ diệu nghĩa, mới giải cho cô Ni nghe. Ni cầm cuốn kinh lại hỏi chữ.

Sư nói: "Chữ thì ta không biết, vậy xin hỏi nghĩa."

Cô Ni nói: "Chữ còn chẳng biết, há chi hiểu nghĩa."

Sư nói: "Cái diệu lý của chư Phật chẳng có quan thiết gì với văn tự."

Cô Ni hãi kinh và lấy làm lạ. Ni bèn rao khắp cho các bực kỳ đức trong làng hay rằng Đại sư là bực đạo đức, nên thỉnh về mà cúng dường.

Khi ấy có huyền tôn (cháu bốn đời) của Ngụy Võ Hầu tên là Tào Thúc Lương cùng các người cư dân tranh nhau đến làm lễ Đại sư.

Lúc bấy giờ chùa cũ Bảo Lâm đã bỏ hư vì bị nạn binh hỏa từ cuối nhà Tùy. Nơi chỗ nền cũ, các thiện tín hiệp nhau cất cảnh chùa lại, rồi rước Đại sư về trụ, chẳng bao lâu thành một ngôi Bảo phường.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư sau khi đặc pháp môn dùng tâm ấn tâm nơi Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn, trở về thôn Tào Hầu ở huyện Khúc Giang, Thiều Châu, Quảng Đông – tức Chùa Nam Hoa. Không ai biết Ngài là người truyền thừa y bát của Ngũ Tổ. Đương thời có một nho sĩ – tức người đọc sách, là một vị học giả đã từng làm quan nay đã về hưu, tên gọi là Lưu Chí Lược. Ông ta rất thích

ngiên cứu Phật pháp, đối với Lục Tổ Đại sư rất đặc biệt cung kính hộ trì. Chí Lược có một người cô xuất gia, là Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng – ý là bảo tạng không cùng tận. Tỳ kheo ni này thường tụng niệm Kinh Đại Niết Bàn. Lục Tổ Đại sư vừa nghe Kinh Niết Bàn, liền biết ý nghĩa tối diệu trong Kinh, liền vì vị Tỳ kheo ni này giải thuyết kinh văn. Vị Tỳ kheo ni cầm quyển kinh hỏi Lục Tổ Đại sư vài chữ nào đó làm sao đọc, đại khái cô cũng không hiểu bao nhiêu chữ, nhưng sự tu hành của cô thì không thể nghĩ bàn. Cô hành trì ngày ăn một bữa, thường ngồi không nằm (vì lúc đó Đại sư Đạo Tín đề xướng người người tọa thiền). Gia đình cô rất giàu có, nhưng cô giữ giới không giữ tiền, rất tinh tấn, suốt ngày tụng Kinh và nghiên cứu Phật pháp không bao giờ giải đãi. Cho nên đến hôm nay vị Tỳ kheo ni này vẫn là chân thân, nhục thân bất hoại, lâm chung đoan tọa vắng sanh. Vãng sanh vài năm sau, thân thể của cô không có mùi hôi và cũng không có rữa nát, là vì Sư cô dụng công tu hành, không có dâm dục tâm, cho nên nhục thân biến thành thân Kim cang bất hoại, cho đến hôm nay Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng vẫn được tôn thờ trong một ngôi chùa ở Khúc Giang. Tên chùa tôi đã quên rồi, nhưng tôi thấy qua nhục thân của Sư cô rất trang nghiêm. Lúc Lục Tổ Đại sư ở chùa Nam Hoa, vị Tỳ kheo ni này rất hộ trì Lục Tổ, đi khắp nơi tuyên nói: "Lục Tổ Huệ Năng là vị kế thừa y bát chân chánh của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn." Hoa đẹp nhất định phải có lá xanh tô điểm, mới có thể hiện ra cái đẹp rực rỡ của hoa, Lục Tổ Đại sư tuy là vị Tổ Sư, nếu không có ai hộ trì Ngài nhất định sẽ bị Thần Tú và ngoại đạo đương thời giết hại. Bởi vì đệ tử của Lục Tổ Đại sư và hộ pháp cư sĩ ủng hộ Ngài, cho nên mới không có tai nạn. Lại nữa, Lục Tổ Đại sư không thể tự mình nói: "Các ông biết không? Tôi là vị Tổ Sư đời thứ sáu, các ông nay cần phải biết đến danh tiếng của tôi." Ngài sẽ không nói như vậy. Lại nữa, Pháp sư Ấn Tông ở Chùa Quang Hiếu biết Ngài là truyền nhân của Ngũ Tổ, lúc đó lại có Luật sư Thông Ứng ở Kinh Châu dẫn vài trăm người đệ tử của Ngài đến học Phật pháp với Lục Tổ. Vài trăm người này mỗi người đều có đồng đạo và bà con bạn bè, đều thông tri họ đến thân cận Lục Tổ Đại sư. Cho nên lúc đó pháp hội vô cùng hưng thịnh, giờ ngọ trai mỗi ngày có khoảng một ngàn năm trăm đến hai ngàn người.

Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng cầm kinh hỏi Lục Tổ Đại sư, chữ đó làm sao đọc. Lục Tổ Đại sư nói: "Chữ tôi không biết, nhưng đại ý của kinh thì có thể giải nói."

Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng nói: "Ngay chữ cũng không biết, Ngài làm sao có thể hiểu được đại ý của kinh."

Đại sư trả lời:

–Diệu lý tâm pháp của Chư Phật – tức pháp môn đốn giáo dùng tâm ấn tâm, không có liên hệ đến văn tự, bởi vì đây là trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật, pháp môn đốn giáo bất lập văn tự, cho nên biết chữ hay không cũng không quan trọng gì.

Vị Tỳ kheo ni này nghe Lục Tổ Đại sư giảng như thế, rất kinh ngạc cảm thấy việc này không giống bình thường. Cho nên Sư cô liền nói cho những vị trưởng giả có đạo đức danh vọng trong thôn Tào Hầu: "Vị Pháp sư này tuy không biết chữ, nhưng Ngài là người đã đắc đạo, khai ngộ, các ông cần phải phát tâm đến cúng dường!"

Vì thế Tào Thúc Lương cháu bốn đời của Ngụy Đế (Tào Tháo) cùng với dân chúng trong làng, đều tranh nhau đến chiêm ngưỡng lễ bái Lục Tổ Đại sư. Lúc đó Chùa Nam Hoa núi Bảo Lâm, vì cuối đời Tùy chiến tranh binh hỏa liên miên, vì thế bị binh hỏa thiêu đốt thành một vùng hoang phế. Mọi người phát tâm đóng góp tiền bạc trùng tu xây dựng Phật tự, cung thỉnh Lục Tổ Đại sư trụ trì, không bao lâu chỗ này trở thành một khu Đại tông lâm.

*

Sư ở chùa này hơn chín tháng, lại bị bọn ác nham tìm theo. Sư bèn lánh mình ẩn trong núi phía trước chùa, thì bị bọn ấy phóng hỏa đốt rụi cỏ cây. Sư ráng sức chui vào kẹt đá, nên mới thoát nạn. Nơi tảng đá nay còn dấu Ngài ngồi kiệt già và lẫn vải áo. Nham đó mới gọi là "tảng đá lánh nạn."

Sư nhớ lại lời Ngũ Tổ dặn nơi huyện Hoài Tập và Tứ Hội, Ngài mới đi ẩn nơi hai xứ ấy.

Giảng:

Quý vị nghĩ xem ở Hoàng Mai lúc đó có mấy trăm người đuổi theo Lục Tổ Đại sư, đuổi đến Đại Du Lĩnh. Từ Hoàng Mai đến Đại Du Lĩnh cần phải chạy hơn hai tháng trời, nếu không có tâm muốn giết Lục Tổ, đuổi một hai ngày không kịp liền trở về. Nhưng mấy trăm người này đều không trở về, có thể thấy đương thời họ rất xem trọng y bát, đều muốn đoạt y bát làm Tổ Sư. Nay Lục Tổ Đại sư trụ ở đây đã hơn chín tháng, đạo trường cũng đã xây dựng xong, lại bị những kẻ ác đồ đó tìm đến, Lục Tổ Đại sư nghe nói ác đồ đã đến, vì Ngài có thần thông, cho nên khi họ chưa đến Ngài liền ẩn núp ở trước núi, nhưng mà đám ác đồ này của Thần Tú lại phóng hỏa đốt núi. Quý vị nghĩ xem, nếu họ đến không đông, thì trong chùa có một hai ngàn người, làm sao để cho họ ngang nhiên đốt núi? May mà Đại sư ẩn vào trong kẹt đá, mới tránh khỏi nạn. Nay hòn đá vẫn còn dấu tích Đại sư kiệt già phu tọa và nếp y phục của Ngài mặc vẫn còn. Đại khái Lục Tổ Đại sư tận lực dụng công, cho nên hòn đá vẫn còn in những đường vân rất nhỏ. Chỗ này tôi cũng đã đến qua, cũng đã ngồi một tiếng đồng hồ, nhưng tôi không phải ty nạn mà là thử ngồi đó một chút mà thôi. Ngồi bên trong, người bên ngoài không nhìn thấy được. Vì thế động này gọi là đá ty nạn. Lục Tổ Đại sư nhớ lại lời dạy của Ngũ Tổ: "Gặp Hoài thì ngừng, gặp Hội thì ẩn," vì thế Lục Tổ Đại sư ẩn núp một thời gian, đến Hoài Hội, Tân Châu ty nạn.

*

Tăng Pháp Hải, người ở Khúc Giang, thuộc tỉnh Thiều Châu, ban sơ đến tham vấn Tổ Sư, hỏi rằng: "Tức tâm tức Phật là nghĩa sao, xin Đại sư chỉ dạy."

Sư nói: "Niệm trước chẳng sanh tức tâm, niệm sau chẳng diệt tức Phật; thành tất cả tướng tức tâm, ly tất cả tướng tức Phật. Nếu ta nói cho đủ thì cùng kiếp nói cũng chẳng hết. Hãy nghe ta kể:

Tức tâm là huệ, tức Phật là định.

Định Huệ bình đẳng, ý tất thanh tịnh.

Ngộ pháp môn này, do ông tập tánh.

Dụng vốn không sanh, song tu là chánh.

Giảng:

Tăng Pháp Hải, chính là vị Pháp sư ghi chép Lục Tổ Đàn Kinh, cho nên trong phẩm Cơ Duyên tên Ngài đứng đầu. Thiên Sư Pháp Hải, tôi không dám nói Ngài hay bậc nhất, nhưng lúc đó Ngài nhất định cho rằng mình là đại đệ tử của Lục Tổ Đại sư, cho nên viết mình đứng đầu.

Tăng Pháp Hải, là người Khúc Giang, Thiều Châu, lúc đầu Ngài đến tham bái Lục Tổ Đại sư hỏi:

–Cái gì gọi tức tâm tức Phật? Đạo lý này con không hiểu, kính mong Tổ Sư khai thị cho con.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Niệm trước không sanh, tức là tâm. Niệm sau không diệt tức là Phật. Không sanh không diệt đó là tức tâm tức Phật. Làm sao có thể thành tựu tất cả tướng? Đó là trong tâm thành tựu, ông có thể thành tất cả tướng lại ly khai tất cả tướng, đó chính là Phật. Nếu tôi giải nói chi li cặn kẽ, thì mấy đại kiếp nói cũng không hết. Lại nghe tôi vì ông thuyết bài kệ:

Tức tâm là huệ, tức Phật là định, đó cũng gọi là định huệ, tức tâm tức Phật cũng chính là tức định tức huệ; định huệ, tâm và Phật thì bình đẳng. Tâm

chính là Phật, Phật chính là tâm, định chính là huệ, huệ chính là định, định huệ chính là tâm và Phật, tâm và Phật chính là định huệ. Đây đều là nhất thể, trong ý niệm của ông cần có tâm thanh tịnh. Nếu ông hiểu rõ pháp môn đốn giáo này thì sẽ minh bạch rằng không rời khỏi tâm mà có Phật, không rời khỏi Phật mà có tâm; cũng không phải rời khỏi định mà có huệ, cũng không phải rời khỏi huệ mà có định. Tức định tức huệ, tức tâm tức Phật. Tại sao ông không hiểu rõ điều này? Vì ông nhiều kiếp nhiều đời, tập tánh chướng ngại. Bốn lai diệu dụng thì không sanh không diệt, cho nên tu tâm là tu Phật, tu Phật chính là tu tâm, tu định là tu huệ, tu huệ là tu định. Đó mới là chánh pháp.

*

Pháp Hải nghe kệ rồi, liền đại ngộ, làm kệ khen rằng:

"Tức tâm nguyên là Phật,

Chẳng ngộ mà tự khinh.

Con biết hơn định huệ,

Đồng tu lìa các vật."

Giảng:

Thiền sư Pháp Hải ngay lời khai thị của Lục Tổ Đại sư lập tức đại ngộ, cho nên Ngài cũng dùng một bài kệ tán thán:

–Nguyên lai tâm này cũng chính là Phật! Lúc không hiểu thì có hai, có tâm có Phật, nhưng vốn chỉ có một, lúc chưa hiểu thì càng làm càng sai. Con nay hiểu rõ nhân duyên định huệ rồi, tức là tu hai loại pháp môn này, cần phải lìa tất cả tướng.

*

Vị Tăng tên Pháp Đạt, người ở tỉnh Hồng Châu, xuất gia hồi bảy tuổi và thường tụng kinh Pháp Hoa. Một khi đến lễ làm Tổ Sư, Pháp Đạt cúi đầu không sát đất.

Sư quở rằng: "Lạy mà cúi đầu không sát đất, chi bằng đừng lạy. Trong lòng người chắc có một vật, người chắt chứa việc chi vậy?"

Pháp Đạt nói: "Tôi đã niệm kinh Pháp Hoa đến ba ngàn bộ rồi."

Sư nói: "Nếu người niệm đến một muôn bộ, hiểu đặng ý kinh mà chẳng lấy đó gọi là hơn người, thì mới cùng ta đi một con đường. Nay người cậy lấy sự nghiệp ấy, mà chẳng biết lỗi mình. Hãy nghe ta kệ:

Lạy vốn phá màn kiêu,

Đầu sao không sát đất?

Có ngã tội liền sanh,

Quên công, phước lớn thật."

Tăng Pháp Đạt, người Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia (Pháp Hải và Pháp Đạt đều đặc pháp yếu của Lục Tổ). Ngài thường tụng niệm Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đến đánh lễ Lục Tổ Đại sư, nhưng lúc cúi đầu, mà đầu không sát đất. Lục Tổ Đại sư liền quở trách:

—Ông có tâm đánh lễ thì nên hành ngũ thể đầu địa, nếu sở hành phi lễ thì chi bằng đừng lễ. Trong tâm ông nhất định có vật chướng ngại gây cản trở cho sự chứng đạo của ông. Ông thường ngày học những gì?

Kỳ thực Lục Tổ Đại sư sớm biết Pháp Đạt có tâm cống cao.

Pháp Đạt trả lời:

–Con thường ngày tụng Kinh Pháp Hoa, đã tụng hơn ba ngàn bộ.

Tụng một biến tức là một bộ, từ quyển thứ nhất đến quyển thứ bảy chấm dứt, gọi là một biến. Tụng Kinh Pháp Hoa nếu tụng nhanh một ngày chỉ có thể tụng một bộ. Một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, có thể tụng ba trăm sáu mươi lăm bộ, mười năm mới có thể tụng hơn ba ngàn bộ. Thiền sư Pháp Đạt đại khái đã tụng khoảng mười năm.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Nếu ông tụng đến một vạn bộ, lĩnh ngộ nghĩa lý trong Kinh, cũng không cho rằng có công, không nói công lao mình rất lớn, ông có thể như vậy thì có thể đến đây học Phật pháp với tôi.

Không phải mỗi người đều có thể theo Lục Tổ học Phật pháp, ông có chỗ chướng ngại, có chỗ chấp trước, thì Lục Tổ sẽ không muốn ông. Giống như người đến đây học Phật pháp, nếu không giữ gìn giới luật quy củ, tôi sẽ không hoan nghênh. Tôi hoan nghênh những người y giáo phụng hành, y theo lời Phật dạy tu hành.

Lục Tổ Đại sư lại nói tiếp:

–Ông cho rằng ông tụng Kinh Pháp Hoa rất nhiều, có công đức rất lớn. Ông lại không biết ông có tâm cống cao ngã mạn. Ông nghe tôi nói bài kệ:

Đánh lẽ là vì trừ đi tâm cống cao ngã mạn, tại sao đầu ông không lẽ sát đất? Ông đã có ngã tướng, nói ông tụng Kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn bộ, công đức lớn hơn bất cứ người nào, nói công đức tụng kinh của tôi đã vượt hơn Tổ Sư! Vì ông có ngã tướng, vì thế sanh ra tội ngã mạn. Nếu ông không chất chứa tâm công đức có cũng như không, tụng ba ngàn bộ cũng giống như lúc ông chưa tụng thì phước đức của ông sẽ vô lượng vô biên.

Sư lại hỏi: "Người tên là gì?"

Đáp: "Pháp Đạt."

Sư nói: "Người tên Pháp Đạt, nào có đạt pháp!"

Sư lại nói kệ rằng:

"Người tên là Pháp Đạt,

Siêng tụng hoài không dứt.

Tụng rộng chỉ theo tiếng,

Minh tâm mới gọi Phật.

Người nay bởi có duyên,

Ta mới nói Chơn pháp.

Chỉ tin Phật không lời,

Hoa sen miệng người phát."

Giảng:

Tiếp theo Đại sư lại hỏi:

–Ông tên gì?

Đáp:

–Tên của con là Pháp Đạt.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Tên của ông rất hay, Pháp Đạt, pháp thông đạt, nhưng ông đạt được cái pháp nào? Ông nói ra xem!

Lúc đó Pháp Đạt biến thành pháp không đạt, mở miệng nói không ra lời, cũng không biết như thế nào mới đúng. Lục Tổ Đại sư lại nói một bài kệ:

–Tên của ông là Pháp Đạt, ông rất dụng công, rất tốt không làm biếng, từ sáng đến tối tụng *Kinh Pháp Hoa*. Nhưng ông chỉ tụng rỗng mà chưa đắc được lợi ích, hàng ngày chỉ y theo kinh văn tụng niệm, không hiểu rõ nghĩa lý trong Kinh. Nếu ông tụng *Kinh Pháp Hoa* mà có thể hiểu được nghĩa lý của Kinh, có thể minh tâm kiến tánh, đó mới gọi là Bồ Tát. Ông và tôi rất có duyên, ông từ Hồng Châu xa xôi đến đây, điều đó không phải dễ, nên tôi nay vì ông thuyết. Ông nên sanh tín tâm, tin Phật không nói chi hết, nếu ông có tín tâm niệm *Kinh Pháp Hoa*, không chỉ ở khẩu niệm thôi, thì Diệu Pháp Liên Hoa sẽ sanh từ trong miệng của ông. Cho nên tụng Kinh không phải tụng suông theo tiếng, mà cần phải chân chánh hiểu rõ nghĩa lý của *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* mới được.

Lục Tổ Đại sư dạy Pháp Đạt:

–Chỉ tin Phật không lời, Liên Hoa từ miệng sanh.

Quý vị cho rằng như thế nào: Đức Phật có lời? Hay không lời?

Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, đàm kinh hơn ba trăm hội, lúc Ngài sắp nhập Niết Bàn, tất cả đệ tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, Ngài nói nhiều Kinh điển như thế, nay phải làm sao?

Đức Phật nói:

–Ta một chữ cũng không có thuyết.

Ông nói Đức Phật có phải vọng ngữ hay không? Không sai! Kinh thì do Phật thuyết ra mà tại sao Phật lại nói một chữ cũng không có thuyết? Lại nữa, Lục Tổ Đại sư dạy người: "Chỉ tin Phật *không* lời, nếu ông có lòng tin này, liên hoa sanh từ trong miệng ông."

Lòng tin này không phải dễ sanh ra. Tôi nay sẽ nói với quý vị thế nào để "chỉ tin Phật không lời." Vì bởi kinh điển, đạo lý Phật thuyết ra, đều là trong tâm chúng sanh. Quý vị cũng biết thuyết, anh ta cũng biết thuyết, mọi người vốn đầy đủ trí huệ này. Kinh điển Phật thuyết ra là vì chúng sanh mà thuyết, vì từ trong tâm chúng sanh phát xuất ra. Cho nên Phật thuyết mà không thuyết, đây là dạy quý vị không nên có chỗ chấp trước. Nếu quý vị có chỗ chấp trước, thì biến thành pháp chấp, vì thế Phật dạy người chớ có chấp trước, không nên chấp trước pháp, cũng không nên chấp trước không. Điều khó nhất chính là điểm này, dễ nhất cũng là điểm này. Xem quý vị biết hay không! Biết rồi, thì Phật không có thuyết. Không biết, vậy thì Phật thuyết quá nhiều. Hiểu không?

Phật một lời cũng không thuyết, tại sao chúng ta từ sáng đến tối cần phải nói quá nhiều? Đã giảng rồi lại giảng nữa, đã nói rồi lại nói nữa. Như vậy còn có ý nghĩa gì chớ? Cho nên mọi người chúng ta không nên nói chuyện thì tốt hơn, sau này có khách từ bên ngoài đến, chỉ cần một người trả lời, mọi người không nên mồm năm miệng mười. Nếu không người ta sẽ nói: "Các ông học Phật pháp gì vậy? Phật đã không giảng thuyết, các ông lại nói quá nhiều. Ôi! học Phật pháp càng học càng không hiểu Phật pháp." Lại nữa, lúc chúng ta tụng kinh, nếu có khách bên ngoài đến cũng không thể ngừng lại, vì công phu tụng kinh quan trọng, cho nên ít nói chuyện, dụng công phu nhiều một chút. Sau này tôi cũng nên ít nói chuyện, chỉ trong lúc giảng kinh thuyết pháp và có việc quan trọng mới nói, làm gương cho quý vị. Gì là lúc giảng kinh? Mọi nơi mọi lúc thuyết pháp đều là giảng kinh, cũng đều là không có giảng kinh – nói mà không nói. Quý vị nói:

–Vậy thì tôi cũng có thể nói mà không nói.

Quý vị thì học mà chưa học, quý vị chưa có học xong! Đợi học xong rồi hãy nói!

*

Pháp Đạt nghe kệ rồi, liền ăn năn xin lỗi, thưa rằng: "Từ nay sắp sau con giữ hạnh khiêm tốn cùng cung kính mọi người. Đệ tử tụng Kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu nghĩa, tâm thường có chỗ nghi, Hòa Thượng có trí huệ quảng đại, xin Ngài lược giải nghĩa lý trong kinh."

Sư nói: "Pháp Đạt, pháp rất thấu suốt, tại lòng người không thấu suốt. Kinh vốn không có chỗ nghi, tại lòng người tự nghi. Người niệm kinh ấy, lấy gì làm tông (căn bản)?"

Pháp Đạt bạch: "Kẻ học này căn tánh ám độn, bấy lâu nay chỉ theo chữ mà tụng niệm, đâu có biết tông thú của Kinh là gì!"

Giảng:

Pháp Đạt nghe xong bài kệ này liền sám hối tạ tội nói:

–Từ đây về sau con nhất định khiêm cung tất cả. Quá khứ đệ tử tụng *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, chưa hiểu được nghĩa lý trong Kinh, cho nên trong tâm thường hoài nghi. Trí huệ của Hòa Thượng rộng lớn, cúi mong vì con lược nói ý nghĩa trong Kinh.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Tên của ông là Pháp Đạt, pháp vốn phải thông đạt, đáng tiếc tâm của ông mê muội mà không đạt. Trong Kinh vốn không có một chỗ có thể hoài nghi, mà là tâm của ông tự khởi hoài nghi. Ông tụng *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, có biết tông thú của Kinh không?

Pháp Đạt trả lời:

–Học nhân căn tánh ngu độn, chỉ theo kinh văn tụng niệm mà thôi, không biết được tông thú của kinh văn.

*

Sư nói: "Ta không biết chữ, người thử lấy kinh tụng một biến, ta giải nghĩa cho người rõ."

Pháp Đạt liền cất tiếng tụng lớn, đến phẩm Thí Dụ. Sư bảo thôi và nói rằng: "Bộ kinh này nguyên lấy cái Nhơn duyên xuất thế làm tông, dầu có nói bao nhiêu ví dụ, cũng không vượt ngoài chỗ ấy. Nhơn duyên gì? Kinh nói chư Phật Thế Tôn chỉ do cái Nhơn duyên về một việc lớn mà xuất hiện nơi thế gian. Việc lớn ấy là cái tri kiến Phật vậy."

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói:

–Tôi không biết chữ, ông đem quyển *Kinh Pháp Hoa* tụng một biến, tôi có thể vì ông giải nói.

Pháp Đạt khi ấy liền to tiếng tụng đọc *Kinh Pháp Hoa*, khi đọc đến phẩm Thí Dụ thứ ba, Lục Tổ Đại sư liền kêu Pháp Đạt ngừng lại, và khai thị:

–Kinh này là Như Lai vì một đại sự nhân duyên xuất hiện giữa đời, đó là tông chỉ của Kinh, dù có rất nhiều ví dụ cũng không vượt qua đạo lý này. Là nhân duyên gì? *Kinh Pháp Hoa* nói: "Tất cả Chư Phật Thế Tôn chỉ có một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời. Cái gì là một đại sự? Chính là tri kiến Phật vậy."

*

"Người thế gian ngoài mê thì dính tướng, trong mê thì dính không. Nếu nơi tướng mà lìa tướng, nơi không mà lìa không, thì trong ngoài chẳng mê. Nếu hiểu rõ Pháp này, một niệm tâm mở sáng, ấy là mở cái tri kiến Phật. Phật đây, nghĩa là Giác ngộ, chia làm bốn môn:

1. Khai giác tri kiến (Mở cái biết thấy giác ngộ.)

2. Thị giác tri kiến (Chỉ cái thấy biết giác ngộ.)

3. Ngộ giác tri kiến (Tỏ cái thấy biết giác ngộ.)

4. Nhập giác tri kiến (Vào cái thấy biết giác ngộ.)

Nếu nghe khai, thị (Mở, Chỉ) của Kinh mà đặng ngộ, nhập (Tỏ, Vào), đó chính là giác tri kiến, cũng chính là Chơn tánh vốn có mà được xuất hiện.

Giảng:

Người đời bên ngoài chấp *tướng*, bên trong chấp *không*. Nếu có thể nơi tướng ly khai tướng, nơi không rời không, đó chính là không chấp nơi không, không chấp nơi có. Cũng chính là trong ngoài không mê, không mê sẽ không chấp trước, không chấp trước thì không có mê. Nếu ông có thể hiểu rõ diệu pháp này thì trong một niệm tâm có thể sáng suốt khai ngộ. Đây gọi là *Khai Phật tri kiến*.

Phật chính là giác, phân làm bốn môn, chính là khai giác tri kiến, thị giác tri kiến, ngộ giác tri kiến, nhập giác tri kiến.

Nếu ông nghe nghĩa lý của kinh, mà ngộ nhập hiểu rõ, đó chính là giác tri kiến, cũng chính là Chân như tự tánh vốn có hiển hiện ra.

*

Người khá cẩn thận, chớ lầm hiểu ý kinh, nghe trong Kinh nói khai thị ngộ nhập mà cho đó là tri kiến của Phật, chớ chúng ta thì vô phần. Nếu hiểu như thế là chê Kinh nhạo Phật. Ngài kia đã là Phật, đã đầy đủ tri kiến, cần gì phải khai nữa! Người nay phải tin rằng cái Phật tri kiến đó chỉ là tự tâm của người, chớ chẳng có Phật nào khác. Cả thầy chúng sanh vì tự che lấp tánh quang minh của mình, tham ái trần cảnh, ngoài bị dính vương, trong bị rối rắm, nên đành phải chịu sự phiền não cuốn lôi. Bởi vậy mới nhọc lòng đức Thế Tôn, Ngài phải xuất Chánh định, dùng biết bao nhiêu lời lẽ mà khuyên chúng sanh dứt bỏ lòng tham ái, phải nơi tự tâm mà khai tri kiến Phật, chớ hướng ra ngoài mà tìm, thì cùng Phật không khác. Thế cho nên gọi là "khai Phật tri kiến."

Giảng:

Ông không nên hiểu lầm ý của kinh. Nếu gặp người khác mà ông nói (với họ) như vậy: Khai thị ngộ nhập là tri kiến của Phật, không có quan hệ gì với chúng ta. Nếu ông có kiến giải như thế thì là hủy báng kinh điển, hủy báng Phật pháp. Tại sao nói hủy báng Phật? Vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thành Phật, đã đầy đủ tri kiến Phật, tại sao lại cần phải khai Phật tri kiến? Cho nên ông cần nên tin tưởng sâu sắc tri kiến Phật, chính là tri kiến trong tâm ông. *Khai Phật tri kiến chính là tâm của ông vốn là Phật*, muốn ông khai thị tri kiến Phật vốn sẵn có của ông, vì không có Phật nào khác.

Tất cả chúng sanh đều che phủ quang minh của chính mình, vì có tham tâm ái tâm. Tham thì có tham trần, ái thì có ái trần, tham thì không được thanh tịnh, ái thì không được thanh tịnh. Tham ái trần cảnh nên phan duyên (nú vương) bên ngoài. Ông phan duyên bên ngoài, thì nội nhiễu (rối loạn bên trong), nếu không có ngoại duyên, thì không có nội nhiễu, ông sẽ được thanh tịnh. Bên ngoài không chỉ là phan duyên, mà là đủ mọi thứ nú vương của lục trần lục căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vì ông phan duyên bên ngoài cho nên bên trong không an tịnh, liền

tạo phản. Điều này khiến tâm người không được an lạc, sanh ra mọi thứ phiền não. Tâm của ông làm nô dịch cho hình thể, tâm vốn là ông chủ, nhưng nay trở thành kẻ nô lệ của thân thể, cho nên làm nhọc lòng bao Đức Phật Thế Tôn từ trong định mà dậy, dùng bao nhiêu phương pháp phương tiện thiện xảo, hết lời khuyên bảo, khuyên chúng sanh phải đình chỉ phan duyên, dứt sạch vọng tưởng, không nên giông ruổi bên ngoài tìm cầu, nếu được như thế thì cùng Phật không có gì sai khác, cho nên nói khai Phật tri kiến.

*

Ta cũng khuyên cả thầy chúng nhưn do trong tâm mình mà thường khai tri kiến Phật. Người thế gian vì lòng tà vạy, ngu mê, tạo ra các tội lỗi, miệng lành lòng dữ, ham giận, ghét ghen, siểm nịnh kiêu căng, lẩn người hại vật. Ấy là mình khai tri kiến chúng sanh. Nếu giữ được lòng chơn chánh, thường sanh trí huệ, xem xét tâm mình, làm lành lánh dữ, thì mình tự khai tri kiến Phật vậy.

Giảng:

Tôi cũng thường khuyên tất cả chúng sanh, trong tâm của họ phải thường khai Phật tri kiến. Tâm người đời vì có tà tri và tâm ngu si mê hoặc, cho nên tạo vô vàn ác nghiệp. Tuy miệng nói rất hay nhưng tâm lại xấu xa, nên nói: "Khẩu Phật tâm xà." Miệng thì nói lời từ bi như Phật, nhưng tâm lại ác độc như rắn. Điều xấu nhất chính là tham, sân, tật đố, nịnh hót, gian nịnh (tức không chánh trực), cống cao ngã mạn, làm hại người, tổn hại chúng sanh, tự mình khai ác nghiệp chúng sanh tri kiến. Nếu có thể hồi quang phản chiếu, tự chánh kỳ tâm, tự tánh thường sanh trí huệ, quán sát chiếu soi tự tâm, năng chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, đó chính là tự khai Phật tri kiến.

*

Người phải niệm niệm khai tri kiến Phật, chứ khai tri kiến chúng sanh. Khai tri kiến Phật tức là xuất thế, khai tri kiến chúng sanh tức là thế gian. Nếu người chỉ nhọc nhằn chấp việc tụng niệm làm công khóa thì nào khác con trâu ly mền cái đuôi của nó!"

Pháp Đạt nói: "Nếu vậy, hiểu được nghĩa, thì chẳng cần tụng kinh?"

Sư nói: "Kinh có lỗi gì? Há có ngăn trở sự tụng niệm của người đâu! Chỉ vì mê ngộ là tại nơi người, tổn giảm hay lợi ích là do mình. Miệng tụng tâm hành tức là chuyển được kinh, còn miệng tụng mà tâm không hành tức là bị kinh chuyển. Hãy nghe ta kể:

Tâm mê Pháp Hoa chuyển,

Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa.

Tụng lâu không rõ ý,

Cùng nghĩa kinh thành thù.

Không niệm, niệm là chánh,

Có niệm, niệm thành tà.

Có, không, đều chẳng chấp,

Hàng ngồi xe Bạch ngựa."

Giảng:

Lục Tổ Đại sư lại khai thị nói:

–Trong mỗi niệm ông cần phải giữ gìn chánh niệm, giữ gìn thiện tâm, không nên có những tâm không chánh trực như tham, sân, tật đố, chướng

ngại, siểm khúc. Đó chính là khai Phật tri kiến, không nên khai chúng sanh tri kiến. Phật tri kiến đó là pháp xuất thế; khai chúng sanh tri kiến đó là pháp thế gian. Nếu ông từ sáng đến tối cực khổ tụng *Kinh Pháp Hoa* mà chấp vào *Kinh Pháp Hoa*, cho đó là công khóa, thì có khác gì con trâu ly yêu mấn cái đuôi của nó?

Pháp Đạt trả lời:

–Nếu như vậy, chỉ cần hiểu rõ ý nghĩa của kinh, thì không cần tụng kinh chẳng?

Lục Tổ Đại sư giải thích:

Kinh có sai lầm gì, đâu có chướng ngại ông tụng kinh? Cần biết mê mờ ngu muội và giác tánh đều ở nơi ông, nếu đã mê mờ ông tụng cũng không có công, nếu đã khai ngộ tụng niệm thì càng thêm ích lợi, đây có liên hệ gì đến kinh đâu? Nếu ông có thể miệng tụng *Kinh Pháp Hoa*, tâm hành *Kinh Pháp Hoa*, đó chính là chuyển pháp luân. Nếu chỉ miệng tụng kinh mà tâm không theo nghĩa lý của kinh tu hành, đó chính là bị kinh chuyển. Ông lắng nghe tôi vì ông nói bài kệ đây:

Tâm ông nếu mê hoặc, không sáng suốt, thì bị Pháp Hoa chuyển, chuyển ông càng tụng niệm càng không hiểu rõ. Tâm ông nếu ngộ thì có thể chuyển diệu nghĩa của *Kinh Pháp Hoa*. Ông tụng *Kinh Pháp Hoa* công phu hơn mười năm, nhưng không hiểu rõ ý nghĩa của Kinh, thì giống như oan gia đối đầu với nghĩa lý Kinh. Không có vọng niệm chính là chánh niệm, nhưng khi có tà niệm, có cống cao ngã mạn, cho rằng tôi tụng kinh có công đức thì trở thành tà. Không nên để ý nó có, và không để ý nó không, tụng niệm giống như không có niệm, không nên chấp trước.

Nghe thế, có vị lại nói:

–Tụng niệm giống như không niệm, vậy không niệm chính là niệm rồi?

Như vậy thì không thể được, tại sao vậy? Vì quý vị vốn không có niệm, không hiểu nghĩa lý của kinh, làm sao có thể "giống như niệm?" "Niệm giống như không niệm," là niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, chính là ý nói không có chấp trước. Tóm lại, không nên xem nó có, cũng không nên xem nó không, đều không nên tính toán so đo, đó chính là mình thường hay ngồi trên xe trâu trắng lớn. Đó giống như người chế ngự điều khiển xe vốn thanh tịnh vô lậu tương ứng, thể đầy đủ vạn đức, giống như xe trâu trắng lớn, phiền não không nhiễm.

*

Pháp Đạt nghe kệ rồi bất giác rơi lệ đầm đề. Khi Đại sư nói dứt lời liền được đại ngộ và bạch rằng:

"Pháp Đạt từ xưa đến nay, thật chưa từng chuyển Pháp Hoa, mà bị Pháp Hoa chuyển."

Lại bạch rằng: "Kinh nói các vị đại Thanh văn cho đến Bồ Tát đều đem hết khả năng suy nghĩ cùng chung nghĩ lường cũng không thể nào đo được trí của Phật. Nay khiến kẻ phàm phu chỉ ngộ được tự tâm liền gọi là tri kiến Phật, nếu tự họ chẳng phải là hàng thượng căn, ắt chưa khỏi nghi báng. Lại kinh nói ba xe: xe dê, xe nai, xe trâu cùng với xe trâu trắng khác nhau như thế nào? Cúi xin Hòa Thượng rũ lòng từ khai thị cho."

Giảng:

Pháp Đạt sau khi nghe Lục Tổ Đại sư nói xong bài kệ, bất tri bất giác rơi lệ đầm đề. Quý vị nghĩ xem Pháp Đạt vì sao khóc? Lúc trước Pháp Đạt không hiểu rõ thì không khóc, nay đã hiểu rõ rồi tại sao lại khóc?

Pháp Đạt khóc không phải vì bị oan ức mà khóc, cũng không vì bị ai ăn hiếp, áp bức. Cái khóc của Ngài Pháp Đạt, là vì quá cảm kích vui mừng mà

khóc, cho nên nói "bất giác," không biết liền khóc lên. Chính vì Pháp Đạt nghĩ lúc trước sao ngu si thế, phí biết bao công để tụng *Kinh Pháp Hoa*, một chút ích dụng cũng không có, nay nhờ Lục Tổ Đại sư giảng giải liền được hiểu rõ, cho nên quá cảm kích mà khóc. Giống như có bạn bè hay bà con người nhà xa cách đã lâu, tình tình gặp nhau vốn rất vui mừng, nhưng đột nhiên lại khóc, đó cũng giống tình cảnh này.

Ngài Pháp Đạt vì đại ngộ cho nên khóc lên, thưa với Lục Tổ Đại sư rằng:

–Pháp Đạt con từ trước đến nay, chưa bao giờ chuyên *Kinh Pháp Hoa*, mà bị *Kinh Pháp Hoa* chuyên.

Lại bạch tiếp:

–*Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* có một đoạn nói: "Giả sử người khắp thế gian, đều như Xá Lợi Phất, đem hết khả năng suy nghĩ cùng chung đo lường cũng không thể nào đo được trí huệ của Phật. Tất cả đại đệ tử của Phật Thanh văn La hán cho đến đại Bồ Tát, nếu đem hết sự tư duy để đo lường đánh giá, cũng không thể đo lường trí huệ của Phật. Nay Đại sư khiến cho kẻ phàm phu bình thường chỉ cần ngộ tự tâm, đó là tri kiến Phật. Nếu không phải người thượng trí thiện căn, thì không tránh khỏi khiến họ sanh tâm hủy báng. Lại nữa, Kinh nói có ba xe – xe dê, xe nai và xe trâu trắng lớn, ba xe này khác nhau như thế nào? Thịnh Hòa Thượng phát tâm từ bi khai thị cho con."

*

Sư rằng: "Ý kinh thật rõ ràng, tự người mê ám làm cho trái ngược. Các người trong tam thừa chẳng lường được trí Phật, cái hại là do ở chỗ suy lường. Hễ chúng nó càng cùng suy cạn nghĩ, thì càng làm chuyển biến và xa lìa trí Phật. Đức Phật vốn vì kẻ phàm phu mà nói kinh, chớ chẳng phải vì Phật mà nói. Cái lý ấy, nếu chẳng chịu tin, thì tùy ý rời chỗ đi ra (thối tịch).

Sao chẳng biết mình đã ngồi trên xe trâu trắng, mà lại tìm ba xe ở ngoài cửa. Huống chi kinh văn đã nói rõ cho người biết, duy có một Phật thừa, chớ không có thừa nào khác. Bằng kinh nói hai nói ba, cho đến vô số phương tiện, muôn vàn nhưn duyên, ví dụ ngôn từ thì các pháp ấy chỉ đều chỉ một Phật thừa mà thôi. Sao người chẳng xét rằng thừa là giả, là nói vì lúc xưa (vì thật mà dụng quyền), còn một thừa là thật, là nói vì ngày nay (mở quyền mà chỉ thật). Ấy là chỉ dạy người bỏ giả về thật mà thôi. Sau khi về thật rồi, thì cái thật cũng không còn có cái tên nữa.

Phải biết rằng của quý báu sở hữu đều thuộc về của người thọ dụng, lại chẳng nên tưởng đó là của cha, cũng chẳng nên tưởng đó là của con, cũng chẳng nên tưởng đến chỗ thọ dụng ấy. Thế mới gọi là trì Kinh Pháp Hoa.

Từ kiếp này qua kiếp nọ, tay chẳng mở cuốn kinh, nhưng từ sáng tới đêm, không có lúc nào mà chẳng niệm vậy."

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói:

–Ý của Kinh nói rất rõ ràng, chỉ vì ông ngu si làm trái ngược nghĩa lý của Kinh. Các người trong Tam thừa tức là Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát, họ không thể lãnh ngộ lời Phật thuyết, sai lầm đó là vì *suy lường*, nếu không có tâm suy lường họ liền hiểu rõ nghĩa lý của Kinh; dựa vào sự đánh giá đo lường cộng đồng của họ, càng truy cầu, khoảng cách càng xa vời. Bởi kinh điển Phật nói ra đều vì phàm phu mà nói, không phải vì Phật nói, cho nên ông nên hiểu đạo lý này. Nếu ông không tin Kinh Phật là vì phàm phu mà nói, không phải vì Phật nói, thì ông có thể tùy ý không nghe kinh, rời chỗ ngồi mà bỏ đi ra.

Phẩm Thí Dụ *Kinh Pháp Hoa* nói xe trâu trắng, là xe báu trang nghiêm. Xe trâu này chạy rất nhanh, chạy rất vững rất thoải mái, người đời không biết mình đang ngồi trên xe trâu trắng, ngược lại hướng bên ngoài tìm kiếm xe dê, xe nai, xe trâu, đó là vì người đời không có trí huệ! Kinh văn đã rõ ràng nói với ông, chỉ có *nhất Phật thừa* là xe trâu trắng lớn, không có các thừa khác. Hoặc nói nhị thừa – Thinh văn, Duyên giác; hoặc nói tam thừa – Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát, hoặc là vô số thừa – đây là pháp phương tiện, đủ mọi thứ nhân duyên, ví dụ và ngôn từ mà thôi. Tất cả Phật pháp đều vì nhất Phật thừa này mà nói, tại sao ông không hiểu ba xe này là giả lập mà thôi! Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát, duyên pháp của ba thừa này, là vì xưa kia nói. Nhất thừa Phật thừa (xe trâu trắng lớn), mới là thực pháp vì nay mà nói! Đạo lý của *Kinh Pháp Hoa* là dạy mọi người bỏ đi quyền giáo tam thừa mà quy về chân thực, nhưng sau khi quy về chân thực, thực pháp này cũng không có một cái tên, thực pháp cũng không còn tồn tại. Vì thế, ông cần biết tất cả Phật pháp, đều thuộc về gia tài vốn có của ông, tự mình có sẵn, không do bên ngoài được, tùy ông sử dụng như thế nào cũng được. Ông không cần phải nghĩ rằng: Đây là tài sản của cha tôi dành cho tôi; cũng không cần nghĩ rằng, tôi là con, cần phải kế thừa gia nghiệp của cha. Căn bản không cần phải nghĩ gì hết, thọ dụng liền được. Đó chính là trì *Kinh Pháp Hoa*. Nếu được như vậy, thì từ đại kiếp thứ nhất đến đại kiếp sau cùng, tay không rời quyển Kinh, từ sáng đến tối không có lúc nào không tụng *Kinh Pháp Hoa*.

*

Pháp Đạt nhờ Sư mở trí, vui mừng nhảy nhót, bèn làm kệ khen rằng:

"Kinh tụng ba ngàn bộ,

Tào Khê không một câu.

Ý xuất thế chẳng rõ,

Nào dứt kiếp khùng điên!

Dê, nai, trâu quyền lập,

Trước, giữa, sau khéo bày.

Ai biết trong nhà lửa,

Nguyên là đại Pháp vương."

Sư nói: "Từ nay về sau, người có thể nói là thầy tăng niệm kinh vậy."

Pháp Đạt từ khi lãnh hội được ý chỉ diệu huyền của Đại sư, cũng giữ việc tụng kinh hoài chẳng bỏ.

Giảng:

Pháp Đạt sau khi được Lục Tổ Đại sư khai đạo, vô cùng hoan hỷ vui mừng nhảy nhót, liền dùng kệ xưng tán:

–Con tụng *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* đã hơn ba ngàn bộ, mà Tào Khê một câu cũng không nói. Con chưa hiểu rõ tông chỉ xuất thế, thì làm sao có thể trừ bỏ vọng tâm đã tánh bao đời bao kiếp? Xe dê, xe nai, xe trâu đều là quyền pháp, sơ thiện trung thiện hậu thiện đều là một phương pháp truyền dương Phật pháp. Sơ thiện tức là pháp Tiểu thừa giảng ban đầu, trung thiện tức là Trung thừa, hậu thiện tức là giảng thuyết Đại thừa – tức dụ cho Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát tam thừa. Không ai ngờ rằng, không ai biết rằng, trong nhà lửa tam giới này, có thể tu thành Phật, làm vị đại Pháp vương!

Lục Tổ Đại sư biết Pháp Đạt đã thấu rõ liền nói:

–Ông từ nay về sau mới xứng đáng xưng là thầy tăng tụng *Kinh Pháp Hoa* vì lúc trước ông không biết tụng.

Pháp Đạt từ đó lãnh ngộ tôn chỉ huyền diệu của Lục Tổ Đại sư, nay tuy Ngài hiểu rõ *Kinh Pháp Hoa*, nhưng vẫn không ngừng tụng. Mà không nói rằng: "Tôi niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, tôi đã hiểu là được rồi!" Ngài Pháp Đạt vẫn tụng kinh như cũ. Có vài người đối với chỗ này thường không hiểu rõ, nói niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, vậy thì ông ăn mà không ăn, không ăn mà ăn phải không? Cũng không thể lúc ăn trộm đồ nói: Trộm mà không trộm, không trộm mà trộm. Cũng không thể lúc sát sanh nói: Sát mà không sát, không sát mà sát. Cho nên nói hiểu rõ rồi thì không còn chấp trước, không nên nói suông, đàm khẩu đầu thiền. Nếu đã đạt đến trình độ thì có thể niệm Kinh mà không chấp trước niệm kinh, không nên giống như Ngài Pháp Đạt lúc trước cho rằng niệm *Kinh Pháp Hoa* ba ngàn bộ, công đức lớn hơn tất cả, cho nên không đánh lễ người. Ngài Pháp Đạt lúc thấy Tổ Sư đầu không sát đất cũng có thể gọi là biểu hiện cung kính nhất rồi. Nếu đối với người bình thường, không nói đến việc đánh lễ, ngay chào hỏi cũng không có, Pháp Đạt cống cao ngã mạn như thế. Giống như người giàu nhìn người nghèo, nhìn cũng không nhìn, họ không nhìn xuống dưới chỉ nhìn lên trên, xem thường tất cả. Pháp Đạt nhìn thấy Lục Tổ, biết Ngài là kế truyền y bát của Ngũ Tổ, cho nên không thể không cúi đầu, nhưng trong tâm nhất định nghĩ rằng: "Tôi niệm nhiều bộ *Kinh Pháp Hoa* như thế phải cao vượt hơn vị Tổ Sư này." Pháp Đạt chỉ miễn cưỡng cúi đầu, mà Lục Tổ vừa nhìn liền biết Pháp Đạt tâm cống cao ngã mạn.

*

Tăng Trí Thông, người quê ở An Phong thuộc Thọ Châu, ban đầu xem Kinh Lăng Già đến hơn một ngàn lần nhưng không hiểu được tam thân tứ trí. Người đến lễ Đại sư cầu giải nghĩa này.

Sư nói: "Ba thân là Thanh Tịnh Pháp Thân, đó là tánh của người, Viên Mãn Báo Thân là trí của người, Thiên Bách Ưc Hóa Thân là hạnh của người vậy. Nếu người lìa Bốn tánh mà nói riêng ba thân, tức gọi là có

thân mà không trí. Bằng ngộ được ba thân không có tự tánh riêng, tức gọi là tứ trí Bồ đề. Hãy nghe ta kể:

Tự tánh đủ ba thân,

Phát minh thành tứ trí.

Chẳng lìa duyên thấy nghe,

Siêu nhiên lên quả Phật.

Nay tôi vì ông nói,

Tin chắc hằng không mê.

Chớ học người tìm cầu,

Trọn ngày nói Bồ đề."

Giảng:

Tăng Trí Thông người An Phong, Thọ Châu, xem *Kinh Lăng Già* hơn ngàn biển, vẫn không lĩnh hội tam thân tứ trí, cho nên đến lễ thỉnh Đại sư, khẩn cầu giải thích chân nghĩa. Đại sư khai thị: "Tam thân chính là Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Thanh Tịnh Pháp Thân là bốn tánh của ông, Viên Mãn Báo Thân là trí huệ của ông, Thiên Bách Ưc Hóa Thân là bốn hạnh của ông. Nếu ly khai bốn tánh mà thuyết tam thân, đó là có thân mà không có trí huệ. Nếu ông ngộ được tam thân không có tự tánh, thì có thể có tứ trí Bồ đề. Nay nghe tôi nói kể:

Lúc ông hiểu rõ tam thân là bốn tánh vốn có, ông sẽ hiểu rõ tứ trí. Nó không rời nghe và thấy, nhưng siêu vượt đặng thấy nghe mà trực chỉ đến pháp giới Phật.

Ông cần phải nghe bằng lòng tin, thì sẽ không mê hoặc giống như người thể tục, miệng luôn nói "Bồ đề! Bồ đề! Bồ đề!" mà không thực hành Bồ đề. Không nên chỉ học khẩu đầu thiên mà cần phải chân chánh hiểu rõ tam thân mới đúng."

Lục Tổ Đại sư lại nói:

–Ông đã hiểu rõ tam thân, thì nên đồng thời hiểu rõ tứ trí. Nếu ông ly khai tam thân mà giải thích tứ trí, dù ông hiểu rõ danh tướng tứ trí cũng không đắc được chân thực thể dụng, dù có trí huệ cũng giống như không có trí huệ, chỉ nhọc công vô ích.

*

Trí Thông lại bạch rằng: "Cái nghĩa tứ trí có thể được nghe chăng?"

Sư nói: "Đã hiểu ba thân thì rõ tứ trí, sao lại hỏi nữa? Nếu lìa ba thân mà nói riêng tứ trí, ấy gọi là có trí mà không thân, tức là có trí trở lại thành không trí."

Sư lại nói kệ rằng:

Đại Viên Cảnh Trí, tánh thanh tịnh.

Bình Đẳng Tánh Trí, tâm vô bệnh.

Diệu Quán Sát Trí, kiến phi công,

Thành Sở Tác Trí, đồng viên cảnh.

Ngũ Bát quả, Lục Thất nhưn, chuyển,

Chỉ dùng danh ngôn không thật tánh.

Nếu ngay chỗ chuyển chẳng lưu tình,

Ngay nơi ồn náo, Na-già định.

Giảng:

Phật có tứ trí tức Đại Viên Cảnh Trí, Bình Đăng Tánh Trí, Diệu Quan Sát Trí, Thành Sở Tác Trí. Đại Viên Cảnh Trí là gì? Là do thức thứ tám chuyển, cho nên nói chuyển thức thành trí. Lúc ông không biết dụng đó là thức, lúc ông phản bốn hoàn nguyên tức chuyển thức thứ tám mà thành Đại Viên Cảnh Trí, cho nên bốn tánh của nó thanh tịnh không có ô nhiễm, vì thế nói *Đại Viên Cảnh Trí tánh thanh tịnh*.

Bình Đăng Tánh Trí là do thức thứ bảy chuyển. Lúc ông chưa hiểu rõ thì gọi là thức thứ bảy, sau khi khai ngộ thì gọi là Bình Đăng Tánh Trí. Thức thứ bảy cũng gọi là Mạt na da thức, cũng gọi là truyền tổng thức, nó do thức thứ sáu truyền cho thức thứ tám, cho nên gọi là truyền tổng thức, mà thức thứ tám còn gọi là hàm tàng thức, Phạm ngữ là A lại da thức. Những hạt giống thiện ác, đều chứa trong thức thứ tám, cho nên trồng thiện nhân liền kết quả thiện, trồng nhân ác liền kết quả ác, cho nên gọi bát thức điền. Thức này giống như một mảnh ruộng, quý vị trồng cái gì thì nó liền sanh cái đó. *Bình Đăng Tánh Trí tâm vô bệnh*, bình đẳng tức tâm Chư Phật và chúng sanh thì bình đẳng, vô bệnh tức không có chướng ngại, tật đố, tham sân si. Nếu quý vị không có chướng ngại, tật đố, tham sân si thì có thể chuyển thức thứ bảy thành Bình Đăng Tánh Trí.

Diệu Quán Sát Trí kiến phi công: Diệu Quán Sát Trí thì do ý thức thứ sáu chuyển, thức thứ sáu này cái gì cũng đều phân biệt, phân biệt thiện ác, thị phi, nam nữ, cho nên xem ra thì rất thông minh, thực tế đã biến thành ý thức. Nếu đã chuyển thức thành trí, thành Diệu Quán Sát Trí – Nó nhìn thấy mọi cảnh giới mà không cần phân biệt vẫn có thể hiểu rõ. Diệu quán sát và tâm phân biệt không giống nhau, cho nên chứng quả A la hán cần phải tác ý quan sát, tác ý chính là từ trong tịnh quan sát, mà có thể biết được những sự việc trong tám vạn đại kiếp. Chính là sử dụng Diệu Quán Sát Trí này mà

có thể biết được, nhưng nếu quý vị không tác ý quan sát, vẫn là dùng ý thức, tức là người thường đều có.

Thành Sở Tác Trí đồng viên cảnh: Thành Sở Tác Trí là do năm thức đầu: tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thành tựu, giống như một cái gương tròn.

Ngũ Bát, Lục Thất quả nhân chuyển: Ngũ chính là năm thức đầu, Bát chính là thức thứ tám; Ngũ Bát quả chuyển tức là năm thức đầu và thức thứ tám được chuyển ở giai đoạn gặt quả, thành Đại Viên Cảnh Trí và Thành Sở Tác Trí. Lục Thất nhân chuyển tức là thức thứ sáu và thức thứ bảy được chuyển trước trong thời kỳ gieo nhân, thành Diệu Quán Sát Trí và Bình Đăng Tánh Trí. Trong việc chuyển bát thức thành tứ trí, thức thứ sáu và bảy chuyển trước ở giai đoạn gieo nhân, kế sau là chuyển năm thức đầu và thức thứ tám ở thời kỳ gặt quả.

Đản dụng danh ngôn vô thực tánh: Tuy nói trên nhân chuyển, trên quả chuyển, thực tế thì không có thực tánh nào, chỉ là một số danh từ mà thôi.

Nhược ư chuyển xứ bất lưu tình: Nếu ông đang ở chỗ (tình thức) chuyển không ngừng, mà ông không dùng tâm tình phàm phu lại suy tính đo lường.

Phồn hưng vỹh xứ Na-già định: Phồn có nghĩa là nhiều, Hưng có nghĩa hưng khởi, tức là thường ở trong Na già định – Na già (Naga) định chính là định của rồng. Tại sao rồng có thể lớn có thể nhỏ? Chính là từ trong định biến hóa, cho nên rồng gọi là Thần Long, vì nó có thể biến hóa vô cùng. Giống như lời tựa đã nói: Lục Tổ Đại sư dùng bát hàng phục rồng, rồng này chắc có vô minh và tính nóng giận. Nó nghĩ: "Thầy nói tôi không dám vào trong bát của thầy à? Xem nè!" Vì thế bèn nhảy vào trong bát, nhưng

khi đã nhảy vào rồi thì không có cách nào nhảy ra. Rỗng này sau khi nghe Lục Tổ Đại sư thuyết pháp liền được vắng sanh. Tuy rỗng này thường ở trong định, nhưng chưa phá vô minh, cho nên vẫn còn nổi nóng, muốn hiển thân thông. Nếu nó có định lực, dù có nghe Lục Tổ nói: "Người không thể hóa thành thân nhỏ," thì cũng không bị dao động. Na-già định là thứ định bất khả tư nghì. Do đâu mà trở thành rỗng? Do là lúc trước, ở nhân địa, học Phật pháp rất tinh tấn, nhưng lại không giữ giới luật. Nghĩ rằng: "Người thường cần giữ giới luật nhưng tôi có thể không giữ." Cho nên nói: "Tu hành thì siêng năng nhưng giới luật thì buông thả (thừa cấp giới hoãn)," vì thế nên biến thành rỗng.

Lưu Ý (Nguyên chú) : phần nói về chuyển thức thành trí: "*Chuyển tiền ngũ thức là Thành Sở Tác Trí. Chuyển thức thứ sáu làm Diệu Quán Sát Trí. Chuyển thức thứ bảy làm Bình Đẳng Tánh Trí. Chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí. Tuy thức thứ sáu thứ bảy ở trong nhân chuyển, năm thức trước và thức thứ tám ở trên quả chuyển, nhưng chỉ chuyển trên danh tướng mà không chuyển bản thể của nó*" theo bản khắc Đại Tạng Kinh, cùng với bản khắc đời Minh, đều là chữ nhỏ. Chỉ có bản khắc gần đây khắc lầm là chữ lớn, lẫn lộn với nguyên văn của Đản Kinh. Như vậy không đúng! Cho nên vẫn làm chữ nhỏ mà viết thêm hai chữ "**nguyên chú**" (tức là lưu ý) để phân biệt.

*

Trí Thông liền đốn ngộ được tánh trí nên trình kệ rằng:

Ba thân nguyên thể ta,

Tứ trí vốn tâm sáng.

Thân trí dung không ngại,

Ứng vật mặc tùy hình.

Khởi tu đều vọng động,

Giữ trụ trái chơn tinh.

Diệu chỉ do Tổ rõ,

Trọn quên tên nhiễm ô.

Giảng:

Trí Thông sau khi nghe kệ, liền hiểu rõ ý nghĩa tam thân tứ trí, nên nói kệ tụng:

–Tam thân vốn trong bản thể của con, không phải tìm bên ngoài. Tứ trí – Đại Viên Cảnh Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí, là do chân tâm sau khi khai ngộ thì sanh ra bốn loại trí huệ này. Tam thân và tứ trí thì viên dung vô ngại, cho nên có thể quán cơ thuyết pháp, vì người thuyết pháp, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên. Nếu sanh tâm nói: Tôi phải tu tam thân tứ trí như thế nào, đó đều là vọng tưởng. Nếu bảo thủ thành kiến có chỗ chấp trước, thì đó không phải là tinh hoa chân chánh. Loại chỉ thú huyền diệu vô cùng này đều học từ Lục Tổ Đại sư mới hiểu được. Tự tánh thủy chung không bao giờ có nhiễm ô, không bị tình dục thế tục trói buộc. Trừ phi quý vị không có ô nhiễm, mới có thể phản bốn hoàn nguyên, cho nên nói *chung vong nhiễm ô danh* – tức bốn nguyên thanh tịnh, không có một chút ô nhiễm.

*

Tăng tên Trí Thường, người ở Quý Khê, Tín Châu, thuở nhỏ xuất gia, chí cầu thấy tánh, một hôm đến tham lễ, Sư hỏi: " Ông từ đâu đến, muốn cầu việc gì?"

Bạch rằng: "Học nhân gần đây đến núi Bạch Phong ở Hồng Châu lễ Hòa Thượng Đại Thông nhờ chỉ nghĩa kiến tánh thành Phật, nhưng

chưa giải quyết được hồ nghi, nên từ xa đến đây lễ Hòa Thượng, mong Hòa Thượng từ bi chỉ dạy."

Sư nói: "Đại Thông Hòa Thượng nói những lời gì, câu gì, người hãy thử kể coi."

Trí Thường thưa: "Trí Thường đến nơi kia, trải qua ba tháng, chưa được chỉ dạy, vì lòng tha thiết vì pháp nên một hôm riêng vào trượng thất thưa hỏi: Thế nào là Bốn tâm, Bốn tánh của con?"

Hòa Thượng Đại Thông nói rằng: "Người thấy hư không chẳng?"

Trí Thường đáp thấy: "Hư không vô hình mà có tướng mạo gì?"

Ngài Đại Thông bảo: "Bốn tánh của người ví như hư không, trọn không một vật có thể thấy, ấy gọi là chánh kiến; không một vật có thể biết, ấy gọi là chơn tri. Không có xanh, vàng, dài, ngắn, mà chỉ thấy cái bốn nguyên thanh tịnh, giác thể viên minh, đó tức gọi là kiến tánh thành Phật, cũng gọi là tri kiến Như Lai. Học nhưn tuy nghe thuyết như vậy, nhưng cũng chưa hiểu thấu đáo, cúi xin Hòa Thượng chỉ dạy."

Giảng:

Tăng Trí Thường là người huyện Quý Khê, Giang Tây, lúc nhỏ xuất gia, tâm của ông ta muốn kiến tánh. Một ngày nọ đến tham bái Lục Tổ Đại sư, Lục Tổ Đại sư hỏi:

–Ông từ đâu đến đây? Đến đây cầu cái gì?

Giống như Ngũ Tổ Đại sư hỏi Lục Tổ Đại sư:

–Ông là người ở xứ nào ? Muốn cầu cái gì?

Lục Tổ Đại sư trả lời:

–Con từ Tân Châu đến đây, chỉ cầu làm Phật.

Ngũ Tổ Đại sư nói:

–Ông là dân man di làm sao có thể thành Phật?

Lục Tổ trả lời:

–Thân man di cùng với thân Hòa Thượng không giống nhau, nhưng Phật tánh nào có sai khác?

Nay có người đến, Lục Tổ cũng hỏi như vậy.

Trí Thường trả lời:

–Con gần đây đến bái kiến Hòa Thượng Đại Thông ở núi Bạch Phong, Hồng Châu, nhờ ơn Hòa Thượng Đại Thông khai thị nghĩa lý kiến tánh thành Phật, nhưng trong tâm vẫn còn rất nhiều nghi vấn, cho nên từ xa xôi đến đây thân cận Đại đức Thiện tri thức, cúi mong Hòa Thượng từ bi chỉ dạy đạo lý khiến con không còn hồ nghi.

Lục Tổ Đại sư hỏi:

–Hòa Thượng Đại Thông dạy cho ông lời gì? Ông nói cho tôi nghe.

Trí Thường trả lời:

–Con đến chỗ Hòa Thượng Đại Thông trải qua hơn ba tháng, nhưng chưa được sự giáo hối dạy bảo. Con vì pháp quên mình, vì pháp khẩn thiết, cho nên một đêm nọ, con tự mình đến phòng phương trượng, thỉnh giáo Hòa Thượng Đại Thông: "Như thế nào mới là bốn tâm và bốn tánh của Trí Thường?"

Hòa Thượng Trí Thông trả lời:

–Ông đã nhìn thấy hư không chưa?

Con trả lời:

–Con đã thấy hư không.

Hòa Thượng Đại Thông trả lời:

–Ông biết hư không có tướng mạo gì?

Con lại nói:

–Hư không không có hình tướng, nếu có hình tướng thì đã không gọi là hư không! Đã là vô tướng, lại có hình tướng gì ư?

Hòa Thượng Đại Thông khai thị:

–Bốn tánh của ông và hư không thì tương đồng, không có một vật có thể thấy, đó chính là chánh kiến. Không có một vật có thể biết, đó là chân tri. Bốn tánh của ông không có màu sắc xanh vàng và hình tướng dài ngắn, ông thấy bốn nguyên thanh tịnh, giác thể viên minh, đó gọi là kiến tánh thành Phật, cũng gọi là tri kiến Như Lai.

Học nhân Trí Thường tuy nghe thuyết pháp như thế nhưng vẫn không hiểu rõ, nên thỉnh Hòa Thượng vì con khai thị.

*

Sư nói: "Chỗ Sư Đại Thông nói đó cũng còn sự thấy biết, nên khiến người chưa hiểu thấu. Nay ta chỉ cho người một bài kệ:

Chẳng thấy một pháp còn "thấy không,"

Giống như mây nổi che mặt nhật,

Chẳng biết một pháp giữ "biết không,"

Lại như hư không sanh điện chớp.

Tri kiến này bỗng nhiên dấy lên,

Lâm nhận đâu từng hiểu phương tiện.

Ông phải một niệm tự biết lỗi,

Tự kỷ linh quang thường hiển hiện."

Trí Thường nghe bài kệ rồi tâm ý hoá nhiên, bèn nói kệ rằng:

Vô có khởi tri kiến,

Chấp tướng cầu Bồ đề.

Tình còn một niệm ngộ,

Đâu vượt mê ngàn xưa.

Tự tánh giác nguyên thể,

Tùy chiếu luống đối đời.

Chẳng vào thất Tổ Sư,

Mờ mịt chạy hai đầu.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nghe xong liền nói:

–Hòa Thượng Đại Thông thuyết pháp vẫn còn tri kiến, cho nên mới khiến cho ông không hiểu rõ. Tôi nay vì ông thuyết một bài kệ tụng: Không thấy một pháp thì vạn pháp đều không, nếu ông vẫn còn cái thấy "không thấy" này, thì vẫn còn một cái "không thấy" tồn tại, đó giống như mây trôi che phủ mặt trời. Một pháp không lập, chính là không biết một pháp, cái gì cũng không tồn tại, nhưng ông vẫn chấp vào tri kiến *không biết một pháp*, lại có một cái *không tri* (cái biết không). Ông đối với đạo lý này dường như hiểu rõ, kỳ thực vẫn còn tồn tại tri kiến, đó giống như trong không trung vốn cái gì cũng không có, nhưng lại sanh ra tia chớp. *Cái thấy không thấy* của ông, và *cái biết không biết* của ông, ngay trước mắt ông lập tức hiện tiền vì hiểu lầm loại tri kiến này, cho nên không thể hiểu rõ pháp môn phương tiện. Nay ông cần phải ngay niệm trước mặt, giác ngộ rằng bảo thủ cái thấy không thấy này, cái biết không biết này là sai lầm, vậy thì tự nhiên trí huệ vốn có của ông, Phật tánh vốn có, Như Lai Tạng tánh vốn có, thường hay hiện tiền.

Pháp sư Trí Thường sau khi nghe Lục Tổ Đại sư thuyết kệ, ngay lúc đó buông bỏ vạn duyên. Lúc buông bỏ, không thể tồn tại cái "tôi đã buông bỏ." Nếu vẫn còn tồn tại cái niệm "tôi buông bỏ," thì vẫn chưa buông bỏ. Nếu quý vị thật không có cái thấy biết, phản bổn hoàn nguyên, thì không nên tồn tại một cái *tri kiến*. Trí Thường sau khi hiểu rõ cũng làm một bài kệ tụng:

Vô cơ khởi tri kiến: Không có một lý do, bỗng dưng lại sanh ra một cái thấy không thấy (vô kiến), cái biết không biết (không tri)? Sanh ra vô kiến và không tri, đó đều là chấp vào tướng. Giống như "vô niệm" đã giảng ở trên, nếu trong tâm quý vị thường muốn tìm ngã vô niệm, vô niệm thì vẫn sanh ra một cái niệm, vì niệm của vô niệm vẫn là một cái niệm. Nên phải: "Có niệm giống như không, vô niệm không trì trệ." Lúc có niệm đều không có, thì vô niệm tự nhiên không còn tồn tại. Cho nên tham thiền, tham "niệm Phật là ai?" Quý vị nên đi tìm là ai niệm Phật? Làm thế nào cũng tìm không ra, vì căn bản không có một cái ai. Vì người khác nhìn không ra, không biết

không có một cái ai, nên thường cảm thấy có một cái ngã. Cho nên cần tham niệm Phật là ai? Vì có ngã cho nên đi tìm người, tìm người thì cần hỏi là ai? Nhưng tìm ai, không nên chấp tướng, không nên chấp vào cái "ngã."

Trong tâm vẫn còn một cái nghi, còn một niệm "ngộ" nói tôi nhìn thấy hư không, cái gì cũng không còn. Nếu vẫn còn có cái biết của một niệm, cái thấy của một niệm, cho rằng đây là ngộ, đây giống với cái mê lúc trước, căn bản không có ngộ.

Bốn thể căn nguyên của tự tánh giác ngộ, thì tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên. Tuy nó có chỗ biến dời thay đổi nhưng bốn thể không biến. Nếu Trí Thường tôi không vào đến đường thất của Lục Tổ Đại sư, nếu không được Lục Tổ Đại sư khai thị, đến nay vẫn kẹt vào hai bên, rơi vào tri kiến.

*

Một ngày kia, Trí Thường hỏi Đại sư rằng: "Phật nói pháp ba thừa, lại nói pháp tối thượng thừa, đệ tử chưa hiểu, xin Ngài chỉ dạy."

Sư nói: "Người hãy xem cái Bốn tâm của người, đừng chấp cái tướng của pháp ở ngoài. Pháp vốn không có bốn thừa, chỉ cái tâm của người thế gian tự có nhiều bậc khác nhau. Thấy nghe đọc tụng là Tiểu thừa. Ngộ pháp hiểu nghĩa là Trung thừa. Y pháp tu hành là Đại thừa. Muôn pháp đều thông, muôn pháp gồm đủ, cả thầy chẳng nhiễm, lìa các pháp tướng, một máy không có chỗ sở đắc là bậc Tối thượng thừa. Thừa có nghĩa là tâm thực hành theo Đạo, chớ chẳng phải là khẩu tranh biện. Người phải tự tu, đừng hỏi ta vậy. Trong cả thầy thời gian tánh mình phải tự như như."

Trí Thường làm lễ tạ ơn, theo hầu hạ Đại sư đến trọn đời ngài.

Giảng:

Một ngày kia Trí Thường hỏi Lục Tổ Đại sư:

–Phật thuyết pháp Tam thừa; Thinh văn, Duyên giác, Bồ Tát; lại nói tối thượng nhất thừa, đệ tử con không hiểu rõ, cúi mong Hòa Thượng khai thị.

Lục Tổ Đại sư trả lời:

–Ông cần phải hồi quang phản chiếu xem tự tâm của chính mình, không nên giông ruồi bên ngoài tìm cầu, chấp trước vào pháp tướng bên ngoài. Pháp vốn không có tứ thừa, ngay như thừa cũng không có, chỉ vì tâm người có sai biệt mà thôi. Giả như ông thấy, nghe và đọc tụng kinh điển, thì thuộc về người Tiểu thừa. Nếu ông có thể ngộ pháp giải nghĩa, hiểu biết rõ ràng sáng suốt thì thuộc về người trung thừa. Nếu ông không những hiểu rõ, mà có thể chân thật thực hành, thì thuộc về người đại thừa. Tất cả pháp đều quán thông, cụ bị, trong tâm không có chướng ngại, và ông cũng hiểu rõ đạo lý vạn pháp là tâm, tâm là vạn pháp, và nếu đối với tất cả pháp đều không nhiễm trước, ly chư pháp tướng, không một sở đắc, ông thuộc về người tối thượng thừa. Thừa là tu hành, không phải nơi cửa miệng tranh luận, cho nên ông cần phải tự mình tu hành, tôi không thể thế ông tu hành. Cho nên nói: "Tự mình ăn cơm tự mình no, tự mình sanh tử tự mình liễu." Bất cứ lúc nào cũng cần phải tự tánh tự như như, tự mình thấy biết rõ ràng tâm mình.

Từ đó trở về sau, Trí Thường trở thành người hầu cận Đại sư, hầu hạ phụng dưỡng, cho đến Đại sư viên tịch mới rời khỏi Chùa Nam Hoa.

*

Tăng Chí Đạo, người quê ở Nam Hải, Quảng Châu đến cầu chỉ dạy, bạch rằng: "Học nhân từ khi xuất gia xem kinh Niết Bàn hơn mười năm mà chưa rõ đại ý, cúi mong Hòa Thượng thương xót chỉ dạy."

Sư nói: "Chỗ nào ông chưa rõ?"

Bạch: "Chư hạnh vô thường là pháp sanh diệt; sanh diệt diệt rồi, vắng lặng (tịch diệt) là vui, nơi đây con nghỉ ngơi."

Giảng:

Lại có Tăng Chí Đạo là người huyện Nam Hải tỉnh Quảng Đông. Chí Đạo đến thỉnh giáo Lục Tổ Đại sư:

–Con từ khi xuất gia đến nay thường đọc tụng *Kinh Niết Bàn*, đã hơn mười năm nhưng vẫn không rõ đại ý, cúi mong Hòa Thượng vì con giáo đạo.

Đại sư hỏi:

–Ông không hiểu chỗ nào?

Chí Đạo nói:

–Trong Kinh có một bài kệ: "Chư hạnh vô thường, thị sinh diệt pháp, sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc." Đây là chỗ con có điểm nghi hoặc.

Trước nói nguồn gốc của bài kệ.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong thời quá khứ, vì pháp quên mình, vì cầu nửa câu kệ mà bỏ thân mạng, cũng vẫn không tiếc. Có một kiếp Đức Phật tu hành trên núi Tuyết. Một ngày kia, nghe có người nói: *Chư hạnh vô thường, thị sinh diệt pháp*, nói đến đây liền ngừng lại. Vị đạo nhân (tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni) ngẩn đầu lên nhìn thì ra là một con quỉ la sát nói, bèn hỏi quỉ la sát: "Bài kệ tụng này vẫn còn hai câu chót, tại sao người không nói?"

–Tôi đã ba ngày không có cái gì ăn, đói không còn sức lực, nói không ra hơi.

–Người cố gắng nói ra hai câu chót, ta tình nguyện đem thân tôi bố thí cho người.

–Đã nói thì phải giữ lời, ông không được hối hận, nói mà không giữ lời.

–Người tu hành không nói láo, nhưng ta có một điều kiện: Sau khi người nói xong hai câu kệ, để ta khắc trên cây, lưu truyền cho người sau, sau đó mới đem thân này cúng cho người.

–Được rồi, tôi sẽ mãn nguyện ông.

Thế rồi quý la sát liền nói ra hai câu kệ chót: *Sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc*. Vị đạo nhân liền lập tức khắc bài kệ trên cây cổ thụ. Lại nghĩ, khắc trên đá thời gian có thể lâu dài khiến cho người sau y pháp tu hành, bèn yêu cầu quý la sát đợi thêm một chút. Quý la sát nhìn thấy vị đạo nhân thành tâm như thế, liền đồng ý nói:

–Ông khắc nhanh lên một chút, tôi thực đói không chịu nổi rồi.

Ngài liền khắc trên đá mười sáu chữ: "Chư hành vô thường, thị sinh diệt pháp, sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc." Sau khi khắc xong bèn nói với quý la sát: "Ta đã hoàn thành tâm nguyện, mời người đến ăn thịt ta đi!" Nói xong nhắm mắt tịnh tọa không một chút sợ sệt, nhất tâm cúng dường. Cho nên nói: *Vi thiện tối lạc*, vị đạo nhân trong tâm an lạc vô cùng, xem cái chết như sự trở về. Đợi rất lâu, không thấy quý la sát hành động, mở mắt nhìn la sát quý đã bay lên hư không. Trên không trung hiện ra thân trời – thì ra thiên nhân đến thử thách lòng thành cầu pháp của Ngài.

*

Sư nói: "Bởi cố nào mà người sanh nghi?"

Bạch: "Cả thầy chúng sanh đều có hai thân là sắc thân và Pháp thân. Sắc thân không thường tồn có sanh có diệt. Pháp thân là thường tồn,

không hay không biết (vô tri vô giác). Kinh nói: ‘Sanh diệt dứt rồi, vắng lặng là vui.’ Chẳng biết thân nào vắng lặng, còn thân nào hưởng sự vui? Nếu là sắc thân, thì lúc sắc thân tiêu diệt, bốn đại rã tan, toàn nhiên là khổ. Mà khổ thì không thể nói vui được. Còn nếu là Pháp thân, thì Pháp thân là vắng lặng, tức là giống như loài cỏ cây ngói gạch. Thế thì cái chi hưởng sự vui? Lại pháp tánh là cái thể của sự sanh diệt, năm uẩn là cái dụng của sự sanh diệt. Một cái thể năm cái dụng, sanh diệt là thường: Sanh là do thể mà khởi ra dụng, diệt thì tiêu dụng về thể. Nếu chịu sanh trở lại, tức là loài hữu tình, tâm niệm chẳng dứt chẳng tắt. Còn nếu chẳng chịu sanh trở lại, thì về cảnh giới vắng lặng (tịch diệt) đời đời, đồng với vật không tình (vô tình). Thế thì các pháp đều bị Niết Bàn ngăn chế (cấm phục), còn chẳng đặng sanh, có gì là vui?"

Giảng:

Lục Tổ Đại sư hỏi:

–Bài kệ tụng này rất rõ ràng ông có nghi hoặc gì?

Chí Đạo nói:

–Tất cả chúng sanh, đều có hai loại thân thể, một loại là sắc thân – có hình có sắc, một loại là Pháp thân – vô hình vô tướng. Sắc thân thuộc về vô thường, nó có sanh có diệt, mà Pháp thân thì thường trụ, cũng không có tri giác. *Kinh Niết Bàn* nói: "Sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc," con không biết thân nào là tịch diệt, thân nào thọ lạc. Là sắc thân tịch diệt, mà Pháp thân thọ lạc? Hay là Pháp thân tịch diệt, sắc thân thọ lạc?

Nếu sắc thân thọ lạc, sắc thân sau khi diệt, người chết đi thì tứ đại đất nước lửa gió phân tán, đó toàn là cảnh giới khổ, khổ không thể bàn, thì không thể gọi là lạc.

Nếu Pháp thân tịch diệt, Pháp thân thì giống như cây cối đá gạch, có cái nào thọ lạc? Lại pháp tánh là bốn thể của sanh diệt; ngũ uẩn – sắc, thọ, tưởng, hành, thức – là dụng của sanh diệt. Trong một cái bốn thể của pháp sanh ra năm loại dụng, nếu sanh diệt là thường, nếu từ pháp thể sanh ra năm loại dụng này, đến lúc diệt, thì nhiếp năm dụng này mà quy hoàn pháp thể. Nếu nó lại sanh, đạo lý này chính là tất cả muôn loài hữu tình, không đoạn không diệt tức là thường. Nếu không cho phép nó sanh ra lần nữa, thì vĩnh viễn quy về tịch diệt, giống như những vật vô tình cây cỏ đá gạch. Nếu như vậy, thì tất cả chư pháp đều bị Niết Bàn chế phục cấm chỉ, biến thành đoạn diệt, ngay thác sanh cũng không được tự do, thì có gì an lạc?

*

Sư nói: Ông là con nhà Thích (Phật), sao tập theo chỗ tà kiến (đoạn kiến và thường kiến) của ngoại đạo mà bàn qua pháp tối thượng thừa? Cứ theo chỗ ông nói, thì ngoài cái sắc thân riêng có cái Pháp thân, là chỗ sanh diệt cầu nơi tịch diệt, lại nghĩ cảnh Niết Bàn là thường vui, nói rằng có cái thân thọ dụng. Ấy là cố chấp — tiếc thương chỗ sống chết, quá nhiễm sự vui sướng ở thế gian.

Ông nay phải biết Phật thấy cả thấy các người mê muội, nhận năm uẩn hòa hiệp làm các tướng của thân mình, phân biệt cả thấy các pháp là các tướng của thế gian ở ngoài, ưa sống ghét chết, niệm niệm đổi đời, chẳng biết sự mộng huyễn giả dối, luống chịu sanh tử luân hồi, lấy cảnh thường vui Niết Bàn đổi lại làm trạng tướng khổ não và trọn ngày chỉ cầu ở ngoài.

Vì đó Ngài mới động lòng thương xót mà chỉ cái thiệt vui của Niết Bàn (Niết Bàn chơn lạc), trong một sát na không có tướng sanh, trong một sát na không có tướng diệt, lại cũng không có sự sanh diệt gì mà nên tắt dứt. Ấy là cái tâm vắng lặng (tịch diệt) hiện ra rõ ràng. Đương lúc cái tâm vắng lặng hiện ra rõ ràng, cũng không nghĩ tới chỗ hiện ra đó. Ấy gọi là thường vui (thường lạc).

Sự thường vui ấy không có thọ cảm, cũng không có chỗ chẳng thọ cảm, há có cái tên một thể năm dụng sao? Hà huống lại nói Niết Bàn ngăn chế các pháp, khiến cho đời đời chẳng sanh! Ấy là nhạo Phật báng Pháp vậy.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói:

–Ông là đệ tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lại là một người xuất gia, tại sao lại tu tập tà thuyết của ngoại đạo? Sao lại tu tập tà kiến tà tri chấp thường chấp đoạn của ngoại đạo mà đàm luận Phật pháp tối thượng thừa? Căn cứ đạo lý mà ông nói tức ngoài sắc thân lại có Pháp thân, ly khai sanh diệt lại có một cái tịch diệt, ông đi tìm đạo lý Niết Bàn thường lạc ngã tịnh, nói có thân thọ dụng cái lạc này, phải không?

Kiến giải của ông là chấp trước sanh tử, trầm trệ vào chỗ này, không muốn xả bỏ khoái lạc thế gian, mà không biết cái an lạc xuất thế. Tôi nay vì ông thuyết giảng, ông cần biết, người mê hiểu lầm ngũ ấm hòa hợp là thể tướng của mình, họ phân biệt tất cả pháp là trần tướng bên ngoài, và muốn sanh sợ chết, *niệm niệm sống trong chấp trước, không biết tất cả đều là mộng huyễn bào ảnh, đều là hư giả không thực, cho nên trong lục đạo luân hồi uổng thọ sanh sanh tử tử*, mà suy luận đo lường thường lạc ngã tịnh, Niết Bàn diệu đức, ngược lại cho là khổ tướng, nên suốt ngày giông ruổi bên ngoài tìm cầu. Đức Phật vì thương xót loại chúng sanh này, cho nên chỉ dạy cái vui chân chánh của Niết Bàn. Chính trong *sát na* – thời gian rất ngắn, không có tướng sanh; trong *sát na* cũng không có tướng diệt, vốn trong cái sanh diệt cũng không có tướng diệt. Lúc đó trong sanh diệt, liền có cảnh giới không sanh diệt hiện tiền. Lúc tịch diệt hiện tiền cũng không có suy tưởng đo lường hiện tiền – tức không có tướng tịch diệt rộng lớn bao nhiêu, đó chính là thường lạc. Hoàn toàn không có ai thọ lạc, cũng không có một cái không thọ lạc. Tại sao vậy? Đó chính là bốn lai tự tánh hiện tiền. Sao lại có một

cái pháp thể, sao lại có năm cái dụng của ngũ uẩn? Hà huống, như lời ông nói, Niết Bàn cấm chế chư pháp khiến nó vĩnh viễn không sanh? Đây là tri kiến bất chánh của ông. Nếu ông nói như thế, thì đó là loại kiến giải sai lầm hủy báng Phật pháp.

*

Hãy nghe ta kể:

Vô thượng Đại Niết Bàn chí diệu,

Thanh tịnh thường tịch chiếu viên minh.

Kẻ phàm phu gọi chết hết sinh,

Người ngoại đạo chấp tin rằng dứt (đoạn diệt).

Tìm đạo pháp, Nhị thừa các bậc,

Bỏ mọi điều gọi thật Vô vi.

Thầy thuộc tình độ lượng mê si,

Sáu hai (62) giống gốc thì tà kiến.

Ấy giả lập có tên cùng tiếng,

Đâu phải là thật diệu nghĩa chơn.

Chỉ có hàng trí huệ cao hơn,

Mới thông suốt không còn chấp bỏ.

Cả năm uẩn phép kia biết rõ,

Đến cái ta trong đó cũng thông.

Sắc tượng ngoài ứng hiện muôn trùng,

Âm thanh tướng khắp cùng động biến.

Xem bình đẳng lòng không xao xuyên,

Kể như là mộng huyễn hư không.

Thấy thánh phàm, chẳng khởi hai lòng,

Niết Bàn cũng quyết không bàn giải.

Việc quá khứ, vị lai, hiện tại,

Hữu vô đồng cả thấy dứt trừ.

Lục căn thường ứng dụng như như,

Mà ý chẳng tưởng tư ứng dụng.

Các pháp tướng, biện phân rõ đúng,

Mà ý không có tưởng biện phân.

Lửa kiếp thiêu đáy biển khô khan,

Gió rung núi chọi tan nát nghìn.

Ấy tịch diệt chơn thường lạc hiện,

Thế mới là thật diệu Niết Bàn.

Vốn ta nay gượng nói rõ ràng,

Dạy người phải phá tan tà kiến.

Lời ta nói chớ đem luận biện,

Mở tánh người tri kiến chút thôi.

Chí Đạo nghe kệ rồi, tâm tánh tỏ sáng, không xiết vui mừng, bèn làm lễ lui ra.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói:

–Hãy nghe bài kệ của tôi:

Đại Niết Bàn chí cao vô thượng là viên mãn, quang minh, thường hằng bất biến, tịch mà thường chiếu. Kẻ phàm phu ngu muội gọi đó là chết rồi, kẻ ngoại đạo chấp cho là diệt. Nhị thừa Thinh văn Duyên giác cho rằng nó không có tạo tác. Trên đây, bất luận nó là chấp đoạn, hoặc chết, hoặc không sở tác, đều là dùng nghi tình phàm phu đánh giá, phân biệt, đó đều thuộc căn bốn sáu mươi hai kiến.

Cái gì gọi là sáu mươi hai kiến? Đó chính là trong ngũ uẩn, mỗi uẩn lại chia thành bốn loại, năm nhân bốn là hai mươi. Hiện tại hai mươi, quá khứ hai mươi, vị lai hai mươi, cộng thành sáu mươi kiến, thêm vào hai kiến *thân* và *thần*, mà thành ra sáu mươi hai loại biên kiến đoạn, thường, có, không.

Mỗi uẩn phân làm bốn loại, tức là:

1. Uẩn lớn, ngã ở trong.
2. Ngã lớn, mà uẩn ở trong ngã.
3. Uẩn tức là ngã.
4. Ngã ly khai uẩn.

Sáu mươi hai kiến này đều là giả danh do hư vọng lập ra. Chỉ có người vượt qua tư lượng (suy lường) của phàm phu nhị thừa ngoại đạo, người này mới có thể thông đạt Pháp tướng, không thủ không xả mà có thể chân thực biết pháp ngũ uẩn – sắc, thọ, tưởng, hành, thức và ngã trong ngũ ấm, và mọi sắc tượng hiện bên ngoài ngã, cùng với tất cả tướng âm thanh, đều là bình đẳng như mộng huyễn bào ảnh. Cũng không khởi kiến giải phàm phu, cũng không khởi cái thấy biết của thánh nhân, cũng không đưa ra sự giải thích Niết Bàn an lạc. Người này không lạc vào hai bên cũng không chấp vào không, cũng không chấp vào có. Tam tế là quá khứ tế, hiện tại tế, vị lai tế. Người này cũng không chấp vào quá khứ hiện tại vị lai.

Tự tánh Chân như thường năng tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, ứng dụng vô cùng, tức là có thể ứng cái dụng mọi căn mà không cùng tận. Nhưng cũng không sanh ra tôi có cái tướng của *dụng*. Và cũng không có tâm phân biệt chư pháp. Cũng không khởi cái tướng *tôi không có phân biệt*. Nếu ông vẫn còn có cái tướng *không khởi phân biệt*, đó vẫn còn có tướng phân biệt, cần phải ngay tướng phân biệt cũng không còn.

Kiếp hỏa, tức tam tai khi khởi có hỏa tai, có thể đốt khô cả đại dương. Lúc phong tai khởi thì có thể làm cho các hòn núi đập vào nhau. Nếu ông có thể đạt đến cái vui chân thường tịch diệt, tướng Niết Bàn giống như trên đã nói, bất luận tam tai khởi lên, cũng không có liên quan gì đến ông. Nay tôi miễn cưỡng thuyết pháp này, khiến cho ông bỏ đi tà tri kiến giải của ông. Ông không nên theo văn tự mà giải thích kinh điển, như thế chỉ có thể lĩnh ngộ một phần nào kinh điển mà thôi.

Chí Đạo sau khi nghe Lục Tổ Đại sư giảng xong bài kệ lập tức đại ngộ, vui mừng nhảy nhót, khấu đầu đánh lễ mà lui về một bên.

*

Hành Tư Thiền Sư, con nhà họ Lưu, sanh trưởng tại huyện An Thành, phủ Kiệt Châu, nghe pháp tịch Tào Khê khai hóa thành hành, bèn đến

làm lễ Đại sư mà hỏi rằng: "Tu hành, phải làm theo pháp nào, mới khỏi lạc vào giai cấp?"

Sư nói: "Người từng làm theo pháp nào?"

Bạch: "Pháp Thánh-đế, tôi cũng chẳng làm theo đó."

Sư nói: "Lạc vào giai cấp nào?"

Bạch: "Pháp Thánh-đế còn chẳng làm theo, thì đâu có giai cấp!"

Đại sư rất trọng người lợi căn, bảo Hành Tư làm đầu đại chúng. Một ngày kia Đại sư kêu Hành Tư mà dạy rằng: "Người phải tách ra, đi hóa độ một phương, đừng để mỗi Đạo đoạn tuyệt."

Hành Tư đã đắc pháp, bèn trở về núi Thanh Nguyên, phủ Kiết Châu, mà hoằng hóa độ sanh. Sau khi tịch, người được tặng là Hoằng Tế Thiên Sư.

Giảng:

Ngài Hành Tư vừa đi đường vừa suy tư, suy tư điều gì? Ngài Tư suy tư: Niệm Phật là ai? Ai đang niệm Phật?

Cho nên gọi Ngài là Thiên sư Hành Tư.

Ngài là người huyện An Thành, tỉnh Kiết Châu, họ Lưu. Lúc đó đạo phong tại đạo trường Tào Khê, vang rền khắp nơi, ai ai cũng biết, người kế thừa Ngũ Tổ Đại sư là Lục Tổ Đại sư đang ở Tào Khê hoằng dương Phật pháp, pháp tịch thanh hành, mỗi ngày có mấy ngàn người đến độ trai, người thì là như vậy – *lưu hư bồng thạnh*. Lưu hư tức là chỗ của quý vị không có người, họ liền chạy mất. Giống như chỗ chúng ta ở đây có mấy chục người, nếu chỉ lưu lại năm ba người, thì người người đều bỏ đi mất. Bồng thạnh, chẳng

hạn như nghe nói Phật Giáo Giảng Đường có rất nhiều người, ngay "kẻ Hippý" đến đây cũng cạo bỏ râu tóc, thật không thể nghĩ bàn, mọi người mau chóng đi xem! Mọi người ùn ùn kéo đến càng ngày càng đông. Lúc đó ở chùa Nam Hoa mọi người đều đi bồng thạnh. Pháp tịch thạnh hành cũng có thể gọi bồng thạnh, cũng có thể sửa là bồng thánh (thánh hiền), vì Lục Tổ là bậc thánh, Tổ Sư cho nên mọi người đến đó ủng hộ Ngài. Thiền Sư Hành Tư nghe người ta nói như thế – Lục Tổ Đại sư thật bất khả tư nghì a! Ngài có ngũ nhãn lục thông, bất luận trong tâm ông nghĩ cái gì, lúc chưa mở miệng Ngài đã hỏi trước rồi. Cho nên Thiền Sư Hành Tư cũng đến khấu đầu đánh lễ, tiếp theo liền thưa hỏi Đại sư:

–Nên tu pháp môn gì, mà không lạc vào giai cấp? Giai cấp chính là tiệm pháp. Cần phải tu pháp gì mới là đốn pháp?

Lục Tổ Đại sư hỏi:

–Lúc trước ông làm gì? Ông đến đây muốn cầu cái gì?

Đại sư Hành Tư nói:

–Con đối với Tứ Thánh Đế – khổ, tập, diệt, đạo –đều quên hết rồi, không làm nữa.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Thánh-đế ông cũng không làm, vậy lạc vào giai cấp nào?

Đại sư Hành Tư trả lời:

–Con đối với Thánh-đế còn không làm, vậy thì có giai cấp gì nữa?

Lục Tổ Đại sư vừa nghe liền biết Hành Tư nhất định có bản lãnh, có thiên căn không phải người tầm thường, vì thế đối đãi đặc biệt, xem Hành Tư là bậc long tượng pháp môn, là người có thể kế thừa làm Tổ Sư. Lục Tổ Đại

sư liền bảo Ngài làm thủ tọa đại chúng – hướng dẫn đại chúng lên chánh điện tụng kinh, quá đường, tọa hương. Một ngày nọ Lục Tổ Đại sư nói với Ngài Hành Tư rằng:

–Ông không nên ở chỗ tôi, cần nên đến chỗ khác làm vị Tổ giáo hóa, không nên để cho Phật pháp đoạn diệt.

Sau khi Đại sư Hành Tư được Lục Tổ Đại sư truyền cho pháp diệu tâm ấn, liền trở về núi Thanh Nguyên, Kiệt Châu, hoằng dương Phật pháp, thiệu long Phật chúng. Vua Hỷ Tông thời Đường truy phong là Hoằng Tế Thiên sư.

*

Hoài Nhượng Thiên Sư, con nhà họ Đỗ, ở huyện Kim Châu, ban sơ đến viếng An quốc-sư ở núi Tung Sơn, An quốc-sư gọi Thiên sư qua Tào Khê viếng Huệ Năng Lục Tổ. Hoài Nhượng đến làm lễ.

Sư hỏi rằng: "Ở xứ nào đến đây?"

Bạch: "Núi Tung sơn."

Sư hỏi: "Vật gì? Làm sao đến?"

Bạch: "Nói giống một vật là không trúng."

Sư nói: "Còn tu chứng, phải chăng?"

Bạch: "Tu chứng thì chẳng phải là không có, còn nhiệm trước thì không đặng."

Sư nói: "Chỉ có sự chẳng nhiệm trước ấy là chỗ hộ niệm của chư Phật vậy. Người đã như thế, ta cũng như thế. Đức Bát-Nhã Đa-La bên Tây Thiên-trúc có lời sấm rằng: ‘Dưới chơn người sẽ sanh ra một con ngựa

tơ mạnh mẽ đập chết người trong thiên hạ.’ Đó là điềm ứng tại tâm người, chẳng cầu vói nói."

Hoài Nhượng Thiên Sư liên suốt thông, hiểu rõ điều ấy, mới theo Đại sư hầu hạ mười lăm năm, một ngày kia đạt được chỗ huyền áo. Sau Thiên Sư qua núi Nam Nhạc, mở rộng cửa Thiên tông. Sau viên tịch rồi, người được sắc phong là Đại Huệ Thiên Sư.

Giảng:

Hoài là hoài niệm, Nhượng là khiêm nhường, vị Thiên sư này đối với ai cũng đều không có tâm cống cao, Ngài rất từ bi hạ mình, khiêm nhường cung kính. Trong tâm Ngài thường hoài niệm niềm cung kính, đối với bất cứ người nào cũng đều lịch sự lễ độ, có dường như không, thực như hư. Thiên sư là người Kim Châu, con nhà họ Đỗ. Ban đầu yết kiến An Quốc sư ở Tung Sơn học tập Phật pháp, nhưng Quốc sư An phái Ngài đến Tào Khê học Phật pháp, vì đương thời ai cũng biết Tào Khê là Phật pháp chánh tông. Giống như hiện nay người Mỹ muốn học Phật pháp chân chánh, thì phải nghiên cứu kinh điển, lại cần phải không sợ khổ, không sợ khó khăn, không làm biếng học tập Phật pháp. Lúc đó chùa Nam Hoa của Lục Tổ Đại sư cũng là mỗi ngày tọa thiền, làm công quả. Lúc đó công khóa rất nghiêm mật, sáng sớm ba giờ rưỡi thức dậy, bốn giờ công phu sáng, năm giờ tọa thiền, trời vừa sáng thì ăn cháo, sau đó lại ngồi thiền một giờ đồng hồ. Lúc này là khoảng tám giờ, liền bắt đầu chấp tác cho đến mười giờ. Chấp tác xong trở về nghỉ ngơi một giờ đồng hồ, mười một giờ thì độ ngo, độ ngo xong là ngồi thiền, mười hai giờ ngồi đến hai giờ. Hai giờ lại chấp tác đến bốn giờ. Làm xong trở về lại ngồi thiền, tụng kinh bái sám cho đến mười giờ đêm, có người dụng công đến mười hai giờ khuya. Mỗi người tự dụng công của mình, mỗi ngày đều như thế, đạo phong rất nghiêm cẩn, ai cũng phải cần giữ gìn giới luật quy củ, mấy ngàn người đồng tu tập mà không nghe một tiếng nói chuyện. Tại sao vậy? Vì nói chuyện sẽ có nhiều vọng

tưởng không được chuyên tâm dụng công. Lúc đó đạo trường của Lục Tổ Đại sư nghiêm khắc như thế, cho nên Thiền sư Hoài Nhượng cũng đến nhập chúng tu hành. Sau khi được Thầy Tri khách dẫn đến yết kiến Lục Tổ, Thiền sư liền khấu đầu lễ bái.

Lục Tổ hỏi:

–Cái gì đến?

Thiền tông hay dùng cơ phong, không giảng đạo lý, vốn là người đến Ngài lại hỏi: Cái gì đến? Vốn là thầy Tăng đến, mà Lục Tổ Đại sư lại hỏi cái gì đến.

Thiền sư Hoài Nhượng trả lời:

–Con từ Tung Sơn đến.

Lục Tổ Đại sư hỏi:

–Vật gì? Làm sao đến?

Đây là lời của thiền tông. Thiền sư Hoài Nhượng vừa nghe liền hiểu rõ, nói:

–Nếu nói là một vật thì không trúng.

Lục Tổ Đại sư hỏi:

–Ông nói một vật thì không thể được, vậy vẫn còn sở tu sở chứng chăng?

Đáp:

–Tu thì có sở tu, chứng thì có sở chứng, tu chứng thì có, nhưng nhiễm ô thì không thể được, đó chính là trong tự tánh cần phải quang minh sáng suốt.

Lục Tổ Đại sư nghe Thiền sư Hoài Nhượng nói như thế, liền nói:

–Cái không nhiễm ô, chính là diệu pháp mà Chư Phật hộ niệm. Ông đã được như thế, tôi cũng là như thế, không thể ô nhiễm, tự tánh cần thanh tịnh. Tự tánh ô nhiễm chính là tâm phan duyên, tâm tật đố, tâm chướng ngại, tâm tham, tâm sân, tâm si, vô minh, nếu những thứ này đều không còn, thì không còn ô nhiễm.

Lục Tổ Đại sư lại nói:

–Pháp sư Ấn Độ Bát-Nhã Đa-La có lời dự đoán, môn hạ Thiên sư Hoài Nhượng có một con ngựa tơ, *Thiên sư Mã Tổ Đạo Nhất*, sẽ đạp chết người trong thiên hạ, đó là dụ cho biện tài của Ngài vô ngại, trí huệ rộng lớn, khiến cho các Pháp sư khác đều bị nhiếp phục mà vui mừng thành phục. Dự đoán này ứng vào thân ông, ông không nên gấp nói pháp, nên đợi đúng thời cơ.

Thiên sư Hoài Nhượng nghe Lục Tổ Đại sư nói như thế liền kế hiệp ý của Lục Tổ, vì thế bèn ở bên cạnh Lục Tổ Đại sư làm thị giả hơn mười năm, sở ngộ đạo lý càng ngày càng sâu. Sau đó liền đến núi Hành Sơn, Nam Nhạc, Hồ Nam, xiển dương yếu nghĩa thiên tông. Ngày mười một tháng tám Thiên Bảo năm thứ ba viên tịch tại Hành Sơn, Nam Nhạc, triều đình truy tặng là Thiên sư Đại Huệ.

*

Thiên Sư Huyền Giác ở Vĩnh Gia, họ Đới, quê ở Ôn Châu, thuở nhỏ tập kinh luận, chuyên về pháp môn Chỉ Quán của tông Thiên Thai, nhân xem kinh Duy Ma Cật phát minh được tâm địa; chợt gặp đệ tử của Tổ là Huyền Sách thăm hỏi, cùng bàn chuyện sôi nổi, mà mỗi lời nói ra đều thâm hợp với chư Tổ. Huyền Sách hỏi: "Nhân giả được pháp nơi Thầy nào?"

Huyền Sách đáp: "Tôi nghe kinh luận Phương Đẳng, mỗi chỗ đều có Thầy truyền thừa, sau nơi Kinh Duy Ma Cật ngộ được Phật tâm tông

mà chưa có người chứng minh."

Huyền Sách bảo: "Từ đức Phật Oai Âm Vương về trước tức được, từ Phật Oai Âm Vương về sau, không thầy mà tự ngộ trọn là thiên nhiên ngoại đạo."

Huyền Giác nói: "Xin nhân giả vì tôi chứng minh."

Huyền Sách bảo: "Chỗ tôi nói e còn sơ thất. Ở Tào Khê có Lục Tổ Đại Sư, bốn phương đều quy tụ nơi đó mà thọ pháp với Ngài. Nếu như nhân giả muốn đến, thì tôi cũng đi với."

Giảng:

Vĩnh Gia là tên đất, vì người tôn kính vị Pháp sư này, cho nên xưng Vĩnh Gia. Kỳ thực Huyền Giác là tên Ngài, Ngài sinh ở huyện Vĩnh Gia, Ôn Châu, họ Đới. Thời niên thiếu Ngài nghiên cứu kinh Phật và các bài luận do các Tổ Sư thuyết ra, đối với pháp môn Chỉ Quán của tông Thiên Thai rất tinh thông, sau xem Kinh Duy Ma mà hiểu rõ pháp môn tâm địa.

Một hôm gặp đệ tử của Lục Tổ Đại sư là Thiền sư Huyền Sách thăm hỏi, liền cùng với Đại sư Huyền Sách đàm luận Phật pháp, đạo lý đàm luận cùng với những lời các vị Tổ Sư nói đều tương hợp, bèn cho rằng Ngài là người cùng tông phái với mình. Đại sư Huyền Sách hỏi:

–Đại sĩ! Ngài đắc pháp, ai vì Ngài chứng minh? Ở đâu đắc pháp?

Thiền sư Huyền Giác nói:

–Tôi lúc trước nghe Kinh Luận Phương Đẳng, đều là nghe các vị Pháp sư giảng, đều có sự truyền thừa của mỗi vị mà không phải tự tôi học tập, sau đó tôi xem *Kinh Duy Ma*, liễu ngộ pháp môn tâm ấn của Phật, nhưng chưa có Đại đức ấn chứng cho tôi.

Thiền sư Huyền Sách nói:

–Ngài tự mình xem *Kinh Duy Ma* mà hiểu rõ, nếu trước thời Oai Âm Vương (vị Phật thứ nhất) thì có thể được, nhưng sau thời Oai Âm Vương, nếu không có Sư phụ truyền pháp môn và ấn chứng cho Ngài, đó đều gọi là thiên nhiên ngoại đạo, không phải là Phật giáo.

Hiện nay có mấy người tự xưng là mình đã khai ngộ, tự mình ấn chứng cho mình, thì giống như trên đây đã nói, đều là ngoại đạo. Ở nước Mỹ có vài người giảng Lục Tổ Đàn Kinh, khi giảng đến đoạn này không biết giải thích như thế nào. Oai Âm Vương, ý nói âm thanh của Ngài có thể phát ra rất xa, cũng có thể nói là bốn địa phong quang (Chân tâm, Phật tánh), và đó cũng chính là bốn xứ.

Huyền Giác nghe nói là thiên nhiên ngoại đạo bèn nói:

–Nay thỉnh như giả ấn chứng cho tôi.

Thiền sư Huyền Sách nói:

–Tôi không thể ấn chứng cho Ngài, tôi không đủ tư cách, lời nói ra không đủ phân lượng. Nói cách khác chính tôi chưa chắc đã khai ngộ làm sao có thể ấn chứng cho Ngài? Ở Chùa Nam Hoa Tào Khê có Lục Tổ Đại sư, xa gần đều nghe tiếng, cho nên người cầu pháp ở bốn phương tám hướng, đều vân tập ở đó, lại nữa Ngài là vị Tổ Sư kế thừa y bát. Nếu Ngài muốn thỉnh Lục Tổ Đại sư ấn chứng cho Ngài, tôi có thể cùng Ngài đi đến đó.

*

Cả hai đồng đến viếng Lục Tổ. Huyền Giác nhiễu Tổ Sư ba vòng, rồi chống tích trượng mà đứng.

Đại sư nói: "Phàm làm thầy Sa-môn thì phải giữ đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh. Đại Đức ở phương nào tới đây mà sanh lòng ngã

mạn lớn vậy?"

Huyền Giác bạch: Sanh tử là việc lớn, sự vô thường là mau chóng."

Sư nói: "Sao không hiểu rõ cái vô sanh và thấu suốt cái không mau chóng?"

Bạch: "Đã hiểu rõ tức vô sanh, thấu suốt rồi thì vốn không có mau chóng."

Sư nói: "Như thế, như thế!"

Huyền Giác mới dùng đủ oai nghi mà lễ bái, kể một lát xin cáo từ.

Sư nói: "Sao trở về chóng vậy?"

Bạch: "Cái tánh bỗng lai tự nó chẳng phải động, há có chỗ chóng sao?"

Sư nói: "Ai biết nó chẳng phải động?"

Bạch: "Nhơn giả tự sanh lòng phân biệt."

Sư nói: "Người rất đặng cái ý vô sanh."

Bạch: "Vô sanh hà có ý sao?"

Sư nói: "Không có ý thì lấy chi mà phân biệt?"

Bạch: "Phân biệt cũng chẳng phải là ý."

Sư nói: "Hay thay! Hãy ở lại đây ít nữa là một đêm."

Lúc bấy giờ gọi là "Một Đêm Giác." Sau Vĩnh Gia Huyền Giác Thiền Sư có làm "Bài Ca Chứng Đạo (Chứng Đạo Ca)", truyền bá ở thế gian rất thịnh hành. Sau khi tịch, người được sắc tặng là Vô Tướng Đại Sư.

Lúc bấy giờ người ta xưng là Chơn Giác Thiền Sư.)

Giảng:

Vì thế, Huyền Giác cùng với Huyền Sách đi đến Chùa Nam Hoa tham lễ Lục Tổ. Sau khi đến, Huyền Giác tay cầm tích trượng nhiều bên phải Lục Tổ Đại sư ba vòng. Sau đó mới chống tích trượng mà đứng, giống như nổi giận vậy.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Ông là Sa Môn, là người xuất gia, cần phải đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh (tức quá khứ một ngàn, hiện tại một ngàn, vị lai một ngàn. Cái gì gọi là một ngàn? Đi, đứng, nằm, ngồi mỗi mỗi đều có hai trăm năm mươi oai nghi, hợp lại là một ngàn. Tám muôn tế hạnh vốn là tám vạn bốn ngàn tế hạnh). Đại Đức ông từ đâu đến? Tại sao sanh ra ngã mạn lớn như thế?

Ý nói Huyền Giác không có đánh lễ Lục Tổ, cống cao ngã mạn.

Huyền Giác ứng đáp:

–Tại sao con phải như vậy? Vì sanh tử là việc lớn nhất quan trọng nhất mà quỷ vô thường không biết đến lúc nào.

Ý nói tôi là người dụng công, chỉ biết dụng công liễu thoát sanh tử, làm gì có thời gian hành lễ? Những cái khác đều buông bỏ không để ý đến.

Lục Tổ Đại sư hỏi:

–Tại sao ông không minh bạch cái vô sanh mà liễu ngộ đạo lý vô thường tấn tốc?

Thiền sư Huyền Giác trả lời:

–Tôi đã hiểu rõ rồi thì không còn sanh tử nữa! Tôi đã sáng suốt thì cũng không còn sự mau chóng nữa, vậy sao lại sợ quỷ vô thường mà làm gì? Căn bản vốn là không có!

Lục Tổ Đại sư vừa nghe, biết Huyền Giác đã hiểu pháp liền ấn chứng rằng:

–Như thế! Như thế! Ông dụng công như thế là đúng rồi.

Thiền sư Huyền Giác sau khi được Lục Tổ Đại sư ấn chứng, liền chỉnh đốn y phục, cụ túc oai nghi đánh lễ Lục Tổ Đại sư, trong chốc lát liền cáo từ ra đi.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Ông không nên về nhanh quá vậy, ở đây vài ngày.

Thiền sư Huyền Giác trả lời:

–Con vốn không có động, vốn không có đến, cũng không có đi thì làm gì có cái "nhanh"?

Ngài đang cùng với Lục Tổ Đại sư dụng cơ phong.

Lục Tổ Đại sư lại hỏi:

–Cái gì biết không động? Biết không có đến, không có đi là cái gì? Là ai?

Thiền sư Huyền Giác trả lời:

–Đó là nhân giả sanh ra cái tâm phân biệt.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Ông rất biết nói, ông nói ra đều hợp ý vô sanh, lời ông nói ra rất diệu, cũng rất thông minh.

Thiền sư Huyền Giác nói:

–Đã là vô sanh, thì từ đâu có cái ý? Đã vô sanh rồi tại sao lại có cái ý nữa?

Lục Tổ Đại sư nói:

–Vô sanh không có ý, vậy thì ai phân biệt?

Thiền sư Huyền Giác nói:

–Tuy có phân biệt, nhưng không có "ý" phân biệt. Không phải ý phân biệt, thì là cái gì? Đó là Diệu Quán Sát Trí sanh ra, cho nên nói: "Phân biệt tức không phải là ý."

Lục Tổ Đại sư nghe Thiền sư Huyền Giác nói về đạo lý vô sanh sâu sắc như thế, vui mừng nói:

–Ông thuyết rất hay!

Vì thế lưu Huyền Giác lại một đêm. Đương thời Phật giáo có điển cổ "nhất tức giác," chính là nguồn gốc từ đây, tức là ở lại một đêm liền được khai ngộ. Sau đó Huyền Giác Đại sư trước tác bài "*Chứng Đạo Ca*," thành hành ở đời. Sau khi viên tịch, triều đình truy tặng là Vô Tướng Đại sư, đương thời tôn xưng Ngài là Thiền sư Chân Giác.

*

Thiền giả tên Trí Hoàng ban sơ đến viếng Ngũ Tổ, tự cho mình đã được chánh thọ. Người ngồi trường trong am trọn hai mươi năm.

Đệ tử của Đại sư là Huyền Sách đi du phương đến Hà Sóc, nghe danh Trí Hoàng cất am, bèn tìm mà hỏi rằng: "Thầy làm gì ở đây?"

Trí Hoàng đáp: "Nhập định."

Huyền Sách nói: "Thầy nói nhập định, nhưng hữu tâm mà nhập hay vô tâm mà nhập? Nếu vô tâm mà nhập, thì cả cỏ cây loài vô tình như cây cỏ ngói gạch cũng định được. Còn nếu hữu tâm mà nhập, thì các loài hữu tình hàm thức cũng định được."

Trí Hoàng nói: "Chánh tôi lúc nhập định, không thấy có cái tâm hữu vô."

Huyền Sách nói: "Không có cái tâm hữu vô tức là thường định, nào có xuất nhập! Nếu có xuất nhập tức chẳng phải là Đại định."

Trí Hoàng không trả lời được. Một hồi lâu hỏi rằng: "Thầy của nhơn giả là ai?"

Huyền Sách đáp: "Thầy tôi là Lục Tổ ở Tào Khê."

Trí Hoàng hỏi: "Lục Tổ lấy pháp gì làm Thiên định?"

Huyền Sách nói: "Cứ theo chỗ thầy tôi nói: ‘Thiên định là tánh thật trong sạch, hoàn toàn vắng lặng, thể dụng như như, năm uẩn vốn không, sáu trần chẳng có, không xuất không nhập, không định không loạn. Tánh thiên không trụ (ở một chỗ nào), lìa cái niệm tưởng về chỗ trụ thiên. Tánh thiên không sanh, lìa cái niệm tưởng về chỗ sanh thiên. Tâm như hư không nhưng không có cái lượng của hư không.’"

Giảng:

Thiền sư Trí Hoàng, ban đầu tham bái Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn. Người tu đạo từ xưa đến nay, tầm sư hỏi đạo, tham bái Thiện tri thức, cần tìm những vị minh nhân Thiện tri thức mà nương theo học tập. Thiền sư Trí Hoàng tự xưng đã được chánh định, đắc được đạo lý chân chánh. Ngài trú trong một mái am tranh, tạm tránh gió tránh mưa, ngồi không năm đã có hơn hai mươi năm. Đệ tử của Lục Tổ Đại sư là Thiền sư Huyền Sách, Ngài đi khắp nơi

thay Lục Tổ Đại sư truyền đạo. Ngài đi các nơi tham vấn, đến Hà Sóc, Hà Bắc, nghe đến tên của Pháp sư Trí Hoàng, vì Pháp sư ngồi không năm hai mươi năm, rất nhiều người đều biết Pháp sư là người tu hành. Vì thế Huyền Sách đến am tranh của Pháp sư thăm hỏi:

–Ngài ở đây làm gì?

Trí Hoàng đáp:

–Ông hỏi tôi cái gì? Tôi ngồi đây nhập định.

Pháp sư Huyền Sách nói:

–Ông nhập định, thì tâm có niệm muốn nhập định, hay là không có niệm muốn nhập định? Nếu như ông nói: vô tâm nhập định, thì tất cả loài vô tình, không có tri giác, không có khí huyết như cây cỏ đá gạch đều có thể nhập định, nó cũng đều có thể đạt được cảnh giới nhập định. Nếu ông nói hữu tâm nhập định thì tất cả chúng sanh hàm thức hữu tình có khí huyết, có cảm tình đều đã được định.

Thiền sư Trí Hoàng trả lời:

–Lúc tôi đang nhập định, tôi không thấy tôi có tâm hữu vô, hoặc là có hữu tâm nhập định, hoặc là vô tâm nhập định, lúc này tôi đều không không.

Huyền Sách nói:

–Ông đã không thấy có tâm hữu vô, đó gọi là thường định, vậy ông xuất nhập đi đâu? Làm sao xuất định? Làm sao nhập định? Theo lời của ông thì không thấy có tâm hữu vô, đó chính là thường định! Nó không có xuất nhập thì làm sao lại sanh ra cái xuất nhập? Ông làm cái gì thế? Nếu có xuất nhập đó không phải đại định, không phải định do Phật, do Tổ thuyết.

Thiền sư Trí Hoàng nghe xong không trả lời được, suy gẫm rất lâu, nghĩ ra lời mình nói không có đạo lý đích xác, đạo lý của người khác nói có trí huệ hơn mình, dù suy nghĩ rất lâu cũng không trả lời được, liền hỏi:

–Sư phụ của ông là ai? Ai truyền pháp cho ông?

Thiền sư Trí Hoàng không nói việc khác vì thấy Huyền Sách biện tài vô ngại, vậy thì Sư phụ của ông ta nhất định càng thông minh hơn nữa.

Huyền Sách trả lời:

–Sư phụ của tôi là Lục Tổ Đại sư, Hòa Thượng phương trượng Chùa Nam Hoa ở Tào Khê.

Trí Hoàng hỏi:

–Lục Tổ Đại sư lấy cái gì làm thiền định?

Pháp sư Huyền Sách nói:

–Sư phụ tôi thường nói, bốn tánh là diệu tràm viên tịch bất động, dụng và thể của nó cũng như như bất động, liễu liễu thường minh. Ngũ ấm – sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vốn là không; lục trần – sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp vốn cũng không có. Định vốn không có xuất nhập, cũng không có định, cũng không có loạn. Sau khi ông hiểu rõ diệu dụng của bốn thể, thì biết tánh chất của thiền không có trụ, cũng không có rời trụ, nó ly khai chấp trước tịch diệt, nó ly khai loại thiền chết. Tự tánh thiền là vô sanh, cũng ly khai tưởng sanh thiền định. Tâm, tự tánh giống như hư không, nhưng cũng không có tư tưởng hư không.

*

Trí Hoàng nghe nói vậy, bèn đi ngay đến viếng Đại sư.

Sư hỏi rằng: "Nhơn giả ở đâu lại?"

Trí Hoàng thuật đủ duyên do đã kể trước.

Sư nói: "Quả thật như chỗ nói ấy. Tâm người chỉ cần như hư không, nhưng chẳng dính níu chỗ thấy không, ứng dụng thông suốt, không trở ngại, động tịnh đều vô tâm, phàm thánh đều quên dứt, tâm năng tâm sở đều diệt trừ, tánh tướng như như, thì không có lúc nào mà chẳng định?"

Trí Hoàng ngay lời này liền đại ngộ, xem lại chỗ sở đắc của mình trong hai mươi năm đều không có ảnh hưởng chi cả. Đêm ấy tại Hà Bắc, các quan dân nghe trên không trung có tiếng rằng: "Trí Hoàng Thiên Sư ngày nay đắc đạo!"

Sau Trí Hoàng làm lễ từ giả Đại sư, lại trở về Hà Bắc mà khai hóa tứ chúng.

Giảng:

Trí Hoàng nghe lời Huyền Sách nói, cảm thấy đạo lý Lục Tổ nói ra vô cùng tuyệt diệu liền đi theo Huyền Sách đến bái kiến Lục Tổ Đại sư.

Lục Tổ Đại sư hỏi:

–Nhân giả! Ông từ đâu đến?

Pháp sư Trí Hoàng liền kể cuộc vấn đáp giữa mình và Huyền Sách.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Đúng như ông nói, ông chỉ cần có tâm như hư không, nhưng cũng không được chấp *không kiến*, không nên có một cái không kiến trong tâm. Nếu ông được như thế thì ứng dụng vô ngại – việc đến thì ứng, việc đi thì tịnh.

Đi, đứng, nằm, ngồi đều không có tâm. Cũng không nên nghĩ tôi là phàm phu hoặc là thánh nhân, nên quên đi tư tưởng này. Cũng không có cái năng kiến, cũng không có cái sở kiến, cũng không có cái năng không, cũng không có cái sở không. Ông nên biết lúc thấy sáng, cái thấy không phải là sáng; lúc thấy tối, cái thấy không phải là tối; lúc thấy không, cái thấy không phải là không. Lúc thấy bí, cái thấy không phải là bí; lúc thấy có, cái thấy không phải là có; lúc thấy vô, cái thấy không phải là vô. Cho nên *Kinh Lăng Nghiêm* nói: "Thấy cũng ly khai thấy, cái thấy mà mình thấy thì không thể thấy." Tánh cũng như như, tướng cũng như như, được như thế thì lúc nào cũng ở trong định.

Trí Hoàng nghe Lục Tổ Đại sư thuyết như thế hoát nhiên đại ngộ, công phu hai mươi năm tu hành đều biến mất không để lại dấu vết nào. Vì hơn hai mươi năm, Trí Hoàng đều có cái tâm nhập định, nay cái gì cũng đều không, lại đắc bốn nguyên vạn pháp. Ngay trong đêm đó, tại trú xứ của Trí Hoàng ở Hà Bắc (mà Thiền sư nay ở Quảng Đông), học giả quan liêu dân chúng tín đồ và đệ tử quy y của Thiền sư Trí Hoàng đều nghe trong không trung có tiếng nói rằng: "Thiền sư Trí Hoàng hôm nay đã đắc đạo!" Đắc đạo tức là khai ngộ. Thiền sư Trí Hoàng cung kính hướng Lục Tổ Đại sư đánh lễ, sau đó trở về Hà Bắc giáo hóa tứ chúng đệ tử tại gia và xuất gia.

*

Có một vị tăng hỏi Đại sư rằng: "Người nào đặt cái ý chỉ của đức Hoàng Mai?"

Sư rằng: "Người nào hiểu Phật pháp đặt."

Bạch: "Phải Hòa Thượng đặt chăng?"

Sư nói: "Ta không hiểu Phật pháp."

Giảng:

Một lần nọ, có một vị tăng, vị này thật là người cật lã, là người thô lỗ không có học thức, ông ta hỏi Lục Tổ Đại sư một cách thô lỗ:

–Y bát của Ngũ Tổ Hoàng Mai, người nào được?

Ông ta đã biết rõ ràng là Lục Tổ đắc mà cố ý hỏi. Vì ông ta hỏi như thế, không cần đặt vào vị trí lúc đó, nhìn thấy người này, án theo kinh văn, quý vị suy đoán liền biết, người này là kẻ nhà quê không có học vấn. Một mặt có thể nói là biết rồi vẫn hỏi, mặt khác có thể nói là có tâm khinh thị đối với Lục Tổ. Tại sao nói có tâm khinh thị? Ý người này muốn nói rằng:

–Ông là người không biết chữ, làm sao có tư cách kế thừa y bát của Ngũ Tổ.

Lục Tổ Đại sư trả lời:

–Người hiểu rõ Phật pháp được y bát của Ngũ Tổ.

Vị Tăng này lại hỏi:

–Hòa Thượng đã được hay là chưa được?

Ý tức ông ta không tin tưởng Lục Tổ là người kế thừa y bát của Ngũ Tổ cho nên hỏi lại: "Hòa Thượng có được không?"

Lục Tổ Đại sư nói:

–Tôi không hiểu Phật pháp.

Lục Tổ Đại sư không nói tôi được hay không được, mà nói tôi không hiểu Phật pháp. Các vị nghĩ xem, ở đây Lục Tổ Đại sư nói thiệt hay giả.

*

Một ngày kia Sư muốn giặt cái Pháp y của Ngài đã được truyền thọ, mà không tìm được suối trong. Nhon đi đến sau chùa ước năm dặm, thấy núi rừng rậm rạp, thoai khí bao giăng. Sư xúc cây tích trượng xuống đất, mạch suối liền ứng theo tay mà chảy ra, chứa đầy thành ao. Sư quỳ gối trên tảng đá mà giặt áo. Bỗng đâu có một thầy tăng đến làm lễ và nói rằng: "Tôi là Phương Biện, người ở Tây Thục, vừa rời ở Nam Thiên Trúc, thấy đức Đạt Ma Tổ sư dạy Phương Biện này mau qua nước Đường, Ngài nói: 'Cái Chánh pháp Nhân tạng của Tổ Đại Ca Diếp mà ta đã truyền, và cái Pháp y, ta đã thấy truyền xuống tới đời Tổ thứ sáu, tại Tào Khê, tỉnh Thiều Châu. Ông hãy đến đó mà chiêm lễ.' Phương Biện này từ xa đến, xin xem y bát của thầy tôi đã truyền."

Giảng:

Một ngày nọ Lục Tổ Đại sư muốn giặt Pháp y của Ngũ Tổ truyền cho, nhưng không có suối sạch, cho nên đi đến vùng đất sau chùa năm dặm (suối Trạc Khê ở sau chùa Nam Hoa, cách chùa một dặm đường, dòng suối hiện nay không nhất định là dòng suối mà Lục Tổ đã giặt y lúc trước), nhìn cây cỏ xanh tốt sum xuê, ráng trời rực rỡ, mây lành bao quanh, xoay chuyển trên đỉnh núi. Người mà đăc ngũ nhãn lục thông, ở chỗ nào có khí sắc gì vị đó vừa nhìn là biết liền. Lúc đó Đại sư cầm tích trượng chín khoen kêu leng keng, động xuống đất, nước liền tràn ra thành một dòng suối. Lúc nước tràn ra nhiều thì tạo thành một hồ nước. Lục Tổ Đại sư bèn quỳ trên hòn đá giặt tấm y do Ngũ Tổ truyền trao.

Lúc đó chợt có một vị tăng đến khấu đầu đánh lễ Lục Tổ, tự xưng Pháp danh Phương Biện, là người Tây Thục, nói:

—Con ở Nam Ấn Độ có gặp Tổ sư Đạt Ma, Ngài bảo con hãy mau đến chỗ này. Ngài nói: "Ta truyền Tăng già lê (Tổ y hay Đại y) và Chánh pháp Nhân tạng từ Tổ Ma Ha Ca Diếp đời đời tương truyền, nay truyền đến triều đại nhà Đường Trung Quốc, đời thứ sáu ở Tào Khê, Thiều Châu, Ông mau

chóng đi đến đó chiêm ngưỡng lễ bái Tổ Sư đời thứ sáu." Phương Biện con nghe Tổ sư Đạt Ma nói như thế, cho nên từ đất Ấn Độ xa xôi đến đây, chỉ mong có thể nhìn thấy y bát do Đạt Ma Tổ sư lưu truyền.

Quý vị nghĩ xem Sơ Tổ Đạt Ma đã chết ở Trung Quốc, nhưng Phương Biện thời Lục Tổ ở Ấn Độ lại gặp Tổ Đạt Ma. Quý vị nói việc này có kỳ lạ không? Thật không có gì kỳ lạ, cho đến nay người ta cũng không biết Tổ sư Đạt Ma đi đâu. Giảng đến đây tôi nhớ đến một việc, đây không phải là công án mà là một sự thực. Lúc tôi ở Đông Bắc, tức nước Mãn Châu, ban đầu tôi phát tâm tu đạo vì có rất nhiều nhân duyên. Ở Đông Bắc tôi sùng bái nhất Vương Hiếu Tử, lúc ông thủ hiếu thì vào khoảng hai mươi tám tuổi. Trời rất lạnh ông dùng gỗ đóng một cái am nhỏ, trước sau thủ hiếu sáu năm, năm cuối cùng ông không nói chuyện, mỗi ngày đều ở trong am tranh nhỏ tham thiền, tụng Kinh Kim Cang. Khi thủ hiếu viên mãn ông ta có vọng tưởng rằng:

–Núi Quảng Ninh Thiên Sơn ở Mãn Châu có nhiều vị tỳ kheo mấy ngàn năm ở đó tu đạo, khi ta thủ hiếu viên mãn ta cũng đến núi Quảng Ninh tu đạo.

Sáng sớm hôm sau lúc ngồi thiền, ông ta nghe hộ pháp nói hôm nay có quý nhân đến thăm. Ông nghe có quý nhân đến liền cho là quan lớn, đợi đến hơn mười giờ thì thấy một vị tăng sĩ mặt áo rách, quảy đôi gánh, vị tăng này bỏ đôi gánh xuống mà cùng ông ta nói chuyện. Vương Hiếu Tử vốn tịnh khẩu cho nên trong tâm ông ta hỏi vị tăng:

–Thầy từ đâu đến?

Người này nói:

–Tôi từ núi Quảng Ninh lại.

Wang Hui Zi lại hỏi:

–Thầy pháp danh gì?

Người này trả lời:

–Tôi là một vị tướng quân đời Minh, sau đó xuất gia tu đạo. Tôi cùng ông có duyên cho nên hôm nay đến gặp ông, vì tôi biết ông muốn đến núi Quảng Ninh tu đạo. Nhưng nơi đó là người tu "độc thiện kỳ thân" (chỉ tu cho mình), mà ông cần phải "kiêm thiện thiên hạ" (cho hết mọi người). Ông có duyên với người xứ này, không nên đi đến núi Quảng Ninh, nên ở đây tạo chùa hoằng dương Phật pháp.

Nói xong mấy câu vị tăng sĩ liền bỏ đi. Vị tăng này xưng là người đời Minh. Do đâu có thể chứng minh, vì Vương Hiếu Tử trong tâm hỏi vị tăng sĩ, mà vị tăng sĩ lại biết ông ta hỏi cái gì, thì đủ biết vị tăng này đã đắc tha tâm thông, đắc cảnh giới ngũ nhãn lục thông. Lúc này là thời đại Dân quốc, cách Minh triều ba trăm năm, người này vẫn chưa chết. Do điểm này đã chứng minh rằng có người ở Nam Thiên Trúc thấy được Tổ sư Đạt Ma, cũng giống với trường hợp Phương Biện nói chuyện thọ y bát thì rất bình thường, chớ không có gì kỳ lạ.

*

Sư lấy y bát ra chỉ, rồi hỏi rằng: "Thượng nhơn hay giỏi về nghề gì?"

Bạch: "Dạ. Có khiếu nắn tượng."

Sư ra vẻ nghiêm nghị, nói rằng: "Ông hãy nắn thử hình ta xem."

Phương Biện bối rối, không biết nắn cách thế nào. Trải qua mấy ngày mới nắn xong chơn tượng, bề cao bảy tấc, điểm nào cũng thật khéo.

Sư cười mà nói rằng: "Ông chỉ hiểu cái tánh nắn hình, mà chẳng hiểu cái tánh Phật."

**Sư thung dung lấy tay xoa nơi đỉnh đầu Phương Biện mà nói rằng:
"Ông hãy hằng làm phước điền cho trời người."**

Rồi Sư lấy y đèn công cho Phương Biện.

Phương Biện lấy y chia làm ba đoạn, một đoạn choàng vào hình nắn, một đoạn để lại cho mình, một đoạn dùng lá tòng gói kỹ mà chôn xuống đất, và thề rằng: "Sau tìm được mảnh y này, tức là ta ra đời mà trụ trì nơi đây, và tu sửa lại ngôi chùa vậy."

Giảng:

Lục Tổ Đại sư bèn đưa y cho Phương Biện xem, tiếp theo liền hỏi Phương Biện có sở trường gì?

Phương Biện trả lời:

—Con giỏi về dùng bùn, tro thơm, gỗ đắp tượng Phật.

Lục Tổ Đại sư trang nghiêm nói với ông ta:

—Ông thử đắp một cái cho tôi xem.

Phương Biện nghe Lục Tổ Đại sư nói như thế, lúc đó lúng túng, tay chân không biết để đâu, không trả lời được. Qua mấy ngày, ông ta đắp được một chân tượng Lục Tổ Đại sư, cao bảy tấc, tượng đắp giống như Lục Tổ Đại sư. Ngay cả những chỗ vi tế đều đắp rất đẹp để rõ ràng.

Lục Tổ Đại sư nhìn thấy Phương Biện đắp tượng của mình liền nói:

—Ông chỉ hiểu tánh đắp mà không hiểu tánh Phật.

Vì thế Lục Tổ bèn đưa tay xoa đầu Phương Biện nói:

–Ông nên xuất gia làm Hòa thượng, đời đời kiếp kiếp làm phúc điền cho trời người.

Sau đó Lục Tổ tặng Phương Biện cái y, đền công ông đắp tượng. Phương Biện sau khi nhận y, chia y làm ba phần, một phần đắp trên tượng, một phần tự mình lưu làm kỷ niệm, một phần dùng lá tòng gói kỹ chôn xuống đất và phát nguyện rằng:

–Sau này khi được lá y này, đó là lúc tôi xuất thế, tôi sẽ làm Hòa Thượng phương trượng ở đây và trùng tu kiến thiết ngôi chùa này.

*

(Đời Tống niên hiệu Gia Hựu năm thứ tám, có Tăng tên Duy Tiên, sửa chùa đào đất được mảnh y giống như mới. Tượng thì để ở chùa Cao Tuyền, cầu nguyện lễ bái đều được ứng nguyện.)

Có một vị tăng đọc bài kệ của Thiên sư Ngọa Luân rằng:

Ngọa Luân tài rất hay,

Dứt được cả tư tưởng.

Đối cảnh lòng không động,

Bồ-đề ngày vượng lớn.

Sư nghe kệ rồi, nói rằng: "Bài kệ ấy chưa tỏ sáng bốn tâm. Nếu y theo đó mà tu hành, thì thêm sự ràng buộc."

Nhơn đó, Đại sư nói kệ rằng:

Huệ Năng tài chẳng hay,

Không dứt cả tư tưởng.

Đối cảnh động lòng hoài,

Bồ-đề đâu vướng lớn?

Giảng:

Có một vị tăng, có lẽ vị tăng này là vị tăng vô danh hoặc là vị tăng sĩ không háo danh. Vị tăng này niệm bài kệ của Thiên sư Ngọa Luân:

–Ngọa Luân có bản lãnh, năng đoạn trăm tư tưởng, không sanh tư tưởng (nhưng có cái *năng đoạn* trong tư tưởng thì đã lạc vào đệ nhị, đệ tam mà không phải Đệ nhất Nghĩa đế). Ông ta nói đối với cảnh giới gì cũng không khởi niệm. Cho nên Bồ đề mỗi ngày càng lớn.

Lục Tổ Đại sư vừa nghe liền nói:

–Kệ này vẫn chưa hiểu rõ pháp môn tâm địa. Tại sao vậy? Nếu y theo bài kệ này tu hành cũng giống như tự mình trói buộc mình.

Vì thế Lục Tổ Đại sư lại nói ra một bài kệ khác:

–Huệ Năng tôi bản lãnh gì cũng không có, tôi không cần đoạn trăm tư tưởng, ngay *niệm đoạn* trăm tư tưởng cũng không có. Đối với cảnh giới nào cũng vậy sự đến thì ứng, sự đi thì tịnh, cho nên tùy nó đến, tùy nó đi, tôi cũng không màng là Bồ đề lớn hay không, giống như ý nghĩa đạo lý đã nói ở trước: "*Bổn lai vô nhất nhất, hà xứ nhạ trần ai?*" Tôi vốn thanh tịnh cần gì phải lau chùi.

---o0o---

Phẩm Đốn Tiệm Đệ Bát

Đốn là lập tức hiểu rõ sáng suốt, hiểu rõ một cái lý. Lý tức đốn ngộ, sự cần tiệm tu, tu hành cần ngày này qua ngày kia tu hành, ngộ chỉ là ngộ cái lý, cho đến chứng quả vẫn là tự mình tu hành.

Lúc Tổ Sư ở chùa Bảo Lâm tại Tào Khê, thì Thần Tú Đại sư ở Chùa Ngọc Tuyền tại Kinh Nam. Bấy giờ cả hai phái đều diễn hóa rất thanh hành, người đều gọi là Nam Năng Bắc Tú, cho nên mới có phân hai phái Đốn và Tiệm ở phương Nam và phương Bắc. Nhưng người học đạo chưa biết được cái tông thú.

Tổ Sư mới gọi đại chúng mà bảo rằng: "Pháp vốn là một tông, còn người thì có Nam và Bắc. Pháp tức là một thứ, còn chỗ thấy thì có mau chậm. Pháp không có mau chậm. Bởi con người có tánh sáng tối, cho nên mới gọi là mau chậm.

Giảng:

Lúc đó Lục Tổ Đại sư ở chùa Nam Hoa trên núi Bảo Lâm Tào Khê, hoằng dương pháp môn đốn giáo. Đại sư Thần Tú tức là đồ đệ của Ngũ Tổ, đã từng muốn làm Tổ Sư, lòng ham muốn làm Tổ Sư thật làm hại chết người. Người thông minh như thế, lại đoạn không được cái lòng ham muốn làm Tổ Sư. Lúc đó Đại sư Thần Tú ở Chùa Ngọc Tuyền ở Hình Châu, Hồ Bắc. Lúc đó có sự chia phân giữa Nam tông, Bắc tông. Nam tông giảng đốn pháp, Bắc tông giảng tiệm pháp, hai tông giáo hóa thanh hành. Môn hạ Lục Tổ Đại sư có mấy ngàn người, môn hạ Thần Tú có mấy vạn người, vì Thần Tú vốn có mấy trăm người đi theo mình, sau đó càng ngày càng đông, cho nên thanh hơn Nam tông. Nhưng mọi người đều biết Nam tông là người kế thừa y bát của Ngũ Tổ, Thần Tú tuy có học vấn, nhưng Ngũ Tổ Đại sư không truyền y bát cho Ngài, cho nên đương thời người ta xưng "Nam Năng Bắc Tú." Nam phương là Huệ Năng Đại sư, Bắc phương là Thần Tú Đại sư, cho nên có Nam tông và Bắc tông chia ra đốn và tiệm. Đệ tử Thần Tú ủng hộ

Thần Tú làm Tổ Sư đời thứ sáu, mà thường là danh bất chánh, ngôn bất thuận vì lại có Lục Tổ Huệ Năng ở đó. Vì thế nên thường phái người đến giết Ngài, để sau này độc xưng Tổ Sư đời thứ sáu.

Những người tham thiền học đạo không biết đâu là đúng. Lục Tổ Đại sư thì không biết chữ, có lúc giảng đạo lý và kinh văn không tương hợp. Còn Bắc phương Thần Tú Đại sư ở dưới tòa Ngũ Tổ đã từng làm giáo thọ sư, rất có học vấn, nhưng Ngài không có trực tiếp được y bát, cho nên học nhân không biết phải theo vị nào học mới đúng.

Vì thế Lục Tổ Đại sư khai thị đại chúng:

–Pháp vốn chỉ có một tông chỉ, không có hai, mà người lại có Bắc Nam. Pháp vốn chỉ có một, không có nhiều, đó là pháp môn bất nhị. Mà kiến giải của người có nhanh có chậm. Cái gì gọi là đốn tiệm? Pháp vốn không có đốn tiệm nhưng người lại có thông minh, ngu si, lợi căn, độn căn, cho nên đốn tiệm này vì người mà lập.

*

Song các môn đồ của Thần Tú thường chê Tổ Sư phái Nam tông là dốt, không biết một chữ, có chỗ nào hay đâu!

Sư Thần Tú bảo chúng rằng: "Lục Tổ người đặt cái trí vô sư, thâm ngộ pháp thượng thừa, ta đây chẳng bằng người vậy. Vả thầy ta là Ngũ Tổ đích thân truyền y bát cho người, há phải là việc vô cơ sao? Ta tiếc vì không đi xa được để gần gũi với Người, nên phải đành chịu ân huệ của vua. Các người chớ trì trệ ở đây, khá qua Tào Khê viếng Lục Tổ mà nghe lời khẩu quyết."

Giảng:

Nhưng mà đệ tử Thần Tú thường chê cười Nam tông Tổ Sư nói:

–Cái ông Tố Sư đó một chữ cũng không biết, ông ta mà có năng lực gì? Tố Sư? Thật là đáng cười vô cùng, làm sao có chuyện này được, buồn cười quá, một chữ cũng không biết thì làm sao có thể làm Tố Sư được?

Vô hình trung chính là khinh thị Lục Tổ. Không những không biết Anh, ngay tiếng Tào cũng không hiểu, ông xem vị Tố Sư này đáng thương hay không? Những người nói những lời đó là đồ đệ của Thần Tú, thường trước mặt Thần Tú nói như thế.

Thần Tú nghe xong liền nói:

–Các ông không nên nói như vậy. Đại sư Huệ Năng là người khai ngộ, đặc vô sư trí huệ, thông ngộ tối thượng nhất thừa, tôi thật chưa có khai ngộ trí huệ này. Tôi chắc chắn không bằng Huệ Năng. Huống chi ông ta được Tố Sư đời thứ năm của tôi thân truyền y bát, là người thừa kế pháp môn dùng tâm ấn tâm, đây không phải ngẫu nhiên, mà là việc rất khó khăn. Tôi giận mình không thể tự mình đi đến đó thân cận Lục Tổ Đại sư, theo Lục Tổ học Phật pháp. Tuy triều đình phong tôi làm Quốc sư (mười đại đệ tử dưới tòa Ngũ Tổ, được Vũ Tắc Thiên thỉnh mời cúng dường). Nhưng các ông không nên trì trệ ở chỗ tôi, mà hãy đến Tào Khê theo Lục Tổ tu học.

*

Một ngày kia Sư Thần Tú bảo đồ đệ là Chí Thành: "Người thông minh đa trí, khá vì ta đến Tào Khê mà nghe pháp. Nếu nghe đặng chỗ nào, hãy hết lòng nhớ lấy, rồi trở về nói lại cho ta rõ."

Chí Thành vâng mạng đến Tào Khê, nhập theo đại chúng đến viếng và cầu dạy, nhưng chẳng nói ở đâu lại. Khi ấy Tố Sư bảo chúng nhưn rằng: "Nay có kẻ trộm pháp ẩn tại hội này."

Chí Thành liền bước ra làm lễ, và bày hết các việc của Thần Tú dặn.

Sư rằng: "Người ở chùa Ngọc Tuyền đến, lẽ ứng là đệ tử?"

Đáp: "Chẳng phải vậy."

Sư nói: "Sao đặng gọi là chẳng phải?"

Đáp: "Chưa nói ra thì phải như thế, nhưng nói ra rồi thì chẳng phải vậy."

Giảng:

Thần Tú Đại sư cố ý thử thách đồ đệ của mình cho nên mới nói:

–Lục Tổ có đạo đức hơn tôi.

Nếu những môn đồ này có lòng tin đối với tôi, thì dù cho Lục Tổ thiệt có đạo đức đi nữa cũng sẽ không bỏ đi; nếu họ không có chân tâm, tôi nói như thế họ sẽ bỏ đi. Vì thế Thần Tú giả ý nói như vậy:

–Các ông không nên ở đây nữa, hãy đến Tào Khê theo Lục Tổ mà tu học.

Tuy nhiên, những người đồ đệ này đều biết sự phụ của họ không muốn họ bỏ đi, vì thế không có ai rời bỏ. Nhưng Thần Tú lại muốn biết Lục Tổ Đại sư giảng pháp môn gì, cho nên ngày kia liền phái một vị gián điệp – là đồ đệ Chí Thành mà ông rất ưa thích, nói với Chí Thành:

–Con rất thông minh lại có trí huệ, con thay thầy đi đến Tào Khê thỉnh pháp. Vì Lục Tổ Đại sư biết thầy, nếu thầy đi, Lục Tổ Đại sư sẽ không giảng Phật pháp. Con đến đó nghe biết đạo lý gì thì ghi chép không bỏ sót một chữ nào để về đọc cho thầy nghe.

Giống như ba tuần trước có vị Pháp sư kia phái người đến đây cũng giống như vậy. Chí Thành nhận sứ mệnh của Đại sư Thần Tú liền đến Tào Khê, theo đại chúng khấu đầu đánh lễ thỉnh Lục Tổ Đại sư khai thị, nhưng Chí Thành không nói từ đâu đến, không tiết lộ mình từ chỗ Đại sư Thần Tú đến.

Ngay lúc đó, Lục Tổ Đại sư nói với đại chúng:

–Nay ở đây có một người trộm pháp, mọi người nên để ý một chút, người đó đang núp trong đại chúng!

Chí Thành nghe vậy liền đi ra đánh lễ, thẳng thắn bạch rằng:

–Con chính là người trộm pháp, con từ chỗ Đại sư Thần Tú đến đây.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Ông từ chùa Ngọc Tuyền đến, chính là gián điệp.

Chí Thành trả lời:

–Con không phải là gián điệp.

Lục Tổ Đại sư hỏi:

–Tại sao ông không phải là gián điệp?

Chí Thành trả lời:

–Lúc chưa nói rõ con là ai, con là gián điệp, nay con đã thẳng thắn phát lồ sám hối cho nên không phải.

*

Sư nói: "Thầy người dạy chúng môn như thế nào?"

Đáp: "Thường chỉ dạy đại chúng trụ tâm quán tịnh, ngồi mãi không nằm."

Sư nói: "Trụ tâm quán tịnh, ấy là bệnh, chẳng phải thiền. Thường ngồi là câu thúc cái thân, đối với Đạo-lý có lợi ích chi đâu?"

Hãy nghe ta kể:

Khi sống ngồi không nằm,

Thác rồi nằm chẳng ngồi.

Thiệt đồ xương thịt thúì,

Sao luống lập công phu?"

Giảng:

Lúc đó Lục Tổ Đại sư hỏi Chí Thành:

–Sư phụ ông bình thời dạy đại chúng cái gì?

Chí Thành ứng đối:

–Sư phụ con thường chỉ thị đại chúng, cần phải trụ tâm vào một chỗ mà quán tịnh, mọi người thường ngồi không ngủ.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Chú tâm quán tịnh là bệnh, là bệnh dụng công, không phải thiền. Còn thường ngồi ngược lại câu thúc thân thể mình không được tự do, thì đối với đạo lý có lợi ích gì?

Người tu đạo lúc ngủ thì ngủ, lúc ăn thì ăn, không nên câu thúc thân này. Thần Tú Đại sư chỉ dạy người dụng công phu trong cái túi da thúì này, mà không biết dụng công trên tự tánh, cho nên đó là "bệnh"; nếu Thần Tú Đại sư biết dụng công trên tự tánh thì không có bệnh. Lục Tổ Đại sư thì dụng công trên tự tánh nên không có bệnh. Lục Tổ Đại sư dụng công trên tự tánh, dụng công một cách tự nhiên. Cho nên Lục Tổ Đại sư nói kệ:

–Lúc sanh, ngồi không năm, sau khi chết thì năm một chỗ không thể ngồi được, thân này là một bộ xương thú, tứ đại giả hợp mà thành, tại sao ông ở trong túi da thú này mà dụng công phu? Tại sao không ở trên tự tánh mà dụng công phu?

Cho nên nói: "*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.*" Mà Thần Tú Đại sư dạy người trụ tâm quán tịnh, đó là chấp tướng, ngược với tông chỉ *Kinh Kim Cang*, cho nên Lục Tổ Đại sư phá trừ khuyết điểm chấp trước của ông ta.

Đại sư Thần Tú dạy người trụ tâm quán tịnh mà Lục Tổ Đại sư nói đây là bệnh. Ngồi không năm, đây là buộc trói thân không phải đạo lý thiền. Kỳ thực, nếu quý vị có thể trụ tâm quán tịnh, lâu dài cũng có chỗ thành tựu, tuy nói không được tự do, nhưng đối với thân tâm có sự ích lợi. Nhưng Lục Tổ Đại sư tại sao lại nói đó không đúng? Vì Chí Thành từ chỗ Thần Tú Đại sư đến đây, Lục Tổ Đại sư cần phải phá trừ chấp trước của Chí Thành, sau đó mới có thể truyền thọ Phật pháp chân chánh, vì thế Lục Tổ Đại sư thuyết mọi đạo lý cho Chí Thành nghe. Đây là dạy người lúc dụng công không nên chấp trước. Ông không nên có tư tưởng ngồi hoài không năm, nói đây là dụng công tu hành. Cần phải *ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*, trụ tâm quán tịnh thì có chỗ chấp trước, chấp trước thì có chướng ngại. Cần phá trừ chấp trước mới có thể khế hợp tự tánh, cho nên Lục Tổ Đại sư mới giảng như vậy. Chúng ta người thường không nên nói Lục Tổ Đại sư giảng ngồi hoài không năm thì không đúng pháp. Chúng ta cần phải ngồi như vậy, song giác ngộ một cách tự nhiên mà không có sự miễn cưỡng, nếu quý vị giác ngộ một cách miễn cưỡng đó không phải là đạo. Dụng công thì cần phải tự do. Có người nói:

–Vậy thì tốt quá. Tự do dụng công, vậy tôi không cần phải giữ gìn giới luật quy củ!

Nói vậy cũng không thể được, quý vị không giữ gìn giới luật, đây là hiểu lầm về tự do. Nếu mọi người ngồi, quý vị lại năm, lúc mọi người năm, quý vị lại ngồi, đó chính là không đúng pháp, đó gọi là muốn làm khác người.

Giống như trước kia có người đến đây ngồi thiền, lúc mọi người đứng lên kính hành, anh ta vẫn ngồi đó, ý nói: "Quý vị xem tôi nè, tôi ngồi thiền giỏi hông!" Đó gọi là xuất chúng không giữ quy củ.

Tóm lại, tu hành dụng công không những phải giữ gìn giới luật thanh quy, mà đối với sự tự do của chính mình, cũng phải giữ gìn giới luật. Điểm này mọi người cần phải hiểu rõ.

*

Chí Thành lại làm lễ mà bạch rằng: "Kẻ đệ tử theo ở với Tú Đại sư, học Đạo chín năm, mà chẳng đặng tỏ sáng. Nay nghe Hòa Thượng nói một lần, liền tỏ sáng Bốn tâm. Việc sống thác là việc lớn, đệ tử xin Hòa Thượng mở lượng từ bi chỉ dạy."

Sư rằng: "Ta nghe nói thầy người dạy người pháp Giới Định Huệ, nhưng chưa rõ thầy người nói cái hạnh tướng của Giới Định Huệ như thế nào, hãy nói cho ta nghe."

Chí Thành bạch: "Tú Đại sư nói: ‘Các điều dữ chớ làm, gọi là Giới. Các điều lành vâng làm, gọi là Huệ. Giữ ý mình trong sạch, gọi là Định.’ Thầy tôi dạy như vậy, chưa rõ Hòa Thượng dùng pháp nào mà dạy người?"

Sư nói: "Nếu ta nói có pháp dạy người, tức là nói dối với người. Ta chỉ tùy phương tiện mà giải thoát cho người. Phương tiện ấy giả gọi là Tam-muội. Cứ như chỗ thầy người nói về Giới Định Huệ thiệt không thể nghĩ bàn được. Nhưng chỗ thấy về Giới Định Huệ của ta lại khác."

Giảng:

Chí Thành đánh lễ Lục Tổ một lần nữa và bạch rằng:

–Đệ tử ở chỗ Thần Tú Đại sư học đạo chín năm.

Các vị ở đây chỉ mới học đạo một năm liền cảm thấy thời gian dài, không xem người xưa đều học mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, dụng công lâu dài như thế, không phải học vài tháng mà có thể tốt nghiệp.

Học chín năm mà vẫn chưa khai ngộ. Nay nghe Hòa Thượng giảng dạy đạo lý giống như nước gặp nước, như sữa hòa sữa, tâm của Lục Tổ Đại sư giống như tâm của con, tâm của chúng ta vốn giống nhau. Con không biết ngày nào sẽ chết đi, vấn đề sanh tử thật là quan trọng, thỉnh Hòa Thượng Tổ Sư phát đại từ bi giáo hối chỉ dạy cho con.

Lục Tổ Đại sư nói;

–Ta nghe Thần Tú Đại sư, sư phụ của ông, truyền dạy pháp giới định huệ, không biết sư phụ của ông giảng hình tướng giới định huệ như thế nào? Đạo lý của giới định huệ như thế nào nói cho ta nghe.

Chí Thành đáp:

–Chư ác mạc tác gọi là giới. Năng tu nhất thiết thiện pháp đó gọi là huệ. Tự mình thanh tịnh ý niệm đó gọi là định. Thần Tú Đại sư giảng như thế. Con không biết Hòa Thượng dùng pháp gì chỉ dạy người?

Lục Tổ Đại sư nói:

–Ta không có pháp gì hết, nếu nói có một phương pháp giáo hóa người đó là gạt người. Ta chỉ tùy căn cơ người, dùng đủ loại phương tiện cởi mở sự trói buộc của chúng sanh, giải khai chấp trước của chúng sanh, pháp này không có một tên, cho nên tạm đặt cho nó là tam muội – chánh định chánh thọ. Sư phụ ông giảng về giới định huệ thật bất khả tư nghì, nhưng giới định huệ mà ta giảng thì không giống sư phụ ông giảng. Giới định huệ của ta giảng rất đặc biệt.

*

Chí Thành bạch: "Giới Định Huệ chỉ hiệp có một thứ, thế nào lại khác?"

Sư nói: "Pháp Giới Định Huệ của thầy người để tiếp độ người đại thừa. Còn pháp Giới Định Huệ của ta để tiếp độ người tối thượng thừa. Chỗ tỏ hiểu không đồng, chỗ thấy có mau chậm. Người nghe chỗ ta nói với chỗ thầy người nói, có đồng nhau chăng? Chỗ ta nói pháp không lìa tánh mình. Là Bản thể mà nói pháp, là chấp trước tướng mà nói, thế thì tánh mình thường mê. Phải biết muôn pháp đều do tánh mình khởi dụng, thế mới thiệt là pháp Giới Định Huệ. Hãy nghe ta kệ:

Tâm địa không quấy, thì tánh mình Giới.

Tâm địa không si, thì tánh mình Huệ.

Tâm địa không rối, thì tánh mình Định.

Không thêm không bớt, mình thành Kim Cang.

Thân tới thân lui, vốn là Tam-muội.

Chí Thành nghe kệ rồi, ăn năn và cảm tạ, và trình một bài kệ rằng:

Năm uẩn huyễn thân này,

Huyễn nào mong cứu cánh.

Xoay lại hướng Chơn-như,

Pháp còn chưa thiệt tịnh.

Giảng:

Chí Thành nói:

–Giới định huệ là giới định huệ, chỉ có thể có một cách giảng, tại sao lại có cách giảng đặc biệt?

Lục Tổ Đại sư nói:

–Tam vô lậu học giới định huệ mà sư phụ ông thuyết, sư phụ ông tiếp dẫn người có căn cơ đại thừa, tôi giảng giới định huệ là tiếp dẫn tối thượng thừa, người có căn cơ tối cao, cho nên sự khai ngộ và hiểu biết thì không giống nhau. Khai ngộ là thấu triệt đến nơi đến chốn, hiểu là chỉ biết rõ chút chút cho nên kiến giải có đốn có tiệm, có nhanh, có chậm. Ông nghe đạo lý tôi giảng có giống với sư phụ của ông không? Pháp mà tôi nói không phải pháp bên ngoài, không phải ly tự tánh mà thuyết pháp. Ly khai tự tánh mà thuyết pháp, đó gọi là dính mắc tướng, cũng gọi là tướng thuyết. Dính mắc tướng (chấp trước tướng) thì tự tánh thường mê, ly tướng thì tự tánh thường ngộ. Ông nên biết nhất thiết vạn pháp là đều từ tự tánh sanh khởi mà khởi tất cả dụng, ứng biến không cùng, đó mới là chân chánh giới định huệ. Ta nay thuyết một bài kệ cho ông:

Tâm địa vô phi (không quấy), tức là không có tham tâm, ác tâm, tật đố tâm, chướng ngại tâm, tổn nhân tâm, lợi kỷ tâm. Tâm địa vô phi chính là tâm địa không có ác. Tâm địa vô phi cũng chính là mọi điều ác không làm, cũng chính là tâm địa không làm những việc sai lầm, đó gọi là giới.

Tâm địa vô si (không si), cũng chính là chúng thiện phụng hành, nhưng cái chúng thiện phụng hành này, cùng với Thần Tú Đại sư thuyết giảng không giống, Thần Tú trên danh tự nói huệ, mà không có đưa ra tự tánh, không có giảng đến tâm địa, tâm giống như miếng đất, ông trồng cái gì liền sanh trưởng cái đó, cho nên ông trồng thiện nhân sẽ kết quả thiện, trồng ác nhân

sẽ kết quả ác. Tâm địa ông không gieo hạt giống ngu si đó chính là trí huệ.

Tâm địa vô loạn (không rối), cũng chính là tự tịnh kỳ ý, cùng với Thần Tú Đại sư thuyết giảng vốn không sai khác, nhưng danh xưng không giống nhau. Lục Tổ Đại sư thuyết pháp, đều từ tâm địa nói ra, từ tự tánh thuyết giảng, từ trong tâm thuyết pháp. Thần Tú Đại sư thuyết pháp đều là pháp bên ngoài, là pháp chấp trước tướng, là ngoài tâm thuyết pháp.

Tự tánh quang minh vô chiếu, có diệu trạm tổng trì, thân mình thì luyện thành thân Kim Cang bất hoại. Thân đến thân lui, tức là trong bốn oai nghi — đi đứng nằm ngồi, thì vốn đều ở trong định.

Chí Thành nghe xong một mặt sám hối, một mặt nói lên lòng tri ân, và trình lên một bài kệ tụng:

Ngũ ấm – sắc, thọ, tưởng, hành, thức – là hư vọng không thực, thân này cũng hư vọng không thực. Thân này vốn do tứ đại – đất, nước, lửa, gió – giả hợp mà thành, cho nên không cần phải xem trọng nó lắm. Tìm áo quần đẹp cho nó mặc, kiếm thức ăn ngon cho nó ăn, xây nhà cửa nguy nga cho nó ở, tìm một người chồng anh tuấn, hoặc người vợ mỹ miều. Cái gì gọi là địa đại? Tức tánh cứng trong thân – da, thịt, gân, cốt thuộc về địa đại. Thủy đại tức là nước mắt, nước mũi, nước miếng, đàm, đại tiểu tiện đều thuộc về nước. Hỏa đại tức khí nóng, sức nóng của thân. Phong đại tức thân thể dao động, hô hấp. Sau khi người chết, tính cứng trong thân thể trở về địa đại, tính ướt trở về thủy đại, tính ấm trở về hỏa đại, tính hô hấp dao động trở về phong đại, mọi thứ đều có chỗ quy về, nhưng quý vị thì quy về chỗ nào? Quý vị không biết! Nay chúng ta học Phật pháp chính là vì muốn biết.

Cái huyền hóa này thì làm sao mà rốt ráo (cứu cánh) được? Như là quý vị có cái tâm hồi hướng Chân như, thế thì tại sao không đắc được Bốn thể của pháp? Vẫn chưa trở về được cái thanh tịnh? Tại sao vậy? Tại quý vị vẫn có *một niệm* muốn hồi về Chân như, quý vị vẫn còn có một niệm, thì chưa đắc

được Bốn thể của pháp. Cho nên Bốn thể pháp thì không có thủ lấy, cũng không có xả bỏ, không nghĩ thể này, cũng không nghĩ thể kia, chính là nhậm vận mà làm. Nhậm vận chính là tự do làm mà không chấp trước.

*

Sư khen phải, lại nói với Chí Thành rằng: "Pháp Giới Định Huệ của thầy người là để khuyên các người căn trí nhỏ, còn pháp Giới Định Huệ của ta để khuyên người căn trí lớn. Nếu mình tỏ sáng tánh mình, thì chẳng lập Bồ đề Niết bàn, cũng chẳng lập Giải thoát tri kiến. Không một pháp nào tìm được ở trong tánh mình thì mới tạo lập được muôn pháp. Nếu hiểu được cái ý chỉ ấy, thì gọi là Phật thân, cũng gọi là Bồ đề Niết bàn, là Giải thoát tri kiến. Người thấy tánh lập ra (muôn pháp) cũng đặng, chẳng lập ra cũng đặng. Đi lại tự do, không ngừng không ngại, phải chỗ dùng thì tùy cơ mà làm, phải chỗ nói thì tùy cơ mà đáp, hiện khắp hóa thân mà chẳng lìa tánh mình, tức là đặng Tự tại thần thông, Du hý tam muội. Ấy gọi là thấy tánh."

Giảng:

Lục Tổ Đại sư ấn chứng cho Chí Thành rằng:

–Tốt lắm, kiến giải của ông đúng lắm!

Lại nói với Chí Thành:

–Sư phụ của ông giảng giới định huệ là khuyên người có tiểu trí tiểu căn. Ta giảng giới định huệ là khuyên người có đại căn đại trí. Nếu ông hiểu rõ tự tánh, ngay Bồ đề Niết bàn cũng không có, cũng không có cái gì gọi là giải thoát, cũng không có cái gì gọi là tri kiến, đều không có, đều không không, một pháp không lập, vạn pháp đều không. Vì một pháp không lập cho nên mới có thể kiến lập vạn pháp. Tuy nói một pháp không có nhưng vạn pháp hiển hiện rõ ràng trước mắt. Tuy vạn pháp rõ ràng tồn tại, nhưng vẫn là một

pháp không lập. Ông nên hiểu rõ đạo lý này, đó gọi là Phật thân, ngay đó lập tức thành Phật. Nếu ông hiểu rõ pháp này, cũng có thể gọi là Bồ đề Niết bàn, cũng có thể đặt cho một tên là Giải thoát tri kiến, ông gọi nó tên gì cũng được, nhưng ông cần hiểu rõ, nếu ông không hiểu rõ, thì ông gọi nó tên gì cũng đều không thể được.

Người chân chánh khai ngộ, minh tâm kiến tánh, dựng lập pháp cũng được, không dựng lập pháp cũng xong, không chướng không ngại, quý vị muốn đến thì đến, muốn đi thì đi, đây chỉ cho sanh tử tự do, cho nên tôi thường nói với quý vị: *"Everything is OK!"* (Mọi chuyện đều hanh thông, không có vấn đề gì cả!)

Đó chính là đến đi như ý, một chút phiền phức cũng không có, không trì trệ, không chướng ngại. Mình muốn đi thì không ai có thể lưu giữ được, không ai có thể ngăn cản được. Sự đến thì ứng, sự đi thì tịnh. Nếu có người hỏi, thì tùy ý trả lời mà không phải suy nghĩ. Nhưng cần phải trả lời đúng đạo lý, không nên nói bậy, không hợp lô-gích. Lúc đó, khắp nơi đều có hóa thân, nhưng tất cả hóa thân đều không rời tự tánh, vậy thì mọi nơi mọi lúc đều đắc được Quán Tự Tại, và Lục thông – thiên nhĩ thông, thiên nhãn thông, tha tâm thông, túc mệnh thông, thần túc thông, lậu tận thông, được Du hý tam muội, đại chúng thích cái gì, thì làm cái đó, dạo chơi khắp nơi. Mình cũng ca hát, nhưng không giống như người ta ca hát, mình cũng ăn cơm nhưng không giống như những người ta ăn cơm. Cùng mọi người ăn cơm, mình ăn hết sạch cơm và thức ăn, mọi người thấy mình ăn sạch, nhưng cơm canh vẫn còn nguyên trong nhà bếp, còn nguyên chưa động đến. Đó chính là Du hý tam muội, đó gọi là kiến tánh.

*

Chí Thành lại bạch: Cái nghĩa chẳng lập là sao?"

Sư nói: "Tánh mình không quấy, không si mê, không loạn động, niệm niệm trí huệ thường soi, thường lia pháp tướng, tự do tự tại, dọc ngang

đều ứng đối đặng cả, thì có pháp nào mà đặng lập? Tánh mình tự tỏ sáng, tỏ liền tu liền, cũng không lần lượt theo thứ lớp. Sở dĩ nên chẳng lập cả thấy các pháp. Các pháp đều vắng lặng, thì có gì là thứ lớp?"

Chí Thành làm lễ, nguyện theo hầu hạ Tổ Sư, sớm tối không bê trễ.

Giảng:

Chí Thành nghe Lục Tổ Đại sư giảng nghĩa lý huyền diệu như thế, lại bạch Tổ Sư:

–Cái gì gọi là pháp không lập, ý nghĩa như thế nào?

Lục Tổ Đại sư trả lời:

–Trong tự tánh ông không có một việc sai lầm, không có tất cả ác, không có tất cả chướng ngại, không mê loạn, không điên đảo, niệm niệm đều là trí huệ, thường sanh trí huệ. Cho nên Lục Tổ Đại sư nói: "*Nào dè tự tánh thường sanh trí huệ.*" Như vậy thì mới có thể xa lìa tất cả các tướng mà không chấp trước, lúc này tự do, tự tại, tung hoành vô ngại. Tung, ông nhảy về phía trước cũng được; hoành, ông muốn đi ngang cũng được. Ông muốn lên trời thì lên trời, xuống đất thì xuống đất, đó chính là tung. Hoành, tức ông muốn đến Thế giới Cực lạc Tây phương, thế giới Lưu Ly Đông phương, đều tùy theo sở thích của ông. Tuy nhiên, bất cứ ông làm cái gì cũng đều phù hợp Phật pháp. Được như thế, thì lại có còn cái gì có thể lập nữa? Cho nên ta nói một pháp cũng không lập.

Tự tánh của ông cần phải do ông tự ngộ, ông tức khắc ngộ thì có thể lập tức tu, không cần phải từng bước từng bước tiệm thứ tu học. Cho nên ta mới nói không lập tất cả pháp, nhất thiết pháp đều không, chư pháp đều là tịch diệt tướng, lại có thứ tự nào có thể nói ra được? Sao có thể nói ra đệ nhất, đệ nhị được?

Pháp sư Chí Thành sau khi nghe Lục Tổ Đại sư khai thị, khấu đầu đánh lễ. Kẻ gián điệp này đã bỏ tối nương vào chỗ sáng, cải tà quy chánh. Chí Thành nguyện làm thị giả của Lục Tổ Đại sư, làm mọi việc lao tác tạp dịch; bảo làm gì thì làm cái đó, từ sớm đến tối làm những việc nặng nhọc mà không giải đãi. Vì Chí Thành biết Lục Tổ, ban đầu cũng do làm việc nặng nhọc mà đặc đạo làm Tổ Sư, nay tôi lại hầu hạ Người cũng cần phải siêng năng không được làm biếng.

Đoạn trước nói về Đại sư Thần Tú phái người đặc vụ đi trộm pháp. Đời Đường Phật giáo ở Trung Quốc đã phức tạp như thế, có một số người có tâm bất chánh như vậy, muốn trộm Phật pháp. Đoạn sau đây thì kể về đồ đảng Thần Tú phái một thích khách đi ám sát Lục Tổ.

*

Thầy Tăng pháp danh Chí Triệt, người ở Giang Tây, họ Trương, tên Hành Xương, lúc còn trẻ là một hiệp khách.

Từ khi Nam Bắc chia rẽ việc hóa độ, hai vị tông chủ tuy không phân nhơn ngã, nhưng các tông đồ cùng tăng tử của hai phái thường cạnh tranh và sanh lòng yêu ghét nhau. Lúc bấy giờ môn nhơn phái Bắc Tông tôn Sư Thần Tú làm Tổ thứ sáu, nhưng còn hiềm Tổ Sư vì đặng truyền y làm cho thiên hạ đều hay, nên sai Hành Xương đến thích khách Đại sư. Đại sư tâm thông, biết trước việc ấy, liền lấy mười lượng vàng để sẵn nơi chỗ ngồi. Lúc đêm khuya Hành Xương vào phòng của Tổ và toan muốn làm hại. Đại sư đưa ngay cổ ra cho chém ba lần, mà không phạm chỗ nào cả.

Giảng:

Có một vị Tăng pháp danh Chí Triệt, đây là sau khi xuất gia quy y Lục Tổ Đại sư, Lục Tổ Đại sư đặt pháp danh cho. Chí Triệt, người Giang Tây, họ

Trương, tên gọi là Hành Xương. Lúc còn trẻ thích làm những việc hành hiệp trượng nghĩa – cướp của nhà giàu cho nhà nghèo, trên đường gặp chuyện bất bình liền rút đao giúp đỡ. Ông biết khinh công và võ nghệ rất giỏi. Đồ đệ Thần Tú liền thuê Hành Xương đến sát hại Lục Tổ Đại sư.

Từ khi có sự phân hóa thành hai tông phái Nam đốn Bắc tiệm, Nam Năng Bắc Tú, hai vị tông chủ tức Lục Tổ Đại sư và Thần Tú Đại sư, tuy không có quan niệm nhân tướng ngã tướng, nhưng đồ đệ của các Ngài (ở đây là chỉ đồ đệ của Thần Tú Đại sư), tranh nhau khởi lòng thương ghét, giống như đoạn trên giảng về việc họ chê cười Lục Tổ Đại sư không biết chữ sao có thể làm Tổ Sư, phỉ báng Lục Tổ Đại sư như thế. Dưới tòa Lục Tổ Đại sư cũng có đệ tử chân thành, nói Lục Tổ Đại sư đã đắc trí vô sư, các ông không nên hủy báng sư phụ của tôi, vì thế chúng đệ tử cùng nhau công kích. Nhưng đồ chúng của Lục Tổ Đại sư không có nghĩ thích khách Thần Tú Đại sư, mà đồ chúng Thần Tú lại ganh ghét Lục Tổ Đại sư là người kế thừa y bát của Ngũ Tổ. Tôi tin tưởng câu "Tranh nhau khởi lòng thương ghét" ở đây, chỉ cho phái Thần Tú Đại sư bên kia thì lợi hại hơn một chút. Lục Tổ Đại sư bên này thì nhẫn nại vượt qua sự ghét bỏ.

Lúc đó đệ tử Bắc tông có mấy ngàn người, tự đưa Thần Tú lên làm Tổ Sư. Thần Tú tuy không có y bát, nhưng đệ tử của Ngài đưa Ngài làm Tổ Sư đời thứ sáu. Tại sao lại đưa sư phụ của họ làm Tổ Sư đời thứ sáu? Vì trong số họ có người muốn làm Tổ Sư đời thứ bảy. Nếu không có đời thứ sáu, thì đời thứ bảy từ đâu sanh ra? Nhưng lại úy kỵ không dám công khai nói trong chùa. Vì thiên hạ đã biết y bát đã truyền cho Lục Tổ Huệ Năng Đại sư, cho nên thuê Hành Xương đến ám sát Lục Tổ Đại sư, muốn đoạt y bát của Tổ. Lúc đó Hành Xương võ nghệ cao cường, người ta đặt cho biệt hiệu "phi miêu," hành tung Hành Xương quý dị, không ai biết được. Tin tức này quý vị ở sách nào cũng tìm không ra, trừ phi quý vị ở trong tình cảnh đương thời mới biết Hành Xương có biệt hiệu như thế. Quý vị xem lúc trước họ phái người đi phóng hỏa, nay lại phái một kẻ thích khách. Tại sao họ lại muốn giết Lục Tổ Huệ Năng ? Bởi vì sau khi giết Ngài, thì có thể công nhiên đưa

Thần Tú Đại sư lên làm Lục Tổ. Tại Phật Giáo Giảng Đường có một người vốn cũng có tha tâm thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, nhưng vì người này lòng tham không nhỏ, thường muốn chứng tứ quả A la hán, muốn phi hành tự tại. Người này đã nhiều lần thỉnh cầu tôi dạy cho pháp thuật phi thân. Tôi nói: "Ông học pháp thuật này có ích dụng gì?" Ông ta nói: "Để đi Đài Loan thọ giới mà không cần vé máy bay." Vì ông ta tham chứng quả, tham thần thông cho nên trí huệ chân chánh chưa có hiện tiền.

Lục Tổ Đại sư lúc đó cũng có tha tâm thông, đã biết trước âm mưu giết người của họ, Ngài dự bị mười lượng vàng để bên cạnh chỗ ngồi của Ngài. Quý vị nghĩ xem tình hình lúc đó hết sức nguy hiểm, hết sức căng thẳng không? Đêm đến, vào khoảng giữa khuya, Phi miêu họ Trương đến nơi, tay chân không một tiếng động, đến liêu phòng của Lục Tổ, đến trước chỗ Ngài ngồi. Ngay lúc hơi gươm chém xuống, Lục Tổ Đại sư liền giơ cổ cho Hành Xương chém vào. Lúc này Hành Xương không kể Ngài là Hòa Thượng, A La Hán, Tổ Sư hay là gì gì đi nữa, Hành Xương đều giết bởi vì Hành Xương chỉ chứa lòng sát, bởi vì muốn hoàn thành sứ mệnh của đồ chúng Thần Tú giao cho. Quý vị nghĩ xem lúc này có căng thẳng không? Căng thẳng giống như lúc bom nguyên tử sắp nổ vậy! Hành Xương tay cầm gươm báu, dùng hết sức mạnh chém vào cổ Lục Tổ Đại sư ba nhát, nhưng Lục Tổ không một chút trầy trụa!

*

Sư nói: "Gươm chánh không dùng vào việc tà, gươm tà không dùng vào việc chánh được. Ta chỉ thiếu người vàng, chớ chẳng nợ người mạng." Hành Xương hoảng kinh ngã ngựa, hồi lâu mới tỉnh lại, bèn cầu khẩn ăn năn tội lỗi và liền nguyện xuất gia.

Sư lấy vàng cho và nói: "Người hãy đi, sợ e đồ chúng hại người. Một ngày kia người khá đổi hình dạng, rồi đến đây, ta sẽ nhận và độ người." Hành Xương vâng theo ý Đại sư, đêm ấy trốn đi. Sau Hành

Xương xuất gia làm Tăng, thọ Cụ túc giới, và tu hành rất tinh tấn.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói:

–Chánh kiểm tức chánh pháp, không sợ tà pháp, mà tà pháp thì không thể thắng được chánh pháp. Cho nên nói "tà không thể thắng chánh." Ông tuy có gươm báu nhưng cũng không thể làm gì được tôi. Kiếp trước tôi chỉ thiếu ông mười lượng vàng, nhưng tôi không có thiếu ông sanh mạng.

Phi miêu họ Trương nghe Lục Tổ Đại sư nói với mình như thế, lại nữa đã chém ba nhát mà chém không đứt cổ Lục Tổ đã sợ hết hồn hết vía, ngất xỉu một hồi lâu mới tỉnh lại. Tỉnh lại, Phi miêu Hành Xương cầu xin sám hối:

–Bạch Đại sư con thật có lỗi với Ngài, con thật có tội!

Lúc đó Lục Tổ Đại sư nói chuyện với Hành Xương rất lâu, hỏi Hành Xương rằng:

–Tại sao ông lại đến đây làm những việc như thế?

Hành Xương trả lời:

–Không phải con muốn giết Ngài mà là đồ đệ Thần Tú nói Ngài là kẻ xấu xa nhất, lúc trước làm ăn cướp, lại săn bắn, là người nghèo lên núi đốn củi, nay đến chỗ này mạo danh làm Tổ Sư, cho nên con nghe nói có người xấu ác như thế nhất định cần phải giết người đó đi. Nhưng nay gươm báu của con chém không đứt cổ của Ngài con mới biết họ đều sai lầm. Nếu Đại sư không có đạo đức, bằng vào kiếm pháp của con nhanh như vậy làm sao chém không đứt đầu Ngài? Cho nên Ngài nhất định là vị cao Tăng có đức hạnh, con nay được gặp Thiên tri thức Đại đức Cao Tăng, lại nữa con nhìn

thấy cuộc đời này không có ý nghĩa gì cho nên con muốn theo Đại sư xuất gia, bái Ngài làm Thầy.

Lục Tổ Đại sư đưa mười lượng vàng đã chuẩn bị sẵn cho Hành Xương nói:

–Con nên nhanh chóng rời khỏi nơi này, đồ đệ của ta đều ái hộ thầy mình. Nếu biết con đến giết ta, họ nhất định sẽ giết con. Qua vài ngày khi con cải trang xong (tức kêu Hành Xương đến chỗ khác xuất gia làm Tăng, dùng thân phận người xuất gia đến gặp Lục Tổ), thầy nhất định sẽ nhiếp thọ và chỉ dạy con.

Phi miêu họ Trương nghe Lục Tổ Đại sư nói như thế, liền ngay trong đêm đó chạy trốn, giấu kín tên tuổi. Sau đó Hành Xương theo một vị Hòa Thượng xuất gia, tu học rất tinh tấn không giải đãi.

*

Một ngày kia nhớ lời Đại sư dạy, Hành Xương từ phương xa đến làm lễ ra mắt Ngài.

Sư nói: "Ta có lòng nhớ ông đã lâu, sao ông tới muộn?"

Bạch: "Ngày trước nhờ ơn Hòa Thượng tha tội, nay tuy xuất gia khổ hạnh, nhưng sau này ắt khó trả được cái ân đức ấy, chỉ mong Tổ Sư truyền pháp để độ chúng sanh mà thôi.

Đệ tử thường xem Kinh Niết Bàn mà chưa hiểu cái nghĩa Thường và Vô thường, xin Hòa Thượng từ bi lược giải cho."

Giảng:

Một ngày họ Hành Xương nhớ lại lời Lục Tổ Đại sư kêu mình thay đổi hình dáng mà đến thì sẽ nhiếp thọ, vì thế từ xa xôi đến Chùa Nam Hoa bái kiến

Lục Tổ Đại sư.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Tôi mỗi ngày đều nhớ đến ông, sao ông đến trễ thế?

Hành Xương trả lời:

–Trước kia mông ơn Hòa Thượng không trách tội. Nay con tuy xuất gia tu khổ hạnh, nhưng vẫn cảm thấy khó báo đáp ân đức của Hòa Thượng, chỉ có một cách là truyền thừa Phật pháp, giáo hóa chúng sanh, chỉ có làm như thế mới có thể báo đáp được đại ân của Hòa Thượng. Đệ tử thường xem Kinh Niết Bàn, nhưng không hiểu đạo lý thường và vô thường, khẩn cầu Hòa Thượng phát đại từ bi vì con mà giải thuyết.

*

Sư nói: "Vô thường tức là Phật tánh. Hữu thường tức là cái tâm phân biệt cả thấy các pháp thiện ác vậy."

Bạch: "Chỗ Hòa Thượng nói rất trái với kinh văn."

Sư nói: "Ta truyền cái tâm ấn của Phật, đâu dám nói trái với kinh Phật!"

Bạch: "Kinh nói Phật tánh là thường, Hòa Thượng nói là vô thường. Các pháp thiện ác cho đến cái tâm Bồ-đề đều là vô thường, Hòa Thượng lại nói thường. Mấy lời ấy trái nghịch nhau, khiến kẻ học (Đạo) này thêm nghi hoặc."

Sư nói: "Kinh Niết Bàn, xưa kia ta nghe Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng đọc qua một biến, thì có giảng thuyết cho người nghe. Chỗ ta nói không có một chữ, một nghĩa nào mà chẳng hiệp với kinh văn. Nay ta giảng cho ông nghe, thì cũng nói toàn một nghĩa không hai."

Bạch: "Kẻ học này, sức hiểu biết còn cạn tối, xin Hòa Thượng chỉ dạy châu báu."

Sư nói: "Người biết chẳng, nếu Phật tánh là thường, thì nói làm chi các pháp thiện ác, lại sao đến cùng kiếp, không có một người phát Bồ-đề tâm? Cho nên ta nói là vô thường, mà chính Phật nói là đạo Chơn-thường. Lại nếu các pháp là vô thường, tức vật vật đều có tự tánh, gồm chịu sự sống chết, mà cái tánh Chơn-thường có chỗ chẳng biến khắp (phổ biến). Cho nên ta nói là thường, mà đó chính là Phật nói cái nghĩa Chơn vô-thường vậy. Vì các người phàm phu ngoại đạo chấp nơi tà thường, các người trong hàng Nhị thừa đối với thường cho là vô thường, chỗ mê chấp của hai phái cộng thành tám điều trái ngược (điên đảo), cho nên trong giáo lý liễu nghĩa ở kinh Niết Bàn, Phật phá chỗ thiên kiến, mà nói rõ chỗ Chơn thường, Chơn lạc, Chơn ngã, Chơn tịnh.

Người nay y theo lời nói (của Phật) mà lại hiểu trái nghĩa. Người nhận lấy sự vô thường đoạn diệt và định chắc cái thường cứng ngắt (từ thường) mà lầm hiểu lời nói mầu nhiệm viên diệu tối hậu của Phật. Như thế, dầu xem kinh đến ngàn biển, nào có ích gì?"

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói:

–Phật tánh thì vô thường, hữu thường tức là tâm phân biệt tất cả thiện ác.

Hành Xương cho rằng Lục Tổ Đại sư giảng sai, cho nên nói:

–Lời Hòa Thượng nói không phù hợp với kinh văn.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Ta truyền pháp môn dùng tâm ấn tâm của Phật, ta làm sao dám trái ngược ý nghĩa kinh văn?

Hành Xương nói:

–*Kinh Niết Bàn* nói: Phật tánh là thường, Hòa Thượng lại nói Phật tánh là vô thường. Thiện ác chư pháp cho đến tâm Bồ đề đều là vô thường mà Hòa Thượng lại nói thường, đây hoàn toàn không tương hợp với đạo lý trong *Kinh Niết Bàn*. Hòa Thượng giảng như thế, khiến cho kẻ học nhân con càng thêm mê hoặc, lúc trước con chỉ có một cái nghi, nay con lại có hai cái nghi.

Lục Tổ Đại sư nói:

–*Kinh Niết Bàn*, ta lúc trước từng nghe Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng tụng qua một biến, ta đã vì vị Tỳ kheo ni này giảng giải, không có một chữ, một nghĩa lý nào mà không khế hợp với đạo lý *Kinh Niết Bàn*. Cho đến hôm nay ta vì ông giảng cũng không có hai cách giảng, vẫn giống như lúc trước.

Hành Xương nói:

–Học nhân học thức mê mờ kém cỏi, cúi mong Hòa Thượng khai thị cho con.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Ông biết không! Phật thuyết Phật tánh là thường là đối với những người chấp trước vô thường mà nói. Phật thuyết hữu thường là vì những người chấp trước vô thường mà nói. Nếu ông nói Phật tánh là thường, thì đâu có các pháp thiện ác gì để có thể nói? Phật tánh nếu thường thì tất cả chúng sanh đã sớm thành Phật, cần gì phải thuyết pháp độ họ? Tại sao cùng tận bao nhiêu đại kiếp, cũng không có ai chân chánh phát Bồ đề tâm? Nếu thường, thì ai cũng nên phát Bồ đề tâm, mọi người đều sớm thành Phật đạo, cho nên tôi mới nói: Phật tánh vô thường. Tại sao vậy? Nếu thường, tất cả

chúng sanh đều không cần tu hành mà vẫn có thể thành Phật. Cho nên ta nói vô thường, đúng là phù hợp với đạo lý chân thường bất diệt của Phật thuyết, ông hiểu không?

Lại nữa, nếu như tất cả vạn pháp đều vô thường, thì tất cả vạn loại đều có tự tánh, chúng nó đã có tự tánh, sao lại thọ sanh tử? Nếu mỗi vật đều có tánh chân thường, nó sẽ không phổ biến tồn tại ở bất cứ chỗ nào. Tôi nói với ông thường, chính là Phật nói cái nghĩa chân vô thường. Muốn giảng thường và vô thường, đây đều không phải là Phật tánh, vì Phật tánh không phải thường, không phải vô thường, đó mới là trung đạo liễu nghĩa. Tại sao nay Lục Tổ Đại sư nói: "Phật tánh là vô thường, tất cả tâm phân biệt thiện ác chư pháp là hữu thường."? Bởi đây đều là đối trị chấp trước. Phật pháp dùng để đối trị tất cả chấp trước của chúng sanh. Nếu quý vị đem chấp trước này phá đi, thì không cần đến Phật pháp. Phật pháp không phải thường, không phải vô thường. Lục Tổ Đại sư *đối cơ* thuyết pháp, đối với Trương Hành Xương cần phải nói pháp này, chớ không phải đối với mọi người đều thuyết như thế. Lục Tổ Đại sư nói với Hành Xương, phàm phu ngoại đạo chấp trước tà thường, nhị thừa Thinh văn, Duyên giác nơi thường lại cho là vô thường, cộng thành tám loại điên đảo. Vốn là bốn loại điên đảo, chỉ vì tư tưởng con người không giống nhau, thân phận không giống nhau, hai loại căn tánh người cộng thành tám loại điên đảo. Phàm phu lấy khổ làm lạc, không phải thường lại cho là thường, không phải tịnh cho là tịnh, không phải ngã lại cho là ngã. Tất cả đạo lý đều do người mà luận, quý vị nói nó thường cũng được, quý vị nói nó không thường cũng được. Nhưng phàm phu nói không phải thường tức là thường, không phải lạc cho là lạc, không phải ngã họ lại chỉ là ngã, không phải tịnh họ cho là tịnh, đây là bốn loại điên đảo của phàm phu.

Bốn loại điên đảo của Nhị thừa: lạc, thì họ cho là khổ; thường, nói là không thường; ngã, nói vô ngã; tịnh, nói bất tịnh. Cho nên hợp lại thành ra tám loại điên đảo.

Cho nên Phật ở trong *Kinh Niết Bàn* liễu nghĩa giáo, thuộc về vị đề hồ viên diệu. Nó phá biên kiến của phàm phu và nhị thừa và minh hiển nói ra đạo lý cái gì là chân thường, chân lạc, chân ngã, chân tịnh. Ông nay y theo lời Phật nói mà ngược lại giáo nghĩa Phật thuyết. Ông lấy sự vô thường đoạn diệt và cái thường cứng ngắt, dùng tri kiến phàm phu giải thích sai lầm giáo lý tối vi diệu, tối viên mãn do Đức Phật thuyết ra. Dù ông xem kinh Niết Bàn một ngàn lần có lợi ích gì đâu?

*

Hành Xương, hốt nhiên đại ngộ, liền nói kệ rằng:

Vì giữ tâm vô thường,

Phật nói có tánh thường.

Không biết được phương tiện,

Như ao xuân lượm sỏi.

Tôi nay công chẳng dụng,

Mà Phật tánh hiện tiền.

Không phải Thầy trao cho,

Tôi cũng không sở đắc.

Đại sư lại nói: "Người nay đã suốt thấu, nên đặt tên là Chí Triệt."

Chí Triệt làm lễ tạ ơn, rồi lui ra.

Giảng:

Hành Xương nghe Lục Tổ Đại sư thuyết như thế, hốt nhiên khai ngộ, vì thế cũng nói ra một bài kệ tụng:

–Vì con chấp thủ tâm vô thường, mà Phật nói đây là tánh hữu thường, con không hiểu lời Phật nói là pháp phương tiện, đó giống như trong hồ nước mùa xuân nhạt lên hòn đá nhỏ, có ích dụng gì đâu! Nhưng nay con không có dụng công phu gì, chỉ phản bốn hoàn nguyên trở về quê hương của mình. Phật tánh viên mãn hiện tiền, lập tức minh tâm kiến tánh khai ngộ. Khai ngộ của con không phải Tổ Sư dạy bảo truyền trao cho con. Con tuy đã khai ngộ, nhưng không có một chút sở đắc, đây là trí huệ vốn có của con, cho nên một pháp cũng không đắc.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Ông nay đã khai ngộ. (Đây là Lục Tổ Đại sư ấn chứng cho Hành Xương). Ta nay đổi tên cho ông là Chí Triệt được không? Ông thích tên này không?

Chí triệt nói:

–Tên này thật hay, con tạ ơn Tổ Sư.

Rồi khấu đầu đánh lễ lui về một bên.

*

Có một gã đồng tử tên là Thần Hội, con nhà họ Cao, ở huyện Tuyên Dương, mười ba tuổi, từ chùa Ngọc Tuyên đến làm lễ Đại sư.

Sư hỏi: "Thiện tri thức ở phương xa đến, thật là khó nhọc mà có đem đặt cái gốc đến chẳng? Nếu có gốc thì phải biết ông Chủ. Hãy nói thử ta nghe."

Thần Hội bạch: "Lấy không trụ làm gốc, thấy tức là Chủ."

Sư nói: "Gã Sa-di này tranh chỗ đối chiếu mà nói bướng."

Thần Hội bèn hỏi: "Hòa Thượng ngồi thiền, thấy hay chẳng thấy?"

Sư lấy gậy đánh (Thần Hội) ba gậy mà hỏi rằng: "Ta đánh người đau hay chẳng đau?"

Đáp: "Cũng đau mà cũng chẳng đau."

Sư nói: "Ta cũng thấy mà cũng chẳng thấy."

Thần Hội hỏi: "Cũng thấy mà cũng chẳng thấy, nghĩa là sao?"

Sư nói: "Ta thấy là thường thấy tội lỗi của tâm mình, mà chẳng thấy các điều phải quấy, tốt xấu, của người. Bởi vậy cũng thấy mà cũng chẳng thấy. Người nói cũng đau mà cũng chẳng đau, nghĩa là sao? Nếu người chẳng biết đau, thì đồng với loài cây đá, còn biết đau thì đồng với kẻ phạm phu, liền sanh giận hờn. Cứ như chỗ người hỏi trước: Thấy hay chẳng thấy là chấp hai bên. Chỗ người nói: Cũng đau mà cũng chẳng đau, ấy là còn sanh diệt. Cái tự tánh của người mà người chẳng thấy, sao dám đùa cợt người?"

Thần Hội lạy và ăn năn xin lỗi.

Giảng:

Có một đồng tử, đồng tử này không phải đứa trẻ tầm thường, là đồng tử vì pháp quên thân, vì pháp không từ nặng nhọc khổ cực, tên là Thần Hội, là con của một người họ Cao tại Tương Dương Hồ Bắc, mười ba tuổi từ chùa Ngọc Tuyên của Thần Tú Đại sư ở Hà Bắc xa xôi đến tham bái đánh lễ Lục Tổ Đại sư. Đồng tử này tuy nhỏ, nhưng ôm chí lớn, tâm lượng quảng đại. Thần Hội ở chỗ Thần Tú Đại sư, vừa nhìn liền biết Thần Tú Đại sư chưa chân chánh hiểu rõ Phật pháp. Cho nên đi đến Quảng Đông, có hơn một hai ngàn dặm đường. Thần Hội đi đường, hai chân sưng phồng, thậm chí để chân không mà đi, da thịt bị đá gạch đâm chảy máu, cho nên dùng y phục

bao chân, rồi tiếp tục đi, đi cả mấy ngàn dặm đường, mà xem như không có việc gì xảy ra; cho nên khi gặp Lục Tổ Đại sư, Lục Tổ thấy Thần Hội, một đứa bé y phục rách nát, chân sưng máu chảy, cực khổ như thế. Thần Hội khấu đầu đánh lễ Lục Tổ Đại sư, Lục Tổ hỏi:

–Thiện tri thức! (Lục Tổ Đại sư đối với một đứa bé cũng gọi là Thiện tri thức). Con từ xa xôi đến đây, đi đường quá vất vả, quá gian nan, con đã nhận thức được bốn lai diện mục chưa? Nếu con đã thấy được bốn lai diện mục, mình tâm kiến tánh, thì con nên nhận biết ông chủ – tức Phật tánh, nay con thử nói xem!

Đồng tử này rất nghịch ngợm, cho nên chú ta nói:

–Con lấy vô sở trụ là bốn lai diện mục của con, mà kiến tánh của con chính là ông chủ.

Lục Tổ Đại sư nghe Thần Hội nói như thế liền giáo huấn:

–Chú Sa-di này! Chú chỉ biết học lời nói của người ta, thật là lỗ mãng, không biết mà cho là biết, không rõ mà cho là rõ, không thấy mà cho là thấy, chính là học khẩu đầu thiên của người. Chú chỉ học những lời dư thừa của người, người ta nói xong chú lại nói, mà không phải từ trong tự tánh của chú phát xuất ra, đây gọi là *thủ thứ ngữ* (giữ chấp lời của người).

Thần Hội gan không phải nhỏ, chú dám cùng Lục Tổ tranh biện:

–Bạch Hòa Thượng! Lúc Ngài ngồi thiền thấy hay không thấy?

Quý vị xem chú dám hỏi ngược lại Lục Tổ Đại sư, chú đồng tử này thật nghịch ngợm không dễ giáo hóa. Chú hỏi thấy không thấy như thế, Lục Tổ Đại sư là vị Tổ Sư, đương nhiên không thể chấp vào những lời nói của chú, liền cầm gậy đánh cho ba gậy, hỏi:

–Ta đánh chú, chú có đau hay không?

Không biết Thần Hội lúc đó có sợ hay không. Bị Lục Tổ Đại sư đánh cho ba gậy không biết có khóc hay không nữa?

Thần Hội trả lời:

–Con cũng đau cũng không đau.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Chú hỏi ta ngồi thiền thấy hay không. Ta cũng thấy cũng không thấy.

Thần Hội lại hỏi:

–Cái gì gọi là cũng thấy cũng không thấy?

Lục Tổ trả lời:

–Cái gì là thấy? Ta thường thấy vọng tưởng trong tâm mình. Lúc có vọng tưởng, liền lập tức đình chỉ nó. Cái gì gọi không thấy? Ta không thấy thị phi tốt xấu của người khác. Quý vị học Phật pháp đều phải chú ý chỗ này, nên cũng thấy cũng không thấy, nên thấy lỗi lầm của mình, không nên thấy lỗi lầm của người khác. Cái gì là: "Nó không tốt, nó không đúng, oan nghiệt của nó, tội của nó." Quý vị không nên canh cửa cho người khác, giống như chó giữ nhà. Mình cái gì cũng không có, mà chỉ canh cửa cho người khác.

Không nói thị phi xấu tốt của người, cho nên ta nói cũng thấy cũng không thấy. Chú nói cũng đau cũng không đau, giải thích như thế nào? Ta đánh chú nếu chú không đau thì giống như cây cỏ đá gạch. Nếu chú đau thì giống như phàm phu, chưa được khai ngộ. Chú đau thì sanh phiền não sân hận, nổi nóng giống như lửa. Chú hỏi thấy và không thấy, đó là đạo lý hai bên (nhị biên). Ta hỏi chú đau hay không đau là pháp sanh diệt. Chú vẫn chưa nhận biết được kiến tánh của mình! Lại lớn gan dám lại trêu chọc người, cùng người tranh biện.

Thần Hội nghe xong liền biết đạo lý mình nói ra không cứu cánh, không viên mãn, cho nên khấu đầu đánh lễ, sám hối nhận tội.

*

Sư nói: "Nếu người vì tâm mê, chẳng thấy tánh mình, thì hỏi bực Thiện tri thức mà tìm đường Chánh giác. Còn nếu người tỏ sáng, tự thấy tánh mình, thì y theo pháp mà tu hành. Người tự mê, chẳng thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy, tự ta biết, há thể cái mê của người được sao? Còn nếu người tự thấy cũng chẳng thể cái mê của ta được. Sao chẳng tự biết tự thấy (tâm tánh của mình), lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy?"

Thần Hội làm lễ một lần nữa, lạy Tổ Sư hơn trăm lạy, xin tha tội lỗi, lại cần mẫn theo hầu hạ Lục Tổ chẳng rời.

Giảng:

Nếu như tâm chú không hiểu rõ, chưa kiến tánh, chú nên thỉnh giáo nơi Thiện tri thức cách thức tu hành, cách thức dụng công, nếu như đã khai ngộ có thể nhận biết được Bốn tâm, kiến tự Bốn tánh, thì nên y pháp tu hành. Chú nay tự mình mê lầm không biết Bốn tâm của mình, chú lại hỏi ta thấy và không thấy? Ta kiến tánh hay không kiến tánh, tự ta biết, ta làm sao có thể thay thế sự mê lầm của chú. Cái mê của chú, ta thế không được! Nếu chú tự kiến tánh, chú cũng không thay thế được cái mê của ta. Tại sao chú không tự mình hồi quang phản chiếu, tự biết mình thấy hay không thấy? Nay chú giống ruồi bên ngoài tìm cầu, cùng ta đấu cơ phong, hỏi ta thấy hay không thấy, ta thấy hay không thấy có quan hệ gì đến chú?

Thần Hội nghe xong biết mình thật sai lầm, sao dám lớn gan như thế! Không tự lượng sức mình! Cho nên nói: "Trước cửa thánh nhân bán Bách Tánh," đến trước cửa của Không Phu Tử rao bán sách Bách Gia Tánh, nói

sách của tôi là có giá trị nhất, các ông có ai mua không? Có câu: "Ban môn lộng phủ," múa búa trước Lỗ Ban. Thần Hội sám hối, đánh lễ hơn trăm lạy:

–Kính mong Đại sư tha thứ cho con, con đã sai lầm. Con là đứa trẻ còn khờ khạo, không biết trời cao đất dày.

Sau khi trước mặt Đại sư nhận tội, Thần Hội bèn ở lại làm công quả. Tất cả những công việc nặng nhẹ gì Thần Hội đều làm hết, ngày ngày theo Lục Tổ Đại sư nghe kinh thính pháp, làm thị giả cho Lục Tổ. Trong những môn đồ của Lục Tổ Đại sư, Thần Hội tuổi nhỏ nhất, mà cũng nghịch ngợm nhất.

*

Một ngày kia Đại sư bảo đồ chúng rằng: "Ta có một vật không đầu không đuôi, không tên không chữ, không lưng không mặt, các ông biết chăng?"

Thần Hội bước ra bạch rằng: "Ấy là cái bốn nguyên của chư Phật, là cái Phật tánh của Thần Hội."

Sư nói: "Ta đã nói với người, vật không tên không chữ, người lại kêu là Bốn nguyên, là Phật tánh! Hãy đi lấy cỏ tranh che đầu, người chỉ có thể thành một tông đồ tri giải mà thôi."

Sau khi Tổ Sư tịch rồi, Thần Hội vào thành Lạc Dương mở rộng môn Đốn giáo Tào Khê làm sách Hiến Tông Ký, truyền bá ở thế gian rất thanh hành. Người đời tôn xưng là Hà Trạch Thiền sư.

Giảng:

Một ngày họ Lục Tổ Đại sư nói với đại chúng:

–Tôi có một vật, các ông đoán coi là cái gì? Nó không có đầu cũng không có đuôi, không có danh cũng không có tự. (Giống như An Từ là tên của tôi, Độ Luân là tự của tôi, Tuyên Hóa là pháp danh). Không có lưng cũng không có mặt, các ông có biết vật này không?

Mọi người đều im lặng không có lời đáp, bất luận có biết hay không biết, đều không lên tiếng. Mà chú bé Thần Hội này khi thấy mọi người không lên tiếng bèn chạy ra nói:

–Vật này con biết, đó là bốn nguyên của Chư Phật, Phật tánh của Thần Hội.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Tôi đã nói với chú rồi! Nó không có danh cũng không có tự. Tại sao chú lại kêu nó là Bốn nguyên, là Phật tánh? Chú đến bên kia lấy cỏ tranh che đầu cho xong. Chú là đứa bé, chỉ có thể trở thành một môn đồ có tri giải thiên tông, chú chưa có chân chánh hiểu rõ.

Tuy là một trận la rầy, nhưng sự thật đó là ấn chứng. Nói chú là tri giải tông đồ, giai đoạn này cũng đã rất khó làm được.

Sau khi Lục Tổ Đại sư viên tịch nhập Niết Bàn, Thần Hội liền đến kinh thành Lạc Dương, phát dương rộng lớn đốn giáo Tào Khê, trước tác *Hiển Tông Ký* – thuyết minh hai tông Nam Bắc, thuyết minh Nam tông Lục Tổ Đại sư là Tổ Sư chân chánh, mà Bắc tông Thần Tú Đại sư là Tổ Sư giả vì không được truyền pháp tâm ấn, cho nên Thần Tú là Tổ Sư ngụy tạo. Sách này lưu thông rộng rãi, thịnh hành ở đời. Nếu không phải Đại sư Thần Hội trước tác *Hiển Tông Ký*, sợ rằng đồ đảng của Thần Tú sẽ đoạt đi danh hiệu của Lục Tổ Đại sư, nhưng vì có "*Hiển Tông Ký*," nên Thần Tú không dám giả mạo nữa. Pháp sư Thần Hội còn có biệt hiệu là Hà Trạch Thiên Sư, Hà Trạch là nơi Ngài cư trú.

Đại sư thấy môn đồ các phái nạn vấn Ngài, đều khởi tâm ác, bọn họ đa số nhóm tập dưới tòa của Sư. Ngài động lòng thương mà bảo rằng: "Người học Đạo, thì cả thầy niệm thiện niệm ác đều phải bỏ hết. Không tên có thể gọi, ấy là gọi là tự tánh. Cái tánh không hai, ấy gọi là Thực tánh. Do nơi Thực tánh mà lập ra cả thầy giáo môn. Vậy ngay lời này liền phải tự thấy."

Mọi người nghe nói, cả thầy đều làm lễ, xin thờ Đại sư làm thầy.

Giảng:

Lúc đó không chỉ đồ đảng của Thần Tú muốn sát hại Lục Tổ Đại sư mà các tông phái khác như Duy thức tông, Pháp Hoa tông, trưởng lão của các tông đều phái người đến khảo nghiệm Ngài, người này đưa ra vấn đề khó để hỏi, chỗ kia cũng đưa ra vấn đề khó khăn để thử thách, như có người hỏi:

–Phật trước Pháp sau hay là Pháp trước Phật sau, Phật pháp từ đâu sanh ra?

Lục Tổ Đại sư trả lời:

–Ông có thể thuyết pháp đó là Phật trước Pháp sau. Nếu ông có thể nghe pháp, đó là Pháp trước Phật sau. Phật pháp từ trong chúng sanh sanh ra.

Họ vấn nạn nhiều câu, Lục Tổ Đại sư đều trả lời cho họ, nhưng nhìn thấy tình hình có nhiều phiền phức như thế. Những người đến vấn nạn đều khởi ác tâm đối với Lục Tổ Đại sư – đều muốn giết Ngài hoặc đầu độc Ngài. Quý vị xem, làm một vị Tổ Sư thì có nhiều người phản đối Ngài như thế. Những kẻ ác này – gián điệp, đều đến đây ở, tụ tập trong môn hạ của Ngài, như thế để dễ ám hại Ngài.

Lục Tổ Đại sư nhìn thấy tình hình như thế, liền sanh lòng thương xót, nói với đại chúng:

–Chúng ta là người tu đạo, không nên có niệm ác niệm thiện, cần nên đoạn trừ dưng để sót, không cho tồn tại, ngay một danh tướng cũng không có, cái này gọi là tự tánh. *Tự tánh chính là bất nhị, tánh bất nhị cũng chính là Thực tánh*, cũng gọi Thực tướng. Trên Thực tướng mới có thể thành lập tất cả giáo môn, Thực tướng không phải ở miệng nói mà thôi, tôi nay đang nói Thực tướng này, các ông lập tức chứng đắc lý thể của Thực tướng này, như thế mới được.

Tất cả người xuất gia nghe nói ngay cái niệm thiện ác cũng không còn mà họ đến đây với ý đồ sát hại Lục Tổ hoặc làm đặc vụ tình báo, đây đều là niệm thiện ác. Nghe Lục Tổ Đại sư giảng như thế, họ được tỏ thấu, cho nên đều khấu đầu đánh lễ:

–Chúng con xin sửa đổi lỗi lầm, cải hóa tự tâm, từ đây hoàn toàn thành con người mới, chúng con xin kính bái Đại sư làm Sư phụ chúng con.

---o0o---

Phẩm Tuyên Chiếu Đệ Cửu

Niên hiệu Thần Long năm đầu, vào ngày rằm Thượng ngươn, Tắc Thiên Hoàng Thái Hậu và Trung Tông Hoàng Đế ra lời chiếu rằng:

"Trẫm thỉnh An, Tú nhị vị Đại sư vào cung đặng cúng dường, mỗi khi rảnh việc thì nghiên cứu về Nhất thừa. Nhưng hai Sư đều nhượng rằng: ‘Ở phương Nam có Huệ Năng Thiền sư được mật thọ y pháp của Hoàng Nhãn Đại sư. Ấy là người truyền tâm ấn của Phật. Vậy nên thỉnh người mà hỏi Đạo.’ Nay sai nội thị là Tiết Giản mang chiếu nghinh thỉnh, xin Tổ Sư từ bi niệm tình mau đến Kinh-đô."

Giảng:

Thần Long là niên hiệu của Đường Trung Tông, thượng nguyên nhật tức là tiết nguyên tiêu ngày mười lăm tháng giêng. Ngày mười lăm tháng bảy gọi là Trung nguyên nhật. Võ Tắc Thiên là nữ Hoàng đế đời Đường, rất sùng tín và ủng hộ Phật giáo, nhưng vị nữ Hoàng đế này không có giữ gìn quy củ, bất cứ việc gì bà cũng dám làm, nhưng bà lại có lòng tin đối với Phật giáo vì thế bà đều thỉnh các Đại đức Cao Tăng đương thời vào hoàng cung cúng dường.

Trung Tông là con của Võ Tắc Thiên, lên ngôi không bao năm, Võ Tắc Thiên liền biếm chức cho làm Lỗ Lãng Vương, và tự mình tức vị, lên làm Hoàng đế. Bà hạ chiếu thư, viết:

–Trẫm đã cung thỉnh Huệ An Thiên sư ở Tung Nhạc và Bắc Tông Thần Tú Đại sư vào hoàng cung cúng dường. Sau khi xử lý muôn ngàn việc quốc sự nặng nề, giờ rảnh ra trẫm thường nghiên cứu pháp môn đốn giáo. Nhưng hai vị Pháp sư này đều nhường nói: "Đạo đức của chúng tôi không bằng Đại sư Huệ Năng ở Quảng Đông Nam phương. Huệ Năng Đại sư là người mật thọ y bát của Ngũ Tổ Đại sư Hoằng Nhẫn, là người kế thừa chân chánh Pháp môn truyền Phật tâm ấn, vì vậy nên mời Huệ Năng Đại sư đến học hỏi." Và vì thế mà nay trẫm phái nội thị trong cung (tức Thái giám trong cung), tên gọi Tiết Giản, mang chiếu thư của Hoàng đế đến cung thỉnh Đại sư. Kính mong Đại sư thương xót chúng sanh mau chóng đến Kinh đô – Trường An.

*

Sư dâng sớ cáo bệnh xin từ, nguyện trọn đời ở chốn rừng non.

Tiết Giản bạch: "Ở Kinh-thành các vị Thiên đức đều nói rằng: Muốn đăng tâm ngộ Đại Đạo tất phải ngồi thiền tập định. Nếu chẳng nhờ thiền định mà đăng giải thoát, thì điều ấy chưa từng có, chẳng biết lời dạy của Tổ Sư như thế nào?"

Giảng:

Lục Tổ Đại sư viết một biểu chương, cũng chính là thư trả lời: "Tôi nhiều bệnh." Kỳ thực Lục Tổ Đại sư không có bệnh, đây chỉ là nói lời phương tiện, không phải nói lời vọng ngữ, tại sao vậy? Vì Lục Tổ Đại sư không muốn yết kiến Hoàng đế, nhất là không muốn yết kiến nữ Hoàng đế, huống chi bà lại không có chú ý đến việc quy củ, lại không giữ gìn giới luật, cho nên không vui gặp bà. Nhưng Lục Tổ không thể nói: "Bà là nữ Hoàng đế, tôi là Tổ Sư, tôi không cần phải yết kiến nữ Hoàng đế," cho nên cáo bệnh, thoái thác nói: "Tôi đã lớn tuổi, lại có nhiều bệnh, tôi nguyện suốt đời ở nơi rừng núi."

Đây là phẩm thứ chín, trong bốn chú thích của Đinh Phúc Bảo nói: Đây là *Phẩm Hộ Pháp*, là điều sai lầm, nên là "Phẩm Tuyên Chiếu." Tuyên tức là Hoàng đế thỉnh Lục Tổ Đại sư vào hoàng cung cúng dường, Chiếu tức là chiếu thư; tuyên đọc chiếu thư của Hoàng đế thỉnh Lục Tổ Đại sư đến Kinh đô, không thể gọi là Phẩm Hộ Pháp.

Tiết Giản nói:

—Các vị Đại đức ở Kinh Thành đều nói như thế này, nếu hành giả muốn hiểu rõ đạo pháp cần phải tọa thiền, tu tập định lực. Nếu không phải do thiền định mà được giải thoát, đây là điều không bao giờ có. Con không biết Tổ Sư Ngài thuyết pháp như thế nào?

*

Đại sư nói: "Đạo do tâm mà ngộ, đâu phải do ngồi. Kinh nói: ‘Nếu nói Như Lai hoặc nằm hoặc ngồi là hành tà đạo. Bởi cố sao? Không từ chỗ nào mà lại, cũng không từ chỗ nào mà đi.’ Không sanh không diệt là tánh Như Lai thanh tịnh thiên. Các pháp đều vắng lặng trống không là tánh Như Lai thanh tịnh tọa. Thế là cứu cánh không chứng đắc, hà

huống là ngòi!"

Giảng:

Lục Tổ Đại sư tuy không biết chữ, nhưng những lời Ngài giảng ra, người tầm thường khó có thể ngộ đến. Ngài nói:

–Đạo là từ trong tâm ngộ, sao có thể chỉ là ngòi? Chỉ ngòi thì không thể được. Hiểu rõ, khai ngộ đạo lý Phật pháp, gọi là "giải." Ngòi là hành, nếu chỉ hành mà không giải, đó là ngu si. Nếu chỉ giải mà không hành, đó là khẩu đầu thiên. Cho nên hiểu rõ xong, thân cần phải nỗ lực thực hành, chớ không phải suốt ngày ngòi hoài, ngòi mấy chục năm, một chút đạo lý cũng không hiểu, tâm mình cũng không thể khai ngộ.

Kinh Kim Cang nói: "Nếu có người nói Như Lai, như đến, như đi, như ngòi, như nằm, thì người này không hiểu nghĩa của Ta nói. Tại sao vậy? Như Lai là vô sở tùng lai cũng vô sở khứ, cho nên gọi là Như Lai." Nếu nói Phật là ngòi hoài hoặc nằm hoài, đó là bàng môn ngoại đạo. Tại sao vậy? Vì Phật là vô sở tùng lai, cũng là vô sở khứ, Ngài cũng không sanh cũng không diệt, đó mới là Như Lai thanh tịnh thiên. Tất cả pháp vốn không tịch, đây là Như Lai thanh tịnh tọa. Cứu cánh thì không có chỗ chứng đắc, sao lại muốn ông ngòi hoài? Thường ngòi hoài cũng là một loại chấp trước.

*

Tiết Gián bạch: "Đệ tử về kinh, Chúa-thượng ắt hỏi. Xin Tổ Sư từ bi dạy chỗ yếu chỉ về tâm tánh, đặng truyền tấu lại lưỡng cung (Thái hậu và vua) cùng các vị học Đạo trong Kinh thành. Tỷ như một ngọn đèn mờ ra trăm ngàn ngọn, các chỗ tối đều sáng, sáng sáng không cùng."

Sư nói: "Đạo không sáng tối, sáng tối là cái nghĩa thay thế. Sáng sáng không cùng, cũng là có cùng. Hai cái tối sáng đối đãi nhau mà lập ra cái tên, cho nên kinh Tịnh Danh nói: ‘Pháp không có chi sánh, không

có gì tương đối được.’”

Giảng:

Tiết Giản nói:

–Khi đệ tử hồi kinh, Hoàng đế nhất định hỏi đệ tử, kính mong Đại sư phát đại từ bi, chỉ thị đạo lý quan trọng dùng tâm ấn tâm, khiến con trở về bầm cáo Hoàng đế, và để cho những người học đạo trong Kinh thành đều biết. Giống như một ngọn đèn có thể châm mỗi trăm ngàn ngọn đèn, khiến cho chỗ hắc ám cũng được quang minh, khiến cho ánh sáng quang minh không cùng không tận.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Bốn thể của Đạo, cũng chính là bốn thể của tánh, không có minh, cũng không có ám, minh ám chỉ là ý nghĩa đối đãi. Minh đến thì ám đi, ám đến thì minh đi, minh thay thế cho cái ám này, ám thay thế cho cái minh này. Ông nghe nói "Minh minh vô tận," đó cũng là hữu tận. Tại sao vậy? Vì nó là pháp đối đãi, minh đối với ám, có đối đãi thì có hữu tận. Cho nên *Kinh Duy Ma Cật* nói: "Pháp thì không thể so sánh, nó là tuyệt đãi mà không phải tương đãi, là tuyệt đối mà không phải tương đối."

*

Tiết Giản bạch: "Sáng tý như trí huệ, tối tý như phiền não. Người tu hành nếu như không lấy trí huệ mà chiếu phá phiền não, thì nhờ đâu mà ra khỏi chỗ vô thủy sanh tử?"

Sư nói: "Phiền não tức là Bồ-đề, chẳng phải hai và chẳng phải khác nhau. Lấy trí huệ mà chiếu phá phiền não, là chỗ thấy hiểu của hàng Nhị thừa, là cái căn cơ của xe nai, xe dê. Bực đại trí thượng căn chẳng

phải làm như vậy."

Giảng:

Tiết Giản nói:

–Minh là ví dụ cho trí huệ, ám ví dụ cho phiền não. Tất cả người học đạo, nếu không dùng trí huệ phá tan tất cả phiền não, thì sanh tử từ vô thủy kiếp cho đến hôm nay nương vào cái gì mà có thể xuất ly?

Lục Tổ Đại sư trả lời:

–Phiền não tức là Bồ đề giác tánh, ông không nên đem phiền não và Bồ đề phân chia làm hai thứ, chúng nó thì không có sai khác. Nếu ông muốn dùng trí huệ chiếu tan phiền não, đây là kiến giải của Nhị thừa – Thịnh văn, Duyên giác, không phải là nứt Phật thừa của Đại thừa. Thịnh văn Duyên giác giống như cơ duyên của xe dê, xe nai, mà trí huệ tối thượng thừa và chúng sanh căn tánh tối thượng, phương pháp tu hành của họ hoàn toàn không phải như thế.

*

Tiết Giản bạch: "Chỗ thấy hiểu của bậc Đại thừa như thế nào?"

Sư nói: "Sáng và không sáng, người phàm thấy có hai, còn người trí rõ thông, thấy cái tánh sáng và không sáng chẳng phải là hai. Cái tánh không hai chính là Thật tánh. Cái Thật tánh ở nơi phàm phu mà chẳng bớt, ở nơi Hiền Thánh mà chẳng thêm, ở nơi phiền não mà chẳng rối, ở nơi cảnh thiền định mà không lặng, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng lại chẳng đi, chẳng phải ở giữa, ở trong hay ở ngoài, chẳng sanh chẳng diệt; tánh và tướng đều như như, thường trụ, không dời đổi. Cho nên gọi cái Thật tánh là Đạo."

Giảng:

Tiết Giản nói:

–Cái gì là kiến giải Đại thừa?

Lục Tổ Đại sư trả lời:

–Minh và vô minh, kẻ phàm phu xem đó là hai loại khác nhau, nhưng người có trí huệ thì hiểu rõ tánh của nó không có hai thứ, là tánh *vô nhị*, đó là Thực tánh. Cái gì gọi là Thực tánh? Chính là trong chúng sanh ngu muội, nó không giảm; trên địa vị người thánh nhân, nó cũng không tăng. Trong cảnh giới phiền não nó không loạn, lúc thiền định nó cũng không có tịch tĩnh. Nó là cũng động cũng tịnh, cũng tịnh cũng động, không đoạn cũng không thường, không đến cũng không đi, không ở chính giữa, không ở bên trong, không ở bên ngoài, không sanh không diệt, tánh cũng như như, tướng cũng như như, tánh tướng đều là như thể. Nó là thường trụ không động, vì thế đặt tên cho nó là "Đạo."

*

Tiết Giản bạch: "Đại sư nói cái lý chẳng sanh chẳng diệt, trong đó có chỗ nào khác với cái thuyết của ngoại đạo chẳng?"

Sư nói: "Cái sở thuyết của ngoại đạo nói rằng chẳng sanh chẳng diệt, là đem cái diệt dứt cái sanh, lấy cái sanh mà bày rõ cái diệt, nhưng diệt mà cũng như chẳng diệt, sanh mà nói chẳng sanh. Còn ta nói chẳng sanh chẳng diệt, nghĩa là cái tánh Bản-lai vốn tự không sanh, nay cũng chẳng diệt, cho nên cái thuyết sanh diệt của ta chẳng giống với cái thuyết sanh diệt của ngoại đạo. Ông muốn biết chỗ yếu chỉ của tâm, thì đừng suy tính đến cả thấy các điều thiện ác. Như thế, tự nhiên đặt vào cái tâm thể trong sạch, phẳng bằng vắng lặng, diệu dụng vô cùng."

Giảng:

Tiết Giản hỏi:

–Đại sư thuyết bất sanh bất diệt, cùng với ngoại đạo nói ra đâu cái gì sai khác?

Lục Tổ Đại sư trả lời:

–Ngoại đạo nói bất sanh bất diệt, diệt rồi thì không sanh, đình chỉ cái sanh, lấy sanh để hiển diệt, cho nên nói sanh diệt là hai thứ. Tuy nói nó diệt, nhưng không phải chân diệt. Tuy tiếp tục sanh, nhưng nói không sanh. Còn tôi nói bất sanh bất diệt, là bốn lai nó không có sanh, cho nên nay nó cũng không có diệt; vì vậy, tôi nói bất sanh bất diệt thì không giống với lời nói của ngoại đạo. Ông muốn biết tánh quan trọng của tâm địa pháp môn, truyền tâm diệu pháp thì không nên suy tính nghĩ tưởng tất cả thiện và tất cả ác, lúc đó ông tự nhiên sẽ hiểu rõ đạo lý này, mà đặc nhập tâm thể thanh tịnh vốn có – nó là vĩnh viễn trạm nhiên thanh tịnh, mà không phải tạm thời thanh tịnh. Tuy nó là trạm nhiên thường tịch, nhưng trong Chân không của nó có Diệu hữu, công dụng vi diệu của nó còn nhiều hơn hằng hà sa số.

*

Tiết Giản nhờ Đại sư chỉ dạy, hoát nhiên đại ngộ, làm lễ từ giả về kinh đô, dâng biểu các lời Đại sư giảng dạy.

Ngày mồng ba tháng chín năm ấy, có lời chiếu dụ rằng:

"Đại sư đã cáo từ bởi già bệnh, vậy hãy vì trăm mà hành đạo, để tạo phước điền cho nước nhà. Đại sư cũng như Ngài Duy Ma Cật, mặc dầu bệnh hoạn cũng ở lại Tỳ-da-ly mà xiển dương môn Đại thừa, truyền tâm ấn của chư Phật và tuyên bày pháp bất nhị.

Tiết Giản có truyền lại chỗ Đại sư chỉ dạy về cái tri kiến Phật. Trẫm nhờ chứa điều lành, có phước dư và kiếp trước đã có trồng cội lành nên nay khiến có Đại sư ra đời, mà đặng liền hiểu rõ pháp thượng thừa. Trẫm rất cảm đội ơn Đại sư, chẳng bao giờ quên. Trẫm xin dâng cho Đại sư một cái áo Cà-sa và một cái bát bằng thủy tinh.

Trẫm ra lệnh cho quan Thứ sử ở Thiều Châu sửa san miếu tự, và sắc tứ cho chùa cũ của Đại sư ở, hiệu là Quốc Ân Tự."

Giảng:

Tiết Giản được Lục Tổ Đại sư chỉ dạy rồi, hốt nhiên khai ngộ, vì thế hướng Đại sư đánh lễ từ biệt trở về Hoàng cung. Ông ta đem tất cả những đạo lý do Đại sư thuyết ra viết thành tấu chương dâng lên Hoàng đế. Mừng ba tháng chín năm đó, có một chiếu thư tưởng dụ Lục Tổ Đại sư: "Đại sư, Ngài cáo bệnh từ tạ chiếu thỉnh, vì Trẫm tu đạo, Ngài thật là phước điền của quốc gia, là vị Cao Tăng tu hành nhưt của quốc gia. Đại sư giống như cư sĩ Duy Ma trong Kinh Tịnh Danh, giả bệnh ở thành Tỳ Da. Ngài xiển dương Phật pháp Đại thừa, ở chùa Nam Hoa truyền pháp môn Phật tâm ấn, thuyết giảng pháp môn bất nhị – sanh diệt như như, tánh tướng bất nhị. Tiết Giản sau khi trở về cung truyền đạt những lời dạy của Ngài cho Trẫm, tri kiến của Ngài là tri kiến của Như Lai. Trẫm nhiều kiếp nhiều đời rộng làm việc thiện, cho nên nay có vinh hạnh như thế, cũng vì Trẫm kiếp trước gieo trồng thiện căn Bồ đề, cho nên mới có thể gặp Tổ Sư Ngài xuất thế, khiến cho Trẫm nhanh chóng hiểu rõ diệu lý tối thượng thừa. Trẫm mong ơn Ngài giáo hóa, đối với Đại sư cảm ân bất tận, ngày ngày Trẫm đều đem những lời dạy của Ngài, khấu đầu đánh lễ không ngừng, nay Trẫm kính dâng ca sa Ma Nạp do nước Cao Ly triều cống."

Y ca sa này tôi có thấy qua, do Võ Tắc Thiên cúng dường Lục Tổ Đại sư, bên trên có nhiều mảnh, mỗi mảnh có thêu một tượng Phật, nghe nói Võ Tắc Thiên tự tay thêu lấy.

Chiếu thư của Võ Tắc Thiên tiếp tục nói: "Lại dâng lên bát thủy tinh..."
Bát thủy tinh giống như lưu ly, trong ngoài thấu triệt. "Trẫm sắc lệnh Thứ
sử Thiệu Châu, trùng tu ngôi chùa do Ngài xây dựng ở Tân Châu, và nơi
quê Ngài ra đời, xây dựng một tự viện gọi là Quốc Ân Tự."

---o0o---

Phẩm Phó Chúc Đệ Thập

Một ngày kia Đại sư gọi các môn nhưn: Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như, mà nói rằng: "Chúng người chẳng phải giống như những người khác. Sau khi ta diệt độ rồi, các người mỗi người sẽ ra làm thầy một phương. Nay ta dạy các ông khi ra thuyết pháp, chẳng làm sai lạc bốn tông.

Giảng:

Phó là phân phó, Chúc là chúc phó, tức là những lời phó chúc của Lục Tổ Đại sư cho môn đồ, phẩm này là phẩm thứ mười.

Một ngày nọ Lục Tổ Đại sư kêu mười đại đệ tử, những đệ tử được Ngài truyền pháp, là Pháp Hải – vị Pháp sư ghi chép lại *Lục Tổ Đàn Kinh*, là đại đệ tử của Lục Tổ Đại sư, cho nên viết tên mình đầu tiên, Pháp sư này nhất định tranh đệ nhất mới được. Chí Thành – Thần Tú Đại sư từng phái Chí Thành làm gián điệp trộm pháp không ngờ Ngài không có trộm pháp mà lại bỏ tối theo sáng. Pháp Đạt – là vị Pháp sư niệm *Kinh Pháp Hoa* ba ngàn biến, đánh lễ đầu không sát đất. Thần Hội – là chú bé mười ba tuổi nghịch ngợm dám cùng với Lục Tổ Đại sư đấu cơ phong. Trí Thường, Trí Thông. Chí Triệt – là Phi miêu họ Trương; lại có Pháp Trân, Pháp Như v.v... mười vị đại đệ tử đều đến trước Lục Tổ, Lục Tổ nói với họ rằng:

–Các ông, mười vị đây, không giống như những người khác, các ông nên làm pháp chủ, giáo hóa một phương. Sau khi ta viên tịch, các ông đều làm bậc Thầy mô phạm của trời người một phương, là bậc đáng cho trời người cúng dường. Ta nay dạy các ông dạy một phương pháp hoằng dương Phật pháp. Các ông nên thuyết pháp như thế nào? Lúc thuyết pháp không nên làm mất đi tông chỉ của pháp môn đốn giáo.

*

Trước hết phải cử ra ba khoa pháp môn, sau dùng ba mươi sáu pháp đối; được vậy, thì dẫu ra vào mà chẳng lìa Bồ đề đạo tràng, ra vào mà chẳng rơi vào nhị nguyên. Khi nói cả thầy các pháp chớ lìa Tự tánh của mình.

Thoạt có người hỏi chúng người về Phật pháp, thì các lời nói ra phải cặp nhau, đều phải dùng pháp đối, qua lại đối nhau, rốt cùng cả hai pháp đều bỏ hết, lại không chấp chỗ bỏ ấy nữa.

Giảng:

Các ông giảng pháp nên căn cứ tam khoa, lấy tam khoa làm pháp môn căn bản, lại dùng ba mươi sáu đối đãi (hay cặp) để giảng kinh thuyết pháp. Các ông được như thế thì có thể ở tự tại ra vào trong Bồ đề đạo tràng. Lúc giảng kinh thuyết pháp, điều quan trọng nhất là không rời tự tánh mà thuyết pháp. Có người hỏi các ông Phật pháp, đạo lý mà các ông nói ra nhất định có một loại pháp đối đãi, *song quan ngữ* (lối chơi chữ) – tức nói như thế nào thì có lý như thế đó. Đối với người cần phải dùng pháp đối đãi để ứng phó. Đơn cử như vấn đề đến và đi; đến và đi thì đều giống nhau, theo nhau (tương đồng tương tuần) vì nếu không có đến sẽ không có đi, không có đi sẽ không có đến. Đến tức là nhân của đi, đi là nhân của đến; đến, đi hai pháp đều trừ, lại cũng không còn chỗ đi được nữa.

*

Ba khoa pháp môn ấy là: Âm, Giới và Nhập.

Âm là năm âm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Nhập là mười hai chỗ vào: Ngoài có sáu trần – sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; trong có sáu cửa (sáu căn) – mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Giới là mười tám giới hạn: Sáu trần, sáu cửa và sáu thức.

Tánh mình (tự tánh) bao hàm muôn pháp, nên gọi là Hàm-tàng thức. Nếu tánh khởi nghĩ tưởng, tức là tánh chuyển ra thức. Thức này lại sanh ra sáu thức, sáu thức chun ra sáu cửa, rồi gặp sáu trần. Thế thì, mười tám giới đều do tánh mình khởi dụng.

Giảng:

Cái gì là tam khoa pháp môn? Chính là âm, giới, nhập. Âm là ngũ âm, nhập là mười hai nhập, giới là mười tám giới. Ngũ âm chính là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhập là mười hai nhập, cái gì là mười hai nhập? Tức ngoài sáu trần – sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, trong sáu cửa – mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, hợp lại chính là mười hai nhập. Giới là mười tám giới – tức sáu trần, sáu cửa, sáu thức. Trong sáu căn, sáu cửa sanh ra sáu thức – nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Trong tự tánh bao hàm tất cả pháp môn, cho nên đặt tên cho nó là Hàm tàng thức, còn gọi là thức thứ tám, thức này có thể chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí. Nhưng, nếu quý vị khởi một niệm tưởng hay suy nghĩ, tức là *tư lượng*, (If you give rise to a thought or to thinking and considering), thì Hàm tàng thức sẽ chuyển ra thức thứ bảy. Từ thức thứ bảy lại sanh ra sáu thức. Sáu thức khi ra khỏi sáu cửa sẽ gặp sáu trần. Trên đây là giảng về mười tám giới, chúng nó đều là dụng, tự trong tâm sanh ra.

*

Nếu tánh mình tà, thì khởi ra mười tám điều tà. Còn tánh mình chánh thì khởi ra mười tám điều chánh. Tánh mình ứng dụng theo điều dữ, tức là chỗ ứng dụng của chúng sanh. Còn tánh mình ứng dụng theo điều lành, tức là chỗ ứng dụng của Phật. Vậy chỗ khởi dụng do đâu mà có? Do nơi tánh mình vậy.

Những pháp đối là:

–Năm pháp đối của loài vô tình ở ngoại cảnh: Trời đối với đất, mặt nhật đối với mặt nguyệt, sáng đối với tối, âm đối với dương, nước đối với lửa. Ấy là năm pháp đối.

Giảng:

Tự tánh nếu tà, thì mười tám giới biến thành tà, tự tánh nếu chánh thì mười tám giới chánh. Nếu dụng không đúng thì đó là chúng sanh dụng. Nếu dụng thiện, viên mãn đó chính là Phật dụng. Dụng từ đâu đến? Đều từ trong tự tánh sanh ra. Đây là vì tự tánh có pháp đối đãi, mà ngoại cảnh vốn là vô tình.

Cái gì gọi là ngũ đối? Nếu người hỏi trời thì đem đất đối. Nhật và nguyệt là một đối, minh và ám là một đối, âm và dương là một đối, nước và lửa là một đối, đây là năm đối.

*

Diễn bày về pháp tương thì có mười hai đối: Tiếng nói đối với pháp, có đối với không, có sắc chất đối không sắc chất, có tương đối với không tương, hữu lậu đối với vô lậu, sắc đối với không, động đối với tịnh, trong đối với đục, phàm đối với thánh, tăng đối với tục, già đối với trẻ, lớn đối với nhỏ. Ấy là mười hai pháp đối.

Giảng:

Lại có pháp tướng mười hai đối, tức là ngữ ngôn và pháp là pháp đối đãi, có và không là pháp đối đãi, hữu sắc và vô sắc là pháp đối đãi, hữu tướng và vô tướng đối, pháp hữu lậu và pháp vô lậu đối, sắc và không đối, tĩnh và động đối, trong cùng đục đối, phàm phu và thánh nhân đối, người xuất gia và người tại gia đối, già và trẻ đối, lớn và nhỏ đối, đây là mười hai đối của ngôn ngữ pháp tướng.

*

Tánh mình (tự tánh) khi khởi dụng sanh ra mười chín pháp đối: Dài đối với ngắn, tà đối với chánh, si đối với huệ, ngu đối với trí, loạn đối với định, từ đối với độc, giới đối với phi, ngay đối với vạy, thật đối với dối, hiểm đối với bình, phiền não đối với Bồ-đề, thường đối với không thường, bi đối với hại, vui đối với giận, bố thí đối với bòn sẻn, tới đối với lui, sanh đối với diệt, pháp thân đối với sắc thân, hóa thân đối với báo thân. Ấy là mười chín pháp đối.

Giảng:

Lúc Chân như Tự tánh sanh khởi tác dụng, nó có mười chín đối, tức là dài đối với ngắn, không có dài thì không hiển được cái ngắn, nếu không có ngắn thì không hiển được cái dài, cho nên dài và ngắn là pháp tương đối. Ở giữa dài ngắn là trung đạo. Giữa tà và chánh cũng là nghĩa trung đạo, cho nên tà và chánh đối. Ngu si và trí huệ đối – ngu dốt và thông minh cũng là tương đối. Loạn và định đối, tại sao trong tâm loạn? Tại vì không có định lực. Từ và độc đối, vì từ có thể ban vui. Giới và phi đối, giới tức là chư ác mạt tác, chúng thiện phụng hành, cho nên nó cùng với sai quấy đối. Ngay thẳng và cong vạy đối. Thực và hư đối. Nguy hiểm và bình an đối. Phiền não và Bồ-đề đối, thường và vô thường đối. Bi có thể bạt khổ, nó cùng với hại đối. Hoan hỷ và sân nhuế đối. Bố thí và xan tham đối, năng xả thì không có xan tham. Tiến trước và lui sau đối. Sanh và diệt đối. Pháp thân biến mãn khắp nơi, cùng với sắc thân đối. Hóa thân với báo thân đối. Trên đây là do tự tánh sanh ra cái dụng này, có mười chín đối.

*

Ba mươi sáu pháp đối ấy, nếu hiểu mà dùng, thì nói suốt tất cả kinh pháp, ra vào đều lìa cả hai bên.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói: Ba mươi sáu đối pháp này, nếu các ông hiểu rõ dụng của nó, thì có thể quán thông tất cả Phật pháp kinh điển, tất cả Phật pháp kinh điển đều từ đạo lý này sanh ra. Được như thế thì ra vào sẽ không rơi vào hai bên, đây là trung đạo liễu nghĩa.

*

Khi tánh mình (tự tánh) động dụng, nói chuyện với người, thì ngoài đối với tướng mà phải lìa tướng, trong đối với không mà phải lìa không. Nếu toàn trước tướng tức là làm lớn thêm cái tà kiến. Bằng toàn chấp không, tức là làm lớn thêm sự vô minh. Người chấp không thường có ý chê kinh, nói rằng chẳng dùng văn tự. Đã rằng chẳng dùng văn tự, lẽ thì họ chẳng nên nói ra lời nói mới phải, vì lời nói ra tức là cái tướng của văn tự. Lại nói: "Trực tâm là đạo tràng, không lập văn tự", nhưng hai chữ "không lập" đó cũng là văn tự! Hễ thấy người ta nói thì chê lời nói của người, đấy chính là chấp trước văn tự.

Các ông phải biết tự mình mê còn dung được, sao dám chê bai kinh Phật? Chẳng nên chê kinh mà phải bị tội chướng vô cùng.

Giảng:

Lúc tự tánh sanh khởi dụng, lúc cùng người khác nói chuyện bên ngoài nên ở tướng mà ly tướng, bên trong thì nơi "không" mà ly không. Nếu các ông trong ngoài đều trước tướng, thì sẽ sanh ra tà tri tà kiến. Nếu các ông không chấp có, mà lại chấp vào không, thì sẽ tăng trưởng vô minh. Người chấp trước vào không sẽ nói như thế này: "Cái gì cũng không cần, không cần học

kinh điển, vì tất cả đều là không, không cần dùng văn tự! Văn tự là chấp tướng." Đã nói không dùng văn tự vậy thì y cũng không nên nói, vì ngữ ngôn là tướng của văn tự, văn tự chính là ngữ ngôn.

Lại nói: "Trực tâm là đạo trường, không cần lập văn tự." Cần biết hai chữ 'không lập' ở đây vẫn là văn tự, vẫn chưa có rời văn tự. Nếu thấy người liên hủy báng người, nói người chấp vào văn tự, các ông mười người cần biết tự mình mê lầm thì không nói gì, vì tự mình đã mê lầm, đó là việc mê lầm của mình. Nhưng hủy báng Phật kinh nói không công đức, thì tạo nghiệp tội vô cùng vô tận.

*

Trước tướng bên ngoài mà lập ra phép tắc để cầu Chơn đạo, hoặc rộng mở đạo tràng, hoặc nói ra những điều lỗi lầm về chỗ "có" chỗ "không," người như thế ấy, dầu tu mấy muôn kiếp, cũng không thể thấy tánh được. Phải nghe và y theo chánh pháp mà tu hành, lại cũng chẳng nên chẳng nghĩ đến mọi việc, mà đối với việc tự tánh tu đạo bị chướng ngại. Nếu nghe pháp mà chẳng tu, ắt khiến người trở lại sanh tà niệm. Phải y theo pháp mà tu hành, còn thí pháp thì đừng trụ vào tướng. Nếu các ông đều rõ, thì y theo đây mà ứng dụng, y theo đây mà hành động, y theo đây mà làm các việc, thì chẳng lạc bốn tông.

Giảng:

Nếu ông bên ngoài chấp tướng, dùng vọng tâm tác pháp cầu chân, làm muôn việc trước tướng, để cầu chân lý, hoặc kiến lập đạo trường, hoặc nói lỗi lầm có không, loại người này nhiều kiếp nhiều đời cũng không hiểu, không minh tâm kiến tánh được. Ông chỉ nên nghe lời nói của tôi, y theo pháp tu hành là được rồi. Nhưng lại không nên trăm vật không nghĩ vì đây lại biến thành *ngoan không*, đối với tự tánh tu đạo sẽ sanh ra chướng ngại.

Nếu ông chỉ nghe mà không y pháp thực hành, sẽ khiến người sanh ra tà niệm. Ông cần nên y theo lời thuyết pháp của tôi tu hành mà không chấp tướng. Nếu ông hiểu rõ đạo lý của tôi nói ra, mà y theo đạo lý của tôi đã dạy mà đi giảng kinh thuyết pháp, y theo đạo lý của tôi nói ra mà sanh ra dụng biến hóa. Y theo lời nói của tôi mà tu hành, y theo đạo lý của tôi nói ra mà thân hành thực tiễn, thì sẽ không mất đi tông chỉ của đốn giáo.

*

Nếu có người hỏi các ông về đạo nghĩa: Hỏi có thì đối không, hỏi không thì đối có, hỏi phàm thì đối thánh, hỏi thánh thì đối phàm, hai đường đối nhau thì sanh ra nghĩa trung đạo. Một câu hỏi một câu đáp, đến như các câu hỏi khác, cứ y theo đây mà thi hành thì chẳng sai lý vậy. Giả như có người hỏi sao gọi là tối? Đáp: "Sáng là nhờn, tối là duyên, sáng dứt thì tối. Lấy cái sáng mà chỉ rõ cái tối, lấy cái tối mà chỉ rõ cái sáng, qua lại đối nhau thì thành cái nghĩa trung đạo." Mấy điều hỏi khác, tất cả đều y theo cách chỉ đó mà trả lời. Ngày sau các ông có đi truyền pháp, cứ y theo pháp ấy mà truyền dạy nhau, chớ làm sai tông chỉ.

Giảng:

Khi có người hỏi ông pháp nghĩa, họ hỏi ông đạo lý "có" thì ông dùng đạo lý "không" đối, họ hỏi đạo lý "phàm phu" thì ông dùng đạo lý "thánh nhân" đối. Họ hỏi đạo lý "thánh nhân" thì ông dùng đạo lý "phàm phu" đối. Đây là đạo lý lưỡng trùng. Tương nhân tương tuần, từ trong sanh ra nghĩa lý trung đạo. Như một vấn một đối. Những cái khác đều như vậy thì không mất đi tông chỉ đốn giáo. Ví như có người hỏi ông: "Cái gì là tối?" Ông nên trả lời như thế này: "Sáng là nhân, tối là duyên của quả. Lúc sáng không có đó là tối. Lấy quang minh để hiển cái hắc ám, dùng hắc ám mới có thể hiển ra cái quang minh. Đến và đi là giống nhau, theo nhau (tương nhân tương tuần) mà thành tựu trung đạo liễu nghĩa." Các vấn đề khác cũng căn cứ theo đạo lý này mà trả lời. Sau này các ông truyền pháp đều y theo đạo lý này mà

chuyển đại pháp luân, cùng nhau giáo hóa truyền thọ, không nên làm mất đi tông chỉ chân chánh.

*

Thái Cực ngưng niên cải lại là Diên Hòa, nhằm năm Nhâm Tý, tháng bảy, Đại sư sai môn nhưn qua Tân Châu, nơi chùa Quốc Ân Tự, xây một cái tháp và đốc thúc các người làm công phải xây cho rồi sớm. Cuối mùa hạ năm kế, làm lễ lạc thành.

Ngày mồng một, tháng bảy, Đại sư nhóm các đồ chúng mà nói rằng: "Đến tháng tám, ta muốn lìa bỏ thế gian, các người có điều nào nghi, phải hiệp nhau hỏi cho sớm, ta sẽ phá nghi cho các người hết mê muội. Sau ta tịch rồi, sẽ không có người chỉ dạy các người."

Ngài Pháp Hải v.v... nghe rồi, cả thầy đều khóc mùi. Duy có Thần Hội, thần tình không động, lại cũng không khóc.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư vào niên hiệu Chánh Cực nguyên niên Đường Duệ Tông, Diên Hòa tháng bảy (vì trong tháng năm cải niên hiệu thành Diên Hòa, đến tháng tám lại cải thành Tiên Thiên nguyên niên, trong thời gian một năm đổi ba lần niên hiệu), phân phó dạy môn hạ đệ tử đến chùa Quốc Ân ở Tân Châu. Tân Châu tức quê hương của Lục Tổ Đại sư, chùa Quốc Ân là nơi cư trú lúc trước của Ngài. Ngài đến chỗ này dự bị xây tháp, và đốc thúc công trình mau hoàn tất. Đến năm thứ hai tháng bảy cuối mùa hạ khánh thành.

Ngày một tháng bảy thỉnh chuông gõ trống, chiêu tập tất cả đồ đệ đến Pháp đường, Lục Tổ Đại sư nói:

—Các ông nghe đây, tháng tám năm này tôi sẽ rời khỏi thế gian, các ông nếu còn nghi vấn gì thì sớm hỏi, tôi sẽ vì các ông phá trừ nghi hoặc, khiến nghi

hoặc trong tâm các ông trừ sạch. Nếu sau khi tôi vãng sanh viên tịch, thì không có ai giáo hối các ông, các ông có biết không? Cho nên có vấn đề gì thì hỏi mau đi.

Đệ tử thứ nhất lại là Pháp Hải, Ngài hướng dẫn tất cả đệ tử, nghe lời nói này liền khóc lớn lên, có người lén khóc, có người không sợ xấu hổ liền òa khóc, đại khái cũng có người giả bộ khóc. Nhìn thấy người bên cạnh khóc, mình không khóc coi không được. Trong đó có thiệt cũng có giả, giống như đóng kịch vậy.

Chỉ có chú Thần Hội nhỏ nhất lại không khóc, tại sao chú không khóc? Có lẽ chú không hiểu, hoặc là không có tri giác? Không phải vậy! Thần Hội tuy tuổi nhỏ, nhưng định lực không phải nhỏ, chú đã hiểu rõ bất cứ cảnh giới nào đến, đều cần phải không động, như thế mới là chân chánh học được tâm bất động. Như thế nào mới gọi "tâm bất động?" Chính là có người nói quý vị tốt, quý vị cũng không vui vẻ, có người nói quý vị xấu, quý vị cũng không tức giận. Có người nói quý vị dụng công biện đạo, quý vị cũng không vui mừng. Có người nói quý vị làm biếng nhất, quý vị cũng không phiền não. Nhưng nếu quý vị thiệt làm biếng mà có người nói, quý vị không động tâm, lại tự biện hộ nói đây là định lực, đó thiệt sai lầm. Như Thần Hội là một chú bé, thần tình không động, không hoan hỷ cũng không khóc lóc.

*

Đại sư rằng: Thần Hội tiểu sư đã chứng được bậc thiện và chẳng thiện đồng như nhau, chê khen không động, buồn vui chẳng sanh, còn giai dư các đồ đệ khác không đặng như vậy.

Ở trong núi mấy năm, các người hành đạo gì đâu? Nay các người buồn khóc là lo cho ai? Nếu lo cho ta không biết chỗ đi, thì ta đã tự biết chỗ đi rồi. Nếu ta không biết chỗ đi, thì ta chẳng báo tin cho các người hay trước. Các người buồn khóc vì chẳng biết chỗ ta đi. Nếu biết chỗ ta đi,

thì chẳng nên buồn khóc. Pháp tánh vốn không sanh diệt, khứ lai. Các người hết thấy ngồi xuống, ta nói cho các người một bài kệ gọi là "Chơn Giả Động Tĩnh Kệ." Các người hãy tụng bài kệ này, thì được đồng một tâm với ta. Y theo bài kệ ấy mà tu hành, thì chẳng sai tông chỉ.

Chúng tăng làm lễ, xin Sư làm kệ.

Giảng:

Thọ giới từ một năm đến mười năm gọi là Tiểu sư, Hạ tọa. Thọ giới mười năm đến hai mươi năm gọi Trung tọa, thọ giới hai mươi năm đến ba mươi năm gọi Thượng tọa. Lục Tổ Đại sư nói:

–Tiểu sư Thần Hội, chú ấy nay không phải là tiểu Sa Di, vì chú đã thọ cụ túc giới, các ông nhìn xem, chú ấy tuy tuổi nhỏ, nhưng tiến bộ hơn các ông nhiều, tại sao vậy? Vì chú đối với thiện, bất thiện, tốt xấu đều có thể bình đẳng đối đãi, mà không có tâm phân biệt. Chú ấy thật đã chuyển thức thành trí, có đại trí huệ.

Ông xem Lục Tổ Đại sư tán thán tiểu sư Thần Hội như thế.

"Chú ấy đối với sự hủy báng tán thán đều không động tâm, cũng không tham luyến, cũng không xả bỏ, thương ghét đều không động. Vị tiểu sư này tuy tuổi nhỏ, nhưng ông nói chú tốt, chú cũng không hoan hỷ, ông nói chú không tốt, chú cũng không nổi nóng. Chú cũng không sanh lòng bi ai, cũng không sanh lòng vui mừng, đây thật là trung đạo liễu nghĩa, thật là khó được! Các ông tuổi già cũng có, tuổi trung niên cũng có, hỏa hầu không đủ, thì không đặng rồi! Nhiều năm như thế ở trong núi, các ông tu đạo gì? Một chút định lực cũng không có, vừa nghe tôi nói vãng sanh viên tịch đều òa khóc lên. Ôi, những người như vậy thật vô tích dụng!" Mỗi người đều bị Tổ Sư la cho một trận: "Các ông tu đạo gì? Chỉ biết ăn ngủ. Các ông nay ưu buồn than khóc, ưu buồn cái gì? Các ông vì ai khóc? Khóc ai? Nếu như các

ông lo lắng cho tôi, không biết tôi đi về đâu, tôi nay nói cho các ông biết: Không nên lo lắng, yên tâm đi. Tôi biết mình đi về đâu, việc của tôi, tôi tự sắp đặt, cũng giống như: ‘Không lớn không nhỏ, không trong không ngoài, tự tu tự liễu tự an bài.’ Nếu như tôi không biết tôi đi đâu thì tôi đã không nói trước cho các ông biết tôi tháng tám sẽ ra đi. Các ông bị ai rơi lệ như thế, dường như không biết chỗ đi của tôi, nếu các ông biết chỗ đi của tôi thì không nên buồn bã khóc lóc. Tự tánh pháp, vốn không sanh diệt, nó không sanh không diệt, không có đến cũng không có đi, mọi người không nên lo lắng, không nên buồn rầu. Mọi người cùng ngồi xuống, tôi nay vì các ông thuyết một bài kệ, gọi là "*Chân Giả Động Tĩnh Kệ*." Bài kệ này giảng về đạo lý chân, cũng giảng về ý nghĩa giả, đạo lý động, đạo lý tịnh. Sau khi các ông niệm tụng bài kệ này, cần phải giữ gìn bảo tồn, thì tương đồng với ý của tôi. Các ông theo bài kệ này tu hành thì không làm mất đi tông chỉ đốn giáo."

Chúng Tăng sau khi bị Lục Tổ Đại sư la rầy như thế, liền khấu đầu đánh lễ, cung thỉnh Lục Tổ thuyết kệ.

*

Nhất thiết vô hữu chân,

Bất dĩ kiến ư chân.

Nhược kiến ư chân giả,

Thị kiến tận phi chân.

Nhược năng tự hữu chân,

Ly giả tức tâm chân.

Tự tâm bất ly giả,

Vô chân hà xứ chân ?

Hữu tình tức giải động,

Vô tình tức bất động.

Nhược tu bất động hạnh,

Đồng vô tình bất động.

Nhược mịch chân bất động,

Động thượng hữu bất động.

Bất động thị bất động,

Vô tình vô Phật chủng.

Năng thiện phân biệt tướng,

Đệ nhất nghĩa bất động.

Đản tác như thử kiến,

Tức thị chân như dụng.

Báo chư học đạo nhân,

Nỗ lực tu dụng ý.

Mạc ư đại thừa môn,

Khước chấp sinh tử trí.

Nhược ngôn hạ tương ưng,

Tức công luận Phật nghĩa.

Nhược thực bất tương ưng,

Hiệp chương linh hoan hỷ.

Thử tông bốn vô tránh,

Tránh tức thất đạo ý.

Chấp nghịch tránh pháp môn,

Tự tính nhập sanh tử.

Thế gian muôn vật thấy không chơn,

Chẳng khá lắm xem nhận thật chơn.

Nếu thấy nhìn đều chắc thật,

Chỗ xem thấy ấy quả không chơn.

Tự tâm rõ thấu nguồn chơn chánh,

Lìa giả thì tâm vẫn chánh chơn.

Tự tánh chẳng lìa điều huyễn giả,

Tâm mình chẳng chánh, chỗ nào chơn?

Có tình hiểu biết đương nhiên động,

Không động là loài chẳng có tình.

Học đạo nếu tu hạnh chẳng động,

*Giống loài chẳng động tức không tình.
Muốn tìm cảnh thiệt tâm không động,
Trong lúc động mà tánh chẳng lay.
Chẳng động, thiệt rỗng tâm chẳng động,
Không tình đâu có giống Như Lai!
Biệt phân các tướng đều thông suốt,
Ấy nghĩa tột cao chẳng động tu.
Hiểu thấu lý màu như thế ấy,
Tức là diệu dụng của Chơn-như.
Hỏi người học Phật tìm chơn lý,
Hành động gắng dùng ý biệt phân.
Vào cửa Đại thừa đừng cố chấp,
Mà theo sanh tử trí phàm trần.
Nói rồi nếu hiểu đồng tương ứng,
Hội luận cùng nhau Phật nghĩa chơn.
Bằng thiệt chẳng đồng tâm hiệp ý,
Kính nhau vui vẻ chớ sanh hờn.
Tông này vốn thiệt không tranh luận,
Tranh luận thì sai đạo ý thâm.*

Cửa pháp cố tranh điều trái lẽ,

Tự tâm ắt đọa chốn luân trâm.

Giảng:

Tất cả đều không phải là chân, các ông không nên xem những việc không chân là chân, nếu ở trong không chân mà cho là chân, thì những gì ông thấy không phải là chân. Nếu ông tự mình hồi quang phản chiếu trở lại tìm cầu nơi mình, trong tự tánh, liền biết nó là chân. Nếu ông có thể ly khai tất cả giả hình giả tướng ở thế gian này, đó là chân tâm của ông. Trong tâm ông không rời giả, trong tâm không có chân, thì đi đâu tìm được cái chân? Cho nên chân, không phải rời tự tánh, *rời tự tánh thì không tìm được chân.*

Cái tánh tri giác hữu tình của ông có thể hiểu rõ cái động này, nếu ông không có tánh tri giác chính là bất động. Nếu ông muốn tu hành pháp môn bất động này, thì nên giống như vô tình bất động. Nếu ông lại muốn tìm bất động chân chánh, thì không nên rời động mà tìm bất động, vì trên động thì có bất động. Bất động chính là bất động, mà động thì ở hữu tình mới có động. Nếu là hữu tình mà ông lại có thể bất động, đó là chân chánh bất động. Nếu ông không có tánh tri giác, thì ngay chủng tánh Phật ông cũng không có. Trên tánh tri giác hữu tình của ông, không dùng thức tâm phân biệt, mà dùng Thành Sở Tác Trí để phân biệt các pháp tướng, chứng đắc lý thể tự tánh, đạt đến cảnh giới Đệ nhất nghĩa, đó mới là chân chánh *bất động*. Nếu ông chỉ có kiến giải này, thì đó là diệu dụng Chân như.

Tôi nay nói cho các ông, những người học đạo biết! Các ông cần phải nỗ lực thành tâm tu hành. Không nên ở trong pháp môn Đại thừa Phật pháp, lại chấp trước trí huệ sanh tử của ông, trí huệ chấp tướng. Tôi nay vì các ông mà nói bài kệ này, nghe xong nếu có thể minh tâm kiến tánh, thì tôi có thể cùng các ông thảo luận nghĩa lý Phật pháp, nếu nghe xong mà các ông không thể lập tức tương ưng, minh tâm kiến tánh, thì cũng nên chấp tay khiến cho tất cả chúng sanh hoan hỷ. Tông này của tôi là tu vô sanh pháp

nhân, không có chỗ tranh luận, không cùng người tranh chấp. Nếu ông cùng người tranh chấp thì mất đi đạo nghĩa, mất đi bốn thể của đạo, cho nên nói: "Tranh là tâm thẳng phụ, là tương nghịch với đạo, liền sanh tâm tứ tướng, sao đắc được tam muội?" Nếu ông chấp vào pháp môn tranh luận, thì không thể ra khỏi vòng luân hồi sanh tử.

*

Khi nghe kệ rồi, các đồ chúng đều làm lễ. Cả thầy đều thể theo bốn ý của Đại sư, mỗi người nhiếp tâm, y pháp tu hành, lại chẳng dám tranh luận nữa.

Biết rằng Đại sư chẳng còn ở lâu tại thế, thầy Thượng Tọa Pháp Hải lại làm lễ mà hỏi rằng: "Sau khi Hòa Thượng nhập diệt rồi, y pháp phải truyền cho ai?"

Giảng:

Lúc đó, đồ đệ của Lục Tổ Đại sư ở Chùa Nam Hoa, nghe xong bài kệ này, đều kiên thành khấu đầu đánh lễ, và đều hiểu rõ tâm ý của Đại sư, tất cả mọi người nay không còn khóc còn la nữa, cũng không cùng nhau biện luận, từ đây y pháp tu hành, không cùng nhau tranh biện. Mọi người đều biết Lục Tổ Đại sư tại thế chỉ còn hơn một tháng thôi, vì thế Thượng Tọa Pháp Hải (Thượng Tọa lúc nào cũng không quên được mình, lúc nào cũng tranh đứng nhất), lại lễ bái hỏi Đại sư:

–Bạch Hòa thượng! Sau khi Ngài viên tịch, y pháp nên giao phó cho ai?

Thượng Tọa cũng muốn tiếp thọ y bát này.

*

Đại sư nói: "Các lời ta thuyết pháp từ lúc ở Chùa Đại Phạm đến ngày nay đều nên biên chép lại mà lưu hành, và để tựa đề là ‘Pháp Bảo Đàn Kinh.’ Các người hãy giữ gìn, thay thế nhau mà truyền thọ để độ chúng sanh. Hãy y theo lời kinh này mà tu hành, ấy gọi là chánh pháp.

Nay ta nói pháp cho các người, mà chẳng giao cho cái áo Ca-sa, là bởi tín căn của các người đã thuần thực, chắc chắn không nghi, có thể nhậm kham việc lớn. Lại cứ như ý bài kệ của tiên tổ Đạt Ma Đại sư để lại, thì cái áo Ca-sa chẳng nên truyền. Kệ rằng:

Ta đến cõi này,

Truyền pháp cứu mê tình.

Một hoa nở năm cánh,

Kết quả tự nhiên thành.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói:

–Tôi ở Chùa Đại Phạm Thiệu Châu thuyết pháp, những điều sao chép lưu thông cho đến hôm nay, bộ kinh này gọi là **Pháp Bảo Đàn Kinh**, các ông cần phải giữ gìn thủ hộ Pháp bảo này, cần chuyển chuyển lưu thông, cùng nhau sao chép truyền thọ, rộng độ tất cả chúng sanh. Nếu ông y theo phương pháp này tu hành, đó là chánh pháp. Các ông nay đã hiểu rõ những lời thuyết pháp của tôi dạy cho các ông, cho nên không cần phải truyền y này. Vì y là vật biểu tín, mà các ông đều là những người tín căn thuần thực, đối với quyết định của tôi không có hoài nghi, chướng ngại, đều có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai để giáo hóa chúng sanh. Nhưng cần nói thêm, căn cứ tiên đại Tổ Sư, Bồ Đề Đạt Ma Tổ sư, bài kệ Ngài truyền thọ, ý nói: Y này bắt đầu từ tôi không nên truyền nữa.

Bài kệ của Tổ sư Đạt Ma nói:

–Tôi đến Trung Quốc, vốn là muốn truyền chánh pháp, cứu độ tất cả chúng sanh mê tình. Một hoa của tôi sau này sẽ nở ra năm lá – tức năm vị Tổ Sư: Nhị Tổ, Tam Tổ, Tứ Tổ, Ngũ Tổ và Lục Tổ. Đến lúc đó thì không nên truyền y này, chỉ cần truyền pháp là được rồi. Cho nên Ngũ Tổ cũng nói với Lục Tổ rằng: "Y là đầu mối của sự tranh giành, đến đời ông thì không nên truyền nữa."

Các vị xem, "*kết quả tự nhiên thành,*" *quả** ở đây chính là chỉ các vị, cần phải tự nhiên thành thực. Lục Tổ Đại sư cũng nói: "Bồ đề quả tự nhiên thành," *qua* Bồ đề của các vị cần phải nhanh chóng thành tựu, điều quan trọng chính là không nên lười biếng. Các vị xem! Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma sớm đã thọ ký cho các vị rồi đó. (* Đệ tử quy y Hòa Thượng, pháp danh bắt đầu bằng chữ "Quả" vì y cứ theo bài kệ truyền thừa của Tông Quy Ngưỡng)

*

Sư lại nói rằng: "Chư Thiện tri thức! Các ngươi mỗi người phải tịnh tâm mà nghe ta nói pháp.

Nếu muốn thành tựu Nhất thiết chủng trí, thì phải đạt đến cảnh: Nhất tướng tam muội, Nhất hạnh tam muội. Đối với cả thầy các nơi mà tâm chẳng trụ vào các tướng. Trong các tướng ấy chẳng sanh lòng ghét yêu, cũng không chấp bỏ, chẳng tương đến việc lợi hại nên hư, một mực an nhàn điềm tịnh, hư dung đạm bạc, ấy gọi là Nhất tướng tam muội.

Đối với cả thầy các nơi, đi đứng ngồi nằm, phải ròng giữ một lòng ngay thật, chẳng động đạo tràng, phải thiết lòng tịnh độ, ấy gọi là Nhất hạnh tam muội.

Nếu người nào có đủ hai tam muội ấy, thì cũng như đất có hạt giống, ngâm chứa chăm nuôi cho hạt giống ấy lớn lên tới kỳ trở quả chín mọng. Nhất tướng tam muội, Nhất hạnh tam muội cũng giống như thế.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói:

–Quý vị Thiện tri thức, các ông mỗi người đều nên tự tịnh kỳ ý, không nên chứa chấp tâm tham sân si, nghe tôi nói pháp.

Các ông nếu muốn thành tựu Nhất thiết chủng trí, thì phải thông đạt *nhứt tướng tam muội, nhứt hạnh tam muội* – là tam muội nhứt tướng mà không tất cả tướng, là tam muội nhứt hạnh mà không tất cả hạnh.

Nếu ông ở khắp nơi, bất cứ nơi nào – tức không kể chỗ tốt chỗ xấu, hoặc động hoặc tịnh, mà không chấp vào tướng. Gặp phải cảnh giới không sanh tâm oán hận chán ghét hoặc yêu thích ưa mến, gọi là tâm thương ghét bất động, như như bất động. Đối với cảnh giới mà ông ưa thích cũng không nghĩ việc thủ lấy làm của mình, có lòng yêu mến thì có thủ, giống như Thập Nhị Nhân Duyên – *ái duyên thủ, thủ duyên hữu*. Tại sao lại muốn thủ? Vì muốn chiếm làm của sở hữu. Xả bỏ vì nhân ghét, lúc ông giận ghét thì xả bỏ nó. Ông không nên nghĩ đến việc lợi ích, thành hoại. Có lợi ích gì cho mình thì mới làm, đó là tâm tham, tâm phan duyên, tâm không thanh tịnh. Cũng không tính toán, như là đối với mình có thành công hoặc tổn hại gì không, chớ nên chứa chấp tâm này. An nhàn tự tại, việc gì cũng không phiền não, giống như nước không có sóng, không có phiền não của thương yêu ghét bỏ, không có phiền não của sự thủ lấy, xả bỏ, không có phiền não của lợi ích, thành hoại. Ông không nghĩ đến việc thành công, thì không biết cái gì là thất bại. Hư dung đạm bạc, như vạn vật từ hư không sanh ra, nhưng hư không *vô sở sử sự*, không có tạo tác một việc gì, nó cũng không có một nơi làm việc, bảo ông ở đây sanh ra, hoặc đến chỗ khác chết đi. Vì tất cả vạn vật sanh sanh diệt diệt, sanh sanh hóa hóa, đều là một loại hiện tượng thiên nhiên, mà không có thêm vào sự tạo tác. Rất đạm bạc chính là bình thường, thứ gì thì là thứ đó, cho nên đạm bạc để làm sáng cái trí. Không có một chút tham tâm, sân tâm, si tâm, cũng chính là thiếu dục tri túc, không có tâm phan duyên. Cho nên nói: *Tri túc thường lạc, năng nhẫn nhịn thì*

mình tự an vui, xem thường danh lợi, thì có thể ở trong tướng mà rời tướng, ở trong trần mà ra khỏi trần, vì thế gọi là nhứt tướng tam muội.

Nhứt hạnh tam muội tức là ông có thể ở bất cứ chỗ nào, vô luận là chỗ tốt, chỗ xấu, chỗ thiện, chỗ ác, chỗ thị, chỗ phi, hành trụ tọa ngọa trong bốn đại oai nghi, mọi lúc đều dùng trực tâm. Trực tâm là đạo tràng, chúng ta là người học Phật không nên dùng tâm cong queo, quý vị đối với bất cứ người nào cũng cần trực tâm, trực ngôn, trực hạnh; trong tâm không nên có sự cong cong queo queo. Trực ngôn không phải tâm nghĩ đông miệng nói tây, tâm khẩu bất nhất. Làm việc cũng trực, nói chuyện cũng trực, nếu nhân bất trực thì sau này quả cũng không trực, cho nên đi đứng nằm ngồi cần phải thuần nhứt trực tâm. Thuần nhứt tức là tinh thuần đến trực điểm, chỉ có một cái, không có hai cái. Một cái chính là trực tâm, chúng ta là người tu đạo, bất luận đối với người, đối với mình, đối với sự việc đều nên dùng trực tâm, trong tâm không nên tính toán việc người, ví dụ người đó có tiền, ta mượn ông ta một ít tiêu dùng. Dù nghèo đến cực điểm, ta cũng không nên làm những hành vi không có liêm sỉ. Nếu sau khi mượn mà trả lại thì không mất đi quân tử, nếu chỉ mượn mà không trả thì hành vi này rất đê tiện. Bất động đạo trường, chính là tâm quý vị trực, lúc quý vị có thể trực ngôn trực hạnh, bất động đạo trường đó chính là tịnh độ, đó gọi là nhứt hạnh tam muội.

Nếu người này đầy đủ nhứt tướng tam muội, nhứt hạnh tam muội, ông có thể y theo đạo lý này tu hành, giống như dưới đất gieo trồng hạt giống, chôn trong lòng đất, thời gian lâu dài liền tự nhiên sanh ra mầm Bồ-đề, thành thực thật *quả* Bồ-đề. Nhứt tướng tam muội và nhứt hạnh tam muội cũng giống như đạo lý này.

*

Nay ta nói pháp cũng giống như trời mưa thấm ướt khắp cả mặt đất, Phật tánh của các ông tử như các hạt giống gặp đám mưa pháp này, thì cả thảy đều thấm ướt và phát sanh. Người nào vâng theo tông chỉ của

ta, chắc đặng đạo Bồ đề; y theo chỗ làm của ta, ắt chứng Diệu quả. Hãy nghe ta kể:

Đất tâm chứa hạt giống,

Mưa rưới thủy nẩy mầm.

Hoa tình đốn ngộ rồi,

Quả Giác tự kết thành.

Đại sư nói kệ rồi tiếp rằng: "Pháp vốn không hai, tâm mình cũng vậy. Đạo là trong lặng không có các tướng. Các người hãy cẩn thận, chớ đắm vào cảnh không và chỉ quán cảnh tĩnh (trầm không quán tĩnh). Tâm vốn trong sạch, chẳng có gì mà chấp hay bỏ được. Mỗi người tự gắng sức và tùy duyên mà hóa độ."

Khi ấy đồ chúng làm lễ mà lui ra.

Giảng:

Tôi nay thuyết pháp, giống như dịp thời mưa xuống phổ nhuận đại địa. Đương lúc nhà nông cần mưa, thì có mưa. Nếu không cần mưa, mà mưa rất lớn thì những vật trồng trọt sẽ bị mưa làm úng. Nếu cần mưa mà không có mưa, cây cối sẽ bị khô héo mà chết.

Các ông mỗi vị vốn có Phật tánh, thì giống như những hạt giống này gặp phải mưa đúng lúc liền trường dưỡng tươi tốt, có hy vọng thành thực quả Bồ đề. Các ông là những người hiểu rõ tông chỉ tôi nói ra, nhất định đắc được Bồ đề. Nếu các ông y theo pháp của tôi nói ra mà tu hành, thì nhất định đắc được diệu quả Bồ đề. Các ông nghe tôi nói kệ, cần phải chú ý a! Tôi đã vì các ông nói nhiều pháp như thế, nhưng các ông khi nghe qua tai rồi thì tán mạn rời rạc, cho nên tôi phải dùng kệ tụng để biểu đạt rõ ràng.

Các ông đều nên tự tịnh kỳ tâm, dùng tâm nghe bài kệ của tôi.

Tâm địa tức tự tánh, nó chứa đựng tất cả hạt giống. Nay đúng lúc gặp mưa, tưới tẩm nhuần thấm hết thảy, cho nên đều sanh ra mầm Bồ đề. Hữu tình chúng sanh đốn ngộ, kịp thời hiểu rõ, kết quả cần khai hoa, khai hoa cần kết quả. Sau khi khai hoa, diệu quả Bồ đề tự nhiên thành tựu. Ông xem! "Bồ đề quả tự thành."

Tổ sư Đạt Ma nói: Kết *quả* tự nhiên thành, đây nói về các ông. Cái *quả* này có thể phổ biến khắp thế giới, kết quả tự nhiên thành, tự nhiên quả sẽ đến mọi hang cùng ngõ hẻm trên toàn thế giới, mỗi chỗ sẽ trở quả Bồ đề. Mỗi người cần tự mình thành tựu *qua* của mình, tôi không thể giúp quý vị được, nếu tự mình không thành tựu, chính là tự mình cam chịu kém cỏi, lạc hậu. Quý vị xem! Thật là khéo, pháp tự của quý vị là chữ *Qua*, tông phái của chúng ta đối với *quả* nói ra rất diệu mầu:

Tự tu thường an *qua*,

Thân truyền vô vi giáo.

Lục Tổ Đại sư nói xong phần đầu bài kệ, lại nói với mọi người:

–Tôi thuyết đốn giáo pháp môn không có hai, chỉ có một, chính là đốn giáo này, tâm cũng nên biến thành một. Đạo mà mình tu vốn thanh tịnh, và không có tất cả tướng. Tuy nói không có các tướng, nhưng các ông cũng không nên hiểu lầm nói là duy quán cái tĩnh này. Nếu ông chỉ quán *tĩnh*, đó cũng là chấp trước, đồng thời cũng không nên chấp chặt *ngoan không*. Tại sao vậy? Vì nhất thiết chúng sanh tâm vốn thanh tịnh, không có nhiễm ô, không có thủ lấy, cũng không có xả bỏ, các ông mỗi người cần nên nỗ lực tinh tấn, không nên làm biếng, tùy theo nhân duyên mà đi khắp nơi, kiến lập đạo trường, nỗ lực dụng công tu hành.

Lúc này đồ chúng của Lục Tổ Đại sư có mấy ngàn người, đều khấu đầu đánh lễ lui về một bên.

*

Ngày mồng tám, tháng bảy, thành linh Đại sư gọi các môn nhơn mà dạy rằng: "Ta muốn về Tân Châu, các ông mau sửa soạn thuyền bè."

Đại chúng buồn thảm và gắng sức cầm Ngài ở lại.

Sư nói: "Chư Phật ra đời, rồi cũng vào Niết Bàn. Có lại ắt có đi, lẽ ấy cũng là thường vậy. Cái hình hài của ta đây đi về, ắt có chỗ."

Chúng nhơn bạch rằng: "Từ đây Thầy đi, sớm muộn xin Thầy cũng trở về."

Sư nói: "Lá rụng thì về cội. Lúc ta lại đây cũng đâu có nói gì."

Chúng nhơn lại hỏi: "Chánh Pháp Nhãn Tàng sẽ truyền trao cho người nào?"

Sư nói: "Người có Đạo thìặng pháp ấy, người vô tâm thì thông hiểu."

Lại hỏi: "Ngày sau có tai nạn chi chăng?"

Sư nói: "Sau khi ta tịch diệt, năm sáu năm, sẽ có người đến lấy đầu ta. Hãy nghe lời ta thọ ký.

Kệ rằng:

Dốc lòng thờ kính giống cha sanh,

Vì đói phải toan kế lợi mình.

Gặp Mãn, gian nhơn lâm khổ nạn,

Hai quan Dương, Liễu xử phân rành."

Giảng:

Lục Tổ Đại sư vào ngày tám tháng bảy năm này, chợt nói với đại chúng rằng:

–Tôi muốn trở về Tân Châu, các ông mau mau chuẩn bị thuyền bè.

Lúc đó, trong số đông đồ đệ của Lục Tổ có người òa lên khóc. Trước kia đã khóc rồi, lần này Lục Tổ sắp đi, họ lại khóc nữa, không muốn Lục Tổ ra đi.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Mười phương ba đời Chư Phật xuất hiện ở đời vẫn thị hiện tướng Niết Bàn, có đến tất có đi, có sanh tất có diệt, đây là đạo lý rất bình thường. Thân này của tôi, nhất định có chỗ quy về.

Đại chúng nói:

–Bạch Tổ Sư, Ngài từ đây ra đi, nhưng chúng con không muốn Ngài viên tịch, nhập Niết Bàn, hy vọng sớm muộן gì Ngài cũng sẽ trở lại.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Tôi giống như chiếc lá rơi, nên trở về với cội cây, khi tới cũng không lời (vô khẩu).

Tôi nghĩ chữ "khẩu" ở đây có lẽ viết sai, nên là trở lại "vô nhựt", ý nói lúc tôi tới cũng không có ngày.

Lại thời vô khẩu, có một cách giảng khác, là khi tôi tới không có thuyết pháp, khi tôi đi cũng không có thuyết pháp, pháp tướng vốn không tăng không diệt. Tôi tuy thuyết pháp lâu năm như thế, sự thực không thuyết một pháp nào cả, cho nên nói: "khi tới không nói." Pháp vô định pháp, chỉ cần hợp lý giảng như thế nào cũng được, nhưng không nên giảng sai lầm, dẫn

người đến địa ngục. Pháp này thì bất khả thuyết, không thể dùng ngôn từ diễn bày được.

Phần đông đệ tử đều lưu luyến Lục Tổ Đại sư, cho nên đây hỏi cái này, đó hỏi cái kia, thật nhiều lời lồi thối, tôi tin rằng lúc đó Lục Tổ cảm thấy những người này thật là phiền phức, nghĩ: "Ta phải nhanh chóng ra đi."

Lại có người hỏi: "Chánh Pháp Nhãn Tạng tức y bát đã truyền cho ai?" Lúc đó nhiều người như thế đều không biết Lục Tổ Đại sư truyền pháp cho ai. Những người hỏi câu này đại khái đều có lòng tham muốn đắc được Chánh Pháp Nhãn Tạng, nếu không thì họ hỏi việc ấy làm gì? Đó cũng giống như: "Ký tại giang biên trạm, tỳu hữu vọng hải tâm." Đã đứng bên bờ sông lại muốn nhìn ra biển, nếu không muốn nhìn biển thì đứng bên bờ sông làm chi? Chúng ta có thể thấy người đương thời, đối với y bát, đều rất coi trọng.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Truyền cho ai? Ai có Đạo tôi liền truyền cho người ấy, ai không có tâm phan duyên người ấy liền hiểu rõ pháp của tôi. Người chứng đắc nhưt tướng tam muội, nhưt hạnh tam muội thì được pháp của tôi.

Lục Tổ Đại sư đắc Pháp gì? Chính là đạo lý trong mấy bài kệ tụng này. Quý vị nếu y theo đạo lý ấy mà tu hành, thì có thể đắc được pháp của Ngài.

Đồ chúng lại hỏi: "Sau này trong giáo đoàn có tai nạn, khó khăn, ma nạn hoặc có hoạn nạn gì không?" Ý nói, Lục Tổ Đại sư trong lúc sanh thời gặp phải nhiều ma nạn như thế – thuê người đến ám sát Ngài, lại phái gián điệp trộm pháp, lại có người phóng hỏa muốn thiêu chết Ngài, vô số tai nạn một lời khó nói hết. *Lục Tổ Đản Kinh* chỉ ghi lại chút ít, nhưng tin rằng lúc đó có rất nhiều tai nạn, chứ không chỉ có vài sự kiện như vậy thôi. Như có người đến trộm y bát sáu lần, đều nhân tiện muốn giết luôn Lục Tổ, nhưng vì không trộm được cho nên kinh không có ghi lại.

Lục Tổ Đại sư kêu đệ tử là Lập Khải, năm trước đi xây tháp, năm nay tháp đã xây xong, cho nên Ngài muốn trở về Tân Châu. Đồ chúng hỏi: "Sau này có còn tai nạn gì nữa không?" Ý tức hy vọng sẽ không còn tai nạn nào nữa? Mang theo khẩu khí hy vọng! Tổ Sư đã viên tịch rồi, vậy có còn ai lại muốn giết chúng con không, vì chúng con là đệ tử của Ngài, giết Ngài không được thì có thể sẽ đến giết chúng con.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Sau khi Ta viên tịch, năm sáu năm sau có người đến cắt đầu ta.

Quý vị xem, còn sống có người đến giết Ngài, sau khi viên tịch vẫn còn có người muốn lấy đầu của Ngài. Thời đó làm Tổ Sư thật khó a! Nay thì không có nghiêm trọng như thế nữa, vì thế không nên sợ hãi. Không nên nói làm Tổ Sư khó quá, tôi không muốn làm Tổ Sư, không nên thối tâm!

Nay tôi nói cho các ông một lời dự ngôn, lúc đó không có ai biết, sau này sẽ chứng minh "*đầu thượng dưỡng thân*," là một vị tăng người nước Cao Ly, muốn trộm đầu của Lục Tổ về nước cúng dường. "Đầu" là đầu của Lục Tổ Đại sư. "Thượng" là chỉ ông ta rất cung kính. "Dưỡng Thân" ý là như cúng dường Cha Mẹ vậy. Vị tăng này tên gọi là Kim Đại Bi, ông ta ở Hồng Châu thuê một người tên Trương Tịnh Mãn, đến lấy đầu Lục Tổ. Cho nên nói "*khẩu lý tu xan*." Vì sao ông ta đến trộm đầu Lục Tổ? Vì sinh kế, cần phải ăn cơm, cho nên nhận tiền của người đi chặt lấy đầu một vị Tổ Sư đã viên tịch. Đại khái vị tăng Cao Ly này rất giàu có, thuê ông ta rất nhiều tiền, vì thế ông ta đồng ý đi trộm lấy đầu Lục Tổ Đại sư. Người này gọi là Trương Tịnh Mãn, cho nên nói "*ngộ Mãn chi nạn*." *Ngộ Mãn* chính là gặp phải Trương Tịnh Mãn, chỉ dùng một tên của ông ta đưa vào trong lời dự ngôn. Vì Tịnh Mãn đến rồi thì sẽ chặt đầu Lục Tổ Đại sư. Đây cũng tính là một nạn. "*Dương Liễu vi quan*": Quan Thứ sử đương thời là Liễu Vô Thiểm, Quan Huyện tên là Dương Khản, vì thế nói *Dương Liễu vi quan*. Quả nhiên, Lục Tổ viên tịch năm sáu năm sau, vào một đêm nọ có vị Tăng nghe động tịnh trong tháp nhục thân của Ngài. Đồ đệ của Lục Tổ đã biết dự đoán của Lục

Tổ cho nên dùng sắt bao cổ Ngài lại, cho nên lúc Trương Tịnh Mãn đến dùng dao chém cổ Lục Tổ, chém như thế nào chém cũng không đứt. Dùng dao liền gây ra tiếng động khiến vị tăng canh gác giật mình tỉnh dậy, Trương Tịnh Mãn bèn vội vàng từ trong tháp chạy ra – toàn thân mặc hiệu phục. Sau đó vị tăng này vào trong tháp kiểm soát cổ của Lục Tổ Đại sư, phát hiện có dấu tích bị người dùng dao chém, vì thế liền báo với Thứ sử Thiều Châu và quan huyện, họ phái binh lính nỗ lực đi tìm trong năm ngày liền bắt được Trương Tịnh Mãn.

Liễu Vô Thiểm liền đem tên trộm này đến chùa Nam Hoa thẩm vấn: "Tại sao người dám chặt đầu Lục Tổ Đại sư?" Trương Tịnh Mãn nói: "Vì có vị tăng, ông ta muốn trộm đầu Lục Tổ, nhưng ông ta không dám làm, cho nên mượn tôi rất nhiều tiền, mà tôi thì cần tiền để sanh sống, cho nên mới bằng lòng làm việc này." Lúc đó Liễu Vô Thiểm liền hỏi đệ tử của Lục Tổ Đại sư là Thiền sư Linh Thao: "Án này nên giải quyết như thế nào?" Thiền sư Linh Thao trả lời: "Việc này nếu án theo luật nhà nước xử lý, nhất định phải chém đầu, không có cách nào khác. Nhưng trong Phật giáo, thì oán thân bình đẳng, ý của tôi hay là thả y đi; vả lại Lục Tổ Đại sư lúc trước có nói, sẽ có việc này xảy ra." Liễu Vô Thiểm nghe xong, nói: "Tôi nay mới biết Phật môn quảng đại, Phật giáo vĩ đại quá!" Vì thế tha cho Trương Tịnh Mãn.

*

Sư lại nói: "Ta tịch rồi, bảy mươi năm sau, sẽ có hai vị Bồ Tát từ Đông phương đến, một vị xuất gia, một vị tại gia, đồng thời hưng hóa, kiến lập tông phái của ta và tạo tu Phật tự. Chánh là hai vị pháp-tự xương minh chánh giáo vậy."

Giảng:

Lục Tổ Đại sư lại nói: "Bảy mươi năm sau khi ta viên tịch, có hai vị Bồ Tát từ Đông phương đến đây, một là Bồ Tát xuất gia, một là Bồ Tát tại gia, đồng thời hưng hóa." Xuất gia Bồ Tát theo truyền thuyết là Giang Tây Mã

Tổ Đạo Nhứt Tổ Sư, tất cả Tùng lâm ở Giang Tây đều do Mã Tổ xây dựng, có câu: "*Mã Tổ tạo tùng lâm, Bách Trượng lập thanh quy.*" Tại gia Bồ Tát theo truyền thuyết là cư sĩ Long Uẩn, cả gia đình Ngài đều khai ngộ, lại cùng một lúc vãng sanh nhập Niết Bàn. Cư sĩ Long Uẩn rất giàu có, ông đem tất cả vàng bạc châu báu trong nhà chất trên một chiếc thuyền, đem tiền quặng hết dưới đáy biển tặng cho Long Vương để trang nghiêm long cung, làm một việc đại bố thí. Sau đó làm nghề đan lồng trúc để sinh nhai, sống đời thanh bần, nhứt tâm tu đạo. Một ngày kia cư sĩ than rằng: "Khó! khó! khó! Như mưòi gánh mè mà rắc trên cây." Đây thật là khó, đem mưòi gánh mè từng hột, từng hột rắc trên cây. Vợ của ông nghe xong liền nói: Ông già này thật không làm nên tích sự gì, có cái gì mà khó, khó cái gì chớ? Ông xem khó, còn tôi cảm thấy đây là việc dễ nhất, cho nên nói: "Dị! Dị! Dị! Bách thảo đầu thượng Tổ Sư ý," tức trên đầu ngọn cỏ đều là ý của Tổ Sư. Con gái của ông là Linh Chiếu nói: "Cũng không khó, cũng không dễ, đói thì ăn cơm, mệt đi ngủ," con không cảm thấy khó, cũng không cảm thấy dễ, đói thì đi ăn cơm, mệt thì đi ngủ. Cư sĩ Long Uẩn tuy có vợ, nhưng hai người giống như bạn bè bình thường, không có quan hệ nam nữ như người đời. Làm cư sĩ thì nên học theo cảnh giới bất khả tư nghì này của cư sĩ Long Uẩn. Lại có người nói hai vị Bồ Tát đó, là Tổ sư Hoàng Bá và Thừa tướng Bùi Hưu. Nói hai vị nào cũng đều được. Hai vị Bồ Tát này kiến lập tông chỉ đốn giáo, trùng tu xây dựng già lam tự viện, phát dương rộng lớn Phật pháp.

*

Hỏi rằng: "Chẳng biết từ trên Phật tổ ứng hiện tới nay, đã nay truyền thọ được mấy đời? Xin Tổ Sư chỉ dạy."

Sư nói: "Cổ Phật ra đời đã vô số, không thể kể hết được. Nay kể bảy vị Phật làm đầu mà thôi."

Đời quá khứ Trang Nghiêm kiếp có: Tỳ Bà Thi Phật, Thi Khí Phật, Tỳ Xá Phù Phật.

Đời hiện tại Hiền kiếp có: Câu Lưu Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật, Thích Ca Văn Phật.

Ấy là bảy vị Phật.

Giảng:

Đại chúng lại khẫu đầu đánh lễ hỏi:

–Chúng con không biết từ lúc đức Phật đầu tiên ứng hóa cho đến hôm nay thì đã truyền thọ được bao nhiêu đời rồi? Cúi mong Tổ Sư vì chúng con khai thị.

Lục Tổ Đại sư nói:

–Từ xưa đến nay Chư Phật ứng hiện giữa đời đã vô số vô lượng, nhiều đến nổi đếm không xiết, huống chi tôi lại không biết chữ, nay chỉ lược nói bảy Đức Phật quá khứ lúc ban đầu. Kiếp quá khứ Trang Nghiêm có một ngàn Đức Phật ra đời, Đức Phật thứ chín trăm chín mươi tám tên là Tỳ Bà Thi Phật, dịch là Thảng Quán, Chủng Chủng Quán, Thảng Kiến hoặc Chủng Chủng Kiến. Vị Đức Phật thứ hai là Thi Khí Phật, dịch là Ly Hỏa, là vị Phật thứ chín trăm chín mươi chín. Vị Phật thứ ba là Tỳ Xá Phù Phật, là vị Phật cuối cùng trong kiếp Trang Nghiêm. Kiếp tiếp theo tên là Hiền kiếp. Sao gọi là Hiền kiếp? Vì trong kiếp này có rất nhiều bậc Thánh hiền, có ngàn Đức Phật ra đời. Vị Phật đầu tiên là Câu Lưu Tôn Phật, dịch là Sở Ứng Cúng, là bậc đáng cho trời người cúng dường, còn dịch là Trang Nghiêm. Vị Phật thứ hai là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật. Vị thứ ba là Ca Diếp Phật. Vị thứ tư là Thích Ca Mâu Ni Phật, tức Giáo chủ cõi thế giới Ta-bà hiện nay. Trên đây là bảy vị Phật gần nhất.

*

Trước hết Thích Ca Văn Phật truyền cho Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp Tôn giả. Ma Ha Ca Diếp Tôn giả truyền cho Nhị Tổ A Nan Tôn giả, A Nan

Tôn giả truyền cho...

Giảng:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni truyền cho đệ nhất Tổ Sư – Tôn giả Ma Ha Ca Diếp. Một lần nọ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong pháp hội, trăm vạn người trời bao quanh, tay cầm hoa Kim Đàn Mộc do Đại Phạm Thiên Vương cúng dường, những người khác đều không biết ý gì, chỉ có Tôn giả Ca Diếp mỉm cười. Phật nói: "Ta có Chánh Pháp Nhân Tàng, Niết Bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, giáo ngoại biệt truyền, pháp môn dùng tâm ấn tâm, đã phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp." Sau truyền cho đệ Nhị Tổ – Tôn giả A Nan. Đệ Tam Tổ là Tôn giả Thương Na Hòa Tu. Tôn giả này lúc mới sanh ra trên mình đã khoát một bộ y phục, Ngài lớn lên bao nhiêu thì y phục cũng lớn theo Ngài bấy nhiêu. Tôn giả A Nan sau khi độ Ngài xuất gia, y phục trên thân Ngài liền biến thành Pháp phục. Sau khi thọ Cụ túc giới, y đó lại biến thành y Tăng-già-hội. Lúc viên tịch, Ngài lưu lại y này nói: "Lúc Phật pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt tận, thì y này mới hoại. Nếu pháp chưa diệt thì y này vẫn còn tồn tại."

Đệ Thập Tổ Hiếp Tôn giả, Tôn giả này ở trong thai mẹ hơn sáu mươi năm, sau khi sanh ra râu tóc đều bạc trắng. Sau khi chào đời liền thích tu hành, gặp Đệ Cửu Tổ Tôn giả Phục Đà Mật Đa, truyền cho Ngài pháp môn Phật tâm ấn.

*

Thập nhất Phú Na Dạ Xa Tôn giả, thập nhị Mã Minh Đại Sĩ, thập tam Ca Tỳ Ma La Tôn giả, thập tứ Long Thọ Đại Sĩ, thập ngũ Ca Na Đề Bà Tôn giả, thập lục La Hầu La Đa Tôn giả, thập thất Tăng Già Nan Đề Tôn giả, thập bát Già Da Xá Đa Tôn giả, thập cửu Cưu Ma La Đa Tôn giả, nhị thập Xà Đa Đa Tôn giả.

Giảng:

Đệ Thập Nhất Tổ Phú Na Dạ Xa Tôn giả hỏi Hiếp Tôn giả rằng:

–Như thế nào mới có thể thành Phật?

Hiếp Tôn giả trả lời:

–Nay không có thành, đó chính là Phật.

Phú Na Dạ Xa Tôn giả nói:

–Nay chưa thành chính là Phật, vậy thì con làm sao biết được cái chưa thành này là Phật?

Hiếp Tôn giả nói:

–Ông làm sao biết cái chưa thành này *không* phải là Phật?

Một hỏi một đáp như thế, Phú Na Dạ Xa Tôn giả liền khai ngộ, cho nên Hiếp Tôn giả liền truyền cho Ngài pháp môn Phật tâm ấn.

Mã Minh Đại sĩ tuyệt đỉnh thông minh. Vì biết Ngài căn duyên thành thực, nên Phú Na Dạ Xa Tôn giả liền đến độ hóa Mã Minh Tôn giả làm vị Tổ Sư đời thứ mười hai.

Mã Minh Đại sĩ hỏi Phú Na Dạ Xa Tôn giả:

–Con muốn nhận biết Phật, như thế nào mới có thể nhận biết Phật?

Phú Na Dạ Xa Tôn giả nói:

–Ông không nhận biết, đó chính là Phật.

Mã Minh Đại sĩ nói:

–Cái không nhận biết chính là Phật. Vậy thì, nếu con đã không nhận biết Phật, thì thế nào biết đó là Phật?

Phú Na Dạ Xa Tôn giả nói:

–Ông đã không nhận biết Phật, thì làm sao biết đó *không* phải là Phật?

Cuộc đối thoại này cũng giống như cuộc đối thoại giữa Ngài Phú Na Dạ Xa và Hiếp Tôn giả vậy.

Mã Minh Đại sĩ nói:

–Ồ! Đây có nghĩa như cái cái cửa. Ngài nói thế này, con nói như thế kia – chúng ta phân xẻ đạo lý giống cây cửa, cửa qua cửa lại khúc gỗ vậy.

Phú Na Dạ Xa Tôn giả:

–A! Đó nghĩa là gỗ, còn cửa có nghĩa là gì?

Mã Minh Đại sĩ :

–Là giống như Ngài. Vậy gỗ nghĩa là sao?

Phú Na Dạ Xa Tôn giả trả lời:

–Ông bị tôi cửa đứt! Tôi đã giải thoát cho ông rồi đó.

Ngay lời nói đó của Phú Na Dạ Xa Tôn giả, Mã Minh Đại sĩ hoát nhiên khai ngộ, bèn theo Ngài Phú Na Dạ Xa Tôn giả xuất gia, và sau được Phú Na Dạ Xa Tôn giả truyền pháp.

Tại sao gọi là Mã Minh Đại sĩ? Mỗi khi Ngài thuyết pháp, ngựa liền kêu lên, vì có cảm ứng như thế nên gọi là Mã Minh Đại sĩ. Đại sĩ là cách gọi khác của Bồ tát.

Tổ Sư thứ mười bốn Long Thọ Đại sĩ, Ngài lấy *Kinh Hoa Nghiêm* từ Long cung, Tôn giả có trí huệ phi phạm, phát dương giáo nghĩa Đại thừa, trước tác Trung Quán Luận, Đại Trí Độ Luận v.v...

Tổ thứ mười bảy Tăng Già Nan Đề Tôn giả hỏi Tổ thứ mười tám Già Da Xá Đa Tôn giả:

–Chú bao nhiêu tuổi?

Chú đồng tử này trả lời:

–Con một trăm tuổi.

Tổ thứ mười bảy hỏi:

–Chú nhỏ tuổi như thế, sao lại là một trăm tuổi?

Chú đồng tử trả lời:

–Nếu con một trăm tuổi mà không hiểu Phật pháp, không bằng một ngày mà có thể hiểu Phật pháp.

Tổ thứ mười bảy thấy chú đồng tử thông minh như thế liền độ cho xuất gia và truyền pháp làm Tổ thứ mười tám.

*

...Huệ Năng này là Tổ thứ ba mươi ba. Từ trên các vị Tổ mỗi vị đều có vâng mạng truyền kế nhau. Ngày sau, các ông phải thay thế nhau mà lưu truyền, đừng làm trái nghịch và sai lầm.

Giảng:

Tổ thứ hai mươi một Bà Tu Bàn Đầu Tôn giả. Tổ thứ hai mươi hai là Ma Noa La Tôn giả. Tổ thứ hai mươi ba là Hạc Lạc Na Tôn giả. Tổ thứ hai mươi bốn là Sư Tử Tôn giả, Ngài cũng bị người giết. Ngài du hóa đến nước Kế Tân. Quốc vương nước này tin thờ ngoại đạo, có lãnh tụ ngoại đạo phá hoại Phật giáo, cho nên nước này lúc đó không cho phép có Tỳ kheo. Tỳ

kheo Sư Tử vì muốn giáo hóa vua nước này, cho nên du hóa đến đó. Quốc vương hỏi:

–Ông đã liễu sanh tử chưa?

Tỳ kheo Sư Tử trả lời:

–Tôi đã liễu rồi.

Quốc vương nói:

–Nếu ông đã liễu sanh tử thì nên bố thí đầu ông cho trăm. Vì Phật giáo khuyên người hành Bồ Tát đạo, cần bố thí đầu mắt não tủy, Trẫm nay muốn đầu của ông, ông có thể bố thí không?

Tỳ kheo Sư Tử trả lời:

–Có thể. Tôi sanh tử đã liễu. Cái đầu này có đáng gì đâu. Bệ hạ cứ việc lấy đi.

Nhà vua nghe Ngài nói như thế, liền lấy bảo kiếm chém đầu Ngài, đầu chém đứt xuống liền tuôn ra dòng nước trắng, không có máu chảy. Quốc vương dùng kiếm chém đầu Tỳ kheo Sư Tử, cánh tay của nhà vua cũng lập tức đứt đoạn! Vì nhà vua đã phạm vào tội giết A-la-hán. Lúc này Quốc vương mới tin vào sự bất khả tư nghì của Phật pháp, liền chém đầu lãnh tụ ngoại đạo, nhưng nhóm người ngoại đạo thì giống như phàm phu bình thường, chém thì chém cũng không có tuôn ra dòng nước trắng hoặc hiện ra những thối tướng kỳ đặc. Sau đó nhà vua liền thông cáo toàn quốc, không cho phép ngoại đạo lưu truyền, phục hưng Phật giáo, từ đó về sau Phật giáo phát triển rất mạnh.

Lục Tổ nói:

–Các vị! Chư Tổ ở trên đều có truyền thừa, dùng tâm ấn tâm, các ông về sau đời đời truyền thọ, không nên để cho Phật pháp đoạn tuyệt.

Đại chúng nghe Lục Tổ Đại sư thuyết về lịch đại Tổ sư đều sanh lòng tín tâm, khấu đầu đánh lễ lui về một bên.

*

Niên hiệu Tiên Thiên thứ hai, nhằm năm Quý Sửu, tháng tám, ngày mùng ba, tại chùa Quốc Ân, sau khi thọ trai rồi, Đại sư bèn kêu đại chúng mà bảo rằng:

"Chúng người hãy theo ngôi thứ mà ngồi, ta sắp từ biệt chúng người."

Pháp Hải bạch rằng: "Hòa Thượng để lại giáo pháp gì, khiến cho những người mê muội đời sau đặng thấy Phật tánh?"

Giảng:

Lục Tổ Đại sư vào ngày mùng ba tháng tám năm thứ hai niên hiệu Tiên Thiên, tại chùa Quốc Ân, Tân Châu (quê hương của Ngài), sau khi độ trai xong, nói với đồ chúng:

–Các ông theo thứ tự mà ngồi (trong Phật giáo người thọ giới trước ngồi trước, người thọ giới sau ngồi sau, lấy giới luật làm thứ tự tôn ty). Tôi nay cùng với các ông từ biệt.

Pháp Hải là vị trưởng lão dưới tòa Tổ Sư, cao hơn những người khác, nên lúc nào Ngài cũng đều đứng ra thưa chuyện, vì thế Ngài nói với Lục Tổ Đại sư:

–Không biết Hòa thượng lưu lại giáo pháp gì, khiến cho kẻ mê đời sau được minh tâm kiến tánh ?

*

Sư nói: "Chúng người hãy chú tâm nghe cho rõ. Những người mê muội đời sau nếu nhận thức được chúng sanh thì nhận thức được Phật tánh. Bằng chẳng nhận biết chúng sanh, thì muôn kiếp tìm Phật ắt khó gặp. Nay ta dạy các người thế nào biết chúng sanh ở tâm mình, thấy Phật tánh ở tâm mình. Muốn cầu thấy Phật thì chỉ cần biết chúng sanh. Chỉ vì chúng sanh mê (không nhận thức được) Phật, chớ chẳng phải Phật mê (không nhận thức được) chúng sanh. Nếu tánh mình giác thì chúng sanh là Phật. Bằng tánh mình mê muội, thì Phật là chúng sanh. Tánh mình bình đẳng, thì chúng sanh là Phật. Tánh mình tà hiểm, thì Phật là chúng sanh. Nếu tâm chúng người hiểm khúc tức là Phật ở trong chúng sanh. Một niệm bình đẳng, ngay thật, tức là chúng sanh thành Phật. Tâm ta tự có Phật, Phật ở tâm mình, mới thiệt là chơn Phật. Nếu tự mình không có tâm Phật, thì tìm chơn Phật ở nơi nào? Cái tự tâm của chúng người là Phật, chớ khá hồ nghi.

Thiệt sự thì, ngoài cái tâm không có một vật gì tạo được, mà chính cái Bốn tâm sanh ra chủng chủng pháp. Cho nên Kinh nói: Tâm sanh thì chủng chủng pháp đều sanh, tâm diệt thì chủng chủng pháp đều diệt.

Nay ta để lại một bài kệ đặng từ biệt chúng người. Bài kệ này gọi là "Tự Tánh Chơn Phật Kệ" – Bài kệ nói về chơn Phật ở nơi tánh mình. Người đời sau biết được cái ý chỉ của bài kệ này, thì tự mình thấy Bốn tâm, tự mình thành Phật đạo.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói:

–Các ông chú ý nghe, người mê đời sau, nếu nhận biết (recognize) được chúng sanh, thì nhận biết được Phật tánh. Nếu không nhận ra chúng sanh thì cũng không nhận ra Phật tánh. Nếu như các ông không nhận ra được chúng sanh mà đi tìm Phật tánh, thì tìm muôn kiếp cũng tìm không ra. Ông muốn tìm Phật thì nên tìm trong chúng sanh. Bồ Tát Thường Bất Khinh gặp

chúng sanh liền khấu đầu lễ bái, bởi vì Ngài cho rằng tất cả chúng sanh đều là Phật, cho nên Ngài mới có thể thành Phật. Nếu Ngài thấy mọi người đều là ma, tự Ngài cũng chính là ma.

Tôi nay dạy các ông cần nhận ra chúng sanh trong tâm của mình, nên thấy Phật tánh trong tâm của mình, không nên giông ruổi bên ngoài tìm cầu. Ông muốn thấy Phật, trước tiên phải cung kính chúng sanh; nhận thức chúng sanh là Phật, thì ông cũng sẽ minh tâm kiến tánh. Chúng sanh không nhận biết Phật, chớ không phải Phật không nhận biết chúng sanh, nếu ông tự tâm giác ngộ, vậy thì cái chúng sanh của ông là Phật. Nếu ông tự ngu si, không hiểu rõ, không giác ngộ, dù ông vốn là Phật thì nay cũng biến thành chúng sanh. Phật tánh của mình thì bình đẳng, như thế chúng sanh cũng chính là Phật. Nếu tâm ông tà hiểm, chỉ thấy người sai lầm, dù ông là Phật, nay cũng biến thành chúng sanh, cho nên Phật và chúng sanh thì chỉ trong một niệm. Nếu tâm ông không trực, cong cong queo queo, thì Phật ở trong chúng sanh; nếu ông có thể trực tâm, chúng sanh liền thành Phật. Mỗi người trong tâm đều có Phật, Phật của mình mới là chân Phật, nếu trong tâm ông một Phật cũng không có, thì ông đi đâu tìm chân Phật? Chân Phật chính là trong tâm ông phải có một chân Phật. Phật tức tâm, tâm tức Phật, ông có chánh niệm, chính là Phật, chứa chấp tà niệm chính là ma. Sanh ra một niệm thanh tịnh chính là Phật, sanh ra một niệm ô nhiễm chính là ma. Chỉ cần xem ông sanh niệm gì? Nếu ông có thể tự tịnh kỳ tâm, đó mới là chân Phật! Nếu tâm ông không thanh tịnh, không có một tâm Phật chân chánh, vậy thì ông đi đâu tìm chân Phật? Tìm không ra đâu, cho nên nói: "Phật ngồi trong tâm."

Tự tâm các ông chính là Phật, không nên giông ruổi bên ngoài tìm cầu, lại không nên sanh lòng hoài nghi. Nếu truy cầu bên ngoài thì không có một vật có thể thành lập. Vạn pháp đều từ tự tâm sanh ra. Cho nên Kinh nói: *Vì tâm sanh cho nên vạn pháp sanh, nếu tâm diệt thì vạn pháp diệt*. Cho nên: "Phật thuyết nhất thiết pháp vì độ nhất thiết tâm, nhược không tất cả tâm, đâu dùng nhất thiết pháp?" Tất cả pháp không rời tự tâm, cũng không rời tự tánh. Tôi nay lưu lại một bài kệ tụng cùng các ông già biệt:

Quý vị nên chú ý bài kệ tụng này, trong "Đàn Kinh" **quan trọng nhất** chính là bài kệ tụng sau cùng này, bài này rất hay! Lục Tổ Đại sư không những lưu cho những người thời đó mà cũng lưu cho chúng ta những người tu hành hiện nay. Tên bài kệ là: "*Tự tánh chân Phật kệ.*" Chúng ta đều có phần, đều nên y theo bài kệ này tu hành. Nếu hiểu rõ bài kệ này, thì có thể tự kiến bốn tâm, mà tự thành Phật đạo.

*

Chân như tự tính thị chân Phật.

Tà kiến tam độc thị ma vương.

Tà mê chi thời ma tại xá,

Chính kiến chi thời Phật tại đường.

Tính trung tà kiến tam độc sinh,

Tức thị ma vương lai trụ xá.

Chính kiến tự trừ tam độc tâm,

Ma biến thành Phật chân vô giả.

Pháp thân báo thân cập hóa thân,

Tam thân bốn lai thị nhất thân.

Nhược hưởng tính trung năng tự kiến,

Tức thị thành Phật Bồ đề nhân.

Bốn tòng hóa thân sinh tịnh tính.

Tịnh tính thường tại hóa thân trung.

Tính sử hóa thân hành chánh đạo.

Đương lai viên mãn chân vô cùng.

Dâm tính bốn thị tịnh tính nhân,

Trừ dâm tức thị tịnh tính thân.

Tánh trung các tự ly ngũ dục,

Kiến tính sát-na tức thị chân.

Kim sinh nhược ngộ đốn giáo môn,

Hốt ngộ tự tính kiến Thế Tôn.

Nhược dục tu hành mịch tác Phật,

Bất tri hà xứ nghĩ cầu chân,

Nhược năng tâm trung tự kiến chân,

Hữu chân tức thị thành Phật nhân.

Bất kiến tự tính ngoại mịch Phật,

Khởi tâm tổng thị đại si nhân.

Đốn giáo pháp môn kim dĩ lưu,

Cứu độ thế nhân tu tự tu.

Báo nhữ đương lai học đạo giả :

Bất tác thử kiến đại du du.

Chân như tự tánh là chân Phật.

*Tà kiến tam độc thật Ma vương.
Lúc tà mê Ma ở trong nhà,
Khi chánh kiến Phật ở trong nhà.
Trong tánh tà kiến tam độc sanh,
Tức là Ma vương đến trong nhà,
Chánh kiến tự trừ tam độc,
Ma biến thành Phật thật không giả.
Pháp thân, Báo thân và Hóa thân,
Ba thân xưa nay là một thân.
Nếu nhằm trong tánh hay tự thấy,
Tức là nhân Bồ đề thành Phật.
Vốn từ Hóa thân sanh tánh tịnh,
Tánh tịnh thường ở trong Hóa thân.
Tánh khiến Hóa thân hành chánh đạo,
Khiến sau viên mãn thật không cùng.
Tánh dâm vốn là nhân tánh tịnh,
Trừ dâm tức là thân tánh tịnh.
Trong tánh mỗi tự lìa ngũ dục,
Thấy tánh sát-na tức là chân.*

Đời này nếu gặp pháp Đốn giáo,

Chợt ngộ tự tánh thấy được Phật.

Nếu muốn tu hành mong làm Phật,

Không biết nơi nào nghĩ làm chân,

Nếu hay trong tâm tự thấy chân,

Có chân tức là nhân thành Phật.

Chẳng thấy tự tánh ngoài tìm Phật,

Khởi tâm thấy là người đại si.

Pháp môn Đốn giáo nay lưu truyền,

Cứu độ người đời phải tự tu.

Bảo ông, người học đạo đời sau:

Không khởi thấy này uổng luống tu."

Giảng:

Chân Phật là gì? Mọi người đều có cái Chân như tự tánh, nó còn gọi là Thực tướng, còn gọi là Như Lai Tạng, lại gọi là Phật tánh. Chân như chính là tự tánh của ông, tự tánh cũng chính là Chân như của ông, *tự tánh Chân như cũng chính là chân Phật*. Chân Phật ông đã nhận biết thì nên biết ma vương là cái gì, *ma vương chính là tà kiến của ông, tam độc của ông*. Mà tam độc cũng chính là tà kiến của ông, tà kiến cũng chính là tam độc của ông, có tà kiến, có tam độc, đó là ma vương, tam độc chính là tham sân si – tham tài, tham sắc, tham tất cả đều là tam độc. Giống như sau khi xuất gia, tham trước phan duyên, đi khắp nơi muốn có đệ tử, đây đều là tam độc.

Như đạo trường này, ai quy y chính là tự mình phát tâm quy y, nếu không phát tâm cũng không miễn cưỡng. Nếu tôi kêu ông quy y tôi, ông hỏi: "Thầy có đủ tư cách làm thầy không? Thầy có đủ tư cách làm vị Thiện tri thức không?" Thế thì, tôi không có lời nào để nói.

Lúc có tà mê thì sanh ra vô minh, vừa có vô minh liền sanh ái dục, *vừa có ái dục thì ma ở trong nhà ông*. Ông có chánh kiến mà không có tâm tham, tâm sân, tâm si, không có tà tri tà kiến, dọn dẹp tâm mình thanh tịnh sạch sẽ, lúc đó Phật ở trong nhà.

Phật và ma đều do tự tánh ông hiển hiện, nếu tự tánh ông sanh tà kiến, thì sanh ra tham sân si tam độc. Nếu không tà kiến, tam độc sẽ không sanh khởi. Nếu sanh tam độc thì ma vương ở trong nhà của ông, nhà của ông cũng chính là thân của ông. Nếu có chánh kiến sẽ trừ đi tam độc. Lúc tâm không có tam độc, ma vương liền biến thành Lục Tổ, cái đạo lý này thì rất chân thực và chân thực nhất mà không hư giả, ông chỉ cần *có chánh kiến đó là Phật, nếu ông chứa chấp tà kiến đó là ma*. Thanh tịnh Pháp thân, Viên mãn Báo thân và Thiên bách ức Hóa thân, tuy nói là ba thân, nhưng ba thân này là do một thân của ông biến hóa mà ra, đây gọi ba là một, một mà ba, ba thân tức là một thân, một thân tức là ba thân.

Nếu trong tự tánh thấy được chân Phật của tự tánh, đó là hột giống sẽ thành Phật sau này. Ông có hột giống Bồ đề, tương lai nhất định sẽ trở quả Bồ đề, trở quả Bồ đề cũng chính là thành Phật.

Tự tánh thanh tịnh của ông vốn từ Hóa thân của ông sanh xuất ra. Tự tánh thanh tịnh Pháp thân của ông cũng ở trong Hóa thân của ông. Tự tánh của chính ông có thể khiến Hóa thân ông thành chánh đạo, tương lai viên mãn Bồ đề tự tánh và viên mãn Báo thân cũng sẽ vô cùng vô tận.

Người có tâm dâm dục, nhưng không cần sợ, ông xem Hỏa Đầu Kim Cang trong *Kinh Lăng Nghiêm*, lòng dâm dục của ông ta vốn rất nặng, nhưng sau đó ông có thể dụng công phu biến lửa dâm dục thành lửa trí huệ mà làm

Hòa Đầu Kim Cang. Cho nên nói dâm dục vốn là nhân của tịnh tánh. Nếu ông có một niệm chánh, đó là nhân của tịnh tánh. Nếu ông chứa chấp một niệm tà thì sẽ không thanh tịnh, cho nên không phải đoạn trừ tánh dâm dục, mà *biến* dâm dục thành tịnh tánh. Dâm tánh vốn không thanh tịnh, nhưng cần biến nó thành tịnh tánh – chánh tri chánh kiến. Đây mới là đúng! Cho nên nói: *Tánh dâm tức là tịnh tánh thân, trừ dâm thì được Pháp thân thanh tịnh.*

Ông ở trong tự tánh nên rời bỏ ngũ dục. Ngũ dục tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, có chỗ nói là tài, sắc, danh, thực, thù. Năm dục này ông nên rời xa, trong tự tánh không khởi lên tà kiến, mọi lúc đều cần có chánh tri chánh kiến. Một khi rời bỏ ngũ dục thì ông sẽ kiến tánh ngay và sẽ đắc được Chân như diệu tánh.

Chúng ta trong đời này gặp phải pháp môn đốn giáo – pháp môn Thiên tông, hốt nhiên khai ngộ, hiểu rõ Bốn tâm, kiến tự Bốn tánh, lúc này có thể tự mình thấy Thế Tôn và mười phương Chư Phật. Nếu ông muốn tu hành, muốn làm Phật, thì ông không nên truy cầu bên ngoài mà nên ở trong tự tánh dụng công phu. Bằng không, thì ông sẽ không biết đi đâu mà tìm chân Phật.

Nếu đi tìm Phật tánh chân chánh trong bốn tâm mình, thì có thể minh tâm kiến tánh, thấy được Chân như diệu tánh, đó là hột giống thành Phật. Còn như ông không hồi quang phản chiếu trở về tìm cầu nơi mình, chỉ truy cầu bên ngoài, sanh lên một niệm muốn tìm Phật bên ngoài thì đó là người ngu si nhất.

Pháp môn đốn giáo thiên tông này nay tôi đã truyền hết cho các ông, người đời gặp pháp môn này cũng nên tự mình tu hành, không thể không tu hành a! Tôi nay vì các ông, là người học đạo mà giảng thuyết, nếu các ông không nghĩ như thế, thì bỏ phí thời gian, để thời giờ luống trôi như vậy, rốt cuộc không có lợi ích gì.

*

Đại sư nói kệ rồi, bảo rằng: "Chúng người hãy ở lại, sau khi ta diệt độ, chẳng nên theo thế tình mà buồn khóc ủ-ê, hoặc thọ sự điều vấn của người, hoặc mình mặc hiếu phục. Nếu như thế thì chúng người chẳng phải là đệ tử của ta, vì đó chẳng phải là chánh pháp. Chúng người chỉ cần nhận biết Bốn tâm mình, thấy Bốn tánh mình, là không động không tịnh, không sanh không diệt, không đi không lại, không phải không quấy, không trụ không vắng.

Bởi sợ e chúng người còn mê muội, không hiểu ý ta, nên nay ta dặn lại cho chúng người, đừng cho chúng người thấy tánh. Sau khi ta diệt độ, phải y theo pháp ấy mà tu hành, như lúc ta còn ở tại thế. Nếu làm trái lời ta dạy, dầu ta ở tại thế cũng không ích gì."

Sư lại nói kệ rằng:

"Ngọt ngọt bất tu thiện,

Đằng đằng bất tạo ác,

Tịch tịch đoạn kiến văn,

Đãng đãng tâm vô trước."

An nhiên, thiện sự vẫn không tu,

Siêu thoát, ác duyên hẳn bỏ từ.

Lãng lãng, dứt trừ nghe thấy biết,

Phẳng bằng, tâm địa không níu vương.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư thuyết xong bài kệ phía trước, lại nói với đại chúng:

–Các ông nên trụ tâm không nên vọng tưởng, nên buông bỏ, không nên nhìn không thấy, nên nhìn thấy, buông bỏ xuống thì đắc được tự tại. Sau khi tôi viên tịch nhập Niết Bàn, không nên biểu hiện hoặc có cử chỉ giống như người phạm phu tục tử – thọ người tế bái cúng dường, thân mặc hiệu phục, khóc than, bi ai, nước mắt rơi như nước mưa, khiến hàng trăm mẫu ruộng cũng không bị khô hạn. Nếu các ông làm như thế thì không phải đệ tử của tôi, mà là đệ tử của tôi thì cần phải nghe lời của tôi, nếu các ông không nghe lời, thì không phù hợp chánh pháp, cho nên các ông không nên làm như vậy. Vậy phải làm sao? Các ông chỉ cần nhận thức bốn tâm của chính mình, thấy được bốn tánh của chính mình. Bốn tâm bốn tánh không động không tịnh. Tự tánh không sanh không diệt, tự tánh không đến không đi, tự tánh không đúng không sai, tự tánh không thiện không ác, tự tánh không tốt không xấu, tự tánh không đen không trắng, tự tánh không dài không ngắn, tự tánh không ở không đi – không ở chỗ này cũng không ở chỗ kia, các ông trong tự tánh dụng công phu cần minh tâm kiến tánh, nếu không minh tâm kiến tánh, thì thời gian trôi qua vô ích. Tôi sợ các ông trong tâm vẫn còn mê hoặc không hiểu rõ đạo lý của tôi nói, tôi nay nói lại một lần nữa, phó chúc các ông lần nữa, chính là muốn khiến cho các ông thức tự bốn tâm, kiến tự bốn tánh, có thể minh tâm kiến tánh. Sau khi tôi viên tịch, các ông nên y theo phương pháp này tu hành, thì giống như tôi còn tại thế. Nếu các ông làm ngược lại lời giáo hóa của tôi, thì dù tôi tại thế không nhập Niết Bàn, đối với các ông cũng không có ích lợi gì. Vì thế lại nói một bài kệ tụng:

Ngọt ngọt tức như như bất động liễu liễu thường minh, mà không chấp vào tu thiện, ông làm thiện cũng không nên giống như Lương Võ Đế đi khắp nơi khoe khoang công đức. Đây không phải kêu ông không tu thiện, mà là không nên chấp vào việc tu thiện.

Đẳng đẳng tức điều dao tự tại, thung dung thoải mái, suốt ngày đều an lạc. Không tu thiện nghĩa là không chấp chặt vào thiện pháp, không tạo ác tức là không phải tạo ác rồi không chấp vào nó mà là tuyệt đối không thể làm điều ác, tức sát đạo tâm, nhất là tâm, cho nên có câu: Vạn ác tâm đứng đầu, tử lộ chớ đi vào. Có hành vi tà tâm, đó chính là đi về con đường chết.

Tịch tịch tức là dáng an tịnh, cảnh giới này vừa bình an, vừa thoải mái, vừa an lạc. Đoạn kiến văn tức không thấy không nghe, tức đoạn trừ kiến văn, không ở nơi cửa lục căn sanh ra tà kiến. Sanh chánh kiến thì có thể, nhưng phải đoạn trừ tà kiến tà văn, tức việc phi lễ không nhìn, điều phi lễ không nghe, lời phi lễ không nói.

Đãng đãng là bằng phẳng rộng lớn không có biên tế. Tâm lượng bao gồm vũ trụ, chan hòa trời đất, dáng bằng phẳng rộng rãi, tâm không có chỗ chấp trước.

*

Sư nói kệ rồi, ngồi ngay thẳng đến canh ba, thành linh gọi môn như mà bảo rằng: "Ta đi." Hốt nhiên Ngài thiên hóa. Khi ấy mùi thơm xông ướp đầy nhà, móng bạc liên giao giáp đất, rừng cây biến ra màu trắng, thú cầm kêu vọng bi ai.

Giảng:

Lục Tổ Đại sư nói xong bốn câu kệ này liền kiết già phụ tọa ngồi đến canh ba nửa đêm mười hai giờ (Lục Tổ Đại sư lúc ngồi thiền, thì đồ đệ đều ngồi bên cạnh). Đại sư nói với môn đồ rằng: "Thời gian đã đến, ta sắp đi rồi, ta từ giã các ông!" Nói xong lời này, Ngài lập tức đoạn khí, người không động mà nhập Niết Bàn. "Thiên hóa" tức là dọn về nhà mới. Ai dọn nhà vậy? Tức nhục thân Bồ Tát dọn nhà. Lúc này có một mùi hương lạ tràn

ngập Pháp đường, trên trời xuất hiện một móng cầu vòng trắng, ánh sáng trắng chiếu xuống mặt đất. Cây rừng biến thành màu trắng vì ánh sáng trắng chiếu sáng, cho nên cây rừng đều biến thành màu trắng, đây là một cách nói, cách nói khác là cây rừng vì Lục Tổ vắng sanh viên tịch, mà buồn thương bi ai, cho nên cây rừng biến thành sắc trắng giống như mặc hiếu phục. Lúc đó trên núi có rất nhiều phi cầm động vật đều khóc lên, thảo mộc vốn vô tình, nhưng đều biến thành hữu tình, đều mặc hiếu phục. Cầm thú vốn là vô tri, nhưng nay cũng có linh tánh, cũng đều khóc lên.

*

Tháng mười một, các quan và chức sắc, ở ba quận: Quảng châu, Thiều châu và Tân châu, cùng các môn nhơn tăng, tục, giành rước chơn thân của Ngài, nhưng chưa quyết đem về đâu, bèn đốt nhang vái rằng: Khói nhang bay về xứ nào, thì Sư sẽ về xứ ấy. Lúc ấy khói nhang bay thẳng về Tào Khê.

Ngày mười ba, tháng mười một, dời Thần khám của Đại sư và đồ y bát của Tổ truyền về xứ Tào Khê.

Qua năm kể ngày hai mươi lăm, tháng bảy, mở Thần khám ra, đệ tử là Phương Biện lấy bột thơm rải lên chơn thân Ngài.

Giảng:

Tháng mười một, quan liêu, đệ tử quy y và các đệ tử xuất gia ở ba vùng Quảng Châu, Thiều Châu và Tân Châu đều tranh nhau nghinh rước chân thân Lục Tổ. Đệ tử ở Quảng Châu muốn thỉnh chân thân Lục Tổ đến chùa Quang Hiếu, tức là nơi Lục Tổ Đại sư thế phát. Người ở đây nói: "Tóc của Lục Tổ Đại sư chôn ở đất này, vậy thì chân thân của Tổ Sư cũng nên thỉnh đến đất Quảng Châu của chúng tôi để cúng dường."

Các vị Tăng sĩ và đệ tử quy y tại Tân Châu nói: "Đại sư là người Tân Châu của chúng tôi nên nghinh rước chân thân của Ngài trở về cố hương để

phụng thờ."

Người Thiều Châu thì nói: "Đại sư trụ tại chùa Nam Hoa, là Tổ Sư khai sơn ở đó, thì phải thỉnh Ngài về chùa Nam Hoa mới đúng."

Mọi người cùng nhau tranh luận, mỗi người đều đưa ra lý do của mình mà không thể quyết định, họ dường như sắp đánh nhau. Quý vị chắc biết, người đương thời đều muốn tranh Tổ Sư để cúng dường. Lúc Tổ Sư còn tại thế, họ không tranh vì Tổ Sư có tự do của Tổ Sư. Lúc này Tổ Sư đã viên tịch không còn hơi sức, mọi người đều có quyền cúng dường, cho nên mỗi người mới đưa ra lý do của mình. Lục Tổ Đại sư vốn là người Tân Châu, thỉnh đến Tân Châu là đúng rồi, vì chính Lục Tổ Đại sư cũng nói: "diệp lạc quy căn—lá rụng về cội mà." Song, chùa Nam Hoa là do Lục Tổ kiến tạo, thỉnh đến chùa Nam Hoa cũng đúng nữa. Nhưng, chùa Quang Hiếu ở Quảng Châu là nơi Lục Tổ Đại sư xuống tóc; tóc của Ngài rơi tại đó, cho nên Pháp của Ngài nên rơi về đó, họ muốn thỉnh cũng đúng luôn. Mọi người đều có lý do chính đáng, vì thế dường như sắp đánh nhau.

Lúc này có một người thông minh đứng ra nói: "Khi Lục Tổ Đại sư tại thế, chúng ta vâng theo lời giáo hóa của Ngài, nay Lục Tổ Đại sư đã viên tịch, chúng ta vẫn nên nghe theo sự giáo hóa của Ngài, nay thỉnh Lục Tổ Đại sư tự Ngài quyết định." Có người nói: "Lục Tổ Đại sư đã viên tịch rồi, Ngài làm sao có thể dạy chúng ta nghinh rước đến chỗ nào được?" Người thông minh nói: "Tôi có biện pháp, vì Lục Tổ Đại sư rất linh ứng, lúc tại thế Ngài có tha tâm thông, sau khi viên tịch Ngài đương nhiên cũng có tha tâm thông a! Chúng ta nay tranh giành cúng dường chân thân của Ngài mà cãi vã với nhau, Ngài nhất định không vui. Nay chúng ta đánh lễ thắp hương, khói hương chỉ về hướng nào, thì đó là hướng mà Lục Tổ Đại sư muốn về, chúng ta nghe theo lời dạy của Lục Tổ Đại sư, được không?" Mọi người nghe xong đều tán thành nói: "Hay lắm! Chúng ta nên nghe theo lời dạy bảo của Lục Tổ Đại sư." Vì thế bèn đốt hương, khói hương hướng thẳng về chùa

Nam Hoa. Người Quảng Châu và Tân Châu vì thế mà tâm phục, vì thế mới đưa chân thân của Lục Tổ Đại sư về chùa Nam Hoa cúng dường.

Quý vị xem kinh văn: "*tranh nghinh chân thân, mạc quyết sở tri,*" thì biết tình hình lúc đó rất nghiêm trọng, rất gay go, mỗi người đều muốn giành bảo thân Lục Tổ. Vì thế đốt hương khẩn vái: "Bồ Tát Lục Tổ, Ngài phát đại từ bi, hiển đại thần thông, Ngài chỉ khói hương về hướng nào thì chúng con đưa Ngài đến chỗ đó." Lúc đó khói hương trực chỉ Tào Khê. Ngày mười ba tháng mười một, mọi người đưa chân thân của Lục Tổ và y bát do Đạt Ma Tổ Sư truyền thọ về chùa Nam Hoa. Tháng bảy năm sau thỉnh chân thân Lục Tổ Đại sư từ trong khám thờ ra, đệ tử Phương Biện, tức là vị có tài đắp tượng Phật, cũng là một trong những vị được Lục Tổ truyền pháp, bèn dùng bột thơm, tro thơm và bùn, đắp vào những chỗ hũng trên thân Lục Tổ.

*

Các môn đồ nhớ lại lời thọ ký về sự lấy đầu, mới dùng lá sắt mỏng mà bố dầu bao chặt cổ Đại sư rồi để vào tháp. Thành linh trong tháp có một luồng bạch quang hiện ra, xông lên trời ba ngày mới tan.

Giảng:

Môn đồ nhớ lời Lục Tổ Đại sư tiên đoán: năm sáu năm sau, có người lại lấy đầu của Ngài, cho nên dùng lá sắt vải dầu bao chung quanh cổ Đại sư, sau đó đưa vào trong tháp. Thành linh trong tháp xuất hiện ánh bạch quang chiếu thẳng lên trời, ba ngày sau mới tan mất.

*

Quan huyện Thiệu châu làm sớ tâu cho vua hay, và vâng sắc chỉ dựng bia, ghi lại đạo hạnh của Tổ Sư để làm kỷ niệm như vậy:

Tổ Sư xuân thu bảy mươi lẻ sáu. Hai mươi bốn tuổi đã được truyền y, ba mươi chín tuổi xuống tóc. Sư thuyết pháp độ sanh ba mươi bảy

năm. Trong các môn nhơn của Ngài có bốn mươi ba người đặng đặt tông chỉ và nối truyền chánh pháp. Còn những người ngộ đạo siêu phàm, chẳng biết bao nhiêu mà kể!

Còn cái tín y của Đạt Ma Tổ Sư truyền, cái áo Ma Nạp và cái bửu bát (do vua Trung Tông hiến cho), cùng cái chơn tượng của Đại sư do Phương Biện nắn và cả thầy các món đạo cụ, đều giao cho người coi tháp chăm sóc và giữ gìn vĩnh viễn nơi đạo tràng tại Chùa Bảo Lâm. Các bảo vật này cất giữ để lưu truyền với quyển Đản Kinh, đặng tỏ bày cái tông chỉ của Đại sư, cùng mở mang Tam Bảo, mà phổ lợi quần sanh.

Giảng:

Thứ sử Thiều Châu tấu trình lên Hoàng đế những điềm lành linh thiêng: Lục Tổ Đại sư phóng quang ba ngày. Hoàng đế liền ra lệnh lập bia ghi thuật lại quá trình tu hành đạo đức của Lục Tổ Đại sư lúc còn tại thế: "Lục Tổ Đại sư thọ thể bảy mươi sáu tuổi, lúc hai mươi bốn tuổi được truyền pháp, ba mươi chín tuổi mới thể phát, Ngài thuyết pháp lợi sanh ba mươi bảy năm, đệ tử truyền pháp có bốn mươi ba người. Cho đến những người đắc đạo siêu phàm nhập thánh không biết bao nhiêu mà tính. Tổ sư Đạt Ma truyền thọ tín y ca sa, Trung Tông ban ca sa và bát thủy tinh, cùng với chân tượng Lục Tổ Đại sư do Pháp sư Phương Biện đắp, cùng với vật dụng tu hành cần dùng như tam y, bát, tọa cụ, tích trượng, đều do vị thị giả hộ trì bảo tháp cất trong tháp, là bảo vật trấn tự vĩnh viễn của Bảo Lâm đạo tràng. Lưu truyền **Đản Kinh** của Lục Tổ, để hiển đạo lý pháp môn thiền tông, đây đều là hưng long Tam bảo, khiến cho Tam bảo phát dương rộng lớn, khắp lợi ích hết thầy chúng sanh."

Bộ *Lục Tổ Đản Kinh* này đã giảng giải viên mãn, trong thời gian này quý vị đã chịu khổ rất nhiều, nhưng tôi không biết quý vị có cảm thấy cực nhọc không, nếu quý vị biết cực nhọc, thì giống như Lục Tổ Đại sư đã nói, đó là phàm phu, nếu không biết cực khổ thì đó là khúc cây hòn đá. Vậy quý vị có biết cực khổ hay không biết cực khổ?

Cho đến việc tôi giảng kinh, tôi cũng không biết là giảng hay không hay, cũng không biết quý vị nghe hay hay dở. Nhưng chúng ta đều không cần cái hay hoặc cái không hay, nghe chính là nghe, tôi giảng chính là giảng, cũng không có hay, cũng không có không hay. Mọi người ở đây đều có duyên mới tụ tập một nơi, nghe được cuộc đời tu hành của Lục Tổ Đại sư. Quý vị không nên chứa chấp cái hay hoặc cái không hay, mà nên — là đạo thì tiến, không phải đạo thì lùi, hợp chánh pháp thì y pháp tu hành, không hợp chánh pháp thì không làm. Quý vị nên ghi nhớ năm lòng bài kệ cuối cùng của Lục Tổ Đại sư, thường thường tụng niệm ghi nhớ, y theo bài kệ này tu hành thì nhất định sẽ thành Phật. Quý vị không nên phân biệt tôi giảng hay hay không, mà cần xem quý vị có hành hay không? Quý vị hành thì không hay cũng thành hay, nếu quý vị không hành, thì hay đến mấy cũng là không hay!

Tôi nay hỏi quý vị: "Lục Tổ Đại sư là vị không biết chữ, người không biết chữ thì không có tri thức gì, nhưng tại sao Ngài lại thuyết được Kinh?"

—*Học sinh*: Con nghĩ, Kinh có nói: người không cần có rất nhiều nghiên cứu học thức mới có thể khai ngộ. Chủ yếu của pháp môn đốn giáo là từ trong tâm địa tự tánh dụng công phu, mà chúng con đều nên y theo đây tu hành.

—*Học sinh*: Lục Tổ Đàn Kinh nói: Một pháp đã không lập, cho nên ngay một chữ cũng không nói ra.

—*Học sinh*: Nghĩa lý Đàn Kinh vô cùng rõ ràng, nhưng mỗi lần con muốn thử nói ra, đều không có cách nào lấy ngôn ngữ để miêu tả, diễn đạt.

—*Học sinh*: Lúc Lục Tổ Đại sư nhập Niết Bàn nói: Tạm biệt! Vậy thì nay Ngài ở đâu?

Đáp: Ngài nay đã đến ngay nơi ông nói đó.

*

Bây giờ, đối với vấn đề Lục Tổ Đại sư không biết chữ, để nói cho các vị nghe:

–Vì Trung Quốc đương thời, nền giáo dục không có phổ cập nhiều, muốn học nhất định phải có tiền, mà hoàn cảnh gia đình Lục Tổ lại rất nghèo khó, vì cha của Ngài là một vị thanh quan, cho nên sau khi cha chết gia đình Ngài rất nghèo khổ. Thời niên thiếu của Lục Tổ Đại sư, sự sinh sống cơm ăn, áo mặc đều là vấn đề khó khăn, nên đương nhiên là không có cách nào đi học. Đây là hai nguyên nhân, cho nên Lục Tổ Đại sư không biết chữ.

Vậy thì tại sao Lục Tổ Đại sư thị hiện sanh ra trong một gia đình bần cùng? Sanh ra trong gian khổ khó khăn, không biết chữ như thế? Đây là Lục Tổ Đại sư lấy mình để làm gương cho mọi người chúng ta thấy, chính là không biết chữ mà cũng có thể thành Phật thành Tổ Sư. Tu thành Tổ Sư không nhất định phải biết chữ hay không biết chữ. Đây là vì để tăng trưởng chí nguyện của những người không biết chữ. Lục Tổ không biết chữ nhưng Ngài đã tu thành đạo quả, chúng ta cũng có thể tu thành đạo quả. Chúng ta không nên nói: Vì một chữ không biết mà bỏ đi sự tu hành, tự ti nói, "tu hành thì cần nhân tài có học thức mới có thể tu hành, người không có học vấn thì không thể tu hành." Ngài muốn cho tất cả chúng ta không có loại biên kiến này. Đây là cách nhìn của tôi.

Quý vị đối với Lục Tổ Đại sư nên có nhận thức chân chánh, Lục Tổ Đại sư chính vì không giải đãi, mà nỗ lực hành trì, cho nên Ngài mới có thể giác ngộ. Sau khi khai ngộ Ngài thuyết *Lục Tổ Đàn Kinh*. Tuy Ngài không biết chữ, nhưng cái không biết chữ này là trí huệ của thế gian. Mà Ngài nhận thức hiểu rõ tự tánh, minh tâm kiến tánh, cho nên sử dụng đại trí huệ vốn có. Kinh điển mà Ngài thuyết ra, là từ quang minh trí huệ nói ra, cho nên giá trị của bộ kinh này thì không thể so sánh được. Kinh này và kinh Phật nói thì giống nhau, vì thế chúng ta không nên nói vì Ngài không biết chữ, liền sanh tâm khinh mạn. Sau khi giảng xong Lục Tổ Đàn Kinh, tôi hy vọng các vị đối với điều này cần nên triệt để hiểu rõ.

Table of Contents

KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Lời Dịch Giả

Phẩm Tựa Thứ Nhất

Phẩm Bát Nhã Thứ Hai

Phẩm Nghi Vấn Thứ Ba

Phẩm Định Huệ Thứ Tư

Phẩm Tọa Thiền Thứ Năm

Phẩm Sám Hối Thứ Sáu

Phẩm Cơ Duyên Thứ Bảy

Phẩm Đốn Tiệm Thứ Tám

Phẩm Hộ Pháp Thứ Chín

Phẩm Phó Chúc Thứ Mười

LƯỢC GIẢNG KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Phần Lược Tựa

Phẩm Hành Do Đệ Nhất

Phẩm Bát Nhã Đệ Nhị

Phẩm Nghi Vấn Đệ Tam

Phẩm Định Huệ Đệ Tứ

Phẩm Tọa Thiền Đệ Ngũ

Phẩm Sám Hối Đệ Lục

Phẩm Cơ Duyên Đệ Thất

Phẩm Đốn Tiệm Đệ Bát

Phẩm Tuyên Chiếu Đệ Cửu

Phẩm Phó Chúc Đệ Thập